

Plutarch

Bùi Thanh Châu dịch

SỰ HÙNG THỊNH
VÀ SỤY TÀN
CỦA ATHENS

BẢN TIẾNG ANH DO
IAN SCOTT-KILVERT
DỊCH VÀ GIỚI THIỆU

⊕ MEGA+



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

SỰ HUNG THỊNH VÀ SUY TÀN CỦA ATHENS



Tác giả: PLUTARCH
Người dịch: Bùi Thanh Châu
NXB Thế Giới

Pdf: Nhân Tình

Epub: tna

ISBN: 978-604-77-5488-5

Bản in: 2019

31-12-2019

VỀ PLUTARCH VÀ IAN SCOTT-KILVERT

PLUTARCH là một trong những sử gia kinh điển cuối cùng của Hy Lạp. Ông sinh vào khoảng năm 46 tại Chaeronea ở Boeotia,⁽¹⁾ sau này ông mở một ngôi trường ở đây, và vào tuổi trung niên ông trở thành tu sĩ tại Đền Delphi gần đó.⁽²⁾

Khi Nero tới thăm Hy Lạp vào năm 66, Plutarch đang theo học tại Athens. Ông trở thành một triết gia, một người có thể thuyết giảng và thảo luận về nhiều đề tài uyên bác, viết một số lượng lớn tiểu luận và đối thoại về các chủ đề triết học, khoa học và văn chương (*Moralia*⁽³⁾ (Đạo đức luận)). Ông theo lập trường triết học của một môn đồ Plato,⁽⁴⁾ và thường xuyên công kích cả hai trường phái Stoic⁽⁵⁾ và Epicurus.⁽⁶⁾ Ông viết các tác phẩm lịch sử của mình có phần hơi muộn trong đời, và cuốn *Parallel Lives* (Những cuộc đời song hành) viết về các danh nhân Hy Lạp và La Mã có lẽ là tác phẩm nổi tiếng và có ảnh hưởng nhất của ông (bản dịch của Thomas North đã được Shakespeare lấy làm nguồn cảm hứng cho những vở kịch La Mã của mình).

Plutarch từng du lịch đến Ai Cập và La Mã, nơi đây ông kết giao với nhiều bằng hữu lỗi lạc. Để tôn vinh ông, Hoàng đế Hadrian đã ban cho ông một chức vụ trong chính quyền ở Hy Lạp, thế nhưng ông vẫn gắn bó

mật thiết với quê hương Chaeronea của mình. Thời điểm ông qua đời có lẽ là năm 120.

IAN SCOTT-KILVERT là Giám đốc Văn học Anh tại Hội đồng Anh và là Biên tập viên của *Writers and their Works* (Tác giả và tác phẩm). Ông cũng đã dịch *Makers of Rome: Nine Lives* (Chín người làm nên Rome) và *The Age of Alexander* (Thời đại Alexander) của Plutarch và *The Roman History* (Lịch sử La Mã) của Cassius Dio cho tủ sách Classics của Nhà xuất bản Penguin. Ông qua đời năm 1989.

LỜI GIỚI THIỆU

NGÀI THOMAS NORTH đã đặt nhan đề cho bản dịch lừng danh tác phẩm của Plutarch là *The Lives of The Noble Grecians and Romans*⁽⁷⁾ (Cuộc đời của những người La Mã và Hy Lạp cao quý). *Noble* (cao quý) là từ được ông bổ sung thêm vào, nhưng đó là một tính ngữ đặc biệt đặc địa, vì nó góp phần nêu bật những phẩm chất khiến Plutarch khác biệt với các sử gia Hy Lạp thời kỳ hoàng kim. Nó gọi cho chúng ta về khoảng cách giữa tác giả với các chủ đề của mình và phong vị anh hùng toát ra xung quanh chúng trong thời gian đó. Như vẫn vậy, Plutarch là một tác giả hướng vọng quá vãng đứng trên miền cuối cùng phân chia nền văn minh ngoại giáo với Ki-tô giáo. Ở ông không có tính độc đáo gây sửng sốt và phẩm chất phi cá tính của văn phong Pericles,⁽⁸⁾ giống như văn phong của Pericles một mặt thiếu sự thân tình, mặt khác thiếu chiều sâu của sự khoan dung và lòng bác ái với người khác như của Plutarch. Ông không phải là Thucydides,⁽⁹⁾ người vận dụng quyết liệt phép phân tích khách quan để khám phá tiến trình lịch sử. Ông là một người yêu truyền thống, mục tiêu hàng đầu của ông là nuôi dưỡng và hiểu thấu sự vĩ đại của quá khứ và tái khẳng định nó như một lý tưởng sống động.

Quãng đời khoảng 75 năm của Plutarch trải dài từ giữa những năm 40 đến khi bắt đầu triều đại Hadrian. Đó là thời kỳ mà sự hòa trộn giữa văn hóa Hy Lạp và La Mã lên tới đỉnh cao phát triển của nó: gần như tất cả

các tác giả lớn đã làm xong phần việc của mình, và tác phẩm của Plutarch trên nhiều phương diện là một sự tổng kết của nền văn hóa đó. Ông xuất thân từ một gia đình Thebes⁽¹⁰⁾ cổ xưa và ông chưa bao giờ thoát ly quá xa quê nhà Chaeronea, một thành phố nhỏ nằm giữa vùng đồng bằng Boeotia bao la mà người Hy Lạp gọi là “sàn khiêu vũ của Ares,”⁽¹¹⁾ nơi từng chứng kiến những trận đánh quyết định như Haliartus, Leuctra, Chaeronea, và nhiều nữa. Nói vậy không có nghĩa là nhân quan của ông mang tính tỉnh lẻ theo một nghĩa hạn hẹp nào đó. Ông nghiên cứu triết học ở Athens hồi còn thanh niên, chu du khắp Hy Lạp và Ai Cập, nổi tiếng với tư cách là một học giả và nhà ngoại giao ở Rome, kết giao với nhiều bạn bè quyền thế trong quá trình đó, và thậm chí có thể đã từng được phong chức chấp chính quan danh dự.

Bản thân Plutarch đã cần mẫn thực hiện lý tưởng về thành bang, rằng người có học nên góp phần mình vào đời sống xã hội; ông đã lần lượt giữ các cương vị quan tòa tại Chaeronea và tu sĩ tại Delphi. Tất nhiên, theo ý nghĩa chính trị nào đó, Hy Lạp đã đánh mất những dấu tích cuối cùng về nền độc lập của mình với cuộc xâm chiếm Corinth⁽¹²⁾ hai thế kỷ trước. Trong thời gian đó, chẳng những dân số của nó đã bị teo đi, mà sự giàu có cùng các phần thưởng vật chất khác của Ý và Á châu đã thu hút nhiều chiến binh, nhà quản lý, và học giả có năng lực nhất tới nhập cư, bởi vậy mà trong thời ông, theo ước tính của Plutarch, Hy Lạp chỉ có thể vừa vận đưa 3.000 quân có vũ trang ra mặt trận. Trên bình diện thực tiễn trực tiếp, chẳng người Hy Lạp nào có thể làm gì để thay đổi hiện trạng này, song thay vì chỉ là một tình cảm hoài cổ đơn thuần, nó đã ảnh hưởng đến Plutarch khiến ông quyết gìn giữ tinh thần dân tộc Hy Lạp vẹn nguyên đến mức có thể dấn thân, chẳng hạn, vào sự nghiệp của một công chức đế chế. Với giới thống trị ngày đó, học vấn La Mã và Hy Lạp đã trở nên hòa quyện không thể tách, và ở đế chế La Mã lúc bấy giờ vốn đang bắt

đầu tận hưởng những lợi ích của một chính quyền ổn định và vẫn chưa có được vị thế của một trung tâm đạo đức và tri thức, thì một vị thầy tâm cỡ như Plutarch vẫn có thể hy vọng làm lợi cho đồng bào mình bằng niềm cảm hứng và tấm gương.

Hình thức các trước tác của Plutarch gợi ý rằng tài năng của ông nằm ở mảng tiểu luận hơn là lịch sử trường thiên. Ngoài những tập tiểu sử thì tác phẩm quan trọng khác của ông, *Moralia*, là một tập hợp những chuyên luận và đối thoại tương đối ngắn bao trùm một phạm vi rộng lớn các chủ đề về văn chương, đạo đức, chính trị, và khoa học. Có một sự tương hợp rõ rệt giữa hai tác phẩm, *Moralia* tán dương tư tưởng của quá khứ còn *Lives* ngợi ca hành động của nó, và hai tác phẩm này soi rọi lẫn nhau rất nhiều. Plutarch chưa bao giờ thử viết một tác phẩm với quy mô đồ sộ, và các chủ đề của ông không được triển khai một cách tự nhiên mà như một chuỗi các phát biểu dựa trên sự kiện có thật được tiếp nối bởi những bình luận. Cả trong *Moralia* và *Lives*, khách thể chính của ông là mô phạm. Khi chuyển sang lĩnh vực lịch sử, quyết tâm của ông không chỉ là thuyết phục người Hy Lạp rằng biên niên sử của Rome đáng được họ chú ý, mà còn để nhắc nhở người La Mã rằng Hy Lạp có những chiến binh và chính khách có thể sánh ngang được với họ. Ông chỉ viết về những con người hành động, và ông giải thích trong phần mở đầu *Life of Pericles* (Cuộc đời Pericles) lý do ông chọn họ thay vì các họa sĩ hay triết gia. Có lẽ vì tin tưởng chắc chắn rằng hai chủng tộc sẽ đúc rút được lợi ích tương hỗ từ truyền thống của nhau, nên ông đã đặt tên cho loạt bài viết ấy là *Parallel Lives* và nhóm các danh nhân Hy Lạp và La Mã thành từng cặp. Theo một nghĩa nào đó, ông thích coi lịch sử Hy Lạp và La Mã như là sự bổ sung lẫn nhau, và cách sắp xếp chất liệu kiểu này cho phép ông tổng kết phẩm chất đạo đức của các vị anh hùng cũng như đánh giá thành tựu của họ trong tiểu luận đối chiếu chuẩn mực được ông dùng để

khép lại hầu hết các cặp trong *Lives*. Nhưng những nét tương đồng này thường mang tính ngẫu nhiên hơn là xác thực, và thực tế Plutarch không đeo đuổi điều đó được đến đâu đến đâu; quả thực ông không thể thực hiện điều đó mà không làm méo mó nghiêm trọng chất liệu của mình.

Trình tự bố cục của *Lives* vẫn còn gây ra nhiều tranh cãi, nhưng có những biểu hiện cho thấy chúng đã được chia thành bốn nhóm riêng biệt. Một nhóm viết về tiểu sử của Sertorius và Eumenes, Cimon và Lucullus, Lysander và Sulla, Demosthenes và Cicero, Agis và Cleomenes và Tiberius và Caius Gracchus, Pelopidas và Marcellus, Phocion và Cato Trẻ, Aristides⁽¹³⁾ và Cato Già. Plutarch cho biết, chuỗi nhân vật này được ông thực hiện theo yêu cầu của bạn bè mình, và có thể nó còn bao gồm cả tiểu sử bị thất lạc của Epaminondas, nhân vật ưa thích của Plutarch, ghép đôi với Scipio Africanus. Nhóm thứ hai được biên soạn để tạ tội nguyện cho chính ông, nó bao gồm những con người vĩ đại được chọn làm biểu tượng minh họa cho một đức tính cụ thể người thực việc thực: Pericles và Fabius Maximus, Nicias và Crassus, Dion và Brutus, Timoleon và Aemilius Paulus, Philopoemen và Titus Flaminus, Themistocles và Camillus, Alexander và Julius Caesar, Agis và Pompey, Pyrrhus và Marius và Solon và Publicola. Nhóm thứ ba chọn ra những người mà sự nghiệp có tác dụng như một lời cảnh tỉnh. Nó bao gồm Demetrius và Mark Antony và Alcibiades và Coriolanus, và ở đây, nghịch lý thay, Plutarch đã tạo nên ba bức chân dung lộng lẫy nhất của mình từ góc độ văn chương. Sau cùng, ông chuyển sang đề tài bán thần thoại, viết về những tổ phụ lập quốc và nhà lập pháp của Hy Lạp và La Mã, Theseus và Romulus, Lycurgus và Numa.

Tuyển tập hiện thời [*Sự hưng thịnh và suy tàn của Athens*] được thực hiện theo cùng nguyên tắc như cuốn *Lives* (nội dung về La Mã, bản dịch của Rex Warner).⁽¹⁴⁾ Thay vì lặp lại cách sắp xếp các danh nhân Hy Lạp và

La Mã theo từng cặp của Plutarch, tôi đã nhóm chín danh nhân trong *Lives* theo niên đại để lần về một trong những thời kỳ quyết định của lịch sử Hy Lạp, ở trường hợp này là câu chuyện về Athens từ thời đại huyền thoại của Theseus cho đến khi kết thúc Chiến tranh Peloponnese.⁽¹⁵⁾ Đọc *Lives* theo trình tự này có ưu điểm, trong số những ưu điểm khác, là nêu bật tài năng của Plutarch như một sử gia xã hội. Sự thích thú của ông với giai thoại và khí chất cá nhân, sự đồng cảm của ông với người bình dân, và sự sẵn lòng của ông khi giới thiệu những nhân vật thứ yếu làm nền cho các vị anh hùng, đã dệt nên một tấm thảm nhân văn lộng lẫy mà trên đó những sự kiện vĩ đại của các cuộc Chiến tranh Ba Tư và thời đại Pericles được trải ra.

Vào thời Plutarch, đã tồn tại một dạng tiểu sử theo lối quy ước. Nó bắt đầu với một mô tả về sự ra đời, gia thế, và học vấn của chủ thể, tiến tới phác họa tính cách và tường thuật chi tiết những sự kiện quan trọng và tiêu biểu nhất trong sự nghiệp, và chốt lại với một mô tả về hậu duệ và ảnh hưởng của nhân vật đó. Tác phẩm của Plutarch theo sát cơ cấu tổ chức tư liệu kiểu này, nhưng ông vận dụng nó với kỹ năng và sự phong phú vượt xa các bậc tiền bối. Ông giải phóng *Lives* của mình khỏi tính chất hoa mỹ và hay lý lẽ của thể loại tiểu sử Hy Lạp và tán dương nhạt nhẽo kiểu *laudatio* (tán tụng) của La Mã; trên tất cả, ông phả vào chúng sức hấp dẫn trong cá tính của ông và sự thấu triệt sâu xa nơi ông về bản chất con người. Ông là một nhà sưu tập tư liệu tận tâm, và ông dựa, nhất là trong *Lives* [nội dung về Hy Lạp], vào rất nhiều nguồn căn cứ, mặc dù rõ ràng chúng có giá trị không đồng đều, vì ông giới thu thập hơn là sàng lọc chúng. Nhưng ông cho rằng nhiệm vụ xử lý những tư liệu mà về đại thể đã quen thuộc với độc giả ở đây, không phải là đánh giá các dữ liệu mà là tạo nên một bức chân dung truyền cảm. Và vì thế, như một họa sĩ vẽ chân dung, chúng ta thấy ông lựa chọn một tư thế đặc trưng song có lẽ

đã được lý tưởng hóa cho những chủ thể của mình. Ông là một bậc thầy vĩ đại về *ben trovato* (hư cấu hợp lý), và lời bình của ông trong câu chuyện về Solon và Croesus⁽¹⁶⁾ lý giải cho thủ pháp mà ông luôn nhất quán tuân thủ:

Khi một câu chuyện đã quá nổi tiếng và được quá nhiều nhà chức trách xác nhận, và quan trọng hơn, khi nó rất khớp với tính cách của Solon và mang dấu ấn của đầu óc khôn ngoan và vĩ đại nơi ông, tôi không thể đồng ý rằng nó nên bị bác bỏ vì cái gọi là những quy tắc niên đại...

Phần kết luận của *Life of Themistocles* (Cuộc đời Themistocles) là một ví dụ khác ở đây. Hiếm khi Plutarch lại đem đến những màu sắc với hiệu ứng như thế và ít dựa vào cứ liệu lịch sử đến thế. Ông cảm thấy tầm vóc của vị anh hùng đòi hỏi một bản mô tả tỉ mỉ về việc Vua Ba Tư tiếp đón ông ta như thế nào; và cuối cùng khi mô tả vụ tự sát bằng độc dược nhằm tránh làm hoen ố vinh quang của những chiến thắng đã qua của ông ta, ông đã chủ ý bác bỏ phiên bản của Thucydides vốn vẫn cho rằng Themistocles chết một cái chết tự nhiên. Mặt khác, nếu không có Plutarch chúng ta gần như sẽ chẳng biết gì về con người của Cimon, người mà nếu chỉ xét đến kết quả, ắt phải được liệt vào hàng những chiến binh và chính khách vĩ đại nhất Athens.

Câu chuyện về Athens trong thời kỳ này là sự pha trộn giữa vinh quang và bi kịch mà không cần giới thiệu thêm, và sự nghiệp của Theseus, con người trẻ tuổi từng giết tên khổng lồ và không chịu trưởng thành sau khi lên đến đỉnh cao quyền lực, cung cấp một tiết mục mở màn mà cũng chỉ là lời tiên liệu cho những gì tiếp theo. Plutarch phê phán các biến cố này, và sự sụp đổ các giá trị tự do Hy Lạp như là hệ quả

của nó, trong một đoạn văn đáng nhớ trích từ *Life of Flamininus* (Cuộc đời Flamininus):

Vì nếu chúng ta không kể đến chiến thắng Marathon, trận thủy chiến Salamis, các trận Plataea và Thermopylae và những chiến công của Cimon tại Eurymedon... Hy Lạp đã chiến đấu mọi trận chiến chống lại [sự nô dịch] và lại tự nô dịch chính mình. Nó dựng lên tất cả các đài tưởng niệm về nỗi ô nhục và bất hạnh của mình và hầu như mọi tội lỗi cùng tham vọng ở những con người vĩ đại của nó đã đưa nó tới cảnh đổ nát suy vong.

Tuy nhiên, điều thật sự thu hút sự chú ý của Plutarch không phải là chu kỳ lịch sử, và thói quen nhìn mọi biến cố từ góc độ cá nhân vừa là điểm yếu vừa là điểm mạnh ở ông. Mục đích của ông là làm nổi bật kiểu mẫu đạo đức trong sự nghiệp của nhân vật, quá trình đi từ phẩm hạnh tới đồi bại (Theseus) hay trái lại (Cimon), vì ông tin rằng một người không thể bất biến về đức hạnh, và rằng nếu anh ta không tiến tới ắt sẽ thoái lui. Ông đưa vào lịch sử niềm xác tín của một môn đồ Plato rằng tri thức là đức hạnh, và rằng nhân quả chỉ vận hành trong lãnh địa Tư tưởng: vì vậy ông có khuynh hướng mô tả đường lối của các chính khách đơn giản từ góc độ nhân phẩm của họ, và thẩm định hạnh kiểm chốn quan trường theo những tiêu chuẩn đạo đức của đời sống cá nhân. Ông quên rằng một chính khách rất thường hay phải đối mặt với một sự xung đột giữa những lợi ích đối nghịch hơn là một lựa chọn thẳng tưng giữa đúng và sai, và ông dường như coi quá khứ là một thế giới hoàn toàn tách biệt, thay vì như một thể liên tục hòa lẫn hiện tại và tương lai tinh tế đến không thể nhận ra.

Mặt khác, chính sự quan tâm vô hạn đến tính cách cá nhân này đã khiến *Lives* mãi mãi được yêu chuộng từ đời này qua đời khác. Plutarch có một cảm thức chính xác về kịch tính của con người trong những trạng huống vĩ đại. Con mắt của ông soi rọi một phạm vi hành động của con người rộng lớn hơn bất kỳ sử gia cổ điển nào. Ông nghiên cứu hành xử của con người trong chiến tranh, trong hội đồng, trong tình yêu, trong cách sử dụng tiền bạc - luôn là một phép thử tối cao về năng lực của một người theo nhãn quan Hy Lạp - trong tôn giáo, trong gia đình, và ông có cách đánh giá của một người khoan hòa và dày dặn kinh nghiệm. Tin tưởng tuyệt đối vào tầm vóc của các nhân vật của mình, ông có tài làm nổi bật sự vĩ đại qua các hành động nhỏ. Chúng ta nhớ đến việc Alexander trao mẫu giấy cho vị bác sĩ của mình vạch mặt hẳn là kẻ mưu sát, và trong cùng cử chỉ uống cạn chén thuốc người này đã chuẩn bị cho ông, hoặc về việc Aristides viết tên mình để giúp một đồng hương Athens mù chữ tẩy chay ông: những cảnh huống này cùng vô số cảnh huống khác đã được Plutarch khắc sâu vào tâm khảm của muôn đời hậu thế. Chắc chắn chính năng lực thu tóm sự vĩ đại về đạo đức của thế giới cổ đại này của Plutarch là điều đã lôi cuốn Shakespeare và Montaigne mạnh mẽ nhất, và đã gợi cảm hứng cho các phác họa lớn lao về những anh hùng tiêu biểu thời Phục hưng như Coriolanus và Mark Antony, mà về sau đã khiến cho bà Roland nhận xét rằng *Lives* là cánh đồng ngao du của những tâm hồn vĩ đại.

*

Plutarch không phải là một tác giả với bút pháp mà các sinh viên Hy Lạp được khích lệ lấy làm hình mẫu. Ông có thể kể một câu chuyện với hiệu ứng tuyệt vời - hãy xem ông kể về các trận đánh Salamis và Plataea, và về công cuộc kiến thiết Athens thời Pericles. Ông tỏ ra độc đáo nhất, cả trong tư tưởng và ngôn từ, khi bắt tay phân tích các tính cách, động cơ

hay tâm trạng. Nhưng nói chung cấu trúc các câu của ông quá lỏng lẻo và lòng vòng, khó chuyển thể bám sát sang tiếng Anh, và người dịch luôn phải rút ngắn và nắn lại câu từ nếu muốn câu chuyện được trôi chảy mượt mà. Dịch mới hẳn nhiên sẽ là quá trễ rồi, và quan tâm chính của tôi ở đây là vận dụng những nguồn thành ngữ hiện đại vào việc diễn đạt tư tưởng của Plutarch một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, có một vẻ trang trọng cố ý trong cách chọn từ của ông thường khiến người dịch phải tiết chế để không bị suồng sã thái quá. Ở chỗ nào ngẫm thấy có vẻ chính xác, tôi đã không ngần ngại vay mượn lối diễn đạt của Langhorne, Clough, hoặc những dịch giả khác. Sau cùng, tôi muốn tỏ lòng tri ân nồng nhiệt đến Tiến sĩ G. T. Griffith ở Đại học Gonville and Caius, Cambridge, đã đưa ra nhiều phê bình hữu ích cho bản dịch và những chú giải cùng lời gợi ý quý báu có tính xây dựng.

I.S.-K.

THESEUS

ANH biết không, Sosius Senecio,⁽¹⁷⁾ các nhà địa lý, khi đối mặt với những vùng xa xôi cách trở của Trái đất mà họ không biết chút gì, thường trú chi chút bên lề bản đồ của họ, “Xa hơn nơi đây là sa mạc hoang liêu, cần khô đầy dã thú,” hoặc “những đầm lầy không lối đi,” hoặc “Scythia tuyết phủ,” hoặc “đại dương băng giá.” Tương tự, giờ đây khi viết *Parallel Lives*, tôi đã đi qua hết những thời kỳ mà ở đó các lý thuyết có thể được kiểm chứng bằng lý lẽ, hay những nơi mà lịch sử có thể lưu lại một căn cứ khả tín trên thực tế, tôi rất có thể noi gương họ để nói về những thời đại xa xôi hơn rằng, “Nằm bên kia ranh giới này là những điều kỳ diệu và hoang đường, lãnh địa của các nhà thơ và tác giả lãng mạn, nơi không có gì xác thực hay đáng tin.”

Tuy nhiên, sau khi tôi đã xuất bản pho tiểu sử về nhà lập pháp Lycurgus và Vua Numa, thì dường như chẳng có gì là không phải lẽ trong việc dẫn tới một bước nữa để nói về Romulus, vì cuốn lịch sử của tôi đã đưa tôi về quá gần thời đại ấy. Thế rồi, khi tôi tự hỏi mình, như cách Aeschylus⁽¹⁸⁾ đã diễn đạt⁽¹⁹⁾

Một bậc cao vời như thế ai dám sánh?

Ai có thể xếp ngang hàng với chàng? Ai có thể đương đầu với thử thách?

có vẻ rõ ràng là tôi chẳng thể tìm được một nhân vật tương xứng với vị tổ phụ Rome huy hoàng và bất khả chiến bại nào khác ngoài Theseus, nhà sáng lập thành phố Athens lừng danh mỹ lệ. Thôi thì, ta hãy hy vọng, rằng tôi sẽ thành công trong việc làm sáng tỏ bức màn huyền hoặc, và đem nó đến trước lý tính và khoác lên diện mạo lịch sử. Nhưng khi nó ngang ngạnh cố chấp và từ chối trung ra bất kỳ yếu tố khả tín nào, tôi đành dốc lòng nuông chiều độc giả và những ai có thể độ lượng lắng nghe mấy chuyện huyền hoặc này.

2. Dù sao đi nữa, tôi lấy làm ấn tượng rằng có một số nét tương đồng là điểm nhấn của cặp đôi này. Cả hai đều là con vô thừa nhận của những bậc cha mẹ chưa được xác định và được cho là có dòng dõi thần linh,

Cả hai là những chiến binh, như cả thế giới đều biết,⁽²⁰⁾ và cả hai đều thừa hưởng một trí tuệ sắc bén cùng sức vóc mạnh mẽ phi thường. Trong hai thành phố nổi tiếng nhất thế giới thì Romulus sáng lập một còn Theseus xây dựng cái kia thành kinh đô, và mỗi người đều dùng đến thủ đoạn bắt cóc phụ nữ. Cả hai từng chịu nỗi bất hạnh nơi quê nhà và bị họ hàng oán giận, và về cuối đời nghe đâu cả hai đã xảy chuyện bất hòa với đồng bào mình, nếu chúng ta có thể chấp nhận những câu chuyện có vẻ đã được viết với sự tiết chế tối đa phép cường điệu thi vị như là một chỉ dẫn tới sự thật này.

3. Về đẳng nội, Theseus thuộc dòng dõi Erechtheus⁽²¹⁾ và những cư dân đầu tiên của vùng Attica, còn về đẳng ngoại là thuộc dòng dõi Pelops. Pelops là người quyền lực nhất trong các vị vua ở Peloponnese, chủ yếu chẳng phải sự giàu có mà vì đám con cháu đông đúc của ông. Ông gả

nhiều con gái của mình cho những bậc quyền cao chức trọng nhất xứ và đưa nhiều con trai lên làm nhà cai trị của các thành phố ở Peloponnese. Một trong số đó tên là Pittheus, ông ngoại của Theseus, đã sáng lập Troezen;⁽²²⁾ đây thật ra chỉ là một thành phố nhỏ, nhưng ông ta nổi danh là người thông thái nhất và am hiểu sâu sắc nhất kho tàng tri thức của thời đại mình. Bản chất của sự khôn ngoan nơi ông ta và việc hình thành nên nó dường như cùng kiểu với những gì đã làm cho Hesiod⁽²³⁾ nổi tiếng, đặc biệt là tập hợp các câu châm ngôn trong *Works and Days* (Lao động và ngày tháng) của ông ta. Một trong số đó được cho là của Pittheus:

Khi bạn hứa trả tiền cho một người bạn, hãy dành cho anh ta một mức thật rộng lượng.⁽²⁴⁾

hay như chúng ta được nghe những lời của Aristotle,⁽²⁵⁾ và Euripides,⁽²⁶⁾ khi ông ta là nguyên do để Hippolytus⁽²⁷⁾ được nhắc đến như là “học trò của Pittheus thần thánh,⁽²⁸⁾” cho thấy quan điểm thế giới về Pittheus là thế nào.

Bấy giờ khi Aegeus vị vua của Athens muốn có con, nghe nói ông ta đã hỏi ý kiến nữ tư tế Pythia,⁽²⁹⁾ và nhận được lời tiên tri nổi tiếng, cấm ông ta quan hệ với bất kỳ phụ nữ nào cho đến khi ông ta tới Athens.

Tuy nhiên, Aegeus nghĩ rằng lời chỉ dạy này được diễn đạt quá mơ hồ, và vì vậy trên đường về nhà ông ta tạt qua Troezen và kể lại với Pittheus những lời thực tế của thần linh như sau:

Chớ mở nút túi da đựng rượu, món tuyệt thú của con người,
Tới khi nguoi một lần nữa đặt chân đến thành Athens.

Pittheus hiển nhiên hiểu rõ hàm ý của lời tiên tri và đã thuyết phục hoặc dụ dỗ để ông ta ngủ với Aethra. Sau đó, khi Aegeus phát hiện ra nàng là con gái của Pittheus và ngờ rằng nàng đã mang thai với mình, ông bèn để lại thanh gươm và đôi dép giấu dưới một tảng đá lớn, nó có một cái hốc vừa đủ để các vật này vào. Ông không tin ai ngoài Aethra, và nói với nàng rằng nếu nàng sinh cho mình một đứa con trai, và khi đến tuổi trưởng thành, nếu nó có thể nâng tảng đá lên và lấy những thứ đã được để bên dưới, nàng phải bí mật gửi nó đến với ông ta, mang theo những tín vật này, và giữ kín hết mức có thể cuộc hành trình của mình. Bấy giờ Aegeus vô cùng e ngại các con trai, không ít hơn 50 đứa, của Pallas, em trai ông ta, vốn đang rắp tâm hạ bệ ông và khinh nhờn ông vì không có con cái; Rồi ông chia tay Aethra.

4. Theo một phiên bản của câu chuyện này, khi Aethra hạ sinh một đứa con trai, lập tức được đặt tên là Theseus vì những tín vật để nhận ra cậu bé đã được đặt bên dưới tảng đá. Tuy nhiên các phiên bản khác cho rằng cậu bé chỉ được ban tên ấy tại Athens sau này, khi Aegeus thừa nhận⁽³⁰⁾ đấy là con trai mình. Cậu bé được Pittheus nuôi dưỡng và có một gia sư tên là Connidas. Thậm chí hiện nay người Athens vẫn còn tục hiến tế một con cừu đực cho người này vào đêm trước lễ hội Theseus, và thật sự thì sự bày tỏ niềm thành kính này xứng đáng vượt xa những vinh dự mà họ dành cho Silanio và Parrhasius, vốn chỉ là tác giả của những bức họa và tượng của Theseus.

5. Vào thời đó vẫn tồn tại phong tục thanh niên đến tuổi trưởng thành tới thăm Delphi và dâng lên thần linh một nhúm tóc bấy giờ mới cắt lần đầu của mình. Theseus đã đến Delphi vì nghi lễ này, và nghe nói nơi ấy ngày nay đã được gọi theo tên ông là Theseia. Tuy nhiên, ông chỉ cắt đi phần tóc trước trán, như cách người Abantes vẫn làm theo lời kể⁽³¹⁾ của

Homer,⁽³²⁾ và kiểu xuống tóc này đã được gọi là Theseis để tưởng nhớ về ông.

Lúc bấy giờ dân Abantes, những người đầu tiên cắt tóc kiểu này, đã không học nó từ người Á-rập như một số người tin thế, cũng chẳng phải học đòi theo người Mysia. Lý do ở chỗ họ là một dân tộc hiếu chiến quen đánh giáp lá cà, và đã trở nên lão luyện hơn bất kỳ chủng tộc nào trong lối tấn công cận chiến đầy mạnh mẽ trước kẻ thù. Archilochus⁽³³⁾ đã xác thực điều này trong đoạn sau:⁽³⁴⁾

Không có lấy một khoảng trống để xoay trở ná bắn đá hoặc giương cung, Khi Chiến thần Ares hung tợn tràn vào giữa trận địa dày đặc
Dưới bình nguyên: lưới kiếm mang đến đây chết chóc và tang thương,
Vì đây là cuộc giao chiến trực diện mà những gã này là bậc thầy,
Những kiếm sĩ lừng danh và là chúa tể Euboea..⁽³⁵⁾

Vì vậy để ngăn kẻ thù nắm được tóc mình, họ bèn cắt nó đi. Không nghi ngờ là Alexander của Macedon⁽³⁶⁾ hiểu điều này, khi ông ta ra lệnh cho các tướng lĩnh, như chúng ta được kể, bắt người Macedon cạo sạch râu, vì đó là chỗ dễ bị tóm nhất trong giao đấu.

6. Trong suốt thời thơ ấu của Theseus, Aethra đã giữ bí mật lai lịch người cha thật sự của cậu, và Pittheus bịa ra câu chuyện cha cậu là Poseidon.⁽³⁷⁾ Người dân Troezen đặc biệt tôn kính Poseidon; ngài là thần bảo trợ của thành phố, họ dâng lên ngài hoa trái đầu mùa và cây đinh ba của ngài là một biểu trưng trên tiền xu của họ. Tuy nhiên, khi Theseus trở thành một chàng trai và tỏ ra chẳng những có sức vóc mạnh mẽ, mà cả lòng can đảm và tinh thần bất khuất, cộng với lương tri và trí tuệ mẫn tiệp, thì Aethra dẫn ông đến tảng đá, giải thích tường tận sự thật về dòng dõi của ông và bảo ông lấy những tín vật cha mình để lại dưới đó và dong

buồm đến Athens. Theseus kê vai vào tảng đá và nhẹ nhàng nhấc lên, nhưng ông từ chối cuộc hành trình trên biển, cho dù đây là lộ trình an toàn nhất và ông ngoại cùng mẹ đã hết lời nài nỉ. Lúc bấy giờ du hành đến Athens bằng đường bộ là điều thậm chí khó khăn, vì đường đi đầy rẫy những kẻ cướp và lưu manh và hiếm có đoạn nào vắng bóng chúng.

Dường như thời ấy đã sinh ra một giống người, với đôi tay hoàn toàn mạnh mẽ và đôi chân nhanh nhẹn, không biết mệt mỏi và vượt xa người thường, nhưng chúng lại không dùng những thiên phú này cho mục đích chính đáng và hữu ích. Thay vì thế, chúng hống hách xác xược, dùng sức mạnh để hành xử vô luân và bắt bớ, hành hạ, giết hại tất cả những ai rơi vào tay mình. Những thứ khác như lòng bác ái, sự công bình, hay lòng nhân đạo bị chúng coi là những phẩm chất mà người ta chỉ ngợi ca khi họ thiếu can đảm để làm bậy, hoặc hèn nhát sợ sệt: họ không quan tâm tới những người đủ mạnh mẽ để làm theo ý mình. Một vài tên trong số đó đã bị Heracles⁽³⁸⁾ tiêu diệt trong nhiều cuộc du hành của mình, nhưng những tên khác đã thu mình ẩn nấp khi Heracles đi qua và nhờ vậy mà thoát thân, hoặc được tha vì khinh bỉ. Về sau, khi Heracles chẳng may giết nhầm Iphitus,⁽³⁹⁾ bèn đến Lydia đền tội và làm nô lệ một thời gian dài trong cung của Hoàng hậu Omphale.⁽⁴⁰⁾ Ở đấy thời gian này khá thanh bình và an ninh, nhưng nạn hãm hiếp cướp bóc lại một lần nữa lan tràn khắp Hy Lạp, vì không còn ai để trấn áp hay chế ngự chúng.

Vì vậy thật nguy hiểm khi di chuyển từ Peloponnese đến Athens bằng đường bộ, và Pittheus đã cố thuyết phục Theseus đi đường biển, bằng cách mô tả tường tận diện mạo từng tên côn đồ và cách hắn ta đối xử với người lạ. Điều ông ta không biết là người thanh niên đã thâm cảm phục danh tiếng mà Heracles giành được do lòng can đảm của mình. Theseus ngưỡng mộ Heracles hơn hết mọi anh hùng khác, và không thích gì hơn ngoài việc nghe ai đó kể về người ấy, đặc biệt là những ai tận mắt chứng

kiến bất cứ cái gì người ấy đã nói hoặc làm. Thật ra, rõ ràng là ông đang có cùng tâm trạng mà Themistocles⁽⁴¹⁾ từng chiêm nghiệm ở nhiều thế hệ sau này, khi ông ta nói mình cứ thao thức mỗi khi nghĩ về chiến công của Miltiades.⁽⁴²⁾ Vì vậy mà với Theseus sự quả cảm của Heracles trở thành giấc mơ hằng đêm, còn ban ngày nổi khao khát noi gương người anh hùng đã choán hết tâm trí và thúc giục ông đạt được những kỳ công như thế.

7. Thật tình cờ, cả hai đều là con dì con cô, và vì vậy có quan hệ huyết thống. Aethra là con gái của Pittheus, Alcmene mẹ của Heracles là con gái của Lysidice, còn Lysidice và Pittheus là hai chị em con của Pelops và Hippodameia. Bởi vậy Theseus cảm thấy sẽ là điều nhục nhã không thể dung thứ nếu trốn chạy khỏi những thử thách bất kỳ về lòng can đảm mà mình có thể phải đối mặt, trong khi người anh họ đã lên đường trừ gian diệt ác khắp nơi và xóa sạch chúng khỏi đất liền và biển cả. Ông sẽ khiến Poseidon người cha danh nghĩa phải hổ thẹn bởi ông chẳng khác nào gã lánh nạn du hành trên biển, và sẽ chẳng mang đến cho người cha thật sự của mình cái gì ngoài đôi dép và thanh gươm chưa thấm máu như là bằng chứng của dòng dõi quý phái, thay vì lập tức chứng tỏ điều ấy bằng chiến công huy hoàng ngang tài ngang sức nào đó. Với quyết tâm và suy nghĩ này trong đầu mà ông đã lên đường, quyết không làm hại bất kỳ ai, nhưng sẽ trừng phạt đích đáng kẻ nào sinh sự với mình.

8. Vậy là trước hết ở Epidauria, ông đụng độ với Periphetes, người sử dụng một cây chùy làm vũ khí, và vì vậy được gọi là Kẻ Mang Chùy. Periphetes sấn tới tấn công và toan đánh ngã ông, Theseus liền áp sát và giết chết đối thủ. Ông thích cây chùy, bèn tước lấy và tiếp tục dùng nó làm vũ khí y như cách Heracles đã làm với bộ da sư tử. Bộ da bị được Heracles khoác lên người để chứng tỏ con ác thú mà người anh hùng đã hạ to lớn nhường nào, và Theseus cũng vậy với cây chùy của mình, ông

từng tránh được cú đánh của nó, nhưng khi ở trong tay mình đã trở nên vô địch.

Tại eo Corinth, ông hạ được Sinis Kẻ-Vặn-Cây-Thông bằng chính thủ đoạn mà hắn dùng để giết rất nhiều người khác. Theseus cũng làm điều đó mà chưa từng tập qua trò này, theo đó chứng tỏ rằng lòng dũng cảm đích thực sẽ thắng mọi mưu mô thủ đoạn. Bấy giờ Sinis có một cô con gái cao lớn và rất xinh đẹp tên là Perigune, đã phải chạy thoát thân khi cha bị giết. Theseus tìm kiếm nàng khắp nơi, nhưng nàng đã biến mất vào một chốn um tùm những bụi cây bắc và măng tây dại; cô gái còn trẻ con thơ ngây đã cầu khẩn những bụi cây che giấu mình, và hứa rằng nếu được cứu thoát, nàng sẽ không bao giờ giẫm đạp hay đốt cháy chúng. Khi Theseus gọi nàng và nói sẽ không làm hại mà đối xử tốt với nàng bằng cả danh dự, nàng liền xuất hiện. Theseus đưa nàng lên giường, và nàng hạ sinh cho ông một đứa con trai đặt tên là Melanippus. Sau này, Theseus đã nhường nàng cho Deioneus con trai của Eurytus xứ Oechalian cưới làm vợ. Về phần mình, Melanippus, là cha của Ioxus, người cùng với Ornytus dẫn dắt một nhóm người đi vào Caria, và điều này giải thích vì sao hậu duệ của Ioxus, cả nam lẫn nữ, đã lưu giữ một phong tục cổ xưa là không đốt những bụi gai măng tây hoặc cây bắc, mà rất mực tôn kính chúng.

9. Con lợn nái rừng tên là Phae ở Crommyon tê không phải một con vật bình thường, mà là một sinh vật hung tợn và rất khó chế ngự. Trên đường đi, Theseus tìm để giết con vật này, vì ông không muốn tạo nên ấn tượng là ông chỉ thực hiện những kỳ công khi bị bắt buộc phải đương đầu với chúng. Ông cũng tâm niệm rằng trong hành xử với con người thì một người quả cảm chống lại kẻ xấu chỉ là để tự vệ, nhưng với những con thú hung dữ thì mình sẽ là người chủ động xông pha mạo hiểm dù là cả tính mạng. Tuy nhiên, một chuyện khác kể rằng Phaea là một nữ tặc, một kẻ

sát nhân đôi bại sống ở Crommyon và mang biệt danh Lợn cái vì lối sống sa đọa của mình, và là kẻ bị Theseus hạ sát sau đó.

10. Tiếp đến ông giết Sciron trên biên giới Megara⁽⁴³⁾ bằng cách ném hấn xuống từ vách đá. Theo một câu chuyện thường được truyền miệng, Sciron là một kẻ đạo tặc chuyên hãm hại du khách, nhưng cũng có câu chuyện nói rằng hấn hay xức xược dạng chân tè he bắt du khách rửa cho, và khi họ đang rửa, hấn bất ngờ tung chân đá họ xuống biển. Mặt khác, các tác giả theo trường phái Megaria lại nghi ngờ phiên bản này, và như cách Simonides⁽⁴⁴⁾ diễn đạt, đã mở một chiến dịch chống lại quan điểm nệ cổ. Họ nói rằng Sciron không phải là kẻ hung bạo hay một tên cướp, mà trái lại, là người đã chống nạn trộm cướp, và chẳng những có quan hệ với người tốt và công chính mà còn chủ động kết bạn với họ. Họ nhắc nhở chúng ta rằng Aeacus thường được xem là người Hy Lạp chính trực nhất, trong khi Cychreus xứ Salamis⁽⁴⁵⁾ lại được tôn kính như thần linh tại Athens, và mọi người đều biết đến những phẩm hạnh của hai anh em Peleus và Telamon.⁽⁴⁶⁾ Sciron là con rể của Cychreus, cha vợ của Aeacus và ông ngoại của Peleus và Telamon. Mẹ của Peleus và Telamon là Endeis, con gái của Sciron với Chariclo. Họ lập luận, vậy thì có rất ít khả năng những người mẫu mực như vậy lại kết thông gia với một kẻ hoàn toàn bất lương và trao đổi những giao ước quan trọng và trân quý nhất cùng với hấn. Phiên bản của họ cho rằng tình tiết này đã không hề xảy ra khi Theseus lần đầu đến Athens, nhưng về sau ông đã đánh lừa được Diodes, nhà cai trị xứ Eleusis,⁽⁴⁷⁾ đoạt lấy thành phố từ tay người Megaria và chính ở nơi đó ông đã giết Sciron. Những biến cố này bị vây bủa bởi các mâu thuẫn kiểu này.

11. Tại Eleusis, ông còn hạ Cercyon⁽⁴⁸⁾ xứ Arcadia trong cuộc đấu vật và giết hấn. Từ đây, ông tiếp tục cuộc hành trình xa hơn chút nữa đến Erineus, giết Damastes, thường gọi là Procrustes, bằng cách bắt hấn phải

nằm vừa vặn trên chiếc giường của chính hắn, như cách Procrustes đã từng làm với nhiều người lạ. Làm vậy là ông đang noi gương Heracles, vì người anh hùng ấy luôn đáp lại những kẻ gây hấn bằng chính thủ đoạn mà chúng rắp tâm sử dụng với mình. Bằng cách này, Heracles đã hạ sát Busiris, kết liễu Antaeus trong trận đấu vật và Cycnus trong một cuộc chiến duy nhất, giết Termerus bằng cách đập vỡ sọ hắn. Chúng ta được nghe kể rằng thành ngữ “trò quỷ quái Termerus” là bắt nguồn từ tên của nhân vật này, vì hình như Termerus có thói quen giết những ai mà hắn gặp bằng cách đập đầu mình vào đầu họ. Vậy là Theseus tiếp tục hành trình của mình, trừng phạt kẻ ác và giáng cho chúng những đòn tương tự mà chúng vẫn gây ra cho người khác, khiến chúng buộc phải quy phục thứ công lý được tạo ra từ sự bất công của chính mình.

12. Khi ông tiếp tục hành trình và đến bên sông Cephissus,⁽⁴⁹⁾ cánh đàn ông của chủng tộc Phytalidae là những người đầu tiên gặp gỡ và tiếp đón ông. Ông muốn được thanh tẩy đôi tay nhuộm máu, và sau khi họ đã đáp ứng ông bằng những nghi lễ thường ngày và một sự hiến tế xoa dịu, họ bèn thết đãi ông ngay tại nhà mình. Đây là hành động tử tế đầu tiên mà ông được hưởng trong chuyến du hành.

Nghe đâu vào ngày thứ tám của tháng Cronius, bảy giờ gọi là Hecatombion,⁽⁵⁰⁾ ông đặt chân đến Athens. Ở đó ông thấy thành phố ngập chìm trong hỗn loạn và bất hòa, còn chính sự và hoàng cung của Aegeus thì đang rối như tơ vò. Ông ta đang sống cùng Medea,⁽⁵¹⁾ người đã bị trục xuất khỏi Corinth và hứa cứu ông ta khỏi họa tuyệt tự bằng bùa chú của mình. Bà ta là người đầu tiên phát hiện ra Theseus là ai, và vì Aegeus chẳng hề biết gì về điều này khi tháng năm trôi qua đã lâu và đang chất đầy những nỗi lo bởi thảm trạng ngổn ngang của thành phố, nên bà ta xúi giục ông ta tiếp đón Theseus như một vị khách xa lạ và hạ thủ bằng độc dược. Khi Theseus ngồi vào bàn tiệc, ông nghĩ tốt nhất là

chẳng nói trước về lai lịch của mình, mà cho cha một manh mối để nhận ra mình: ngay khi món thịt được dọn lên, ông bèn rút kiếm ra như thể toan dùng nó để cắt, và cố gắng thu hút sự chú ý của cha mình. Aegeus lập tức nhận ra tín vật, lao tới hất đổ chén thuốc độc, và sau khi thấy đúng là con mình, bèn sung sướng ôm lấy; sau đó ông ta chính thức thừa nhận Theseus trước một hội đồng của người Athens, họ đã hân hoan chào đón ông vì những đức tính cao quý của ông. Nghe đâu khi cái chén bị đổ, thuốc độc đã tràn ra chỗ mà giờ đây là đền thờ Apollo ở Delphi, đó là nơi tọa lạc của hoàng cung Aegeus, và bức tượng Hermes⁽⁵²⁾ ở phía đông đền thờ được mệnh danh là Hermes nơi cổng hoàng cung Aegeus.

13. Trước khi Theseus xuất hiện trên vũ đài, các con trai của Pallas đã rắp tâm soán ngôi nếu Aegeus qua đời không người nối dõi, và họ đã tức điên khi Theseus được tuyên bố là người kế vị. Việc Aegeus lên ngôi đã đủ gây bất mãn, vì ông ta chỉ là con nuôi của Pandion và không có quan hệ huyết thống với hoàng tộc Erechtheus, nhưng Theseus kia, chỉ là một kẻ nhập cư và một tên ngoại quốc, sẽ trở thành vị vua tương lai, vậy là quá đủ, và vì thế họ bèn gây chiến. Họ chia quân làm hai cánh, một cánh do Pallas thống lĩnh, từ Sphettus công khai tiến vào thành phố, trong khi cánh còn lại nằm mai phục tại Gargettus, với ý định tấn công địch thủ từ hai phía. Tuy nhiên, có một người đưa tin của họ tên là Leos, thuộc tiểu khu⁽⁵³⁾ Hagnus, đã tiết lộ với Theseus về kế hoạch của anh em nhà Pallas. Theseus tiến hành đột kích cánh quân đang mai phục và quét sạch chúng, còn cánh quân kia dưới quyền Pallas khi hay tin liền tháo chạy tan tác. Đây là lý do vì sao, như người ta kể, người ở huyện Pallene không bao giờ lấy người ở huyện Hagnus, và vì sao những người đưa tin ở đó thậm chí không được phép mở đầu tuyên bố của mình bằng cái câu thường lệ, “Nghe đây, hỡi dân chúng!” kể cả từ *leos* họ cũng ghê tởm, do sự phản bội của người này.

14. Theseus, con người háo hức hành động và đồng thời nóng lòng muốn giành được thiện cảm của dân chúng, bấy giờ bắt đầu chinh phục con bò đực xứ Marathon, vốn đang gây tai họa cho cư dân huyện Tetrapolis thuộc vùng Attica. Ông chế ngự và bắt sống nó đưa về thành phố cho mọi người xem, trước khi hiến tế cho Apollo tại Đền Delphi. Câu chuyện về Hecale,⁽⁵⁴⁾ được cho là đã tiếp đón và chiêu đãi Theseus trong cuộc phiêu lưu này, dường như cũng có một chút sự thật trong đó. Cư dân các huyện ấy có thói quen tụ họp để thực hiện những nghi lễ Hecalesia nhằm tôn vinh thần Zeus Hecalus, và họ còn tôn vinh Hecale, vốn là tên gọi rút ngắn của Hecaline. Đó là vì khi tiếp đãi Theseus, bà ta đã tỏ ra âu yếm ông như người già đối với con trẻ và gọi ông bằng những cái tên rút gọn trêu mếu theo cách tương tự, cho dù đấy đã là một trang thanh niên. Bà ta phát nguyện, khi người anh hùng lên đường chiến đấu với con bò, thì bà ta sẽ tế lễ Zeus nếu ông an toàn trở về, nhưng bà ta đã qua đời trước khi ông trở về, vì vậy những lễ nghi trọng thị này đã được cử hành theo lệnh Theseus như là sự tưởng nhớ lòng hiếu khách của bà ta. Đây là câu chuyện mà Philochorus⁽⁵⁵⁾ đã ghi lại.

15. Không bao lâu sau chuyện này, những người thu cống vật từ Crete đến lần thứ ba để thu cống vật theo thông lệ. Hầu hết các tác giả đều đồng ý rằng lệ cống nạp này đã bắt đầu từ thời điểm Androgeus⁽⁵⁶⁾ được cho là đã bị giết một cách ám muội trong lãnh thổ Athens. Vì chuyện này, người Athens không chỉ phải đương đầu với một cuộc chiến tàn khốc do Minos⁽⁵⁷⁾ tiến hành, mà họ còn phải gánh chịu sự trả thù của thần linh: đất đai sẽ không đơm hoa kết trái, bị dịch bệnh tàn phá và mọi sông ngòi đều khô cạn. Rồi Apollo tuyên bố nếu họ xoa dịu được Minos và giải hòa với ông ta, trời xanh sẽ nguôi cơn thịnh nộ và họ sẽ được giải thoát khỏi những khổ nạn. Vì vậy họ bèn cử các sứ giả đến cầu khẩn Minos và thỏa thuận gửi cho ông ta lễ vật triều cống cứ mỗi chín năm, bao gồm bảy

chàng trai và bảy cô gái. Theo phiên bản kịch tính nhất của câu chuyện, khi mấy chàng trai và cô gái ấy đến Crete, họ liền bị ném vào Mê cung và bị Quỷ đầu trâu sát hại, hoặc bị lạc lối trong mê cung và bị Quỷ đầu trâu giết tại đó, hoặc có thể loanh quanh ở đấy và cuối cùng đã chết vì không tìm được lối ra; còn Quỷ đầu trâu, như Euripides kể với chúng ta, là

Một dạng trộn lẫn, kết hợp giữa hai hình thù dị hợm,
Và những tính chất khác biệt, người và bò hợp lại.

16. Tuy nhiên, theo Philochorus, người Crete phủ nhận chuyện này và tuyên bố rằng Mê cung chẳng qua chỉ là một hầm ngục, nhưng không có gì bất thường với nó trừ việc tù nhân không thể trốn thoát. Họ giải thích, Minos đã tổ chức những trận đấu tang tóc để tưởng nhớ Androgeus, và phần thưởng ông ta ban cho người chiến thắng là mấy con người Athens trẻ trung ấy, lúc đó đang bị giam cầm trong Mê cung. Người chiến thắng các trận đấu đầu tiên được tổ chức, theo lời kể, là vị tướng sở hữu sức mạnh ghê gớm nhất dưới thời Minos, tên là Taurus, vốn không phải người có tính khí ôn hòa hay biết điều và đã đối xử khắc nghiệt tàn bạo với mấy người trẻ Athens. Ngay Aristotle trong chuyên luận *On the Constitution of Bottiaea* (Về Hiến pháp Bottiaea) của mình rõ ràng cũng không tin rằng mấy người trẻ này đã bị Minos đưa tới chỗ chết, mà cho rằng họ sống đến già như những nô lệ ở Crete. Ông ta còn cho là người Crete ở một thời điểm nào đó, nhằm thực hiện một lời thề xa xưa, đã gửi một số đứa con đầu lòng của họ như một sự hiến dâng tới Delphi, và rằng trong các nạn nhân có một vài hậu duệ của những nô lệ ở Athens thuở nào. Khi thấy không thể chịu đựng được ở Delphi nữa, trước nhất họ liền vượt biên sang Ý và định cư gần Iapygia, từ đó du hành đến Thrace và được gọi là người Bottiaea.⁽⁵⁸⁾ Ông ta kể với chúng ta, đây là lý do vì sao

các cô gái Bottiaea khi cử hành một lễ tế nào đó, thường hát lên bài thánh ca bắt đầu bằng “Nào ta hãy đến Athens!”

Điều này cho thấy thật nguy hiểm khi chuốc lấy sự thù hằn của một thành phố vốn là nữ chúa của hùng biện và thơ ca, vì Minos đã liên tục bị nhiếc móc và tấn công trên sân khấu kịch Athens, và việc ông ta được Hesiod gọi là “quân vương sáng suốt nhất” hay Homer gọi là “bạn tâm tình của Zeus” cũng chẳng giúp ích được gì nhiều cho ông ta. Trong khi đó, các nhà thơ bi kịch thì làm theo cách của họ khi xối xả lăng mạ ông ta trên những diễn đàn và sân khấu, mô tả ông ta như một kẻ hung tàn và thô bạo. Vậy mà chúng ta vẫn được nghe kể rằng Minos là một quân vương và một nhà làm luật, và rằng Rhadamanthus⁽⁵⁹⁾ là một quan tòa dưới thời ông ta và là người bảo vệ cho những nguyên tắc công bằng mà Minos đã đề ra.

17. Thế là khi đến kỳ cống nạp thứ ba, và những người cha có con trai còn chưa lập gia đình buộc phải đưa chúng ra để có thể rút thăm chọn nạn nhân, một lần nữa vang tiếng khóc than oán hận Aegeus. Những kẻ bất hạnh ca thán rằng nhà vua, căn nguyên cho mọi rắc rối của họ, lại là người duy nhất được miễn hình phạt; ông ta mãi nguyện nhìn họ bị cướp mất đứa con hợp pháp của mình và bị bỏ mặc trong cơ hàn, trong khi ông ta truyền lại vương quốc cho đứa con hoang của mình dù đó không phải là một người Athens. Theseus hết sức phiền muộn về việc này; ông nghĩ điều đúng đắn duy nhất là mình nên đồng cam cộng khổ với số phận của đồng bào và không bàng quan trước họ, nên đã đứng ra xung phong đến Crete, bất kể chuyện lá thăm có thể rơi vào ai. Người Athens bàng hoàng thán phục lòng quả cảm và hoan hỉ trước tinh thần vì mọi người của ông, và Aegeus, nhận thấy rằng những lời cầu xin và van vỉ của mình chẳng thể làm thay đổi suy nghĩ hay mục đích của con trai, đành tiến hành bắt thăm cho số còn lại.

Tuy nhiên, Hellanicus⁽⁶⁰⁾ kể rằng người Athens không gửi các nam thanh nữ tú đi bằng lá thăm, mà thường là Minos đích thân đến lựa chọn, và rằng lần này ông ta chọn Theseus đầu tiên, theo những điều kiện thông thường. Đó là, như ông ta kể, người Athens sẽ cung cấp thuyền, và các thanh niên sẽ lên thuyền ra khơi với ông, nhưng không ai được mang theo vũ khí đánh trận, và sau cùng, nếu Quỷ đầu trâu bị giết, thì hình phạt sẽ mất hiệu lực.

Trong hai lần trước, dường như chẳng có hy vọng được cứu nguy, vì vậy người Athens đã cho dựng trên thuyền một cánh buồm đen, tin rằng nó đang đưa các thanh niên của mình đi đến cái chết không tránh khỏi. Nhưng lần này Theseus đã cố thuyết phục cha mình hãy vững tâm và lấy làm kiêu hãnh là mình sẽ đánh bại Quỷ đầu trâu, và thế là Aegeus trao cho hoa tiêu một cánh buồm thứ hai màu trắng, rồi lệnh cho anh ta giương buồm trắng trong chuyến trở về nếu Theseus bình an, nhưng ngược lại thì sẽ giương buồm đen báo hiệu để tang.

Tuy nhiên, theo Simonides, cánh buồm mà Aegeus trao cho hoa tiêu không phải màu trắng, mà là “một cánh buồm đỏ thắm được nhuộm bằng hoa tươi của cây sồi xanh um tùm,” và ông ta muốn coi nó như vật báo hiệu họ đã thoát nạn. Vẫn theo phiên bản của Simonides thì hoa tiêu là Phereclus con trai của Amarsyas, nhưng theo Philochorus thì Scirus xứ Salamis đã cử Nausithous làm hoa tiêu và Phaeax làm người cầm lái cho Theseus. Philochorus nói, lý do là bấy giờ người Athens vẫn chưa để tâm nhiều đến biển cả và Scirus đã ban cho ông ân huệ này, vì một trong những chàng trai được chọn, Menesthes, là cháu ngoại của ông ta. Câu chuyện này được củng cố bởi bằng chứng là các đền tưởng niệm Nausithous và Phaeax đã được Theseus cho xây tại Phalerum, gần đền thờ Scirus, và nghe nói là lễ hội Cybernesia, hay lễ hội Hoa tiêu, diễn ra nhằm tôn vinh họ.

18. Sau khi đã rút thăm, Theseus đưa tất cả những người trúng thăm từ Prytaneum⁽⁶¹⁾ đến Đền Delphi, tại đây, thay mặt họ, ông dâng lên Apollo biểu tượng của người cầu xin: đó là một nhánh ô liu linh thánh, với mấy dải len màu trắng quấn quanh. Thế rồi, sau khi đã cầu nguyện, ông ra khơi. Đó là ngày thứ sáu của tháng Munychion,⁽⁶²⁾ và vào ngày này, mãi cho đến nay, người Athens vẫn gửi các cô gái đến Đền Delphi để cầu xin Apollo nguôi giận. Cũng có chuyện khác kể rằng ông đã nghe theo một lời tiên tri từ thần linh tại Đền Delphi để chọn Aphrodite⁽⁶³⁾ làm người hướng dẫn và cầu xin nữ thần hộ tống mình trong cuộc hải hành, và rằng khi ông hiến tế con dê cái cho nữ thần trên bờ biển theo phong tục, nó đột nhiên biến thành một con dê đực, và vì thế nữ thần có thêm cho mình tên họ là Epitragia (Cưỡi dê).

19. Khi ông đến Crete, như hầu hết các sử gia và nhà thơ kể với chúng ta, Ariadne⁽⁶⁴⁾ đã phải lòng ông; chính nàng đã trao cho ông cuộn chỉ nổi tiếng và bày cho ông cách tìm đường xuyên qua những địa đạo rối rắm của Mê cung, và ở đó ông đã hạ sát Quỷ đầu trâu rồi dong thuyền đi cùng với Ariadne và các thanh niên Athens. Pherecydes⁽⁶⁵⁾ kể rằng Theseus còn đục thủng đáy các con thuyền của Crete để ngăn chúng đuổi theo mình. Và Demon bổ sung là vị tướng Taurus của Minos đã bị giết trong một trận hải chiến ở bến cảng khi Theseus dong thuyền ra đi. Tuy nhiên, theo phiên bản của Philochorus, Minos đang tổ chức những trận đấu tang tóc và một lần nữa Taurus được chờ đợi sẽ đánh bại mọi đối thủ, nhưng công chúng thì không hề mong có chiến thắng này. Tính khí của Taurus khiến giới có quyền lực căm ghét, và có một tin đồn gây phẫn nộ rằng hắn quá thân mật với Hoàng hậu Pasiphae. Bởi vậy khi Theseus yêu cầu được đấu với hắn, Minos liền chấp thuận. Phong tục Crete thời đó cho phép cả phụ nữ lẫn đàn ông đều được theo dõi các trận đấu, Ariadne cũng có mặt, và chẳng những bị quyến rũ bởi vẻ ngoài của Theseus mà còn đầy lòng

khâm phục sức mạnh của ông khi ông đánh bại mọi đối thủ. Đặc biệt, Minos càng hài lòng vì ông đã thắng Taurus trong trận đấu vật và làm bẽ mặt hắn, bởi vậy ông đã trao trả các thanh niên Athens cho Theseus và miễn cho Athens khỏi lệ cống nạp.

Mặt khác, Cleidemus⁽⁶⁶⁾ đưa ra một lối kể lạ lùng và đặc sắc hơn về những biến cố này, khởi nguồn trước đó đã lâu. Ông nói, có một sắc lệnh hiệu lực trên toàn Hy Lạp rằng không một chiến thuyền ở bất kỳ hải cảng nào được mang một thủy thủ đoàn vượt quá năm người. Ngoại lệ duy nhất là dành cho Jason, chỉ huy thuyền *Argo*, người đã rong ruổi khắp các đại dương để quét sạch bọn cướp biển. Nhưng khi Daedalus⁽⁶⁷⁾ thoát khỏi đảo Crete trên một thương thuyền và trốn đến Athens, thì Minos, bắt chấp sắc lệnh trên, đã dùng chiến thuyền truy đuổi và bị một cơn bão thổi dạt tới Sicily rồi bỏ mạng ở đó. Không hề ngán một cuộc chiến với người Athens, con trai ông ta là Deucalion đã gửi đến họ một thông điệp yêu cầu giao nộp Daedalus, và đe dọa nếu họ cự tuyệt sẽ hành quyết những thanh niên Athens mà Minos đang giữ làm con tin.

Theseus đáp lại bằng lời lẽ ôn hòa, nhưng từ chối giao Daedalus, vốn là anh họ và có quan hệ ruột rà với mình, vì mẹ ông là Merope, con gái của Erechtheus. Trong khi đó, Theseus đang tự xây dựng một thủy đội, một phần nằm ở vùng Attica thuộc huyện Thymoetaeae cách xa mọi con lộ chính, và một phần tại Troezen dưới sự chỉ huy của Pittheus, vì ông muốn giữ bí mật các kế hoạch của mình.

Khi các thuyền đã sẵn sàng, ông sửa soạn ra khơi, cho Daedalus và một số người Crete lưu vong làm người dẫn đường. Người Crete không hay biết gì về các động thái của ông và ngỡ rằng thủy đội đang đến là thân thiện, nên Theseus có thể chiếm được bến cảng, đổ bộ người của mình, và đến được Cnossos⁽⁶⁸⁾ trước khi sự có mặt của ông bị phát hiện. Nơi đây, ông đã đánh một trận tại cổng Mê cung và giết chết Deucalion

cùng các lính gác của hắn. Khi mà giờ đây Ariadne lên kế vị ngai vàng, ông bèn lập một thỏa ước đình chiến với nàng, cứu thoát những thanh niên Athens, và ký một giao ước hữu nghị giữa người Athens với người Crete, họ thề là mình sẽ không bao giờ gây chiến với Athens lần nào nữa.

20. Có nhiều giai thoại khác nhau về những biến cố này và về câu chuyện của Ariadne nhưng không cái nào trong số đó khớp nhau về chi tiết. Theo một số phiên bản thì nàng đã tự treo cổ khi Theseus bỏ rơi nàng, trong khi những phiên bản khác kể rằng nàng được các thủy thủ đưa đến Naxos,⁽⁶⁹⁾ rằng nàng sống ở đó với Oenarus, tư tế của Dionysus,⁽⁷⁰⁾ và rằng Theseus đã bỏ nàng vì phải lòng một phụ nữ khác,

Một mối tình tha thiết dành cho Aigle đã thiêu đốt lồng ngực ông,
Con gái của Panopeus.

Hereas xứ Megara⁽⁷¹⁾ nhận định rằng dòng trên đã bị Pisistratus⁽⁷²⁾ xóa khỏi các bài thơ của Hesiod. Pisistratus cũng là người đã chèn vào phần mô tả cõi địa phủ của Homer câu thơ

Theseus và Pirithous,⁽⁷³⁾ những đứa con lấy lòng của các thần linh⁽⁷⁴⁾

đơn giản để làm vui lòng người Athens. Ngoài ra còn có những tác giả khác nói là thực tế Ariadne đã sinh cho Theseus hai con trai, Oenopion và Staphylus, và trong số họ [những tác giả này] có Ion xứ Chios,⁽⁷⁵⁾ người đã kể về thành phố quê hương mình

mà từ rất lâu

Oenopion, con trai của Theseus, đã sáng lập.

Bấy giờ những truyền thuyết dễ chịu hơn này được biết đến rộng rãi, người ta có thể nói vậy, nhưng một phiên bản rất lạ của câu chuyện đã được Paeon, một người bản địa Amathus ở thị trấn Cyprus, đưa đến cho chúng ta. Ông ta kể rằng Theseus bị một cơn bão thổi dạt khỏi hành trình tới Cyprus, rằng Ariadne, đang bụng mang dạ chửa và thống khổ khôn cùng bởi con thuyền lắc lư, đã bị bỏ lại trên bờ một mình, và rằng Theseus, trong nỗ lực cứu lấy con thuyền, lại bị quật rơi xuống biển. Những phụ nữ trên đảo đã chăm sóc Ariadne và cố làm nguôi ngoai nỗi buồn vì bị bỏ rơi của nàng bằng cách đưa cho nàng mấy bức thư giả mạo, nói rằng của Theseus viết. Họ trông nom và chăm sóc nàng giữa lúc đau đẽ, và khi nàng qua đời trước khi đứa trẻ kịp chào đời, họ đã chôn cất nàng. Paeon kể thêm rằng Theseus đã trở lại sau đó và đau đớn khôn cùng: ông để tiền lại cho người dân đảo, dặn dò họ cúng tế Ariadne, và đồng thời dựng hai bức tượng để tôn vinh nàng, một bằng bạc và một bằng đồng. Paeon kể tiếp rằng tại buổi lễ tưởng niệm nàng, diễn ra vào ngày thứ hai của tháng Gorpiaeus,⁽⁷⁶⁾ một thanh niên trong đám người trai trẻ nằm trên mặt đất và bắt chước những tiếng kêu la và cử động của một phụ nữ đau đẽ, và rằng người dân Amathus gọi đám cây cối nơi có nấm mộ của nàng là Ariadne Aphrodite.

Một vài tác giả ở Naxos lại có phiên bản riêng của mình, với nội dung rằng thật ra có hai Minos và hai Ariadne. Họ nói, một trong hai nàng, kết hôn với Dionysus ở Naxos và sinh ra Staphylus và một em trai, trong khi nàng kia sau này bị Theseus bắt đi rồi bỏ rơi và đã đến Naxos cùng với một bảo mẫu tên là Corcyne, ngôi mộ của người này đã được họ tìm thấy. Họ nói, Ariadne này cũng đã chết ở đây, nhưng nàng được vinh danh theo cách hoàn toàn khác với người trước: lễ tưởng niệm Ariadne thứ

nhất đầy tươi vui và hoan lạc, còn trong những cuộc cúng tế người thứ hai một bầu không khí buồn bã thê lương bao trùm.

21. Trên đường từ Crete trở về, Theseus đã ghé lại Delos, ở đó, khi ông tế lễ Apollo và cung hiến bức tượng Aphrodite mà ông đã nhận từ Ariadne cho đền thờ, ông và những thanh niên Athens đã cùng nhảy, điệu nhảy nghe đâu vẫn được người dân Delos trình diễn, bao gồm một loạt những động tác uốn éo theo nhịp đều đặn và thể hiện các lối đi quanh co của Mê cung. Theo Dicaearchus,⁽⁷⁷⁾ người Delos gọi đây là lối nhảy Crane, và Theseus đã nhảy theo lối đó xung quanh bàn thờ gọi là Keraton, toàn bộ được làm từ những chiếc sừng bên trái đầu con vật. Người ta cũng nói rằng Theseus đã tổ chức những trận đấu tại Delos và rằng ở đó ông là người đã khởi nguồn cho tục lệ trao cành cọ cho người chiến thắng.

22. Chuyện kể rằng khi họ cập bờ biển Attica, Theseus đã ngắt ngây vui sướng đến nỗi ông cũng như hoa tiêu của mình quên giương buồm báo hiệu sự trở về an toàn cho Aegeus biết, và nhà vua trong cơn tuyệt vọng đã lao mình xuống vách đá mà chết. Trong khi đó, Theseus đang ở bờ biển và đích thân cúng tế tại Phalerum như đã phát nguyện trước thần linh khi ông ra đi, và cử một sứ giả đến loan tin ông trở về. Vị sứ giả thấy nhiều người đang than khóc trước cái chết của nhà vua, còn những người khác hãy còn đủ hoan hỉ tiếp đón và đội lên đầu anh ta những vòng hoa chào mừng họ trở về. Anh ta nhận những vòng hoa và treo chúng quanh cây gậy sứ giả của mình, nhưng lúc quay lại bờ biển, anh ta thấy Theseus vẫn chưa rót rượu cúng thần linh, và vì không muốn làm gián đoạn buổi lễ, anh ta đứng đợi bên ngoài khu vực ấy. Thế rồi sau khi nghi lễ rót rượu đã xong, anh ta liền báo tin về cái chết của Aegeus, khiến ngay sau đó Theseus và các bạn đường của mình vừa khóc than vừa chạy vào thành. Chính vì sự tích ấy mà vào ngày này tại lễ hội Oschophoria,

người Athens không đeo vòng hoa cho sứ giả mà cho cây gậy của anh ta, và trong nghi lễ rót rượu, những người đứng xung quanh gào to “Chao ôi! Chao ôi!” trong đó tiếng thứ nhất là tiếng hò reo hăm hờ hoặc chiến thắng, tiếng thứ hai là nỗi đau buồn hoặc bối rối.

Sau lễ tang cha, Theseus thực hiện lời hứa với Apollo vào ngày thứ bảy của tháng Panepsion,⁽⁷⁸⁾ vì đây là ngày mà họ trở về thành phố an toàn. Tục lệ sôi nổi nhiều loại hạt đậu mà người ta nhìn thấy vào ngày đó, được cho là bắt nguồn từ sự kiện những thanh niên được Theseus giải cứu đã trộn lẫn tất cả lương thực dự trữ còn lại, đun lên trong một chiếc nồi duy nhất và tất cả cùng ăn với nhau. Tại lễ hội này, người Athens cũng mang theo cái gọi là Eiresione, một nhánh ô liu được quấn len - giống thứ mà Theseus đã mang theo người như một người cầu khẩn - và treo dây lễ vật là hoa trái đầu mùa, biểu thị rằng thời kỳ thiếu thốn đã qua. Họ vừa đi vừa hát,

Eiresione mang đến những quả vả cho ta và để lại thứ bột mì tốt nhất,

Mang đến cho ta mật ong trong bình, và dầu thơm để xoa lên cơ thể,
Và một cốc rượu nồng ru ta vào giấc mộng say.

Một vài tác giả quả quyết rằng những nghi lễ này được cử hành để tưởng nhớ các con trai của Heracles, từng được người Athens tiếp đón và đối đãi như những người cầu khẩn theo lối này, nhưng hầu hết đều thuật lại truyền thống mà tôi đã kể.

23. Thuyền ga-lê 30 mái chèo mà Theseus dùng để ra khơi cùng các thanh niên và an toàn trở về đã được người Athens giữ gìn cho tới thời của Demetrius xứ Phalerum.⁽⁷⁹⁾ Trong thời gian đó, họ đã dỡ những cây gỗ

cũ và thay bằng những cây gỗ mới, vì vậy con thuyền đã trở thành một minh họa kinh điển cho sự tranh cãi giữa các triết gia về sự phát triển và biến đổi, một số thì lập luận rằng nó vẫn thế, còn số khác lại cho rằng nó đã biến thành một con thuyền mới.

Theseus cũng chính là người đã sáng lập lễ hội Oschophoria hay lễ hội mang cành nho của người Athens.⁽⁸⁰⁾ Chuyện kể rằng ông không đem theo mình tất cả các thiếu nữ trẻ được lựa chọn bằng lá thăm trong lần đó. Thay vào đó, ông chọn trong số bạn bè của mình hai thanh niên rất mực gan dạ và nhiệt tình, đồng thời lại có làn da tươi tắn như con gái. Ông cho họ tắm nước nóng và giữ họ ở trong bóng râm, làm tóc cho họ, làm làn da họ mượt mà và cải thiện màu da họ bằng các loại thuốc bôi, và bằng cách này đã biến đổi hoàn toàn dung mạo của họ. Ông còn dạy họ cách bắt chước giọng nói, y phục, và dáng đi của các cô gái, cho đến khi họ có thể đi giữa mọi người mà không bị phát hiện, rồi cuối cùng ông trà trộn họ với các cô gái được đưa đến Crete mà không một ai hay phát hiện ra bí mật ấy. Trong chuyến trở về, ông và những thanh niên dẫn đầu một đám rước, ăn mặc giống như mấy người bấy giờ đang mang các cành nho tại lễ hội Oschophoria. Họ mang chúng để tôn vinh Dionysus và Ariadne, vì vai trò của hai người này trong lịch sử, hay đúng hơn vì Theseus và các bạn đường của ông đã trở lại Athens vào đúng thời kỳ hái nho. Những phụ nữ mệnh danh là Deipnophoroi - người-tiếp-tế - hòa vào đám rước và tham gia cuộc tế lễ đại diện cho các bà mẹ của những nam thanh nữ tú được lựa chọn bằng rút thăm, vì họ thường đến thăm con cái, mang bánh mì và thịt đến cho chúng. Tại lễ hội này, người ta cũng kể những chuyện ngụ ngôn, vì các bà mẹ này thường kể chuyện cho con cái nghe để an ủi và giúp chúng vững tâm. Đây là những chi tiết mà Demon đã ghi lại cho chúng ta. Một khu vực thiêng cũng được dành riêng cho Theseus, và ông đặt ra quy định các gia đình bị buộc phải cống

nạp con mình cho Quỷ đầu trâu cần phải trả tiền cho lễ cúng thần thay ông. Lễ cúng này do nhà Phytalidae chủ trì, là cách mà Theseus dùng để tưởng thưởng cho lòng hiếu khách của họ đối với mình.⁽⁸¹⁾

24. Sau khi Aegeus qua đời, Theseus áp ủ một kế hoạch lớn lao phi thường mà không gì khác hơn là tập trung cư dân vùng Attica vào một kinh đô. Bằng cách này ông biến họ thành một dân tộc thuộc về một thành phố, trong khi cho đến lúc ấy họ vẫn sống trong những cộng đồng tản mát khắp nơi, do đó thật khó tụ họp họ lại vì lợi ích chung, và quả thực có những lúc giữa họ thậm chí đã xảy ra chuyện cãi vã và đánh nhau. Cho nên ông đã chu du khắp vùng Attica và cố gắng thuyết phục từng ngôi làng và từng thị tộc. Người bình dân và người nghèo lập tức hưởng ứng lời kêu gọi của ông, trong khi với những tầng lớp có ảnh hưởng hơn thì ông đề xuất một thứ hiến pháp không có vua: đó là một nền dân chủ, trong đó vai trò của ông sẽ không hơn gì một tư lệnh của quân đội và là người bảo vệ luật pháp, còn mọi người đều có quan hệ bình đẳng với nhau trên những phương diện khác. Một số đã bị thuyết phục trước những lý lẽ của ông không mấy khó khăn, còn số khác, vì sợ cái uy thế to lớn và khí thế táo tợn của ông, đã phải nghe theo còn hơn là bị cưỡng ép tuân phục. Rồi ông tiến hành bãi bỏ các tòa thị chính, các phòng hội đồng, và các chức quan tòa ở nhiều khu vực khác nhau. Để thay thế chúng, ông xây dựng một tòa thị chính và tòa nhà Viện Nguyên lão duy nhất cho toàn thể cộng đồng ở nơi hiện là Acropolis.⁽⁸²⁾ Ông đặt tên thành phố là Athens và lập ra một đại lễ hội toàn Athens làm nghi lễ cho toàn vùng Attica. Ông cũng lập ra Metoecia, hay lễ hội của kiều dân, vào ngày thứ 16 của tháng Hecatombaeon,⁽⁸³⁾ và vẫn còn diễn ra đến nay. Tiếp đến, ông từ bỏ vương quyền như đã cam kết, bắt tay soạn thảo hiến pháp, và viện đến uy quyền của thần linh cho mục đích này. Ông đã cử

người đến Delphi để thỉnh thị lời tiên tri về tương lai của thành phố, và đây là câu trả lời ông nhận được:

Hỡi đứa con hoàng tộc của Aegeus với con gái của Pittheus,
Nhiều thành phố với biên giới và số phận của chúng sẽ được bao bọc
Bên trong những tường thành của người, vì cha ta đã quyết định
như thế.

Đừng hoang mang lo sợ, mà hãy nghe theo sự mách bảo của quyết
tâm can trường,

Quả bóng sẽ dập dềnh cưỡi lên những con sóng dâng trào của biển
khơi.

Và sau này, Sibyl⁽⁸⁴⁾ đã tiên tri về Athens với cùng giọng điệu, khi cô
ta hét lên,

Quả bóng sẽ bị chìm, nhưng không đắm: điều này đã được định sẵn.

25. Khi tham vọng mở rộng quy mô thành phố của ông cứ lớn dần, Theseus bèn mời gọi dân chúng từ khắp mọi miền đến an cư nơi đây theo những điều kiện bình đẳng với người Athens. Thật ra, lời kêu gọi bấy giờ, “Đến đây, hỡi muôn dân!” được cho là bắt nguồn từ một lời tuyên cáo của Theseus, khi ông thiết lập một nền thịnh vượng chung cho mọi hạng người và mọi cảnh ngộ. Nhưng ông đã không để cho nền dân chủ của mình rơi vào sự hỗn loạn và rối rắm do một dòng người đổ vào bừa bãi có thể gây ra. Ông là người đầu tiên chia thành phố làm ba đẳng cấp rạch ròi, bao gồm quý tộc, nông dân, và thợ thủ công. Với giai cấp quý tộc, ông chỉ định chăm lo các nghi lễ tôn giáo, bổ khuyết chức vị quan tòa, giáo huấn và thi hành luật pháp, diễn giải mọi vấn đề thiêng liêng, còn với những người dân còn lại, ông xác lập, như vốn có, một sự cân bằng về

đặc quyền, dựa trên giả định rằng giới quý tộc có sự ưu việt về phân cách, nông dân về tính thiết thực, và thợ thủ công về sức mạnh số đông. Aristotle nói rằng ông là nhà cai trị đầu tiên có xu hướng dân chủ và từ bỏ vương quyền, và nhận định này dường như cũng được Homer xác nhận, vì trong mục Catalogue of Ships (Danh mục Thuyền bè) của trường ca *The Illiad*, chỉ mỗi người Athens là được Homer gọi là “một dân tộc có chủ quyền.”

Theseus cũng cho đúc tiền xu và khắc lên đó hình ảnh một con bò: ở đây có lẽ ông đang tưởng nhớ đến con bò đực xứ Marathon, hay có lẽ là Taurus, vị tướng của Minos, hoặc giả ông có thể đã mong muốn khuyến khích nghề nông trong dân chúng chẳng. Dù sao đi nữa, thành ngữ *trị giá mười bò* hoặc *trị giá một trăm bò* cũng đã bắt nguồn từ đồng tiền này. Ông đã đưa vùng lãnh thổ Megara yên lành về với Athens, và về sau, ông cho dựng cây cột nổi tiếng trên eo Corinth, và khắc lên đó những dòng đánh dấu biên giới giữa hai nước. Nó bao gồm hai câu thơ ba âm tiết, một câu khắc trên mặt phía đông ghi:

Đây không phải Peloponnese, mà là Ionia,
và câu phía tây:
Đây là Peloponnese, không phải Ionia.

Ông cũng đã lập ra đại hội thể thao ở đây để cạnh tranh với đại hội của Heracles; tham vọng của ông cũng như của người Hy Lạp là noi gương Heracles tổ chức đại hội thể thao Olympic nhằm tôn vinh thần Zeus, do đó, theo sáng kiến của ông, họ cũng nên tổ chức đại hội thể thao tại Isthmus⁽⁸⁵⁾ để tôn vinh người cha danh nghĩa của ông, Poseidon. Những đại hội thể thao từng diễn ra trước đây tại Isthmus nhằm tôn

vinh Melicertes được tổ chức vào đêm và dưới dạng một nghi lễ tôn giáo hơn là một cuộc trình diễn hay một cuộc tụ họp công chúng đông đảo. Tuy nhiên, một số tác giả giải thích rằng đại hội thể thao Isthmus được lập ra để tưởng niệm Sciron, và rằng, bằng cách này, Theseus mong muốn chuộc lại tội giết người của mình, do mối quan hệ họ hàng giữa họ, bởi Sciron là con trai của Canethus và Henioche, còn Henioche lại là con gái của Pittheus. Số khác lại cho rằng con trai của họ không phải Sciron mà là Sinis, và rằng để tôn vinh người này mà Theseus đã lập ra đại hội thể thao. Dù sao đi nữa, Theseus là người đã thiết lập lễ hội và xác lập một thỏa thuận với người xứ Corinth rằng người Athens đến dự đại hội thể thao sẽ được cung cấp một vị trí danh dự to bằng cánh buồm của chiếc quốc thuyền ga-lê đã đưa họ đến đó, khi nó được trải ra trên mặt đất. Đây là những gì chúng ta được nghe từ Hellanicus và Andron xứ Halicarnassus.⁽⁸⁶⁾

26. Theo Philochorus và nhiều tác giả khác, Theseus cũng đã đi thuyền đến Biển Đen và tham gia vào một chiến dịch cùng với Heracles để chống lại người Amazon⁽⁸⁷⁾ và ở đây ông đã giành được Antiope⁽⁸⁸⁾ như một phần thưởng cho lòng dũng cảm. Nhưng hầu hết các tác giả, trong đó có Pherecydes, Hellanicus, và Herodorus,⁽⁸⁹⁾ kể rằng Theseus đã một mình phiêu lưu đến đó sau Heracles và bắt một người Amazon làm tù binh, và đây là một câu chuyện thuyết phục hơn. Bởi lẽ không có ghi chép về việc bạn đồng hành nào đó của ông bắt giữ một người Amazon, trong khi Bion⁽⁹⁰⁾ kể rằng nếu người này có bị bắt thì cũng chẳng qua vì trùng gian kế. Theo ông ta, các nữ chiến binh Amazon vốn thích đàn ông và không tìm cách lẩn tránh Theseus khi ông đặt chân lên bờ biển của họ. Trái lại, họ thậm chí đã gửi tặng ông quà và ông đã mời người chuyển quà này lên thuyền mình; sau đó, ngay khi nàng vừa bước lên, ông liền giương buồm ra khơi.

Một tác giả tên là Menecrates,⁽⁹¹⁾ từng viết một tác phẩm lịch sử về thành phố Bithynia xứ Nicaea, kể rằng Theseus cùng với Antiope lưu lại trên thuyền của ông một thời gian, và rằng tình cờ mà trong cuộc thám hiểm này, ông được ba thanh niên Athens là anh em với nhau, tên là Euneos, Thoas, và Solois, phục vụ. Menecrates kể, Solois phải lòng Antiope mà không ai hay, và đã tâm sự bí mật ấy với một người bạn thân của mình. Người này thay mặt Solois đến nói với Antiope, nhưng nàng nhất quyết cự tuyệt, mặc dù nàng cư xử nhẹ nhàng và kín đáo, không kể tội Solois trước mặt Theseus. Solois tuyệt vọng gieo mình xuống sông và chết đuối, còn Theseus, cuối cùng khi hay biết số phận của chàng thanh niên và lý do dẫn tới điều đó, đã vô cùng đau khổ, và trong cơn âu sầu, đầu ông bỗng văng vẳng những lời tiên tri mình từng được nghe tại Delphi. Nữ tư tế Pythia ở đó đã yêu cầu rằng khi rắc rối ập đến và ông bị nhận chìm trong sâu khổ ở một vùng đất ngoại quốc, ông nên lập một thành phố tại đó và để nó cho những người tùy tùng cai quản. Cho nên ông bèn lập một thành phố ở vị trí này và đặt tên là Pythopolis theo tên của Pythia, và dòng sông kế bên đặt là Solois để tưởng nhớ chàng trai đã trầm mình. Ông cử hai người anh em của Solois làm thị trưởng và nhà lập pháp chính của thành phố, cùng với Hermus, một quý tộc Athens. Sau thời ông, người dân Pythopolis đã gọi một nơi nào đó trong thành phố là nhà của Hermes, nhằm lần khi kéo dài âm tiết thứ hai và chuyển sự tôn vinh dành cho một vị anh hùng sang thần Hermes.

27. Bấy giờ cuộc phiêu lưu này là nguồn gốc của cuộc chiến tranh với người Amazon, nó dường như không hề là chuyện vặt vãnh hay vì chuyện đàn bà, bởi người Amazon không bao giờ có thể dựng trại trong các bức tường thành hay đánh nhau giáp lá cà gần nơi giờ đây là Pnyx⁽⁹²⁾ và Bảo tàng, trừ phi trước tiên họ đã tràn qua vùng nông thôn xung quanh và nhờ vậy có thể an toàn tiếp cận thành phố. Khó mà tin được

vào lời kể của Hellanicus rằng họ đã đi vòng qua ngã Cimmerian Bosphorus,⁽⁹³⁾ vượt qua miền băng giá, nhưng thực tế là họ đã đóng trại gần như giữa trung tâm thành phố đã được xác nhận bởi các địa danh có thật ở đó cũng như bởi những ngôi mộ của người ngã xuống trong chiến trận.

Hai bên giữ khoảng cách trong một thời gian dài và đều do dự không muốn khai chiến, nhưng cuối cùng, tuân theo một lời tiên tri, sau khi cúng tế Nỗi Sợ, Theseus đã tấn công nữ tộc này. Cuộc giao tranh diễn ra vào tháng Boedromion⁽⁹⁴⁾ nhằm ngày người Athens vẫn đang mừng lễ hội Boedromia.⁽⁹⁵⁾ Cleidemus, người đã cố công đưa ra những chi tiết xác thực, cho rằng cánh trái của người Amazon trải rộng đến chỗ giờ đây được gọi là Amazoneum,⁽⁹⁶⁾ trong khi cánh phải của họ dựa lưng vào Pnyx, tại nơi giờ đây bức tượng thần Chiến Thắng mạ vàng đang đứng. Ông ta kể rằng quân Athens đã giao tranh với cánh trái, tấn công nó từ Bảo tàng, và rằng những ngôi mộ của người ngã xuống nằm hai bên con phố dẫn đến cánh cổng gần đền thờ người anh hùng Chalcodon, mà giờ đây được biết đến là cổng Piraeus.⁽⁹⁷⁾ Ông kể, ở sườn này, các nữ chiến binh đã đánh bại quân Athens và buộc họ phải lùi đến tận đền Eumenides.⁽⁹⁸⁾ Nhưng ở sườn còn lại, quân Athens tấn công người Amazon từ Palladium⁽⁹⁹⁾ và Ardetus⁽¹⁰⁰⁾ và Lyceum,⁽¹⁰¹⁾ đẩy lùi cánh phải này trở về doanh trại và tiêu diệt một nhân số lớn. Cleidemus kể thêm rằng sau ba tháng một hòa ước đã được dàn xếp thông qua Hippolyta⁽¹⁰²⁾ (ông cho rằng đây mới chính là người phụ nữ Amazon mà Theseus đã kết hôn, chứ không phải Antiope).

Có một câu chuyện khác kể rằng Hippolyta đã chết vì một ngọn lao do Molpadia⁽¹⁰³⁾ phóng đi khi nàng chiến đấu bên phe Theseus, và rằng cây cột đứng gần thánh điện Olympian Earth đã được dựng lên để tôn vinh nàng. Nhưng chẳng có gì đáng ngạc nhiên trước sự sai lệch về lịch sử khi

phải bàn về những sự kiện như vậy trong quá khứ xa xôi. Chẳng hạn, có một điển tích khác kể rằng Antiope đã bí mật đưa những nữ chiến binh Amazon bị thương đến Chaicis⁽¹⁰⁴⁾ và săn sóc họ ở đó, và rằng một số đã được chôn cất trong vùng lân cận gần chỗ giờ đây gọi là Amazoneum. Tuy nhiên, chúng ta có ít nhất vài bằng chứng về việc cuộc chiến đã khép lại bằng một hiệp ước. Chứng cứ nằm ở tên gọi của địa điểm liền kề Theseum,⁽¹⁰⁵⁾ được gọi là Horcomosium, vì những lời thề đã được đưa ra ở đó, cùng với lễ cúng tế người Amazon trong thời cổ đại trước lễ hội của Theseus.

Người dân Megara cũng chỉ ra một địa danh trong xứ họ nơi chôn cất người Amazon: nó nằm trên đường từ quảng trường chợ đến một nơi tên là Rhus, tại đó cái gọi là Rhomboid (hình thoi) tọa lạc. Những người Amazon khác được cho là đã chết gần Chaeronea⁽¹⁰⁶⁾ và được chôn bên hai bờ suối nhỏ mà ở thời cổ đại hình như được gọi là Thermodon, nhưng nay có tên là Haemon. Tôi đã bàn về xuất xứ của những cái tên này trong cuốn tiểu sử về Demosthenes của mình.⁽¹⁰⁷⁾ Và có vẻ là ở Thessaly, người Amazon cũng không được bình yên đi qua mà không gặp kháng cự, vì những nắm mộ của họ hãy còn được nhìn thấy đến hôm nay trong vùng lân cận Scotussa và Cynoscephalae.⁽¹⁰⁸⁾

28. Đó là bấy nhiêu những sự kiện quan trọng nhất trong câu chuyện về người Amazon. Thật ra, có tồn tại cái gọi là *Rising of the Amazons* (Cuộc nổi dậy của người Amazon), do tác giả cuốn *Theseid* biên soạn, kể về việc sau khi Theseus cưới Phaedra,⁽¹⁰⁹⁾ Antiope và các nữ chiến binh Amazon tấn công Theseus để rửa hận cho nàng và bị Heracles hạ sát, nhưng điều này rõ ràng mang những dấu hiệu của một câu chuyện hư cấu. Theseus đúng là đã cưới Phaedra, nhưng chỉ sau khi Antiope qua đời. Antiope trước đó hạ sinh cho ông một đứa con trai là Hippolytus, hay Demophon, theo cách gọi của Pindar.⁽¹¹⁰⁾ Về số phận kinh khủng của

Phaedra và Hippolytus, không hề có sự mâu thuẫn giữa những phiên bản của các sử gia và nhà thơ bi kịch, và vì vậy chúng ta phải tin rằng nó đã xảy ra như tất cả các tác giả bi kịch đã mô tả.

29. Tuy nhiên, có những truyền thuyết khác về các cuộc hôn nhân của Theseus vốn không có khởi đầu danh giá lẫn kết cục tốt đẹp, nhưng chúng chưa bao giờ được đưa lên sân khấu. Chẳng hạn Theseus được kể là đã bắt cóc Anaxo, một cô gái đến từ Troezen, và sau khi giết Sinis và Cercyon, đã cưỡng đoạt các con gái của họ, rồi ngoài ra lại lấy thêm Periboea, mẹ của Ajax,⁽¹¹¹⁾ và tiếp đến là Phereboea và Iope, con gái của Iphicles. Rồi một lần nữa vì say mê Aigle, con gái của Panopeus, mà ông đã bị kết tội ruồng bỏ Ariadne, như tôi từng kể ở trên, và đây không phải là một hành động vinh dự hay tử tế gì cho cam. Sau cùng, việc ông bắt cóc Helen⁽¹¹²⁾ được cho là đã đẩy vùng Attica lâm vào chiến tranh và khiến ông phải trả giá bằng sự lưu đày và cái chết của mình. Chúng ta sẽ trở lại với tình tiết này sau.

Mặc dù có nhiều kỳ công vĩ đại được các vị anh hùng thời đó thực hiện, nhưng Herodorus không tin rằng Theseus có vai trò trong bất cứ chiến tích nào trong số đó, trừ việc đã đứng về phía người Lapith⁽¹¹³⁾ chiến đấu chống lại các Nhân Mã.⁽¹¹⁴⁾ Nhưng có những tác giả khác khẳng định rằng ông chẳng những đã cùng Jason đi đến Colchis mà còn giúp Meleager giết chết con lợn lòi vùng Calydon, và rằng câu cách ngôn “Thiếu Theseus thì không xong” bắt nguồn từ lòng can đảm của ông. Họ kể tiếp rằng ông đã lập được nhiều kỳ công chói lọi khác mà không có sự giúp đỡ của bất kỳ người đồng hành nào, và rằng ông đã truyền cảm hứng cho thành ngữ “Đây là một Heracles thứ hai.” Ông cũng đã giúp Adrastus⁽¹¹⁵⁾ nhặt thi thể những người đã bị giết trước tường thành Cadmeia tại Thebes, và ông đã không làm điều đó bằng cách đánh bại người Thebes trong chiến trận, như Euripides giải thích trong *The*

Suppliants (Những kẻ cầu xin)⁽¹¹⁶⁾ mà tìm cách thuyết phục họ ký một thỏa ước đình chiến. Chí ít, đây là điều mà hầu hết các tác giả kể, và Philochorus bổ sung rằng đây là thỏa ước đầu tiên từng được ký vì mục đích thu gom thi thể người tử trận, mặc dù các câu chuyện viết về Heracles đề cập rằng Heracles mới là người đầu tiên trả lại xác tử sĩ cho kẻ thù của mình. Mộ má của các binh sĩ ngã xuống trước thành Thebes có thể được nhìn thấy tại Eleutherae,⁽¹¹⁷⁾ và của các sĩ quan chỉ huy thì gần Eleusis; người được Theseus dành cho đặc ân an táng là Adrastus. Những gì Euripides kể về chuyện này trong *The Suppliants*⁽¹¹⁸⁾ lại trái ngược với Aeschylus trong *Eleusinians*,⁽¹¹⁹⁾ theo đó Theseus kể câu chuyện này như tôi đã kể.

30. Tình bạn giữa ông và Pirithous được cho là đã đến theo cách thế này. Theseus có được danh tiếng lừng lẫy với sức mạnh và lòng can đảm, và Pirithous muốn kiểm chứng điều đó. Vậy là ông ta bèn lừa đàn gia súc của Theseus ra khỏi bình nguyên Marathon, và khi thấy người anh hùng lăm lăm vũ khí bắt đầu đuổi theo, ông ta không trốn chạy mà quay lại đối diện. Khi họ giáp mặt nhau, người này thán phục dáng dấp và lòng quả cảm của người kia đến nỗi đã kìm lại việc giao chiến. Pirithous là người đầu tiên chìa tay ra, đoạn yêu cầu Theseus toàn quyền phán xét hành vi trộm cắp của mình và tuyên bố sẵn lòng nhận mọi hình phạt mà đối phương có thể đưa ra. Lúc này Theseus chẳng những trả tự do cho ông ta, mà còn đề nghị kết thành bằng hữu và đồng minh, và họ xác thực mối hữu hảo này bằng một lời thề.

Về sau, khi Pirithous kết hôn với Deidamia,⁽¹²⁰⁾ ông đã mời Theseus đến dự tiệc cưới để thăm thú miền quê và dần làm quen với người Lapith. Ông ta cũng đã mời các Nhân Mã tới dự tiệc cưới, nhưng khi đã chén choáng hơi men, họ trở nên xác xược và bắt đầu sàm sỡ phụ nữ, khiến sau đó người Lapith lập tức báo thù. Họ giết chết nhiều Nhân Mã

ngay tại chỗ, đánh đuổi số còn lại ra khỏi xứ sở của mình, và Theseus đã đứng về phía họ tại tiệc cưới và trong chiến trận sau này. Tuy nhiên, Herodorus đưa ra một sự giải thích khác về chuyện này. Ông nói rằng cuộc chiến vốn dĩ đã bắt đầu khi Theseus đến giúp người Lapith, và rằng trên đường đi lần đầu tiên ông đã gặp Heracles. Ông đã chủ ý tìm gặp Heracles tại Trachis, nơi người anh hùng nghỉ ngơi sau những cuộc phiêu lưu dài ngày gian khổ, và theo Herodorus, cuộc gặp gỡ diễn ra với những biểu hiện của lòng tôn trọng, thiện ý, và lời xưng tụng hào phóng đôi bên dành cho nhau. Mặc dù như vậy, người ta có thể có xu hướng nghe theo các sử gia cho rằng hai người hùng thường xuyên gặp nhau, và rằng chính là thể theo nguyện vọng của Theseus mà Heracles đã thụ nhận Nghi lễ bí truyền Eleusis⁽¹²¹⁾ và cũng đã được thanh tẩy trước khi thụ giáo theo thỉnh cầu của chính bản thân, bởi nhiều hành vi liêu lĩnh mà người anh hùng đã làm trước kia.

31. Hellanicus kể với chúng ta, Theseus đã 50 tuổi khi ông tham gia bắt cóc Helen lúc bấy giờ vẫn chưa đến tuổi kết hôn. Có một vài tác giả coi đây là tội nặng nhất trong tất cả những cáo buộc nhắm vào ông, do độ tuổi của ông lúc này. Thế rồi trong nỗ lực gỡ tội cho ông, họ giải thích rằng ông không phải người đã bắt cóc Helen, mà chính là Idas và Lynceus đã trao nàng cho Theseus bảo hộ và chăm sóc, và rằng sau đó ông đã từ chối trao trả nàng cho các anh trai Castor và Pollux khi họ đòi nàng về; những tác giả khác, nếu bạn có thể tin được, nói rằng cha nàng Tyndareus đã giao phó nàng cho Theseus vì e sợ Enarsphorus, con trai của Hippocoon, kẻ cố chiếm đoạt nàng bằng vũ lực khi nàng hãy còn là đứa trẻ. Tuy nhiên, lời giải thích có vẻ phù hợp nhất, và được hầu hết các tác giả đồng ý, là như sau.

Theseus và Pirithous đã cùng nhau du hành đến Sparta, bắt lấy thiếu nữ khi nàng đang nhảy trong đền Artemis Orthia,⁽¹²²⁾ và chạy trốn cùng

với nàng. Đám người chỉ đuổi theo họ tới Tegea,⁽¹²³⁾ và thế là hai người bạn, sau khi băng qua Peloponnese và ở ngoài tầm nguy hiểm, đã thỏa thuận với nhau rằng: ai trong họ rút thăm trúng Helen sẽ cưới nàng, nhưng cũng phải giúp người kia tìm một người vợ khác. Thương lượng xong, họ tiến hành rút thăm và Theseus thắng, nhưng vì thiếu nữ hãy còn quá trẻ để kết hôn, nên ông bèn đưa nàng đến Aphidnae.⁽¹²⁴⁾ Tại đây, ông để nàng ở lại với mẹ ông và gửi gắm cả hai cho người bạn là Aphidnus chăm sóc, dặn ông ta bảo vệ họ trong bí mật tuyệt đối. Rồi thì, để đền đáp sự giúp đỡ của Pirithous, ông đã cùng bạn đến Epirus⁽¹²⁵⁾ để cầu hôn con gái của Aidoneus, vua của người Molossian,⁽¹²⁶⁾ có vợ là Phersephone, con gái Kore, và con chó Cerberus.⁽¹²⁷⁾ Những ai cầu hôn đều phải chiến đấu với con chó và người chiến thắng sẽ được hứa hôn với con gái ông ta. Tuy nhiên, khi Aidoneus phát hiện ra là Pirithous cùng người bạn đến đó không phải để cầu hôn con gái mình mà để bắt cóc nàng, ông ta đã bắt giữ cả hai. Ông ta trừ khử Pirithous bằng cách thả chó ra để cắn chết, còn với Theseus thì ông ta cho biệt giam.

32. Trong khi đó tại Athens, Menestheus, con trai của Peteos, cháu của Orneus và chắt của Erechtheus, đã nhúng tay vào chính sự. Người ta kể, hắn là kẻ đầu tiên chú trọng nghệ thuật mị dân và lấy lòng dân chúng. Hắn bắt đầu bằng cách tập hợp các quý tộc lại và khơi dậy nỗi oán hận nơi họ. Họ đã ấp ủ từ lâu mối ác cảm với Theseus, vì họ cảm thấy ông đã tước đoạt vị thế và uy quyền của những người trâm anh thế phiệt ở xứ sở mình rồi lừa tất cả họ vào một thành phố duy nhất, nơi ông đối xử với họ như những thần dân và nô lệ. Đồng thời, Menestheus cũng kích động dân chúng qua những lời buộc tội nhằm vào Theseus. Hắn nói với họ rằng họ có thể đã tự dối gạt mình với giấc mơ về tự do, trong khi sự thật là họ đã bị cướp mất thành phố quê hương và những nghi lễ thiêng liêng của mình, tất cả là để khiến họ phải tôn thờ một chủ nhân duy nhất vốn

là một kẻ nhập cư và là kẻ ngoại bang, thay thế cho nhiều nhà cai trị ưu tú cùng chung dòng máu với họ. Trong khi Menetheus ra sức gieo rắc sự bất mãn, các con trai của Tyndareus đã đưa quân vào thành phố, và cuộc chiến đã giúp ích rất nhiều cho những mưu đồ cách mạng của hắn; trên thực tế một số tác giả đã đi xa đến mức nói rằng chính hắn đã xúi giục bè lũ xâm lược kéo đến.

Thoạt đầu họ không động binh, mà chỉ đòi lại em gái mình. Nhưng khi người Athens đáp rằng họ không giữ nàng, thậm chí họ cũng chẳng biết nàng ở nơi nào, thì chiến tranh bắt đầu bùng nổ mãnh liệt. Tuy nhiên, Academus,⁽¹²⁸⁾ người bằng cách nào đó phát hiện ra Helen bị giấu tại Aphidnae,⁽¹²⁹⁾ đã cho họ biết sự thật. Vì lý do này, ông ta đã được các con trai của Tyndareus kính trọng suốt đời mình, và trong nhiều lần sau này khi người Sparta xâm lược vùng Attica và tàn phá khắp miền quê xung quanh, vì sự kính trọng với ông, họ đã tha cho mảnh đất vốn được biết đến với tên gọi Academy⁽¹³⁰⁾. Mặt khác, Dicearchus kể rằng có hai người Arcadia là Echedemus và Marathus, phục vụ trong đội quân của anh em nhà Tyndareus vào lúc ấy, và rằng Academy hiện nay ban đầu được đặt là Echedemia theo tên của người thứ nhất, còn tên người thứ hai được đặt cho thị trấn Marathon; đó là vì tuân theo một lời tiên tri nào đó, anh ta đã chấp nhận bị hiến tế trước toàn quân.

Các con trai của Tyndareus sau đó đã đến Aphidnae, đánh thắng một trận và đoạt lấy thị trấn này. Nghe đâu con trai của Sciron là Alycus, lúc bấy giờ đang chiến đấu trong đội quân của Dioscuri,⁽¹³¹⁾ đã bị sát hại ở đó, và rằng có một địa danh ở Megara, nơi chôn cất anh ta, được đặt theo tên anh ta là Alycus. Tuy nhiên, Hereas thì viết rằng Alycus đã bị chính Theseus giết ở Aphidnae,

Người mà Theseus hạ sát trên bình nguyên Aphidnae bao la,

Đang chiến đấu vì nàng Helen khả ái.

Mặt khác, dường như khó có khả năng là Theseus có mặt ở đó khi mẹ ông bị bắt và thị trấn Aphidnae thất thủ.

33. Dù sao đi nữa thì Aphidnae đã bị xâm chiếm và sự hoảng loạn bao trùm Athens. Tuy nhiên, Menestheus thuyết phục dân chúng tiếp đón các con trai của Tyndareus vào thành phố và thết đãi họ nồng hậu. Hẳn chỉ ra rằng họ chỉ đánh nhau với Theseus, kẻ gây sự trước, còn với những người còn lại họ đã cư xử như những vị cứu tinh và ân nhân. Và quả nhiên, hành động của họ đã chứng thực điều hấn nói, vì mặc dù họ giờ đây đã là chủ nhân của toàn bộ thành phố, nhưng yêu cầu duy nhất họ đưa ra là được thụ nhận Nghi lễ bí truyền Eleusis, lấy lý do là họ có mối quan hệ gần gũi với thành phố như Heracles. Đặc ân này đã được ban cho họ sau khi họ được Aphidnus nhận làm con nuôi, cũng như Heracles được Pylius nhận nuôi. Họ cũng được sùng kính như các thần linh, và được gọi là *Anakes*.⁽¹³²⁾ Danh hiệu này có thể bắt nguồn từ việc họ đã dừng cuộc chiến lại, hoặc từ việc họ đã rất cẩn trọng để không ai bị thương, kể cả với một đội quân lớn ở trong tường thành. Những người bảo hộ hoặc chăm nom cái gì đó thì được gọi là *anakos*, và đó có thể là lý do vì sao các vị vua được gọi là *Anaktes*. Một lối giải thích khác là các con trai của Tyndareus được gọi là *Anakes* vì hình dạng chòm sao song tử trên bầu trời, vì người Athens dùng từ *anekas* và *anekathen* để chỉ *ano* và *anohen* nghĩa là *ở trên* hoặc *trên cao*.

34. Cũng nghe đâu là Aethra, mẹ của Theseus, từng bị bắt giữ tại Aphidnae, đã được đưa đến Sparta và sau này đến Troy,⁽¹³³⁾ và Homer đã xác nhận điều này khi ông ta kể rằng đi cùng Helen là

Aethra, con gái của Pittheus, và Clymene mất to.⁽¹³⁴⁾

Tuy nhiên, những người khác thì cho rằng câu thơ này là giả mạo, cũng như câu chuyện về Munychus. Nghe đâu Munychus là đứa con ngoài giá thú của Laodice và Demophoon, và đã được Aethra giúp nuôi dưỡng tại Troy. Mặt khác, Ister, trong *History of Attica* (Lịch sử Attica) quyển thứ 13, kể một câu chuyện rất lạ lùng và hoàn toàn khác về Aethra. Ông nói, có một thuyết cho rằng Paris đã bị Achilles⁽¹³⁵⁾ và Patroclus⁽¹³⁶⁾ đánh bại trong trận chiến bên sông Spercheius ở Thessaly, nhưng Hector⁽¹³⁷⁾ đã chiếm đoạt và cướp phá thành phố Troezen rồi bắt cóc Aethra, vốn đã bị bỏ lại đó. Nhưng đây có vẻ là chuyện rất khó tin.

35. Bấy giờ khi Heracles đang được Aidoneus xứ Molossia tiếp đãi, nhà vua tình cờ nhắc đến chuyện của Theseus và Pirithous, giải thích với Heracles những gì họ định làm khi đến đó và họ đã bị trừng phạt ra sao khi bị tìm thấy. Heracles bị choáng khi hay tin một người đã chết nhục nhã, trong khi người kia thì chỉ đang chờ chết. Heracles cảm thấy chẳng ích gì khi kết tội nhà vua về số phận của Pirithous, nhưng đã xin ông ta phóng thích Theseus và coi đây là một ân huệ dành cho mình. Aidoneus chấp thuận lời cầu khẩn ấy và Theseus đã được trả tự do rồi quay về Athens, nơi bạn bè ông vẫn chưa hoàn toàn mất hết quyền lực. Tất cả những nơi linh thiêng mà thành phố trước đây để dành cho ông thì giờ đây ông dành tặng Heracles, và ông đổi tên chúng từ Theseia thành Heracleia, chỉ trừ bốn địa danh, như Philochorus kể với chúng ta. Nhưng khi ông cố gắng giành lại vị thế đứng đầu quốc gia như trước, ông thấy mình bị nhấn chìm trong đủ kiểu hỗn loạn và chia bè rẽ phái. Ông nhận ra rằng lòng căm ghét của những người từng là kẻ thù khi ông ra đi giờ đây được gia tăng bởi sự khinh miệt, và hơn nữa, một bộ phận lớn dân

chúng đã hư hỏng và giờ đây mong đợi được phỉnh nịnh để tuân theo những mệnh lệnh của ông, thay vì chấp nhận chúng mà không thắc mắc. Khi ông cố đạt được ý đồ bằng vũ lực, ông thấy mình bị thất thế trước những kẻ mị dân cũng như các phe cánh, và cuối cùng, tuyệt vọng với viễn cảnh của mình, ông bí mật gửi các con đến Euboea cho Elephenor,⁽¹³⁸⁾ con trai của Chalcodon. Rồi sau khi long trọng buông những lời nguyện rửa lên dân Athens tại Gargettus (địa danh ngày nay được gọi là Araterion, hay nơi nguyện rửa) ông dong buồm đến Scyros.⁽¹³⁹⁾ Ông chờ đợi được tiếp đón ân cần ở đó, và ông cũng sở hữu một vài điền sản do tổ tiên để lại trên đảo này. Lúc bấy giờ, Lycomedes là vua của Scyros, và Theseus đã xin ông ta hoàn trả lại đất đai cho mình, vì ông có ý định sống ở đó, mặc dù theo một dị bản khác thì ông đã khẩn cầu nhà vua giúp ông chống lại người Athens. Nhưng Lycomedes, hoặc vì e ngại một người có danh tiếng như Theseus, hoặc vì muốn ban cho Menestheus một ân huệ, nên đã đưa Theseus lên nơi cao nhất của hòn đảo với cái có là để chỉ cho ông xem điền sản của mình từ nơi đó, để rồi đẩy ông xuống vách đá và bỏ mạng tại đó. Tuy nhiên, có một điển tích khác, rằng Theseus đã tự trượt ngã khi đang tản bộ theo thói quen sau bữa tối. Vào lúc ấy, chẳng mấy ai chú ý đến cái chết của ông. Menestheus bấy giờ đang là vua tại Athens, trong khi các con trai của Theseus phụng sự Elephenor như những thần dân của vua trong cuộc viễn chinh đến Troy, nhưng sau khi Menestheus chết trong cuộc chiến thành Troy, họ đã trở về và giành lại quyền sở hữu vương quốc. Tuy nhiên, trong những thời kỳ sau này, có nhiều lý do khiến người Athens tôn thờ Theseus như một vị bán thần; lý thú nhất là việc nhiều trong số những người chiến đấu với người Medes⁽¹⁴⁰⁾ tại Marathon tin rằng họ đã nhìn thấy Theseus hiện hình, toàn thân giáp phục và lao lên trước họ tấn công đám rợ⁽¹⁴¹⁾.

36. Sau các cuộc chiến tranh Ba Tư, khi Phaedo là quan chấp chính,⁽¹⁴²⁾ người Athens tham vấn lời tiên tri tại Delphi và được nữ tư tế Pythia chỉ thị đưa hài cốt của Theseus về quê nhà, tổ chức an táng trọng thể tại Athens và gìn giữ như thánh tích. Để tìm ra mộ phần và mang di hài về nhà là một nhiệm vụ khó khăn bởi tâm tính hung tợn và không hiếu khách của người Dolopia, lúc bấy giờ là những cư dân Scyros. Tuy nhiên, Cimon đã chiếm được hòn đảo, như tôi đã mô tả trong cuốn *Life* (Cuộc đời) của ông,⁽¹⁴³⁾ và coi việc tìm ra nơi an nghỉ của Theseus là vấn đề danh dự. Ông tình cờ thấy một con đại bàng, tại nơi có hình dạng một mô đất, đang dùng mỏ mổ xuống đất và dùng móng vuốt cào xới đất, và bằng một linh cảm nào đó ông kết luận rằng họ nên đào bới ở nơi này. Rồi họ tìm thấy áo quan của một người đàn ông dáng vóc to cao, bên cạnh là một ngọn giáo và thanh kiếm bằng đồng. Khi Cimon đưa những di vật này về nhà trên chiến thuyền ba tầng chèo của mình, người Athens xiết đãi hân hoan và nghênh đón chúng với những cuộc diễu hành và lễ tế tráng lệ, như thể chính vị anh hùng đang trở về với thành phố của mình. Ông được an táng tại trung tâm Athens gần nơi tọa lạc của Gymnasium⁽¹⁴⁴⁾ ngày nay, và lăng mộ của ông là thánh điện của đám nô lệ bỏ trốn và tất cả những người cùng khổ, bị áp bức và sợ hãi cường quyền, vì cả đời Theseus luôn là người bênh vực và cứu giúp kẻ khốn cùng, và luôn ân cần lắng nghe những lời thỉnh cầu của người nghèo. Lễ tế trang trọng nhất mà dân Athens cử hành để tôn vinh ông rơi vào ngày thứ tám của tháng Pyanepsion,⁽¹⁴⁵⁾ ngày ông từ Crete trở về cùng những thanh niên Athens. Ngoài ngày này, họ còn tôn vinh ông vào ngày thứ tám của các tháng khác, vì bắt nguồn từ việc ông từ Troezen đến Athens vào ngày thứ tám của tháng Hecatombaeon,⁽¹⁴⁶⁾ như nhà địa hình học Diodorus⁽¹⁴⁷⁾ đã ghi lại, hoặc vì họ coi đây là con số đặc biệt thuộc về ông, với tư cách người con trai danh nghĩa của Poseidon. Lý do cho việc này là họ tỏ lòng tôn

kính với Poseidon vào ngày thứ tám hằng tháng. Con số tám là lũy thừa ba của số chẵn đầu tiên và cũng là gấp đôi số bình phương đầu tiên. Do đó nó là một biểu tượng đặc biệt phù hợp cho quyền năng vĩnh cửu và bất di bất dịch của vị thần này, mà chúng ta gọi là người nâng đỡ và bảo hộ trần gian.

SOLON

[Khoảng 640/635 - sau 560 TCN]

DIDYMUS nhà ngữ pháp⁽¹⁴⁸⁾ đã viết một phúc đáp cho chuyên luận của Asclepiades⁽¹⁴⁹⁾ về bộ luật của Solon, trong đó Asclepiades dẫn lời phát biểu của Philocles⁽¹⁵⁰⁾ rằng cha của Solon là Euphorion, nhưng điều này mâu thuẫn với quan điểm của mọi tác giả khác từng viết về Solon. Mọi tác giả khác đều thống nhất rằng Solon là con trai của Execestides, một người tuy chỉ có khối tài sản và ảnh hưởng vừa phải ở Athens, nhưng lại thuộc về gia tộc danh giá nhất ở đó, vì ông thuộc dòng dõi của Codrus,⁽¹⁵¹⁾ một trong những vị vua cổ đại của Attica. Mẹ của Solon, như Heraclides xứ Pontus⁽¹⁵²⁾ cho ta biết, là chị em họ với mẹ của Pisistratus. Hai người đàn ông này hồi đầu là bạn bè chí cốt, một phần vì họ là họ hàng và một phần vì diện mạo trẻ trung ưa nhìn của Pisistratus, người mà theo một số tác giả thì Solon rất mực yêu quý. Đây rất có thể là lý do mà vào thời kỳ sau này, khi họ ở hai phe đối lập về chính trị, sự đối kháng giữa họ chưa bao giờ đi cùng bất kỳ cảm giác nghiệt ngã hay thù hận nào; trái lại, niềm quyến luyến hồi đầu hãy còn phảng phất trong tim họ và nuôi giữ kỷ ức trù mến thiết tha giữa họ:

Đóm hồng nơi tia sét rực rỡ của thần Zeus

Hãy còn bùng cháy⁽¹⁵³⁾

như lối diễn tả của Euripides. Trong những bài thơ của Solon, chúng ta cũng có thể nhìn thấy bằng chứng về việc ông chẳng thể cưỡng lại vẻ đẹp và không phải không thừa nhận tình yêu

Để gặp chàng như một đấu sĩ trên võ đài.

Ông cũng đề ra một đạo luật cấm các nô lệ xoa dầu lên cơ thể, luyện tập ở sân vận động hoặc có một tình nhân đồng giới, như vậy ý định của ông là hiển nhiên coi đó như một tập quán danh giá và tôn quý, và vì thế, theo một nghĩa nào đó, qua hành động cấm đoán nó nơi kẻ bất xứng, nó chỉ dành cho những người cao quý. Pisistratus nghe đâu cũng có một tình nhân đồng giới tên là Charmus và đã cung hiến một bức tượng Tình yêu ở Academy, nơi những vận động viên trong cuộc chạy rước đuốc thiêng thấp sáng ngọn đuốc của mình.

2. Theo Hermippus,⁽¹⁵⁴⁾ cha của Solon đã tiêu tán rất nhiều điền sản của mình trong vô số hoạt động từ thiện, nhưng không thiếu bạn bè sẵn lòng giúp đỡ con trai mình. Tuy nhiên, xuất thân từ một gia đình đã luôn quen ban phát sự giúp đỡ, Solon lấy làm xấu hổ nếu phải nhận bất kỳ sự trợ giúp nào, và vì vậy ngay từ khi trai trẻ, ông đã dẫn thân vào nghề buôn bán. Mặt khác, chúng ta cũng nghe nói là ông đã chu du khắp nơi để gạt hái kinh nghiệm và mở rộng tri thức thay vì kiếm tiền. Rõ ràng ông là một người yêu chuộng tri thức, vì ngay cả khi tuổi tác đã cao ông vẫn có thể nói

Tôi không bao giờ thôi học hỏi dù khi đã già⁽¹⁵⁵⁾

và ông cũng không mấy tôn sùng của cái, vì ông đã đi đến chỗ tuyên bố rằng hai người là giàu có như nhau, kể cả khi một người

... sở hữu rất nhiều,

Bạc vàng và những đồng lúa mì bát ngát,

Bò, ngựa và la: trong khi khẩu phần của người kia

Chỉ là miếng bánh hằng ngày quần áo che thân,

Giày dưới chân và vợ hiền con ngoan

Cùng những năm sống êm đềm bên nhau.⁽¹⁵⁶⁾

Nhưng có lúc khác ông viết:

Tôi mong giàu có, nhưng để có được nó bằng phương tiện bất chính

Thì tôi chẳng màng. Công lý dẫu chậm, nhưng chắc chắn.⁽¹⁵⁷⁾

Thật ra, một chính khách liêm khiết không cần quá để tâm tới việc thủ đắc tiền tài dư dật, cũng chẳng cần nghiêm ngặt phản bác sự sung túc hợp lẽ. Vào thời đó, như Hesiod kể với chúng ta, “lao động chẳng phải điều đáng hổ thẹn⁽¹⁵⁸⁾”; không nghề nào là thấp kém, và buôn bán thậm chí có thể đem đến uy tín cho một người, vì nó mang lại cho thương nhân sự thống tỏ các quốc gia bên ngoài và có được tình bạn của những nhà cai trị ngoại bang cùng nhiều trải nghiệm về sự đời. Một số thương nhân thậm chí đã trở thành các nhà sáng lập nên những thành phố vĩ đại, như Protis chẳng hạn, đã tranh thủ được tình thân hữu của người Gaul sống dọc sông Rhône để lập nên Marseille.⁽¹⁵⁹⁾ Người ta kể rằng cả Thales⁽¹⁶⁰⁾ lẫn Hippocrates nhà toán học⁽¹⁶¹⁾ đều từng tham gia buôn bán, còn Plato đã trang trải chi phí ở Ai Cập của mình bằng việc buôn bán dầu.

3. Vậy là trước thực tế rằng Solon có phần xa hoa và phung phí trong lối sống, và rằng trong những đoạn thơ ông nhắc đến khoái lạc một cách dễ dãi, nhiều hơn mức người ta vẫn chờ đợi ở một triết gia, mà chung quy bị gá cho việc ông là một con buôn. Ông đã lĩnh nhận nhiều rủi ro và mong đợi sự bù đắp cho điều này dưới dạng những niềm khoan khoái và sự giải trí. Nhưng mặc tất cả các điều đó, qua những câu thơ sau thì rõ ràng là ông tự xếp mình vào hạng nghèo chứ không phải hạng giàu:

Kẻ xấu thường phát đạt, kẻ thẳng ngay lại đói khát;
Nhưng tôi sẽ không đánh đổi địa vị của mình với họ,
Đức hạnh của tôi với vàng của họ. Vì của tôi trường tồn,
Trong khi của cải đổi chủ mỗi ngày.⁽¹⁶²⁾

Ông dường như đã làm thơ⁽¹⁶³⁾ lần đầu tiên mà không có bất kỳ mục đích nghiêm túc nào trong quan điểm mà đơn giản chỉ để tiêu khiển giữa lúc nhàn rỗi. Về sau, ông đã đưa những châm ngôn có tính triết lý và nhiều vấn đề chính trị vào thơ mình, không chỉ để cung cấp một ghi chép lịch sử, mà trong vài trường hợp còn để biện minh cho các hành động của mình, và trong những trường hợp khác để cổ vũ, cảnh báo, hay quở trách người Athens. Một vài tác giả nói rằng ông đã cố diễn đạt những luật lệ của mình dưới dạng sử thi trước khi công bố chúng, và họ trích dẫn lời mở đầu của chúng như sau:

Trước hết ta hãy nguyện cầu thần Zeus, đưa con trai hoàng tộc của Cronos

Cho bộ luật của ta thành công và vang danh nơi nơi.⁽¹⁶⁴⁾

Trong triết học, giống như hầu hết các nhà thông thái thời ấy, ông bận tâm trên hết với việc áp dụng đạo đức vào chính trị. Trong vật lý học,

những tư tưởng của ông cực kỳ sơ đẳng và lạc hậu, như thấy rõ trong đoạn thơ sau:

Mây lũng lờ trút tuyết và mưa đá
Sấm nổ tung từ ánh chớp chói lòa,
Biển gầm gào cuồng nộ bởi phong ba,
Nhưng, khi ngủ, đó là nhân tố êm dịu nhất.⁽¹⁶⁵⁾

Nói chung, Thales dường như là nhà hiền triết duy nhất của thời ấy đeo đuổi sự tư biện vượt quá giới hạn của các vấn đề hoàn toàn thực tiễn; tất cả số còn lại đều nổi danh vì sự khôn ngoan xuất phát từ năng lực của nhà chính khách.⁽¹⁶⁶⁾

4. Nghe nói họ đã cùng tề tựu ở Delphi và một lần nữa tại Corinth, nơi Periander⁽¹⁶⁷⁾ sắp xếp một dạng hội đồng dành cho họ và tổ chức một bữa tiệc. Nhưng điều thậm chí làm gia tăng danh tiếng của họ hơn nữa là câu chuyện về cái giá ba chân được luân chuyển qua tay họ, tất cả bảy người, và mỗi người đều lần lượt từ chối, mỗi người đều cố thể hiện đức tính khiêm tốn và thiện chí hơn người của mình. Chuyện là, một vài ngư dân đảo Cos kéo được một mẻ lưới và một số người lạ mặt từ Miletus đã mua gọn mẻ lưới mà không cần xem bên trong có gì. Trong đó hóa ra là cái giá ba chân bằng vàng, mà theo truyền thuyết thì do Helen ném xuống đó trong chuyến hải hành từ Troy về quê nhà, vì tuân theo một lời tiên tri cổ xưa nào đó. Người Miletus bắt đầu tranh cãi với các ngư dân về cái giá ba chân, và rồi những thành phố của họ cũng bị lôi vào cuộc tranh chấp và cuối cùng đi đến chiến tranh. Tới lúc này, nữ tư tế Pythia của Apollo bèn tuyên bố với cả hai bên rằng cái giá ba chân phải được trao cho người thông thái nhất. Vậy là đầu tiên nó được gửi đến cho Thales xứ Miletus,

và người Coan sẵn lòng giao cho cá nhân ông này cái vật mà vì nó họ đã phải chiến đấu với toàn bộ dân Miletus. Tuy nhiên, Thales lại tuyên bố rằng Bias⁽¹⁶⁸⁾ là người thông thái hơn mình, và cái giá ba chân được gửi đến cho Bias, người lại trao nó cho một ứng viên khác thông thái hơn mình. Vậy là nó cứ bị từ chối và trao qua lần lượt từng nhà hiền triết cho đến khi nó tới tay Thales lần thứ hai. Cuối cùng, từ Miletus nó được chuyển đến Thebes và được cung tiến vào đền thờ Apollo ở Ismenus, gần một con sông.

Tuy nhiên, theo Theophrastus,⁽¹⁶⁹⁾ cái giá ba chân đầu tiên được gửi đến Bias ở Priene, sau đó đến Thales ở Miletus theo yêu cầu của Bias. Theo cách này nó đã đi vòng vèo qua tay tất cả các nhà hiền triết, cho đến khi một lần nữa trở lại với Bias và sau cùng được đưa tới Delphi. Đây là những phiên bản nổi tiếng nhất của câu chuyện, mặc dù một số người nói rằng tặng phẩm ấy không phải là cái giá ba chân được thấy tại Delphi ngày nay, mà là một cái bát tô do Croesus gửi đến, và số khác lại cho rằng đó là chiếc chén uống rượu do Bathycles⁽¹⁷⁰⁾ để lại.

5. Solon được kể là đã có cuộc gặp riêng tư với Anacharsis⁽¹⁷¹⁾ và một lần khác với Thales, những lời kể mà chúng ta có được về các cuộc gặp này như sau: Anacharsis đến Athens, gõ cửa nhà Solon và thông báo rằng mình là một kẻ lạ mặt đến đây để kết bạn với ông và để hưởng niềm mến khách của ông. Solon đáp rằng tốt hơn nên kết giao bạn hữu ở quê nhà, Anacharsis vặn lại: “Rất tốt, ông đang ở nhà! Ông có thể nhận tôi làm bạn hữu và vị khách của ông.” Solon bị ấn tượng bởi sự hóm hỉnh nhạy bén ấy, bèn niềm nở đón tiếp và chiêu đãi ông ta tại nhà mình trong một thời gian. Bấy giờ là thời điểm Solon đã quan tâm đến chính trị và đang soạn thảo bộ luật của mình. Khi Anacharsis phát hiện ra điều này, ông ta cười nhạo việc Solon cho rằng sự bất công và tham lam của đồng bào mình có thể được kiểm chế trong khuôn khổ các điều khoản của bộ luật thành

văn, vốn giống những mạng nhện hơn bất cứ thứ gì khác; Anacharsis nói rằng cái mạng này sẽ chỉ nắm được người yếu và áp chế ai đó bị vướng vào, nhưng sẽ bị xé tan thành từng mảnh bởi những kẻ giàu có và quyền thế. Solon bèn đáp, chúng tôi được dạy, rằng người ta sẽ tuân thủ những thỏa thuận khi không bên nào được lợi lộc gì nếu vi phạm chúng, và rằng ông đang soạn thảo các bộ luật cho người Athens theo cách sao cho ai cũng rõ là tuân thủ thì sẽ có lợi cho mình hơn là phá bỏ chúng. Tuy nhiên, kết quả hóa ra phù hợp với dự đoán của Anacharsis hơn là hy vọng của Solon. Cũng chính Anacharsis là người đã nhận xét, sau khi dự một buổi họp hội đồng, rằng ông ta kinh ngạc khi thấy ở Hy Lạp người khôn ngoan nói về việc công, nhưng kẻ ngu ngốc lại quyết định chúng.

6. Khi Solon đến thăm Thales tại Miletus, ông được kể là đã tỏ ra ngạc nhiên trước việc vị chủ nhà của mình hình như không muốn lấy vợ và lập gia đình. Thales lẳng lặng trong một thời gian, nhưng ít ngày sau ông ta bố trí cho một người đàn ông lạ mặt đến thông báo rằng anh ta vừa trở về sau khi rời Athens chục ngày trước. Khi Solon hỏi có gì mới xảy ra ở đó không, người đàn ông, với những câu trả lời đã được tập dượt kỹ lưỡng, kể với ông: “Chỉ có đám tang của một chàng trai trẻ, được cả thành phố tiễn đưa đến nơi an nghỉ. Tôi nghe đâu chàng là con trai của một công dân ưu tú, với đức hạnh vượt hơn hết thấy mọi người, thế mà người cha này lại không có mặt ở đám tang con mình. Tôi được hay rằng ông ta đang đi du lịch nước ngoài một thời gian dài.” “Ôi kẻ bất hạnh!” Solon thốt lên. “Ông ta tên gì?” “Tôi có nghe tên,” người đàn ông trả lời, “nhưng giờ quên mất rồi, mặc dù có nhiều lời đồn đại về sự khôn ngoan và chính trực của ông ấy.” Cứ thế mỗi câu trả lời càng làm tăng thêm nỗi nghi ngại của Solon, và sau hết trong tột cùng bán loạn, ông cho người lạ hay tên mình và hỏi người chết có phải là con trai của Solon không. Khi người đàn ông đáp đúng vậy, Solon bắt đầu đấm vào đầu mình và hành động như một kẻ

bán loạn trước nỗi đau khổ chất ngất, nhưng Thales đã nắm tay ông và cười mà nói rằng, “Giờ thì Solon, ông đã biết cái gì ngăn tôi lấy vợ sinh con rồi đấy, đến ngay cả người kiên cường như ông còn quá ngưỡng chịu đựng. Nhưng ông không cần đau buồn vì chuyện này. Chuyện này hoàn toàn do tôi bịa ra đấy.” Theo Hermippus, dù sao đi nữa, đây là câu chuyện được Pataecus⁽¹⁷²⁾ thuật lại, và khoe rằng ông ta đã kế thừa tâm hồn của Aesop.⁽¹⁷³⁾

7. Nhưng đây chắc chắn cũng là một thái độ ngớ ngẩn và hèn nhát đối với một người từ bỏ mọi thứ mà anh ta có quyền một cách chính đáng, chỉ vì sợ rằng mình có thể mất chúng. Cứ theo luận điệu này thì con người ta chớ nên mong sở hữu bất cứ thứ gì, từ tiền tài danh vọng đến trí tuệ, để khỏi lo một ngày nào đó anh đánh mất chúng. Ngay cả đức hạnh, tài sản vĩ đại và quý giá nhất trên đời, vẫn thường bị bệnh tật hay thuốc phiện làm cho mất đi. Chính vì lẽ đó mà Thales, dù không lấy vợ, nhưng không thể hoàn toàn rũ bỏ nỗi sợ hãi, trừ phi ông ta từ chối mọi mối quan hệ hay bạn hữu hay quê hương: trên thực tế, chúng ta được biết, ông ta đã nhận nuôi con trai của em gái mình, Cybisthus. Sự thật thì sâu thẳm trong tâm hồn mỗi con người là nỗi khao khát tình yêu, và bản chất của khao khát về tình yêu này cũng giống như khi cảm nhận, hiểu biết, hay nhớ nhung vậy. Nỗi khắc khoải này bao trùm lấy nó, và nếu nó không tìm thấy gì để yêu nơi quê nhà, nó sẽ bám chắc lấy một đối tượng xa lạ nào đó; và cũng như sự thể xảy ra với một ngôi nhà hay một điền sản không có người thừa kế hợp pháp, thì với nỗi khao khát yêu thương này cũng vậy, một kẻ xa lạ hoặc đứa con hoang sẽ đến cư ngụ và chiếm lấy nó, và chẳng những giành được tình yêu mà cả sự sợ hãi và âu lo của chúng ta vì lợi ích của chúng. Chẳng hạn, hoàn toàn bình thường khi thấy có những người tính tình nghiệt ngã hay lên giọng phản bác hôn nhân và sinh con đẻ cái, nhưng ngay khi con cái của gia nhân hay nàng

hầu của anh ta ngã bệnh và chết, anh ta sẽ quần quai đau khổ và không dùng được những lời than vãn tội tệ nhất, hay những kẻ đau buồn ứ đọng thái quá chỉ vì cái chết của con chó hoặc con ngựa. Mặt khác, có người chịu đựng cái chết của đứa con trai cao quý của mình mà không tỏ ra thống khổ quá mức hay hành xử thiếu phẩm cách, và vẫn tiếp tục để cho lý trí dẫn dắt suốt phần còn lại của đời mình. Những ai không học được cách tự cường bằng lý trí trước đòn roi của số phận sẽ mãi mãi chất chứa phiền muộn và sợ hãi cho chính mình, và không phải tình thương mà chính sự yếu đuối đã gây ra chuyện này. Những người như vậy thậm chí không thể tận hưởng điều họ hằng khát khao khi họ có được nó, mà sẽ để cho bản thân bị giày vò bởi khổ não và âu lo và e sợ thường trực, vì họ luôn dự cảm về một tương lai mất mát nào đó. Con đường khôn ngoan nhất là dùng để phòng sự mất mát tiền của bằng cách lẩn trốn trong cảnh đói nghèo, dùng để phòng mất bạn bằng khước từ tình bạn, dùng để phòng mất con bằng cách không có con, thay vào đó, hãy tự sửa soạn khí giới lý trí ngõ hầu đứng vững trước mọi nghịch cảnh. Tuy nhiên, chúng ta đã nói nhiều hơn mức cần thiết về chủ đề này.

8. Người Athens đã kiệt sức trong cuộc chiến dai dẳng triền miên với người Megara để giành giật đảo Salamis, nên cuối cùng họ đã thông qua một đạo luật cấm bất cứ kẻ nào trong tương lai nói hay viết về việc giành lại quyền sở hữu Salamis cho Athens, nếu vi phạm sẽ bị tử hình. Solon cảm thấy đây là một nỗi nhục quá sức chịu đựng, và ông nhận ra là nhiều thanh niên ở Athens nóng lòng muốn có một cái cớ để tuyên chiến, nhưng không dám thổ lộ chỉ vì đạo luật kia. Do đó ông bèn giả điên, và gia đình ông phao tin khắp thành phố ông đã mất trí. Trong lúc đó, ông bí mật viết những vần thơ bi ai, và khi đã học thuộc lòng, ông bắt đầu xuất hiện ở chợ với chiếc mũ phớt nhỏ trên đầu. Một đám đông tụ tập

quanh ông. Ông trèo lên bệ đá của sứ giả và đọc thuộc lòng bài thơ bắt đầu bằng những dòng:

Tôi đến như một sứ giả từ Salamis đẹp xinh
Để nói với các bạn, không phải bằng diễn thuyết, mà bằng bài ca
Điều chúng ta phải làm.⁽¹⁷⁴⁾

Bài thơ tên là *Salamis*, và nó bao gồm 100 câu trau chuốt trang nhã. Khi Solon ngâm xong, những lời tán thưởng đồng loạt vang lên từ phía bạn bè ông, và riêng Pisistratus đã thúc giục mọi người hành động theo lời ông. Và vì vậy họ hủy bỏ đạo luật, lại lao vào chiến tranh và bầu Solon làm người chỉ huy của mình.

Phiên bản được ưa thích của câu chuyện này như sau. Solon cùng Pisistratus đi thuyền đến mũi Colias, ở đó ông nhìn thấy tất cả phụ nữ Athens đang cử hành tục tế nữ thần Demeter.⁽¹⁷⁵⁾ Bấy giờ ông bèn cử một người thân tín đến Salamis, giả vờ là kẻ đào ngũ và bảo người Megara hãy lên thuyền đi với anh ta càng nhanh càng tốt đến Colias, nếu họ muốn đoạt được phụ nữ của các gia đình Athens danh giá. Người Megara bị mắc lừa và cử một toán đàn ông lên thuyền anh ta. Ngay khi Solon nhìn thấy con thuyền từ đảo đang đi tới, ông liền ra lệnh cho cánh phụ nữ rút lui và bố trí đám thanh niên râu ria nhẵn nhụi cải trang bằng áo choàng và khăn trùm đầu và giày dép của phụ nữ, đồng thời lặn dao găm trong người, nhảy nhót vui đùa trên bờ biển cho đến khi kẻ thù cập bờ và con thuyền lọt vào tầm tay họ. Mọi thứ diễn ra theo mệnh lệnh của ông; đám Megara bị quyến rũ khi nhìn thấy những phụ nữ giả trang, bèn nhảy ra khỏi thuyền để bắt lấy họ, tranh nhau lao lên trước. Họ bị giết sạch đến

người cuối cùng, và người Athens lập tức giương buồm vượt biển đến chiếm đảo.

9. Tuy nhiên, có một thuyết khác kể rằng Salamis đã không bị chiếm bằng cách này, mà đầu tiên là Solon nhận được lời tiên tri từ thần linh tại Đền Delphi:

Trước hết hãy cúng tế những chiến binh từng có nhà trên đảo này,
Đang được bình nguyên Asopia trập trùng xanh tươi bao bọc,
Nằm trong những ngôi mộ anh hùng quay mặt về phía hoàng hôn,

và rồi vâng theo mệnh lệnh này ông đã đi thuyền đến Salamis vào ban đêm, cúng tế các vị anh hùng Periphemus và Cychreus. Rồi ông chọn ra 500 người Athens tình nguyện, hứa hẹn trao cho họ những vị trí chủ chốt trong chính quyền đảo này nếu họ chiếm được nó. Ông khởi hành với một số thuyền đánh cá được một chiến thuyền 30 mái chèo hộ tống, và bỏ neo ngoài khơi Salamis tại một điểm gần bờ biển quay mặt về hướng Euboea. Trong khi đó người Megara trong thành phố Salamis, vốn chỉ nghe được lời tường thuật lộn xộn về những gì đang diễn ra, đã hấp tấp cầm vũ khí lao ra đấy, và đồng thời cử một thuyền đi trinh sát động tĩnh của kẻ thù. Solon chiếm lấy con thuyền ngay khi nó đến gần và giam giữ tất cả thủy thủ. Rồi ông đưa lên thuyền đó những người tình nguyện dũng cảm nhất của mình, và lệnh cho họ giương buồm tới thành phố, cố gắng hết sức tránh bị nhìn thấy. Trong khi đó, với lực lượng Athens còn lại, ông tấn công người Megara trên đất liền, và đang khi cuộc giao tranh vẫn còn diễn ra thì những người trên thuyền đã đánh úp và chiếm được thành phố.

Lời kể này dường như được xác nhận bởi một số nghi lễ đã được hình thành về sau. Trong nghi lễ này một con thuyền Athens sẽ giương buồm, thoát đầu im ắng hoàn toàn, và rồi khi đến gần bờ, người trên đó sẽ gào thét như trong chiến trận và một người giáp phục toàn thân sẽ nhảy xuống khỏi thuyền reo mừng chiến thắng và chạy đến mũi đất Sciradium để hợp lại với lực lượng đang tấn công trên bộ. Tọa lạc gần địa điểm này là đền thờ thần Ares mà Solon đã cho xây dựng, vì ông đã đánh bại người Megara và tất cả những kẻ sống sót sau cuộc chiến đều được tha mạng sau khi đã hứa tu tỉnh.

10. Bất chấp những thất bại này, người Megara vẫn chiến đấu và mỗi bên đã giáng cho bên kia nhiều thiệt hại to lớn, cho đến khi rốt cuộc họ đồng ý để người Sparta làm trọng tài phân xử giữa đôi bên. Giờ đây hầu hết các tác giả đều nói rằng Solon trong dịp này đã sử dụng uy quyền của Homer để làm tăng sức nặng lý lẽ cho phía mình, vì ông đã chèn vào đoạn nói về Danh mục Thuyền bè trong *The Illiad* hai câu thơ:

12 chiến thuyền Ajax đưa đến từ Salamis

Và cập bờ gần chủ nhà Athens⁽¹⁷⁶⁾

và đọc hai câu này lên giữa phiên tòa.

Tuy nhiên, bản thân người Athens cho rằng chuyện này là vô lý, và quả quyết rằng Solon đã chứng minh với các quan tòa là hai con trai của Ajax, gồm Philaeus và Eurysaces, đã trở thành những công dân Athens, nhượng đảo của họ cho Athens và định cư ở Attica, một người ở Brauron còn người kia ở Melite, và trên thực tế có một thị trấn gọi là Philaidae theo tên của Philaeus, nơi mà Pisistratus thuộc về. Họ cũng kể rằng Solon, trong nỗ lực làm suy yếu thêm phía Megara, đã chỉ ra rằng người

chết trên đảo Salamis được chôn cất theo lối Athens chứ không phải Megara, vì người Megara chôn người chết quay mặt về phía đông còn người Athens quay về phía tây. Mặt khác, người Megara lại phủ nhận điều này và khẳng định là người Megara cũng chôn người chết của họ quay về phía tây, và quan trọng hơn, ông khẳng định chuyện mỗi người Athens có một mộ riêng, trong khi người Megara (cũng như những cư dân đầu tiên của Salamis) đặt ba hoặc bốn thi thể vào chung một mộ. Tuy nhiên, chuyện kể rằng Solon cũng được nhiều tuyên bố tiên tri từ Delphi ủng hộ, trong đó thần linh nhắc đến người Salamis như là người Ionia.⁽¹⁷⁷⁾ Vụ việc được năm người Sparta gồm Critoladas, Amompharetus, Hypsechidas, Anaxilas, và Cleomenes phân xử.

11. Tên tuổi và uy quyền của Solon đã tăng lên bội phần qua các sự kiện này. Nhưng ông còn được ngưỡng mộ và ca tụng trên toàn cõi Hy Lạp nhiều hơn nữa khi ông lên tiếng dưới danh nghĩa đền thờ Delphi, tuyên bố rằng người Hy Lạp không được để cho người Cirrha⁽¹⁷⁸⁾ báng bổ lời tiên tri, mà phải đến giải cứu nó và giúp người Delphi để đảm bảo rằng Apollo vẫn được tôn thờ ở đó. Chính vì theo lời khuyên của ông mà Hội đồng Amphictyony⁽¹⁷⁹⁾ đã lao vào chiến tranh, như Aristotle cùng với nhiều người khác đã xác nhận ở danh sách người chiến thắng tại đại hội thể thao Pythian⁽¹⁸⁰⁾ của ông, trong đó ông ta ngợi khen Solon vì thái độ này. Tuy nhiên, Solon không được bổ làm tướng lĩnh cuộc chiến này, như Evanthes xứ Samos⁽¹⁸¹⁾ viện dẫn (theo Hermippus). Nhà hùng biện Aeschines⁽¹⁸²⁾ tất nhiên không đưa ra tuyên bố như thế, và theo những ghi chép tại Delphi thì người thống lĩnh quân Athens là Alcmaeon, chứ không phải Solon.

12. Athens từ lâu khốn cùng với món nợ đầm máu mà nó đã gây ra với Cylon⁽¹⁸³⁾ và phe của ông. Nhân dịp đó, quan chấp chính Megacles⁽¹⁸⁴⁾ đã thuyết phục Cylon và các đồng mưu đang tìm sự che chở trong đền thờ

Athena ra nộp mình trước tòa.⁽¹⁸⁵⁾ Họ cột sợi chỉ đã được bện lại vào bức tượng nữ thần và giữ nó bên mình để luôn được bà che chở. Nhưng trên đường từ vệ thành xuống,⁽¹⁸⁶⁾ khi họ đến gần điện thờ của các nữ thần trả thù thì sợi chỉ bỗng dưng bị đứt, rồi thì Megacles và các quan chấp chính khác xông tới bắt họ, viện cớ rằng nữ thần đã từ chối lời họ khẩn cầu. Những ai ở bên ngoài khu vực thiêng bị ném đá đến chết, những ai ẩn nấp sau điện thờ bị hành quyết tại chỗ, và đám duy nhất được tha chết là những người đã cầu xin các bà vợ của các quan chấp chính. Vì lý do này, các quan chấp chính bị dân chúng nguyên rủa và căm ghét. Những đồng mưu sống sót đó của Cylon bèn xây dựng lại một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ, và hình thành một phe phái thường trực chống đối những hậu duệ của Megacles. Vào thời điểm chúng ta đang nói đây thì mối cừu hận đã lên tới đỉnh điểm và thành phố bị xâu xé bởi hai bè phái. Vì vậy, Solon lúc bấy giờ với tiếng tăm lên rất cao đã đứng ra hòa giải giữa họ cùng với sự giúp đỡ của một số người Athens lỗi lạc nhất, và bằng lý lẽ và sự nài nỉ đã thuyết phục được những người mà vẫn đang bị nguyên rủa ra trước tòa và chịu sự xét xử của một bồi thẩm đoàn gồm 300 công dân, được lựa chọn từ những gia đình danh giá nhất. Myron xứ Phlya là một biện lý⁽¹⁸⁷⁾ và gia tộc Megacles bị tuyên có tội. Các thành viên còn sống bị lưu đày còn thi thể những kẻ đã chết thì bị quật lên và đưa ra khỏi biên giới Attica. Giữa những lộn xộn đó, người Athens đã bị người Megara tấn công và để mất Nisaea, và một lần nữa họ lại bị đuổi khỏi Salamis. Lúc này, thành phố còn trở thành miếng mồi ngon cho những nỗi sợ hãi mê tín và hồn ma kỳ lạ, còn giới bói toán thì tuyên bố rằng các cúng tế của họ đã tiên báo về những lời nguyên rủa và sự ô uế vốn đòi hỏi phải chuộc tội.

Trong tình hình này họ đã phái người tới Crete để tìm Epimenides xứ Phaestus, vốn được những người không thừa nhận Periander xứ Corinth

thuộc nhóm thất hiền coi là nhà hiền triết thứ bảy của Hy Lạp.⁽¹⁸⁸⁾ Người ta tin Epimenides là người được thần linh đặc biệt yêu quý và thông tỏ sâu sắc về những vấn đề tôn giáo, nhất là trong mọi thứ liên quan đến linh giác và nghi lễ bí truyền. Vì lý do này mà người đương thời nói rằng Epimenides là con trai của một nữ thần tên là Balte và họ coi ông như một vị thánh hiện đại, hay tư tế ở Crete của thần Zeus. Khi đến Athens, Epimenides kết bạn với Solon, giúp đỡ ông trên nhiều phương diện để sửa soạn cho việc soạn luật của ông. Epimenides khiến cho người Athens thành tin hơn với việc thờ cúng tôn giáo và tiết chế hơn trong những lễ tang; ông làm điều này bằng cách đưa ngay vào nghi thức tang của họ một số nghi thức cúng tế, và bằng cách bãi bỏ những tập tục khắc nghiệt đã man mà phụ nữ Athens phải thực hiện đến thời điểm đó. Nhưng công trạng lớn nhất mà Epimenides có được qua các nghi lễ chuộc tội và thanh tẩy cũng như xây dựng những nơi thờ phụng, là đã hợp thức và thánh hóa thành phố, làm cho dân chúng tuân theo công lý hơn và sẵn sàng sống chan hòa với nhau hơn. Nghe đâu khi ông ta nhìn thấy Munychia,⁽¹⁸⁹⁾ tòa thành che chở Piraeus, và xem xét kỹ lưỡng nó trong một thời gian, ông ta đã nhận xét với những người qua đường: “Con người mới đui mù về tương lai làm sao! Giá mà người Athens có thể biết nơi này sẽ mang đến những nỗi bất hạnh nào cho thành phố của mình, họ ắt sẽ phá hủy nó cho đến hòn gạch cuối cùng.” Thales cũng được tiếng có tài tiên tri tương tự. Ông được cho là đã để lại những hướng dẫn để chôn cất mình ở một chỗ đìu hiu vắng vẻ trong thành phố, và đã tiên đoán một ngày nào đó nó sẽ trở thành nơi họp chợ của Miletus. Dù sao đi nữa, người Athens đã vô cùng khâm phục Epimenides và họ tặng cho ông một số tiền lớn cùng những sự vinh danh cao, nhưng ông không đòi hỏi gì hơn một hành ô liu linh thiêng, và mang nó theo mình về lại quê nhà.

13. Tuy nhiên, khi các sóng gió liên quan tới Cylon đã qua và những người dính líu đến món nợ máu đã bị lưu đày như tôi đã kể, người Athens lại rơi vào những trận cãi vã liên miên về một mô thức một chính quyền. Thành phố bị chia rẽ thành nhiều bè phái như những đặc điểm địa lý về lãnh thổ của nó vậy. Phe Núi đòi thì ủng hộ nền dân chủ tối đa, phe Đồng bằng lại ủng hộ chế độ cực quyền thiểu số trị, trong khi phe Bờ biển hình thành một lập trường thứ ba, mong muốn một hình thức chính quyền dung hợp đâu đó giữa hai phe kia, đối trọng với cả hai và ngăn bất kỳ phe nào thắng thế. Ở thời điểm này, những bất bình đẳng giữa người giàu và người nghèo, như vốn có, đã lên tới cao độ. Thành phố đứng bên bờ vực của cuộc cách mạng, và có vẻ như cách duy nhất để đặt dấu chấm hết cho những hỗn loạn triền miên của nó và đạt được sự ổn định là thiết lập một nền chuyên chế. Tất cả dân thường đều mang công mắc nợ một thiểu số giàu có. Họ hoặc là canh tác trên đất của người giàu và nộp một phần sáu hoa lợi và vì vậy được gọi là những Hectemorioi và Thetes,⁽¹⁹⁰⁾ hoặc đem chính bản thân mình làm vật thế chấp để lấy tiền và có thể bị chủ nợ bắt giữ, một số người làm nô lệ ở quê nhà, một số khác bị bán cho người ngoại bang. Nhiều cha mẹ thậm chí phải bán con mình (vì không có luật nào ngăn cấm chuyện này), hoặc tha hương vì sự nghiệt ngã của chủ nợ. Tuy nhiên, phần đông, bao gồm những người can đảm nhất, đã bắt đầu biết đoàn kết và khích lệ lẫn nhau đừng mãi cam chịu những bất công này, mà hãy chọn ra một người họ có thể tin tưởng để lãnh đạo mình. Để rồi từ đó, họ đề đạt việc trả tự do cho tất cả các con nợ bị bắt làm nô lệ, chia lại đất đai và làm một cuộc cải tổ hiến pháp toàn diện.

14. Đến thời điểm này, những người Athens điếm đạm nhất đã bắt đầu hướng về Solon. Họ thấy rằng ông, hơn bất kỳ ai khác, đứng cách xa với những bất công của thời ấy và không dính dáng gì đến những trò bóp

nạn của người giàu cũng như tình cảnh thiếu thốn của kẻ nghèo, và sau cùng họ bèn khẩn nài ông đứng ra hòa giải các bất đồng. Tuy nhiên, Phantias xứ Lesbos⁽¹⁹¹⁾ xác nhận rằng Solon đã tự ý thỏa thuận âm thầm với cả hai phía nhằm cứu lấy thành phố, và bí mật hứa với người nghèo rằng ông sẽ chia lại đất đai, với người giàu rằng ông sẽ giữ vững những cam kết bảo đảm cho họ. Còn theo chỗ Solon, ông nói là ông chỉ tham gia chính trị một cách rất bất đắc dĩ, vì ông e ngại bản tính tham lam của phía này cũng như sự ngạo mạn của phía kia. Tuy nhiên, ông đã được chọn làm quan chấp chính⁽¹⁹²⁾ kế tục Philombrotus để hành động với hai tư cách trọng tài kiêm nhà lập pháp, vì người giàu đã sẵn sàng chấp nhận ông như một người thượng lưu còn người nghèo thì coi ông là người có phép tắc. Cũng nghe đâu ông từng nhận xét là “bình đẳng không dễ ra xung đột,” được lặp đi lặp lại khắp nơi trước khi ông đắc cử và làm vui lòng cả giới có của lẫn người cùng khổ; giới có của cho rằng ông muốn nói về sự bình đẳng dựa trên công trạng và thành tích, còn người cùng khổ là sự quân bình định lượng căn cứ vào việc đếm theo đầu người. Bởi vậy, cả hai bên đều tràn trề niềm hy vọng, và những người đứng đầu của cả hai bên đã nhiều lần thúc ép Solon đi theo ý tưởng thiết lập một nền chuyên chế: họ tìm cách thuyết phục ông rằng ông có thể đoạt lấy quyền kiểm soát thành phố với tất cả sự quả quyết mà giờ đây quyền lực đã mang lại cho ông. Ngoài ra, có nhiều người không gắn bó với bên nào cả và họ thấy rằng quá trình tạo ra sự thay đổi triệt để bằng tranh luận và pháp chế là nhọc sức và phiền hà, và họ không phải là không hài lòng với việc một người duy nhất, công bình và thông thái nhất nước, ở vào vị trí thống lĩnh. Có một số người nói rằng Solon đã nhận được một lời tiên tri từ Delphi, như sau:

Giờ đây hãy ngồi giữa thuyền, vì ngươi là hoa tiêu của Athens.

Hãy nắm chặt bánh lái trong tay; người có nhiều đồng minh trong thành phố của mình.

Những bạn bè thân thiết trách móc ông nhiều hơn cả trước việc ông quay lưng lại với quyền lực chuyên chế chỉ vì sợ mang tiếng bạo chúa, mà không chịu xét đến thực tế rằng đức hạnh của người mang uy quyền ấy có thể lập tức biến nó thành quyền lực tối cao hợp pháp. Họ dẫn ra tiền lệ trước đó là Tynnondas ở Euboea,⁽¹⁹³⁾ và Pittacu⁽¹⁹⁴⁾ một người đương thời mà dân Mitylene đã chọn làm bạo chúa của mình.

Không lý lẽ nào có thể làm lung lay quyết tâm của Solon. Ông trả lời bạn bè, như chúng ta được kể, rằng chiếc ngai chuyên chế là chỗ thú vị để ngồi lên, nhưng chẳng có cách nào xuống khỏi đó, và đây là một trong những bài thơ ông viết cho Phocus.⁽¹⁹⁵⁾

Và nếu tôi miễn cho đất nước tôi
Khỏi cảnh bạo lực và nền chuyên chế tàn nhẫn
Và giữ cho tên mình sạch mọi vết nhơ
Với điều đó tôi sẽ không xấu hổ; thay vào đó tin rằng
Đó là vinh quang lớn nhất của tôi.⁽¹⁹⁶⁾

Từ đó dường như rõ ràng ông đã thích thú với danh vọng ngút ngàn, kể cả trước khi trở thành nhà lập pháp của Athens. Về những lời chế nhạo ném vào ông vì đã từ chối làm kẻ chuyên quyền, ông đã viết như sau:

Solon không phải nhà tư tưởng sâu sắc, thậm chí không phải là người biết suy xét thấu đáo; Khi thần linh trút may mắn như mưa xuống đầu

ông ấy, ông ấy chỉ từ chối. Khi lưới của ông ấy đầy những cá, ông ấy không thể kéo lên vì quá kinh ngạc.

Trao cho tôi cơ hội làm bạo chúa, với quyền thế và giàu sang vô tận như vậy tôi làm sao mà bước xuống, mặc dù tôi chỉ cai trị Athens có một ngày; Để rồi tôi có thể bị oán thán và tên tuổi tôi bị ném vào quên lãng.
(197)

15. Đây là cách ông đã khiến cho những thành phần vô lương tâm và kể cả dân chúng nói chung bàn tán về mình. Nhưng, cho dù ông có từ chối trở thành một bạo chúa, thì ông cũng không phải là người quá ham mớ tay vào công vụ và không có gì là mơ hồ trong pháp luật của ông. Nó không nhượng bộ kẻ mạnh, cũng chẳng nuông chiều những ý thích bất chợt của người bỏ phiếu. Mỗi khi ông tán thành cách thu xếp hiện thời, ông đều không cố gắng thay đổi hay can dự vào nó, vì ông sợ nếu ông làm đảo lộn mọi thứ và khiến đất nước rối tung lên, có lẽ ông sẽ không có đủ quyền lực để văn hồi trật tự và khôi phục tình trạng tốt đẹp ban đầu. Ông chỉ đưa ra các thay đổi ở những nơi mà ông tin mình có thể thông qua một cách đầy thuyết phục hoặc uy quyền để thi hành nó, và bằng cách này, như ông nói, ông

Làm cho quyền lực và công lý cùng hòa hợp.

Bởi vậy, sau này khi được hỏi liệu ông đã tạo ra bộ luật tốt nhất cho người Athens chưa, câu trả lời của ông là, “Luật tốt nhất là luật mà họ sẵn sàng chấp nhận.”

Các tác giả sau này chỉ ra rằng người Athens đã có thói quen che đậy các khía cạnh không hay của mọi việc bằng cách ban cho chúng những danh nghĩa trù mến và khoan dung cũng như tìm kiếm những uyển ngữ lịch sự dành cho chúng. Vậy nên họ nói *nhân tình* thay vì *gái điếm*, *đóng*

góp thay vì thuế má, *vệ binh* thay vì lính đồn trú thành phố, *nơi ở* thay vì nhà tù thông thường. Solon có vẻ như là người tiên phong trong chuyện này, khi ông gọi việc xóa tất cả các khoản nợ là *giải nhiệm*. Sắc lệnh đầu tiên mà ông đưa ra quy định rằng mọi khoản nợ hiện tại phải bị xóa sạch và rằng trong tương lai không ai được phép thừa nhận bản thân con nợ là vật bảo đảm. Tuy nhiên, một số tác giả, trong đó có Androtion,⁽¹⁹⁸⁾ lại cho rằng Solon đã làm vơi gánh nặng của người nghèo, không phải bằng cách xóa các khoản nợ cho họ, mà bằng việc giảm lãi suất của chúng, và rằng họ hoan hỉ trước hành động nhân đạo này đến nỗi đã dùng từ “giải nhiệm” không chỉ với sắc lệnh ấy, mà còn với sự mở rộng nhiều đơn vị đo lường Attica và sự gia tăng giá trị tiền tệ diễn ra đồng thời.⁽¹⁹⁹⁾ Solon ấn định giá trị của đồng mina là 100 drachma,⁽²⁰⁰⁾ trong khi trước đó là 73. Theo đó, mặc dù số tiền thật sự phải trả vẫn như trước, nhưng giá trị của nó đã giảm đi, nhờ vậy các con nợ được hưởng lợi ích đáng kể mà không gây thiệt hại gì lắm cho chủ nợ của họ. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả thống nhất rằng cái gọi là “giải nhiệm” đồng nghĩa với việc bãi bỏ sự thế chấp, và những vần thơ của chính Solon đồng ý với lối giải thích này, vì ở đây ông lấy làm tự hào đã

nhổ bật những gốc rễ

Của những tảng đá cắm cố mọc khắp nơi

Và giải phóng các cánh đồng nô lệ trước đây.⁽²⁰¹⁾

Ông cũng nói về việc cho hồi hương một số công dân có người thân

bị giữ để siết nợ từ những nước lân bang

Những người không còn nói tiếng quê hương,

Đến nay vẫn lang thang các miền xứ xa;

Và những người khác sống ở quê nhà trong cảnh nô lệ đáng hổ thẹn...⁽²⁰²⁾

ông nói mình đã trả tự do.

Vấn đề này nghe nói đã khiến ông bị dính líu vào nỗi phiền phức lớn nhất trong đời mình. Khi chuẩn bị tinh thần để xóa nợ và đang nghĩ ra những lý lẽ thuyết phục nhất nhằm biện hộ cho chính sách này và là dịp tốt nhất để trình bày nó, ông đã thổ lộ với những người bạn thân thiết nhất, Conon, Cleinias, và Hipponicus, rằng ông không có ý định tới đất đai, nhưng đã quyết tâm xóa bỏ các khoản nợ. Họ nhanh chóng lợi dụng lòng tin và đón đầu chính sách này bằng cách vay mượn thật nhiều tiền từ người giàu và mua những điền sản lớn. Thế rồi khi sắc lệnh được công bố, họ nghiêm nhiên được sử dụng những ruộng đất của mình nhưng từ chối trả tiền cho các chủ nợ. Vụ việc này đã làm dậy lên làn sóng cáo buộc độc địa nhất nhằm vào Solon và khiến ông bị mất uy tín trầm trọng, vì người ta khó mà tin được rằng ông là nạn nhân của một trò man trá như vậy và kết luận rằng ông thể nào cũng có phần trong đó. Tuy nhiên, ông đã có thể lập tức bác bỏ lời buộc tội này bằng vụ hy sinh 5 talent⁽²⁰³⁾ nổi tiếng; đúng là ông đã cho vay khoản này và là người đầu tiên tuân thủ luật pháp của chính mình bằng việc xóa nợ. Một số người, trong đó có Polyzelus ở đảo Rhodes, nói rằng tổng số tiền là 15 talent. Mặt khác, bạn bè ông sau vụ việc đó đã bị gọi là *chreocopidae*, hay những kẻ bịp bợm.

16. Tuy nhiên, chính sách của ông thoát đầu đã không làm hài lòng bên nào cả. Người giàu thì tức giận với việc bị tước mất sự an toàn của mình, và người nghèo thậm chí còn tức giận hơn, vì Solon đã không thực hiện việc phân phối lại đất đai như họ từng chờ đợi, hoặc áp đặt một lối sống hoàn toàn bình đẳng và giống nhau cho mọi người, như Lycurgus⁽²⁰⁴⁾ đã làm. Nhưng nên nhớ Lycurgus là hậu duệ trực hệ đời thứ 11 của

Heracles; ông ta đã trị vì nhiều năm ở Sparta, với uy tín lẫy lừng cùng nhiều bằng hữu và quyền lực lớn lao, biết cách tận dụng tất cả những điều đó để cổ xúy cho chính sách của mình. Lycurgus cũng dựa vào vũ lực nhiều hơn là thuyết phục, đến mức mà trên thực tế ông ta đã bị mất một con mắt,⁽²⁰⁵⁾ nhưng ông đã ban hành sắc lệnh quan trọng nhất để đảm bảo sự an toàn và thống nhất của Sparta, bằng cách làm cho không công dân nào có thể giàu hoặc nghèo. Mặt khác, do Solon có số của cải riêng khiêm tốn và ông là người được dân chúng chọn, nên đã không tạo cho bản hiến pháp của mình tầm ảnh hưởng sâu rộng như thế; và hơn nữa, khi xét đến vị thế của ông còn phải dựa vào ý chí của người bỏ phiếu và niềm tin mà họ dành cho mình, ông tất nhiên đã tận dụng triệt để quyền hạn được đặt vào tay mình. Song, chúng ta hãy nghe chính lời ông từ những vần thơ dưới đây, đừng chạm đến đa số những ai vốn mong thấy các kết quả khác:

... những người từng đặt
Các hy vọng phi lý nơi tôi, nhưng giờ đây họ giận dữ
Và trông có vẻ ngờ vực, như thể tôi là kẻ thù của họ.⁽²⁰⁶⁾
Và ông thêm, cho dù nếu có ai đó được ban cho quyền lực đó
Anh ta hẳn sẽ không kiểm chế hoặc dừng lại ở nơi tôi đã dừng,
Cho đến khi anh ta lật nhào nền pháp luật quốc gia
Và hốt lấy phần béo bở cho mình.

Tuy nhiên, họ không phải đợi quá lâu trước khi thấy được lợi ích trong chính sách của ông, bèn gạt sang một bên những ta thán cá nhân và chấp nhận hy sinh vì cái chung, điều mà họ gọi là *Seisachtheia*, hay giải tỏa gánh nặng, và họ tiếp tục chỉ định Solon cải cách hiến pháp và soạn

thảo một bộ luật. Không có giới hạn nào với quyền lực của ông và mọi chức năng của nhà nước đều thuộc trách nhiệm của ông, các chức quan tòa, hội đồng quốc dân, tòa án và các hội đồng. Ông có thẩm quyền quyết định về tính pháp lý, số lượng và thời gian họp của mỗi cơ quan này cũng như duy trì hay giải tán mọi thiết chế hiện thời mà ông nghĩ là phù hợp.

17. Trước hết, ông hủy bỏ bộ luật của Draco vì sự nghiêm ngặt và các hình phạt quá nặng của nó; ngoại lệ duy nhất là những điều luật liên quan tới tội giết người. Chiếu theo bộ luật Draco này thì hầu như mọi tội trạng đều có thể bị tử hình, đến nỗi thậm chí có những kẻ đã bị hành quyết vì tội lười biếng, và người ăn trộm trái cây hay rau củ cũng phải chịu hình phạt tương tự những kẻ báng bổ thần thánh hay giết người. Đây là lý do vì sao sau này Demades⁽²⁰⁷⁾ đã trở nên nổi tiếng với nhận xét rằng bộ luật của Draco không phải được viết bằng mực mà bằng máu. Bản thân Draco, khi có lần được hỏi vì sao tuyên án tử hình cho đại đa số các tội trạng như vậy, đã trả lời rằng ông cho là những tội nhỏ thì đáng phải như vậy, còn những tội lớn thì ông chưa nghĩ ra hình phạt nào nặng hơn.

18. Thứ đến, Solon nóng lòng muốn trao tất cả các chức vụ nhà nước vào tay người giàu, nhưng đồng thời cho dân chúng được tham gia vào những quá trình khác của chính phủ, điều mà họ chưa bao giờ có được trước đó, vì vậy ông đã tiến hành điều tra tài sản của mọi công dân. Những ai có lợi tức thường niên bằng hoặc hơn 500 medimn⁽²⁰⁸⁾ nông sản khô và ướm được ông liệt vào đẳng cấp thứ nhất và gọi là *Pentacosimedimni*. Đẳng cấp thứ hai bao gồm những người sở hữu một con ngựa, hay có thu nhập 300 medimno, và vì họ đóng “thuế ngựa” nên được gọi là *Ky sĩ*. Đẳng cấp thứ ba là *Zeugitai*, những người có thu nhập hàng năm 200 medimno. Những công dân còn lại là *Thetes*; họ không được giữ chức vụ và chức năng chính trị duy nhất của họ là tham dự hội

đồng hoặc bồi thẩm đoàn. Đặc quyền sau cùng này hồi đầu có vẻ chẳng mấy giá trị, nhưng về sau trở nên cực kỳ quan trọng, vì đa phần các cuộc tranh chấp sau cùng đã được dàn xếp trước một bồi thẩm đoàn. Kể cả trong những trường hợp được Solon xếp vào thuộc quyền xét xử của các quan tòa, ông cũng cho phép họ quyền được kháng cáo lên tòa án nhân dân. Ông được cho là đã trình bày luật pháp bằng những lời lẽ mơ hồ và mâu thuẫn và đã làm điều này một cách cố ý nhằm gia tăng quyền hạn của những phiên tòa nhân dân. Hậu quả là, vì các bên tranh chấp không thể dàn xếp nó theo câu chữ của luật, nên họ luôn phải viện đến các bồi thẩm đoàn và trình bày mọi sự bất đồng ra trước họ, cho nên theo một nghĩa nào đó thì các thành viên bồi thẩm đoàn đã trở thành những trọng tài phân xử của luật pháp. Solon đã tự khen mình về việc này trong mấy vần thơ sau:

Với dân chúng, tôi trao cho họ quyền lực họ cần,
Không làm hư, cũng không kiềm chế họ quá mức.
Với người có nhiều quyền uy và của cải
Tôi lo liệu để lợi ích của họ không bị xâm hại.
Tôi đứng gác với tấm khiên rộng giữa hai bên
Và không cho bên nào thủ thắng một cách bất công.⁽²⁰⁹⁾

Solon xét thấy rằng người bình dân vẫn khá yếu ớt nên cần được bảo vệ nhiều hơn nữa, và vì vậy ông cho mọi công dân quyền nhờ đến pháp luật nhân danh bất kỳ ai bị xâm phạm quyền lợi. Nếu một người bị hành hung hoặc bị tổn thương do bạo lực, bất kỳ ai có khả năng và mong muốn đều có quyền kiện kẻ phạm tội ra tòa. Bằng cách này nhà lập pháp đã khéo léo làm cho các công dân với tư cách thành viên của một cộng đồng

quen với việc hiểu và cảm thông với oan khiên của người khác. Chúng ta cũng được kể về một châm ngôn của Solon phản ánh tinh thần của luật này. Hình như ông từng được hỏi ông coi thành phố nào có nền quản trị tốt hơn cả, và câu trả lời của ông là “Thành phố mà ở đó những người không bị oan sai cũng chứng tỏ mong muốn trừng phạt kẻ phạm tội như thể chính mình là nạn nhân vậy.”

19. Ông đã thiết lập Hội đồng Areopagus,⁽²¹⁰⁾ bao gồm những người từng giữ chức quan chấp chính thường niên, và chính ông cũng là một thành viên của cơ quan này. Rồi ông nhận thấy dân chúng trở nên bất kham và ngỗ nghịch sau khi được giải trừ nợ, do vậy ông đã lập ra một hội đồng thứ hai gồm 400 người, với mỗi trong bốn bộ lạc đóng góp 100 đại biểu. Chức năng của nó là xem xét kỹ lưỡng công việc trước khi đưa ra hội đồng chung, và không cho phép bất kỳ vấn đề nào được mang ra trước dân chúng mà chưa được cân nhắc từ trước. Ông giao cho thượng viện⁽²¹¹⁾ nhiệm vụ tổng giám sát và hành động như một cơ quan bảo vệ luật pháp. Mục tiêu của ông ở đây là nhà nước với hai hội đồng, như vốn có, đóng vai trò một mỏ neo kếp và vì vậy sẽ đứng vững hơn trước sóng gió của nền chính trị bè phái và có thể đảm bảo tốt hơn sự yên ổn cho dân chúng.

Hầu hết các tác giả giờ đây đồng ý rằng Hội đồng Areopagus là do Solon kiến tạo như tôi đã giải thích ở trên. Quan điểm này xem ra được củng cố mạnh mẽ bởi thực tế rằng Draco không lúc nào nhắc đến các thành viên của Areopagus, nhưng trong mọi vụ án giết người đều viện đến Ephetae.⁽²¹²⁾ Mặt khác, tấm bảng thứ 13 có chứa luật thứ tám của Solon với những lời sau:

Tất cả những ai bị truất quyền công dân trước thời Solon chấp chính sẽ được khôi phục quyền của họ, trừ những người bị

Areopagus, hoặc Ephetae, hoặc những vị vua-quan chấp chính ở Prytaneum⁽²¹³⁾ kết tội giết người hoặc tội ngộ sát hoặc cố dựng lên một chế độ bạo ngược, trừ những người đã bị lưu đày khi luật này được công bố.

Điều này hẳn nhiên kết luận rằng Hội đồng Areopagus tồn tại trước nhiệm kỳ chấp chính của Solon và thậm chí trước khi luật pháp của ông ra đời. Vì làm thế nào để có thể kết án ai đó tại Areopagus trước thời Solon nếu ông là người đầu tiên trao cho tòa án ấy thẩm quyền xét xử hình sự? Có thể đã có sự tối nghĩa hay thiếu sót nào đó trong câu từ của luật, và vì lẽ đó mà các công dân bị kết án dưới thẩm quyền xét xử của các thành viên thuộc Areopagus, hoặc Prytaneum, hoặc Ephetae khi bộ luật được công bố vẫn bị truất quyền công dân, trong khi những kẻ bị kết án về các tội trạng khác lại được khôi phục quyền của mình. Tuy nhiên, độc giả phải tự suy xét vấn đề này thôi.

20. Trong số những điều luật khác của Solon có một luật rất kỳ lạ và gây ngạc nhiên, nó truất quyền công dân của bất cứ ai không đứng về phía này hoặc phía kia trong biến cố cách mạng. Solon hiển nhiên có ý cho rằng con người không nên có thái độ bàng quan hay hờ hững với lợi ích chung hay chỉ chăm chăm lo chuyện riêng của mình cũng như thấy hả hê vì đứng ngoài những hỗn loạn và tai ương của đất nước; thay vì vậy, ông muốn khuyến khích họ lập tức đứng về phía chính nghĩa hơn, chung lưng đấu cật trong các gian nguy, và ủng hộ nó, chứ không ngồi im chờ xem bên nào sẽ thắng. Một luật khác, có vẻ không phù hợp và thậm chí lỗi bịch, là cho phép một nữ thừa kế, trong trường hợp người chồng hợp pháp tử ra bất lực, được lấy một người họ hàng gần của anh ta. Vẫn có một số người cho rằng luật này là biện pháp đề phòng hợp lý trước những kẻ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ làm chồng, nhưng lại

lấy nữ thừa kế này vì tài sản và thế là lợi dụng luật pháp để làm điều trái tự nhiên. Khi cánh đàn ông đó thấy rằng vị nữ thừa kế có thể lấy bất kỳ ai mà cô ta chọn, họ sẽ đặt dấu chấm hết cho cuộc hôn nhân này, hoặc nếu cố duy trì nó, sẽ bị ô nhục vì lòng tham và phỏng đoán của mình. Cũng thật khôn ngoan khi quy định nữ thừa kế không hoàn toàn được tự do lựa chọn người chồng kế tiếp, mà chỉ được lựa chọn trong họ hàng của chồng, để con cái sinh ra vẫn thuộc về cùng một gia tộc. Một mục đích tương tự cũng được Solon đưa ra, rằng cô dâu và chú rể sẽ bị nhốt trong phòng tân hôn và sẽ cùng ăn một quả mận qua, và rằng chồng của nữ thừa kế phải quan hệ xác thịt với nàng ít nhất ba lần mỗi tháng. Cho dù họ không có con cái, đây vẫn là biểu hiện của sự tôn trọng và yêu thương mà một người đàn ông có nghĩa vụ với một người vợ tiết hạnh; nó xóa tan những bất mãn thường nảy sinh trong các trường hợp như vậy và ngăn để những bất đồng không dẫn tới việc hai người ghẻ lạnh nhau.

Trong tất cả các cuộc hôn nhân khác Solon đều bãi bỏ tập tục của hồi môn. Cô dâu mang theo mình không gì khác ngoài ba bộ quần áo để thay đổi và một số đồ dùng gia đình có giá trị nhỏ. Mục tiêu của ông ở đây là hôn nhân không nên là một thiết chế vụ lợi hay kiếm tiền, mà người đàn ông và vợ nên sống chung với nhau vì tình yêu, tình thân ái, và sinh con đẻ cái. Ngay cả Dionysius,⁽²¹⁴⁾ người trị vì xứ Syracuse, khi nghe mẹ mình khẩn cầu hãy chấp thuận cho bà lấy cho một công dân của ông ta, đã buộc phải trả lời rằng mặc dù ông phá tan luật pháp của thành phố khi tự biến mình thành bạo chúa, nhưng ông không thể vi phạm quy luật tự nhiên bằng cách bảo trợ một cuộc hôn nhân phi lý như vậy. Và quả thực những điều kỳ quái kiểu đó không nên được cho phép trong bất kỳ quốc gia nào; chúng ta không nên dung thứ các cuộc phối ngẫu không có tình yêu lẫn sự tương xứng, chúng không thực hiện chức năng của hôn nhân và trên thực tế đánh bại mục tiêu của nó. Thật ra, khi một vị quan tòa

hay một nhà làm luật sáng suốt nhìn thấy một ông già chọn một người vợ trẻ, có thể trích cho ông ta nghe những lời của nhà thơ⁽²¹⁵⁾ đối với Philoctetes.⁽²¹⁶⁾

Ông bạn đáng thương của tôi, ông thật khéo có tâm trạng cưới vợ!

Và khi bắt gặp một thanh niên ở trong nhà của một mệnh phụ giàu có và luống tuổi nào đó, đang ngày một đầy đà do được anh ta chăm chút, ông sẽ mang anh ta đi và giúp anh ta cưới một cô gái đến tuổi cập kê nhưng không có khả năng lấy được chồng. Chủ đề này nói đến đây là đủ.

21. Một luật khác của Solon vốn rất được ca ngợi là luật cấm bất kỳ ai nói xấu người chết, vì lòng sùng đạo đòi hỏi chúng ta phải coi người đã khuất là linh thiêng, vì công bằng, ta chớ nên đá kích kẻ vắng mặt, và về mặt chính trị, khôn ngoan thì chớ kéo dài những hằn thù. Ông cũng cấm mọi người chửi rủa người sống tại các đền thờ, tòa án, cơ quan công quyền, và trong những trận đấu thể thao hay các lễ hội. Hình phạt là phải nộp 3 drachma cho bên bị hại và 2 drachma cho công khổ. Ở đây, Solon lưu ý đó là biểu hiện của tính vô kỷ luật và thiếu tu dưỡng nên không bao giờ có thể làm chủ được tính khí; mặt khác, thật khó giữ mình trong mọi lúc và đối với một số người thì là chuyện không thể. Về phần mình, điều luật phải cân nhắc đến những gì là khả thi, nếu nhà làm luật muốn trừng phạt số ít với hiệu quả răn đe thay vì trừng phạt nhiều người mà không có tác dụng gì.

Solon cũng được ca ngợi nhiều cho những điều luật của mình về chúc thư. Trước thời ông, chúc thư là không được phép, và toàn bộ của cải của người quá cố buộc phải để lại trong gia đình mình. Tuy nhiên, qua việc cho phép người nào không có con để lại tài sản cho bất cứ ai mình chọn, cho thấy Solon đã xếp tình thân thiết lên trên các mối quan hệ máu mủ

và lựa chọn tự do lên trên sự bắt buộc, và ý nghĩa điều luật của ông là làm cho tài sản của mỗi người thật sự là của riêng người đó. Mặt khác, ông không cho mọi người một phạm vi tự do tuyệt đối trong việc di chúc, nhưng cũng ngăn cấm việc chúc thư được làm ra trong bối cảnh chủ nhân đang bị tác động của bệnh tật hay thuốc phiện hay đang bị tù tội, hoặc bị bức bách bởi vũ lực hoặc từ áp lực của người vợ. Rất đúng đắn và hợp lý khi ông coi việc bị thuyết phục làm ngược lại với cân nhắc của mình sẽ chẳng khác gì bị cưỡng ép, và ông xếp lừa gạt và bức bách, khoái lạc và đau đớn vào cùng một hạng, tức là đều có khả năng chì phối đến năng lực lý trí của một con người. Ông còn đề ra luật quy định về vẻ ngoài của phụ nữ ở chốn công cộng cũng như trong tang ma lễ hội, và đặt dấu chấm hết cho hành vi phóng túng bừa bãi. Khi phụ nữ ra đường, họ không được phép mặc nhiều hơn ba lớp áo, hoặc mang đồ ăn thức uống trị giá nhiều hơn 1 obol,⁽²¹⁷⁾ hay một cái giỏ cao hơn 18 inch (-46 cm), hoặc đi ra ngoài ban đêm trừ phi bằng xe ngựa có đèn đăng trước. Ngoài ra, ông còn bãi bỏ tục lệ cấu xé da thịt tại lễ tang, đọc điệu văn lê thê, và than khóc người này tại lễ tang của người kia.⁽²¹⁸⁾ Người ta cũng bị cấm hiến tế bò tại mộ phần, hoặc chôn theo người chết nhiều hơn ba bộ đồ, hay thăm viếng mồ mả người không thuộc gia đình họ, ngoại trừ vào lúc chôn cất. Hầu hết những tập tục này đã bị luật pháp của chúng tôi ở Chaeronea ngăn cấm, nhưng luật của chúng tôi còn quy định rằng người vi phạm sẽ bị ủy ban ngự sử [đảm trách] phụ nữ trừng phạt vì hành vi yếu đuối và ủy mị, và vì việc cử hành tang lễ quá lê thê.

22. Solon quan sát thấy rằng thành phố đang tràn ngập dòng người hiện giờ đổ vào Attica như một dòng suối đều đặn từ khắp nơi do tình hình an ninh ở đó; đồng thời, ông nhận ra rằng phần lớn đất đai xứ này kém màu mỡ và cằn cỗi, và rằng những người đi biển ở nơi khác không có thói quen đưa hàng hóa của họ đến với những người không có mặt hàng

gì để trao đổi. Vì vậy ông đã khuyến khích người Athens quay sang nghề thủ công và đề ra điều luật quy định rằng con trai không có bổn phận phụng dưỡng cha già trừ phi đã được ca truyền dạy cho một cái nghề nào đó. Bấy giờ vấn đề mà Lycurgus phải đối mặt lại hoàn toàn khác. Đất nước của ông không có những dòng người ngoại quốc ồ ạt kéo vào. Và nói theo lời của Euripides thì lãnh thổ mà nó sở hữu

dư giả cho nhiều người

Với không gian, quả thực đủ rộng cho gấp đôi.

Trên tất cả là có một làn sóng người Helot⁽²¹⁹⁾ ồ ạt tràn vào khắp xứ Sparta, mà người ta cho là tốt nhất nên để họ làm việc luôn chân luôn tay và gian truân khó nhọc triền miên sẽ đè bẹp tinh thần của họ. Vậy là vừa tiện để Lycurgus miễn cho các công dân của mình các công việc chân tay khó nhọc để toàn tâm toàn ý lo chiến đấu, cho họ binh nghiệp để học tập và luyện rèn. Nhưng trong trường hợp của Solon, ông phải làm cho luật pháp của mình thích ứng với hoàn cảnh, thay vì biến cải hoàn cảnh theo luật pháp; ông thấy rằng đất đai Attica chỉ có thể mang lại kế sinh nhai vừa đủ cho những người cày cấy trên đó chứ không bao giờ có thể chu cấp cho những người vô sản vô công rồi nghề, vì vậy ông cho mở mang nhiều nghề chân chính và lệnh cho Hội đồng Areopagus khảo sát về việc làm mọi người và trừng phạt những kẻ ăn không ngồi rồi.

Ông thậm chí còn đi thêm một bước cực đoan hơn, như Heracleides xứ Pontus kể với chúng ta, khi ông miễn cho những đứa con trai ngoài giá thú bổn phận phụng dưỡng cha mình. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng, người đàn ông vốn chẳng màng tình trạng hôn nhân đang hoàng thì chỉ cần đoạt lấy cho mình một người phụ nữ, không phải để gây dựng gia đình mà chỉ để thỏa mãn dục vọng bản thân; đây chính là quả báo, và đối

đãi với con cái mình như thế thì còn có cái gì mà nói nữa vì ông ta đã khiến chúng phải tủi hổ khi được sinh ra đời.

23. Tuy nhiên, ở một chừng mực nào đó nói chung những điều luật liên quan tới phụ nữ của Solon có vẻ chưa hợp logic. Chẳng hạn, ông quy hành động giết kẻ ngoại tình khi bắt được quả tang là phi pháp, nhưng tội cưỡng hiếp một người phụ nữ chưa chồng chỉ bị phạt không quá 100 drachma. Nếu người đàn ông dụ dỗ phụ nữ, anh ta sẽ bị phạt 20 drachma, trừ trường hợp người phụ nữ công khai bán mình, tức là gái điểm hạng sang, vì họ đến với những người trả tiền cho mình mà không hề che đậy ý đồ. Ông cũng cấm đàn ông bán con gái hay em gái của mình, trừ phi anh ta phát hiện ra là người đó không còn trinh trắng. Nhưng chắc chắn, một điều hoàn toàn ngớ ngẩn là, với cùng một tội lỗi thì ở trường hợp này bị trừng phạt nghiêm khắc tàn nhẫn nhất còn ở trường hợp kia lại nhận được sự khoan dung ôn hòa nhất, với mức phạt thuần túy tượng trưng, ngoại trừ một khả năng là bấy giờ trong thành phố tiền bạc quá dồi dào khan hiếm và quá khó kiếm khiến phải áp những hình phạt nặng nề đến thế. Dù sao đi nữa trong chuyện định giá các đồ tế lễ, một con cừu và 1 gia (- 36,4 lít) ngũ cốc được tính bằng 1 drachma; 100 drachma là phần thưởng cho người chiến thắng tại đại hội thể thao Isthmia⁽²²⁰⁾ và 500 drachma cho quán quân Olympia. 5 drachma là phần thưởng cho ai mang về một con sói và 1 drachma cho một sói con, và Demetrius xứ Phaleron⁽²²¹⁾ ghi lại rằng đó cũng là mức giá lần lượt cho một con bò và một con cừu. Giá những con vật được chọn tế thần mà Solon quy định trong tám bảng thứ 16 của ông cố nhiên cao hơn nhiều lần những con vật thông thường, nhưng kể cả như vậy chúng vẫn thấp so với thời giá. Người Athens từ ngàn xưa đã phải liên tục chiến đấu với loài sói, vì đất đai của họ phù hợp để chăn thả hơn là trồng trọt. Một số tác giả nói rằng tên của bốn bộ lạc Athens không bắt nguồn từ các con trai

của Ion, mà từ những giai cấp khác nhau được phân chia theo nghề nghiệp của họ. Theo đó, chiến binh được gọi là *Hoplites*, thợ thủ công là *Ergadeis*, nông dân là *Gelontes*, còn người chăn cừu và gia súc thì là *Aigikoreis*.

Attica không thể dựa vào những con sông nước chảy quanh năm, hay những cái hồ hoặc suối chằng chịt, mà chủ yếu dựa vào các giếng đào để lấy nước sinh hoạt. Vì thế, Solon đề ra điều luật quy định nếu trong bán kính nửa dặm có giếng thì người dân sử dụng giếng đó, còn nếu xa hơn thì họ được phép đào lấy một cái cho mình. Nếu đã đào sâu cả chục sải trên phần đất của mình mà vẫn không tìm thấy nước, họ được phép sang giếng nhà hàng xóm lấy nước, mỗi lần một bình 6 gallon (22,7 lít), ngày hai lần, vì Solon cho rằng ai cũng phải có nghĩa vụ giúp đỡ những người thực sự khó khăn, nhưng không dung túng cho sự lười nhác. Những quy định ông đề ra về việc trồng cây cũng thể hiện sự am tường về chuyên môn: mỗi nhà trồng cách nhà kia trong phạm vi bán kính 1,5 m và với trường hợp cây ô liu và cây vả thì là 2,7 m bởi rễ chúng lan rộng và gây hại một số cây khác nếu trồng gần do chúng hút sạch dinh dưỡng và nhả ra chất có hại. Ai muốn đào mương hay hố thì phải đào cách đất nhà láng giềng một khoảng bằng với độ sâu của chúng, và đống của nhà này phải cách xa đống của nhà kia ít nhất 91 m.

24. Dầu là sản phẩm duy nhất của Attica được Solon cho phép xuất cảng, và ông ban sắc lệnh rằng ai vi phạm quy định này sẽ chịu một sự trừng phạt nghiêm khắc của quan chấp chính, hoặc sẽ phải nộp phạt 100 drachma vào công khố. Luật này được khắc trong tám bảng đầu tiên của ông, và đó dường như là bằng chứng xác minh thời xưa đã có truyền thống cấm xuất khẩu trái vả, và rằng những người tố cáo hoặc thông tin về kẻ xuất khẩu trái vả được gọi là *sycophants*, hay “người tố giác buôn vả.” Ông cũng đề ra luật hành xử trước những tổn thương do súc vật gây

ra, trong đó quy định về một thiết bị giữ an toàn tài tình theo đó con chó đã cắn người phải đeo vòng cổ và buộc chặt vào một cây sào dài chừng 30 cm rồi giao cho bên bị hại.

Luật liên quan đến những công dân nhập tịch của ông tương đối lạ lùng, vì nó chỉ cho phép nhập tịch đối với những ai đã vĩnh viễn bị lưu đày khỏi quê hương, hoặc những ai đã di cư đến Athens cùng gia đình để làm một nghề nào đó. Mục tiêu của Solon ở đây, như chúng ta nghe kể, là không phải nhằm ngăn cản những loại hình người nhập cư khác, mà là để mời gọi những đối tượng đặc biệt này đến Athens với sự đảm bảo rằng họ có thể trở thành công dân ở đó. Ông cũng suy xét thấy rằng chỉ có thể tin cậy vào lòng trung thành của những người đã bị xua đuổi khỏi quê cha đất tổ, cũng như những người đã ly hương với một mục đích rõ ràng trong đầu. Một khoản mục tiêu biểu nữa trong luật của Solon nói về sự có mặt tại bàn ăn công cộng, thường được tổ chức tại Prytaneum; từ mà ông dùng để chỉ thói quen ăn uống ở đó là *parasitein*⁽²²²⁾. Ông không cho phép một người dùng bữa ở đó quá thường xuyên, nhưng mặt khác, người có bốn phạm diện diện mà lại không tới thì sẽ bị trừng phạt. Ông coi hành vi của người đầu là tham lam còn của người sau là thể hiện sự coi thường đối với lợi ích công.

25. Tất cả các đạo luật của ông đều duy trì hiệu lực trong 100 năm, và chúng đã được khắc trên những *axones*, hay những mộc bản xoay trên bộ khung thẳng đứng. Một vài dấu vết nhỏ còn sót lại của chúng vẫn được bảo lưu tại Prytaneum ở Athens trong thời tôi, và theo Aristotle, chúng được mệnh danh là *kurbeis*. Ngoài ra còn có một đoạn ở đâu đó trong tác phẩm của nhà thơ hài kịch của Cratinus.⁽²²³⁾

Tôi xin nói với Solon và Draco

Mấy mộc bản của họ giờ được dùng để đun lúa mạch.

Tuy nhiên, có một số tác giả nói rằng từ *kurbeis* nói đúng ra chỉ thuộc về những tấm bảng liên quan đến các nghi thức và lễ tế linh thiêng, và rằng những cái còn lại gọi là *axones*.

Dù sao đi nữa, toàn bộ Hội đồng đã cùng tuyên thệ sẽ phê chuẩn bộ luật của Solon và mỗi người trong nhóm Thesmothetae, hay những người bảo vệ đạo luật, lần lượt tuyên thệ tại bệ đá sứ giả ở khu chợ, tại đây mỗi người thề rằng nếu vi phạm những điều luật này dưới bất kỳ hình thức nào thì người đó sẽ hiến cho Delphi một bức tượng vàng nặng đúng bằng trọng lượng của mình.

Solon đã ghi chép về sự không đồng đều của các tháng và thực tế là quỹ đạo của Mặt trăng không đồng bộ với chu kỳ mọc và lặn của Mặt trời, nhưng nó thường bắt kịp và vượt qua Mặt trời trong cùng một ngày. Vì vậy, ông đã quy định rằng ngày đó sẽ được gọi là Hạ tuần và Thượng tuần, và rằng phần thời gian đã trôi qua trước thời điểm giao hội của hai thiên thể sẽ thuộc về tháng cũ và phần còn lại thuộc về tháng mới bắt đầu. Cho nên, hình như ông là người đầu tiên giải thích chính xác câu thơ trong *Odyssey* vốn ngụ ý về một ngày khi mà

Tháng cũ đang khép lại và tháng mới bắt đầu⁽²²⁴⁾

và hôm sau ông gọi là ngày đầu tháng. Sau ngày thứ 20 của tháng ông không đếm tới mà đếm lui, bằng cách lấy 30 trừ đi số thứ tự của chúng trên thang đi xuống⁽²²⁵⁾ theo cùng nguyên tắc như tuần trăng khuyết.

Khi bộ luật của Solon đã được đưa vào thực hiện, dân chúng đến thăm ông mỗi ngày, ca ngợi điều này và bắt bẻ điều kia, hoặc khuyên ông thêm một điều vào chỗ này hay bỏ đi một điều ở chỗ kia. Rất nhiều người

muốn đặt ra các câu hỏi và chất vấn ông về những tiểu tiết, họ không ngừng hối thúc ông giải thích mục tiêu của quy định này hay kia là gì. Solon nhận thấy việc đáp ứng tất cả những đòi hỏi như vậy là không thể, nhưng nếu không đếm xỉa đến chúng, ông sẽ chuốc lấy sự căm ghét của nhiều người. Ông nóng lòng muốn thoát khỏi tình cảnh rắc rối này và như thế sẽ không còn phải nghe những lời chê trách bắt bẻ và soi mói của đồng bào mình, vì như ông tự nhủ

Trong những việc lớn bạn không thể làm hài lòng tất cả các bên⁽²²⁶⁾

Bởi vậy ông đã viện cớ chăm lo công việc của một chủ thuyền buôn để dong buồm đi khỏi Athens sau khi xin vắng mặt 10 năm, với hy vọng rằng trong thời gian này họ sẽ dần làm quen với bộ luật của ông.

26. Đầu tiên ông đến Ai Cập và ở lại đây một thời gian, như ông tự nói về mình:

nơi sông Nile tuôn tràn
Dòng chảy bên bờ biển Canopus.⁽²²⁷⁾

Ông cũng dành một khoảng thời gian nghiên cứu và thảo luận triết học với Psenophis ở thành Heliopolis và Sonchis thành Sais, đều là những tu sĩ uyên bác nhất Ai Cập. Theo Plato⁽²²⁸⁾ chính từ họ mà ông đã nghe đến huyền thoại về lục địa đã mất Atlantis, được ông cố truyền đạt với người Hy Lạp dưới dạng một bài thơ. Sau sự kiện này, ông đã đi thuyền đến Cyprus, nơi đây ông được một trong những vị quân chủ địa phương là Philocyprus tiếp đón đặc biệt nồng ấm. Philocyprus là người cai trị của một thành phố nhỏ tọa lạc gần sông Ciarius, do con trai của

Theseus là Demophon lập ra. Đó là một vị trí đắc địa để phòng thủ, nhưng bất tiện về những phương diện khác và có đất đai khô cằn. Vì vậy, Solon đã thuyết phục ông ta di dân đến bình nguyên tươi tốt nằm bên dưới, xây dựng ở đó một thành phố thân thiện và rộng rãi hơn. Solon ở lại đây, đôn đốc việc xây dựng thành phố mới và giúp quy hoạch nó hiệu quả nhất, từ góc độ tiện nghi cũng như phòng thủ. Kết quả là nhiều di dân đã lũ lượt đến với Philocyprus, và ông ta đã trở thành nỗi đố kỵ của các quốc vương láng giềng. Vì công trạng này, ông ta đã ban cho Solon vinh dự đặt tên mới cho thành phố là Soli, vốn trước đó gọi là Aipeia. Bản thân Solon đã kể về việc kiến lập nơi này trong những vần thơ thống thiết mà ông gửi đến Philocyprus:

Cầu chúc ông trị vì dài lâu ở đây tại Solii
Và thịnh vượng sẽ cùng ông ở lại thành phố này.
Về phần tôi, xin Cypris đội vương miện tím⁽²²⁹⁾
Dẫn dắt hải hành an toàn cho con thuyền nhỏ của tôi
Khi chúng tôi đi khỏi hòn đảo lừng danh⁽²³⁰⁾ của nàng trong câu chuyện
Xin nàng chúc phúc và vinh danh thành phố mới của ông
Và ban cho tôi cuộc hạnh ngộ với quê hương mình.⁽²³¹⁾

27. Về cuộc gặp gỡ giữa ông với Croesus, dựa trên lý lẽ về niên đại người ta đã nhiều lần tìm cách chứng tỏ đây hẳn là một câu chuyện bịa đặt. Tuy nhiên, khi một câu chuyện được nhiều tác giả ngợi ca và xác nhận đến vậy, và quan trọng hơn, khi nó phù hợp quá đỗi với tính cách của Solon và mang dấu hiệu của sự khôn ngoan và tinh thần cao thượng nơi ông, tôi cho rằng nó khó có thể bị bác bỏ bởi cái gọi là những quy tắc

niên đại, điều mà vô số tác giả vẫn không ngừng điều chỉnh lại, và đến nay vẫn chưa thể hóa giải những mâu thuẫn của chúng. Dù sao đi nữa, câu chuyện kể rằng Solon đã đến thăm Sardis⁽²³²⁾ theo lời mời của Croesus, và có trải nghiệm⁽²³³⁾ gần như của một người ở trong đất liền lần đầu đến miền duyên hải, mỗi khi nhìn thấy một con sông thì đều ngỡ đó là biển cả vậy. Solon cũng giống thế, khi ông đến hoàng cung và nhìn thấy nhiều triều thần của nhà vua ăn diện xa hoa và vênh váo giữa đám đông cận vệ và người hầu, đều ngỡ mỗi người trong họ là Croesus, cho đến khi ông được tiếp kiến nhà vua, người khoác lên mình nhiều châu báu, áo xống lòe loẹt, đồ trang sức bằng vàng lộng lẫy, xa xỉ và hiếm có nhất, trưng ra một cảnh tượng huy hoàng tráng lệ. Tuy nhiên, khi Solon đứng trước mặt vua, không hề tỏ vẻ kinh ngạc trước những gì mà ông thấy, cũng không thốt ra mấy lời tán tụng mà Croesus chờ đợi; thực vậy, ông thể hiện rõ cho những ai để tâm quan sát rằng ông xem thường sự thiếu thắm mỹ và trò khoe mẽ vật vãnh ấy. Nhà vua bấy giờ ra lệnh mở toang các kho báu và mời vị khách đi tham quan hoàng cung nguy nga và những thứ xa hoa khác của mình. Chẳng cần phải vậy, nhìn bộ dạng của Croesus đã đủ để Solon xét đoán được tính cách của ông ta. Tuy nhiên, khi ông đã xem qua mọi thứ và một lần nữa được đưa đến trước mặt nhà vua, Croesus bèn hỏi liệu ông đã bao giờ biết đến một người tốt phúc hơn mình chưa. Solon đáp rằng đã, và nhắc đến cái tên Tellus, một người đồng hương Athens. Ông giải thích, Tellus là một con người trung thực, có con cái làm rạng rỡ tên tuổi mình, đã sống hết đời mà không phải chịu thiếu thốn kham khổ, và khép lại nó bằng cái chết vinh quang trong cuộc chiến vì đất nước mình. Đến lúc này thì Croesus đã hoàn toàn coi Solon là một kẻ lập dị và thô lỗ, vì rõ ràng ông không xem vàng bạc của cải là tiêu chuẩn của hạnh phúc, mà lại lấy làm khâm phục trước cuộc đời và cái chết của một thường dân vô danh hơn là mọi biểu hiện của giàu sang

và quyền bính như thế. Dầu vậy, ông ta đã hỏi Solon một lần nữa, rằng liệu sau Tellus, ông còn biết có ai nữa tốt phúc hơn thế chẳng. Solon một lần nữa đáp rằng có, và đó là Cleobis và Biton, hai kẻ không ai sánh kịp về tình huynh đệ tương ái và lòng hiếu thảo với mẹ mình. Ông kể với Croesus, có lần cỗ xe chở mẹ bị trể do con bò kéo, họ đã choàng ách vào vai mình và kéo bà đến đền thờ Hera. Mọi công dân đều chúc mừng bà còn bà rất hoan hỉ, và rồi sau khi đã làm lễ tế và uống rượu say, hai chàng trai ngã xuống và không bao giờ trở dậy, họ ra đi với cái chết không đau đớn và phiền muộn trong niềm rạng rỡ còn vương trên nét mặt. Đến lúc này, Croesus đã mất hết bình tĩnh và thốt lên: “Vậy ông hoàn toàn không coi ta là người hạnh phúc ư?” Solon không muốn nịnh hót nhà vua, nhưng cũng không muốn chọc giận ông ta thêm nữa, nên bèn đáp: “Thưa nhà vua xứ Lydia, thần linh chỉ ban cho người Hy Lạp chúng tôi một phúc phận bé mọn, và tương tự như vậy, sự khôn ngoan của chúng tôi cũng chẳng phải chuyện gì to tát, chỉ là một thói quen suy nghĩ cẩn trọng mà tôi cho là niềm thích thú với người bình dân, đáng kể gì với bậc quân vương vĩ đại. Bản năng này mách bảo chúng tôi rằng đời người phải trải qua bao phen thăng trầm của số phận và ngăn chúng tôi tự mãn với những điều tốt đẹp trong hiện tại, hoặc thán phục sự giàu có của ai đó khi mà hãy còn nhiều thời gian cho sự thay đổi. Tương lai phủ bóng xuống mỗi người chúng tôi với tất cả những mối hiểm nguy xa lạ, và chúng tôi chỉ có thể coi một người là hạnh phúc khi thần linh đã ban cho anh ta vận may đến chung cuộc. Để chúc mừng hạnh phúc của ai đó đang khi anh ta hãy còn sống và đương đầu với mọi hiểm họa của kiếp phù sinh thì chẳng khác nào tuyên bố một đấu thủ giành chiến thắng và trao vòng hoa cho anh ta trước khi trận đấu ngã ngũ; chẳng có gì là chắc chắn để nhận định cả và nó có thể đảo ngược bất kỳ lúc nào.” Sau khi đưa

ra lời cảnh tỉnh này, Solon rời đi. Ông đã chọc giận Croesus, nhưng chẳng khiến ông ta thông thái hơn.

28. Tình cờ mà Aesop cũng có mặt ở Sardis vào thời điểm ấy, khi Croesus cho mời ông ta tới và khoản đãi ông ta với xiết bao vinh dự. Ông ta bối rối khi nghe nói là Solon được tiếp đón đầy khiếm nhã, bèn ra điều khuyên nhủ. “Tôi thiết tưởng, Solon à,” ông ta nhận xét, “khi ta nói chuyện với các vị vua, ta nên nói càng ít càng tốt, hoặc không thì nói điều họ muốn nghe nhất.” “Hoàn toàn không,” Solon vặn lại, “hoặc càng ít càng tốt, hoặc điều họ cần nghe nhất.”

Lúc bấy giờ, Croesus đánh giá Solon cực kỳ thấp. Nhưng về sau xảy ra trận chiến giữa ông ta với Cyrus, mà rốt cuộc ông ta đã bại trận, thành phố của ông ta bị chiếm, và bản thân ông ta bị bắt và bị xử thiêu sống? Khoảnh khắc khi ông ta nằm trên giàn thiêu, với Cyrus và tất cả những người Ba Tư đang đứng xem, ông ta bỗng gào lên ba lần rất to “Solon, Solon, Solon!” Cyrus kinh ngạc và sai người đến hỏi ông ta rằng Solon nọ là người trần mắt thịt hay thần thánh phương nào, mà khiến một kẻ trong giờ phút lâm chung lại gọi mỗi tên ông. Croesus bèn thuật lại toàn bộ câu chuyện và rằng: “Người này là một trong những hiền triết Hy Lạp, và ta cho vời ông ấy chẳng phải mong được lắng nghe, hay học hỏi những điều ta cần biết nhất, mà là để ông ấy nhìn thấy và làm chứng cho cảnh phần vinh mà ta được hưởng trong những ngày đó. Giờ đây ta hiểu rằng đánh mất vận may là nỗi bất hạnh lớn hơn nhiều so với hạnh phúc khi có nó. Khi còn có nó, lợi ích duy nhất ta được hưởng là tiếng tăm và cái nhìn của người khác, nhưng những thống khổ và phiền não mà ta phải chịu khi mất nó mới là thực tại. Chính Solon là người lúc bấy giờ đã thấy trước bóng dáng của mọi thứ sẽ xảy đến, và bảo ta hãy lo nghĩ đến giây phút cuối đời mình và chớ kỳ vọng hay há hê về những điều không có thật.”

Tất cả những chuyện này được thuật lại với Cyrus, và vì là người khôn ngoan hơn Croesus, và nhìn thấy trước mắt mình hiện thân rành rành cho những lời của Solon, nên ông ta chẳng những đã phóng thích Croesus mà còn tiếp đãi trọng vọng ông này cho đến cuối đời. Nhờ đó Solon được tiếng đã cứu sống một ông vua và dạy cho ông vua khác một bài học chỉ bằng bài diễn thuyết duy nhất.

29. Tuy nhiên, trong khi Solon ở nước ngoài, người dân Athens một lần nữa bị chia rẽ thành những phe phái đấu đá nhau. Người phái Đồng bằng do Lycurgus, phái Bờ biển do Megacles con trai của Alcmaeon, và phái Núi đồi do Pisistratus lãnh đạo. Phái của Pisistratus đa phần thuộc đẳng cấp Thetes, vốn bất mãn sâu sắc với đám giàu có.

Hậu quả của tất cả những điều này là, mặc dù bộ luật của Solon vẫn còn hiệu lực, nhưng mọi người đã chờ đợi một cuộc cách mạng nổ ra và muốn có một hình thức chính quyền khác. Không phái nào chịu nghĩ đến một cuộc dàn xếp hợp tình hợp lý, phái nào cũng đều mong muốn cải thiện vị thế của mình và lấn át các phái khác. Đây là tình trạng khi Solon trở lại Athens. Mọi người đều kính trọng và tôn vinh ông, nhưng vì tuổi tác, ông không còn sức lực hay khao khát lên tiếng và đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội như trước. Tuy nhiên, ông đã tổ chức những cuộc hội đàm kín với sự hiện diện của lãnh đạo các phái đối lập, cố gắng hòa giải và đoàn kết họ lại, và trong những dịp thế này, Pisistratus dường như biết lắng nghe hơn những người khác. Ông ta có phong cách nói năng lễ độ và hòa nhã, là người bạn tuyệt vời của người nghèo, cư xử hợp lý và đúng mực ngay cả trong những trận tranh cãi. Ông ta có thể giả bộ có những đức tính mà tự nhiên từ chối ban cho mình một cách ấn tượng đến nỗi ông ta giành được nhiều uy tín hơn kẻ thật sự có chúng. Bên cạnh đó, ông ta được tiếng là một người thận trọng và tuân thủ luật pháp, người có niềm kỳ vọng lớn lao vào sự bình đẳng và

sẽ không dung thứ bất kỳ âm mưu nào nhằm lật đổ trật tự hiện thời hoặc gây ra những thay đổi. Ông ta hoàn toàn đối gạt được hầu hết mọi người về những điểm này, nhưng Solon nhanh chóng nhận rõ con người thật của ông ta và là người đầu tiên dò ra những mưu toan quỷ quyệt của ông ta. Tuy nhiên, ông đã không công khai tuyệt giao với ông ta, mà cố làm dịu bớt tính khí của ông ta và gây ảnh hưởng đến ông ta bằng sự khuyên giải. Solon đi xa đến mức nói với Pisistratus và những người khác rằng giá mà ông có thể rũ bỏ ham mê thống trị và chữa được căn bệnh thèm khát quyền lực tuyệt đối, thì trong thành phố này làm gì còn công dân nào ưu tú hay có thiên tư nổi trội hơn ông được nữa.

Vào thời điểm này, Thespis⁽²³⁴⁾ đang bắt đầu triển khai những buổi trình diễn bi kịch và tính mới lạ trong sự nghiệp sáng tác của anh ta đã thu hút hầu hết thành phố đến xem, dù nó vẫn chưa phải là đối tượng của một cuộc cạnh tranh thường xuyên. Solon vốn luôn là một thính giả tốt và sẵn sàng học hỏi điều mới mẻ, và giờ đây càng về già, ông lại càng thích giải trí và thư nhàn, bên cạnh tấu ca, và vì thế ông đã đến xem Thespis diễn kịch của chính mình, như những nhà thơ cổ đại thường làm thế. Sau khi buổi diễn kết thúc, ông tiến lại gần Thespis và hỏi anh ta có thấy hổ thẹn khi kể về những lời dối trá trước nhiều người như vậy không. Khi Thespis đáp rằng chẳng có hại gì khi nói năng hoặc diễn xuất theo lối tưởng tượng như thế, Solon giận dữ động mạnh cây gậy của ông xuống đất và kêu lên, “Phải, nhưng nếu chúng ta cho phép mình tán thưởng và tôn vinh những thứ giả trá thế này, điều tiếp theo là sẽ thấy nó len lỏi vào công chuyện nghiêm túc của chúng ta.”

30. Thế rồi cũng đến cái ngày Pisistratus cố ý tự sát thương,⁽²³⁵⁾ dùng một cỗ xe ngựa hai bánh xông vào nơi họp chợ và cố kích động dân chúng bằng câu chuyện rằng kẻ thù đã mưu giết ông ta vì chương trình chính trị của mình. Đang khi đám đông người cảm thông bắt đầu thốt lên

những tiếng kêu giận dữ bên vực ông ta, Solon đến gần họ và nói với ông ta, “Hỡi con trai của Hippocrates, đây không phải cách để diễn Odysseus của Homer. Khi ông ấy tự sát thương, đó là để lừa dối kẻ thù, người Troy, còn anh thì đang làm điều đó để lừa dối đồng bào của mình!” Vì thủ đoạn của Pisistratus, dân chúng đã sẵn sàng đứng lên chiến đấu vì ông ta và họ đã tổ chức một Hội đồng quốc dân, tại đó Ariston⁽²³⁶⁾ đề nghị nên trao cho Pisistratus một đội vệ sĩ 50 người mang chùy. Solon chính thức phản đối đề xuất này và đã dùng nhiều lý lẽ mà ta có thể tìm thấy trong các bài thơ của ông,

Các bạn đang nuốt từng lời của một kẻ xảo trá
và đây nữa
Khi các bạn đang tự xoay sở lấy việc của mình,
Ai cũng đều tinh khôn như con cáo trốn chạy,

Nhưng ngay khi các bạn đến bên nhau, trí khôn các bạn tan biến.

Tuy nhiên, rốt cuộc Solon nhận thấy các tầng lớp nghèo khổ đã hoàn toàn bị kích động và quyết chí ủng hộ Pisistratus, trong khi người giàu thì lại quá khiếp sợ nên không có bất kỳ động thái nào chống lại ông ta. Do đó, ông bèn rời Hội đồng với một câu từ biệt đanh thép ngụ ý rằng ông minh mẫn hơn phái này và can đảm hơn phe kia; ông khôn ngoan hơn những kẻ đã không thể nhìn thấu âm mưu, và mặc dù không can dự nhưng cũng gan dạ hơn khối người vì quá sợ nên không dám đương đầu với kẻ bạo chúa. Vậy là dân chúng đã thông qua sắc lệnh và không có bất kỳ giới hạn nào về quy mô đội vệ sĩ của Pisistratus, cho phép ông ta có bao nhiêu người tùy thích và cho họ điểu hành nơi công cộng, cho đến khi cuối cùng ông ta cũng chiếm được Acropolis.

Khi điều này xảy ra và thành phố chìm trong hỗn loạn, Megacles⁽²³⁷⁾ lập tức tháo chạy khỏi Attica cùng với đám còn lại của nhà Alcmaeon. Mặt khác, mặc dù Solon đã già nua và không có ai bên vực, bấy giờ vẫn xông ra giữa chợ và hô hào dân chúng. Ông bắt đầu bằng cách khiển trách sự ngu dại hèn nhát của họ, rồi bằng tất cả sự nhiệt thành liền kêu gọi và van nài họ đừng từ bỏ tự do của mình. Cũng chính vào dịp này, ông đã đưa ra lời bình luận nổi tiếng rằng ngăn chặn một chế độ bạo ngược trong giai đoạn trứng nước của nó là việc dễ, nhưng tiêu trừ nó lúc này khi nó đã phát triển và thành hình vững chắc lại là nhiệm vụ vĩ đại và cao cả hơn. Tuy nhiên, vì không ai có can đảm để tập hợp sau lưng ông, ông lui về nghỉ ngơi ở tư gia, bày tất cả vũ khí của mình ra đường phố trước cửa nhà mà rằng, “Tôi đã làm tất cả những gì trong khả năng để giúp đỡ đất nước tôi và duy trì luật pháp của nó.”

Từ đó trở đi ông sống đời ẩn dật, và khi bạn bè nài nỉ ông rời Athens, ông không để ý đến họ, mà tiếp tục làm thơ, trong đó ông trút những lời quở trách lên dân Athens:

Nếu giờ đây các bạn khốn khổ vì sự hèn nhát của mình,
Các bạn nên tự trách bản thân chứ không phải thần linh.
Không ai ngoài chính các bạn làm cho kẻ bạo chúa mạnh lên
Và đó là lý do cho cảnh nô lệ của các bạn hôm nay.⁽²³⁸⁾

31. Nhiều người cảnh báo ông rằng kẻ bạo chúa sẽ giết ông vì những lời này, và khi họ hỏi ông điều gì khiến ông liều mình làm những việc như thế, ông trả lời, “Tuổi già của tôi.” Nhưng trên thực tế, khi Pisistratus đã xác lập được vị thế của mình, ông ta bèn ra sức vỗ về Solon. Ông ta đối xử với ông bằng sự tử tế và kính trọng, mời ông đến nhà mình, cho đến

khi Solon thật sự trở thành cố vấn và tán thành nhiều biện pháp của ông ta. Ông ta giữ lại hầu hết các bộ luật của Solon, bản thân ông rất tuân thủ chúng và yêu cầu bạn bè của mình cũng như vậy. Chẳng hạn, sau khi trở thành bạo chúa, ông ta đã bị triệu ra trước Areopagus vì một cáo buộc giết người, và đảng hoàng xuất hiện ở đó để tự bào chữa, nhưng kẻ buộc tội ông ta đã không có mặt. Ông ta cũng bổ sung một số điều luật của riêng mình, một trong số đó quy định rằng tất cả những người bị tàn phế trong chiến tranh sẽ được nhà nước cấp dưỡng. Tuy nhiên, Heraclides xứ Pontus kể với chúng ta rằng Solon là người đã thông qua một sắc lệnh với nội dung vì lợi ích của một người tàn tật tên là Thersippus, và rằng Pisistratus chỉ bắt chước mà thôi. Nhưng theo Theophrastus thì chính Pisistratus, chứ không phải Solon, là người đưa ra luật chống kẻ ăn không ngồi rồi, khiến phố phường an yên, nông thôn trù mật hơn.

Solon cũng cố gắng viết một bài thơ dài⁽²³⁹⁾ kể lại câu chuyện hay huyền thoại về Atlantis đã mất, vì theo điều mà ông nghe được từ những người thông thái ở Sais thuộc Ai Cập, chủ đề này đặc biệt có liên quan tới Athens. Tuy nhiên, rốt cuộc ông đã từ bỏ nó không phải vì lý do thiếu thời gian như Plato giả định, mà là vì tuổi tác và nỗi e ngại nhiệm vụ quá sức. Tất nhiên, nói về thời gian nhàn rỗi, những vần thơ của ông cho ta biết rằng ông có rất nhiều:

Tôi không bao giờ ngưng học hỏi dù rằng đã già

và nhắc lại

Nhưng giờ đây tôi yêu công việc của nữ thần Cyprus
Và phúc lành của Dionysus cùng các Nàng thơ

Vốn ban niềm vui thích cho con người.⁽²⁴⁰⁾

32. Plato đặc biệt có tham vọng tạo ra một kiệt tác tinh xảo về đề tài Atlantis, như thể nó thuộc về một nơi chốn tươi đẹp nào đó mà hãy còn chưa được xây nên, nhưng ông có cái quyền đặc biệt với nó do mối quan hệ giữa ông với Solon, và ông đã bắt đầu công việc bằng cách bố trí những cổng vòm lớn và hàng rào và sân trên một quy mô bề thế, theo kiểu chưa từng có trong một câu chuyện hay thần thoại hay thi phẩm nào trước đó. Nhưng ông đã bắt đầu quá muộn và nhiệm vụ này tỏ ra quá dài với cuộc đời ông, bởi vậy chúng ta càng thích thú với những gì ông thật sự đã viết ra, thì lại càng tiếc nuối về những gì ông chưa làm được. Giống như đền thờ thần Zeus vĩ đại trong số những đền thờ ở Athens, trong số nhiều công trình tuyệt đẹp mà trí tưởng tượng của Plato ấp ủ, huyền thoại về Atlantis đã mất là câu chuyện duy nhất còn dang dở.⁽²⁴¹⁾

Theo Heraclides xứ Pontus, Solon còn sống thêm nhiều năm sau khi Pisistratus trở thành bạo chúa, nhưng Phantias xứ Eresus lại cho rằng ông sống thêm không quá hai năm. Pisistratus trở thành bạo chúa dưới thời quan chấp chính Corneas,⁽²⁴²⁾ và Phantias khẳng định rằng Solon đã qua đời trong thời chấp chính của Hegestratus, người kế vị Corneas. Giai thoại về việc sau khi thiêu tro của ông được rắc trên đảo Salamis có vẻ quá kỳ khôi nên khó mà coi đó là gì khác ngoài huyền thoại, nhưng nó lại được ghi chép bởi một số tác giả đáng kính và thậm chí bởi chính triết gia Aristotle.

THEMISTOCLES

[Khoảng 525 - 460 TCN]

TRONG TRƯỜNG HỢP của Themistocles⁽²⁴³⁾ thì nền tảng gia đình ông quá ư bình thường, không tạo dấu ấn đậm nào vào buổi đầu sự nghiệp. Cha ông là Neocles, một người vô danh tiểu tốt tại Athens, sống ở một trong những huyện của Phrearrus và thuộc bộ lạc Leontis. Ông là một ngoại kiều về đẳng mẹ, như chữ trên bia mộ của bà cho chúng ta biết:

Abrotonon là tên tôi

Một phụ nữ xứ Thrace, nhưng nổi danh giữa người Hy Lạp:

Tôi là mẹ của Themistocles.

Tuy nhiên, theo Phanias, mẹ của Themistocles không phải người Thracia mà là một phụ nữ xứ Caria, và tên bà không phải Abrotonon mà là Euterpe, và Neanthes thậm chí còn đẽm vào tên bà tên thành phố quê hương bà ở Caria - đó là Halicarnassus.⁽²⁴⁴⁾

Những người Athens, mà giống như Themistocles có dòng máu lai hoặc lai tạp, đã được chiêu nạp tại khu trường học Cynosarges.⁽²⁴⁵⁾ Nó nằm ngoài cổng thành và dành để tưởng nhớ Heracles, vì Heracles cũng không phải là một vị thần có dòng dõi thuần khiết, mà bị coi như một kẻ

ngoại đạo trong hàng ngũ thần linh, vì có mẹ là người trần tục. Themistocles đã thuyết phục một số thanh niên con nhà danh giá đến Cynosarges rèn luyện thể dục cùng với mình, và bằng thủ thuật xã hội tài tình này ông được tin là đã xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử giữa những người Athens thuần chủng và những người có dòng máu lai. Dù có gốc ngoại lai, song rõ ràng ông cũng có quan hệ với nhà Lycomidae, vì khi ngôi đền thành đình tại Phlya vốn thuộc về nhà Lycomidae bị người Ba Tư thiêu rụi, ông đã bỏ tiền ra tái thiết và trang hoàng nó với những bức họa, như Simonides kể với chúng ta.

2. Song, mặc dù với xuất thân thấp hèn, người ta nói chung đồng ý rằng khi còn niên thiếu ông đã là người năng nổ, thiên tư thông minh, bị lôi cuốn mãnh liệt trước đời sống tích cực và hoạt động xã hội. Mỗi khi nghỉ lễ hay có thời gian rảnh rỗi không phải học hành, ông không chơi bời hay làm biếng như những thanh niên khác, và người ta luôn nhìn thấy ông đang biên soạn hay tập diễn thuyết một mình. Các bài diễn văn này mang hình thức một lời buộc tội hay bênh vực cho đứa trẻ khác, bởi vậy thầy dạy đã hơn một lần nhận xét về ông: “ít ra cậu sẽ không là kẻ tầm thường bé mọn, chàng trai ạ. Cậu sẽ là vĩ nhân, theo lối này lối khác, có thể hay có thể dở.” Trong học tập cũng vậy, ông là cậu học trò chậm tiến, thờ ơ với các loại hình giáo dục rèn giũa nhân cách, hay dạy tài nghệ làm duyên, lấy lòng. Ngược lại, nghe nói có gì liên quan tới các vấn đề thực tiễn hay mở mang hiểu biết mới quan tâm của ông lập tức được thổi bùng lên: nói tóm lại, ông theo đuổi khuynh hướng tự nhiên của mình theo cái cách đáng kinh ngạc ở độ tuổi trẻ măng như vậy.

Vì vậy, trong cuộc sống sau này mỗi khi ông có mặt tại những buổi tụ họp của giới học thức hay thanh lịch và bị những kẻ tự coi là có học vấn cao hơn chế nhạo, ông chỉ có thể ngạo nghễ biện hộ bằng cách nói rằng ông chưa bao giờ học cách lên dây đàn lia hay chơi đàn hạc, nhưng ông

biết cách đưa một thành phố nhỏ không tên tuổi lên đỉnh vinh quang và vĩ đại. Dù vậy, Stesimbrotus⁽²⁴⁶⁾ quả quyết rằng Themistocles là một học trò của Anaxagoras⁽²⁴⁷⁾ và có tham dự những buổi thuyết giảng của nhà vật lý Melissus. Nhưng ở đây rõ ràng là ông đã nhầm lẫn về niên đại, vì khi Pericles, ít tuổi hơn nhiều so với Themistocles, đang vây hãm Samos,⁽²⁴⁸⁾ thì Melissus là vị tướng đối đầu với ông này, trong khi Anaxagoras là một trong những người bạn chí cốt của Pericles.

Vì lý do này mà ta thấy dễ tin hơn vào những tác giả cho rằng Themistocles là một người ngưỡng mộ Mnesiphilus,⁽²⁴⁹⁾ một thành viên cùng huyện ở Phrearrus. Ông này chẳng phải nhà hùng biện cũng không nằm trong số những người được gọi là triết gia thiên bẩm, nhưng có học vấn đặc biệt thấu đáo về những gì mà lúc bấy giờ mệnh danh là “sự minh triết.” Đây thật ra là một sự kết hợp giữa tính nhạy bén chính trị và trí thông minh thực tiễn, đã được hình thành và chuyển giao từ Solon như sự kế tục liên mạch, như thể nó là một tập hợp các nguyên tắc triết học vậy. Những người kế tục ông đã phối hợp nó với nhiều kỹ thuật pháp lý và dịch chuyển phạm vi áp dụng của nó từ các vấn đề công sang lĩnh vực sử dụng ngôn ngữ và được gọi là những nhà ngụy biện. Vậy thì, chính Mnesiphilus là người mà Themistocles đã nhận làm thầy của mình vào buổi đầu sự nghiệp chính trị của mình.

Tuy nhiên, trong những cuộc phiêu lưu đầu tiên khi còn trai trẻ, ông là người thất thường và thiếu kiên định. Ông để mình trôi theo những bản năng tự nhiên, và khi không bị kiềm chế bởi lý trí hay kỷ luật, chúng có khuynh hướng đưa một người đến chỗ quá khích và bản thân chúng thường trở nên suy đồi. Themistocles thú nhận như thế trong cuộc đời sau này, khi ông nói rằng chính đám ngựa non hoang dã nhất làm nên những tuấn mã tốt nhất, miễn sao chúng được chế ngự và huấn luyện phù hợp. Mặt khác, những câu chuyện mà các tác giả khác nhau đã liên

hệ với giai đoạn này trong sự nghiệp của ông, đó là việc cha ông đã chính thức và công khai truất quyền thừa kế của ông, và rằng mẹ ông đã tự sát vì đau buồn bởi con mình bị ruồng rẫy, nói chung đều được cho là những thông tin hoàn toàn thất thiệt. Trái lại, các tác giả khác kể với chúng ta rằng cha ông hòng ngăn ông bước vào chính trị đã chỉ cho ông thấy những thân thuyền chiến ba tầng chèo cũ kỹ nọ nằm chổng chơ trên bờ biển, và mở mắt cho ông thấy dù thủ lĩnh cũng vậy, khi đã vô dụng thì bị người ta đối xử như thế đó.

3. Dù thế, sự háo danh chắc chắn đã tạo ra một ảnh hưởng khó cưỡng với Themistocles, và ông nhanh chóng bị cuốn vào đại sự ở cái tuổi đang trẻ trung tràn trề nhựa sống. Ngay từ nhỏ, ông đã bị xâm chiếm bởi khát khao giành được vị trí lãnh đạo trong nhà nước, đến nỗi ông đã không hề do dự khi chấp nhận sự thù địch của những người đã vững chấn ở vị thế lãnh đạo; đặc biệt điều này đã khiến ông xung đột với Aristides, con trai của Lysimachus, người luôn đối địch với ông. Tuy nhiên, hình như mối thù giữa hai người này đã xuất phát từ một chuyện khá vặt vãnh. Theo triết gia Ariston, cả hai người là kinh địch trong cuộc đua giành tình cảm của Stesilaus đẹp trai, một thổ dân đảo Ceos, và sau đó họ tiếp tục là đối thủ trong đời sống xã hội, mặc dù rõ ràng là sự bất đồng tuyệt đối trong lối sống và tính cách chắc hẳn đã càng nói rộng sự ngăn cách giữa họ. Aristides có bản chất hòa nhã và tính tình bảo thủ. Là một chính khách, ông ta không màng tới tiếng tăm hay danh vọng cá nhân. Những nỗ lực của ông ta luôn nhắm đến việc bảo đảm lợi ích cao nhất cho quốc gia, phù hợp với sự an toàn và công lý, và do vậy ông ta buộc phải hết lần này đến lần khác phản đối Themistocles và chống lại sự gia tăng ảnh hưởng của người này, vì Themistocles liên tục đưa ra những cải cách có ảnh hưởng sâu rộng và xúi giục dân chúng lao vào những cuộc phiêu lưu mới. Trên thực tế, người ta nói rằng Themistocles hoàn toàn bị lôi cuốn bởi sự

hám danh, và rằng tham vọng đóng một vai trò trong những biến cố lớn lao đã trở thành niềm say mê với ông. Tới mức dù vẫn còn là một thanh niên⁽²⁵⁰⁾ khi cuộc chiến chống lại đám rợ nổ ra tại Marathon,⁽²⁵¹⁾ và cả xứ sở ngân vang lời tán tụng về tài thống lĩnh của Miltiades, người ta nhận thấy ông cứ lằm lũi một mình và tựa hồ hoàn toàn chìm đắm trong suy tưởng riêng. Ông không ngủ được ban đêm và lánh xa những bữa tiệc chè chén mà ông thường được mời. Khi mọi người kinh ngạc hỏi ông điều gì đã đưa đến sự thay đổi này trong thói quen của ông, ông trả lời là mình không thể ngủ được khi nghĩ đến chiến thắng của Miltiades. Giờ đây, toàn thể dân Athens cho rằng sự thất bại của người Ba Tư tại Marathon nghĩa là chiến tranh đã khép lại. Song, Themistocles tin rằng đó chỉ mới là màn dạo đầu cho cuộc tranh đấu khốc liệt hơn thế nhiều, và ông đang sửa soạn, như vốn thế, để tự xúc dầu và tiến lên như một chí sĩ của toàn đất Hy Lạp: trên thực tế ông cảm nhận được mối nguy hiểm khi nó vẫn đang lấp ló từ xa, và đưa thành phố vào chế độ huấn luyện để đương đầu với nó.

4. Thoạt đầu, ông là người duy nhất có can đảm đứng ra trước dân chúng để đề nghị rằng lợi tức từ những mỏ bạc tại Laurium,⁽²⁵²⁾ mà người Athens có thói quen ăn chia với nhau, nên được dành để tài trợ việc đóng chiến thuyền nhằm đối phó với đảo Aegina.⁽²⁵³⁾ Cuộc xung đột này, bấy giờ là chuyện hệ trọng nhất ở Hy Lạp, đang lên đến đỉnh điểm, còn cư dân đảo nhờ quy mô thủy đội của họ mà thành những chủ nhân biển cả. Điều này đã triệt để tạo điều kiện tốt hơn để Themistocles củng cố luận điểm của mình. Không cần làm kinh thiên động địa người Athens với mối đe dọa của Darius và người Ba Tư vốn đang ở cách xa, nên không mấy ai nghiêm túc tin rằng họ sẽ đến tấn công mình; ông chỉ phải tranh thủ thái độ thù địch và ghen tị của mọi người đối với dân đảo Aegina để khiến họ tán thành chính sách chủ tiêu này. Kết quả là, người Athens đã

xây dựng 100 chiến thuyền bằng tiền huy động được, và những chiến thuyền này thực tế đã giao tranh với đạo quân của Xerxes tại Salamis.⁽²⁵⁴⁾

Sau chuyện này, ông đã tiếp tục vận động người Athens từng chút từng chút một và lái tư tưởng của họ về hướng biển cả. Ông nói rằng quân đội của họ không đương cự nổi thậm chí là với nước lân bang gần nhất, người Boeotia,⁽²⁵⁵⁾ nhưng với sức mạnh chỉ huy thủy đội của mình, họ chẳng những có thể đánh đuổi lũ rợ, mà còn trở thành bá chủ toàn cõi Hy Lạp. Theo cách nói của Plato,⁽²⁵⁶⁾ ông đã biến họ từ những anh lính bộ kiên định trung những thủy thủ dạn dày sóng gió, và ông tự nhận trách nhiệm là đã đích thân tước bỏ giáo và khiên của người Athens và giáng cấp họ xuống hàng phu chèo thuyền. Đáng nói hơn là, ông đã thành công, như Stesimbrotus kể với chúng ta, trong việc thúc đẩy chính sách này bất chấp sự phản đối của Miltiades.

Khi làm những điều trên ông có thật sự gây hại tới tính nghiêm ngặt và đơn sơ ban đầu của hiến pháp Athens hay không, tôi xin sẵn lòng để các triết gia quyết định. Sự thật vẫn là, người Hy Lạp lúc bấy giờ đã được cứu thoát nhờ năng lực trên biển của họ, và rằng chính những chiến thuyền này đã giúp giành lại thành Athens sau khi nó thất thủ. Những hành động của Xerxes là bằng chứng cho điều đó, và không chỉ có thế. Vì mặc dù các lực lượng trên bộ của ông ta vẫn còn nguyên vẹn, nhưng ông ta đã tháo chạy sau thất bại của thủy đội vì ông ta tin rằng mình không còn là đối thủ của người Hy Lạp nữa, và việc ông ta cử Mardonius⁽²⁵⁷⁾ bọc hậu, theo ý tôi, không phải để hy vọng đánh bại họ mà là để ngăn chặn họ đuổi theo mà thôi.

5. Một số tác giả kể với chúng ta rằng Themistocles không bao giờ bỏ lỡ một cơ hội kiếm tiền, và rằng lối sống vương giả bắt buộc ông phải làm thế vì ông thích đái đàng và chi tiêu hào phóng với khách khứa, do vậy cần một nguồn thu nhập lớn. Những người khác, trái lại, cáo buộc ông là

kẻ bủn xỉn háms lợi, và nói rằng ông thường bán ngay cả những vật phẩm được gửi đến tặng mình. Khi người nuôi ngựa Philides từ chối lúc ông hỏi xin một con ngựa non, Themistocles đã đe dọa rằng ông sẽ sớm biến ngôi nhà của anh ta thành con ngựa gỗ, với hàm ý sẽ khiến họ hàng của anh ta đứng ra buộc tội anh ta và sẽ khuấy động những vụ kiện cáo giữa anh ta với chính gia đình mình.

Trên đời không ai giàu tham vọng hơn Themistocles. Từ khi còn trẻ và chưa có danh phận gì, ông đã thuyết phục Epicles xứ Hermione, một nghệ sĩ đàn hạc được người Athens vô cùng mến mộ, đến luyện tập tại nhà mình, vì ông thềm muốn cái vinh hạnh nhiều người tìm đến nhà thăm viếng mình thường xuyên. Một lần nữa, khi đến Olympia, ông đã chọc giận người Hy Lạp qua việc cố ganh đua với Cimon bằng những bữa tiệc tối ông thết đãi, bằng sự huy hoàng lộng lẫy của các vật dụng và những ngôi lều mà ông tiếp khách ở đó. Mọi người đã có sẵn lý lẽ để biện hộ cho lối xa hoa này ở Cimon, rằng vì ông còn trẻ và có gia thế vĩ đại. Nhưng với một người không có danh vọng lẫn phương tiện để chu cấp cho những sự hoang phí ấy, thì nỗ lực nâng mình lên cao hơn địa vị bản thân như vậy được coi là trò lừa gạt hoàn toàn. Một bạn khác, ông là nhà bảo trợ của vở bi kịch giành chiến thắng trong cuộc thi kịch nghệ ở Athens, mà vào thời đó thậm chí đã kích thích sự quan tâm và tinh thần ganh đua nhiệt tình nhất, ông đã cho treo một tấm bảng kỷ niệm chiến thắng của mình, đề: “Themistocles thuộc huyện Phrearrus là *choregus* (nhà bảo trợ chính), Phrynichus⁽²⁵⁸⁾ viết kịch bản, Adeimantus là quan chấp chính.”

Bất chấp tất cả những chuyện đó, ông vẫn rất được lòng dân chúng, vì ông biết tên mọi công dân và ông tỏ ra mình là một trọng tài uy tín trong những vụ kiện tụng cá nhân ngoài chốn pháp đình. Đến mức có lần, khi Themistocles đang ở cương vị tướng quân, Simonides xứ Ceos yêu cầu

ông chiếu cố cho một ân huệ và Themistocles bèn trả lời: “Anh sẽ là một nhà thơ tồi nếu anh ngâm lạc điệu, và tôi sẽ là một phán quan tồi nếu tôi gia ân cho mọi người trái luật.” Một lần khác, ông cười nhạo Simonides qua việc chỉ ra rằng ông ta thật vô lý khi tấn công người xứ Corinth, bởi vì họ sống trong một thành phố tuyệt vời và xinh đẹp, trong khi ông cho làm những chân dung từ một gương mặt xấu như dung nhan của chính ông ta vậy. Trong khoảng thời gian này, ông không ngừng vun đắp quyền lực và gia tăng uy tín của mình với người Athens, cho đến khi cuối cùng ông giành chiến thắng cho phe ông lãnh đạo và khiến Aristides bị phát vãng.⁽²⁵⁹⁾

6. Vua Ba Tư đã bắt đầu tấn công Hy Lạp trong khi người Athens vẫn đang tranh cãi nên bổ nhiệm ai làm chỉ huy. Nghe nói tất cả những ứng viên khác khiếp sợ hiểm nguy đến mức họ đã từ chối việc được cân nhắc bổ nhiệm, với ngoại lệ duy nhất là Epicydes, con trai của Euphemides và là một trong những lãnh đạo được mến mộ, một diễn giả thông minh nhưng bạc nhược, kẻ khét tiếng ăn hối lộ công khai. Ông ta quyết tâm giành lấy chức vụ này và có vẻ như ông ta rất có thể sẽ được chọn. Themistocles lo ngại rằng nếu vị trí thống lĩnh rơi vào tay một người như vậy sẽ đồng nghĩa với tai ương thảm khốc cho Athens, và do vậy ông đã thu xếp hối lộ Epicydes và mua chuộc tham vọng của ông ta.

Themistocles còn cực kỳ được ngưỡng mộ vì cho xử làm gương viên thông ngôn. Hắn ta đến cùng những sứ giả của Vua Ba Tư để đòi được tặng đất và nước như một dấu hiệu quy phục. Ông đã cho bắt và xử tử hình hắn theo sắc lệnh đặc biệt của dân chúng, vì hắn đã dám dùng tiếng Hy Lạp để truyền đạt mệnh lệnh của kẻ rợ. Ông cũng được ngợi ca vì cách ông xử trí với Arthmius, kẻ đến từ Zeleia, một thị trấn ở Troad. Theo lệnh của Themistocles, kẻ này cùng với con cái và gia đình mình đã bị đặt ngoài vòng pháp luật vì đã mang theo vàng Ba Tư và tặng nó cho

người Hy Lạp. Nhưng thành tựu vĩ đại nhất của ông là đặt dấu chấm hết cho những cuộc nội chiến Hy Lạp, hòa giải các thành bang với nhau và thuyết phục họ gạt qua một bên những bất đồng vì cuộc chiến với Ba Tư. Nghe đâu Chileos xứ Arcadia đã giúp đỡ ông rất nhiều trong nhiệm vụ này.

7. Ngay khi tiếp nhận quyền chỉ huy, bước đầu tiên là ông yêu cầu các công dân cung cấp thủy thủ cho các chiến thuyền và giục họ rời khỏi thành phố để đối mặt với quân rợ trên vùng biển cách Hy Lạp càng xa càng tốt. Nhưng kế hoạch này đã bị cực lực phản đối, vì vậy, ông hợp lực với quân Sparta và đưa một đạo quân lớn đến thung lũng Tempe, nơi họ dự định làm thành phòng tuyến đầu tiên, vì lúc bấy giờ không ai biết là Thessaly sắp tuyên bố ủng hộ Xerxes. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn, quân đội đã rút khỏi vị trí này mà không đạt được bất kỳ thành quả nào, và ngay sau đó người Thessaly chạy sang hàng ngũ kẻ thù và tất cả người Hy Lạp ở đó cho đến mãi tận Boeotia đều đi theo họ. Lúc này người Athens rất cuộc đã nghe theo lời khuyên của Themistocles tổ chức chiến tranh trên biển, và ông được cử đến một thủy đội để bảo vệ các eo biển tại Artemisium.⁽²⁶⁰⁾

Chính tại đây những người Hy Lạp còn lại đã đề nghị Eurybiades⁽²⁶¹⁾ lên làm tổng tư lệnh và người Sparta thì chỉ huy họ, nhưng người Athens đã từ chối phụng mệnh người khác, vì họ cung cấp nhiều thuyền hơn tất cả các đồng minh cộng lại. Themistocles lập tức nhìn ra mối nguy của sự bất hòa trong giai đoạn này: vì vậy ông đã trao quyền chỉ huy lại cho Eurybiades và vỗ về lòng kiêu hãnh của dân Athens bằng cách hứa là nếu họ tỏ ra dũng cảm trong chiến trận, ông sẽ đảm bảo rằng những người Hy Lạp còn lại về sau này sẽ chấp nhận sự lãnh đạo của họ. Vì hành động này mà Themistocles nói chung được coi là người có công trực tiếp nhất

trong việc cứu vãn Hy Lạp, và đồng thời đem lại cho người Athens danh tiếng là dũng cảm hơn kẻ thù và khôn ngoan hơn các đồng minh.

Khi thủy đội Ba Tư đến Aphetas, Eurybiades kinh hãi lúc biết được số chiến thuyền mà mình phải đương đầu. Và lúc nhận ra là có 200 chiếc thuyền đang đi vòng qua đảo Sciathos để đánh úp ông ta từ sau lưng, lập tức ông ta bỗng muốn tìm con đường ngắn nhất lui binh về Hy Lạp, đến Peloponnese và dùng lực lượng trên bộ ở đó để che chắn cho thủy đội, vì ông ta coi người Ba Tư là bất khả chiến bại trên biển. Đến lượt điều này gây hoang mang cho người Euboea, vốn lo sợ rằng những người Hy Lạp còn lại có thể bỏ rơi mình, nên họ bèn bí mật liên hệ với Themistocles và cử Pelagon đến gặp ông với một số tiền lớn. Theo Herodotus,⁽²⁶²⁾ Themistocles đã nhận tiền và trao lại cho Eurybiades.⁽²⁶³⁾

Sự chống đối gay gắt nhất ông gặp phải trong những người đồng hương là của Architeles, thuyền trưởng của một chiếc quốc thuyền ga-lê hoành tráng, vốn đang nóng lòng rút về Athens vì ông ta không đủ tiền trả cho đám thủy thủ của mình. Vậy là, Themistocles bèn kích động nổi oán giận của các thủy thủ tới mức họ xông vào nện ông ta một trận nên thân và giật phắt bữa tối của ông ta. Rồi trong khi Architeles còn đang nung nấu nổi cảm hờn và tủi nhục vì chuyện này, Themistocles gửi cho ông ta một hộp đựng bữa tối gồm bánh mì và thịt, bên dưới là 1 talent bạc. Ông bảo Architeles hãy ăn ngay bữa tối của mình và lo trông nom đám thủy thủ vào sáng hôm sau, nếu không ông sẽ công khai tố giác ông ta nhận tiền của kẻ thù. Đây là câu chuyện mà chúng ta được nghe từ Phantias xứ Lesbos.

8. Những trận chiến với thủy đội Ba Tư diễn ra sau đó ở các eo biển Euboea đã không quyết định kết quả sau cùng của chiến tranh, nhưng kinh nghiệm có được từ chúng là vô giá với người Hy Lạp. Họ đã học được từ chính hành động đương đầu với hiểm nguy của mình rằng người giỏi

đánh giáp lá cà và quyết tâm chiến đấu thì không sợ gì hết, từ số lượng thuyền, hình đầu người trang trí lòi loẹt ở mũi thuyền, tiếng hò reo khoác lác, đến những bài ca xung trận man rợ: họ đơn giản là phải tỏ vẻ khinh miệt mấy chiêu trò gây rối trí này, đương đầu trực diện với kẻ thù và chiến đấu đến cùng. Pindar dường như đã hiểu điều này rất rõ, khi ông ta viết về trận Artemisium:

Những đứa con anh dũng của Athens đã đặt nền tảng chói lọi cho tự do của mình nơi trận chiến vĩ đại...
vì không có gì nghi ngờ rằng can đảm là nền tảng của chiến thắng.

Artemisium là một trong những bờ biển của Euboea trải dài theo phương bắc đến tận Hestiaea. Trên bờ biển Thessaly đối diện là nơi Olizon tọa lạc, trong lãnh thổ Philoctetes từng trị vì. Nơi đây có một ngôi đền nhỏ thờ Artemis tên là Proseoea, nghĩa là “hướng về phương đông,” vây quanh là những hàng cây và các phiến đá cẩm thạch thẳng đứng. Loại đá này, nếu bạn dùng tay chà xát nó, sẽ tỏa ra hương sắc của hoa nghệ tây. Trên một phiến đá trong số này khắc những vần thơ thống thiết dưới đây:

Nơi đây, trên vùng biển này, những người con gan dạ của Athens
Giương buồm vào trận chiến và đánh tan tác thủy đội của Medes,
Khuất phục một đạo quân hỗn tạp từ những miền biên giới xa xôi
nhất Á châu.
Đây là những vật thể hiện lòng biết ơn với nữ thần chiến thắng
Artemis.

Ngoài ra trên bờ biển này có một nơi mà dưới lớp cát dày bạn có thể tìm thấy một thứ bột xám như tro, hình như do hỏa hoạn tạo ra, và người ta tin rằng đó là nơi chôn vùi những xác thuyền và xác người.

9. Tuy nhiên, khi tin tức về trận Thermopylae truyền đến Artemisium và người Hy Lạp biết rằng Leonidas đã thất thủ, và rằng Xerxes bấy giờ đã kiểm soát cửa ngõ này, họ bèn rút lui về phía nam vào đất Hy Lạp, được người Athens bực hậu bởi họ đã thể hiện lòng dũng cảm, và đầy kiêu hãnh với những chiến tích của mình. Khi Themistocles xuôi thuyền dọc theo bờ biển, mỗi khi ông nhìn thấy những nơi mà kẻ thù sẽ phải tấp vào hoặc dừng chân trú ngụ hay tiếp tế, ông liền để lại các thông điệp được khắc nổi bật trên mấy tảng đá, một số tảng được ông tìm thấy tại hiện trường, còn số khác được ông sắp xếp tại những địa điểm có vẻ sẽ là nơi neo thuyền hoặc thuyền ghé để tiếp nước. Trong các câu khắc này, ông khẩn khoản kêu gọi người Ionia nếu có cơ hội hãy chạy sang phe người Athens, vốn là tổ tiên họ và đã từng mạo hiểm tất cả vì tự do của mình: còn nếu điều này là không thể, họ nên ra sức cản trở quân rợ trong chiến trận và gây rối hàng ngũ của chúng. Bằng mưu chước này, ông hy vọng có thể hoặc đưa người Ionia về phe mình, hoặc không thì tạo ra sự hỗn loạn qua việc khơi gợi sự nghi ngờ của quân rợ đối với họ.

Trong khi đó, mặc dù Xerxes đã đưa quân từ Doris vào Phocis và đốt phá những thành phố Phocis, nhưng người Hy Lạp không đến giải cứu họ. Sự thật là người Athens đã hối thúc họ gắng sức phòng thủ ở Boeotia và giữ lấy vùng Attica, như chính họ đã ra biển chiến đấu tại Artemisium để bảo vệ toàn cõi Hy Lạp, nhưng không ai chịu nghe họ; thay vì vậy, những đồng minh còn lại đã từ chối nhích chân khỏi Peloponnese. Họ nóng lòng muốn tập trung tất cả lực lượng phía tây eo đất Corinth và bắt đầu xây dựng một bức tường xuyên suốt hai bờ đại dương. Người Athens tức giận vì sự phản bội này, nhưng đồng thời cảm thấy thất vọng và buồn

chán vì bị bỏ mặc cho số phận. Họ không thể nghiêm túc nghĩ tới việc giao chiến với một đạo quân hùng hậu đến thế, nhưng bấy giờ lựa chọn duy nhất còn lại với họ - đó là từ bỏ thành phố và phó thác sự tồn vong của mình cho thủy đội — có vẻ rất khó chấp nhận. Đa số cảm thấy rằng họ không muốn chiến thắng với cái giá này, và rằng sự an toàn là vô nghĩa với họ nếu nó đòi hỏi họ phải bỏ lại những đền thờ thần linh và mồ mả cha ông cho kẻ thù.

10. Ở thời điểm này, thấy hết hy vọng thuyết phục được mọi người nghe theo kế hoạch của mình bằng sức mạnh của lý trí con người, Themistocles bèn tìm cách gây ảnh hưởng đến họ với những lời tiên tri và dấu hiệu từ trời cao, như cách một nhà thơ đưa một *vị thần chui ra từ cỗ máy* vào bi kịch của mình. Ông nắm lấy tình tiết về con rắn, vốn được tin là lúc này đã biến mất khỏi khu thánh điện của nó tại Acropolis, và coi nó như một điềm báo của thần linh. Khi các tư tế phát hiện ra hoa quả đầu mùa dâng cúng mỗi ngày vẫn được để nguyên không đụng tới, họ bèn công bố cho dân chúng theo chỉ thị của Themistocles rằng nữ thần Athena đã rời bỏ thành phố này và đang chỉ đường cho họ ra biển cả. Trong nỗ lực tác động mọi người, một lần nữa ông viện đến lời tiên tri nổi tiếng từ Delphi,⁽²⁶⁴⁾ và nhấn mạnh rằng “bức tường gỗ” chỉ có thể ám chỉ thuyền của họ, và rằng Apollo đã nói về Salamis trong những vần thơ linh thiêng của ngài, chẳng hề khủng khiếp hay thảm khốc, chính vì cái tên của nó một ngày kia sẽ đi cùng phúc lành tuyệt vời đối với người Hy Lạp. Rốt cuộc, ông đạt được ý đồ và ngay sau đó đưa ra một sắc lệnh rằng thành phố sẽ được chuyển giao cho nữ thần hộ mệnh của nó là Athena gìn giữ, còn tất cả đàn ông trong độ tuổi tòng quân sẽ được đưa lên các chiến thuyền, sau khi ai nấy đã nỗ lực hết sức vì sự an toàn của vợ con và nô lệ của mình. Ngay khi sắc lệnh được thông qua, hầu hết người Athens đều đưa vợ con đến Troezen, nơi đây các công dân tranh nhau đón tiếp

họ. Họ thậm chí đã biểu quyết việc cứu mang những người tị nạn bằng tiền công quỹ; họ cho mỗi gia đình 2 obol mỗi ngày, cho phép trẻ con được hái quả chín ở bất cứ đâu nếu chúng muốn, và đi xa đến mức trả tiền cho thầy giáo đến dạy chúng. Những biện pháp này đã được một người tên là Nicagoras đề xuất.

Vào thời điểm này, người Athens không có nguồn công quỹ nào, và theo Aristotle thì chính Hội đồng Areopagus đã cho mỗi chiến binh tạm ứng 8 drachma,⁽²⁶⁵⁾ và đó là công cụ chủ yếu để cung cấp người cho các chiến thuyền. Tuy nhiên, Cleidemus khẳng định rằng đây cũng là kết quả của một thủ thuật từ phía Themistocles. Ông này kể rằng đang khi người Athens sửa soạn rời khỏi thành phố và di chuyển xuống Piraeus, thì phát hiện ra chiếc đầu của Gorgon⁽²⁶⁶⁾ trang trí trên giáp che ngực bức tượng Athena đã biến mất. Lấy cớ tìm kiếm nó, Themistocles lục lọi khám xét mọi thứ và tìm thấy những số tiền lớn giấu trong hành lý; chúng liền được sung công và đáp ứng việc chu cấp đầy đủ cho người trên các thuyền.

Bằng cách này toàn bộ thành phố Athens đã hướng mình ra biển cả. Đó là một cảnh tượng làm mủi lòng một số người và làm kinh ngạc số khác bởi tính táo bạo của điều mà họ đang làm, khi họ gửi thân quyến đi một ngả còn mình thì vượt biển ra Salamis, thản nhiên trước những tiếng than khóc và nước mắt và những cái ôm của người thân. Cảm động hơn cả là cảnh tượng người già bị bỏ lại vì tuổi tác, và vật nuôi cũng chọn thời điểm này để thể hiện niềm quyến luyến não lòng, chạy theo chân chủ nhân gào réo thảm thương khi họ bước lên thuyền. Chúng ta còn được nghe câu chuyện về chú chó của Xanthippus, cha của Pericles, vốn không thể chịu nổi sự xa cách với ông chủ, đã nhảy xuống biển, bơi qua eo theo chiến thuyền của ông chủ, và bị sóng đánh dạt vào Salamis, rồi là

đi và chết tại đó. Người ta kể, mộ của nó chính là nơi mang tên Dog's Mound, và vẫn còn đến ngày nay.

11. Dù sao đây cũng là những thành tích vĩ đại của Themistocles. Nhưng hơn thế, ông còn có sự sáng suốt để nhận ra rằng người Athens mong mỏi đưa Aristides trở về,⁽²⁶⁷⁾ và lo ngại rằng vì oán giận họ mà ông ta có thể chạy sang hàng ngũ quân rợ và hủy hoại sự nghiệp của Hy Lạp, bởi ông ta đã bị phe Themistocles đánh bại và bị lưu đày nhiều năm trước chiến tranh. Cho nên Themistocles đã đề xuất một đạo luật cho phép bất kỳ ai bị trục xuất trong một niên hạn nhất định đều được trở về để cùng đồng bào minh dốc sức vào công cuộc cứu nguy Hy Lạp bằng lời nói và hành động.

Do thanh thế của Sparta nên thủy đội Hy Lạp nằm dưới quyền chỉ huy của Eurybiades, nhưng ông ta tỏ ra thiếu quyết tâm đương đầu với gian nguy và nóng lòng muốn giương buồm đến eo đất, nơi quân đội Peloponnese đang tập trung. Tuy nhiên, Themistocles phản đối kế hoạch này và chính vào lúc ấy ông đã thốt ra lời bình luận sau vang danh muôn đời. Eurybiades đã nói với ông: “Ông biết đấy, Themistocles, trong thi đấu kẻ nào xuất phát trước hiệu lệnh kẻ ấy sẽ bị đánh bại hoàn toàn,” Themistocles đáp lại, “Vâng, nhưng người ta không trao vòng nguyệt quế cho kẻ buông xuôi ngay từ đầu.” Đoạn thấy Eurybiades giơ cao quyền trượng toan đánh mình, Themistocles liền nói, “Ông có thể đánh tôi nếu muốn, nhưng ông phải nghe tôi.” Eurybiades không khởi thán phục sự điềm tĩnh của ông nên bảo ông có ý gì hãy nói ra, và Themistocles cố đưa ông ta về lại chủ đề. Đúng lúc này, có người phản đối rằng một kẻ vong quốc không có quyền ép buộc người khác từ bỏ và ruồng rẫy quê hương mình, Themistocles lập tức quay sang anh ta bác lại, “Đúng đấy, anh bạn tội nghiệp, rằng chúng tôi đã từ bỏ nhà cửa và các bức tường thành của mình, bởi lẽ chúng tôi không lựa chọn trở thành nô lệ cho những thứ

không có đời sống hay tâm hồn. Nhưng thứ chúng tôi vẫn có là thành phố vĩ đại nhất trong toàn cõi Hy Lạp, và 200 chiến thuyền của chúng tôi giờ đây sẵn sàng để bảo vệ các anh, nếu các anh vẫn muốn được chúng che chở. Nhưng nếu các anh tháo chạy và phản bội chúng tôi, như các anh đã từng làm trước đây, thì người Hy Lạp sẽ sớm nghe tin rằng người Athens đã tìm thấy cho mình một thành phố tự do và một quê hương tươi đẹp không kém nơi mà họ đã hy sinh.”⁽²⁶⁸⁾ Khi nghe Themistocles nói bằng giọng điệu này, Eurybiades bắt đầu suy ngẫm và sợ hãi trước ý nghĩ rằng người Athens có thể giương buồm ra đi và bỏ rơi ông ta. Một lần nữa, khi một người Eretria ra sức phản đối Themistocles, ông liền ngắt lời: “Gì vậy, liệu chúng tôi sẽ được nghe những người như các anh dạy bảo về chuyện nên đánh đấm thế nào ư, các anh cũng như loài mực, chẳng có gì ngoài một cái túi dài ở nơi mà lẽ ra nên là trái tim?”

12. Một số tác giả nói rằng trong khi Themistocles sa vào cuộc tranh cãi này trên boong thuyền, người ta nhìn thấy một con cú bay từ bên phải⁽²⁶⁹⁾ thủy đội và đập vào đỉnh cột buồm của ông. Điềm báo này càng làm tăng thêm sức nặng cho lời nói của ông, và người Hy Lạp bèn bắt đầu chuẩn bị cho trận chiến. Tuy nhiên, lúc này thủy đội kẻ thù đã cập bến Attica và chiếm giữ vịnh Phalerum, đám thuyền lớn của chúng đã hoàn toàn làm ô ứ vùng bờ biển xung quanh. Nhà vua cũng đã đích thân ra biển với các lực lượng trên bộ và thực tế thì có thể nhận ra được ông ta giữa đạo quân đang tập hợp, và trước cảnh tập trung quân rầm rộ này, lời khuyến nghị của Themistocles đã bị quét ra khỏi tâm trí, và người Peloponnese một lần nữa lại hướng cái nhìn tha thiết về phía eo đất. Họ không nghe bất kỳ kế hoạch nào khác ngoài việc quyết định rút lui ngay đêm đó, và các hoa tiêu nhận được lệnh khởi hành. Themistocles diên tiết với viễn cảnh người Hy Lạp có thể vứt bỏ mọi ưu thế về vị trí trong

các vùng biển hẹp để phân tán vào các thành phố, do vậy ông đã cố tìm cách trả miếng và bắt chọt nảy ra mưu kế lừng danh cùng Sicinnus.

Người này là tù binh chiến tranh người Ba Tư, nhưng anh ta rất mực tận tụy với Themistocles và còn là gia sư của các con ông. Anh ta được mật phái đến gặp Xerxes và gửi tới ông ta thông điệp sau: “Tướng quân Themistocles của Athens đã theo phe đức vua và muốn là người đầu tiên cho đức vua hay tin rằng người Hy Lạp đang cố tẩu thoát; ông ấy giục nhà vua đừng để họ chạy thoát mà hãy tấn công và tiêu diệt lực lượng hải quân của họ, đang khi họ còn hỗn loạn và trước khi họ kịp hợp lực với quân đội trên đất liền.” Xerxes rất hài lòng với tin tức mà ông ta tin là đã được gửi đến mình với tất cả thiện ý, bèn lập tức hạ lệnh cho các tướng lĩnh. Bộ phận chính của thủy đội cứ tà tà bố trí người, còn 200 chiến thuyền thì lên đường ngay lập tức, bao vây eo biển từ khắp mọi phía và chặn đứng những tuyến đường nối giữa Salamis với các đảo lân cận, không cho người Hy Lạp nào chạy thoát.

Trong khi cuộc điều quân này đang diễn ra, Aristides con trai của Lysimachus, là người đầu tiên biết chuyện, đã đến lều của Themistocles. Hai người này tuyệt nhiên không phải bạn bè - thực vậy, chính là vì những nỗ lực của Themistocles, như tôi đã giải thích, mà ông ta đã bị lưu đày - nhưng Aristides giờ đây đến để cảnh báo ông, khi ông bước ra khỏi lều, rằng người Hy Lạp đã bị bao vây. Themistocles biết đối thủ của mình luôn là người có tính cách trung thực và cao quý, nhưng ông đặc biệt khâm phục việc ông ta tìm đến vào lúc này; bởi vậy ông đã nói với ông ta mật kế mà ông đang tiến hành với Sicinnus, và cầu xin Aristides với tư cách người được các đồng minh tín nhiệm hơn mình, cùng ông nỗ lực giữ người Hy Lạp ở yên vị trí và động viên họ đánh một trận trên eo biển. Aristides ca ngợi những việc Themistocles đã làm và tiến hành đi thăm khắp lượt tướng lĩnh và thuyền trưởng, kêu gọi họ tham chiến. Trong khi

họ còn đang tự hỏi liệu có nên tin vào tin tức này không, thì một chiến thuyền Tenia do Panaetius chỉ huy, từng đào ngũ từ phe kẻ thù, trở đến và khiến họ không còn hồ nghi về việc giờ đây mình đã bị bao vây, vậy là cuối cùng thì sự căm giận đã đóng vai trò quan trọng không kém tình thế bắt buộc, khi người Hy Lạp quyết tâm đương đầu với hiểm nguy.

13. Vào lúc rạng đông, Xerxes ngồi trên mô đất cao để dễ bề quan sát thủy đội và diễn biến cuộc giao tranh. Theo Phanodemus⁽²⁷⁰⁾ thì chỗ này nằm phía trên đền thờ Heracles, tại nơi mà đảo Salamis bị chia cách với lục địa Attica chỉ bằng một eo biển hẹp, nhưng Acestorius thì cho rằng vị trí quan sát đắc địa của nhà vua ở gần biên giới Megara, trên những ngọn đồi mệnh danh là “Những Chiếc Sừng.” Một ngai vàng được đặt sẵn cho ông ta và một đám đông thư lại túc trực với nhiệm vụ ghi chép các biến cố của trận đánh.

Trong khi đó, Themistocles đang cử hành lễ tế bên mạn chiến thuyền của đô đốc. Tại đây, ba tù nhân cực kỳ khôi ngô được mang ra trước mặt ông, với y phục đẹp đẽ và mang đồ trang sức bằng vàng. Nghe nói họ là các con trai của Sandaice, em gái vua rợ, và Artayctus. Vào giây phút nhà tiên tri Euphrantides thấy họ, một ngọn lửa chói lòa chợt bùng lên từ những nạn nhân đang chờ bị hiến tế tại bàn thờ và nghe thấy một tiếng hắt hơi ở phía bên phải, vốn là một điềm lành. Lúc này, Euphrantides siết chặt tay phải của Themistocles và ra lệnh ông hãy hiến tế các chàng trai trẻ bằng cách cắt lọn tóc trán của họ rồi đưa ra lời cầu nguyện và hiến tế tất cả họ cho Dionysus, vị thần ăn thịt sống,⁽²⁷¹⁾ vì nếu điều này được thực hiện, nó sẽ mang đến sự giải thoát và chiến thắng cho người Hy Lạp. Dường như Themistocles thất kinh hãi trước mệnh lệnh khủng khiếp và tàn ác này của nhà tiên tri. Nhưng mọi người, như vẫn thường xảy ra trong những thời khắc khủng hoảng, sẵn sàng tìm kiếm sự cứu vớt trong phép màu hơn là trong hành động của lý trí. Và thế là họ đồng

thanh gọi tên vị thần, kéo lê các tù nhân đến bàn thờ, và hối thúc hành lễ hiến tế như nhà tiên tri yêu cầu. Dù sao đi nữa, đây là những gì chúng ta được nghe từ Phantias xứ Lesbos, triết gia kiêm sử gia uyên bác.

14. Trong tấn bi kịch *The Persians* (Người Ba Tư) của mình, nhà thơ Aeschylus đã viết về số lượng thuyền của quân rợ như thể ông ta biết tường tận về chúng:

Nhưng Xerxes, như tôi biết rõ, có cả ngàn thuyền
Dưới tay ông ta; những chiếc thuyền tốc độ cao
Gồm hai trăm lẻ bảy, là con số tin được.⁽²⁷²⁾

Quân Athens có 180 thuyền mạnh và mỗi chiếc có 18 lính chiến trên boong, bốn trong số đó là cung thủ và còn lại là bộ binh.

Themistocles có vẻ đã lựa chọn thời điểm cũng như địa điểm giao chiến một cách sáng suốt. Ông cẩn thận không để các chiến thuyền giao tranh trực diện với thuyền của quân rợ, cho đến thời điểm trong ngày khi gió vẫn thường thổi từ ngoài biển và cuốn theo một đợt sóng mạnh khắp vùng nước hẹp. Con gió này không gây bất lợi cho thuyền Hy Lạp, vốn tương đối nhỏ và nằm gần mặt nước, nhưng là nỗi phiền hà cho thuyền Ba Tư, vốn khó xoay trở với boong cao và phần đuôi chót vót, khiến một bên mạn của chúng quay về phía đối phương đang xông tới với khí thế ồ ạt. Đám thuyền trưởng Hy Lạp để mắt trông chừng Themistocles, vì họ cảm thấy ông là người hiểu rõ nhất những sách lược đúng đắn để làm theo, và còn vì đối thủ bên kia chiến tuyến của ông là Đô đốc Ariamenes của Xerxes, một người rất can đảm, đáng tin cậy và khả kính nhất trong số những anh em của vua rợ. Ông ta ở trên một con thuyền khổng lồ, giúp tránh được những mũi tên và ngọn lao, như thể ông ta đang ở trên

thành lũy pháo đài. Ameinias xứ Decelea và Socles ở tiểu khu Paeania, cùng đi chung trên một thuyền, đã lao thẳng mũi thuyền vào chiến thuyền của ông ta, rồi khi hai thuyền đâm sầm vào nhau và bị mấy chiếc mỏ bằng đồng níu chặt, Ariamenes đã cố nhảy sang thuyền của họ; nhưng hai người Athens đã đứng chắn trước mặt, dùng giáo đâm xuyên người ông ta, và ném xuống biển. Artemisia, hoàng hậu xứ Caria, đã nhận ra thi thể ông ta trôi bồng bềnh giữa những mảnh ván thuyền, bèn đưa về cho Xerxes.

15. Tại thời điểm này của cuộc chiến nghe nói có một vầng sáng chói lòa chọt vọt lên từ Eleusis và một tràng hò hét inh ỏi tựa hồ lấp đầy cả khoảng không từ bình nguyên Thriasia⁽²⁷³⁾ về phía biển, như thể một đám đông khổng lồ đang hộ tống Iacchus⁽²⁷⁴⁾ huyền bí trong đám rước. Thế rồi, từ nơi có tiếng reo hò, một đám mây dường như chậm chậm dâng lên từ đất liền, trôi dạt ra biển, và bất thần hạ xuống những chiến thuyền. Số khác tin rằng họ đã trông thấy các bóng ma và hình ảnh chiến binh vũ trang đang đến từ Aegina⁽²⁷⁵⁾ với đôi tay vươn ra bảo vệ những con thuyền Hy Lạp. Họ tin đấy là các con trai của Aeacus mà họ đã thỉnh nguyện lên xin giúp đỡ trước cuộc giao tranh.⁽²⁷⁶⁾

Lycomedes, chỉ huy một chiến thuyền Athens, là người đầu tiên bắt giữ một thuyền địch rồi cắt phăng hình đầu người ở mũi thuyền Ba Tư và dâng nó cho Apollo mang vòng nguyệt quế tại Phlya. Người Hy Lạp giờ đây đã tự tin chiến đấu ngang tài ngang sức với kẻ thù, vì người Ba Tư mỗi lần chỉ có thể đưa một phần nhỏ thủy đội vào chiến cuộc, do thuyền của họ thường bị va vào nhau trong eo biển chật hẹp; thành thử, dù họ đã kiên trì chống trả cho đến tối, nhưng cuối cùng vẫn bị người Hy Lạp đánh bại tan tác. Vậy là họ đã giành được “chiến thắng vĩ đại và lòng lầy,” như cách nói của Simonides, “kỳ công vẻ vang nhất mà người Hy Lạp hay quân rợ từng đạt được trên biển, và họ quy nó cho lòng can đảm và quyết

tâm của tất cả những ai chiến đấu trên thuyền, mà đặc biệt là tài năng và óc phán đoán siêu phàm của Themistocles.”

16. Sau trận chiến, Xerxes, vốn chưa nguôi giận bởi cuộc thảm bại, đã cố xây dựng những đập chắn để bít kín eo biển và đưa lực lượng trên bộ đến Salamis tấn công quân Hy Lạp. Lúc bấy giờ Themistocles, nhằm thăm dò ý định của Aristides, đã làm ra vẻ thúc giục người Hy Lạp đưa thủy đội đến Hellespont⁽²⁷⁷⁾ và phá hủy cây cầu phao nơi đây. “Bằng cách này,” ông nói, “chúng ta có thể giành châu Á mà không phải nhích một bước nào ra khỏi châu Âu.” Aristides hoàn toàn không ủng hộ đề xuất này và đáp: “Đến lúc này, vua rợ mà chúng ta đang chiến đấu đã bị đánh bại rất dễ dàng. Nhưng nếu chúng ta giam ông ta ở Hy Lạp và xua người này, vốn đang nắm giữ binh lực khổng lồ như vậy, đến bước đường cùng bằng cách làm ông ta kinh sợ, thì ông ta sẽ không còn ngồi dưới lọng vàng lạng lẽ quan sát các cuộc giao tranh của chúng ta nữa. Ông ta sẽ tập trung mọi nhuệ khí, và vì gặp nguy hiểm nên ông ta sẽ đóng vai trò tích cực vào mỗi dịp, sửa chữa những sai lầm mà mình mắc phải trước đó và biết tiếp thu lời khuyên bổ ích hơn về mọi việc. Thực tế, thay vì phá cầu phao đã có ở đó, Themistocles à, nếu có thể, chúng ta phải xây một cái khác bên cạnh nó để lừa ông ta ra khỏi châu Âu càng sớm càng tốt.” “Rất tốt, vậy thì,” Themistocles nói, “nếu chúng ta nhất trí như thế, đây là thời điểm rất thích hợp để cân nhắc và nghĩ ra một vài cách tống khứ ông ta ra khỏi Hy Lạp càng nhanh càng tốt.”

Ngay khi kế hoạch được chấp nhận, Themistocles liền biệt phái một hoạn quan tên là Arnaces, được ông chọn ra trong số tù binh chiến tranh. Anh ta đến báo cho Xerxes hay rằng người Hy Lạp, giờ đây là chủ nhân trên biển, đã quyết định giương buồm đến Hellespont và phá hủy cầu phao ở đó, nhưng Themistocles, vì lòng kính mến nhà vua, kêu gọi ông ta hãy nhanh chóng rút quân về vùng biển quê nhà của mình ở châu Á. Anh

ta nói tiếp, trong khi đó, bản thân ông sẽ tìm mọi cách ghìm chân các đồng minh khiến họ mất thời gian trong cuộc truy kích. Xerxes vô cùng hoảng sợ khi nghe tin này, và lập tức hạ lệnh thu xếp lui quân. Màn diễn thông minh của Themistocles và Aristides đã được chứng tỏ sau đó trong chiến dịch chống lại Mardonius, vì trận Plataea là một trong những trận đánh mà người Hy Lạp đứng trước nguy cơ mất tất cả, cho dù họ chỉ đấu lại với một phần nhỏ trong đội quân của Xerxes mà thôi.

17. Herodotus kể với chúng ta⁽²⁷⁸⁾ rằng trong tất cả các thành bang Hy Lạp, Aegina đã nhận được cảnh cộ vì lòng dũng cảm, và rằng mọi người tham gia chiến trận thật ra đều muốn dành tặng danh dự tối cao cho Themistocles, mặc dù lòng ghen tị khiến họ không sẵn lòng thú nhận điều này. Khi các tướng lĩnh rút về eo đất và bỏ phiếu kín tại bàn thờ Poseidon⁽²⁷⁹⁾ ở đó, mỗi người đều tự xếp mình đứng đầu về lòng dũng cảm còn Themistocles đứng thứ hai. Sau chuyện này, người Sparta đã mang ông về xứ sở cùng với mình. Họ trao giải dũng cảm cho Eurybiades, còn Themistocles được giải khôn ngoan - cả hai đều được nhận một vòng ô liu - và họ còn tặng ông cỗ xe ngựa tốt nhất thành phố và cử đội quân gồm 300 thanh niên ưu tú hộ tống ông đến biên giới. Người ta cũng kể là, tại những trận thi đấu Olympic kế tiếp, khi Themistocles tiến vào sân vận động, khán giả không còn quan tâm tới các đấu thủ nữa mà cứ dán mắt vào ông, chỉ trở giới thiệu ông với người lạ, ca ngợi và vỗ tay hoan nghênh ông mỗi khi như thế. Themistocles thấy hài lòng vì điều này và thổ lộ với bạn bè rằng giờ đây ông đang gặt hái thành quả từ những công sức ông bỏ ra cho Hy Lạp.

18. Chắc chắn ông đã đầy tham vọng của mình tới giới hạn tột cùng, nếu chúng ta có thể xét đến những câu chuyện được thuật lại về ông. Ví như, khi người Athens bầu ông làm đô đốc, ông từ chối thu xếp mọi vấn đề cả công lẫn tư khi chúng xảy ra, trì hoãn mọi thứ cho đến ngày ra khơi

đã định; ông làm thế để xử lý cùng lúc một khối lượng công việc khổng lồ và gặp gỡ đủ loại người khác nhau, bằng cách đó ông nổi bật lên như một người có tầm quan trọng và quyền uy lớn lao. Một lần khác, khi ông tình cờ nhìn lướt qua một số tử thi quân Ba Tư bị sóng đánh dạt vào bờ biển, thấy nhiều người trong đó đeo đồ trang sức là vòng tay và vòng cổ bằng vàng, ông đã bước qua và vừa chỉ vào họ vừa nói với một người bạn đang đi sau mình rằng, “Cứ tự nhiên! Anh có phải là Themistocles đâu!” Ông nói với Antiphates, vốn là một chàng trai khôi ngô và có lúc đã tỏ thái độ khinh thường Themistocles nhưng rồi lại tìm cách kết thân vì danh vọng ông đã đạt được, “Thế đấy, chàng trai ạ, thời gian đã dạy cả hai chúng ta một bài học, cho dù nó đã đến với chúng ta muộn màng.” Ông cũng thường nói với người Athens, rằng họ không ngưỡng mộ hay tôn vinh ông vì chính ông, mà cư xử với ông như một cái cây tiêu huyền: khi trời giông bão, họ tìm nơi trú ẩn dưới tán cây của nó, nhưng ngay khi đã yên bình, họ vặt lá và xén trụ cành của nó. Lần khác, một người đến từ Seriphos⁽²⁸⁰⁾ nói với ông rằng danh tiếng mà ông có được hoàn toàn không do nỗ lực bản thân, mà nhờ thành phố của ông. “Rất đúng,” Themistocles vặn lại, “tôi sẽ không bao giờ làm nên trò trống gì nếu tôi là một người Seriphos, và anh cũng vậy nếu anh là một người Athens!”

Lần khác, một tướng lĩnh đồng sự, vốn cho là mình đã lập nên nhiều công trạng cho thành bang, bắt đầu cư xử ngạo mạn với Themistocles và mang thành tích của họ ra để so sánh. Themistocles đáp lời ông ta: “Ngày-sau-lễ-hội có lần gây sự với ngày-lễ-hội mà rằng, Anh chẳng mang lại điều gì ngoài lo lắng và phiền phức, nhưng khi tôi đến, mọi người có thể nhàn nhã tận hưởng mọi thứ họ đã chuẩn bị trước đó.’ Câu trả lời của ngày-lễ-hội là, ‘Đúng vậy, nhưng nếu tôi không đến trước, anh sẽ không đến được đâu.’ Chuyện giữa chúng ta cũng thế thôi. Nếu Themistocles đã không hiện diện vào ngày đó ở Salamis, tất cả các anh bây giờ sẽ ở đâu?”

Ông có lần nói đùa rằng con trai ông, vốn được vợ chồng ông cưng chiều thái quá đâm ra hư hỏng, là người quyền lực hơn bất cứ ai ở Hy Lạp, “vì người Athens thống lĩnh người Hy Lạp, tôi thống lĩnh người Athens, mẹ nó thống lĩnh tôi, và nó thống lĩnh bà ấy.” Ông lấy làm thích thú vì khác biệt với mọi người, và lúc ông muốn bán một khoảnh ruộng đất nào đó, ông lệnh cho người rao bán thông báo rằng nó có một điểm cộng là có một người láng giềng tuyệt vời. Còn khi hai chàng trai đến cầu hôn con gái ông, ông chọn người đáng trọng hơn thay vì người giàu hơn, nói rằng ông thà có một người không có tiền còn hơn là có tiền mà không có người. Tính cách ấy cũng thể hiện trong phong cách đối thoại của ông.

19. Chẳng bao lâu sau khi để lại sau lưng mình những thành tựu này, ông đã lập tức bắt tay tái thiết và củng cố sức mạnh của Athens; theo lời kể của Theopompus⁽²⁸¹⁾ thì ông đã hối lộ cho các giám quan Sparta để không phản đối kế hoạch của ông, nhưng hầu hết các tác giả đều đồng ý rằng ông láu cá hơn họ. Ông thu xếp một chuyến thăm Sparta, tự phong cho mình danh nghĩa một đại sứ, và người Sparta bấy giờ đã phàn nàn với ông rằng người Athens đang củng cố thành phố của mình, trong khi Polyarchus được cử đến từ Aegina cốt để chất vấn ông về cáo buộc này. Tuy nhiên, Themistocles phủ nhận điều đó và bảo họ hãy cử người đến Athens mà xem; ông tính toán, sự trì hoãn này sẽ cho thêm thời gian để xây dựng các công trình phòng thủ, và ông cũng nóng lòng trước việc người Athens sẽ bắt giữ các sứ giả làm con tin vì sự an toàn của chính ông. Sự thể đã diễn ra đúng như vậy. Khi khám phá ra sự thật, người Sparta đã không trả đũa ông, mà đành nuốt giận và để ông đi.

Sau chuyện này ông tiếp tục phát triển Piraeus thành một hải cảng, vì ông đã để ý thấy những lợi thế tự nhiên⁽²⁸²⁾ của các bến cảng ở đó và tham vọng của ông là hợp nhất toàn bộ thành phố với vùng biển. Trong một

chừng mực nào đó ông muốn đảo ngược chính sách của những vị vua Attica cổ đại, vì họ được cho là đã nhắm đến việc kéo cư dân ra xa biển khiến họ quen sống bằng nghề cày bừa và trồng trọt thay vì đi biển. Họ là người đã truyền bá huyền thoại về Athena, về việc nàng và Poseidon đã giành nhau quyền sở hữu xứ sở này thế nào, nàng đưa cành ô liu linh thiêng ra trước các quan tòa ở Acropolis và nhờ vậy đã giành chiến thắng ra sao. Tuy nhiên, như lối diễn đạt của nhà thơ hài kịch Aristophanes,⁽²⁸³⁾ Themistocles đã không “nhào nặn Piraeus vào với thành phố”:⁽²⁸⁴⁾ Trái lại, ông gắn thành phố với Piraeus và làm cho xứ này phụ thuộc vào biển. Hiệu quả của việc này là làm gia tăng ảnh hưởng của dân chúng so với giới quý tộc và khiến họ tràn đầy lòng tự tin, vì sự kiểm soát chính sách giờ đây đã được chuyển giao vào tay các thủy thủ, thủy thủ trưởng và hoa tiêu. Đây cũng là lý do vì sao diễn đàn của Hội đồng nhân dân ở Phnx, vốn được xây dựng nhìn ra biển, về sau đã bị Ba mươi Bạo chúa làm cho quay mặt hướng vào trong đất liền, vì họ tin rằng đế chế hải quân Athens đã tỏ ra là mẹ đẻ của nền dân chủ, và rằng một chính thể quả đầu⁽²⁸⁵⁾ sẽ được những người cày bừa trên đất đai chấp nhận dễ dàng hơn.

20. Nhưng Themistocles đã ấp ủ những kế hoạch thậm chí còn tham vọng hơn để biến Athens thành bá chủ biển khơi. Sau khi Xerxes rút quân, khi thủy đội Hy Lạp dừng lại ở Pagasae⁽²⁸⁶⁾ và được kéo lên bờ để nghỉ đông ở đó, ông đã diễn thuyết trước người Athens trong đó ông nói với họ rằng mình có một kế hoạch hứa hẹn không chỉ an ninh mà còn là những mối lợi lớn cho Athens, nhưng điều đó không thể được bàn luận công khai. Người Athens bảo ông chớ thổ lộ cho ai ngoài Aristides, và nếu ông ấy tán thành thì nó nên được tiến hành. Thế là ông giải thích với Aristides rằng kế hoạch của mình là đốt cháy toàn bộ thủy đội Hy Lạp ở nơi nó đang đậu. Sau đó, Aristides đứng ra nói với dân chúng rằng không

một đề xuất nào hữu ích hơn, đồng thời quá quắt hơn thế, và thế rồi người Athens ra lệnh cho Themistocles từ bỏ nó.

Khi các thành bang Hy Lạp tụ họp tại Hội đồng Amphictyony, người Sparta đã đưa ra một kiến nghị rằng toàn bộ các thành bang đó không tham gia chống lại người Ba Tư nên bị tước tư cách thành viên. Themistocles lo ngại rằng nếu người Sparta thành công trong việc tống cổ người Thessaly, người Argos và người Thebes khỏi Hội đồng, họ sẽ có toàn quyền kiểm soát các lá phiếu và có thể thông qua bất cứ biện pháp nào họ muốn. Vì vậy, ông đã lên tiếng bảo vệ cho những thành bang này và lôi kéo đa số các đại biểu về phía mình bằng cách vạch ra rằng chỉ có 31 thành bang đóng vai trò tích cực trong cuộc chiến, và rằng hầu hết trong đó là những thành bang rất nhỏ, bởi vậy sẽ là một tình thế không thể chấp nhận được nếu phần còn lại của Hy Lạp bị loại bỏ và Hội đồng bị khống chế bởi hai hoặc ba thành bang lớn nhất. Lập luận mà ông đưa ra vào dịp này đặc biệt xúc phạm người Sparta, khiến họ quyết tâm củng cố vị thế của Cimon bằng cách thể hiện sự ủng hộ ông ta và xác lập tư thế của ông ta như một đối thủ chính trị của Themistocles.

21. Ông cũng chuốc lấy sự căm ghét của các đồng minh bằng việc dong thuyền đi khắp các đảo và cố vùi tiền họ. Chẳng hạn, khi ông yêu cầu dân Andros nộp tiền, Herodotus⁽²⁸⁷⁾ kể với chúng ta là một cuộc đấu khẩu đã diễn ra. Themistocles nói với họ rằng ông mang theo mình hai vị thần, Thuyết phục và Áp chế, nghe vậy các cư dân đảo bèn đáp rằng họ cũng có hai vị thần vĩ đại, Nghèo khổ và Túng thiếu, đã ngăn họ đưa tiền cho ông.

Timocreon, nhà thơ trữ tình ở Rhodes, công kích Themistodes rất dữ dội trong một bài ca, trong đó ông ta viết rằng, để đáp lại một khoản hối lộ, Themistocles đã dàn xếp cho một số người bị lưu đày được hồi hương, nhưng lại bỏ rơi ông ta, mặc dù nhà thơ này là một chủ nhà hiếu khách và là bạn của ông, và rằng tất cả những chuyện này chỉ vì tiền mà thôi.

Những người khác có thể ca hát tán tụng Pausanias
Hay Xanthippus gan dạ, Leotychidas quả cảm.
Riêng tôi chọn Aristides, một người chân chính
Đến từ Athens thần thánh. Chúng ta biết rằng Leto,
Con người yêu sự thật, ghét Themistocles
Kẻ dối trá, lừa gạt, và phản bội, kẻ thất tín
Và vì một màn hối lộ bán thiu, từ chối để cho
Timocreon con tin của ông ta về lại quê nhà Rhodes,
Nhưng đã đút túi 3 talent bạc, không ít
Và đông thẳng. Ô, ông ta đã có phần thưởng của mình.
Giờ đây ông ta đưa về một vài kẻ không xứng đáng,
Trong khi vài kẻ chịu lưu đày, và vài kẻ khác bị đẩy tới chỗ chết,
Nhưng ông ta luôn ních đầy túi, và tại eo đất
Đóng vai chủ nhà hào phóng - và trò cười hay ho -
Với bữa tiệc nhạt nhẽo ông ta thết, ở đó tất cả khách khứa
Ăn, và rồi cầu mong ông ta sẽ gặp kết cục xấu.

Nhưng sau khi Themistocles bị kết án và lưu đày, Timocreon còn lăng mạ ông đầy quái gở và độc địa hơn nhiều trong bài thơ bắt đầu bằng:

Đi nào, nàng thơ ta hỡi,
Làm cho bài ca của ta vang khắp nẻo Hy Lạp
Công lý đòi hỏi không ít hơn thế.

Chuyện kể rằng Timocreon từng bị lưu đày vì tội thông đồng với người Ba Tư, và rằng Themistocles đã tham gia kết án ông ta. Thế là, Themistocles về phần mình cũng bị kết tội “thông đồng,” Timocreon bèn soạn ra những vần thơ sau:

Timocreon chẳng phải người Hy Lạp duy nhất
Thông đồng với người Ba Tư: có nhiều kẻ
Tội nặng không kém: nhiều con cáo khác
Cũng đã bị mất đuôi.

22. Sau cùng, sự ghen tị đã khiến ngay cả những quốc dân đồng bào cũng đi tới chỗ lắng nghe bất kỳ lời vu khống nào nhắm vào ông, và vì vậy Themistocles đã buộc phải nhắc lại những thành tích của ông trước Hội đồng cho đến khi họ không thể chịu nổi nữa. Ông từng nói với những người than phiền về ông: “Sao các anh lại ngán nhận ích lợi thường xuyên từ cùng một người?” Ngoài ra ông còn xúc phạm tới mọi người khi ông xây đền thờ Artemis, vì chẳng những ông gọi đấy là nữ thần Artemis Aristoboule, hay Artemis cố vấn thông thái nhất - ám chỉ chính ông là cố vấn sáng suốt nhất cho người Athens và người Hy Lạp - mà ông còn chọn địa điểm xây dựng gần nhà mình ở Melite. Đây là nơi mà ngày nay các đao phủ công khai vứt xác tội phạm bị hành hình, là nơi bỏ lại y phục và dây thòng lọng của những kẻ tự treo cổ. Một bức tượng nhỏ của Themistocles vẫn còn đứng đó trong đền thờ Artemis Aristoboule này ngay cả đến thời tôi, và căn cứ vào đó thì ông hẳn là người chẳng những có tinh thần quả cảm mà còn có phong thái hào hùng nữa.

Rốt cuộc người Athens đã phát vãng ông.⁽²⁸⁸⁾ Họ dùng án lưu đày để hạ nhục danh vọng và uy quyền lớn lao của ông, như thói quen của họ với

bất kỳ ai có sức mạnh mà bị họ cho là áp chế, hay kẻ đã đạt tới địa vị cao trọng mà họ coi là không còn phù hợp với sự bình đẳng của một nền dân chủ. Họ không coi lưu đày là hình phạt, mà như một phương tiện để làm cùn và xoa dịu thứ tinh thần đố kỵ, vốn khoái trá với việc hạ bệ kẻ hùng mạnh và tìm kiếm lối thoát cho sự hiểm thù bằng hình phạt lưu đày này.

23. Sau khi bị trục xuất khỏi Athens và sống ở Argos, vụ án Pausanias⁽²⁸⁹⁾ đã đem đến cho kẻ thù của Themistocles một cái cớ để chống lại ông. Người kết tội Themistocles phản bội là Leobotes, con trai của Alcmaeon ở tiểu khu Agraule, và người Sparta đã vào hòa trong việc này. Khi Pausanias dàn xếp kế hoạch mưu phản, thoát tiên ông ta giấu Themistocles, mặc dù hai người là bạn thân. Nhưng khi ông ta thấy ông bị lưu đày khỏi quê hương và lòng đầy oán hận, ông ta bèn đánh bạo mời Themistocles tham gia vào kế hoạch của mình, cho ông xem một bức thư của Vua Ba Tư và đồng thời cố kích động sự thù hận của ông với người Hy Lạp mà ông gọi là lũ khốn vong ân bội nghĩa. Themistocles từ chối tiếp xúc với Pausanias và không chịu đồng lõa với ông ta dù dưới bất kỳ hình thức nào, nhưng ông không tiết lộ cuộc nói chuyện giữa họ với bất kỳ ai, cũng không tố giác kế hoạch của Pausanias. Ông dường như đã chờ đợi Pausanias hoặc sẽ tự mình từ bỏ kế hoạch, hoặc sẽ bị bại lộ theo cách nào đó, khi thấy rằng ông ta đang đeo đuổi những dự án ngông cuồng và tuyệt vọng ấy mà hoàn toàn thiếu suy xét.

Đây là lý do vì sao sau khi Pausanias bị dồn đến chỗ chết, một vài lá thư và tài liệu bị đưa ra ánh sáng đã khiến sự ngờ vực hướng vào Themistocles. Người Sparta phản đối kịch liệt, và người Athens vốn đố kỵ với ông cũng bắt đầu đưa ra lời buộc tội. Themistocles không thể tự bào chữa trực tiếp, nhưng ông đã làm như vậy bằng cách viết và đay đi đay lại về những cáo trạng trước đó nhắm vào ông. Ông chỉ rõ, kẻ thù đã vu khống khi kết tội rằng ông là một người luôn áp đặt uy quyền lên người

khác, nhưng bản thân lại không sẵn lòng tuân thủ nó do tính khí ông như thế hoặc do ông cố tình như thế. Nhưng nếu điều này là có thật, thì ông cũng không bao giờ có thể bán rẻ mình và Hy Lạp cho quân rợ, hướng chi là cho kẻ thù của quê hương mình. Tuy nhiên, bất chấp những gì ông nói ra, đám cáo buộc ông đã thuyết phục được dân chúng, và giới chức được cử đến bắt giữ ông để đưa ông ra xét xử trước Hội đồng tòa án toàn Hy Lạp.

24. Tuy nhiên, vì biết trước chuyện này, Themistocles đã vượt biển đến Corcyra,⁽²⁹⁰⁾ tại đây ông được dân chúng đón nhận như một nhà hảo tâm của thành phố. Khi được chọn làm trọng tài trong một vụ tranh chấp giữa Corcyra và Corinth, ông đã giải quyết bằng phán quyết rằng người Corinth phải bồi thường 20 talent, và rằng đảo Leucas sẽ được quản lý như một thuộc địa chung của cả hai thành phố. Từ Corcyra ông trốn tiếp sang Epirus, và vì người Athens cũng như người Sparta vẫn đang truy lùng ông, ông quyết định đánh cược vận may vào một cơ hội gay go và gần như tuyệt vọng bằng cách tìm kiếm sự che chở của Admetus, nhà vua xứ Molossia. Nhà cai trị này đã từng cầu cạnh người Athens điều gì đó, và Themistocles, bấy giờ đang trên đỉnh cao quyền lực, đã làm bẽ mặt ông ta khi từ chối nó. Admetus không bao giờ tha thứ cho ông vì chuyện này và tuyên bố sẽ trả thù nếu có một lúc nào đó Themistocles rơi vào tay mình. Song, trong tình hình hiện tại, Themistocles khiếp sợ nỗi ghen tức vốn chỉ vừa nhen lên của đồng bào ông hơn mối bất bình ấp ủ từ lâu của nhà vua. Vì vậy, ông đã phó mặc mình cho ông ta định đoạt, bằng cách cầu xin Admetus theo một kiểu đặc biệt chưa từng thấy ở đâu cả. Ông nâng đứa con trai nhỏ của nhà vua trong đôi tay và phủ phục trước nền lò sưởi, đây là hình thức cầu xin mà người Molossia coi là trang trọng nhất và gần như không thể nào chối từ. Một số người kể rằng chính Phthia, vợ của nhà vua, là người gợi ý cho Themistocles lối cầu khẩn này,

và rằng chính nàng đã đặt con mình lên bệ lò sưởi cùng với ông, còn số khác thì cho rằng chính Admetus đã sắp đặt chuyện này từ trước và diễn cảnh này cùng Themistocles, để tự đặt mình vào một nghĩa vụ có tính tôn giáo là không giao nộp ông cho những kẻ truy lùng.

Epicrates xứ Acharnae đã lén đưa vợ con Themistocles ra khỏi Athens để đoàn tụ với ông ở Epirus, và vì hành động này, theo Stesimbrotus, ông này sau đó đã bị Cimon truy tố và khép tội chết. Nhưng ít lâu sau, Stesimbrotus vì lý do nào đó hoặc đã quên khuấy tình tiết này hoặc để cho Themistocles quên nó, nên kể với chúng ta rằng ông đã đi thuyền đến Sicily và cầu hôn con gái của bạo chúa Hiero, hứa sẽ làm cho người Hy Lạp quy phục ông ta, nhưng Hiero từ chối và thế là ông tiếp tục rong ruổi sang châu Á.

25. Lời kể này có vẻ không đúng lắm. Vì Theophrastus trong chuyên luận *On Royalty* (Về người hoàng tộc) nói với chúng ta rằng khi Hiero đưa bày ngựa đến cuộc đua ở Olympia và dựng lên một cái rạp được trang trí rất đẹp ở đó, Themistocles đã diễn thuyết trước người Hy Lạp đang tề tựu, kích động họ phá tan cái rạp của bạo chúa và không cho ngựa của ông ta thi đấu. Còn Thucydides⁽²⁹¹⁾ kể với chúng ta rằng Themistocles đã vượt hành trình xuyên Hy Lạp đến Aegea, và rong ruổi trên thuyền từ Pydna mà không một bạn đồng hành nào biết ông là ai, mãi đến khi con thuyền bị một cơn bão đánh dạt đến Naxos, lúc bấy giờ đang bị người Athens vây hãm.⁽²⁹²⁾ Vì quá khiếp sợ nên Themistocles đành tiết lộ thân phận với chủ thuyền và thuyền trưởng. Nhưng một phần nhờ van xin và một phần bởi lời đe dọa rằng ông sẽ tố giác họ với người Athens và giả đò rằng ngay từ đầu họ đã biết ông là ai nhưng vẫn cho ông lên thuyền ngay từ đầu vì đã nhận hối lộ, ông buộc họ phải bám trụ trước sóng to gió lớn và cuối cùng cập bờ biển châu Á.

Phần lớn tài sản của ông đã được bạn bè cất giấu và gửi bằng đường biển đến châu Á cho ông. Tuy nhiên, tổng số tiền mà ngân khố Athens phát hiện ra và sung công lên đến 100 talent, theo Theopompus, trong khi Theophrastus đưa ra con số 80. Tuy nhiên, điều đáng nói là trước khi bước vào đời sống chính trị, Themistocles không có đến 3 talent giá trị tài sản.

26. Khi tấp vào Cyme,⁽²⁹³⁾ ông biết rằng khắp miền duyên hải có nhiều người đang rình chờ bắt mình, nhất là Ergoteles và Pythodorus. Quả vậy, vì Vua Ba Tư đã công khai treo giá 200 talent cho cái đầu ông, nên dĩ nhiên ông là miếng mồi hấp dẫn với những kẻ háms tiền bất chấp tất cả. Ông bèn trốn đến Aegae, một thị trấn nhỏ ở Aeolia. Ở nơi này chưa ai từng nghe nói về ông, ngoại trừ vị chủ nhà Nicogenes giàu nhất vùng Aeolia, vốn nổi tiếng trong giới quý tộc nội địa, và ông ẩn náu ở đây vài ngày. Đêm nọ, sau bữa tối tiếp nối cuộc tế lễ, Olbius, gia sư của các con Nicogenes, bỗng nhiên rơi vào trạng thái xuất thần đầy cảm hứng và thốt ra câu thơ sau:

“Đêm tối sẽ lên tiếng và cho người lời khuyên, đêm tối sẽ cho người chiến thắng.”

Cũng đêm đó, khi nằm trên giường Themistocles đã mơ một giấc mơ. Ông mộng thấy một con rắn cuộn tròn quanh bụng và đang bò lên cổ ông; ngay khi chạm tới mặt ông, nó hóa thành một con đại bàng, ôm ông trong đôi cánh, nhắc ông khỏi mặt đất và mang ông đi rất xa. Sau đó hiện ra trước mắt ông một cây quyền trượng sứ giả; con đại bàng nhẹ nhàng đặt ông xuống đó, và bỗng chốc ông cảm thấy được giải thoát khỏi tình trạng hoang mang bất lực của mình.⁽²⁹⁴⁾

Dù sao đi nữa ông đã được Nicogenes gửi đi, ông ta đã dàn xếp mảnh khoe dưới đây. Hầu hết các xứ rợ, và đặc biệt người Ba Tư, đều thể hiện

phương diện nghiệt ngã và tàn ác trong bản tính của họ qua lối hành xử ghen tuông với phụ nữ của mình. Không chỉ vợ, mà ngay cả nô lệ và nàng hầu đều bị canh gác kỹ lưỡng, để họ không bao giờ bị người lạ trông thấy; ở nhà họ bị nhốt kín trong bốn bức tường, và khi ra ngoài họ nấu mình trong những tấm bạt che và những bức màn đặt trên cỗ xe bốn bánh. Đây là loại phương tiện mà họ đã chuẩn bị cho Themistocles và ông ra đi an toàn bằng cách nấu mình bên trong, trong khi đám người hầu sẽ trả lời cho bất kỳ ai thắc mắc rằng họ đang hộ tống một phụ nữ Hy Lạp nghèo đến cho một cận thần của nhà vua.

27. Theo Thucydides⁽²⁹⁵⁾ và Charon xứ Lampsacus, bấy giờ Xerxes đã qua đời và chính Artaxerxes con trai ông ta là người tiếp Themistocles. Mặt khác, Ephorus,⁽²⁹⁶⁾ Dinon,⁽²⁹⁷⁾ Clitarchus,⁽²⁹⁸⁾ Heracleides, và nhiều chuyên gia khác vẫn cho rằng ông đã đến với Xerxes. Phiên bản của Thucydides theo tôi dường như phù hợp hơn với những mốc ngày tháng mà chúng ta biết về thời kỳ này, mặc dù chúng không được xác minh chắc chắn. Dù sao đi nữa, Themistocles bấy giờ đã phải đối mặt với cuộc thử thách chờ đợi bấy lâu của mình, và thoát tiên ông được tể tướng (vizier) Artabanus⁽²⁹⁹⁾ tiếp đón. Themistocles thông báo với ông ta rằng mình là một người Hy Lạp và muốn được yết kiến nhà vua về những chuyện đặc biệt quan hệ tới ông ta và cực kỳ quan trọng. Artabanus đáp: “Hỡi người khách lạ, phong tục của con người rất khác nhau. Mỗi dân tộc có tiêu chuẩn riêng về đúng và sai, nhưng tất cả đều đồng ý rằng tôn vinh và giữ gìn phong tục của xứ sở mình là điều chính đáng. Hiện giờ người Hy Lạp các ông đã có tiếng là ngưỡng vọng tự do và bình đẳng hơn hết thảy. Còn chúng tôi, nhờ những luật lệ tuyệt vời của mình, lấy làm hãnh diện nhất trong việc tôn kính nhà vua và phụng phục trước người như hình ảnh của thần linh đáng gìn giữ vũ trụ này. Nên nếu ông chấp nhận phong tục của chúng tôi và sẽ cúi đầu trước nhà vua, ông có thể yết kiến

và nói chuyện với Người. Còn nếu ông không nghĩ thế, ông phải tự tìm lấy những người trung gian khác trừ tôi để liên lạc với Người, vì nó sẽ trái với phong tục của chúng tôi nếu nhà vua tiếp một kẻ mà không tỏ ra tôn sùng Người.” Themistocles khi nghe xong bèn đáp: “Artabanus, mục đích của tôi tới đây là để tôn thêm tiếng tăm của nhà vua và quyền lực của Người, và tôi sẽ không chỉ tuân theo phong tục của các ngài, vì đây là ý muốn của thần linh ca tụng người Ba Tư, mà tôi sẽ còn làm nhân lên nữa số người thần phục nhà vua. Vậy đừng để cho vấn đề này ngăn cản những điều tôi phải nói với Người.” Artabanus hỏi, “Tôi phải tâu ông là người Hy Lạp nào đã đến đây, vì ông rõ ràng là người có trí tuệ thật hiếm thấy?” Themistocles đáp, “Không ai cần phải biết tên tôi trước nhà vua cả.”

Đây là câu chuyện chúng ta được nghe Phantias kể, nhưng Eratosthenes⁽³⁰⁰⁾ trong chuyên luận *On Wealth* (Về của cải) còn thêm rằng Themistocles đã được gặp gỡ và nói chuyện với tể tướng thông qua một phụ nữ xứ Eretria mà viên quan này đã lấy làm vợ.

28. Dù sao đi nữa, khi Themistocles được vào diện kiến nhà vua, ông đã hôn đất trước mặt ông ta và đứng lặng im. Rồi nhà vua lệnh cho thông ngôn hỏi ông là ai, ông bèn trả lời: “Tâu Bệ hạ, kẻ giờ đây đứng trước người là Themistocles người Athens, một kẻ lưu đày đang bị người Hy Lạp truy đuổi. Thần đã gây ra nhiều thiệt hại cho người Ba Tư, nhưng điều tốt đẹp còn lớn hơn thế, vì thần đã ngăn người Hy Lạp truy kích Bệ hạ khi họ đã an toàn, và sự thể rằng tình hình nước thần không còn nguy hiểm đã cho thần cơ hội để phụng sự Người. Về phía thần, tình cảnh hiện thời khiến thần sẵn sàng cam chịu mọi thứ. Thần đến đây để sẵn sàng hoặc đón nhận ân huệ của Người nếu Người vui lòng khoan dung, hoặc cầu xin người nếu Người vẫn mang mối thù với thần. Dù sao đi nữa, Người luôn có thể tìm được lời chứng từ kẻ thù của thần nơi quê nhà về

những điều tốt lành thần đã làm với Ba Tư, và có lẽ Người sẽ biến nỗi bất hạnh của thần thành dịp để chứng tỏ lòng đại lượng của mình thay vì để thỏa mãn ý định trả thù. Nếu cứu thần, Người sẽ cứu một kẻ đã phó thác vào lòng khoan dung của Người, nhưng nếu hủy diệt thần, Người sẽ hủy diệt một kẻ thù của người Hy Lạp.” Themistocles tiếp tục viện đến lực lượng siêu nhiên để gia tăng sức nặng cho lời nói của mình: ông mô tả giấc mơ khi đang ở nhà Nicogenes và lời tiên tri của thần Zeus tại Dodona,⁽³⁰¹⁾ lệnh cho ông đến gặp người trùng tên với thần linh, và bằng cách nào để ông kết luận rằng Zeus đang hướng ông tới Vua Ba Tư, vì cả hai cùng mang danh hiệu quân vương với uy quyền tối thượng.

Nhà vua lắng nghe ông, và dù không trả lời trực tiếp, nhưng ông ta không khởi thán phục sự táo bạo và tự tin của Themistocles. Trong cuộc trò chuyện sau này với quần thần, ông ta tự chúc mừng mình về điều ông ta coi là hạnh vận tốt cùng mà số phận mang lại, và ông ta cầu xin thần Ahriman khiến kẻ thù luôn nghĩ như thế, để chúng tiếp tục xua đuổi tất cả những người tài giỏi nhất của mình. Nghe đâu sau cuộc trò chuyện ấy, ông ta đã cúng tế thần linh và lập tức chè chén say sưa, rồi suốt đêm đó ông ta đã ba lần kêu lên trong giấc ngủ vì vui sướng: “Ta đã có Themistocles người Athens!”

29. Vào lúc sáng sớm, nhà vua triệu tập quần thần và cho vời Themistocles. Ông thấy chẳng có mấy hy vọng vào cảnh tượng chào đón mình tại cổng hoàng cung, vì những lính canh khi vừa biết tên ông khi ông bước vào liền tỏ ra thù địch và bắt đầu lăng mạ ông. Hơn thế nữa, Roxanes, vị chỉ huy của 1.000 quân, vào lúc Themistocles đi ngang qua mình - nhà vua thì đang ngồi và toàn thể triều đình im lặng chờ đợi - đã tức tối gằn giọng: “Này con rắn Hy Lạp xảo quyệt, chính lòng nhân từ của nhà vua đã mang mi đến đây.” Mặc kệ điều đó, khi ông đến diện kiến nhà vua và một lần nữa cúi rạp mình, nhà vua ân cần chào đón và nói chuyện

niềm nở với ông. Ông ta tuyên bố là mình nợ ông 200 talent, vì chính ông đã tự giao nộp mình, việc ông nhận được phần thưởng dành cho bất cứ ai mang ông đến đây cũng là chính đáng. Ông ta còn hứa với Themistocles nhiều hơn thế, khuyến khích ông mặc sức bày tỏ thẳng thắn về những vấn đề của Hy Lạp.

Themistocles đáp rằng ngôn từ của con người có thể so sánh với một tấm thảm thêu, nó sẽ tỏa ra muôn vẻ khi được trải rộng, nhưng che đậy và làm chúng vụn vẹo khi bị gấp lại, và vì lý do này, ông cần có thời gian. Nhà vua hài lòng với lối ví von này và cho ông bao nhiêu thời gian tùy chọn. Themistocles đề nghị một năm và trong thời gian đó nắm vững tiếng Ba Tư đủ để chuyện trò với nhà vua mà không cần thông ngôn. Đám người ngoài hoàng cung cứ nghĩ rằng các cuộc nói chuyện liên quan tới những vấn đề Hy Lạp. Nhưng vào lúc nhà vua đề ra nhiều sự cách tân tuyệt diệu mà nhìn chung là ảnh hưởng đến các sủng thần và cả triều đình, Themistocles đã phải gánh chịu sự căm ghét của giới quý tộc vì dám thể hiện tự do ngôn luận trước nhà vua dẫn đến sự thua thiệt của họ. Hiển nhiên, vinh dự dành cho ông là lớn hơn bất kỳ những gì mà người ngoại quốc khác từng được hưởng. Thực tế là, ông đã đi sẵn cùng nhà vua, và những trò tiêu khiển đuổi bắt trong nhà, được đặc ân diện kiến hoàng thái hậu và trở thành bạn thân của bà này, và theo lệnh nhà vua, ông còn được truyền thụ học thuyết tôn giáo về thuật chiêm tinh. Rồi khi Demaratus, vị vua Sparta lưu vong đang sống ở Ba Tư, được lệnh hãy chọn cho mình một phần thưởng, ông ta bèn yêu cầu được phép cưỡi ngựa vào Sardis bằng nghi lễ trọng thể, và đi xuyên qua thành phố với chiếc vương miện, như các vị vua Ba Tư vẫn làm. Mithropaustes, em họ của nhà vua, nghe vậy bèn đặt tay lên vương miện của Demaratus mà rằng: “Vương miện này của ông không hề có bộ óc bên trong để mà che, cũng như ông thôi, ông sẽ không trở thành thần Zeus chỉ bằng cách nắm

lấy tia sét của Người!” Nhà vua cũng tỏ ra cực kỳ phật ý với đòi hỏi của Demaratus và dường như đã quyết không bao giờ tha thứ cho ông ta, nhưng Themistocles đã cầu xin cho Demaratus và thuyết phục nhà vua làm lành với ông ta.

Ngoài ra, chúng ta còn được nghe kể là các vị vua Ba Tư về sau, trong những triều đại mà các vấn đề ở Ba Tư và Hy Lạp trở nên liên quan đến nhau mật thiết hơn, mỗi khi tìm kiếm một người cố vấn Hy Lạp, họ thường hứa hẹn với người này bằng văn bản rằng anh ta sẽ có địa vị cao trọng hơn cả Themistocles trong triều đình. Bản thân Themistocles, mà theo câu chuyện, bấy giờ đã trở thành một người vĩ đại và được nhiều kẻ cầu cạnh, có lần đã bình luận với các con, khi một bữa tiệc linh đình được bày ra trước ông: “Này các con, chúng ta giờ đây lẽ ra đã bị lụn bại, nếu chúng ta đã không lụn bại đúng lúc phải thế!”⁽³⁰²⁾ Theo hầu hết các tác giả, ông đã được ba thành phố chu cấp bánh mì, rượu, và thịt, cụ thể là Magnesia, Lampsacus, và Myus, dù Neanthes xứ Cyzicus và Phanias đã thêm hai thành phố nữa - Percote và Palaescepsis - cung cấp cho ông giường nệm và y phục.

30. Có lần khi ông đang đi về miền duyên hải trong sứ mệnh giải quyết công vụ với người Hy Lạp, một người Ba Tư tên là Epixyes, tỉnh trưởng vùng Thượng Phrygia, đã mưu sát ông. Ông ta rắp tâm đã lâu trước khi lôi kéo được vài người Pisidia, họ định hạ sát Themistocles khi ông dừng chân nghỉ qua đêm tại một ngôi làng tên là Lion's Head (Đầu Sư tử). Nhưng chuyện kể rằng vào trưa hôm ấy, khi Themistocles đang ngủ, Cybele Mẹ Vĩ⁽³⁰³⁾ đập đã hiện về trong giấc mơ ông và nói: “Themistocles, hãy tránh xa Lions Head, nếu không ngươi sẽ sa vào hàm sư tử. Nhưng để đổi lại ân huệ này, ngươi phải để Mnesiptolema con gái ngươi làm nữ tư tế của ta.” Themistocles xiết đổi hoang mang, và sau khi

cầu nguyện trước nữ thần, ông rời đường lớn, đi vòng qua ngôi làng, hạ trại khi trời tối nơi đồng không mông quạnh.

Tình cờ, một con trong bầy ngựa thồ chiếc lều trại của ông bị huyệt chân ngã xuống sông, và thế là đám người hầu của Themistocles bèn trải rộng những tấm màn bị ướt sũng ra để hong khô chúng. Đúng lúc này, những người Pisidia bỗng xuất hiện với gươm tuốt trần, và vì không thể nhìn rõ dưới ánh trăng vật gì đang được hong khô, chúng ngỡ rằng đó là trại của Themistocles và rằng sẽ tìm thấy ông đang nghỉ bên trong. Nhưng khi chúng đến gần và toan dùng tay vén lên, đám lính canh liền nhảy tới tóm gọn chúng. Nhờ vậy Themistocles đã thoát hiểm và ông cảm động làm sao trước sự linh hiển của nữ thần, đến nỗi đã xây một đền thờ ở Magnesia để tôn vinh Cybele Dindymene⁽³⁰⁴⁾ và cất cử con gái là Mnesiptolema làm nữ tư tế ở đó.

31. Khi ông đến được Sardis và nhìn nhả thường ngoạn nghệ thuật kiến trúc của những ngôi đền và vô vàn lễ vật tạ ơn, ông nhìn thấy trong đền thờ Mẹ Vĩ đại cái gọi là Thiếu nữ mang nước. Đó là bức tượng đồng tạc một cô gái, cao khoảng gần 1 m, mà ông đã cho đúc và hiến tặng vào thời điểm ông là ủy viên đặc trách cấp nước ở Athens; nó được thanh toán từ số tiền phạt những kẻ bị ông kết án mắc trộm hoặc làm chệch hướng dòng nước công cộng. Chẳng biết có phải vì mũi lòng khi nhìn thấy lễ vật này trong cảnh giam cầm, hay vì muốn chứng tỏ với người Athens mức độ danh giá và sức ảnh hưởng mà ông có được khi phụng sự nhà vua, ông bèn tìm đến tỉnh trưởng của Lydia yêu cầu ông ta trả bức tượng về Athens. Nhưng kẻ rợ này thấy bị xúc phạm trước điều đó và tuyên bố là ông ta sẽ báo cáo chuyện này lên nhà vua. Themistocles trở nên hoảng sợ và quay sang tìm sự cứu giúp nơi hậu cung của tỉnh trưởng: ông đã thu phục được cảm tình của những nàng hầu ở đó và nhờ vậy đã làm tỉnh trưởng nguôi giận. Sau chuyện này, hành động của ông tỏ ra

thận trọng hơn, khi nhận thấy giờ đây ông thậm chí còn phải đề phòng cả sự đố kỵ của dân rợ. Như Theopompus cho biết, vì lý do này ông đã không rong ruổi khắp châu Á, mà đã có một ngôi nhà ở Magnesia, thích thú với những món quà hào phóng của nhà vua, và hòa nhã tương kính với giới đại quý tộc Ba Tư. Ông đã sống nhiều năm như thế mà không lo âu gì, vì nhà vua không để ý tới chuyện của Hy Lạp mà bận tâm hơn tới tình hình trong nước.

Nhưng đến thời điểm⁽³⁰⁵⁾ Ai Cập nổi dậy chống lại Đế chế Ba Tư và được người Athens tiếp tay, khi những chiến thuyền Hy Lạp tự do tuần tiễu mãi tận Cyprus và vùng duyên hải Cilicia, và khi quyền kiểm soát biển rơi vào tay Cimon đã buộc nhà vua phải tiến hành một cuộc phản kích với người Hy Lạp để kìm hãm sự bành trướng sức mạnh ở họ đang gây phương hại tới mình. Thế là rút cuộc, các đạo quân được huy động, các tướng lĩnh được điều chuyển đi khắp ngả, và những thông điệp từ triều đình được gửi đến Themistocles hàm ý rằng nhà vua giờ đây ra lệnh cho ông hãy thực hiện lời hứa của mình và dốc sức giải quyết công chuyện với người Hy Lạp. Themistocles chẳng chút dao động bởi khao khát trả thù đồng bào mình, cũng không phẫn khích trước quyền lực và chức vụ to tát mà ông sẽ nhận được trong cuộc chiến. Có thể ông tin rằng đây là một nhiệm vụ bất khả thi, khi ông tự sánh mình với những tướng lĩnh vĩ đại của Hy Lạp lúc bấy giờ, nhất là Cimon, kẻ đang gặt hái thành công vang dội trong các chiến dịch của mình: nhưng dường như có khả năng cao nhất là ông từ chối làm hoen ố vầng hào quang trước kia của mình, hoặc làm ô nhục những chiến tích ông từng giành được. Dù sao đi nữa, ông đã quyết định rằng con đường vẻ vang nhất là kết liễu đời mình trong danh dự, vì vậy, sau khi dâng lễ cúng tế các thần linh, ông tự hạp bạn bè và siết tay chào từ biệt họ. Rồi, theo câu chuyện được chấp nhận rộng rãi, ông đã uống máu bò, hay như những người khác kể là một độc

được mạnh, và kết thúc cuộc đời 65 năm của mình,⁽³⁰⁶⁾ mà hầu hết ông đã dành cho hoạt động chính trị và chiến chinh, để cai trị và ra lệnh. Nghe nói khi nhà vua biết về cái chết của ông và lý do ông làm vậy, ông ta càng khâm phục Themistocles hơn bao giờ hết và tiếp tục trọng đãi bằng hữu và gia đình ông.

32. Themistocles để lại ba đứa con với Archippe, con gái của Lysander từ tiểu khu Alopece; họ là Archeptolis, Polyeuctus, và Cleophantus. Trong số đó, triết gia Plato⁽³⁰⁷⁾ từng nhắc đến Cleophantus như một kỹ sư xuất sắc, còn những người kia không có gì nổi bật. Bên cạnh đó, một trong hai con trai đầu của ông, Neocles, đã bị ngựa cắn chết khi còn nhỏ, và Diodes được ông ngoại Lysander nhận nuôi. Ngoài ra, Themistocles còn có vài cô con gái, trong đó Mnesiptolema, do người vợ thứ hai của ông sinh ra, kết hôn với Archeptolis, người anh cùng cha khác mẹ với nàng, Italia lấy Panthoides xứ Chios, và Sybaris lấy Nicomedes người Athens. Sau khi Themistocles qua đời, cháu trai ông là Phrasides đã đi thuyền đến Magnesia và lấy Nicomache với sự chấp thuận của các anh nàng và đồng thời nhận chăm nom người con út của ông tên là Asia.

Người Magnesia có một lăng mộ nguy nga của Themistocles ở nơi họp chợ của họ. Về phần thi hài của ông, chúng ta không cần để ý tới Andocides,⁽³⁰⁸⁾ khi ông này phát biểu trong tác phẩm *Address To His Associates* (Phát biểu trước các bạn đồng liêu) của mình rằng người Athens đã ăn trộm chúng và tán phát khắp nơi, vì tác giả này hiển nhiên đang kể sai sự thật nhằm khơi dậy sự thù ghét của những kẻ đầu sỏ chính trị đối với nhân dân. Phylarchus⁽³⁰⁹⁾ cũng đã kịch tính hóa chuyện kể của mình tới mức gần như ông ta đã lạm dụng những thiết bị sân khấu, đưa các nhân vật Neocles và Demophilus nào đó thành con của Themistocles chỉ để tạo ra một cảnh lâm ly, mà bất kỳ ai cũng có thể thấy đơn thuần là hư cấu.

Nhưng nhà địa hình học Diodorus trong chuyên luận *On Tombs* (Về lăng mộ) của mình, đã đề cập, như một ước đoán hơn là một sự kiện xác thực, rằng gần hải cảng vĩ đại Piraeus có một doi đất nhô ra từ phía đối diện mũi Alcius, ông ta nói: khi bạn đi quanh doi đất này, nơi biển bắt đầu yên ắng, có một cái bệ lớn và một đài tưởng niệm đặt trên đó, hình dáng như một bàn thờ mà ông ta tin là mộ phần của Themistocles. Và ông ta tuyên bố ủng hộ nhà thơ hài kịch Plato, người đã viết:

Ở đó trên đỉnh cao quý họ dựng ngôi mộ ông
Trên bờ biển, và có những thuyền buôn
Sẽ vẫy chào khi đi qua; ở đó ông nhìn xuống
Cảnh tấp nập vào ra
Và đoàn thuyền ga-lê chen chúc lướt nhanh về nhà.

Hơn thế, người Magnesia còn dành những vinh dự nhất định cho hậu duệ của Themistocles thậm chí đến tận thời của tôi, và Themistocles người Athens, một người bạn và là đồng môn của tôi trong trường học của triết gia Ammonius, có được vinh dự này.⁽³¹⁰⁾

ARISTIDES

[Khoảng 520 - 468 TCN]

ARISTIDES, con trai của Lysimachus, thuộc bộ lạc Antiochis và tiểu khu Alopece. Mức độ giàu có của ông đã bị tranh cãi rất nhiều: theo một số mô tả thì cả đời ông đã sống trong nghèo khổ cùng cực, và chết đi đã để lại các cô con gái trong cảnh bần hàn cơ cực đến nỗi một thời gian dài họ không lấy được chồng. Nhưng, trong khi nhiều tác giả nhắc đi nhắc lại phiên bản này, thì Demetrius xứ Phalerum trong quyển sách ông ta viết về Socrates⁽³¹¹⁾ nói rằng mình biết một điền sản ở Phalerum thuộc quyền Aristides và cũng là nơi chôn cất ông, xác nhận rằng có nhiều bằng chứng khác cho thấy ông là một người giàu có. Trước hết là việc ông đã giữ chức quan chấp chính danh dự (Archon Eponymus), vốn chỉ được dành cho người đã có nó bằng cách rút thăm và người thuộc quyền tầng lớp gia đình được đánh giá là giàu có nhất (mệnh danh là Pentacosimedimni, hay lợi tức hơn 500 giạ ngũ cốc một năm). Thứ đến là chuyện quyền sự lưu đày của ông; vì hình phạt này, Demetrius biện luận, không dành cho các công dân nghèo, mà chỉ dành cho thành viên của những dòng họ danh giá mà sự tự phụ quyền gia thế của họ kích động sự đố kỵ. Sau cùng là sự kiện ông đã để lại trong khuôn viên của Dionysus vài chiếc giá ba chân làm lễ vật tưởng niệm chiến thắng của mình với tư cách nhà bảo trợ.⁽³¹²⁾ Chúng vẫn còn được lưu đến nay, vẫn

mang dòng chữ khắc: “Bộ lạc Antiochis giành chiến thắng; Aristides là nhà bảo trợ; Archestratus là nhà thơ.”

Luận điểm cuối này, mặc dù có vẻ ấn tượng, nhưng thật ra rất yếu. Cả Epaminondas mà nhiều người biết, vốn sinh ra và sống cả đời trong nghèo khổ, và triết gia Plato đều chịu trách nhiệm về những buổi biểu diễn công cộng trên một quy mô rất tham vọng - người thứ nhất phụ trách màn trình diễn của các nam nghệ sĩ thổi sáo, và người thứ hai là dàn đồng ca nam được huấn luyện ca hát và nhảy múa - nhưng tiền là do Dion xứ Syracuse chu cấp cho Plato, và Pelopidas cho Epaminondas. Người tốt thì tuyệt nhiên không thù ghét những món quà do bạn bè tặng; họ coi việc biến chúng thành của riêng là điều hèn hạ và bần tiện, nhưng họ không từ chối loại quà tặng giúp họ có được tác phong tươm tất trước công chúng chứ không phải làm giàu cho chính họ.

Tuy nhiên, trong trường hợp những chiếc giá ba chân, Panaetius lập luận rằng Demetrius đã có sự nhầm lẫn về tên tuổi. Ông ta nói, từ thời các cuộc chiến tranh Ba Tư, cho đến khi kết thúc chiến tranh Peloponnese, chỉ có hai ghi chép về một Aristides với tư cách nhà bảo trợ giành chiến thắng, và không ai trong đó là con trai của Lysimachus cả. Một người là con trai của Xenophilus, còn người kia mãi sau mới xuất hiện. Bằng chứng cho điều này thứ nhất là trong chính dòng chữ khắc, biểu thị kiểu chữ viết Ionia được dùng sau thời quan chấp chính Eucleides,⁽³¹³⁾ và thứ hai là cái tên Archestratus gắn liền với Aristides. Archestratus không hề được đề cập ở bất cứ đâu trong suốt các cuộc chiến tranh Ba Tư, nhưng tên ông ta thường xuất hiện trong chiến tranh Peloponnese như một nhà thơ theo phong cách đồng ca cổ Hy Lạp.

Luận điểm của Panaetius xứng đáng được khảo cứu kỹ hơn. Nhưng về hình phạt lưu đày thì có thể giáng lên bất cứ ai được cho là vượt trên mức bình thường về uy tín, gia thế, hoặc tài hùng biện. Chính vì lý do này

mà ví dụ như Damon, thầy học của Pericles, đã bị phát vãng, vì ông này được coi là một người có trí năng phi thường. Một lần nữa, theo Idomeneus,⁽³¹⁴⁾ Aristides không được bổ nhiệm làm quan chấp chính bằng rút thăm,⁽³¹⁵⁾ mà do người Athens bầu. Tất nhiên, nếu ông trở thành quan chấp chính sau trận Plataea, như chính Demetrius ghi lại, thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nếu xét đến danh tiếng và thành tích ông đã đạt được trong dịp đó, khi mà sự can đảm đã đem đến cho ông một chức vụ mà những lớp người có tiền đạt được thông qua cách rút thăm. Thật ra, Demetrius rõ ràng muốn miễn cho cả Aristides lẫn Socrates khỏi điều mà ông ta coi là tai họa bi thảm của cảnh bần cùng, vì ông ta kể với chúng ta rằng Socrates chẳng những sở hữu một ngôi nhà riêng mà còn có 70 minae⁽³¹⁶⁾ cho Crito⁽³¹⁷⁾ vay lấy lãi nữa.

2. Aristides là bạn thân của Cleisthenes, người thiết lập nền hiến pháp Athens sau khi những tên bạo chúa bị trục xuất,⁽³¹⁸⁾ nhưng người mà ông ngưỡng mộ và coi như hình mẫu trên tất cả các chính khách khác lại là Lycurgus người Sparta. Vì lẽ ấy, Aristides ủng hộ một hình thức chính thể quý tộc và luôn ở thế đối lập với Themistocles, con trai của Neocles, người đứng về phía dân chúng. Một số tác giả nói rằng hai người này, ngay từ thời niên thiếu và đi học với nhau, đã luôn đối địch nhau trong từng lời nói và hành động, không chỉ ở những chuyện hệ trọng mà ngay cả trong lúc chơi đùa, và sự kình địch này đã nhanh chóng tiết lộ bản tính của họ: Themistocles tháo vát, liều lĩnh, khinh suất, và sẵn sàng lao vào mọi cuộc phiêu lưu với nhiệt huyết dữ dội, trong khi Aristides là một nhân cách kiên định, vững tin vào công lý và không chấp nhận bất kỳ sự dối trá, thô tục, hay xảo quyết ngay cả trong lúc bông đùa.

Tuy nhiên, Ariston xứ Ceos xác nhận rằng sự thù địch giữa hai người mà đã lên tới mức dữ dội bắt nguồn từ một chuyện tình ái, vì cả hai đều rất say mê Stesilaus xứ Ceos, chàng thanh niên đẹp trai đầy quyến rũ vào

thời đó. Cảm xúc này bị đẩy lên mức cao độ tới nỗi họ không gạt bỏ được sự kinh địch ngay cả sau khi vẻ đẹp của chàng trai kia đã héo hắt từ lâu. Cứ như thể đó mới chỉ là màn giao tranh dạo đầu, để rồi cả hai lao vào chính trị với nguồn năng lượng mãnh liệt và theo đuổi các mục tiêu hoàn toàn đối nghịch.

Themistocles tham gia một nhóm chính trị và bằng cách này bảo đảm cho mình sự an toàn và sức ảnh hưởng đáng kể, tới mức khi có người bình luận rằng ông hẳn sẽ là một người cai trị Athens tốt, với điều kiện ông luôn tỏ ra công bình và vô tư với mọi người, ông đáp: “Tôi hy vọng mình sẽ không bao giờ ngồi ở một tòa án mà tại đó tôi không thể trao cho bạn bè mình một vài lợi thế hơn người xa lạ.”

Aristides, trái lại, tránh mọi sự dính líu vào đời sống chính trị và lựa chọn đi theo con đường riêng. Điều này, trước hết, vì ông không muốn bị các đồng minh chính trị lôi kéo vào những chuyện bất công, cũng không muốn làm phật lòng họ bằng việc từ chối lời thỉnh cầu của họ, và thứ đến, vì ông thấy nhiều người bị khuyến khích làm điều xằng bậy bởi quyền lực họ có được từ bạn bè mình, ông rất đề phòng chuyện này, tin rằng làm theo sự bảo đảm chân chính duy nhất đối với một công dân tốt nằm ở lời nói và hành động của chính anh ta và ông cũng thực hiện đúng như vậy.

3. Mặt khác, vì Themistocles luôn đề ra những cải cách liều lĩnh và đồng thời cản trở, phá rối Aristides trong mọi công việc của chính quyền, nên Aristides buộc lòng phải phản đối các biện pháp của Themistocles theo cách tương tự, phần để tự vệ và phần để hạn chế quyền lực đối thủ của mình, vốn không ngừng gia tăng với sự ủng hộ của người dân. Ông nghĩ tốt hơn là người dân nên thỉnh thoảng từ bỏ một mối lợi thay vì để cho Themistocles đạt được mọi ý đồ và dễ dàng triệt hạ đối thủ. Nhưng sau cùng, Aristides đã phản bác và đánh bại Themistocles vào lúc ông

này đang ra sức tiến hành một biện pháp thật sự cần thiết, và rồi Aristides đã không thể nhẫn nhịn không nói, khi ông rời khỏi cuộc họp Hội đồng, rằng Athens sẽ không an toàn trừ phi người dân ném cả Themistocles và chính ông xuống barathrum.⁽³¹⁹⁾

Một lần khác, ông đã đệ trình một dự luật trước dân chúng, và ông đã bảo vệ thành công, cho dù vấp phải sự phản đối dữ dội. Nhưng ngay khi người chủ trì Hội đồng sắp sửa đưa nó ra để biểu quyết, qua phát biểu của những người phản đối, Aristides hiểu rằng dự luật sẽ là một biện pháp tồi tệ và liền rút lại nó vô điều kiện. Ông cũng thường đề đạt các kiến nghị của mình dưới tên người khác, để Themistocles sẽ không phản đối những biện pháp mà có thể có lợi cho cả cộng đồng chỉ vì mối hằn học cá nhân với ông.

Điều đặc biệt đáng ngưỡng mộ về ông là sự kiên định mục đích nơi ông giữa bối cảnh những thăng trầm của vận hội chính trị. Ông không bao giờ tự hào thái quá trước các vinh dự nhận được, trong khi chịu đựng những cơn bĩ cực với sự bình tĩnh điềm đạm và tin rằng nhiệm vụ của mình là luôn toàn tâm toàn ý phụng sự quốc gia không cần đền đáp, không chỉ về tiền bạc, mà còn về cả danh tiếng. Chuyện kể rằng khi mấy vần thơ của Aeschylus nói về Amphiarus trong vở *The Seven Against Thebes* (Bảy tướng đánh thành Thebes) được trích đọc trên sân khấu,

Thâm tâm ông không muốn tỏ vẻ chính trực, mà phải thật là thế.

Tâm trí ông là cánh đồng cày sâu cuốc bẫm, từ đó ông gặt hái

Một vụ mùa bội thu những lời khuyên tốt...⁽³²⁰⁾

toàn bộ khán giả liền quay lại nhìn Aristides, vì họ cảm thấy rằng hơn

ai hết, ông là hiện thân của những đức tính này.

4. Ông là người kiên trung bên vực công lý, chẳng mấy khi bị dao động bởi sự thương cảm hay mong muốn gia ân cũng như những cảm xúc oán giận hay hiềm thù cá nhân. Dù sao đi nữa, chuyện kể rằng khi ông đang truy tố một kẻ tư thù trước tòa, bồi thẩm đoàn rất chán phải nghe lời biện hộ của bị cáo và muốn nghị án luôn. Lúc ấy, Aristides bèn đứng dậy và lên tiếng ủng hộ bị cáo, rằng nên tôn trọng các quyền hợp pháp của anh ta và nghe anh ta biện hộ. Lần khác, khi ông đang làm người phân xử cho hai bên, một bên đã nhắc rằng đối thủ của anh ta từng gây thiệt hại nặng nề cho Aristides. “Đừng nói với tôi về chuyện đó,” Aristides đáp, “hãy cho tôi biết anh ta đã làm hại anh thế nào. Tôi ở đây để phân xử vụ việc của anh, không phải của tôi.”

Khi ông được bầu làm giám sát công khố, ông phát hiện ra sự thật là không chỉ các đồng sự, mà cả những người tiền nhiệm của mình đã biển thủ những số tiền lớn, và không ai nhiều cho bằng Themistocles,

Một người thông minh, nhưng có tính tắt mắt.

Vì lý do này mà Themistocles có thể quy tụ được nhiều người chống lại Aristides: Themistocles tiến tới khởi tố Aristides tội tham ô khi trình ra những báo cáo của mình, và theo Idomeneus, thật sự đã khiến Aristides bị kết án. Tuy nhiên, các công dân lỗi lạc và ngay thẳng nhất ở Athens lấy làm căm phẫn trước điều đó, và trong vụ này Aristides chẳng những được miễn hình phạt, mà còn được bổ nhiệm vào chức vụ đó lần nữa. Sau vụ này, Aristides vờ ra vẻ hối tiếc về những hành động của mình trước kia và tỏ một thái độ dễ dãi hơn. Ông được đám đực khoét công quỹ rất thích vì đã làm ngơ không điều tra những vụ giao dịch của họ hoặc soi xét họ kỹ lưỡng, do đó họ ra sức làm đầy túi tham, tán tưng Aristides

lên mây xanh và thậm chí nóng lòng muốn ông tái đắc cử, vận động mọi người thay cho ông. Nhưng ngay khi cuộc bỏ phiếu sắp bắt đầu, Aristides đứng dậy và phê bình thẳng thắn người Athens. “Khi tôi tận tâm làm tròn nhiệm vụ,” ông nói với họ, “tôi bị căm ghét. Nhưng giờ đây khi tôi ném hết tiền của các người cho lũ trộm, các người lại xem tôi là một công dân đáng ngưỡng mộ. Về phần mình, tôi cảm thấy hổ thẹn về vinh dự mà các người đang ban cho tôi lúc này hơn là khi bị kết án, và tôi lấy làm tiếc cho các người, vì các người rõ ràng cảm thấy việc hòa theo lũ lừa đảo là đáng ca ngợi hơn việc gìn giữ sự thịnh vượng của quốc gia.” Bằng những lời này và bằng việc vạch trần các hành vi trộm cắp, dĩ nhiên, ông đã khiến đám đang âm ỉ ủng hộ ông phải câm lặng, nhưng ông cũng nhận được những lời ngợi ca một cách thật sự và xứng đáng từ hầu hết những công dân lương thiện.

5. Khi Datis⁽³²¹⁾ được Vua Darius phái đi, dựa trên cái cớ là trừng phạt người Athens đã thiêu rụi Sardis nhưng thật ra là để chinh phục toàn cõi Hy Lạp, ông ta đã cho toàn bộ lực lượng của mình đổ bộ xuống Marathon và bắt đầu tàn phá vùng nông thôn. Trong 10 vị tướng⁽³²²⁾ được người Athens chỉ định để chỉ huy cuộc chiến, Miltiades có uy tín cao nhất, còn Aristides đứng thứ hai về danh tiếng và khả năng, và việc ông ủng hộ kế hoạch tấn công của Miltiades đã có một tác động quan trọng đối với chuyên này. Mỗi vị tướng nắm quyền chỉ huy tối cao một ngày, và khi đến lượt Aristides, ông nhường quyền đó cho Miltiades, qua đấy chứng tỏ với các đồng sự rằng việc tuân lệnh những người có năng lực chỉ huy nhất là điều vừa khôn ngoan vừa đáng hoàng và dĩ nhiên chẳng có gì xấu hổ. Bằng việc xoa dịu sự kinh địch của những vị tướng khác theo cách này và thuyết phục họ chấp nhận một kế hoạch duy nhất mà cũng là tốt nhất, ông đã trao cho Miltiades nguồn sức mạnh đến từ quyền lực không bị

chia rẽ, vì mỗi vị tướng ngay lập tức đồng ý nhượng lại ngày chỉ huy của mình và quay sang nhận lệnh của Miltiades.

Trong suốt trận đánh, trung tâm Athens là nơi hứng chịu sức nặng chủ yếu của cuộc tấn công, quân Ba Tư giằng dai lâu nhất ở đó, chống lại các bộ lạc Leontis và Antiochis. Cả Themistocles lẫn Aristides cùng sát cánh chiến đấu cực kỳ quả cảm trên tuyến đầu, vì một người thuộc về Leontis và người kia thuộc về Antiochis. Khi quân Athens đã đánh tan kẻ thù và buộc chúng tháo chạy về thuyền, họ thấy quân rợ không đi về hướng các hòn đảo, mà bị gió và hải lưu đưa về phía Attica. Họ lo sợ quân Ba Tư có thể phát hiện ra kinh đô không được phòng bị, bèn học tốc rút lui cùng với chín bộ lạc và về đến Athens trong cùng ngày. Tuy nhiên, Aristides được cất cử ở lại Marathon với bộ lạc của mình để trông coi tù binh và chiến lợi phẩm của trận đánh. Ông xứng đáng với thanh danh của mình, cho dù vàng bạc chất thành đống, đủ loại y phục và vũ khí của cải bị bỏ lại trong những túp lều và thuyền đoạt được, nhưng ông không hề đụng đến, cũng không cho phép người khác làm thế, dù có một số người đã qua mặt ông. Trong số đó là Callias Người Cầm Đuốc.⁽³²³⁾

Một người rợ hình như tin rằng Callias là vua căn cứ vào mái tóc dài và dải lụa trên đầu ông ta, nên đã quỳ xuống tỏ lòng tôn kính và cầm tay ông ta như một bề tôi, chỉ cho ông ta thấy đống vàng bị chôn vùi dưới một cái hố. Callias bấy giờ đã hành động một cách vô nhân và vô luật nhất. Ông ta lấy vàng, nhưng lập tức hạ sát người này để ngăn anh ta tiết lộ bí mật với bất cứ ai. Vì chuyện này mà nghe đâu các nhà thơ hài kịch đã gọi hậu duệ của ông ta là *Laccopluti* hay những kẻ vớ được của từ một cái giếng, hàm ý chế nhạo về nơi mà Callias tìm thấy vàng.

Aristides lập tức được bổ nhiệm làm quan chấp chính danh dự (tên của vị quan chấp chính này sẽ được dùng để gọi năm đó), thế nhưng Demetrius xứ Phalerum kể rằng Aristides chỉ giữ chức vụ này ít lâu trước

khi chết và sau trận đánh Plataea.⁽³²⁴⁾ Nhưng trong các văn thư nhà nước, sau cái tên Xanthippides, người mà trong thời quan chấp chính Mardonius đã bị bại trận tại Plataea, bạn không thể tìm thấy cái tên Aristides trong toàn bộ danh sách những người giữ chức vụ này, trong khi ngay sau năm danh dự Phaenippus vốn trùng với chiến thắng Marathon có đề cập đến Aristides như quan chấp chính.

6. Trong mọi đức hạnh của Aristides, tính chí công của ông gây ấn tượng mạnh mẽ nhất với quần chúng, vì đây là điều được ông thực hành kiên định nhất và có sức ảnh hưởng đến nhiều người nhất. Vì lý do này, mặc dù nghèo khổ và không phải một nhà lãnh đạo nổi bật trừ việc được yêu mến, ông đã giành được danh hiệu trang trọng và cao cả Người Chính Trực. Đó là một tính ngữ mà không bao giờ tìm thấy ở những quân vương hay bạo chúa: một số thích được gọi là Người bao vây các thành phố, Sấm sét, hay Người chinh phục, và số khác thì Đại bàng hay Chim ưng, nhưng có vẻ tất cả đều ưa thích một thứ tiếng tăm dựa trên uy quyền hay bạo lực hơn là đức hạnh. Song bản chất thần thánh mà những người này cố gắng gắn mình vào và hiện thân cho nó, lại được tin là được đặc trưng bởi ba thuộc tính siêu việt như bất tử, quyền năng, và đức hạnh, trong đó cao quý nhất và thật sự tuyệt diệu nhất là đức hạnh. Theo một ý nghĩa nào đó, chân không và các nguyên tố là bất tử, còn động đất, sấm sét, lụt lội, và bão tố có thể áp đảo tất cả bằng sức mạnh của chúng, nhưng sự công bằng chỉ thuộc về những người có năng lực lý trí và hiểu biết về cái cao cả mà thôi.

Nên khi chúng ta xét đến ba loại tình cảm là thán phục, sợ hãi, và tôn kính mà thần thánh gây ra nơi con người, chúng ta thấy con người hình như ngưỡng mộ các vị thần và nghĩ họ sung sướng vì họ bất tử và bất biến; khiếp sợ và kính sợ vì quyền năng và uy lực của họ; yêu mến, ca ngợi, và tôn kính vì sự công bằng của họ. Đồng thời, con người luôn khát

khao sự bất tử mà không xác phạm nào đạt được, và hoài vọng về quyền lực mà đa phần thuộc về kẻ may mắn, trong khi họ xếp đức hạnh, thứ tuyệt diệu duy nhất mà chúng ta có thể sở đắc ở vị trí sau cùng trong bảng giá trị của mình. Nhưng ở đấy, họ đã tỏ ra xuẩn ngốc, vì một cuộc sống quyền thế và giàu sang và uy lực vẫn cần có sự công bằng thì mới khiến nó trở thành thần thánh, vì bất công chỉ khiến nó trở thành cục súc mà thôi.

7. Nhưng hãy quay lại với Aristides. Theo phận số, ban đầu ông được yêu quý bởi danh tính của mình, nhưng sau đấy sẽ bị đố kỵ và thù ghét, nhất là khi Themistocles bẻ quặt câu chuyện sang hướng khác như sau: bằng cách hành động như một quan tòa và phân xử mọi vụ việc được kín đáo đưa đến ông, Aristides thì đã phế bỏ những phiên tòa công cộng, và rằng không ai để ý là ông đã gần như biến mình thành nhà cai trị ở Athens, chỉ còn thiếu một đội hộ vệ vũ trang. Đến lúc này, dân chúng cũng đã trở nên quá đổi hoan hỉ vì chiến thắng trước người Ba Tư đến nỗi họ nghĩ mình có thể làm được mọi thứ và khó chịu với bất cứ ai mà tên tuổi và danh tiếng vượt trên mức thông thường. Bởi vậy, họ lũ lượt kéo vào thành phố từ khắp vùng Attica và bắt đầu phát văng Aristides,⁽³²⁵⁾ che đậy sự ganh ghét nơi họ về danh vọng của ông với cái cớ là họ lo sợ một cái ách chuyên chế.

Bản án lưu đày này tự thân nó không phải là sự trừng phạt việc làm sai trái. Bề ngoài thì nó được mô tả như một biện pháp cắt giảm và hạ thấp quyền lực và thanh thế của một người trong trường hợp chúng trở nên lấn át; nhưng trên thực tế nó là một phương sách nhân đạo để vỗ về sự đố kỵ của người dân, nhờ vậy có thể xả bớt ham muốn hại người của họ, không phải bằng cách gây ra sự tổn thương không thể vãn hồi nào đó, mà bằng một bản án lưu đày 10 năm. Về sau, hình phạt này đã áp dụng với đủ loại người ti tiện, các hạng cận bã của thế giới chính trị, và về sau

thì nó được bãi bỏ, với người cuối cùng bị lưu đày là Hyperbolus.⁽³²⁶⁾ Án phát vãng của Hyperbolus nghe nói cũng đã xảy ra theo cách này. Alcibiades và Nicias, hai người quyền lực nhất thành bang, là thủ lĩnh của hai phái đối lập. Khi dân chúng sắp sửa thực hiện một cuộc phát vãng và rõ ràng sẽ bỏ phiếu chống lại người này hay người kia mà mình không ưa, hai người đã đi đến thỏa thuận, phối hợp với những phe phái đối địch của mình và dàn xếp nội bộ sao cho Hyperbolus bị trục xuất. Dân chúng tức giận trước việc này và cảm thấy cơ chế phạt lưu đày đã bị lạm dụng và thoái hóa, vì vậy họ đã chẳng những thôi viện đến nó mà còn chính thức bãi bỏ nó.

Thủ tục này được mô tả đại khái như sau. Mỗi cử tri lấy một *ostrakon*, tức một mảnh gốm, viết lên đó tên người mà mình muốn trục xuất và đem nó tới một góc chợ được quây tròn bằng hàng rào cọc. Rồi trước hết, các quan chấp chính đếm số phiếu được bỏ, vì nếu có dưới 6.000 phiếu, án phát vãng bị vô hiệu. Tiếp đến, họ phân loại số phiếu và người có tên trên nhiều lá phiếu nhất bị phán quyết lưu đày 10 năm, song có quyền được nhận lợi tức từ điền sản của mình.

Chuyện kể rằng có lần, giữa lúc những lá phiếu đang được viết, một người nhà quê mù chữ và cục mịch đã đưa mảnh gốm của mình cho Aristides và nhờ ông viết tên Aristides lên đó. Aristide quá đỗi kinh ngạc bèn hỏi ông ta là mình đã làm gì hại tới ông ta chẳng. “Chưa từng,” ông ta đáp lại, “tôi thậm chí không biết người này, nhưng tôi chán ngấy phải nghe gọi ông ấy là Người Chính Trực ở khắp nơi!” Nghe xong, Aristides lặng yên không nói gì mà chỉ viết tên mình lên mảnh gốm rồi trao lại. Cuối cùng, khi rời khỏi thành phố, ông giơ hai tay lên trời và thốt lên lời cầu nguyện có vẻ hoàn toàn trái ngược với lời cầu nguyện của Achilles,⁽³²⁷⁾ trong đó ông cầu xin đừng bao giờ có cuộc khủng hoảng nào xảy đến với người Athens khiến họ buộc phải nhớ đến Aristides.

8. Tuy nhiên, chưa đầy ba năm sau,⁽³²⁸⁾ Xerxes đã hành quân qua Thessaly và Boeotia trên đường chinh phạt Attica, người Athens bèn bãi bỏ sắc lệnh phát vãng và thông qua một đạo luật khác để triệu hồi những người bị lưu đày: họ đặc biệt lo sợ việc Aristides có thể chạy sang phía kẻ thù và xúi giục nhiều đồng bào gia nhập hàng ngũ quân rợ. Nhưng ở đây, họ cũng đã hiểu sai trầm trọng về con người này, vì ngay cả trước khi có sắc lệnh mới nhất ấy ông đã không ngừng kêu gọi và động viên người Hy Lạp bảo vệ nền tự do của mình. Thế rồi, sau khi nó được thông qua, và vào thời điểm Themistocles đang giữ chức thống lĩnh với quyền lực tối cao, Aristides đã đem lại cho ông ta tất cả sự trợ giúp có được bằng cả lời khuyên lẫn hành động, và vì lợi ích của Athens, ông đã giúp kẻ thù không đội trời chung một thời của mình trở thành người nổi danh nhất.

Chẳng hạn, vào thời điểm Eurybiades đang sửa soạn rời bỏ Salamis, các chiến thuyền Ba Tư vượt biển vào ban đêm và bao vây ông ta, phong tỏa mấy eo biển nơi ông ta trú quân và những lối vào đảo. Không người Hy Lạp nào hay biết họ đã bị bao vây, nhưng Aristides từ Aegina đã táo bạo đi thuyền đến, vượt qua hàng rào phong tỏa của thủy đội kẻ thù và đến lều Themistocles vào lúc sẩm tối. Ông gọi ông ta ra ngoài và khi chỉ có hai người với nhau, bèn nói: “Hai chúng ta, Themistocles, nếu có chút lương tri, sẽ phải dừng lại mối cừ hận vô nghĩa và trẻ con này. Từ nay chúng ta phải bắt đầu một cuộc tranh đấu có phẩm giá hơn để cứu lấy xứ sở chúng ta, với ông làm chỉ huy và tôi làm cố vấn giúp ông. Tôi đã thấy ông là người duy nhất biết con đường nào là tốt nhất cho chúng ta, khi ông khẳng khăng rằng chúng ta nên trụ lại đây và chiến đấu với quân thù nơi eo biển càng sớm càng tốt. Đúng là các đồng minh của ông đang cản trở ông, nhưng dù sao đi nữa dường như kẻ thù đang nằm trong tay ông. Vùng biển xung quanh và sau lưng chúng ta đang đẩy những thuyền của chúng, bởi vậy, ngay cả những ai ghét ý tưởng này nhất cũng sẽ phải thu

hết can đảm để chiến đấu. Giờ đây không còn lối thoát nào khác.” Themistocles đáp: “Tôi không thích cái suy nghĩ bị ông vượt mặt, Aristides. Nhưng tôi khâm phục tấm gương mà ông vừa nêu cho tôi và tôi sẽ cố noi theo để làm tốt hơn thế nữa trong tương lai.” Đồng thời, Themistocles kể với Aristides về cạm bẫy mà mình đã giăng ra với quân rợ và nài nỉ Aristides hãy tranh biện với Eurybiades để cố thuyết phục ông ta - vì ý kiến của Aristides có sức nặng hơn với vị tổng tư lệnh - rằng hy vọng duy nhất cho sự sống còn nằm ở cuộc giao tranh trên biển. Khi hội đồng tướng lĩnh nhóm họp, Cleocritus người Corinth nói với Themistocles rằng ngay cả Aristides cũng phản đối kế hoạch của ông ta, vì dù có mặt nhưng ông vẫn lặng yên không nói gì. Aristides lập tức đáp rằng ông hẳn đã lên tiếng nếu ông không tin rằng Themistocles đã đưa ra lời khuyên sáng suốt nhất: ông im lặng chẳng phải vì bất cứ thiện ý nào với Themistocles, mà vì ông tin kế hoạch của ông ấy là tốt nhất.

9. Trong khi các chỉ huy Hy Lạp chuẩn bị thực thi kế hoạch, Aristides nhận thấy rằng Psyttaleia, một đảo nhỏ nằm trong eo biển trước mặt Salamis, đang nhung nhúc quân địch. Vậy là ông bèn tổ chức một lực lượng gồm các xuồng nhỏ chở những người Athens táo bạo và thiện chiến nhất đổ bộ lên Psyttaleia, đột kích quân rợ và giết chết từng tên một, trừ một số quý tộc Ba Tư bị bắt sống. Trong đó có ba con trai của Sandaue em gái vua rợ, được ông giao luôn cho Themistocles, và nghe đâu theo chỉ thị của nhà tiên tri Euphrantides họ đã bị hiến tế cho Dionysus vị thần ăn thịt tuân theo một lời sấm truyền nào đó. Aristides cất cử bộ binh trên bờ biển xung quanh đảo quan sát những người bị giạt vào bờ, sao cho không có người Hy Lạp nào bị thiệt mạng và không người Ba Tư nào trốn thoát. Trên thực tế, cuộc đụng độ lớn giữa hai thủy đội và trận đánh khốc liệt nhất dường như đã diễn ra gần vị trí này, và vì lẽ ấy

mà sau này một đài tưởng niệm chiến thắng đã được dựng lên ở Psyttaleia.

Sau trận thắng, Themistocles nghĩ mình nên thăm dò ý kiến của Aristides, bèn bình luận rằng trận đánh mà họ vừa mới trải qua tự nó đã là huy hoàng, nhưng trước mắt họ còn một mục tiêu thậm chí lớn hơn nữa, đó là vây hãm châu Á từ châu Âu bằng cách đến Hellespont càng nhanh càng tốt và phá hủy cầu phao ở đó. Aristides thở dài cảm thán. Ông giục Themistocles lập tức từ bỏ kế hoạch này, và thay vào đó dùng tài trí vào việc tìm ra các cách nhanh nhất để trục xuất quân Ba Tư ra khỏi Hy Lạp. Ông lo rằng một đạo quân quy mô như vậy nếu bị dồn vào đường cùng có thể quay lại và liều mạng tử chiến vì chạy không còn đường thoát thân. Do đó, Themistocles một lần nữa bí mật cử hoạn quan Arnaces, một trong những tù binh chiến tranh, đến tâu với vua rợ rằng người Hy Lạp đã đưa quân đến phá cầu, nhưng Themistocles đã thành công trong việc ngăn họ lại, vì ông ta muốn cứu mạng nhà vua.

10. Xerxes kinh sợ bởi tin tức này và hộc tốc đưa quân đến Hellespont, trong khi Mardonius được để lại bọc hậu với 300.000 quân,⁽³²⁹⁾ những binh sĩ dày dạn trận mạc nhất trong quân đội. Ông ta là một địch thủ lợi hại, rất tự tin vào lực lượng trên bộ của mình, và đã viết mấy lời đe dọa gửi đến người Hy Lạp như sau: “Với thủy đội đó, các ngươi đã đánh bại được những người vốn quen sống trên cạn và không biết xoay sở ra sao với mái chèo. Nhưng giờ đây, đất Thessaly rộng lớn, và đồng bằng Boeotia là chiến trường thích hợp cho kỵ binh và bộ binh thiện chiến của ta.”

Cùng lúc đó, ông ta gửi đến người Athens các bức thư riêng và những lời đề nghị của vua rợ, bằng lòng tái thiết thành phố của họ, cho họ những khoản tiền lớn, và xác lập vị thế chủ nhân Hy Lạp của họ, chỉ cần họ rút khỏi cuộc chiến.

Tin này khiến người Sparta vô cùng hoảng sợ; họ phái một sứ giả đến Athens và nài nỉ người Athens gửi vợ con mình đến Sparta và chấp nhận đồ tiếp tế của họ dành cho người đau yếu và già cả, vì mọi người đang chịu cảnh thiếu thốn cùng cực do thành phố và lãnh thổ của họ đang bị đồng thời giày xéo. Bất chấp điều đó, sau khi tiếp đón các sứ giả, họ đã gửi một bức thư phúc đáp do Aristides viết khiến chúng ta không thể không thán phục. Họ tuyên bố là họ có thể tha thứ cho kẻ thù vì cho rằng mọi thứ có thể mua được bằng tiền, vì hạng người đó không có ý niệm về bất cứ cái gì cao cả hơn, nhưng họ bị xúc phạm khi người Sparta chỉ nhìn thấy cảnh nghèo khổ và thiếu thốn cùng khắp Athens mà bỏ quên lòng quả cảm và tinh thần cao thượng của người Athens khi kêu gọi họ chiến đấu cho Hy Lạp bằng lời đề nghị tiếp tế khẩu phần. Sau khi đưa ra động thái này Aristides gọi các sứ giả vào Hội đồng quốc dân và bảo người Sparta hãy thuật lại với nhân dân họ rằng vàng trong thế giới này trên hay dưới mặt đất, không đủ để cám dỗ người Athens bán rẻ tự do của Hy Lạp. Về phần các sứ giả của Mardonius, Aristides chỉ lên trời và tuyên bố: “Chừng nào Mặt trời còn chiếu rọi trên dương thế, thì chừng đó người Athens còn chiến đấu với người Ba Tư, vì họ đã tàn phá những mảnh đất và làm nhơ bẩn và thiêu rụi các đền thờ.” Ngoài ra, ông còn kêu gọi các thầy tế nguyên rửa bất cứ kẻ nào đàm phán với người Medes hoặc từ bỏ liên minh Hy Lạp.

Khi Mardonius tràn vào Attica lần thứ hai,⁽³³⁰⁾ nhân dân một lần nữa vượt biển tới Salamis. Bấy giờ, Aristides - đã được cử đến Sparta - khiển trách người Sparta vì sự chậm chạp thờ ơ của họ và việc một lần nữa bỏ mặc Athens cho quân rợ, yêu cầu họ đến giải cứu những gì còn lại của Hy Lạp. Khi các quan ngự sử nghe thấy điều này lễ hội Hyacinthia vẫn đang được tiến hành, và họ tiếp tục giết thời gian với những hoạt động kỷ niệm và giải trí công cộng chừng nào ánh sáng ban ngày còn chưa tắt.

Nhưng khi trời tối, họ đã tuyển chọn 5.000 người Sparta, mỗi người được bảy Helot săn sóc, và phái họ đi mà không cho người Athens hay biết. Vì vậy, khi Aristides một lần nữa xuất hiện trước mặt họ để than phiền, họ cười nhạo mà rằng ông đang nói lời càn bậy hoặc ắt hẳn đang nửa mê nửa tỉnh chẳng, bởi quân đội đã đến mộ Orestes ở Arcadia trong cuộc hành quân chống lại “đám ngoại quốc,” vì đây là cách họ gọi người Ba Tư. Aristides vặn lại rằng thật là một trò đùa hoàn toàn không phải lúc khi lừa dối đồng minh thay vì kẻ thù của mình. Đây là câu chuyện do Idomeneus đưa ra. Nhưng trong sắc lệnh Aristides đã từng ban bố, ông không phải là người được chỉ định làm đại sứ đến Sparta, mà là Cimon, Xanthippus, và Myronides⁽³³¹⁾

11. Aristides được bổ nhiệm làm tướng quân chỉ huy toàn bộ binh lực Athens cho trận đánh⁽³³²⁾ được chờ đợi lúc bấy giờ, và ông đã đến Plataea với 8.000 trọng binh⁽³³³⁾ dưới trướng. Pausanias, tổng tư lệnh quân đội Hy Lạp, hội quân với ông ở đó cùng lực lượng Sparta của mình và những cánh quân Hy Lạp còn lại nối tiếp nhau kéo đến. Toàn bộ trại quân rợ trải dài dọc bờ sông Asopus. Nó không có ranh giới cố định do quy mô khổng lồ của đạo quân, nhưng các dãy quân trang và sở chỉ huy chính được vây trong một khu đất vuông vức có tường bao quanh, mỗi bề dài 1,25 dặm.

Tisamenos xứ Elis bấy giờ đã thốt ra lời tiên tri với Pausanias và toàn thể người Hy Lạp. Ông ta tiên đoán họ sẽ thắng trận miễn là đừng tấn công trước, mà giữ thế thủ. Song, Aristides đã sai người đến Delphi, và các sứ giả của ông nhận được câu trả lời từ thần linh rằng người Athens sẽ đánh bại kẻ thù với điều kiện họ cầu nguyện thần Zeus, nữ thần Hera xứ Cithaeron, thần Pan và các tiên nữ Sphragis; rằng họ hãy cúng tế các vị anh hùng Andocrates, Leucon, Pisandrus, Damocrates, Hypsion, Actaeon, và Polyidus; và rằng họ hãy liều đánh một trận trên lãnh thổ

của mình trong vùng đồng bằng của các nữ thần Demeter và Kore của người Eleusis. Lời tiên tri được thuật lại cho Aristides đã khiến ông vô cùng bối rối. Tất nhiên, các vị anh hùng mà ông được lệnh cúng tế là những nhà sáng lập của Plataea, và hang động của các tiên nữ Sphragis tọa lạc trên một trong các đỉnh của dãy Cithaeron, quay mặt về phía đường chân trời nơi Mặt trời lặn vào mùa hè. Trong quá khứ, hang động này được cho là chứa đựng một lời tiên tri, và nhiều cư dân gần đó có khả năng đưa ra những lời tiên tri và được mệnh danh là *nympholepti*, hay *người bị tiên ám*. Nhưng việc đề cập vùng bình nguyên của Demeter xứ Eleusis, và lời hứa chiến thắng cho người Athens nếu họ đánh một trận trên đất của mình có vẻ sẽ dẫn họ về lại Attica và dịch chuyển chiến trường đến đó.

Đúng lúc này, vị chỉ huy Plataea là Arimnestus⁽³³⁴⁾ có một giấc mơ, trong đó ông ta được Zeus vị thần cứu tinh chất vấn về ý định của người Hy Lạp, và ông ta trả lời: “Ngày mai, thưa Chúa tể, chúng tôi sẽ đưa quân đội trở về Eleusis và đánh với quân Ba Tư ở đó, như lời tiên tri Delphi đã chỉ thị cho chúng tôi.” Vị thần bèn tuyên bố rằng họ đã hiểu sai toàn bộ ý nghĩa của lời tiên tri, vì những nơi nó đề cập nằm cả trong vùng lân cận xứ Plataea, và nếu họ tìm thì sẽ thấy chúng. Tất cả được tiết lộ với Arimnestus một cách rõ ràng đến nỗi ngay khi thức dậy, ông ta cho vời những đồng hương lão thành và nhiều kinh nghiệm nhất đến. Sau khi đã bàn luận về giấc mơ và hỏi han họ kỹ lưỡng, ông ta phát hiện ra là dưới chân núi Cithaeron gần Hysiae có một ngôi đền rất cổ xưa thờ các nữ thần của người Eleusis là Demeter và Kore. Ông ta lập tức cùng Aristides đến đó, một vị trí cực kỳ đắc địa để đồn trú một đạo trọng binh chống lại một lực lượng kỵ binh ưu thế, vì những chỏm núi Cithaeron, nối liền đền thờ và chạy xuống đồng bằng, tạo thành một vùng không thể vượt qua với kỵ binh. Tọa lạc gần đó là miếu thờ vị anh hùng Androcates ở giữa

một lùm cây rậm rạp và râm mát. Cuối cùng, để đảm bảo là những điều kiện cho chiến thắng mà lời tiên tri đã đề cập được đáp ứng đến từng chi tiết, Arimnestus đưa ra một kiến nghị mà người Plataea đã thông qua, rằng họ nên phá bỏ những cột đá biên giới ở phía đối diện với Attica, và trao lãnh thổ này cho người Athens, giúp họ chiến đấu bảo vệ Hy Lạp trên đất của chính mình như lời tiên tri đã truyền.

Cử chỉ cao quý này của người Plataea trở nên nổi tiếng đến mức nhiều năm sau, khi Alexander đã trở thành người thống trị Á châu,⁽³³⁵⁾ ông ta cho xây lại những bức tường của Plataea và cho sứ giả tuyên cáo tại đại hội thể thao Olympic rằng nhà vua ban danh dự này cho người Plataea vì lòng dũng cảm và sự rộng lượng của họ khi vô tư trao lãnh thổ của mình cho người Hy Lạp trong các cuộc chiến tranh với Ba Tư, và do đó chứng tỏ họ có trái tim nhiệt thành nhất trong mọi dân tộc vì sự nghiệp chung.

12. Đội quân Tegea tranh cãi với quân Athens về vị trí của họ trong thế trận. Họ quả quyết rằng, theo tiền lệ, khi người Sparta chiếm cứ cánh phải, thì đặc quyền của họ là đóng bên cánh trái và họ viện dẫn những kỳ công chói lọi của tổ tiên để biện hộ cho lý lẽ của mình. Sự đòi hỏi này đã chọc tức người Athens, nhưng Aristides đã đứng ra và nói như sau: “Đây không phải lúc để tranh biện với người Tegea về các vấn đề tổ tiên và lòng dũng cảm cá nhân. Tất cả những gì chúng tôi muốn nói với các bạn Sparta và toàn thể người Hy Lạp là, vị trí của một người trong chiến tuyến không tạo ra cũng không tước đi lòng can đảm của anh ta. Bất luận các anh xếp chúng tôi ở vị trí nào, chúng tôi cũng sẽ cố giữ vững nó bằng danh dự và không làm hoen ố tiếng tăm mình đã giành được trên chiến trường cho tới hôm nay. Chúng tôi không đến đây để tranh cãi với đồng minh của mình, mà để chiến đấu với kẻ thù, không để khoe khoang về tổ tiên mình, mà để chứng tỏ lòng quả cảm trong việc bảo vệ Hy Lạp. Trận chiến này sẽ chứng minh rõ ràng việc một thành phố hay tướng

lĩnh hay chiến binh nào xứng đáng với Hy Lạp đến đâu.” Khi nghe xong mấy lời này, các tướng lĩnh và những thành viên khác của hội đồng chiến tranh quyết định đứng về phía người Athens và cho họ đóng bên cánh trái.

13. Trong khi sự nghiệp của Hy Lạp vẫn đang trong thế chung chiêng và người Athens hơn ai hết đang cực kỳ nguy nan, thì một số người Athens giàu có nhất, thành viên của những gia tộc hàng đầu nhưng đã bị bản cùng hóa bởi cuộc chiến, thấy rằng họ đã mất không chỉ cơ nghiệp mà cả mọi ảnh hưởng và thanh thế trong thành phố, và rằng các vị trí quyền lực và danh dự giờ đây đã bị người khác nắm giữ. Vì thế, họ đã bí mật hội họp trong một ngôi nhà ở Plataea và mưu toan lật đổ chế độ dân chủ, hoặc nếu không làm được điều đó, thì sẽ phá hoại sự nghiệp Hy Lạp bằng mọi cách có thể và bán đứng nó cho quân rợ.

Đến lúc Aristides hay biết việc đó, âm mưu này đã bắt đầu lan ra khắp doanh trại và nhiều người đã bị lôi kéo. Ông e rằng vấn đề giờ đây đã đi đến chỗ khủng hoảng trầm trọng và quyết định là mình không thể làm ngơ trước âm mưu ấy cũng như không thể phơi bày nó hoàn toàn, vì không biết sẽ có bao nhiêu người có thể bị dính líu vào nếu cuộc điều tra được tiến hành nghiêm khắc khắp các trại quân như công lý yêu cầu mà không xét đến lợi hại. Vì vậy, ông đã cho bắt chừng tám trong số những kẻ âm mưu. Hai trong số đó, vốn là những kẻ đầu tiên bị chính thức buộc tội và dính líu sâu nhất, Aeschines xứ Lamptrae và Agesias xứ Acharnae, đã trốn khỏi doanh trại thành công. Số còn lại được ông phóng thích, mang đến một cơ hội lấy lại can đảm và ăn năn hối lỗi cho những kẻ vẫn tin mình không bị nghi ngờ. Ông còn bóng gió rằng cuộc chiến này có thể nói là một tòa án vĩ đại đối với họ, trong đó họ có thể xóa sạch các cáo buộc chống lại mình bằng cách chứng tỏ rằng ý định của họ với quê hương là ngay thẳng và chính trực.

14. Sau việc này, Mardonius đã thử thách sức mạnh của người Hy Lạp bằng lực lượng mà ông ta tin là mạnh nhất của mình, xua toàn bộ kỵ binh tấn công vào doanh trại họ, nơi mà tất cả trừ người Megara đang chiếm cứ những vị trí kiên cố trên địa hình đầy đá dưới chân núi Cithaeron. Người Megara với quân số 3.000 đóng gần bình nguyên trống trải, và vì lý do này, họ đã bị thiệt hại nặng nề từ mấy cuộc tấn công của kỵ binh khi từng đội từng đội quân này tràn vào như các đợt sóng từ mọi hướng. Do đó, họ bèn cử một sứ giả hỏa tốc đến Pausanias yêu cầu chi viện gấp, vì họ không thể cầm cự trước quân số áp đảo của quân rợ. Khi nhận được tin, Pausanias lập tức nhận thấy doanh trại Megara hầu như bị bao phủ dưới trận mưa lao và tên của kẻ thù, các phòng tuyến của nó bị co cụm vào một khoảng không chật hẹp. Bản thân ông ta bất lực không thể giúp họ chống lại kỵ binh, vì quân Sparta mang giáp nặng và di chuyển chậm chạp, nhưng ông ta đã chỉ ra cảnh ngộ tuyệt vọng của người Megara cho giới tướng lĩnh và chỉ huy Hy Lạp đang ở cạnh mình thấy, như một thử thách về tham vọng và tinh thần chiến đấu của họ, và kêu gọi những người tình nguyện đi chặn đứng kẻ thù và giải cứu người Megara. Tất cả đều do dự, riêng Aristides đã thay mặt người Athens đứng ra nhận trách nhiệm này và cắt cử Olympiodorus, sĩ quan gan dạ nhất của ông mang theo 300 chiến binh ưu tú dưới quyền cùng một số cung thủ yểm trợ, lên đường.

Quân Athens nhanh chóng chinh đốn thế trận và tổ chức tấn công. Chỉ huy kỵ binh quân rợ là Masistius, kẻ được truyền tụng về lòng can đảm và có dáng dấp uy dũng tuấn tú phi thường, ngay khi thấy quân Athens tiến đến, bèn xoay ngựa và lao vào tấn công họ. Tiếp theo là một cuộc giao tranh khùng khiếp khi hai lực lượng xông vào nhau, vì cả hai bên đều coi đây là cuộc đụng độ then chốt của toàn bộ trận đánh. Rốt cuộc, con ngựa của Masistius bị trúng tên và hất văng ông ta ngã xuống

đất. Ông ta không thể đứng dậy vì mang bộ giáp quá nặng, nhưng quân Athens cũng không tài nào kết liễu được ông ta - vì không chỉ ngực mà cả đầu và chân tay ông ta đều được bọc kín bằng vàng và đồng và sắt - cho dầu họ đã sấn tới chặt chém lên người ông ta. Nhưng cuối cùng, ông ta đã bị giết khi một chiến binh đâm mũi lao vào hốc mắt ở chiếc mũ sắt của ông ta, đâm tàn quân Ba Tư bỏ lại thi thể ông ta và tháo chạy. Người Hy Lạp vỡ lẽ ra tầm quan trọng thật sự của chiến thắng này không phải là từ con số thương vong vốn nhỏ bé, mà là từ nỗi đau buồn mà quân rợ biểu lộ. Chúng cạo đầu để tang Masistius, cắt bờm ngựa và la, tiếng kêu khóc thảm thiết của chúng vang vọng khắp vùng đồng bằng, vì chúng đã bị mất con người dũng mãnh và uy quyền chỉ sau mỗi Mardonius.

15. Sau cuộc đụng độ này với kỵ binh, không có trận đánh nào nữa trong suốt một thời gian dài, vì các thầy tế của mỗi bên đã tiên tri từ những lễ tế rằng bên nào giữ thế thủ sẽ giành chiến thắng, nhưng sẽ thảm bại nếu tấn công. Sau cùng, Mardonius thấy rằng ông ta chỉ còn đủ quân lương vài ngày nữa, trong khi quân lực Hy Lạp tiếp tục lớn mạnh vì quân tăng viện kéo đến, và sự nhẫn nại của ông ta đã cạn kiệt; ông ta bèn quyết định không chờ đợi thêm nữa, mà sẽ vượt sông Asopus ngay khi có tia nắng đầu tiên để đột kích vào quân Hy Lạp, và đêm đó, ông ta đã hạ lệnh cho các chỉ huy của mình.

Nhưng vào lúc nửa đêm, một kỵ sĩ đơn độc lặng lẽ phi đến doanh trại Hy Lạp. Ông ta tiến lại vọng gác và yêu cầu họ triệu Aristides đến. Khi Aristides nhanh chóng xuất hiện, vị khách bèn nói: “Ta là Alexander xứ Macedonia, và ta mạo hiểm tính mạng đến đây vì thiện ý ngăn ông khỏi bị mất nhuệ khí hoặc chiến đấu trong thế bất lợi do bị bất ngờ. Ngày mai Mardonius định tấn công, nhưng lý do không phải hấn tràn trề hy vọng hay tự tin vào thành công, mà do hấn bị thiếu quân lương. Thật ra, những nhà tiên tri của hấn đang cố ngăn hấn giao chiến bằng phương

thức sử dụng những buổi tế lễ và tiên đoán bất lợi, còn quân đội thì đang ngã lòng và thiếu tự tin. Hấn buộc phải hành động liều lĩnh và đặt cược vào may rủi, bằng không, nếu chẳng làm gì, hấn sẽ phải nhìn quân mình bị chết đói.” Đoạn Alexander cầu xin Aristides giữ kín những gì ông nghe thấy, ghi nhớ lời ông ta nhưng đừng thổ lộ với bất kỳ ai. Song, Aristides đáp rằng sẽ không đúng nếu giấu Pausanias tin này vì ông ấy có thẩm quyền tối cao, nhưng ông có thể giữ bí mật với các tướng lĩnh khác; và chẳng, nếu người Hy Lạp giành thắng lợi, mọi người sẽ được biết về lòng can đảm và hiệp nghĩa của Alexander. Sau cuộc trao đổi này, nhà vua xứ Macedonia quay về, còn Aristides đến lều của Pausanias và kể lại tất cả những gì đã trao đổi giữa họ. Thế rồi họ bèn triệu các tướng khác và hạ lệnh họ hãy cho quân đội sẵn sàng, vì sắp có một trận chiến.

16. Đến lúc này, như Herodotus kể với chúng ta,⁽³³⁶⁾ Pausanias gửi lời nhắn Aristides chuyển quân Athens sang cánh phải để đương đầu với quân Ba Tư; ông ta lập luận, họ chiến đấu ở đó tốt hơn vì đã có kinh nghiệm về những chiến thuật của người Ba Tư và có lòng tự tin bởi từng đánh bại chúng một lần, trong khi cánh trái là nơi những đồng minh Hy Lạp phản bội sẽ tấn công vào nên được giao phó cho ông.

Những chỉ huy Athens khác nghĩ đây là một mệnh lệnh cực kỳ khó chịu và thiếu suy xét về phía Pausanias: giữ nguyên đội ngũ còn lại, trong khi điều quân Athens - chứ không phải ai khác “đi tới đi lui như thể họ là đội quân toàn các Helot, và sau cùng cho họ cát cứ ở vị trí đối mặt với cánh quân thiện chiến nhất của kẻ thù. Nhưng Aristides bảo rằng họ đã hoàn toàn sai. Họ vừa mới tranh cãi với người Tegea về vinh dự được chiếm giữ cánh trái và đầy tự hào khi có được quyền ưu tiên đó; giờ đây lúc người Sparta vô tư nhường cánh phải cho họ, và theo một ý nghĩa nào đó thì đang trao cho họ vị trí danh dự, họ lại không tiếp nhận sự biệt đãi đó với mình, cũng không thấy được lợi thế đến nhường nào khi chiến

đấu với quân rợ, kẻ thù đương nhiên của họ, thay vì với những người cùng chủng tộc và huyết thống. Khi nghe câu này, người Athens vui vẻ hoán đổi vị trí với người Sparta, và khắp hàng ngũ của họ lan truyền những lời rằng kẻ thù mà họ sắp gặp không có đôi tay mạnh mẽ lẫn trái tim gan dạ hơn những kẻ họ đã giao chiến tại Marathon. Chúng vẫn mang những cung tên ấy, vẫn những y phục sắc sỡ và đồ trang sức bằng vàng che đậy cơ thể mềm nhũn và trái tim yếu ớt, trong khi người Athens được trang bị không chỉ với vũ khí và đôi tay mạnh mẽ trong ngày đó, mà còn với một tinh thần quả cảm hơn được hun đúc từ chiến thắng. Họ còn có lợi thế nữa là họ đang chiến đấu không chỉ vì xứ sở và thành phố mình như những đồng đội đã làm trước họ, mà còn vì các chiến tích mà họ đã lập nên tại Marathon và Salamis, và họ muốn thế gian biết rằng các chiến công ấy thậm chí không phải nhờ vào mỗi Miltiades hoặc vận may, mà là nhờ cả vào người Athens nữa.

Người Sparta và người Athens bèn vội vàng đổi cánh, nhưng người Thebes đã hay biết việc này từ đám đào ngũ và báo với Mardonius. Thế là, hoặc vì e sợ quân Athens hoặc vì nóng lòng muốn giao chiến với quân Sparta ngay lập tức, ông ta đã điều chuyển quân Ba Tư của mình sang cánh phải và lệnh cho cánh quân Hy Lạp trong quân đội của mình đối đầu với quân Athens. Khi sự thay đổi này trở nên rõ ràng trong thế trận của kẻ địch, Pausanias bèn lùi lại và chiếm cứ cánh phải, trong lúc đó, Mardonius lại đảo sang cánh trái để đương đầu với quân Sparta như lúc ban đầu. Cứ thế đến hết ngày mà không có trận đánh nào cả. Người Hy Lạp bấy giờ sau một phiên họp hội đồng chiến tranh đã quyết định chuyển doanh trại ra xa và đóng ở nơi có nguồn nước sạch hơn, vì mấy con suối trong vùng lân cận đã bị đạo kỵ binh đông đúc của quân rợ làm cho ô uế và không dùng được nữa.

17. Khi trời dần tối, các tướng lĩnh bắt đầu dẫn quân đến nơi đã chọn để đóng trại mới. Tuy nhiên, các chiến binh vốn không hề muốn đi theo họ thành hàng ngũ chặt chẽ, nên ngay sau khi họ rời khỏi những phòng tuyến đầu tiên, hầu hết đều hướng về phía thị trấn Plataea, và mọi thứ trở nên rất hỗn loạn khi họ bắt đầu tản mát và dựng trại bừa bãi. Ngẫu nhiên mà quân Sparta, trái với ý muốn của họ, bị bỏ lại sau. Một trong những sĩ quan của họ là Amompharetus, một người khá can đảm và hiếu chiến vốn đã hăm hực muốn đánh nhau từ lâu, đã hoàn toàn hết kiên nhẫn với vô số lần trì hoãn và chậm trễ. Giờ thì anh ta lên án sự hoán đổi vị trí này chẳng khác gì một cuộc trốn chạy hèn nhát và tuyên bố mình sẽ không nhúc nhích khỏi vị trí của mình, mà sẽ ở đó cùng đại đội của mình chờ Mardonius tấn công. Khi Pausanias lại gần và bảo anh ta rằng việc di chuyển này đã được hội đồng chiến tranh Hy Lạp chính thức biểu quyết và ra sắc lệnh, Amompharetus liền nhặt lên một hòn đá to và ném nó xuống chân Pausanias. “Đây là biểu quyết của tôi cho trận đánh,” anh ta nói, “và ông có thể bỏ mặc tôi mà ra đi với những bàn thảo và kiến nghị đáng thương của mình!” Pausanias không biết phải làm sao, cuối cùng đành nhẫn với người Athens bấy giờ đã đi khá xa, xin họ nán chờ để hành quân cùng lúc với mình, đoạn ông ta bắt đầu dẫn số quân còn lại đi về phía Plataea, hy vọng bằng cách này sẽ buộc Amompharetus phải rời đi.

Lúc đó trời đã bắt đầu hửng sáng, và Mardonius, phát hiện thấy quân Hy Lạp đã tháo chạy, bèn hạ lệnh tấn công và xông vào quân Sparta với tiếng reo hò khùng khiếp và tiếng vũ khí va chạm từ phía rợ quân, cứ như đó không phải là việc đánh một trận, mà chỉ là cuộc càn quét quân Hy Lạp khi họ tháo chạy, và sự thể diễn ra trên thực tế rất gần như vậy. Khi nhận ra ý đồ của quân Ba Tư, Pausanias đã dừng cuộc hành quân và lệnh cho người của mình vào đội hình chiến đấu, nhưng có lẽ vì tức giận với

Amompharetus, hoặc vì bối rối bởi tốc độ tấn công điên cuồng, nên ông ta quên ra hiệu với những người Hy Lạp còn lại. Vì lý do này mà họ không vội đến hỗ trợ ông ta ngay hoặc vào đội hình như thường lệ, mà đi lộn xộn theo từng nhóm nhỏ sau khi trận đánh đã bắt đầu.

Pausanias cúng tế thần linh, nhưng vì không nhận được điềm lành, ông lệnh cho người Sparta ngồi yên, với khiên dựng dưới đất trước mặt và chờ lệnh của ông chứ không cố gắng chống trả, trong khi đó, ông tế lễ lần nữa. Lúc này kỵ binh Ba Tư đã bắt đầu tấn công, và chẳng bao lâu chúng đã ở trong tầm tên bắn và quân Sparta bắt đầu bị trúng tên của chúng. Đó là lúc mà Callicrates, người được coi là khôi ngô và cao lớn nhất trong quân Hy Lạp, bị dính một mũi tên. Khi hấp hối, Callicrates nói rằng mình không hối tiếc vì phải chết, bởi lẽ anh rời bỏ quê nhà để chết cho Hy Lạp, mà hối tiếc vì chết mà chưa kịp giáng cho kẻ thù dù chỉ một đòn. Quả thực, đội quân đã phải chịu tổn thất nặng nề, nhưng kỷ luật của họ thật tuyệt vời. Họ không cố sức đẩy lui kẻ thù đang tấn công mình, mà đơn giản là chờ lệnh từ vị thần và tướng lĩnh của mình, trong khi họ bị bắn và gục ngã tại chỗ.

Một số tác giả kể với chúng ta rằng trong khi Pausanias đang làm lễ và cầu nguyện ở một nơi không xa chiến tuyến, một số người Lydia bất thần tấn công ông ta, vồ lấy đồ lễ và vứt tứ tung, và rằng Pausanias cùng đám hầu cận đã đánh lui họ bằng gậy tế và roi da; chính vì phỏng theo cuộc tấn công này mà ngày nay ở Sparta người ta còn cử hành nghi lễ quất roi mấy thanh niên chạy quanh bàn thờ và đoàn diễu hành của người Lydia diễn ra sau đó.

18. Lúc bấy giờ, Pausanias gần như tuyệt vọng với sự thế đang xảy ra khi nhà tiên tri sát tế hết nạn nhân này đến nạn nhân khác, bèn quay mặt về phía đền thờ Hera nước mặt giàn giữa và giơ hai tay lên trời, cầu khẩn Hera xứ Cithaeron và những vị thần bảo hộ khác của Plataea, rằng

nếu ý định của thần linh là không để cho người Hy Lạp chiến thắng, họ chỉ ít có thể thực hiện kỳ công vĩ đại nào đó trước khi ngã xuống và chứng tỏ với kẻ thù rằng chúng đã giao chiến với những con người gan dạ biết cách chiến đấu. Trong khi Pausanias đang khấn nguyện thần linh, nhà tiên tri bỗng đâu nhìn thấy điềm lành và tiên đoán sự chiến thắng. Mệnh lệnh chuẩn bị phản công được truyền khắp hàng ngũ, và bất thần đội hình chiến đấu xuất hiện, với hình dáng mãnh thú hung tợn, khi nó từ từ xoay tròn, những chiếc lông cứng tua tủa dựng lên tự vệ, khiến quân rợ không còn có thể nghi ngờ việc chúng giờ đây phải đương đầu với những người sẵn sàng chiến đấu đến chết. Quân Ba Tư bèn dựng các tấm khiên đan bằng cây liễu gai to sừng sững như một bức tường chắn trước mặt và bắn tên vào đối thủ. Nhưng người Sparta, giữ những tấm khiên che kín mọi hướng khi tiến tới, đã xông vào kẻ thù, giật phăng mấy tấm khiên liễu gai của chúng, rồi vung giáo dài đâm vào mặt và ngực quân Ba Tư khiến chúng chết khá nhiều. Dẫu vậy, quân Ba Tư vẫn chiến đấu gan góc và dũng mãnh trước khi ngã xuống. Chúng chụp và bẻ gãy những ngọn giáo dài bằng tay không, rồi hung hãn lao vào đánh giáp lá cà với dao găm và mã tấu, giật phắt các tấm khiên của đối thủ và quần thảo với họ, nhờ đó đã cầm cự được một thời gian dài.

Trong khi đó, người Athens vẫn lảng lạng phủ phục quân Sparta. Nhưng khi tiếng hò hét âm ỉ của những người bị hãm trong chiến địa vọng đến tai họ, và theo những gì được kể thì, khi một sứ giả do Pausanias cử đến cấp báo sự tình diễn ra, họ bèn vội vã đến cứu ứng. Rồi, khi họ đang đi qua đồng bằng về phía tiếng huyên náo của trận đánh, đám Hy Lạp phản bội đã đón đầu họ. Ngay khi Aristides trông thấy chúng, ông liền bước ra và cất cao lời kêu gọi chúng nhân danh các thần linh Hy Lạp. Ông đề nghị chúng hãy đứng ngoài cuộc chiến và đừng chống lại hay ngăn trở người Athens trên đường đến giúp đỡ những

người đang liều cả tính mạng vì quê hương mình. Tuy nhiên, khi nhận thấy chúng không để tâm đến, mà đã xếp thành đội hình chiến đấu, ông bèn gạt qua một bên nỗ lực giải vây cho người Sparta để giao chiến với đội quân Hy Lạp với quân số khoảng 50.000. Phần lớn lực lượng của chúng ngay lập tức nhượng bộ và rút lui, nhất là khi chúng thấy quân rợ cũng đang triệt thoái. Cuộc giao tranh khốc liệt nhất ở mặt trận này được kể là đã diễn ra với quân Thebes, với những công dân hàng đầu và có ảnh hưởng nhất của họ lúc bấy giờ đã hăng hái theo phe Ba Tư và đưa mọi người cùng theo mình, không phải vì ý muốn tự nguyện của họ, mà vì họ bị cai trị bởi một chính thể quá đầu.

19. Trận đánh vì thế được chia làm hai phần. Quân Sparta là những người đầu tiên đánh tan quân Ba Tư. Mardonius bị một người Sparta tên là Arimnestus dùng đá ném vỡ đầu hẳn, đúng như lời sấm truyền ở đền thờ Amphiaraus đã tiên tri về hẳn. Mardonius từng sai một người Lydia đến đền thờ này và một người Caria đến đền Trophonius. Người sau đã thật sự được nghe nhà tiên tri chỉ thị bằng tiếng Caria, còn người Lydia khi đang nằm ngủ trong khu thánh thất vây quanh đền thờ Apollo, thì mơ thấy một trong các hầu cận của vị thần đứng cạnh anh ta và lệnh cho anh ta hãy rời đi, và khi anh ta từ chối, đã ném một tảng đá lớn xuống đầu anh ta, vậy là trong giấc mơ anh ta đã bị giết chết bởi một cú chí tử như thế. Câu chuyện này là để ám chỉ đến Mardonius. Người Sparta cũng đã dồn quân Ba Tư, bấy giờ đã hoàn toàn thảm bại, lui về cố thủ trong phòng tuyến dựng bằng cọc gỗ của chúng.

Không lâu sau đó, người Athens đã đánh thắng quân Thebes và giết tại trận 300 công dân hàng đầu của Thebes. Lẽ ra họ có thể giết nhiều hơn nữa, nhưng ngay khi quân Thebes đang hấp tấp triệt thoái lui, một sứ giả đến cáo cấp với người Athens rằng quân rợ đã bị khóa chặt và vây hãm trong doanh trại kiên cố của chúng. Vì vậy, họ đã để cho quân Hy Lạp

trốn thoát và họ hành quân đến ứng cứu cuộc tấn công trại. Tại đây, họ nhận ra rằng quân Sparta, vốn thiếu kinh nghiệm đánh phá công sự, đang tiến khá chậm, bèn ồ ạt xông vào trại địch chém giết kinh hoàng. Người ta kể rằng trong 300.000 quân rợ chỉ có 40.000 trốn thoát cùng với Artabazus.⁽³³⁷⁾ Theo Cleidemus, phía Hy Lạp có 1.360 người bị chết, trong đó có 52 người Athens, tất cả đều thuộc về bộ lạc Aiantis, và bộ lạc này đã chiến đấu quả cảm nhất. Vì lý do này, người Aiantis thường xuyên cúng tế các tiên nữ Sphragis những lễ vật mà nữ tiên tri Pythia tại Delphi yêu cầu để đổi lấy chiến thắng, tất cả đều do công quỹ chi trả. Quân Sparta có 91 người chết và quân Tegea, 16.

Vì lẽ ấy, thật đáng ngạc nhiên khi Herodotus quả quyết rằng những đội quân này, từ Athens, Sparta, và Tegea, đều là những người Hy Lạp duy nhất đã thật sự giáp chiến với kẻ thù, và rằng số còn lại không hề tham gia, cả con số người ngã xuống lẫn số đài kỷ niệm dựng lên vì chúng đều là chứng cứ hùng hồn cho chiến thắng giành được bởi hành động phối hợp của tất cả người Hy Lạp. Và chẳng, nếu chỉ người của ba thành phố này chiến đấu mà thôi, trong khi số còn lại ngồi yên không làm gì, hẳn bàn thờ đã không được khắc như sau:

Nơi đây người Hy Lạp, với sự trợ giúp của Ares đã thắng trong cuộc chiến, xua quân Medes khỏi biên giới và giải phóng quê hương khỏi cảnh tôi đòi,

Cùng nhau dựng điện thờ Zeus, vị thần giải phóng người Hy Lạp.

Trận đánh này diễn ra vào ngày thứ tư của tháng Boedromion theo tính toán của người Athens. Nhưng theo lịch Boeotia thì đó là vào ngày 27 của tháng Panemus,⁽³³⁸⁾ và vào ngày này Hội đồng Hy Lạp vẫn nhóm họp tại Plataea và người Plataea dâng cúng lễ vật cho Zeus vị thần giải

phóng để mừng chiến thắng. Chúng ta không cần kinh ngạc bởi sự bất nhất giữa hai mốc thời gian này, vì ngay cả đến hôm nay, khi hiểu biết về thiên văn học đã chính xác hơn nhiều, các thành phố vẫn cứ có những ngày đầu và cuối tháng khác nhau.

20. Sau trận này, người Athens không đồng ý trao giải thưởng anh dũng cho người Sparta, hoặc cho phép họ dựng một đài chiến thắng nói chung. Thật ra, sự nghiệp của Hy Lạp rất có thể đã sụp đổ ngay tại chỗ bởi hai bên sắp đi đến chỗ đánh nhau để giải quyết tranh cãi, nếu không có Aristides qua nhiều lần giải thích và xoa dịu đã kiểm chế được các đồng sự của ông, nhất là Leocrates và Myronides, và thuyết phục họ để cuộc tranh chấp cho những người Hy Lạp còn lại quyết định. Theo đó, một hội đồng được thành lập, và Theogeiton người Megara nói rằng nếu họ muốn tránh tất cả sự hỗn loạn của một cuộc nội chiến, giải thưởng này phải được trao cho một thành phố thứ ba nào đó. Bấy giờ, Cleocritus xứ Corinth đứng lên phát biểu và mọi người cho rằng ông ta sẽ giành vinh dự ấy về cho Corinth, vì Corinth về thanh thế chỉ đứng sau Sparta và Athens. Tuy nhiên, trước sự kinh ngạc và thích thú của mọi người, ông ta lên tiếng bênh vực người Plataea và biện luận rằng việc trao giải cho họ sẽ loại bỏ mọi nguyên nhân hiềm khích có thể, vì không bên yếu sách nào bị méch lòng khi họ được vinh danh. Aristides là người đầu tiên chấp nhận đề xuất này thay mặt người Athens, và tiếp đến là Pausanias cũng làm vậy nhân danh người Sparta. Dàn xếp xong những bất hòa theo cách này, họ dành riêng 80 talent làm chiến lợi phẩm cho người Plataea, với số tiền đó họ đã xây dựng lại thánh điện Athena, dựng bàn thờ và trang hoàng ngôi đền với những bức bích họa còn trong tình trạng nguyên vẹn đến ngày nay. Người Sparta sau đó đã dựng một đài chiến thắng riêng, và người Athens cũng lập một cái riêng.

Khi họ tìm hiểu lời tiên tri tại Delphi về việc nên hiến tế ra sao, nữ tư tế Pythia đã nhận được câu trả lời rằng họ nên dựng một bàn thờ Zeus vị thần giải phóng, nhưng không nên cúng tế trên đó trừ phi họ đã dập tắt được ngọn lửa trên toàn xứ sở, mà người cho là đã bị quân rợ làm cho ô uế, và thắp lại bằng ngọn lửa tinh khôi và thuần khiết từ bàn thờ công cộng tại Delphi. Theo đó, các chỉ huy Hy Lạp đã đi khắp xứ Plataea và buộc tất cả những người đang dùng lửa phải dập tắt hết. Trong khi đó, Euchidas, người hứa mang lửa về trong thời gian nhanh nhất, đã chạy từ Plataea đến Delphi, ở đó, anh đã tẩy uế cơ thể bằng dòng nước thánh tưới lên người và đội vòng nguyệt quế. Đoạn, anh tiếp lấy ngọn lửa thiêng từ bàn thờ và lên đường trở về Plataea; anh đến nơi trước lúc hoàng hôn, vượt qua 125 dặm đường chỉ trong một ngày. Anh ôm lấy những đồng bào mình, chuyển ngọn lửa thiêng cho họ, rồi lập tức quỵ xuống và một lúc sau thì chết. Để tỏ lòng khâm phục, người Plataea chôn anh trong khu thánh điện Artemis Eucleia và khắc vắn thơ sau lên mộ anh:

Euchidas, người chạy đến Delphi, đã về lại đây trong cùng ngày.

Hầu hết mọi người tin rằng Eucleia là nữ thần Artemis và gọi nàng bằng cái tên ấy. Nhưng có một số người kể rằng nàng là con của Heracles với Myrto con gái của Menotius và chị của Patroclus, và rằng nàng đã chết như một trinh nữ và được người Boeotia và Locria tôn thờ. Mỗi nơi họp chợ đều có bàn thờ và tượng thờ nàng, và các cặp đôi sắp cưới thường đến bái tế nàng.

21. Sau sự việc này, tại Hội đồng Hy Lạp, Aristides đã nêu ra một nghị quyết rằng các đại biểu và đại diện tôn giáo từ khắp các thành bang Hy Lạp sẽ họp mặt mỗi năm tại Plataea, và rằng cứ mỗi bốn năm thì Eleutheria, hay đại hội thể thao tôn vinh tự do, sẽ được tổ chức một lần.

Ngoài ra, còn có một khoản thuế dùng nuôi một lực lượng Hy Lạp hỗn hợp gồm 10.000 bộ binh, 1.000 con ngựa và 100 chiến thuyền để tiếp tục cuộc chiến chống lại quân rợ, riêng người Plataea được miễn và được coi là dân tộc tận tụy và bất khả xâm phạm, họ đảm nhận việc cúng tế Zeus vị thần giải nguy nhân danh toàn thể người Hy Lạp.

Những đề xuất này đã được phê chuẩn, và người Plataea cử hành lễ tế chiến sĩ trận vong hằng năm nhằm tôn vinh những người Hy Lạp ngã xuống trong chiến trận và vùi thây nơi chiến địa, nghi lễ này vẫn còn được họ thực hiện đến ngày nay theo thể thức như sau: Vào ngày thứ 16 của tháng Maimacterion, vốn là tháng Alalcomenius theo lịch Boeotia, họ cử hành một đám rước. Vào lúc tảng sáng, dẫn đầu là một lính kèn phát hiệu lệnh tấn công: theo sau anh ta là những chiếc xe bò treo đầy lá mía và vòng hoa, tiếp đến là một con bò đen. Tiếp theo là các thanh niên sinh ra là người tự do mang bình rượu và sữa làm lễ cúng cùng vò đựng dầu ô liu và nhựa thơm; nô lệ không được phép tham gia vào lễ hội này, vì những người được tôn vinh đã hy sinh tính mạng mình cho tự do. Sau cùng là vị chánh án của Plataea, người mà trong toàn bộ nhiệm kỳ của mình bị cấm chạm vào sắt hoặc mặc đồ có bất kỳ màu gì khác ngoài màu trắng, nhưng vào dịp này vận áo chèn màu đỏ tươi. Ông mang trên đầu một bình đựng tro cốt lấy từ văn phòng lưu trữ công cộng, và điều hành với lưỡi gươm trong tay qua trung tâm thành phố đến các ngôi mộ. Ở đó ông tự tay múc nước từ dòng suối thiêng, rửa sạch các bia mộ, xúc dầu và nhựa thơm lên chúng. Đoạn, ông giết con bò bên trên giàn thiêu, cầu nguyện thần Zeus và thần Hermes ở Địa phủ, và kêu gọi những người con anh dũng đã chết cho Hy Lạp đến dự tiệc và uống huyết tế. Sau đó, ông hòa một bát rượu với nước, uống và rẩy cúng, nói mấy lời sau: “Ta xin uống vì những người đã ngã xuống cho tự do của Hy Lạp.” Các nghi lễ này vẫn được người Plataea cử hành đến hôm nay.

22. Sau khi người Athens trở lại quê nhà, Aristides đã biết rõ là họ mong muốn một hình thức chính quyền dân chủ. Vì sự anh dũng mà mọi người đã thể hiện, ông tin rằng nguyện vọng của họ xứng đáng được xem xét, đồng thời ông cũng hiểu rằng giờ đây họ đã được vũ trang mạnh mẽ, đầy tự tin với những chiến thắng của mình và sẽ không dễ dàng bị lung lạc trước mục đích của mình. Ông bèn đưa ra một sắc lệnh⁽³³⁹⁾ theo đó mọi công dân đều được tham gia vào chính quyền và các quan chấp chính trong tương lai sẽ được bầu từ lá phiếu của toàn dân.

Themistocles từng tuyên bố với mọi người rằng ông có một kế hoạch mà sẽ mang lại lợi thế to lớn và an ninh vững chắc cho thành bang, nhưng không thể bàn luận về nó công khai. Hội đồng quốc dân bèn quyết định rằng kế hoạch này sẽ được thổ lộ với một mình Aristides và ông sẽ quyết định việc đó. Themistocles mới giải bày với Aristides rằng kế hoạch của mình là thiêu rụi căn cứ hải quân của thủy đội đồng minh Hy Lạp: bằng cách này Athens sẽ trở thành thành bang quyền lực nhất ở Hy Lạp và có thể thống trị mọi thành bang còn lại. Aristides ra trước Hội đồng và tuyên bố rằng không gì có thể tiện lợi hơn đề xuất của Themistocles, và cũng không có gì quá đáng hơn thế, và khi nghe điều này người Athens đã lệnh cho Themistocles từ bỏ mưu đồ của mình. Đó là thước đo sự quan tâm tới công lý của dân chúng và sự phục vụ trung thành tận tâm của Aristides với họ.

23. Khi ông được cử làm tướng quân cùng với Cimon tiếp tục cuộc chiến với Ba Tư,⁽³⁴⁰⁾ ông nhận thấy Pausanias và những chỉ huy Sparta khác đã đối xử nghiệt ngã và quá quắt với các đồng minh đến thế nào. Bản thân ông cư xử với họ nhã nhặn và chiếu cố, tạo điều kiện để Cimon trở nên hòa hợp với họ và tham gia vào những chiến dịch của họ. Bằng cách này, trước khi người Sparta kịp nhận ra, ông đã nhẹ nhàng tước bớt quyền lãnh đạo của họ, và ông không làm thế với sự giúp đỡ của binh

lính hay chiến thuyền hay kỵ binh, mà với tài ứng biến và ngoại giao. Người Athens vốn đã được yêu mến, nhờ sự công chính của Aristides và sự ân cần niềm nở thể hiện ở Cimon, bên cạnh thái độ lạm quyền và hống hách của Pausanias lại càng khiến họ được lòng người Hy Lạp hơn nữa. Các chỉ huy đồng minh liên tục bị Pausanias đối xử bằng thái độ ngạo mạn và bản tính, người của họ bị trừng phạt bằng roi vọt hoặc bị phạt đứng vác neo sắt trên vai suốt cả ngày. Không ai được phép lấy rom lót chỗ nằm, hoặc cỏ khô cho ngựa, hoặc múc nước cho đến khi người Sparta đã xong xuôi đâu đấy, còn đám người hầu của họ được trang bị roi da sẽ xua đuổi bất cứ ai tới gần. Aristides từng có ý trách cứ Pausanias về điều này và nhẹ nhàng phê bình ông ta, nhưng ông ta làm ra vẻ nghiêm trang, bảo Aristides rằng mình rất bận và từ chối lắng nghe ông.

Sau chuyện này, các tướng lĩnh và đô đốc của quân viễn chinh Hy Lạp, đặc biệt là người xứ Chios, Samos, và Lesbos, đã đến gặp Aristides và giục ông tiếp nhận quyền chỉ huy tối cao, tập hợp quanh ông những đồng minh vốn từ lâu muốn thoát khỏi Sparta và quay sang ủng hộ Athens. Aristides nói với họ rằng ông coi các kiến nghị của họ là cần thiết và chính đáng, nhưng để thắt chặt niềm tin vào người Athens thì cần có một hành động nào đó khiến cho đại đa số không thể đổi hướng sự trung thành của mình sau đó. Vì vậy, Uliades xứ Samos và Antagoras xứ Chios đã bàn mưu tính kế đâm thủng chiến thuyền của Pausanias ngoài khơi Byzantium, áp sát nó khi nó đi trước thủy đội. Khi Pausanias nhìn thấy điều này, ông ta giận dữ đứng phắt dậy và đe dọa sẽ sớm chứng tỏ với thế giới rằng thứ mà những kẻ này phá hỏng không phải chiến thuyền của mình mà là thành phố của chính họ. Họ bảo ông ta muốn gì cứ việc và hãy biết ơn vận số đã đứng về phía ông ta trong cuộc chiến tại Plataea, vì duy chỉ có lòng sùng kính đã ngăn người Hy Lạp trừng phạt ông ta như ông ta đáng bị thế. Cuối cùng, họ rời đi và tới nhập bọn với người Athens.

Trong tình thế đó, người Sparta đã chứng tỏ tinh thần cao thượng phi thường của mình. Khi họ thấy đầu óc các chỉ huy trở nên u mê lạc lối bởi uy quyền to lớn được giao phó cho mình, họ đã tự nguyện nhường lại vị thế thống lĩnh tối cao và thôi cử các tướng lĩnh đi điều khiển chiến trận, bằng lòng hơn với việc công dân của mình cư xử đúng mực và tuân theo những tục lệ truyền thống, thay vì đê đầu cúi cổ người Hy Lạp.

24. Dù từ đầu, trong khi người Sparta đang nắm quyền chỉ huy, người Hy Lạp đã có đóng góp nhất định cho cuộc chiến, nhưng giờ đây họ muốn mỗi thành phố được đánh giá theo một tỉ lệ công bằng. Vì vậy, họ thỉnh lên người Athens về việc sử dụng Aristides và bổ nhiệm ông để khảo sát những lãnh thổ khác nhau và mức thu nhập tại đó, và sau đó ấn định phần đóng góp của các lãnh thổ này theo giá trị và khả năng chi trả của mỗi thành viên. Nhưng, mặc dù ông đã được trao những quyền hạn rộng rãi, và mặc dù Hy Lạp đã đặt toàn bộ tài sản mà nó có vào tay ông, nhưng khi mới đảm nhận nhiệm vụ này⁽³⁴¹⁾ ông là một người nghèo và thậm chí càng nghèo hơn khi rời chức vụ, ông đã lập bản danh mục đánh giá không chỉ với sự chính trực và công bằng tuyệt đối, mà còn theo cách sao cho tất cả các thành bang cảm thấy họ đã được đối xử thỏa đáng và hợp lý. Giống như người xưa thường ngợi ca thời đại của Cronos và gọi nó là thời hoàng kim, các đồng minh của Athens cũng tán dương thứ thuế này của Aristides tương tự, và gọi đó là một sự kiện may mắn cho Hy Lạp: họ hẳn càng cảm nhận điều ấy rõ hơn, khi chẳng bao lâu sau số thuế thu được đã tăng gấp đôi và rồi gấp ba. Tiền thuế mà Aristides áp đặt có giá trị 460 talent⁽³⁴²⁾ nhưng Pericles chắc đã tăng thêm gần một phần ba nữa, vì Thucydides kể với chúng ta rằng khi chiến tranh Peloponnese nổ ra, người Athens đã thu được 600 talent từ các đồng minh của mình.⁽³⁴³⁾ Sau khi Pericles chết, những kẻ mị dân đã đẩy dần con số này lên tới 1.300 talent. Lý do là vì cuộc chiến kéo dài với các thăng trầm của vận mệnh

khiến nó tổn kém khủng khiếp, nhưng vẫn không tệ bằng việc những kẻ mị dân đã lèo lái công chúng trong việc chấp nhận các phúc lợi, chi tiền vào những trò giải trí công cộng, xây dựng các đền thờ và tượng đài.

Theo đó, Aristides đã có được một thanh danh vĩ đại và gần như huyền thoại từ chuyện tính toán ngân khố này. Tuy nhiên, nghe nói Themistocles đã cười nhạo ông, nói rằng tất cả những thứ đó không phải là lời ngợi ca dành cho một con người, mà là dành cho cái ống tiền tiết kiệm. Nhưng đó chỉ là sự trả miếng vụng về trước câu nói của Aristides, người mà khi Themistocles đưa ra quan điểm cho rằng đức tính vĩ đại nhất ở một vị tướng là khả năng nhận ra và tiên liệu những ý đồ của kẻ thù, đã trả lời: “Tất nhiên không có đức tính đó thì không thể làm nổi điều gì cả, Themistocles à, nhưng điều danh giá và phẩm chất làm nên một vị tướng chân chính là khả năng giữ cho đôi tay mình sạch sẽ.”

25. Chính Aristides là người đã khiến cho tất cả người Hy Lạp thể giữ vững liên minh chống Ba Tư, và bản thân ông đã thay mặt người Athens trình trọng hứa phóng những mũi thép-nóng-đỏ⁽³⁴⁴⁾ vào biển cả. Nhưng sau này, khi hoàn cảnh buộc người Athens phải cai trị cứng rắn hơn, ông đã bảo các đồng hương cứ hành động theo cách nào phù hợp nhất với lợi ích của mình và tự ông nhận trách nhiệm về mình cho mọi sự vi phạm lời thề ở họ. Nói chung, như Theophrastus kể với chúng ta, Aristides tuyệt đối công bằng trong những giao thiệp riêng tư và các mối quan hệ với đồng bào mình, nhưng trong công vụ ông thường thuận theo bất kỳ chính sách quốc gia nào mà ông tán thành, với ý thức rằng điều đó đôi khi không tránh khỏi bất công. Chẳng hạn, Theophrastus nói rằng, khi vấn đề chuyển ngân quỹ của liên minh từ Delos đến Athens - vốn đi ngược lại với các điều khoản của liên minh - được bàn thảo thể theo kiến nghị của người Samos, Aristides đã cho rằng kiến nghị này không công bằng, mặc dù nó có lợi cho Athens. Song con người này, vốn rất cuộc xác

lập uy quyền tối cao của thành bang mình trên rất nhiều thành bang Hy Lạp, vẫn sống trong tình trạng nghèo khổ, và quả thực vẫn tiếp tục đánh giá cao thanh danh của việc nghèo túng của mình cũng nhiều như thanh danh ông có được từ những trận thắng vẻ vang trên chiến trường. Sự kiện này được chứng tỏ rõ ràng từ câu chuyện sau đây.

Callias, Người Chăm Đuốc⁽³⁴⁵⁾ trong Nghi lễ bí truyền Eleusis, vốn có quan hệ họ hàng với ông, đã bị những kẻ thù của ông ta truy tố về một trọng tội. Ban đầu, những kẻ buộc tội Callias còn lập luận một cách chùng mịch, nhưng sau đó họ vượt ra khỏi phạm vi bản cáo trạng và kêu gọi bồi thẩm đoàn như sau: “Các ngài biết Aristides, con trai của Lysimachus, và việc ông ấy là niềm ngưỡng mộ với toàn thể Hy Lạp thế nào rồi đấy. Các ngài nghĩ ông ấy sống ra sao, khi trông thấy ông ấy đi vào phòng Hội đồng với tấm áo choàng xác xơ trên người? Liệu có tin được dáng hình liêu xiêu trước công chúng ấy lại phải chịu cảnh đói rét nơi nhà mình và không thể kham nổi ngay cả những nhu cầu tối thiểu của cuộc sống? Thế mà Callias, kẻ giàu có nhất ở Athens, đã để mặc cho người họ hàng của mình, nói gì đến vợ con ông ấy, phải chịu đựng thiếu thốn, mặc dù ông ta thường xuyên lợi dụng Aristides và hưởng lợi từ sự ảnh hưởng của ông ấy với các ngài.” Callias hiểu rằng những lời kêu gọi này đã gây ấn tượng sâu sắc với bồi thẩm đoàn và khiến họ càng ác cảm với ông ta hơn. Vậy là, Callias liền triệu Aristides ra trước tòa và yêu cầu Aristides chứng thực rằng mặc dù ông ta thường xuyên đề nghị giúp đỡ Aristides và thúc giục Aristides tiếp nhận, nhưng Aristides đã luôn từ chối và đáp rằng ông có lý do chính đáng để tự hào về cái nghèo của mình hơn là Callias với sự giàu có của ông ta. Có thể nhìn thấy nhiều người giàu đã sử dụng đồng tiền một cách tốt hay xấu, nhưng không dễ tìm ra một người có thể chịu đựng nghèo khổ trong danh dự. Thật ra, hạng người duy nhất nên lấy làm xấu hổ về cái nghèo là những người

nghèo bất mãn với cái nghèo. Khi Aristides đã chứng thực lời nói của Callias, không một cử tọa nào có mặt tại phiên tòa không cảm thấy họ thà được nghèo như Aristides còn hơn là được giàu như Callias. Dù sao đi nữa, đây là câu chuyện mà môn đồ của Socrates là Aeschines đã ghi lại. Plato cũng đưa ra quan điểm rằng, trong tất cả những danh nhân nổi tiếng ở Athens, Aristides là người duy nhất xứng đáng với lời ngợi ca của chúng ta. Theo Plato, Themistocles và Cimon và Pericles đã lấp đầy thành phố với những hàng cột và kho báu và mọi thứ vô nghĩa, còn Aristides đã cố dẫn dắt thành phố đến với con đường đức hạnh.⁽³⁴⁶⁾

Không có gì chứng tỏ sự vô tư của ông mạnh hơn là cách ông đối xử với Themistocles. Themistocles vốn là kẻ đối địch trong hầu như mọi giai đoạn sự nghiệp chính trị của ông, và án lưu đày của ông là kết quả trực tiếp từ những nỗ lực của ông ta. Vậy mà khi Themistocles bị kết án công khai và đối thủ đã có cơ hội trả miếng, Aristides lại tha thứ cho ông ta. Trên thực tế, khi Alcmaeon và Cimon và nhiều người khác cùng vào hùa kết tội và truy tố ông ta, thì Aristides là người duy nhất không nói hoặc làm bất cứ điều gì hèn hạ, và cũng như trước kia, chưa bao giờ đổ kỵ với sự thành công của ông ta, lần này ông từ chối lợi dụng cú ngã ngựa của kẻ thù.

26. Một số tác giả viết rằng Aristides qua đời⁽³⁴⁷⁾ ở Pontus, nơi ông từng cập thuyền đến trong một chuyến công cán xa, còn các tác giả khác cho rằng ông chết vì tuổi già ở Athens, được những đồng hương của mình tôn vinh và ngưỡng mộ rất mực. Nhưng Craterus xứ Macedonia kể với chúng ta điều tương tự về những ngày cuối cùng của ông. Ông này kể, sau khi Themistocles đi đày, dân chúng trở nên bất kham và xuất hiện một đám chỉ điểm liên tục phá rối những công dân tài năng có ảnh hưởng nhất và gieo rắc nỗi đổ kỵ của quần chúng đối với họ, vì bấy giờ người ta đã trở nên khó chịu bởi quyền thế và sự giàu có của họ. Ngay cả Aristides cũng

trở thành một nạn nhân, và ông bị một Diophantus nào đó thuộc tiểu khu Amphitrope kiện về tội hối lộ và bị kết án nhận tiền của người Ionia trong khi ông đang tính toán định mức thuế cho họ. Khi không thể nộp số tiền phạt 50 minae, ông lên thuyền đi khỏi Athens và chết đâu đó ở Ionia. Mặt khác, Craterus không đưa ra tài liệu nào làm bằng chứng cho việc này, từ bản án của phiên tòa đến sắc lệnh của dân chúng, mặc dù ông này thường có thói quen ghi chép những vấn đề như vậy rất cẩn trọng và trích dẫn từ nguồn có thẩm quyền. Ở đây, tôi có thể lưu ý rằng, tất cả các tác giả khác từng mô tả bất công mà dân chúng gây ra cho những người lỗi lạc nhất Athens đều day dứt mãi bởi sự lưu đày của Themistocles, án tù của Miltiades, sự phạt vạ Pericles, và cái chết của Paches trong phòng xử án - ông này đã tự vẫn ngay trên bục phát biểu khi phán quyết chống lại mình được tuyên. Họ tập hợp những trường hợp như vậy lại với nhau trong đó có cả án lưu đày của Aristides, nhưng không đủ động gi đến phán quyết về tội ăn hối lộ.

27. Vả chăng, ngôi mộ của ông vẫn còn được nhìn thấy tại Phalerum và theo truyền thống nó được xây bằng ngân sách công, vì Aristides ra đi để lại một số tiền còn chẳng đủ để chi trả cho đám tang của mình. Người ta cũng nói rằng thành bang đã chi phí cho đám cưới của các cô con gái của ông ở Prytaneum và biểu quyết trợ cấp cho mỗi cô 3.000 drachma làm của hồi môn. Con trai ông, Lysimachus, được chiếu cố trong một dự luật do Alcibiades đề xuất, theo đó trao tặng anh ta 100 đồng minae bạc, vườn nho 100 mẫu, và một khoản trợ cấp 4 drachma mỗi ngày. Ngoài ra, Callisthenes⁽³⁴⁸⁾ kể với chúng ta rằng Lysimachus để lại một cô con gái, Polycrite, và mọi người bỏ phiếu tán thành chu cấp thực phẩm hằng ngày cho cô, theo như cách họ đã làm với các quán quân đại hội thể thao Olympic.

Demetrius xứ Phalerum, Hieronymus xứ Rhodes, nhạc sĩ Aristoxenus và Aristotle, ngoài giả định rằng chuyên luận *On Nobility of Birth* (Về xuất thân quý tộc) đúng là tác phẩm của Aristides, còn cho chúng ta biết rằng Myrto, cháu gái của Aristides, sống ở nhà triết gia Socrates. Thật ra, Socrates đã cưới một phụ nữ khác, nhưng Socrates đưa Myrto về nhà mình vì nàng gần như không nơi nương tựa và sự nghèo khổ đã khiến nàng phải tiếp tục sống đời góa bụa. Tuy nhiên, Panaetius đã bác bỏ chuyện này một cách khá thuyết phục trong cuốn sách viết về Socrates của mình.

Demetrius xứ Phalerum trong cuốn sách của mình về Socrates đã viết rằng ông ta nhớ một hậu duệ của Aristides tên là Lysimachus, vô cùng nghèo khổ và thường ngồi gần đền thờ Iaccheium, kiếm sống nhờ một bài vị mà ông này khẳng định có thể diễn giải những giấc mơ. Demetrius đã thuyết phục dân chúng thông qua một sắc lệnh trợ cấp cho mẹ và em gái Lysimachus 3 obol một ngày, mặc dù ông ta nói rằng về sau, khi trở thành Nhà lập pháp duy nhất, ông ta đã cấp cho mỗi phụ nữ này 1 drachma mỗi ngày thay vì 3 obol.

Chúng ta không cần ngạc nhiên khi nghe dân chúng quan tâm tới mấy gia đình sống ở Athens đến thế. Chẳng hạn, chúng ta đọc thấy rằng khi họ biết cháu gái của Aristogeiton đang sống trong cảnh cơ hàn ở Lemnos và nghèo đến nỗi không ai muốn lấy nàng, người ta đã đưa nàng trở về Athens, thu xếp một đám cưới với người đàn ông gia thế tốt và tặng cho nàng một điền sản ở Potamus làm của hồi môn. Thành Athens có nhiều tấm gương về lòng nhân đạo và trái tim hào hiệp như vậy ngay cả trong thời tôi, và vì điều này nó được ngợi ca và thần phục một cách chính đáng.

CIMON

[Khoảng 507 - 449 TCN]

NHÀ TIÊN TRI Peripoltas, sau khi đưa Vua Opheltas và các thần dân từ Thessaly vào Boeotia, đã gây dựng một dòng dõi nổi danh trong nhiều thế hệ. Đa số họ định cư ở Chaeronea, thành phố đầu tiên mà họ chinh phục được khi quét sạch người rợ. Bấy giờ, hầu hết hậu duệ của Peripoltas đều là những người hết sức quả cảm, những chiến binh bẩm sinh đã tận lực chiến đấu, mà sau các cuộc xâm lược của Ba Tư và mấy chiến dịch chống lại người Gaul thì gia tộc này gần như đã tuyệt diệt. Tuy nhiên, trong số người sống sót có đứa trẻ mồ côi mang họ Peripoltas tên là Damon, nổi bật giữa những thanh niên cùng độ tuổi với tinh thần kiêu hãnh và vẻ đẹp thể chất phi thường, mặc dù ngoài điểm này thì đó là kẻ thất học và tính tình lỗ mãng.

Viên chỉ huy một tiểu đoàn La Mã từng bị đánh tan tác vào mùa đông ở Chaeronea đã phải lòng chàng Damon này, dù chàng ta mới chỉ vừa bước qua thời niên thiếu. Viên sĩ quan này nhận thấy mình không thể lôi kéo chàng thanh niên bằng sự nài nỉ dai dẳng hay bằng những món quà, nhưng chẳng mấy chốc đã trở nên rõ ràng là ông ta sẽ không dừng lại ở việc dùng vũ lực, vì biết rằng vào lúc này vận mệnh thành phố chúng ta đang sa sút và bị bỏ bê vì nỗi khốn khổ và điêu tàn của nó. Đây chính là điều Damon hằng lo sợ, và vì tức giận trước sự chú ý mà người La Mã nọ

dành cho mình, bèn lập mưu cùng một vài người bạn rắp tâm hạ sát ông ta, nhưng chỉ với một số ít người để giữ bí mật. Họ có cả thảy 16 người. Một đêm nọ, họ bôi nhọ nổi lên mặt, uống rượu mạnh để lấy dũng khí, và vào lúc tảng sáng đã tấn công viên sĩ quan La Mã khi ông ta đang tế lễ ở nơi họp chợ. Họ giết chết ông ta cùng một số tùy tùng và trốn khỏi thành phố. Trong sự âm ỉ sau đó, Viện Nguyên lão của Chaeronea nhóm họp và tuyên án tử với những kẻ sát nhân, và điều này về sau đã trở thành biện pháp bảo vệ dành cho người La Mã vì lợi ích của thành phố. Nhưng đêm đó, trong khi các thẩm phán dùng bữa tối với nhau theo phong tục, Damon và toán người của chàng đã đột nhập tòa thị chính, tàn sát họ và một lần nữa trốn thoát.

Tình cờ vào khoảng thời gian đó⁽³⁴⁹⁾ Lucius Lucullus đang chỉ huy một đạo quân đi ngang qua Chaeronea trong một cuộc viễn chinh. Ông tạm ngưng cuộc hành quân và tổ chức một cuộc điều tra giữa lúc những sự kiện ấy hãy còn nóng hổi trong tâm trí. Những phát hiện của Lucius Lucullus cho thấy rằng thành phố không đáng bị trách móc về chuyện đã xảy ra, mà thay vào đó nó chính là bên bị hại, nên ông bèn cho rút đơn vị La Mã đồn trú và đưa họ đi với mình. Về phần Damon, bấy giờ đang tổ chức các cuộc đột kích cướp bóc, cướp phá vùng quê và đe dọa cả chính thành phố, người Chaeronea bèn dụ dỗ anh ta quay lại bằng cách cử đến một phái đoàn và thông qua nhiều sắc lệnh để hòa giải với anh ta, và sau khi anh ta trở lại họ bổ nhiệm anh ta làm huấn luyện viên thể thao: rồi ít lâu sau, một ngày nọ khi anh ta đang xúc dầu thơm trong nhà tắm công cộng, họ đã giết anh ta. Tổ tiên chúng ta kể rằng suốt một thời gian lâu sau vẫn thấy những hồn ma hiện hình ở đấy và nghe thấy tiếng rên rỉ, nên những cánh cửa nhà tắm đã bị xây bịt lại. Thậm chí đến nay những người sống gần đó vẫn tin tòa nhà này bị ám bởi các hình ảnh và tiếng động ghê rợn. Có những thành viên khác của gia tộc Damon vẫn còn

sống, chủ yếu trong vùng lân cận Stiris Ở Phocis, và nói thứ phương ngữ Aeolia. Họ được mệnh danh là *asbolomeni* hay mặt-nhọ, vì Damon đã bôi nhọ đầy mặt trước khi đi ra ngoài giết người.

2. Bấy giờ dân Orchomenus, láng giềng của người Chaeronea và đang có bất hòa với họ, đã mượn một tên chỉ điểm người La Mã đứng ra buộc tội thành phố này, như thể với tư cách cá nhân, vì vụ hạ sát các binh lính do Damon tiến hành. Phiên tòa diễn ra trước sự hiện diện của pháp quan Macedonia, vì người La Mã lúc bấy giờ không bỏ nhiệm các pháp quan theo quy cách Hy Lạp, và các luật sư bào chữa cho Chaeronea đã dẫn lại những phát hiện của Lucullus. Khi vị pháp quan viết thư cho Lucullus, ông ta đã xác nhận chuyện này, và nhờ vậy thành phố đã thoát khỏi mối nguy rất ghê gớm là bị phán quyết mắc trọng tội. Dân chúng biết ơn Lucullus cứu mình lần đó nên đã dựng một bức tượng chân dung ông bằng cẩm thạch ở nơi họp chợ, kế bên tượng Dionysus. Và tôi, mặc dù cách xa Lucullus nhiều thế hệ, cũng tin vào những ân huệ mà ông dành cho dân tộc chúng ta ngay cả cho đến ngày nay; và vì tôi tin rằng một bức chân dung lột tả tính cách và các phẩm chất bên trong của một con người thì đẹp hơn hẳn thứ chân dung chỉ đơn thuần mô phỏng vẻ ngoài của khuôn mặt và dáng dấp, nên tôi sẽ mô tả những thành tựu của Lucullus trong cuốn *Parallel Lives* của mình và thuật lại chúng chính xác. Thực vậy, nội việc nói đến chúng đã đủ là lời cảm ơn dành cho Lucullus, vì chính ông hẳn sẽ từ chối bức tranh tô vẽ giả tạo hoặc sặc sỡ về sự nghiệp của mình mà thiếu đi các nét chân thực về những gì ông đã làm cho chúng ta.

Khi một họa sĩ phải vẽ một gương mặt với những đường nét sinh động và đẹp đẽ, chúng ta đòi hỏi rằng ông ta sẽ không cường điệu hoặc bỏ sót bất kỳ khiếm khuyết nhỏ nào mà ông ta có thể nhận thấy, vì trường hợp đầu tiên sẽ khiến bức chân dung trở nên xấu xí, và trường hợp thứ hai

hủy hoại tính xác thực của nó. Tương tự, do thật khó khăn hay đúng ra là không thể mô tả cuộc đời một con người như thế không tì vết và không có gì đáng trách, nên chúng ta cần dùng những chương tốt nhất trong đó để dựng nên bức tranh đầy đủ nhất và coi đây là chân dung xác thực. Mặt khác, mọi sai lầm hay tội lỗi, vốn có thể làm hoen ố sự nghiệp một con người và có lẽ đã phạm phải vì đam mê hay hoàn cảnh chính trị bất buộc, chúng ta nên coi đó như là những khiếm khuyết về đức hạnh thay vì là sản phẩm của một bản chất đồi bại. Chúng ta không nên nhấn mạnh quá vào chúng trong bức tranh lịch sử của mình, mà thay vào đó hãy dung thứ cho bản chất nhân vô thập toàn vốn không thể hoàn mỹ và giữ vững đức hạnh một cách kiên trung.

3. Vì vậy, khi cân nhắc mình nên so sánh ai với Lucullus, tôi kết luận rằng đó phải là Cimon. Cả hai đều là những con người của chinh chiến, và cả hai đã giành được các thành công vẻ vang trước quân rợ. Song, họ còn là những chính khách ôn hòa đã thành công hơn ai hết trong việc mang lại cho quốc gia mình một quăng lạng ngơi nghỉ để hồi sức qua mấy cuộc đấu đá phe phái kịch liệt, mặc dù mỗi người đã dựng nên cho mình những đài chiến tích và giành được các thắng lợi huy hoàng. Bỏ qua một bên những huyền thoại về Heracles, hay Dionysus, hay Jason, hay những kỳ công của Perseus trước người Ethiopia, người Medes, và người Armenia mà mọi ghi chép khả tín còn truyền lại được, chúng ta có thể nói rằng không người Hy Lạp nào trước Cimon và không người La Mã nào trước Lucullus từng đưa chiến tranh tới những miền xa xôi như thế. Mặt khác, trong các chiến dịch của cả hai đều thiếu vắng yếu tố dứt khoát. Mỗi người đều đã đê bẹp đối thủ mà không kết liễu hẳn. Đặc biệt, chúng ta tìm thấy ở cả hai niềm ưa thích những vui thú và lòng rộng lượng dạt dào với người khác, cùng sự phóng túng trẻ trung trong cách

sống. Tôi không cần kể ra mọi điểm tương đồng giữa họ, vì độc giả sẽ dễ dàng tìm ra những điều khác trong câu chuyện kể của tôi.

4. Cimon là con trai của Miltiades và mẹ ông là Hegesipyle, một phụ nữ dòng dõi Thrace, con gái Vua Olorus,⁽³⁵⁰⁾ như chúng ta được biết từ những bài thơ của Archelaus⁽³⁵¹⁾ và Melanthius⁽³⁵²⁾ viết về chính Cimon. Điều này giải thích cho việc sử gia Thucydides cũng có mối liên hệ với gia tộc Cimon vì cái tên Olorus, tổ tiên chung của họ, đã truyền đến đời cha của ông, và việc ông còn là chủ sở hữu những mỏ vàng ở Thrace.⁽³⁵³⁾ Cũng nghe đâu, Thucydides đã bị giết tại Skapte Hyle, một nơi ở Thrace, nhưng thi hài ông ta đã được đưa đến Athens và bia kỷ niệm ông ta được nhìn thấy giữa những tấm bia của gia tộc Cimon gần ngôi mộ của chị gái Cimon là Elpinice. Tuy nhiên, Thucydides thuộc tiểu khu Halimus, trong khi gia tộc Miltiades thuộc tiểu khu Lacia.

Miltiades từng bị người Athens phạt vạ 50 talent. Ông ta bị tống vào tù cho đến khi có thể kiếm ra tiền để nộp, và đã chết trong đó.⁽³⁵⁴⁾ Cimon, mới chỉ vừa bước qua thời niên thiếu, bị bỏ lại với chị gái cũng còn trẻ và chưa kết hôn. Trong một thời gian, sự nghiệp của ông hoàn toàn không có gì nổi bật, trừ việc ông đã chuốc lấy tiếng nhơ vì lối sống bừa bãi, nghiện rượu nặng, và nói chung không khác gì ông nội của mình, Cimon được cho là ngu ngốc đến nỗi có biệt danh Coalemus, hay Kẻ khờ. Stesimbrotus xứ Thasos,⁽³⁵⁵⁾ gần như cùng thời với Cimon, nói rằng ông chưa bao giờ được học hành về văn chương⁽³⁵⁶⁾ hay bất kỳ thành tựu khai phóng nào mà một người Hy Lạp thường thủ đắc, và rằng ông không có một tí thông minh và khiếu hùng biện nào của người Athens thực thụ; mặt khác, theo lời người này, ông gây ấn tượng về phong thái cao nhã và ngay thẳng, và rằng tinh thần của con người này dường như mang đậm sắc thái Peloponnese hơn là Athens,

Bản tâm tự nhiên ngay thẳng

Và vững vàng nhất giữa thời khắc khủng hoảng.

như Euripides đã viết về Heracles, và chúng ta có thể bổ sung nhận định này vào tính cách mà Stesimbrotus đã mô tả về Cimon.

Hồi còn là một thanh niên, ông từng bị cáo buộc phạm tội loạn luân với chị mình. Quả thực, nghe nói Elpinice⁽³⁵⁷⁾ đã có những lần buông thả khác, và từng là nhân tình của họa sĩ Polygnotus.⁽³⁵⁸⁾ Đây là nguồn gốc của câu chuyện rằng khi ông đang vẽ những phụ nữ thành Troy tại nơi bấy giờ được gọi là Peisianactum, nhưng về sau là Stoa Poikile hay Painted Colonnade (Hàng cột vẽ), ông đã đưa gương mặt Elpinice vào chân dung Laodice. Polygnotus tuyệt nhiên không phải là một thợ thủ công đơn thuần và không hề ký hợp đồng trang trí Colonnade, nhưng tự nguyện làm không công đơn giản vì khao khát tôn vinh thành phố của mình. Chúng ta biết điều này từ các sử gia và từ nhà thơ Melanthius, người đã viết:

Ông đã bỏ tiền túi trang hoàng chợ Cecropia

Và những đền thờ thần linh: chủ đề kể về kỳ công của các anh hùng.

Nhiều người khác nói rằng không có gì bí mật trong mối quan hệ giữa Elpinice với Cimon, nàng sống công khai như vợ chồng với ông, vì nàng quá nghèo không tìm nổi một người chồng xứng với xuất thân danh giá của mình, và rằng khi Callias, một trong những người giàu nhất Athens, phải lòng nàng và đề nghị trả thay món tiền phạt đã áp lên cha nàng là Miltiades, nàng đã chấp thuận đề nghị của ông ta, và Cimon nhường nàng cho Callias.

Dù gì đi nữa, rõ ràng là Cimon đặc biệt có thiên hướng nảy sinh lòng luyến ái si mê với phụ nữ. Nhà thơ Melanthius, trong vài vần thơ vừa khôi hài vừa bi thiết về Cimon, có nhắc đến Asteria, vốn thuộc về một gia đình ở Salamis, và nhắc cả đến Mnestra là những người bị ông tán tỉnh. Chúng ta cũng biết rằng ông say mê đăm đuổi và gần như điên cuồng người vợ hợp pháp của ông, Isodice đồng thời cũng là con gái của Eurypolemus và cháu gái của Megacles, và đã đau buồn khôn nguôi khi nàng chết, nếu chúng ta căn cứ vào khúc bi thương được viết ra để an ủi nỗi sầu muộn nơi ông. Panaetius cho rằng tác giả của nó là Archelaus, người chuyên viết về khoa học tự nhiên, và thời điểm ra đời ít nhất cho thấy đây là một ước đoán hợp lý.

5. Tất cả những mặt khác trong nhân cách của Cimon đều cao nhã và xứng đáng với sự thán phục của chúng ta. Ông quả cảm như Miltiades, thông minh như Themistocles, và nói chung được nhìn nhận là người chính trực hơn cả. Trong tất cả những phẩm chất mà chiến chinh đòi hỏi, ông hoàn toàn sánh được với họ, và trong nghệ thuật chính trị ông tỏ ra vượt trội họ nhiều lần, ngay cả khi ông còn khá trẻ và non kinh nghiệm về những vấn đề quân sự. Khi người Medes xâm lược Hy Lạp, và Themistocles thúc giục mọi người bàn giao thành phố, từ bỏ xứ sở, huy động lực lượng của họ cho thủy đội ngoài khơi Salamis và quyết sống mái với kẻ thù trên biển, đa số chùn bước trước kế hoạch táo bạo của ông. Nhưng Cimon là người đầu tiên nêu gương trước công chúng, và vui vẻ dẫn đầu một đoàn quân đi qua Cerameicus lên tới Acropolis. Ông cầm trên tay dây cương ngựa để dâng lên nữ thần, là dấu hiệu rằng điều thành phố cần vào lúc ấy không phải là lòng quả cảm thượng võ, mà là nhân lực để chiến đấu trên biển. Sau khi dâng sợi dây cương, ông lấy một trong những tấm khiên đang treo quanh ngôi đền, thốt lời cầu nguyện

với nữ thần, đoạn đi xuống biển; và nhờ hành động này mà nhiều đồng hương của ông bắt đầu lấy lại khí thế trở lại.

Vóc dáng của ông cũng rất đường bệ, như nhà thơ Ion kể với chúng ta, vì ông cao lớn với mái tóc rậm và xoăn. Và khi ông chứng tỏ mình là một chiến binh xuất sắc và can đảm trong trận đánh Salamis, ông đã nhanh chóng giành được chẳng những lời ngợi ca mà cả trái tim của người đồng xứ. Nhiều người lũ lượt đến với ông, giục ông lên kế hoạch và thi hành ngay lập tức một sự nghiệp nào đó xứng đáng với những kỳ công của cha ông tại Marathon. Vì vậy khi lần đầu tiên ông bước lên vũ đài chính trị, người Athens hồ hởi chào đón ông; họ đã chán ngấy Themistocles và bắt đầu đề bạt Cimon lên những vị trí và vinh dự cao nhất trong thành bang, vì tính hòa nhã và giản dị của ông khiến mọi người hết mực quý mến. Nhưng chính Aristides, con trai của Lysimachus, mới là người góp sức nhiều hơn ai hết vào sự thăng tiến của ông. Aristides đã nhận ra thiên tư vượt trội trong tính cách Cimon, bèn đưa Cimon thành đối trọng với sự thông minh và táo bạo của Themistocles.

6. Sau khi người Medes bị đuổi khỏi Hy Lạp, Cimon được cử làm một trong những chỉ huy của lực lượng viễn chinh Hy Lạp,⁽³⁵⁹⁾ vào thời điểm mà người Athens vẫn chưa giành được ưu thế trên biển và vẫn phải khuất phục mệnh lệnh của Pausanias và người Sparta. Trong những chiến dịch này, các binh sĩ mà Cimon sai phái chẳng những tỏ ra mầu mực về tinh thần kỷ luật mà còn vượt xa những người khác về lòng gan dạ mà họ thể hiện. Cũng vào lúc bấy giờ, Pausanias đang tiến hành những thỏa hiệp phản nghịch với quân rợ và viết thư cho Vua Ba Tư, nhưng lại đối xử với các đồng minh một cách nghiệt ngã và ngạo mạn, tùy tiện lăng mạ mọi người với những đòi hỏi nhiều sự và tự phụ lỗ bịch của ông ta. Trong khi đó, Cimon nói năng tử tế với tất cả những người bất bình với mình, đối đãi với họ bằng lòng cảm thông đến mức hầu như

trước khi mọi người kịp biết chuyện gì đang xảy ra, ông đã có được quyền chỉ huy người Hy Lạp, và ông có được nó không phải bằng vũ lực mà đơn giản bằng phẩm hạnh và kỹ năng đối nhân xử thế của mình. Hầu hết các đồng minh, thấy không thể chịu nổi sự khắt khe và khinh miệt của Pausanias, đã tự nguyện nghe theo lệnh của Aristides và Cimon, những người mà ngay sau khi có được sự ủng hộ này đã gửi thư cho các pháp quan yêu cầu triệu hồi Pausanias, vì ông ta đang mang nỗi ô nhục đến cho người Sparta và gây chia rẽ người Hy Lạp.

Có câu chuyện kể rằng Pausanias cho vời một cô gái dòng dõi quý tộc Byzantine tên là Cleonice đến để dụ dỗ nàng, và cha mẹ nàng, tin là mình không còn đường lựa chọn và khiếp sợ không dám từ chối, đành phó mặc con gái cho ông ta. Cleonice đã nài nỉ những người hầu ngoài cửa mang hết nến đi, và im lặng dò dẫm trong bóng tối tiến về phía giường Pausanias đang ngủ, nhưng rồi nàng bất ngờ vấp phải giá nến và hất đổ nó. Pausanias bị tiếng động đánh thức, và tưởng rằng kẻ thù nào đó sắp ám toán mình, bèn chộp lấy con dao găm bên cạnh và đâm gục nàng với vết thương chí mạng. Sau khi chết, linh hồn nàng không để cho Pausanias yên ổn, đêm đêm hiện về trong giấc ngủ của ông ta, tàn nhẫn lặp đi lặp lại những lời

Hãy xuống địa ngục hỏi kẻ kiêu căng và đầy thú tính.

Vụ án bất thường này chọc tức các đồng minh ngoài mức chịu đựng, và dưới sự lãnh đạo của Cimon, họ đã đuổi Pausanias ra khỏi thành phố. Chuyện kể rằng ông ta trốn khỏi Byzantium, nhưng thấy mình vẫn bị hồn ma ám ảnh khôn nguôi, bèn cạy nhờ nhà tiên tri của cõi chết tại Heracleia. Tại đó ông ta gọi hồn Cleonice và cầu khẩn nàng tha thứ cho mình. Nàng hiện lên nói rằng ông ta sẽ sớm được giải thoát khỏi những

rắc rối một khi ông ta đến Sparta, những lời này có vẻ đang ám chỉ đây thần bí về cái chết của ông ta đang đến gần. Dù sao đi nữa, đây là câu chuyện mà nhiều tác giả đã kể.

7. Giờ đây khi các đồng minh đã đứng về phía mình, Cimon bèn tiếp nhận quyền chỉ huy và dong buồm đến Thrace,⁽³⁶⁰⁾ vì ông nghe nói rằng người Ba Tư, dưới sự lãnh đạo của một số quý tộc trong đó có các hoàng thân quốc thích, đã chiếm giữ thành phố Eion bên bờ sông Strymon và đang quấy nhiễu người Hy Lạp trong vùng lân cận. Ông bắt đầu đánh bại người Ba Tư trong một cuộc dàn trận và dồn họ vào thành phố. Tiếp đến, ông đuổi các bộ lạc Thracia sống phía trên sông Strymon ra khỏi lãnh thổ của họ, vì họ đã không ngừng cung cấp đồ tiếp tế cho quân Ba Tư. Cuối cùng, bằng việc tuần tiễu khắp vùng này, ông đã dồn đạo quân đồn trú bị vây hãm vào tình cảnh tuyệt vọng đến nỗi tướng Ba Tư Butes cho rằng tình cảnh của ông ta là vô vọng, bèn thiêu rụi thành phố, và bị vùi thây trong biển lửa cùng cả gia quyến và tài sản.

Vì lý do này mà khi Cimon chiếm được thành phố, ông không tìm được thứ gì đáng giá, vì hầu như mọi thứ đã bị thiêu thành tro bụi cùng với quân rợ. Mặt khác, vùng thôn dã xung quanh rất xinh đẹp và cực kỳ trù phú, và ông liền trao mảnh đất này cho người Athens để lập thuộc địa. Vì vậy, dân chúng đã ủy quyền cho ông để hiến tặng ba bức tượng đá tạc thần Hermes cho Athens, trên bức thứ nhất khắc:

Họ, những trái tim kiên cường, bên dòng Strymon chảy xiết

Dưới những bức tường thành Eion, giao chiến với con cháu của người Medes:

Họ mang đói kém và ngọn lửa cuồng nộ đến với những kẻ hãm thành,

Và theo bước Ares, đẩy kẻ thù vào tuyệt lộ,

bức thứ hai:

Đây là một món quà mà Athens dành cho những nhà lãnh đạo,
Tôn kính trước chiến thắng cam go, có được bằng những hành động
dũng cảm.

Những người đến đây sau này có thể đọc và tìm thấy lòng can đảm
từ đài kỷ niệm này,

Và vì sự nghiệp của quê hương mình hành quân ra chiến địa với
lòng quả cảm,

và bức thứ ba:

Từ thành phố này. Menestheus đã hành quân cùng với Atridae,

Dẫn quân đội giao chiến trên bình nguyên Troy thần thánh. Trong
số người Hy Lạp mặc giáp phục đồng không ai rõ hơn mình, Homer
kể với chúng ta,

Cách bài binh bố trận và dàn hàng chiến đấu.

Danh hiệu kiêu hãnh từ đó mãi gắn liền với những người con
Athens,

Các bậc thầy của nghệ thuật chiến chinh và là thủ lĩnh của những
kẻ gan dạ.

8. Mặc dù tên của Cimon không xuất hiện trong những dòng đề tặng này, nhưng người cùng thời với ông coi đài tưởng niệm ấy như một biểu hiện tốt cùng của lòng tôn kính ông. Cả Themistocles lẫn Miltiades đều không thể khoe khoang về bất kỳ vinh dự nào sánh bằng; quả thực, khi Miltiades yêu cầu không gì khác ngoài một vòng ô liu, Sophanes xứ Decelea đã đứng lên phản đối giữa Hội đồng. Lời lẽ của ông ta khiếm

nhã, nhưng được mọi người tán thưởng vào lúc đó. “Chùng nào ông chiến đấu và đánh bại quân rợ bằng chính sức mình, Miltiades,” ông ta nói, “bấy giờ ông mới có thể yêu cầu được tôn vinh.”

Thế thì, điều gì trong những thành tựu của Cimon khiến mọi người hoan hỉ mãnh liệt đến vậy? Câu trả lời có lẽ là, dưới thời các vị tướng khác họ chỉ tự vệ trước cuộc tấn công và chiến đấu vì sự sống còn, trong khi dưới thời Cimon họ đã có cơ hội đưa chiến tranh vào đất kẻ thù và tàn phá nó, và hơn nữa họ đã giành được những lãnh thổ mới để lập thuộc địa, không chỉ Eion, mà cả Amphipolis nữa.

Họ cũng đã thuộc địa hóa Scyros mà Cimon chiếm được vì lý do sau. Người Dolopia cư dân của đảo này hoàn toàn không có kỹ năng canh tác đất đai. Họ có truyền thống làm hải tặc ngoài biển khơi và rớt cuộc đã không thể cưỡng lại việc cướp bóc ngay cả những con thuyền thường cập cảng họ và giao thương với họ. Sau cùng, họ đã đánh cướp và giam cầm một số thương nhân Thessaly bỏ neo tại Ctesium. Những người này trốn thoát và đạt được một phán quyết chống lại Scyros tại Hội đồng Amphictyony, rồi thì dân Scyros từ chối nộp tiền đền bù bằng công quỹ và cho rằng nó nên được chi trả bởi những kẻ thật sự đã đánh cắp hàng hóa và vẫn đang sở hữu chúng. Những tên cướp hoảng sợ bèn gửi thư đến Cimon kêu gọi ông đưa thủy đội đến chiếm lấy thành phố này, và họ đã tự nguyện giao nộp cho ông. Thế là Cimon trở thành chủ nhân của hòn đảo, trục xuất người Dolopia và giải phóng Aegea khỏi nạn hải tặc.

Ông cũng hay biết rằng vị anh hùng cổ đại Theseus, con trai của Aegeus, từng về ẩn ở Scyros sau khi bị trục xuất khỏi Athens, nhưng đã bị ám sát bằng mưu hèn kế bẩn bởi Vua Lycomedes, kẻ vốn e sợ ông ta. Người Athens từng nhận được một lời tiên tri yêu cầu họ đưa hài cốt Theseus về Athens và tổ chức an táng trọng thể xứng đáng với một vị anh hùng; nhưng họ không biết nơi ông ta bị vùi thây, vì người Scyros hoặc

không muốn thừa nhận chuyện này có thật hoặc không cho phép tiến hành bất cứ cuộc tìm kiếm nào. Song, Cimon đã lao vào nhiệm vụ với nhiệt tình lớn lao và sau một vài trắc trở đã tìm ra địa điểm thiêng liêng ấy. Ông đưa hài cốt lên chiến thuyền với cờ xí và lễ tiết long trọng rước người anh hùng về quê hương, gần 400 năm sau khi ông ta ra đi. Việc này khiến Cimon được lòng dân chúng hơn bất kỳ thành tựu nào khác của ông.

Họ còn nhớ đến ông bởi một phán quyết ông đưa ra trong cuộc tranh tài giữa các nhà thơ bi kịch mà đã trở nên nổi tiếng sau đó. Khi Sophocles⁽³⁶¹⁾ bấy giờ hãy còn là chàng trai trẻ, giới thiệu bộ ba tác phẩm của mình, quan chấp chính Apsephion để ý thấy tinh thần ganh đua và bè phái đang dâng cao giữa các cử tọa nên đã quyết định không chỉ định người phân xử cuộc thi bằng lá thăm như thường lệ. Thay vì thế, khi Cimon và các tướng lĩnh đồng sự của ông bước vào rạp hát và rẩy rượu cúng thần Dionysus theo lệ, Apsephion đã giữ họ lại, xin họ tuyên thệ và ngồi làm giám khảo, mỗi bộ lạc một người và có tất cả 10 người. Kết quả là, ban giám khảo quá lỗi lạc ấy đã nâng cả cuộc đua tài lên tầm cao khát vọng hơn hẳn. Sophocles thắng giải, và nghe nói Aeschylus đau khổ và phẫn nộ đến nỗi ông ta chỉ lưu lại ít lâu ở Athens, trước khi lui về Sicily ở ẩn trong bực tức. Ông ta qua đời ở đó và được chôn gần thành phố Gela.

9. Ion kể rằng khi mình còn niên thiếu và đi từ Chios đến Athens, ông ta đã gặp Cimon trong một bữa tối tại nhà Laomedon.⁽³⁶²⁾ Sau bữa ăn, khi nghi lễ rẩy rượu đã xong, Cimon được mời lên hát và đã hát rất hay, khiến những người có mặt đều khen ngợi ông tài năng hơn Themistocles. Chuyện kể tiếp, ông tuyên bố rằng mình chưa bao giờ học hát hay chơi đàn lia, nhưng biết làm thế nào để một thành phố trở nên giàu có và vĩ đại. Sau đó, Ion kể với chúng ta, như lẽ tự nhiên ở những cuộc trà dư tửu hậu, cuộc chuyện trò rẽ sang các thành tựu của Cimon và quan khách

tiếp tục gọi lại những thành tích vĩ đại nhất trong số đó. Bản thân Cimon đã kể về một mưu mẹo đặc biệt mà ông cho là điều thông minh nhất mình từng làm. Quân Athens và các đồng minh đã bắt được rất nhiều tù binh rợ tại Sestos và Byzantium rồi trao chúng cho ông để chia cho những người bắt được chúng. Cimon xếp các tù binh một bên và tất cả đồ đạc cùng trang sức của chúng một bên. Các đồng minh bấy giờ đã trách cứ ông phân chia không công bằng, nhưng ông bảo họ hãy lựa chọn trước và người Athens sẽ bằng lòng với bất luận phần chia nào họ để lại. Theo lời khuyên của Herophytus xứ Samos bảo họ chọn của cải của quân Ba Tư thay vì chính chúng, các đồng minh bèn nhận đồ trang sức và để tù binh lại cho người Athens. Lúc bấy giờ, Cimon bị coi là đã xử sự ngốc nghếch và mang lại cuộc mặc cả tồi nhất, vì các đồng minh có thể ra đi với những vòng chân, vòng tay, vòng cổ bằng vàng, rồi áo da, áo choàng tía, trong khi người Athens chẳng được gì ngoài mấy cơ thể trần trụi mà thậm chí chưa từng được huấn luyện để làm việc. Nhưng chẳng bao lâu sau, thân bằng quyến thuộc của đám tù binh từ Phrygia và Lydia đã kéo đến và chuộc mỗi người bọn họ với giá cao, nhờ vậy Cimon đã nhận được số tiền tương đương bốn tháng chu cấp cho thủy đội và vẫn còn dư ra một số vàng lớn để lại cho thành phố từ khoản tiền chuộc này.

10. Cimon vốn là một người giàu có, và vì vậy ông quản lý sao cho số tiền mà ông có công đoạt được từ kẻ thù trong các chiến dịch của mình được chi tiêu một cách vẻ vang hơn nữa cho đồng bào. Ông cho dỡ bỏ tất cả hàng rào ở các khu vườn của mình, để chẳng những người nghèo Athens mà cả người lạ đều có thể tùy ý hái bất cứ hoa trái nào đang vào mùa. Ông cũng thết đãi một bữa tối tại nhà mỗi ngày, một bữa ăn đơn giản nhưng đủ cho một số lượng lớn thực khách. Bất kỳ người nghèo nào nếu muốn cũng đều có thể đến dự, và nhận phần lương thực đủ sống mà không cần tốn công sức và nhờ vậy có thể dành trọn mối quan tâm vào

các việc công ích. Tuy nhiên, theo Aristotle, Cimon không cung cấp bữa tối miễn phí cho mọi người Athens, mà chỉ dành cho những thành viên trong tiểu khu Lacia của mình mà thôi. Ông luôn đi đó đây cùng một số thanh niên ăn vận tươm tất, và nếu ông gặp người già cả và ăn vận tồi tàn, mỗi người trong số này đều sẵn sàng đối y phục với người ấy, và lệ này đã gây nên một ấn tượng sâu đậm. Cũng những người hầu cận ấy thường mang theo nhiều tiền, lại gài mấy kẻ ăn xin nơi họp chợ và âm thầm thả ít tiền vào tay họ. Sự hào phóng này rõ ràng đã được nhà thơ hài kịch Cratinus đề cập trong tác phẩm *Archilochi* của mình, khi nói:

Tôi, Metrobius, người sao chép công văn, cũng đã hy vọng
Được trải qua một tuổi già tốt đẹp
An nhàn tiệc tùng trong những ngày còn lại
Với Cimon thánh hạnh, người rộng lượng nhất,
Đứa con cao nhã nhất trong mọi phẩm chất
Của Hy Lạp. Nhưng ông đã đi trước và bỏ lại tôi.

Một lần nữa Gorgias xứ Leontini⁽³⁶³⁾ kể về Cimon rằng ông kiếm tiền chỉ để tiêu và tiêu nó theo cách mang lại cho ông nhiều vinh dự nhất. Và Critias, một trong Ba mươi Bạo chúa, đã thốt lên lời cầu nguyện trong các vần thơ bi thiết của mình về “sự giàu có của Scopadae, lòng hào hiệp của Cimon và những chiến thắng của Arcesilaus xứ Sparta.”

Chúng ta biết rằng Lichas người Sparta trở nên nổi tiếng khắp Hy Lạp không vì lý do nào khác ngoài việc ông ta đã tiếp đãi các du khách ngoại quốc tại Gymnopaedia, đại hội diễn kinh ở Sparta, nơi các chàng trai hoàn toàn trần truồng; nhưng lòng hào hiệp của Cimon ở một mức độ nào đó đã vượt trên mọi truyền thống hiếu khách và từ tâm của người

Athens cổ đại. Thành phố có thể khoe về những người này một cách chính đáng rằng họ đã phổ biến kiến thức về cách gieo trồng ngũ cốc, phát hiện những con suối và cách nhóm lửa cho toàn thể người Hy Lạp, vốn chẳng biết gì về mấy điều trên. Nhưng Cimon đã biến nhà mình thành chốn nghỉ ngơi công cộng cho công dân, còn ở những điền trang miền quê ông cho phép kể cả người ngoại quốc được hái trái chín và tận hưởng mọi sản vật tốt nhất đang vào mùa. Và như vậy, theo một ý nghĩa nào đó, ông đã phục hồi các điều kiện hoang đường của thời hoàng kim Cronos trong trải nghiệm nhân sinh, khi con người muôn sự của chung. Những người truyền bá câu chuyện rằng mọi điều này được làm chỉ để phỉnh nịnh dân chúng và cầu cạnh sự ủng hộ của họ lập tức bị phản bác bởi các nguyên tắc chính trị của ông, vốn đậm chất quý tộc và thường chịu ảnh hưởng của Sparta. Chẳng hạn, vì thế ông đã cùng với Aristides phản đối Themistocles, khi ông này bắt đầu nói rộng quyền hạn của dân chúng vượt quá những giới hạn hợp lý; và về sau ông cũng đã cự lại Ephialtes⁽³⁶⁴⁾ khi ông này cố giải tán Hội đồng Areopagus để làm hài lòng dân chúng. Và mặc dù ông thấy mọi chính khách khác, với ngoại lệ là Aristides và Ephialtes, chất đầy túi tham từ nguồn công quỹ, ông vẫn giữ mình liêm khiết và không thể bị mua chuộc bằng nhận hối lộ, luôn hành động và nói năng với sự chính trực và không màng đến phần thưởng.

Nghe nói rằng một Rhoesaces nào đó, một người rợ đã rời bỏ Vua Ba Tư, đến Athens với một số tiền lớn. Anh ta bị đám chỉ điểm nhà nước săn đuổi và đã tìm đến nương nhờ Cimon, tại cửa nhà ông anh ta để lại hai cái đĩa, một cái đựng đầy những đồng daric bạc và cái kia đầy đồng daric vàng. Cimon mỉm cười khi trông thấy chúng và hỏi người này rằng anh ta muốn giao tiếp với Cimon với tư cách người làm thuê cho anh ta hay là bạn bè. “Là bạn tôi,” anh ta đáp. “Tốt, thế thì,” Cimon nói, “anh hãy cầm

lại số tiền này. Nếu tôi là bạn anh, tôi sẽ có thể dùng nó mỗi khi tôi muốn.”

11. Khi thời gian trôi qua, các đồng minh tiếp tục đóng góp cho cuộc chiến chống Ba Tư, nhưng họ không cung cấp nhân lực hoặc thuyền theo tỉ lệ đã được đặt ra cho họ. Họ đã mệt mỏi với những cuộc viễn chinh xa xứ, họ cảm thấy không cần phải chiến đấu nữa, chỉ muốn sống yên bình và cày cấy đất đai. Quân rợ đã ra đi và không còn quấy nhiễu họ vì vậy họ không cấp người cho chiến thuyền cũng không gửi quân đi nữa. Các tướng lĩnh Athens đã cố ép họ thực hiện nghĩa vụ của mình, và bằng việc trừng trị những kẻ phạm lỗi, họ đã sớm biến uy quyền của Athens thành một sự phiền hà bị hết mực căm ghét. Tuy nhiên, khi Cimon giữ chức tướng quân, ông chính xác là đã làm ngược lại. Ông không áp đặt sự cưỡng chế lên bất kỳ người Hy Lạp nào và ông chịu nhận tiền hay thuyền đang trống của những người không muốn phục vụ trên đó. Bằng cách này, ông để mặc cho các đồng minh khuất phục trước cám dỗ của sự an nhàn và không còn quan tâm đến cái gì ngoài chuyện riêng, cho đến khi họ đánh mất mọi phẩm chất quân nhân và trở thành những nông dân và thương nhân kém thiện chiến do hành động đại dột và tính ưa nhàn nhả của mình. Mặt khác, ông buộc một bộ phận lớn dân Athens luân phiên phục vụ trên thuyền và tôi luyện họ cứng rắn với nhiều cuộc viễn chinh, nhờ vậy mà trong thời gian ngắn, sử dụng ngân quỹ mà các đồng minh đóng góp, ông đã biến người Athens thành kẻ thống trị của chính những người trả tiền cho họ. Những người Hy-Lạp không tòng quân đâm ra sợ hãi và thậm chí nịnh nọt những người thường ở trên biển hoặc đang huấn luyện hoặc đang tại ngũ, và vì vậy trước khi kịp nhận ra, họ đã rơi xuống vị thế chư hầu và thuộc hạ thay vì các đồng minh.

12. Chắc hẳn không ai làm được hơn Cimon trong việc hạ bệ lòng kiêu hãnh của Đại đế Ba Tư. Ông không bao giờ buông lời cuộc truy đuổi, để

cho người Ba Tư nhân nhả thoát khỏi Hy Lạp, mà bám sát gót chúng, và trước khi quân rợ có thể nghỉ ngơi lấy lại sức, ông đã tàn phá hoặc thiêu rụi vài thành phố, và xúi giục kẻ khác nổi dậy hoặc thôn tính chúng, đến khi không còn một bóng dáng tên lính Ba Tư nào trên lục địa Tiểu Á trải từ Ionia đến Pamphylia mới thôi. Ông hay tin các tướng lĩnh vua rợ đang phục kích mình với một đạo quân và thủy đội lớn trên bờ biển Pamphylia, do vậy ông bèn hạ quyết tâm biến vùng biển phía tây quần đảo Chelidonia trở thành nơi kinh khủng với chúng đến nỗi chúng không dám bén mảng đến. Ông điều 200 chiến thuyền từ Cnidus đến Triopium.⁽³⁶⁵⁾ Những thuyền này từng được đóng dưới thời Themistocles và đặc biệt được thiết kế tốt về tốc độ và tính linh hoạt, nhưng Cimon bấy giờ đã cho nối rộng đà ngang thuyền và làm cầu nối giữa các sàn thuyền, nhờ vậy khi giao chiến với quân thù họ có thể tận dụng hiệu quả hơn số lượng lớn trọng binh mà chúng chở theo. Ông cập bến ở thành phố Phaselis, nhưng dân chúng, dù là người Hy Lạp, đã từ chối tiếp nhận thủy đội của ông hoặc nổi dậy chống lại vua rợ, nên ông bèn tàn phá đất đai của họ và tấn công tường thành. Tuy nhiên, những người Chian phục vụ trong thủy đội của ông là bạn cũ của người Phaselis đã cố làm Cimon nguôi giận, và đồng thời bắn qua tường thành các mũi tên buộc giấy thuật lại với người bên trong sự thể đang diễn ra. Sau cùng, Cimon bằng lòng hòa giải, với điều kiện họ nộp cho ông 10 talent và tham gia vào chiến dịch chống quân rợ của ông.

Theo sử gia Ephorus, bấy giờ Tithraustes đang thống lĩnh thủy đội hoàng gia còn Pherendates thì phụ trách lực lượng trên bộ. Song phiên bản của Callisthenes lại kể rằng Arimandes, con trai của Gobryas, chỉ huy toàn bộ lực lượng, rằng anh ta cho thủy đội bỏ neo ngoài cửa sông Eurymedon và hoàn toàn không muốn đụng độ với người Hy Lạp, mà chờ 80 thuyền của người Phoenicia đến từ Cyprus. Cimon lên kế hoạch tấn

công trước khi đội này kịp đến và ra biển để ép kẻ thù giao chiến nếu chúng cố tránh. Ban đầu, quân Ba Tư rút lui về cửa sông để tránh cuộc chạm trán, nhưng khi thấy người Athens xông tới, chúng đã đưa thuyền ra nghênh chiến với Cimon. Phanodemus cho rằng chúng có 600 thuyền còn Ephorus cho là 350. Dù sao đi nữa, trong trận thủy chiến này, rõ ràng chúng đã không làm được điều gì xứng đáng với một lực lượng hùng hậu cỡ đó, trên thực tế chúng lập tức cong đuôi chạy vào bờ. Đám chỉ huy bỏ lại thuyền và ẩn nấp trong lực lượng trên bộ đang dàn quân gần đó, trong khi số còn lại bị bắt và bị giết còn thuyền thì bị thiêu hủy. Từ tình tiết này thấy rõ là số thuyền rợ tham chiến hẳn rất lớn, vì mặc dù nhiều chiếc có thể đã trốn thoát và nhiều chiếc bị tiêu diệt, nhưng người Athens vẫn thu được 200 chiến lợi phẩm.

13. Khi lực lượng bộ binh Ba Tư kéo xuống bờ biển nghênh chiến với ông, Cimon nghĩ rằng viễn cảnh gắng gượng đổ bộ và đưa số người Hy Lạp mệt lử đương đầu với đạo quân khỏe khoắn đông gấp nhiều lần là quá khủng khiếp. Nhưng rồi ông thấy người của mình tràn trề phấn khích bởi sức mạnh và sự can đảm mà chiến thắng đã mang lại cho họ và háo hức đánh giáp lá cà với quân rợ. Ông bèn cho đổ bộ đội trọng binh hãy còn hùng hực khí thế từ cuộc hải chiến, họ cất tiếng reo hò âm ỉ và xông vào kẻ địch. Quân Ba Tư giữ vững trận địa cương quyết tử chiến và một cuộc giao tranh dữ dội đã diễn ra, trong đó người Athens bị mất một số chiến binh gan dạ và lão luyện nhất trong quân. Nhưng rốt cuộc, sau một trận chiến dữ dội, họ đẩy lùi được quân rợ bằng cuộc giết chóc kinh hoàng và tóm gọn địch quân cùng doanh trại của chúng với đủ loại chiến lợi phẩm.

Thế là Cimon, như một quán quân thể thao, đã giành được đến hai chiến thắng trong cùng một ngày. Nhưng dù đã vượt qua chiến tích Salamis với một cuộc giao tranh trên bộ và vượt qua Plataea với một trận

thủy chiến khác, ông vẫn quyết tâm tranh đoạt một kỳ công nữa. Ông nghe tin 80 thuyền của người Phoenicia chưa tham chiến đã cập cảng ở Syedra, nên đã điều thủy đội đến đó với tốc lực tối đa, trước khi các tướng địch hay tin số phận của thủy đội chủ lực và vẫn đang trong tâm trạng hoang mang bất định. Vì thế chúng vô cùng bàng hoàng khi ông tấn công. Tất cả thủy đội bị tiêu diệt và hầu hết thủy thủ đoàn bỏ mạng. Điều này đã giáng đòn chí mạng vào những hy vọng của vua rợ đến mức ông ta đã chấp nhận các điều khoản của hòa ước khét tiếng, theo đó ông ta đồng ý giữ khoảng cách một ngày hải trình với vùng duyên hải Tiểu Á thuộc Hy Lạp và không để dù chỉ một chiến thuyền hay thuyền bọc sắt nào⁽³⁶⁶⁾ đi về phía tây Cyanea hoặc quần đảo Chelidonia.

Tuy nhiên, Callisthenes quả quyết rằng người Ba Tư không bao giờ đồng ý tuân thủ điều khoản nào như thế. Ông ta nói rằng sở dĩ họ cư xử như vậy trong thực tế vì nỗi kinh hãi mà chiến thắng của Eurymedon đã khắc sâu nơi họ; và quả nhiên, họ giữ khoảng cách với người Hy Lạp đến nỗi Pericles với thủy đội 50 chiếc và Ephialtes với không quá 30 chiếc đã vượt qua quần đảo Chelidonia mà không gặp bóng dáng một thủy đội rợ nào. Mặt khác, loạt sắc lệnh của người Athens do Craterus soạn thảo đã bao gồm những điều khoản của hòa ước này, như thể thực tế nó đã được ký kết vậy⁽³⁶⁷⁾. Cũng nghe nói là người Athens đã dựng một bàn thờ Hòa bình để tưởng niệm sự kiện này và ban danh vọng cao ngất cho Callias người điều đình hòa ước.

Số tiền thu được từ việc bán chiến lợi phẩm nhiều đến nỗi người Athens có thể trang trải nhiều khoản chi phí công khác nhau và đặc biệt là xây dựng bức tường phía nam Acropolis, tất cả đều từ số châu báu mà họ đoạt được từ chiến dịch này. Cũng nghe nói rằng việc xây dựng tòa Trường thành, được mệnh danh là “The Legs”, hoàn thành vào thời điểm sau đó, song nền móng ban đầu của nó đã được Cimon xây dựng vững

chắc: công trình bị đình trệ do địa thế đầm lầy nước đọng, nhưng ông đã cho đầm số lượng lớn cuội và đá nặng xuống đó và tự mình trang trải chi phí.

Ông cũng là người đầu tiên tô điểm cho thành phố bằng những chốn nghỉ ngơi công cộng rộng rãi và tao nhã, mà chẳng bao lâu đã trở nên nổi tiếng đến mức bị lạm dụng; ông làm điều này bằng cách trồng nơi họp chợ các cây tiêu huyền và biến vườn Academy từ một chốn hoang tàn khô cằn nứt nẻ thành một khu rừng tươi tốt, tạo nên những lối đi bộ râm mát và những đường đua thông suốt.

14. Trong khi đó, một số quân Ba Tư bị kẹt lại ở Chersonese đã từ chối dâng nộp lãnh thổ, lại còn kêu gọi các bộ lạc Thracia từ nội địa đến giúp chúng. Chúng coi thường Cimon, vì chỉ mang một số ít thuyền chiến xuất phát từ Athens.⁽³⁶⁸⁾ Nhưng bất chấp điều đó, ông vẫn tấn công với bốn thuyền và bắt giữ 13 thuyền của chúng, quét sạch quân Ba Tư, khuất phục người Thracia, và giành lấy toàn bộ lãnh thổ cho người Athens lập thuộc địa. Không lâu sau, khi người Thacian nổi dậy ở Athens,⁽³⁶⁹⁾ ông đã đánh tan họ trên biển, đoạt được 33 thuyền, bao vây thành phố và buộc họ đầu hàng, thôn tính những mỏ vàng trên phần lục địa đối diện Athens, và tiếp quản lãnh thổ lân cận từng thuộc quyền cai trị của người Thacian.

Theo như tính toán của người Athens, từ căn cứ này ông đã có thể dễ dàng xâm chiếm Macedonia và chiếm phần lớn lãnh thổ này làm thuộc địa. Nhưng vì không muốn làm điều này, nên ông đã bị cáo buộc nhận đút lót của Vua Alexander, và đám kẻ thù đã vào hùa kết tội ông⁽³⁷⁰⁾. Trong lời bào chữa của mình trước phiên tòa ông nói với các thẩm phán rằng mình không như một số người Athens, đại diện ăn lương của người Ionia hoặc Thessaly giàu có, để rồi bị quyến dụ hoặc được thưởng công cho sự phục vụ của mình: nếu ông có đại diện cho lợi ích của ai thì đó

hắn phải là người Sparta, với tính cách đơn giản và ôn hòa mà ông vui sướng noi theo. Ông nói thêm rằng mình ưa thích những phẩm chất này hơn mọi thứ của cái, nhưng tự hào trong việc làm giàu cho thành phố của mình bằng số chiến lợi phẩm mình đoạt được từ kẻ thù. Liên quan đến phiên tòa này, Stesimbrotus kể rằng Elpinice đã tìm đến nhà Pericles để cầu xin cho em trai nàng, vì ông này là người buộc tội Cimon quyết liệt nhất, và tác giả kể tiếp, rằng Pericles đã mỉm cười mà nói: “Cô đã quá tuổi, Elpinice, để nhúng tay vào những chuyện như thế này.” Tuy nhiên, tại phiên tòa của Cimon, ông này đã tỏ ra là một vị biện lý ôn hòa nhất và chỉ đứng dậy có một lần để đưa ra cáo buộc chống lại ông, như thể chỉ là thủ tục mà thôi.

15. Vậy là Cimon được tha bổng trong lần đó⁽³⁷¹⁾. Trong phần còn lại của sự nghiệp chính trị, ông đã thành công với việc hạn chế và thậm chí giảm thiểu sự xâm phạm của dân chúng vào những đặc quyền của giới quý tộc, và chặn đứng các nỗ lực tập trung chức vụ và quyền hạn vào tay họ, nhưng chỉ chừng nào ông còn ở Athens mà thôi. Lần tiếp theo, ông lên thuyền đi công du nước ngoài⁽³⁷²⁾, dân chúng như được tháo cũi sổ lồng. Họ đã phá bỏ trật tự của bản hiến pháp được xác lập bấy lâu và những tập tục cổ truyền mà họ luôn tuân thủ đến lúc ấy, và dưới sự dẫn dắt của Ephialtes, họ tước nốt chút thẩm quyền còn lại của Hội đồng Areopagus. Họ kiểm soát tòa án và biến thành phố thành một nền dân chủ triệt để với sự trợ giúp của Pericles, người bấy giờ đã ngoi lên vị thế quyền lực và hiến mình cho sự nghiệp của dân chúng. Giữa lúc đó Cimon trở về, và phần nộ trước sự làm nhục Hội đồng Areopagus từng được tôn kính, ông đã cố khôi phục quyền phán xử của nó và phục hồi chế độ quý tộc của Cleisthenes, nhưng các nhà lãnh đạo dân chủ đã hợp lực tố giác ông và cố kích động dân chúng chống ông qua việc khơi lại tất cả các vụ tai tiếng xa xưa giữa ông với chị gái và cáo buộc ông có cảm tình với

Sparta. Những lời phỉ báng này phảng phất trong các vần thơ nổi tiếng của Eupolis:⁽³⁷³⁾

Ông không phải kẻ vô lại như họ đồn đại,
Chỉ là quá lười và ham mê rượu chè,
Và ông thường ngủ qua đêm ở Sparta
Và để Elpinice chần đờn gói chiếc.

Mặt khác, nếu không kể đến bản tính vô tư trẽ nải và mê rượu trong khi ông vẫn có thể chiếm được nhiều thành phố và thắng nhiều trận đánh, thì rõ ràng ông vẫn tỉnh táo bình thường và chú tâm vào công việc, trước và sau ông không người Hy Lạp nào có thể vượt qua những kỳ tích của ông.

16. Thực tế đúng là ngay từ buổi đầu sự nghiệp ông đã đồng cảm với người Sparta. Ông quả thực đã đặt tên cho một trong ba người con trai là Lacedaemonius và người nữa là Eleius. Đó là những người con mà một phụ nữ xứ Cleitor đã hạ sinh cho ông, như Stesimbrotus kể với chúng ta, và vì lý do này Pericles thường quở trách họ vì dòng dõi bên mẹ họ. Tuy nhiên, nhà địa hình học Diodorus quả quyết rằng hai người này, cũng như con trai thứ ba của Cimon là Thessalus, đều được sinh bởi Isodice, con gái của Euryptolemus, và là cháu gái của Megacles. Người Sparta về phía mình đã làm nhiều điều để củng cố vị thế của Cimon, vì họ đã sớm trở nên thù địch gay gắt với Themistocles và do đó mong sao cho Cimon, dù hãy còn trẻ, giành được nhiều quyền lực và ảnh hưởng hơn tại Athens. Ban đầu, người Athens khá hài lòng vì chuyện này, bởi thiện ý mà người Sparta bày tỏ làm lợi rất nhiều cho họ. Do vậy, trong những ngày đầu của đế chế, và khi vẫn còn bận xây dựng khối liên minh, họ

hoan nghênh các vinh dự và đặc ân dành cho Cimon, bởi lẽ trên thực tế những cuộc thương lượng với các thành bang Hy Lạp khác đã được tiến hành thông qua ông, vì ông đối xử với các đồng minh đầy ân cần và có một vị thế vinh dự với người Sparta. Nhưng sau đó, khi quyền lực của mình đã lớn mạnh và họ thấy rằng Cimon toàn tâm gắn bó với người Sparta, họ phẫn nộ với điều này, đặc biệt vì xu hướng ca ngợi Sparta với người Athens mỗi khi ông có dịp quở trách hoặc thúc giục họ. Theo như Stesimbrotus kể, vào những lúc như thế, ông thường nói: “Nhưng đó không phải là điều mà người Sparta sẽ làm.” Nội một thói quen này đã khiến ông chuốc lấy nhiều nỗi đố kỵ và căm ghét của người Athens, nhưng lời buộc tội nghiêm trọng nhất chống lại ông thì xuất hiện như sau.

Vào năm thứ tư⁽³⁷⁴⁾ dưới triều Vua Archidamus, con trai của Zeuxidamus, Sparta trải qua trận động đất kinh hoàng nhất trong lịch sử của nó. Mặt đất mở toang ở nhiều nơi, các đỉnh núi của dãy Mt Taygetus bị xé thành nhiều mảnh và cả thành phố Sparta bị hủy diệt, chỉ còn năm ngôi nhà nguyên vẹn. Nghe nói là giữa lúc các thanh thiếu niên nam giới đang tập luyện trong nhà thi đấu vài phút trước khi trận động đất bắt đầu, bỗng nhiên có con thỏ rừng xuất hiện, một số thiếu niên vẫn đang cỡi trần và bôi đầy dầu lao ra rượt theo nó, trong khi đám thanh niên ở lại thì bị chết sạch khi nhà thi đấu đổ ập xuống đầu họ. Mộ của họ được gọi là Seismatias đến ngày nay, đó là nơi vùi thây của những người bỏ mạng trong trận động đất.

Archidamus lập tức hiểu rằng tai ương đột ngột này còn tiềm ẩn một mối họa khác cho thành bang. Ông ta thấy các công dân đang ra sức cứu lấy những đồ đạc quý giá nhất trong nhà, bèn ra lệnh thổi kèn loan báo rằng kẻ thù sắp sửa tấn công, để mỗi người Sparta đều cầm lấy vũ khí và tập hợp xung quanh nhà vua trong thời gian ngắn nhất có thể. Chỉ riêng

hành động này đã cứu Sparta thoát khỏi cơn khủng hoảng, vì đám Helot⁽³⁷⁵⁾ đã mau chóng tụ họp ở vùng phụ cận để tấn công những người Sparta sống sót. Khi thấy họ được vũ trang và sẵn sàng chiến đấu, chúng bèn rút lui về các thành phố, công khai tiến hành chiến tranh và thuyết phục nhiều người Perioeci làm tương tự. Người Messenia cũng đã hợp lực với chúng tấn công người Sparta.

Trước tình hình này, người Sparta đã cử Pericleidas đến Athens để yêu cầu giúp đỡ. Đây là người mà Aristophanes đã chế giễu trong vở *Lysistrata*, thể hiện anh ta đang ngồi bên bàn thờ, với gương mặt trắng nhợt và áo choàng không tay màu đỏ, nài xin một đội quân.⁽³⁷⁶⁾ Ephialtes từ chối lời thỉnh cầu và kêu gọi người Athens đừng cố giải cứu hoặc khôi phục một thành phố vốn là kinh địch của họ mà hãy để cho niềm kiêu hãnh của Sparta bị giày xéo dưới gót chân. Ngược lại, Cimon đặt lợi ích của Sparta lên trên sự thù dật của xứ mình và thuyết phục người Athens cử một lực lượng lớn trọng binh đi ứng cứu. Thực tế Ion đã chép lại câu nói của Cimon khiến mọi người cảm động nhất: ông kêu gọi họ “đừng để cho Hy Lạp trở nên què quặt, hay thành phố của họ bị tước mất người bạn nối khố của nó.”

17. Sau khi giúp người Sparta, Cimon trên đường về cùng quân mình và đi qua eo Corinth thì Lachartus cáo buộc ông đưa quân đội vào lãnh thổ Corinth trước khi được dân chúng cho phép. “Người biết gõ cửa,” ông ta nói, “không vào nhà trước khi được chủ nhân mời.” Cimon vặn lại: “Chúng tôi không hề nghe thấy người Corinth các ông gõ cửa Cleonae hay Megara: các ông đơn giản đập đổ chúng và xộc vào bằng vũ lực, trên nguyên tắc rằng mọi thứ phải được mở toang trước kẻ mạnh hơn.” Sau khi thể hiện nhuệ khí đúng lúc với người Corinth, ông đi tiếp cùng quân mình.

Chẳng bao lâu sau, người Sparta lại cầu xin Athens trợ giúp chống lại người Messenia và đám Helot tại Ithome. Người Athens một lần nữa đến cứu viện, nhưng sự táo tợn và liều lĩnh của họ khiến người Sparta hoảng sợ và trong số tất cả đồng minh, người Sparta chỉ đích danh họ là những nhà cách mạng nguy hiểm và đuổi họ đi. Họ rút về trong cơn giận dữ và trả thù công khai bạn bè của người Sparta nói chung và Cimon nói riêng. Họ vin vào những cái cớ vật vãnh để khai trừ ông và kết án lưu đày ông 10 năm,⁽³⁷⁷⁾ thời hạn ấn định cho tất cả những ai bị án phát vãng.

Trong giai đoạn này, quân Sparta, sau khi giải phóng Delphi khỏi người Phocia, liền hạ trại ở Tanagra trên đường về, và người Athens đã dàn quân nghênh chiến trực diện với họ tại đó. Cimon vũ trang đầy đủ đã đến đây để cùng bộ lạc Oeneis của mình kề vai sát cánh với đồng bào cùng kháng cự người Sparta. Nhưng Hội đồng Năm trăm khi nghe tin này đã hoảng sợ: kẻ thù của Cimon cho rằng mục tiêu của ông là gây hỗn loạn trong quân đội để nhân đó dẫn quân Sparta tấn công thành phố, và thế là Hội đồng bèn chỉ thị cho các tướng lĩnh không tiếp nhận ông. Cimon đành phải ra đi, nhưng chỉ sau khi đã căn dặn Euthippus xứ Anaphlystus và các bạn hữu khác của ông, những người đặc biệt bị hoài nghi vì tình cảm thân Sparta, rằng họ phải can trường chiến đấu để bác bỏ những lời buộc tội bằng hành động của chính mình. Bạn bè ông liền tiếp lấy khôi giáp ông trao và giương cao giữa hàng ngũ. Họ tập hợp thành một đại đội duy nhất, chiến đấu vô cùng anh dũng và ngã xuống cho tới người cuối cùng, 100 người cả thảy. Người Athens đã ai oán khóc than cho sự hy sinh của họ và ân hận cay đắng vì đã buộc tội họ một cách bất công đến thế. Vì thế mà nổi oán giận của mọi người đối với Cimon nhanh chóng lụi tắt, phần vì, như một lẽ tự nhiên, họ nhớ đến những việc ông đã làm cho họ, và phần vì sự việc bấy giờ đã diễn biến theo chiều hướng có lợi cho ông. Người Athens đã gánh chịu một thất bại nặng nề ở

Tanagra, và khi họ đang sẵn sàng chờ đợi một cuộc xâm lược của quân đội Peloponnese vào mùa xuân năm sau, họ bèn hủy bỏ án lưu đày của Cimon, và sắc lệnh yêu cầu ông quay về thật sự đã được Pericles đưa ra. Điều này chứng tỏ ngay từ thời ấy những xung khắc giữa các lãnh đạo phe phái chỉ là vấn đề quan điểm chính trị: tình cảm cá nhân của họ được kiểm soát và có thể dễ dàng bị gạt qua một bên trong vấn đề lợi ích chung, trong khi ngay cả tham vọng, thứ mãnh liệt nhất trong tất cả những nỗi say mê của con người, cũng phải xếp sau lợi ích chung.

18. Dù sao thì ngay khi Cimon trở về từ cuộc lưu đày⁽³⁷⁸⁾ ông đã đặt dấu chấm hết cho cuộc chiến và thu xếp chuyện hòa giải giữa hai thành phố. Tuy nhiên, khi hòa bình được lập lại, chẳng mấy chốc ông đã hiểu rõ rằng người Athens không thể sống cuộc đời bình lặng mà không ngừng bị lôi cuốn theo một chính sách vọng động và bành trướng đế chế qua những cuộc viễn chinh nước ngoài. Vì không muốn tỏ ra khiêu khích các thành bang Hy Lạp khác hoặc chuốc lấy tội gây chiến bằng việc dùng một thủy đội lớn đi tuần quanh quần đảo hoặc biển Peloponnese, nên ông đã trang bị người cho 200 chiến thuyền, với mục tiêu là thực hiện cuộc viễn chinh khác đến Ai Cập và Cyprus. Kế hoạch của ông là giữ cho người Athens trong tình trạng huấn luyện thường trực qua các chiến dịch chống lại quân rợ, và để cho họ hưởng lợi xứng đáng với số của cải họ chiếm được từ những kẻ thù tự nhiên của mình và đưa về Hy Lạp.

Nhưng khi mọi thứ đã sẵn sàng và quân đội sửa soạn lên đường, Cimon có một giấc mơ, trong đó một con chó cái giận dữ sủa ông và giữa tròng sủa, nó cất tiếng người mà rằng:

Cứ việc đi đường của người: rồi người sẽ biến thành bạn của cả ta lẫn những con chó nhỏ của ta.

Đây là một ảo mộng khó cắt nghĩa, nhưng Astyphilus xứ Poseidonia, người sở hữu năng lực tiên tri và là bạn thân của Cimon, quả quyết rằng nó báo hiệu cái chết của ông, và phân tích như sau: Chó sủa kẻ thù của nó, và một người làm lợi nhất cho kẻ thù không gì bằng chết đi. Sự trộn lẫn giữa tiếng thú vật và tiếng người biểu thị rằng kẻ thù ở đây là người Medes, vì quân đội của chúng bao gồm một phần người Hy Lạp và một phần người rợ. Sau ảo mộng này, Cimon đã dâng lễ tế Dionysus, và khi nhà tiên tri cắt xẻo nạn nhân, một đàn kiến đông đúc sà vào vũng máu khi nó đông lại. Chúng khuân từng tí máu đông đến chỗ Cimon và một lúc sau bắt đầu phủ lên ngón chân cái của ông trước khi ông kịp để ý. Rồi lúc ông nhìn thấy chúng đang làm thế, vị thầy tế đến gần và cho ông thấy rằng lá gan nạn nhân không có cái phần được gọi là thùy.

Tuy nhiên, vì chẳng thể hủy bỏ cuộc viễn chinh được nữa, nên ông hạ lệnh giương buồm và sau khi phái một đội 60 thuyền trực chỉ Ai Cập, ông đến Cyprus với lực lượng còn lại. Ông đánh tan thủy đội của Vua Phoenicia và các thuyền Cilicia trong một trận thủy chiến và đoạt được những thành phố ở lân cận. Đoạn ông chờ cơ hội để tấn công các thành phố của Ai Cập, vì ông áp ú trong tâm trí không gì khác ngoài sự sụp đổ hoàn toàn uy thế của Ba Tư, và ông lại càng quyết tâm hơn với điều này bởi lẽ biết rằng Themistocles đã gây dựng một uy quyền và thanh thế to lớn giữa những người Ba Tư, đã hứa với vua rợ rằng nếu chiến tranh với Hy Lạp nổ ra, đích thân ông ta sẽ nắm quyền chỉ huy. Dù sao đi nữa, nghe đâu rằng một trong những lý do chính khiến Themistocles tự kết liễu mạng sống là nỗi tuyệt vọng của ông ta trước viễn cảnh phải đương đầu với người Hy Lạp, và chẳng ông ta biết rằng sẽ không bao giờ sánh được với thiên tài quân sự và vận may của Cimon.

Mặt khác, khi Cimon cùng thủy đội đang chờ ngoài khơi Cyprus và cân nhắc trong đầu những kế hoạch chinh phạt vĩ đại, ông cử một đoàn

đến đền thờ Jupiter Ammon để đặt một câu hỏi bí mật với nhà tiên tri ở đó. Không ai biết câu hỏi ra sao cũng như thần linh có câu trả lời hay không, chỉ biết rằng ngay khi họ đến, nhà tiên tri lệnh cho họ ra về và nói là Cimon đã ở bên ngài rồi. Nghe những lời này, các sứ giả bèn trở về với biển và ngay khi đặt chân đến doanh trại Hy Lạp, sau này là bờ biển Ai Cập, họ hay tin Cimon đã chết. Khi họ tính lại thời gian kể từ lúc nhà tiên tri trả lời họ, họ hiểu rằng nó ám chỉ cái chết của vị tướng, vì ông đã ở bên các thần linh rồi.

19. Theo hầu hết các tính toán,⁽³⁷⁹⁾ Cimon chết vì bạo bệnh giữa lúc ông đang vây hãm Citium, nhưng số khác nói rằng đó là do vết thương ông dính phải trong một trận đánh với quân Ba Tư. Khi hấp hối, ông ra lệnh dong buồm đi ngay lập tức và giữ bí mật cái chết của mình. Bằng cách này, ông dự tính không một đồng minh hay kẻ thù nào biết được chuyện gì đang xảy ra và đội viễn chinh hồi hương an toàn “nhờ tài chỉ huy của Cimon,” như cách diễn đạt của Phanodemus, mặc dù thật ra ông đã chết được 30 ngày.

Sau khi ông chết, không tướng lĩnh Hy Lạp nào giành được thắng lợi vẻ vang nào nữa trước quân rợ. Thay vì vậy, một loạt những kẻ mị dân và hiếu chiến đã xuất hiện, khiến cho các thành bang Hy Lạp quay ra đấu đá lẫn nhau, và không ai đủ tài can ngăn hoặc hòa giải họ trước khi họ lao đầu vào cuộc xung đột vội vã. Nhờ vậy, người Ba Tư đã tranh thủ được thời gian nghỉ ngơi, nhưng sức mạnh của Hy Lạp thì bị suy yếu trầm trọng. Mãi đến vài thế hệ sau đó, Agesilaus mới lại đưa quân Hy Lạp vào châu Á và tiến hành một chiến dịch ngăn ngừa chống lại các tướng của vua rợ dọc miền duyên hải Ionia?⁽³⁸⁰⁾ Song ông ta thậm chí không gặt hái được thành quả quan trọng nào trước khi đến lượt mình bị nhấn chìm bởi dòng thác lũ những mối chia rẽ và bất an trong nội bộ Hy Lạp, và cả một đế chế thứ hai đã bị quét khỏi tay mình. Cuối cùng ông ta đành phải

lui binh trở về, để mặc cho những tên thu thuế của Đế chế Ba Tư cứ vơ vét cống phẩm giữa những thành bang đồng minh và thân thiện của mình, trong khi trước đó không hề thấy một chức dịch nào, kể cả một con ngựa Ba Tư, trong phạm vi 50 dặm bờ biển, khi Cimon còn chỉ huy.

Di hài của ông đã được đưa về nhà ở Athens, được xác thực bởi những đài kỷ niệm đặt theo tên ông đến ngày nay. Nhưng người dân Citium vẫn tỏ lòng sùng kính với một ngôi mộ được cho là của Cimon. Nhà tu từ học Nausicrates kể với chúng ta rằng có lần, trong thời gian diễn ra dịch hại và đói kém, thần linh đã bắt họ không được quên Cimon, mà phải tôn kính và ca ngợi ông như một người siêu việt. Đó chính là bản chất của vị tướng quân Hy Lạp này.

PERICLES^(†)

[Khoảng 495 - 429 TCN]

HOÀNG ĐẾ Augustus⁽³⁸¹⁾ có lần bắt gặp vài người ngoại quốc giàu có ở thành La Mã bỗng mấy chú khỉ và cún con trên tay, vuốt ve chúng với dáng vẻ vô cùng trìu mến. Người ta kể rằng, lúc bấy giờ ông ấy đã hỏi có phải là vì phụ nữ ở mấy xứ ấy không thể sinh con chẳng, một lời quở trách rất để vương dành cho những kẻ phung phí khả năng yêu thương và âu yếm vào động vật mà theo trật tự tự nhiên của vạn vật thì chỉ nên dành riêng cho con người chúng ta vậy. Tương tự, vì thiên nhiên đã phú cho chúng ta tính hiếu kỳ hoạt bát và lòng yêu hiểu biết, chúng ta cũng nên khiển trách công bằng những kẻ đã lạm dụng các tặng phẩm này và hướng chúng vào đám đối tượng không đáng được quan tâm, trong khi thờ ơ với những điều đáng được chú ý nhất. Tất nhiên, đúng là giác quan bên ngoài của chúng ta không thể không thu hút nhiều đối tượng khác nhau mà nó bắt gặp, chỉ vì tác động của chúng và bất kể chúng có hữu ích hay không: nhưng trí tuệ có ý thức của một người là thứ mà anh ta có thể tùy ý khép hay mở, và có thể rất dễ dàng hướng nó vào một đối tượng nếu anh ta thấy phù hợp. Vì lẽ này, chúng ta phải tìm kiếm đức hạnh không chỉ để thưởng ngoạn nó, mà còn để được lợi từ việc đó. Chẳng hạn, một màu sắc sẽ thật hợp với con mắt nếu ánh sáng và những tông màu dễ chịu của nó khiến thị lực thích thú và khỏe khoắn, và theo cách tương

tự chúng ta phải vận dụng sức tưởng tượng của trí óc vào những hình mẫu có thể truyền cảm hứng để nó đạt đến hiệu năng thích hợp của mình thông qua niềm khoái cảm mà chúng khơi dậy.

Chúng ta tìm thấy các ví dụ này trong hành động của người tốt, chúng gieo niềm háo hức ganh đua và khao khát noi gương mãnh liệt vào tấm trí những người tìm kiếm chúng đã lâu, trong khi sự thán phục của chúng ta với những dạng thức hành động khác lại không lập tức thúc đẩy chúng ta bắt chước theo. Trái lại, chúng ta hoàn toàn có thể thích thú với một tác phẩm nào đó và đồng thời coi thường kẻ làm ra nó. Chẳng hạn, trong trường hợp nước hoa hay thuốc nhuộm, chúng ta thích sản phẩm, nhưng với người thợ làm nước hoa và thợ nhuộm, chúng ta lại coi họ là kẻ thô vụng theo đuổi một nghề thấp kém. Ý tưởng ấy đã được Antisthenes biểu đạt một cách thú vị, khi ông nghe kể Ismenius là người thổi kèn ô-boa xuất sắc, và vận lại: “Thế thì anh ta chắc hẳn xoàng xĩnh trong mọi cái khác, bằng không anh ta sẽ chẳng bao giờ thổi ô-boa hay đến vậy!” Chúng ta cũng được kể rằng Vua Philip xứ Macedon, khi thấy con trai chơi đàn hạc say sưa với trình độ điêu luyện tại một tiệc rượu, bèn hỏi: “Con không thấy xấu hổ khi chơi hay như vậy sao?” Với một vị vua thì nội việc có thời gian để nghe người khác chơi đàn đã là quá đủ, và ông ta sẽ tỏ lòng tôn kính nàng thơ hết mực nếu ông ta không làm gì khác hơn là tham gia những cuộc thi tài như vậy với tư cách khán giả.

2. Mặt khác, một người luôn bận bịu với các công việc hèn hạ đã chứng tỏ ngay từ nhỏ nhọc nhằn mà anh ta cùng chung với chúng việc anh ta thờ ơ với những điều cao cả hơn. Không một thanh niên gia thế tử tế và có lý tưởng cao thượng nào lại cảm thấy mình phải trở thành một Pheidias hay một Polycleitus sau khi xem bức tượng thần Zeus ở Olympia hay nữ thần Hera ở Argos⁽³⁸²⁾, anh ta cũng chẳng khao khát trở thành một Anacreon hay một Philetas hay một Archilochus, chỉ vì sự

thích thú mà mình có được từ những vần thơ của họ, bởi một tác phẩm nào đó quyến rũ được chúng ta không nhất thiết kéo theo việc tác giả của nó cũng đáng được chúng ta hâm mộ. Thế thì chúng ta có thể nói rằng những thành tựu thuộc loại này, vốn không khơi dậy tinh thần thi đua hoặc tạo ra khao khát mãnh liệt nào để bắt chước chúng, là không có quá nhiều ích lợi với khán giả. Mặt khác, đức hạnh trong hành động lập tức xâm chiếm một người đến mức ngay khi tán thưởng một hành động thì anh ta đã muốn dốc lòng noi theo người thực hiện nó. Chúng ta quý trọng vận may vì những điều tốt đẹp mà mình có được và tận hưởng từ nó, nhưng đức hạnh nơi những hành động tốt đẹp thì là cái chúng ta có thể mang lại: cái trước chúng ta bằng lòng tiếp nhận từ người khác, nhưng cái sau chúng ta muốn người khác cảm nhận nơi chính mình. Nói gọn lại, sự lương thiện đạo đức có sức mạnh lôi cuốn hướng tới nó. Ngay khi được nhìn thấy, nó đã thôi thúc người nhìn hành động, thế nhưng nó không định hướng tính cách của anh ta đơn thuần qua việc bắt chước, mà qua việc gia tăng sự hiểu biết về những hành vi đức hạnh, mang lại cho anh ta một mục đích mãnh liệt.

Đó là những lý do đã thôi thúc tôi kiên trì với những tác phẩm viết về tiểu sử của mình, và vì thế tôi đã dành quyền thứ 10 này để kể về cuộc đời Pericles và Fabius Maximus, những người đã tiến hành cuộc chiến trường kỳ với Hannibal. Hai người này có nhiều đức tính tương đồng, nhưng trên hết ở họ là sự tiết chế, tính chính trực, và khả năng chịu đựng các cơn điên rồ của dân chúng và đồng sự trong bộ máy công quyền, qua đó họ đã phụng sự đất nước mình một cách hữu hiệu nhất. Liệu cách nhìn của tôi có chính xác không, độc giả phải quyết định từ những gì được viết ra đây.

3. Pericles là người của bộ lạc Acamantis⁽³⁸³⁾ và tiểu khu Cholargus, ông thuộc dòng dõi danh giá nhất Athens ở cả bên nội lẫn bên ngoại. Cha

ông là Xanthippus, người đã đánh bại các tướng lĩnh Ba Tư tại Mycale.⁽³⁸⁴⁾ Mẹ ông, Agariste, là cháu gái của Cleisthenes người chẳng những đã thực hiện kỳ công vang dội quét sạch nhà Pisistratid và tiêu diệt thể chế bạo chúa của chúng, mà sau đó còn xây dựng bộ luật và hiến pháp được cân nhắc tài tình sao cho thúc đẩy sự hòa hợp giữa các công dân và an ninh của toàn thành bang. Agariste có lần mơ thấy mình hạ sinh một con sư tử, và vài ngày sau bà sinh ra Pericles. Những đặc điểm thể chất của ông hầu như hoàn hảo, trừ mỗi cái đầu hơi dài và méo. Vì lý do này mà hầu hết các bức chân dung đều thể hiện ông đội mũ sắt, bởi hình như các họa sĩ không muốn chế nhạo ông với dị dạng này. Tuy nhiên, các nhà thơ hài kịch Athens đã đặt biệt danh cho ông là “*schinocephalus*” hay “đầu củ hành,” chẳng hạn như Cratinus⁽³⁸⁵⁾ trong vở *The Tutors* (Những gia sư) của mình đã viết rằng “Ông già Cronos đã lấy nữ thần chia rẽ, và con của họ rớt cuộc lại là tên bạo chúa lớn nhất: giờ đây thần linh gọi anh ta là “Người gom đầu.” Và một lần nữa trong *Nemesis* ông ta nhắc đến “Zeus, thần bảo hộ đám ngoại quốc và những cái đầu.” Telecleides⁽³⁸⁶⁾ thì mô tả Pericles đang ngồi trên Acropolis bối rối trăm bề, “lúc nặng trĩu với những âu lo về thành bang, lúc tự mình gây chiến náo động, từ chiếc sọ đủ chỗ cho 11 người nấp.” Và Eupolis trong *Dane*⁽³⁸⁷⁾ nêu ra những câu hỏi về mỗi lãnh đạo rất được hâm mộ khi họ trở về từ thế giới của Hades,⁽³⁸⁸⁾ và bình luận khi cái tên của Pericles được gọi lên sau cùng:

Giờ đây ông đã đem đến cho chúng tôi người cầm đầu
Của những kẻ đến từ địa ngục đó.

4. Thầy dạy nhạc của ông,⁽³⁸⁹⁾ như hầu hết các tác giả đồng ý, là Damon (tên người này nên được phát âm với âm tiết ngắn đầu tiên), mặc dù theo Aristotle⁽³⁹⁰⁾ ông đã được Pythocleides⁽³⁹¹⁾ đào tạo kỹ càng về âm nhạc. Vì

Damon này hình như từng là nhà ngục biện ở đẳng cấp cao nhất, đã dùng việc dạy âm nhạc như tấm bình phong che đậy tài năng thật sự của mình trước mọi người; thật ra chính ông ta là người đã đào luyện cho Pericles về tranh đấu chính trị, như cách một huấn luyện viên sửa soạn cho vận động viên vậy. Tuy nhiên, chiếc đàn lia của Damon đã không thành công trong việc áp đặt lên người Athens, và ông ta đã bị trục xuất với bản án lưu đày vì tội vận động ngầm và ủng hộ mạnh mẽ chế độ bạo ngược, ông ta cũng trở thành đích ngắm cho các nhà thơ hài kịch. Dù sao đi nữa nhà hài kịch Plato đã để một trong những nhân vật của mình nói mấy lời sau về ông ta

Trước hết xin ông hãy trả lời câu hỏi của tôi
Vì ông là Chiron⁽³⁹²⁾ họ nói, đã dạy nên Pericles.

Pericles cũng đã theo học Zeno xứ Elea⁽³⁹³⁾ trong thời kỳ mà cũng như Parmedines, ông ta đang thuyết giảng về triết học tự nhiên. Zeno đã hoàn thiện một kỹ thuật thẩm vấn chéo cho phép mình dồn đối thủ vào thế bí bằng phương pháp hỏi đáp, và Timon xứ Phlius⁽³⁹⁴⁾ đã mô tả về ông

Zeno, kẻ công kích mọi thứ, có cái miệng lợi hại như một thứ vũ khí
hai lưỡi tranh biện với sức mạnh khôn cưỡng dù ở bên nào.

Nhưng có một người gắn bó với Pericles hơn ai hết, người đã tạo cho ông một tác phong oai vệ có ma lực lôi cuốn hơn bất kỳ kẻ mị dân nào, và đã giúp hình thành nơi ông vẻ uy nghiêm tự nhiên của nhân cách ở mức độ cao nhất. Đó là Anaxagoras xứ Clazomenae, thường được người đương thời coi là hiện thân của Trí tuệ. Họ ban cho ông ta danh hiệu này hoặc vì

lòng ngưỡng mộ trí tuệ phi phạm mà ông ta thể hiện trong việc nghiên cứu những hiện tượng thiên nhiên, hoặc vì ông ta là người đầu tiên hạ bộ Ngẫu nhiên và Tất nhiên và đưa Trí tuệ thuần khiết vào chỗ của nó như là nguyên lý và quy luật vận hành của vũ trụ, và phân biệt với mớ bòng bong hỗn độn của những thực thể sở hữu các nguyên tố chung.

5. Pericles có sự ngưỡng mộ vô bờ bến với Anaxagoras, và tâm trí ông đã say sưa chìm đắm vào cái gọi là triết học cao hơn và sự tự biện trừu tượng. Ông đã rút ra từ đó không chỉ một phẩm cách tinh thần và sự tao nhã của ngôn từ hoàn toàn vượt thoát khỏi những trò mua vui thô bỉ và cầu thả của nhà diễn thuyết bình dân, mà còn là vẻ điềm đạm trang nghiêm không bao giờ biến thành trò cợt nhả, sự thông thả trong cử động và lối phục sức trang nhã khiến không gì có thể chen vào gây xáo trộn khi ông đang nói với một chất giọng mạnh mẽ và thậm chí ngân nga, và những đặc điểm khác đại loại gây ấn tượng sâu sắc với cử tọa. Dù sao đi nữa, trên thực tế đã có lần ở nơi họp chợ, khi đang có việc cấp bách phải giải quyết, ông để cho một tên vô lại nhàn rỗi nào đó lảng mạ và mắng nhiếc mình suốt cả ngày mà không một lời đáp lại. Đến chiều tối ông thản nhiên trở về nhà, trong khi tên này theo sát phía sau, vẫn tuôn ra mọi lời lẽ xúc phạm ông. Khi Pericles sắp bước vào nhà thì trời đã tối, ông bèn lệnh cho một gia nhân cầm đuốc hộ tống tên này suốt đường về.

Tuy nhiên, nhà thơ Ion⁽³⁹⁵⁾ nói rằng Pericles có lối ăn nói khá khinh thị và kiêu kỳ, và rằng sự kiêu hãnh của ông nhiều phần xuất phát từ sự hợm hĩnh và khinh miệt người khác. Trái lại, ông ta khen ngợi tính cách thoải mái, hài hước, và lịch sự mà Cimon thể hiện trong đối nhân xử thế. Nhưng chúng ta không cần chú ý nhiều đến Ion, người hình như chờ đợi rằng đức hạnh, giống như một tác phẩm kịch bộ tứ hoàn chỉnh, tất phải bao gồm một yếu tố của hài kịch bậc thấp. Phản bác điều này, Zeno thường kêu gọi tất cả những ai chế nhạo tính cách khắc khổ của Pericles

chính là sự tự phụ và khao khát nổi danh hãy đi ra và tự mình hành xử như thế; ý tưởng của ông này là chỉ việc bắt chước những đức tính cao quý, sau một thời gian sẽ khiến họ vô thức tiếp nhận như một thói quen và thậm chí thán phục nó.

6. Đây không phải những lợi điểm duy nhất mà Pericles có được từ mối tương giao với Anaxagoras. Ông hình như cũng đã học từ lời dạy của thầy để vượt qua nỗi sợ đầy mê tín bắt nguồn từ sự hiểu kỳ dốt nát trước các hiện tượng thông thường của trời đất. Nó tác động đến những người không biết gì về nguyên nhân của mấy chuyện đó, những người sợ sệt thần linh đến mức ngây dại và dễ bị hoang mang bối rối do thiếu kinh nghiệm. Trong khi đó, sự am hiểu những nguyên nhân tự nhiên sẽ xua tan nỗi khiếp nhược này và thay thế sự sùng bái bệnh hoạn bằng lòng sùng đạo dựa trên căn cơ vững vàng của các niềm hy vọng duy lý.

Có câu chuyện kể rằng Pericles từng được điền trang thôn quê của ông gửi cho cái đầu của con cừu đực một sừng. Nhân đó nhà tiên tri Lamport⁽³⁹⁶⁾ khi nhìn thấy chiếc sừng mọc vững vàng chắc chắn ở giữa trán con vật, đã tuyên bố rằng quyền kiểm soát hai phe phái nổi trội trong thành phố - mà bấy giờ được Thucydides và Pericles thay nhau lãnh đạo - sẽ tập trung vào tay một người, và rằng ông chính là người mà dấu hiệu này đã chỉ ra. Ngược lại, Anaxagoras đã mổ xẻ chiếc sọ và tiến hành chứng minh rằng bộ não đã không lấp đầy khoảng không tự nhiên của nó, mà co rút vào một điểm như quả trứng tại cái hốc mà từ đó chiếc sừng mọc lên. Lần đó, như chuyện kể lại, chính Anaxagoras là người nhận được sự thán phục của những kẻ đứng xem, nhưng không lâu sau Lamport đã thế vào chỗ của ông này, vì Thucydides bị lật đổ và toàn bộ quyền điều hành công việc rơi vào tay Pericles.

Tuy nhiên, theo ý tôi thì không có gì ngăn cản được cả nhà khoa học lẫn nhà tiên tri khỏi sự thật, vì một người chẩn đoán đúng nguyên nhân

và người kia thì là ý nghĩa của điều kỳ diệu. Việc của người trước là quan sát vì sao điều đó xảy ra và nó trở nên như vậy bằng cách nào, còn của người sau là tiên đoán mục đích của một biến cố và ý nghĩa của nó. Những người nói hãy tìm kiếm nguyên nhân của một hiện tượng mà chẳng cần xét đến ý nghĩa của nó không nhận ra rằng cách lập luận tương tự vốn lý giải cho các điềm linh thiêng cũng sẽ chẳng cần xét đến những biểu tượng nhân tạo do con người làm ra. Tiếng gõ đồng chiêng, ngọn lửa hiệu, và bóng râm trên đồng hồ mặt trời hết thảy đều có các nguyên nhân đặc thù của chúng, nhưng tất cả đều được xếp đặt để biểu thị điều gì đó khác. Tuy nhiên, có lẽ đây là đề tài cho một tiểu luận riêng.

7. Khi còn trai trẻ Pericles có xu hướng tránh gặp mặt mọi người. Một lý do là ông bị coi là có nét tương đồng rõ rệt với bạo chúa Pisistratus, và khi những bậc cao niên nhận xét về sức hấp dẫn của chất giọng và lối nói năng mượt mà trôi chảy của ông, họ lấy làm kinh ngạc bởi sự giống nhau giữa hai người. Thực tế rằng ông giàu có và xuất thân từ một gia tộc lỗi lạc và có bạn bè cực kỳ quyền thế khiến cho mỗi nguy lưu ãày trở nên rất thật với ông, và ngay từ buổi đầu sự nghiệp ông đã không can dự vào chính trị mà dành hết cho binh nghiệp, ở đó ông đã chứng tỏ lòng quả cảm và táo tợn phi thường. Tuy nhiên, thời cơ đã đến khi Aristides chết, Themistocles bị lưu ãày, và Cimon thường xuyên vắng mặt vì những chiến dịch xa nhà. Thế là cuối cùng Pericles đã quyết định đứng về phía nhân dân và gắn bó với sự nghiệp bênh vực người nghèo và đa số thay vì người giàu và thiểu số, bất chấp thực tế là điều đó hoàn toàn trái ngược với khí chất hết sức quý tộc của ông. Hình như ông sợ bị nghi ngờ là đang nuôi ý đồ gây dựng chế độ tổng tài; vì vậy khi nhận thấy rằng Cimon đang dành cảm tình nồng nhiệt cho giới quý tộc, và rằng ông ta là thần tượng của phe quý tộc, ông bắt đầu ra sức lấy lòng dân chúng, một phần

để tự bảo toàn và một phần để tranh đoạt quyền lực với đối thủ của mình.

Giờ đây ông bắt đầu một lối sống mới. Chưa bao giờ thấy ông tản bộ ngoại trừ trên con đường dẫn tới nơi họp chợ và phòng Hội đồng. Ông từ chối không chỉ những lời mời ăn tối mà còn mọi loại hình giao thiệp dù thân hay sơ, đến nỗi trong các năm dài hoạt động chính trị, ông chưa một lần đến nhà bạn bè dùng bữa. Ngoại lệ duy nhất là dịp ông cậu Eurypotemus tổ chức tiệc cưới. Pericles ngồi tại bàn đến khi nghi lễ rầy rệu cúng⁽³⁹⁷⁾ diễn ra vào cuối bữa ăn, sau đó ông lập tức đứng dậy ra về. Những dịp yến tiệc là cách để làm sụp đổ ngay cả một phong thái uy nghi nhất, và trong các mối quan hệ thân tình thật khó mà giữ được dáng vẻ oai nghiêm vốn khoác lên chỉ là để chiều lòng những con mắt trông vào, mặt khác, đức hạnh chân chính chỉ có thể gây ấn tượng hơn khi được nhìn thấy nhiều hơn, và cuộc sống thường ngày của một người tốt thật sự không bao giờ được thế giới bên ngoài cảm phục bằng trong thế giới bạn bè thân thiết của người đó.

Tuy nhiên, Pericles đã cẩn thận không để mình trở thành một nhân vật quá suông sã, ngay cả với dân chúng, ông chỉ nói chuyện với họ theo những quãng cách rất thưa thớt. Ông không nói về mọi vấn đề, mà để dành mình, như cách nói của Critolaus⁽³⁹⁸⁾ là như chiếc quốc thuyền ga-lê Salamina, cho những dịp hệ trọng, và để cho bạn hữu và những diễn giả khác nói về các vấn đề kém quan trọng hơn. Một trong số đó, người ta nói, là Ephialtes, người đã thủ tiêu quyền lực của Hội đồng Areopagus và bằng cách này, như cách diễn đạt của triết gia Plato,⁽³⁹⁹⁾ đã dội một con lũ tự do xuống đầu người dân và khiến họ trở nên bất kham đến nỗi họ “gặm dần Euboea và giày xéo các hòn đảo, như một con ngựa khi không còn bị chế ngự bởi sợi dây cương.”

8. Pericles muốn trang bị cho mình một phong cách nói năng mà giống như một thành quả âm nhạc, sẽ hòa hợp hoàn hảo với lối sống và sự vĩ đại của những lý tưởng nơi ông, và ông thường tận dụng công cụ mà Anaxagoras đã trao cho mình, và có thể nói là đã làm cho nghệ thuật hùng biện của ông nhuộm màu triết lý tự nhiên. Chính từ nền tảng triết học mà ông đã đạt tới này, ngoài những tài năng thiên phú được Plato thần thánh gọi là “sự cao quý của tư tưởng và sức mạnh sáng tạo một công trình hoàn hảo lý tưởng,”⁽⁴⁰⁰⁾ và bằng việc vận dụng sự tôi luyện này vào nghệ thuật hùng biện mà ông đã vượt xa mọi diễn giả khác. Một số người nói, đây là lý do cho biệt hiệu thần Olympia của ông, mặc dù số khác tin rằng đó là do những công trình được ông tô điểm cho Athens, và số khác nữa cho rằng vì năng lực của ông với tư cách một chính khách và tướng lĩnh; nhưng rất có thể là sự kết hợp nhiều phẩm chất đã mang về cho ông biệt hiệu này. Tuy nhiên, các nhà thơ hài kịch đương thời, vốn không ngừng phê phán ông bằng lời lẽ nghiêm trang hay cợt nhả, tuyên bố rằng biệt hiệu này chủ yếu bắt nguồn từ lối nói năng của ông. Họ ví ông như sấm chớp khi ông nói chuyện với cử tọa và giọng ông mang sức mạnh khủng khiếp của tia sét. Chúng ta hãy nghe một câu nói của Thucydides,⁽⁴⁰¹⁾ con trai của Melesias, vốn được thốt ra trong lúc đùa bỡn, nhưng cũng đủ làm chứng về khả năng thuyết phục của Pericles. Thucydides thuộc về phe quý tộc và là đối thủ chính trị của Pericles trong nhiều năm. Khi Archidamus, Vua Sparta, hỏi rằng giữa ông và Pericles ai vật giỏi hơn, Thucydides đã trả lời: “Thậm chí khi thần vật ngã được ông ta, ông ta vẫn có thể cãi thần là mình chưa bao giờ ngã, và ông ta thậm chí có thể khiến cho khán giả tin điều đó.”

Tuy nhiên, sự thật là Pericles nói năng cực kỳ thận trọng, tới mức mỗi khi đứng dậy phát biểu, ông đều cầu nguyện để miệng mình không thoát ra lời nào không phù hợp với vấn đề trước mắt. Ông chẳng để lại văn bản

nào trừ những sắc lệnh ông đề xuất, và chỉ có rất ít câu nói của ông được truyền lại. Một trong số đó là ông kêu gọi người Athens hãy xóa sổ “cái gai trong mắt Piraeus,” như cách ông gọi Aegina, và thêm nữa là lời nhận định của ông rằng ông đã có thể thấy “cuộc chiến tranh Peloponnese đang ập tới họ.” Một lần khác khi Sophocles, đang cùng phục vụ với ông trong cuộc viễn chinh đến Samos,⁽⁴⁰²⁾ buông lời tán thưởng vẻ đẹp của một chàng trai, Pericles bình luận rằng một vị tướng phải giữ cho đôi mắt mình trong sạch chứ không chỉ là đôi tay. Stesimbrotus cũng chép rằng trong bài diếu văn dành cho những người đã ngã xuống trong cuộc chiến với Samos, Pericles tuyên bố rằng những người này đã trở nên bất tử như thần linh: “vì chúng ta không thể thấy thần linh,” ông nói, “nhưng chúng ta tin họ bất tử bởi lòng tôn kính ta dành cho họ và phúc lành ta nhận từ họ, và cũng vậy với những người đã hy sinh cho quê hương.”

9. Thucydides⁽⁴⁰³⁾ mô tả chính quyền Pericles là mang tính quý tộc rõ rệt - “dân chủ trên danh nghĩa, nhưng trong thực tế được điều hành bởi những công dân hàng đầu.” Nhưng nhiều tác giả khác quả quyết rằng ông là người đầu tiên thúc giục người dân thông qua các biện pháp như chia⁽⁴⁰⁴⁾ cho người Athens đất đai thuộc về các dân tộc lệ thuộc, hay tài trợ⁽⁴⁰⁵⁾ cho những ngày hội công cộng, và trả thù lao⁽⁴⁰⁶⁾ cho nhiều loại dịch vụ công khác nhau, và rằng vì chính sách của ông mà họ đã sa vào thói hư tật xấu và hoang phí và vô kỷ luật thay vì thanh đạm và tri túc như trước. Chúng ta hãy xem xét dưới ánh sáng của những sự kiện rằng điều gì trong chính sách của ông dẫn đến sự thay đổi này.⁽⁴⁰⁷⁾

Vào buổi đầu sự nghiệp, như chúng ta thấy, Pericles đã phải so đo danh tiếng với Cimon, và vì vậy ông đã quyết tâm tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng. Ông không thể tranh đua về sự giàu có hay tài sản mà nhờ đó Cimon chiếm được niềm cảm mến của người nghèo; vì ông này cung cấp bữa tối miễn phí mỗi ngày cho bất kỳ người Athens nào cần nó,

phát quần áo cho người già, và phá bỏ hàng rào trên những điền sản của mình để ai muốn đều có thể hái trái cây. Do thấy mình bị áp đảo về sức hấp dẫn trong phương diện này, Pericles chuyển sự quan tâm sang việc phân phối tài sản công. Ông làm điều này theo lời khuyên của Damonides thuộc tiểu khu Oa, như Aristotle kể với chúng ta;⁽⁴⁰⁸⁾ và chẳng bao lâu sau, với những khoản tài trợ lễ hội công cộng, chi phí cho công tác hội thẩm, những hình thức trợ cấp và phúc lợi khác, ông đã lấy lòng được đám đông dân chúng và tranh thủ sự ủng hộ của họ trong việc công kích Hội đồng Areopagus. Bản thân Pericles không phải là thành viên của cơ chế này, vì ông chưa bao giờ được bổ nhiệm bằng lá phiếu vào cương vị quan chấp chính nào dù ở lĩnh vực tư pháp (chief archon), lập pháp (archon thesmothete), tôn giáo và lễ nghi (king archon) hay quân sự (polemarch). Những vị trí này theo truyền thống được bổ nhiệm bằng lá phiếu, và chỉ những người đã làm tròn phận sự khi giữ chúng mới có cơ hội làm thành viên Areopagus. Vì đã từng bị nó cấm cửa, nên Pericles, một khi tập hợp được sự ủng hộ của công chúng, đã ra sức dẫn dắt phe mình trong chiến dịch chống lại Areopagus, và ông đã làm điều đó thành công đến nỗi chẳng những tước bỏ hầu hết thẩm quyền tư pháp của nó qua một dự luật được Ephialtes đề ra, mà bản thân Cimon còn bị phát vãng⁽⁴⁰⁹⁾ vì bị cáo buộc là thân Sparta và là kẻ thù của lợi ích nhân dân. Song con người này, vốn không hề thua kém một ai ở Athens về gia thế và sự giàu có, đã giành được những thắng lợi vẻ vang nhất trước quân Ba Tư và làm cho thành phố ngập trong tiền bạc và châu báu, như đã được ghi chép trong tiểu sử của mình. Thế là đủ thấy ảnh hưởng của Pericles đối với dân chúng.

10. Bấy giờ án phát vãng thường được luật pháp giới hạn trong quãng 10 năm. Tuy nhiên, trong thời gian ấy⁽⁴¹⁰⁾ người Sparta đã tràn vào vùng Tanagra với một đạo quân hùng hậu và người Athens đã dàn quân

ngheh chiến. Vì vậy Cimon đã trở về từ cuộc lưu đày,⁽⁴¹¹⁾ cầm lấy vũ khí và đứng về phía chiến tuyến của những người cùng bộ lạc, quyết rửa sạch cáo buộc có tình cảm thân Sparta bằng hành động của mình và bằng việc san sẻ gian nguy với đồng bào. Tuy nhiên, bạn bè của Pericles đã hợp lực trục xuất Cimon khỏi hàng ngũ với lý do là ông ta vẫn đang bị phát vãng. Người ta tin rằng chính vì lý do ấy mà Pericles đã vào trận với lòng quả cảm hơn bao giờ hết và đương đầu với nhiều nguy hiểm hơn tất cả mọi người. Cũng trong cuộc chiến này, bạn bè của Cimon, vốn bị Pericles cáo buộc cùng với ông này có xu hướng thân Sparta, đã hy sinh tất cả đến người cuối cùng. Vì vậy người Athens, bấy giờ đã đại bại trên vùng biên giới Attica và chờ đợi người Sparta sẽ gây sức ép với mình vào mùa hạ sắp tới, đã vô cùng ân hận vì cách đối xử với Cimon và mong mỗi đưa ông ta trở về. Ngay khi Pericles hiểu được điều này, ông đã chấp nhận mong muốn của dân chúng không chút lưỡng lự và đã đề ra sắc lệnh triệu hồi đối thủ của mình. Nhờ vậy, Cimon đã trở về từ chốn lưu đày và dàn xếp một hòa ước giữa hai thành phố, vì người Sparta có thiện ý với ông ta không kém việc họ thù địch Pericles và những nhà lãnh đạo dân chủ khác.

Tuy nhiên, một số tác giả khác quả quyết rằng Pericles không đề ra sắc lệnh triệu hồi Cimon cho đến khi giữa họ đạt được một thỏa thuận bí mật với sự giúp đỡ của Elpinice chị gái Cimon. Họ kể, điều khoản của nó là Cimon sẽ cùng một đạo quân viễn chinh 200 chiến thuyền đi chinh phạt lãnh thổ của Vua Ba Tư và sẽ là người chỉ huy ở nước ngoài, trong khi Pericles nắm quyền tối cao ở quê nhà. Người ta cũng tin rằng vài năm trước đó, khi Cimon có nguy cơ bị tử hình⁽⁴¹²⁾ vì cáo buộc phản quốc, và được chọn làm một trong 10 biện lý, Elpinice đã giúp xoa dịu sự thù địch của ông với em trai nàng. Chuyện kể rằng khi nàng đến cầu xin ông, Pericles mỉm cười với nàng mà rằng, “Cô đã quá tuổi, Elpinice, để nhúng

tay vào những chuyện như thế này.” Dù sao đi nữa, Pericles đã chỉ phát biểu một lần duy nhất sau đó với nội dung chính thức xin rút khỏi nhiệm vụ của mình, và rốt cuộc ít gây hại đến Cimon hơn bất kỳ viên biện lý nào.

Do đó, làm sao chúng ta có thể tin vào lời cáo buộc của Idomeneus theo phiên bản của Plutarch về vụ việc. Pericles đã mưu toan ám sát nhà lãnh đạo dân chủ Ephialtes, vốn là bạn và là cộng sự trong chương trình chính trị của ông, chỉ vì đố kỵ với danh tiếng của ông này? Đây hẳn nhiên là lời cáo buộc hiểm ác mà ông đã bịa ra từ một nguồn không rõ ràng nào đó, để ném vào một người vốn có thể đáng chê trách trên các phương diện, nhưng có một tính tình tao nhã và tinh thần trọng danh dự khiến ở đó không còn chỗ cho những thôi thúc tàn bạo và ác độc đến vậy. Về phần Ephialtes, sự thật là các quý tộc có đủ lý do để e ngại ông ta, vì ông ta không ngớt kêu gọi trách nhiệm giải trình và khởi tố những người gây phương hại đến nhân dân bằng bất kỳ cách nào, và vì vậy đám kẻ thù đã hợp lực chống lại ông ta và bí mật sắp xếp để Aristodicus xứ Tanagrar giết hại ông ta, theo Aristotle.⁽⁴¹³⁾ Cái chết của Cimon xảy ra sau đó trong chiến dịch của mình ở Cyprus.⁽⁴¹⁴⁾

11. Phe quý tộc ít lâu sau đã nhận ra rằng Pericles giờ đây là người quan trọng nhất ở Athens, và rằng ông có nhiều quyền lực vượt xa mọi công dân khác. Nhưng họ nóng lòng muốn có một ai đó trong thành phố đủ sức đương đầu với ông hòng làm nhụt uy thế của ông và ngăn nó trở thành một nền quân chủ triệt để. Họ bèn chọn Thucydides xứ Alopece, một con người của lương tri và là họ hàng của Cimon, làm lãnh đạo phe đối lập. Ông ta không phải là một chiến binh như Cimon, nhưng thạo công việc pháp lý và là một chính khách có năng lực hơn, nên bằng việc vun vén những cơ hội ở quốc nội và lôi cuốn Pericles trong tranh luận, ông ta đã sớm thành công trong việc tạo ra thế cân bằng quyền lực trong

các chính sự ở Athens. Ông ta không để cho giới quý tộc, mệnh danh là phe của người tốt và chân chính, bị tàn sát giữa đám đông trong Hội đồng quốc dân, như họ đã từng bị trong quá khứ, với hệ quả là sức ảnh hưởng của họ bị chìm đi trong số đông thuần túy. Thay vì vậy, bằng việc tách riêng và tập hợp họ vào một khối duy nhất, ông ta có thể tập trung sức mạnh của họ thành một đối trọng hiệu quả về mặt tỉ lệ. Bên dưới bề mặt của các chính sự ở Athens, ngay từ đầu đã tồn tại một thứ rạn nứt thường thấy ở một tấm sắt, vốn là dấu hiệu của sự bất đồng giữa những mục tiêu của nhân dân và của phe quý tộc, nhưng bấy giờ những tham vọng đối nghịch của hai người này và sự tranh giành quyền lực gay gắt của họ đã nói rộng đột ngột sự chia rẽ này và khiến cho một bên bị gọi là phe của số đông và bên kia là của số ít. Pericles vì lẽ ấy đã chọn thời khắc này để chuyển giao thể chế quyền lực cho người dân với mức độ lớn hơn bao giờ hết và chủ ý định hình chính sách sao cho làm hài lòng họ. Ông liên tục tổ chức những lễ hội công cộng hoành tráng, những bữa tiệc, những đám rước trong thành phố, chiêu đãi mọi người hết mực với các thú vui tao nhã; và ông cử 60 chiến thuyền đi tuần tiểu hằng năm, trong đó nhiều công dân phục vụ được trả lương tám tháng và được học tập cũng như thực hành nghề đi biển cùng lúc. Bên cạnh đó, ông cho 1.000 người đến định cư ở Chersonese,⁽⁴¹⁵⁾ 500 đến Naxos, 250 đến Andros, 1.000 đến Thrace sinh cơ lập nghiệp cùng với người Hisaltae, và những người khác đến khu thuộc địa mới tên là Thurii, được thành lập gần thành phố Sybaris ở Ý. Nhờ đó ông giảm bớt cho thành phố một số lớn những kẻ ăn không ngồi rồi và những kẻ kích động, nâng cao mức sống của các giai cấp nghèo nhất, và thiết lập các đơn vị đồn trú giữa các đồng minh, đồng thời gieo nỗi lo sợ lạnh mạnh về sự nổi loạn.

12. Nhưng có một biện pháp mà lập tức đã mang lại niềm vui lớn nhất cho người Athens, làm đẹp cho thành phố của họ và khiến toàn thể loài

người kinh ngạc sững sờ, và hãy còn đến ngày nay như một chứng tích độc nhất rằng những câu chuyện về sức mạnh thời cổ đại và vinh quang của Hy Lạp không chỉ là truyền thuyết. Qua đó, tôi muốn nói đến việc xây dựng những đền đài và tòa nhà công cộng của ông; và chính việc này, chứ không phải hành động nào khác của ông, đã khiến cho kẻ thù phỉ báng và hiểu lầm ông nhiều nhất. Họ la toáng lên trong Hội đồng quốc dân rằng Athens đã vứt bỏ thanh danh và tự làm ô nhục mình qua việc chuyển ngân quỹ được toàn Hy Lạp đóng góp từ Delos về tay mình, và rằng giờ đây lý do hợp lẽ nhất cho hành động này cụ thể là do e ngại người rợ mà tiền được chuyển đi và được canh giữ ở nơi an toàn, đã bị chính Pericles đánh đổ. “Người Hy Lạp chắc rất phẫn nộ,” họ gào lên. “Họ hẳn coi đây là một hành động ngạo ngược trơ tráo, khi nhìn tấm thảm do họ đóng góp công sức đã bị đoạt khỏi tay mình bằng vũ lực nhân danh cuộc chiến với người Ba Tư, chúng ta đang tô điểm và làm đẹp cho thành phố mình, như thể một người đàn bà phù phiếm nào đó đang khoác lên người những viên đá và tượng đài và đền thờ trị giá nhiều tiền bạc.”

Câu trả lời của Pericles⁽⁴¹⁶⁾ với họ là người Athens không cần có bất kỳ lời giải thích nào với các đồng minh về việc tiền nong đã được chi ra sao cho việc xả thân chiến đấu và ngăn bước quân Ba Tư. “Họ không cấp cho chúng ta dù chỉ một con ngựa, một người lính, hay một chiếc thuyền. Tất cả những gì họ cung cấp là tiền,” ông nói với người Athens, “và số tiền này không thuộc về kẻ trao mà là người nhận, ai thực hiện công việc người ấy được trả tiền. Điều hoàn toàn hợp lý là sau khi Adieus được trang bị tất cả những gì nó cần để tiến hành chiến tranh, nó sẽ dùng phần dư thừa cho những công trình công cộng mà một khi hoàn thành, sẽ mang lại vinh quang muôn đời cho nó, và khi chúng đang được xây dựng sẽ làm cho phần dư thừa ấy trở nên hữu ích lập tức. Bằng cách này, tất cả các dự án việc làm và nhu cầu sẽ được tạo ra và truyền cảm hứng

cho mỗi hình thức nghệ thuật, tạo việc làm cho mọi người, và biến toàn thể công dân thành người làm công ăn lương, nhờ đó thành phố sẽ được trang hoàng và đồng thời tự chu cấp nhờ những nguồn lực của chính mình.”

Dĩ nhiên, đúng là những người mạnh khỏe trong độ tuổi tòng quân vào thời kỳ đẹp nhất của họ thường có thể được nhận lương từ công quỹ khi phục vụ cho nhiều chiến dịch khác nhau của Pericles. Nhưng ông cũng lo lắng sao cho đám đông không có chuyên môn, không được huấn luyện về quân sự, sẽ không bị cấm hưởng lợi từ thu nhập quốc gia, và tất nhiên là sẽ không được trả lương để ngồi không. Vì vậy ông đã mạnh dạn đề ra trước quốc dân những công trình công cộng đồ sộ và các kế hoạch xây dựng, sẽ liên quan đến nhiều lĩnh vực nghệ thuật và nghề nghiệp, đòi hỏi nhiều thời gian để hoàn thành, mục tiêu của ông là ngay cả những ai ở nhà, chứ không chỉ người phục vụ trong thủy đội hay quân đội hay làm lính đồn trú, cũng sẽ được chung hưởng sự giàu có của quốc gia. Vật liệu được sử dụng là đá, đồng, ngà, vàng, gỗ mun, và gỗ bách, trong khi những người thuộc các ngành nghề sẽ thi công hoặc tạo hình cho chúng bao gồm thợ mộc, thợ làm khuôn tượng, thợ đúc đồng, thợ xây đá, thợ nhuộm, thợ chế tác vàng và ngà, thợ vẽ, thợ thêu, thợ chạm, bên cạnh đó là lực lượng vận chuyển và cung cấp vật liệu, như các thương nhân, thủy thủ, hoa tiêu hàng hải, thợ đóng xe ngựa, người huấn luyện động vật thồ hàng, và người lái mọi thứ trên bộ. Ngoài ra còn có thợ bện thừng, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ làm đường và khai mỏ. Mỗi một nghề nhân, giống như một vị tướng với đạo quân dưới trướng, có một đội quân lao động không tay nghề để sai phái, và họ làm việc với tư cách thuộc cấp, như công cụ phục tùng bàn tay, hay thân xác vâng theo linh hồn, và thông qua những nhu cầu phong phú này mà sự thịnh vượng của thành phố đã được mở rộng ra và san sẻ cho mọi độ tuổi và cảnh ngộ ở Athens.

13. Vậy là các tòa nhà mọc lên, với kích thước choáng ngợp và sự tao nhã không thể bắt chước trong từng đường nét, vì các nghệ sĩ đã cố gắng vượt lên chính mình bằng vẻ đẹp của tay nghề. Thế nhưng điều kỳ diệu nhất là tốc độ hoàn thành chúng. Mọi người cho rằng mỗi công trình sẽ mất nhiều thế hệ mới xây xong, nhưng trên thực tế toàn bộ dự án đã được hoàn thành trong suốt mùa hè cao điểm dưới sự quản lý của một người. Mặt khác, chúng ta được kể rằng họa sĩ Zeuxis⁽⁴¹⁷⁾ khi nghe Agatharchus⁽⁴¹⁸⁾ khoe việc mình đã vẽ những hình ảnh mau lẹ và dễ dàng ra sao, bèn đáp, “Còn tôi xem ra phải vẽ lâu hơn.” Tất nhiên, chỉ mỗi sự khéo tay và tốc độ thực hiện thì hiếm khi mang lại giá trị lâu dài cho tác phẩm nghệ thuật hoặc đem lại cho nó vẻ đẹp tinh tế. Chính thời gian lao động sáng tạo mới là thứ đền đáp lại chúng ta bằng sức sống lâu dài của tác phẩm. Trên hết, đây là điều làm cho các công trình của Pericles trở thành kỳ quan đối với chúng ta - thực tế là chúng được tạo ra trong quãng thời gian khá ngắn ngủi và không ngơi nghỉ. Mỗi tác phẩm sở hữu một vẻ đẹp đáng ngưỡng mộ gần như ngay từ thời khắc nó ra đời, đồng thời mang sức sống trẻ trung mà với hôm nay cứ như thể chúng vừa được xây nên. Một vẻ rực rỡ tinh khôi bất hoại cứ phảng phất trên những công trình này của ông và giữ cho chúng không bị nhuộm màu thời gian, như thể một tâm hồn tươi trẻ không phai, một sức sống vĩnh cửu nào đó đã thổi hồn vào chúng.

Người quản lý và giám sát toàn bộ công việc này là Pheidias, mặc dù có những kiến trúc sư và họa sĩ vĩ đại khác nhau phụ trách từng tòa nhà riêng biệt. Chẳng hạn, Callicrates và Ictinus là những kiến trúc sư của Parthenon⁽⁴¹⁹⁾ với nội điện dài 30,5 m; Coroebus là người khởi công xây đền điểm đạo ở Eleusis, nhưng ông ấy chỉ kịp sống để nhìn thấy mấy cây cột dựng trên tầng trệt và mấy thanh dầm đặt lên các đầu cột. Sau khi ông ấy chết, Metagenes xứ Xypete bổ sung điểm cột và dây cột cao, còn

Xenocles thuộc tiểu khu Cholargus đã trang hoàng nó với chiếc đèn lồng trên điện thờ. Callicrates là nhà thầu xây Trường thành thứ ba,⁽⁴²⁰⁾ chạy dài giữa hai trường thành đầu, và Socrates nói rằng⁽⁴²¹⁾ chính mình đã nghe thấy Pericles đề ra sắc lệnh với dân chúng. Cratinus đã giễu cợt tiến độ ì ạch của công trình này mà rằng

Pericles hẳn đã xây xong thành này từ lâu, nếu lời nói suông có thể làm việc đó;
Trên thực tế, nó còn chưa dài được một phân

Odeon,⁽⁴²²⁾ với bên trong xếp đặt đủ cho nhiều dãy ghế và cột đỡ, có vòm mái tròn từ đỉnh dốc xuống, được cho là bản sao chính xác nhà rạp của Vua Ba Tư, và nó cũng được xây theo chỉ thị của Pericles. Vì lý do này Cratinus lại có sự cợt nhả khác trong vở hài kịch *The Thracian Women* (Phụ nữ Thracian):

Bắt chước Zeus ông đội củ hành trên đầu,
Bắt chước Pericles cả dàn nhạc ăn vận;
Ngại gì nóng bức và án lưu đày thêm nữa,
Ông chỉnh lại cây đàn (lia) mà lúc trước ông còn run rẩy.

Đồng thời, vẫn không nguôi tìm kiếm danh vọng, Pericles đã cho thông qua sắc lệnh tổ chức một cuộc thi âm nhạc như một phần của lễ hội Panathenaia.⁽⁴²³⁾ Bản thân ông được bầu làm thành viên ban điều hành và đề ra những quy tắc về việc các đối thủ nên hát hay thổi sáo hay chơi đàn lia ra sao. Lúc bấy giờ và từ đó trở đi khán giả kéo đến Odeon để nghe những cuộc so tài âm nhạc này.

Các cổng lớn Propylaea dẫn vào Acropolis⁽⁴²⁴⁾ với Mnesicles⁽⁴²⁵⁾ làm kiến trúc sư, được hoàn thành trong thời gian năm năm. Trong khi xây dựng chúng, một biến cố kỳ lạ đã xảy ra, cho thấy là nữ thần Athena tuyệt nhiên không bàng quan đứng nhìn, mà đang chìa tay giúp đỡ hoàn thành công việc. Một người thợ tích cực và năng nổ nhất trong đám thợ bị trượt chân ngã từ trên cao chót vót. Anh ta nằm một lúc vì bị trọng thương, và các thầy thuốc cho rằng anh ta không có hy vọng gì hồi phục. Pericles rất đau buồn vì chuyện này, nhưng nữ thần đã hiện ra với ông trong giấc mơ và chỉ cách cứu chữa, và ông làm theo, kết quả là người thợ hồi phục dễ dàng và chóng vánh. Để tưởng niệm việc này, Pericles cho tạc bức tượng đồng Athena Nữ thần cứu chữa gần bàn thờ của nữ thần này, mà người ta nói là đã ở đó từ trước.

Nhưng chính Pheidias là người đã chỉ đạo việc tạc bức tượng Athena vĩ đại bằng vàng, và tên ông ta được khắc trên tấm đá hoa cương ở Acropolis với tư cách người sáng tạo nó. Hầu như toàn bộ công trình này nằm trong tay ông ta, và vì tình bạn của ông ta với Pericles mà tất cả nghệ nhân và thợ thủ công, như tôi đã nói, đều nghe theo lệnh của ông ta. Hệ quả là bản thân ông ta trở thành nạn nhân của sự đố kỵ còn người bảo trợ ông ta thì bị vu khống, vì có lời đồn thổi về việc Pheidias đã sắp xếp các cuộc đàn díu cho Pericles với những phụ nữ Athens tự do, khi họ đến với cái cố thưởng ngoạn những công trình nghệ thuật. Các nhà thơ hài kịch lợi dụng câu chuyện này và ném như mưa những lời cạnh khỏe mà họ có thể nghĩ ra được vào Pericles, gán ghép tên ông với vợ của Menippus, vốn là bạn và phục vụ dưới trướng ông với tư cách phó tư lệnh quân đội. Ngay cả thú nuôi chim của Pyrilampus cũng bị lôi vào, và vì là bạn của Pericles, nên ông ta bị kết tội dùng chim công làm quà tặng cho những phụ nữ ban ân cho Pericles. Thực tế thì những ai không biết gì đến khuôn phép trong cuộc sống riêng của mình lại càng dễ dàng đổ

những lời vu khống bắn thù lên người tốt hơn mình và biến mình thành nạn nhân của con ác quỷ đố kỵ. Và quả thực, chúng ta khó có thể ngạc nhiên với điều này, khi chúng ta thấy ngay cả Stesimbrotus xứ Thasos cũng dám lan truyền cáo buộc ghê gớm và hoàn toàn vô căn cứ rằng Pericles đã dụ dỗ vợ của con trai mình. Điều này chỉ càng cho thấy sự thật bị các trở ngại vây khốn đến mức nào và chuyện lần ra nó qua việc nghiên cứu lịch sử là khó khăn ra sao. Các tác giả khi mô tả về những sự kiện đã diễn ra trước thời họ sống đều nhận thấy tầm nhìn của mình về chúng thường bị che phủ bởi bức màn thời gian, trong khi những người điều tra việc làm và cuộc đời của người cùng thời với mình lại có khuynh hướng thói nát và bóp méo sự thật, trong một số trường hợp là vì sự đố kỵ hay thù ghét cá nhân, trong các trường hợp khác là vì muốn xu nịnh hoặc tỏ ra ban ơn.

14. Thucydides và những thành viên khác của phe mình không ngừng tố cáo Pericles hoang phí tiền công ích và khiến ngân khố quốc gia hao tổn, vậy là Pericles bèn kêu gọi mọi người trong Hội đồng quốc dân góp ý thẳng thắn xem ông có chi tiêu quá nhiều hay không. “Quá quá nhiều” là câu trả lời của họ, Pericles liền đáp, “Rất tốt, vậy thì hãy để tôi trang trải nó bằng tiền của mình thay vì công quỹ, và tôi sẽ đề tên mình vào tất cả những công trình công cộng ấy.” Có thể mọi người bấy giờ đã thán phục cử chỉ của ông với một tinh thần cao thượng, hoặc giả họ chỉ đang có tham vọng như Pericles là được dự phần vào vinh quang trong những công trình của ông. Dù sao đi nữa họ đã nổi cơn om sòm và họ bảo ông cứ việc dùng tiền công quỹ và không cần đắn đo trong việc chi tiêu. Sau cùng, Pericles đã mạo hiểm đưa ra vấn đề phát vãng như một phép thử, và kết quả mà ông đạt được là đối thủ của ông⁽⁴²⁶⁾ bị lưu đày và phe phái được tổ chức để chống lại ông thì bị giải tán.

15. Từ thời điểm này, sự đối lập chính trị đã chấm hết, các phe phái hợp nhất làm một, thành phố trình ra một bộ mặt duy nhất và không chia rẽ. Pericles bấy giờ bắt đầu kiểm soát không chỉ nội vụ, mà cả mọi thứ liên quan tới thẩm quyền của Athens: chúng bao gồm việc cống nạp, quân đội, hải quân, các hòn đảo, các vấn đề hàng hải, những nguồn lực to lớn mà Athens nhận được từ các thành bang Hy Lạp cũng như từ người rợ, và quyền lãnh đạo mà nó thực thi được củng cố bởi những thành bang lệ thuộc, kết giao với các quốc vương và liên minh với các triều đại. Nhưng đồng thời, lối hành xử của Pericles lại mang một đặc điểm hoàn toàn khác. Ông không còn tỏ ra quá dễ bảo đối với dân chúng, cũng không quá dễ dàng nhượng bộ tính đồng bóng của họ, vốn thất thường và hay thay đổi như những cơn gió. Ông từ bỏ đường lối lãnh đạo có phần nhu nhược và nuông chiều mà ông đôi khi đã thể hiện, có thể được so sánh với một giai điệu mềm mại và văn hoa, chuyển sang phong cách cai trị cứng rắn, tao nhã kiểu quý tộc, thậm chí vương giả. Và bởi ông dùng uy quyền một cách trung thực và kiên định vì lợi ích của thành phố, nên ông thường có khả năng lôi kéo được mọi người bằng sự thuyết phục và lập luận hợp lý. Song vẫn có những lúc họ bất mãn gay gắt với chính sách của ông, bấy giờ ông mới siết chặt sự kiểm chế và buộc họ làm những gì có lợi cho họ, rất giống cách một thầy thuốc khôn ngoan chữa trị một căn bệnh kéo dài và phức tạp, cho phép bệnh nhân có những phút giây nào đó tận hưởng mấy thú vui vô hại, những lúc khác lại kê các đơn thuốc đắng và cay để chữa trị cho anh ta. Điều gì phải đến ắt sẽ đến, dù mọi kiểu hỗn loạn đã xuất hiện giữa đám đông công dân sở hữu một đế chế vĩ đại như Athens, và Pericles là người duy nhất có thể giữ chúng trong vòng kiểm soát. Ông làm được điều này thường xuyên nhất bằng cách lợi dụng niềm hy vọng và sợ hãi của mọi người giống như những bánh lái, kiểm chế họ khi họ kiêu căng và cổ vũ niềm hy vọng hoặc an ủi họ khi họ

ngã lòng. Qua đó ông chứng tỏ rằng hùng biện, theo lối diễn đạt của Plato,⁽⁴²⁷⁾ là nghệ thuật tác động đến tâm hồn bằng phương tiện lời lẽ, và rằng công việc chủ yếu của nó là hiểu rõ tính cách và đam mê của con người, mà có thể nói là bánh lái của tâm hồn và cán một sự tác động khéo léo và tinh tế nhất. Như Thucydides kể với chúng ta,⁽⁴²⁸⁾ bí mật của quyền lực ở Pericles phụ thuộc không chỉ vào sự hùng biện của ông, mà còn vào danh tiếng cả đời ông đã có được và vào lòng tin ông đã xác lập như một người tỏ ra hoàn toàn đứng vững với những trò mua chuộc. Athens vốn đã vĩ đại khi ông lên lãnh đạo, ông đã biến nó trở nên vĩ đại và giàu có nhất trong mọi thành phố, và ông đã đi đến chỗ thu tóm quyền hành vào tay nhiều hơn cả các quân vương và bạo chúa. Và đến cuối cùng, ông không lấy dù chỉ 1 drachma từ công quỹ để làm sinh sôi cho gia tài cha để lại dù đây là nguồn mà một số người thậm chí chỉ tìm mọi cách để truyền lại cho con cái mình.

16. Cho dù không vị kỷ, nhưng chẳng thể nghi ngờ về quyền lực của ông, được Thucydides mô tả với chúng ta rõ ràng, và ngay cả những nhà thơ hài kịch cũng vô tình xác nhận nó trong các chuyện cười hiểm ác của mình. Chẳng hạn, họ đặt biệt danh cho ông và các đồng sự của ông là “những Pisistratus mới,” và kêu gọi ông tuyên thệ không bao giờ dẫn tới trở thành bạo chúa, cứ như là uy quyền tối cao của ông gây bức bối quá mức và vượt mọi giới hạn trong một nền dân chủ. Telecleides nói rằng người Athens đã trao vào tay ông

Từ cống phẩm đến cả các thành phố của họ
Để giữ lại hoặc buông ra miễn ông thấy phù hợp,
Và các tường thành để xây dựng hay kéo đổ,
Hiệp ước và quân đội, chính quyền và hòa bình,

Của cải của họ, và tất cả vận may mà chúng mang lại.

Và tất cả điều đó không đến như một thành quả bất ngờ: giai đoạn được lòng dân cao độ của một chính quyền vốn chỉ tồn tại trong thời gian ngắn ngủi. Sự thật là trong suốt 40 năm Pericles luôn ở vị thế đứng đầu giữa những người như Ephialtes,⁽⁴²⁹⁾ Myronides, Cimon, Tolmides,⁽⁴³⁰⁾ Thucydides, và sau sự sụp đổ rồi án lưu đày của Thucydides, trong ít nhất 15 năm ông được tái nhiệm liên tục, không ngắt quãng chức thống lĩnh quân đội sau mỗi nhiệm kỳ hằng năm. Trong suốt toàn bộ thời gian này ông tỏ ra hoàn toàn không thể mua chuộc được bằng hối lộ, mặc dù ông không hề phản đối việc kiếm tiền. Về số của cải được thừa hưởng hợp pháp, ông có một phương pháp xử trí có vẻ đơn giản và chính xác nhất đối với nó để đảm bảo cho cơ nghiệp không bị tiêu tán do sự thờ ơ song cũng không gây nhiều phiền hà hoặc mất thời gian cho mình khi phải để tâm vào những điều cao cả hơn. Thói quen của ông là bán hết hoa lợi mỗi năm trong một vụ giao dịch duy nhất, và sau đó mua ở chợ từng thứ cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày của mình và gia đình. Cách thu xếp này khiến Pericles không được lòng các con trai khi họ lớn lên, hơn nữa khiến vợ họ vỡ ra là ông không phải là một người chu cấp rộng lượng gì cho lắm. Họ trách móc quy tắc chi tiêu nghiêm ngặt hằng ngày của ông, vì nó không cho phép có những vật dụng dư thừa thường thấy trong một đại gia đình giàu có, thay vào đó phải có sự cân đối chính xác giữa mức thu nhập và việc chi dụng. Ông có một người hầu tên là Evangelus chuyên làm công việc tính toán tỉ mỉ này, và hoặc do thiên tư lạ thường hoặc được Pericles đào tạo mà anh ta vượt trội mọi người trong khoa học tiết kiệm chi tiêu gia đình.

Đường lối hành xử ấy không liên quan tới sự khôn ngoan của Anaxagoras, vì triết gia này đã đi xa tới mức bỏ hoang nhà cửa và ruộng

vườn cho cừu gặm cỏ, còn mình thì theo đuổi những tư tưởng cao thượng và niềm đam mê tư biện. Tuy nhiên, tôi cho rằng cuộc sống của một triết gia trầm mặc khác hẳn với một chính khách. Người trước vận dụng trí tuệ cho những mục đích vĩ đại và cao quý, nhưng không được sự trợ giúp của các công cụ và độc lập với các nhân tố ngoại lai; trong khi người sau, trong chừng mực ông ta vận dụng những thiên tư của mình cho những nhu cầu chung của con người, đôi khi phải coi của cải không chỉ như một trong những thứ cần thiết của cuộc sống, mà thậm chí là một trong các yếu tố cao cả hơn, như trong trường hợp thực tế của Pericles, người đã ra sức giúp đỡ nhiều công dân nghèo khổ hơn. Cũng nghe nói là trong thời gian Pericles miệt mài với việc công thì Anaxagoras, bấy giờ đã là một ông già không ai chăm sóc, nằm lên giường và lấy áo choàng che mặt, quyết ý tuyệt thực đến chết. Khi Pericles nghe tin này, ông bàng hoàng kinh hãi, và lập tức chạy đến nhà con người tội nghiệp và van nài ông ấy đừng chết. Ông viện đến mọi lý lẽ và cầu xin và than khóc cho số phận của Anaxagoras thì ít mà cho mình thì nhiều, nếu giờ đây ông mất đi một cố vấn tin cậy về những vấn đề cầm quyền. Đến đấy Anaxagoras, theo như chuyện kể, lật áo khỏi đầu mà rằng, “Pericles, ngay cả cái đèn cũng cần phải có dầu mới cháy được.”

17. Khi người Sparta trở nên bức tức trước quyền lực đang lên của Athens, thì Pericles, để động viên mọi người áp ủ những tham vọng thậm chí cao hơn nữa và khiến họ tin là mình có thể đạt được các thành tựu vĩ đại, bèn đưa ra một đề xuất rằng tất cả người Hy Lạp, dù sống ở Âu châu hay Á châu, cũng như trong những thành phố nhỏ hay lớn, nên được để nghị cử đại biểu đến tham dự đại hội⁽⁴³¹⁾ các thành bang ở Athens. Chủ đề được thảo luận là về những chốn linh thiêng của Hy Lạp bị người Ba Tư thiêu rụi; về những lễ tế thần linh nhân danh người Hy Lạp⁽⁴³²⁾ để thực hiện lời hứa khi họ chiến đấu với người Ba Tư; về an ninh của các vùng

biển để mọi con thuyền có thể đi lại mà không sợ hãi và được bình an. Hai mươi người đã được chọn từ các công dân trên 50 tuổi để truyền đạt lời mời này. Năm người trong số đó đi mời người Hy Lạp Ionia và Doria ở Á châu và các đảo xa tận Lesbos và Rhodes; năm người ghé thăm các vùng quanh Hellespont và mãi tận Byzantium ở Thrace; năm người khác khởi hành đi Boeotia, Phocis, và Peloponnese, rồi qua ngả Ozolian Locris đến lục địa cạnh đó, mãi tận Acarnania và Ambracia, trong khi số còn lại băng qua Euboea đến Oetaeans và vịnh Maliac, đến với người Achaea ở Phthia và người Thessaly, kêu gọi tất cả họ đến tham dự và cùng thảo luận về hòa bình và thịnh vượng của Hy Lạp. Tuy nhiên, chẳng đi đến đâu, và các đại biểu chẳng bao giờ nhóm họp bởi vì sự phản đối ngầm ngấm của người Sparta; chỉ ít đây là lý do thường được đưa ra, vì đề nghị đầu tiên của Athens đã bị cự tuyệt ngay từ đầu ở Peloponnese. Tuy nhiên, tôi đã để cập tình tiết này như một minh họa cho tinh thần cao cả và sự vĩ đại trong quan niệm của Pericles.

18. Trong các hoạt động quân sự của mình ông nổi danh hơn hết bởi tính thận trọng. Ông chẳng bao giờ tự nguyện can dự vào một trận đánh tiềm ẩn nhiều hiểm nguy hay bất trắc, cũng không đổ kỵ hoặc noi gương những chỉ huy được tiếng là các vị tướng vĩ đại chỉ bằng việc liều lĩnh hoặc trông chờ vào vận may hiếm hoi; quả thực, ông thường nói với công dân của mình rằng, chừng nào họ còn lệ thuộc vào ông, chừng đó họ có thể coi mình là bất tử và sống mãi. Có lần khi Pericles thấy Tolmides, một chiến binh từng gặp may mắn lạ thường trước đây và đạt được những vinh dự hiếm thấy trong các chiến dịch của ông, đang sẵn sàng xâm chiếm Boeotia. Lúc bấy giờ Tolmides không có ý tưởng nào về thời điểm thích hợp để tấn công, nhưng anh ta đã thuyết phục được 1.000 quân tình nguyện - không tính đến lực lượng còn lại - trong số những người dũng cảm và táo bạo nhất ở độ tuổi tòng quân. Pericles giữa Hội

đồng quốc dân đã hết sức khuyên can Tolmides và thuyết phục anh ta đừng lên đường, với lời bình luận nổi tiếng rằng nếu anh ta không nghe Pericles, vậy thì hãy lắng nghe lời mách bảo của Thời gian, người cố vấn giàu kinh nghiệm hơn tất cả. Lúc bấy giờ, anh ta chẳng để tâm mấy đến lời nói này. Nhưng vài ngày sau, tin tức truyền về rằng Tolmides đã bại trận và bỏ mình trên chiến trường gần Coronea⁽⁴³³⁾ và rằng nhiều người Athens quả cảm nhất đã ngã xuống cùng với anh ta, việc này càng làm cho người dân thêm phần thán phục và quý mến Pericles, vì bấy giờ với họ ông có vẻ là một người yêu nước cũng như có tầm nhìn xa.

19. Trong mọi chiến dịch của ông thì cuộc viễn chinh đến Chersonese⁽⁴³⁴⁾ là được nhớ tới với lòng biết ơn nhiều hơn cả, vì nó rõ ràng đã giải cứu những người Hy Lạp sống ở đó. Pericles không chỉ mang theo 1.000 người Athens đi định cư đất mới và vì vậy cung cấp cho các thành phố nguồn sức mạnh và sinh khí mới, mà ông còn gia cố nơi eo biển hẹp một phòng tuyến nối liền hai bờ. Bằng cách này ông đã cắt đứt đường lui tới của người Thracia, vốn tràn ngập khắp vùng Chersonese, và đặt dấu chấm hết cho cuộc chiến tranh triền miên quấy phá vùng biên cương mà người định cư đất mới phải gánh chịu, vì lãnh thổ của họ giáp giới với những bộ lạc rợ lảng giềng và bị mấy toán giặc cướp giày xéo bởi các nơi thường lui tới của chúng nằm bên trong đường biên giới hoặc gần sát nó. Nhưng cuộc phiêu lưu mang đến cho ông nhiều danh vọng và sự thán phục nhất của người ngoại quốc là hải trình vòng qua Peloponnese⁽⁴³⁵⁾ khi ông từ Pegae⁽⁴³⁶⁾ ở Megarid tiến ra biển với một thủy đội 100 chiến thuyền. Ông không chỉ tàn phá cả một dải duyên hải dài như Tolmides đã làm trước đó, mà còn cho đổ bộ xuống từ thuyền một lực lượng bộ binh hùng hậu, đưa họ vào sâu trong lục địa và khiến kẻ thù kinh sợ đến nỗi đã ẩn nấp sau những tường thành khi ông tiến đến. Ngoại lệ duy nhất là những người Sicyon đã đương cự với ông ở Nemea và đặng độ

ông trong một trận giáp lá cà khốc liệt, nhưng ông đã đánh bại họ tan tác bằng quân chủ lực của mình và đã dựng lên một đài tưởng niệm chiến thắng. Sau đó ông đưa lên thuyền những binh lính từ Achaea, vốn thân thiện với ông, và cùng thủy đội tiếp tục trực chỉ bờ bắc vịnh Corinth. Ở đó ông vượt qua cửa sông Achelous, tràn qua Acarnania, vây hãm người Oeniadae⁽⁴³⁷⁾ trong những bức tường, và rút về sau khi tàn phá lãnh thổ của họ. Suốt cuộc viễn chinh này ông tỏ ra là nỗi khiếp sợ với kẻ thù, và đồng thời là một nhà lãnh đạo thận trọng song mạnh mẽ của công dân mình, vì chẳng có gì rắc rối, dù là tình cờ, xảy ra với những người tham gia ngay từ ngày đầu cho đến khi kết thúc.

20. Pericles cũng đã đưa vào Biển Đen⁽⁴³⁸⁾ một thủy đội lớn được trang bị huy hoàng, và ở đó ông cư xử chu đáo với các thành phố Hy Lạp và đạt được nhiều thỏa thuận cục bộ mà họ mong muốn thông qua đàm phán. Đồng thời, ông đã chứng tỏ với các thành bang rợ lân cận cùng vua chúa của chúng không chỉ sức mạnh của các lực lượng Athens, mà còn là lòng tự tin và sự tự do đi lại bất cứ đâu và quyền thống trị của mình ở các vùng biển này. Ông còn để lại 13 chiến thuyền và một lực lượng trên bộ dưới sự chỉ huy của Lamachus cùng với một nhóm lưu vong từ Sinope để giúp họ chống lại Timesilaus. Về sau, khi tên bạo chúa này và vây cánh của ông ta bị đuổi khỏi thành phố, Pericles đã thông qua một sắc lệnh rằng 600 người Athens tình nguyện sẽ đi thuyền đến Sinope và sinh sống cùng cư dân ở đó, chia cho họ nhà cửa và đất đai mà trước kia thuộc về tên bạo chúa và vây cánh.

Nhưng có các trường hợp khác khi mà ông không nhượng bộ những cơn bốc đồng khinh suất hơn của người Athens. Ông từ chối bị cuốn theo, khi họ trở nên say sưa với uy quyền và hạnh vận của mình, và ông nói về chuyện chiếm lại Ai Cập và tấn công vùng ven biển của Đế chế Ba Tư. Ngay từ lúc này nhiều người đã bị ám ảnh với tham vọng ngông cuồng và

tai hại là chinh phạt Sicily, sau đó còn được Alcibiades và mấy nhà hùng biện khác thổi bùng lên. Thậm chí đã có một số kẻ mơ tới việc tấn công Carthage và Etruria, và quả thực những hy vọng của họ không phải hoàn toàn thiếu căn cứ, khi nghĩ tới uy thế thống trị của Athens lúc bấy giờ và dường như một ngọn thủy triều chiến thắng đang cuộn cuộn quét qua mọi công việc họ đảm đương.

21. Tuy nhiên, Pericles đã không ngừng ra sức chế ngự khí thế xâm lược ngông cuồng này, kiềm chế khao khát can thiệp vào các thành bang bên ngoài và hướng sức mạnh chính của Athens tới việc bảo vệ và củng cố những gì nó đã đoạt được. Ông coi việc kiềm chế được người Sparta là một trong các mục tiêu hàng đầu trong chính sách của Athens, và bản thân ông quyết tâm đương đầu với họ bằng mọi cách; ông thể hiện điều này trong nhiều quyết định và nhất là hành động của mình trong Chiến tranh Thần thánh.⁽⁴³⁹⁾ Người Sparta đã cử một đội viễn chinh đến Delphi và bức bách người Phocis bấy giờ đang chiếm hữu thánh địa để trao nó cho người Delphi. Nhưng không lâu sau khi người Sparta rời đi, Pericles đã phái một đội viễn chinh đến giành lại và trao trả cho người Phocis. Người Sparta đã được người Delphi trao quyền ưu tiên trong việc tham khảo lời tiên tri và đã khắc lại điều này trên trán con sói bằng đồng ở thánh địa. Giờ thì Pericles đã giành lấy đặc quyền tương tự cho Athens và khắc điều đó phía bên phải của con sói này.

22. Những sự kiện xảy ra đã chứng tỏ Pericles đúng khi tìm cách kiềm chế quyền lực của Athens trong khuôn phép Hy Lạp. Đầu tiên là Euboea nổi dậy⁽⁴⁴⁰⁾ và ông buộc phải đưa quân đội đến đảo này. Ngay sau đó có tin rằng Megara đã về phe địch, và rằng một đạo quân xâm lược dưới quyền của Vua Sparta là Pleistoanax⁽⁴⁴¹⁾ đang đe dọa biên giới Attica. Pericles bấy giờ đã hộc tốc đưa quân từ Euboea⁽⁴⁴²⁾ trở về chiến đấu ở Attica. Ông không mạo hiểm giao tranh với lực lượng trọng binh vừa

hùng hậu về quân số, vừa gan góc và bùng bùng khí thế chiến đấu. Nhưng ông để ý đến việc là Pleistoanax còn rất trẻ và trong các cố vấn của mình ông ta chỉ dựa vào mỗi Cleandridas⁽⁴⁴³⁾ người được các quan ngự sử cử đi cùng nhà vua trẻ với tư cách gia sư và cố vấn cho vua. Pericles bèn mở những cuộc thương lượng bí mật với Cleandridas và chẳng mấy chốc đã mua chuộc được ông ta bằng cách hối lộ và thuyết phục ông ta rút quân Peloponnese khỏi Attica.

Khi đội viễn chinh trở về và tản mát vào các thành phố khác nhau, người Sparta tức giận đến nỗi họ đã áp một khoản phạt vạ nặng lên nhà vua của mình. Pleistoanax không thể một lúc trả hết án phạt và đành rời bỏ đất nước, trong khi Cleandridas vốn đã tự nguyện rút vào chốn lưu đày thì bị tuyên tử hình. Ông ta là cha của Gylippus,⁽⁴⁴⁴⁾ kẻ sau này sẽ gây thiệt hại cho đội viễn chinh Athens ở Sicily. Thiên nhiên dường như đã nuôi dưỡng tính tham lam nơi gã con trai này như thể một căn bệnh bẩm sinh, vì bản thân Gylippus, sau những kỳ công vang dội, cũng đã bị kết tội ăn hối lộ và bị trục xuất khỏi Sparta trong ô nhục. Tuy nhiên, câu chuyện này được kể tường tận hơn trong tập *Cuộc đời Lysander* của tôi.⁽⁴⁴⁵⁾

23. Khi Pericles sửa soạn kế hoạch tử tử mĩ cho chiến dịch và trong đó có một khoản 10 talent dành cho “các khoản chi cần thiết,” dân chúng tán thành mà không hề nêu ra những thắc mắc hiếu kỳ hoặc dò xét bí mật xa hơn. Một số tác giả, trong đó có triết gia Theophrastus, xác nhận rằng mỗi năm theo sáng kiến của Pericles có 10 talent được chuyển tới Sparta, và rằng với số tiền này ông đã xoa dịu mọi quan chức hàng đầu và nhờ vậy ngăn chặn được chiến tranh; tuy nhiên, họ kể, thứ mà Pericles muốn đạt được bằng mọi giá không phải hòa bình mà là thời gian⁽⁴⁴⁶⁾ để nhàn nhã chuẩn bị và cuối cùng là tiến hành chiến tranh với hiệu quả cao nhất. Bất luận sự tình ra sao, ông đã sớm hướng sự quan tâm trở lại với

cuộc nổi loạn ở Euboea, vượt biển với 50 chiến thuyền cùng 5.000 trọng binh và bắt các thành phố ở đó quy phục.

Ông trực xuất khỏi thành phố Chalcis tầng lớp mệnh danh là hiệp sĩ gồm những kẻ rất giàu có và danh tiếng, ông đưa toàn bộ dân cư Hestiaea ra khỏi lãnh thổ của họ và thay thế bằng những người Athens đến định cư. Ông trừng phạt nghiêm khắc dân cư này để làm gương vì họ từng bắt giữ một thuyền Athens và tàn sát tất cả người trên thuyền.

24. Khoảng bốn năm sau đó, sau khi người Athens và người Sparta ký kết hòa ước 30 năm, một sắc lệnh đã được thông qua ủy quyền cho Pericles thực hiện cuộc viễn chinh đến Samos,⁽⁴⁴⁷⁾ với lý do là dân đảo này đã không tuân thủ lệnh ngừng chiến với Miletus mà Athens đã áp đặt.

Bấy giờ người ta thường cho rằng Pericles tiến hành những biện pháp chống Samos này là vì Aspasia;⁽⁴⁴⁸⁾ nên đây có lẽ là lúc thích hợp để suy xét về nghệ thuật hay quyền lực lạ thường mà người phụ nữ này đã hành xử, khiến cho nàng có thể quyến rũ được những chính khách lỗi lạc nhất thời ấy và thậm chí đem đến cho các triết gia một chủ đề thảo luận lâu dài và sôi nổi đến vậy. Người ta nói chung đồng ý rằng nàng gốc người Miletus, và rằng cha nàng là Axiochus, và nàng được cho là đã hạ quyết tâm tranh đua với Thargelia, một phụ nữ Ionia sống ở thời trước đó, trong công cuộc chinh phục chỉ nhắm đến những người đàn ông có quyền lực lớn. Thargelia là một phụ nữ tuyệt đẹp và đồng thời sở hữu sự duyên dáng và trí thông minh lạ thường. Nàng có nhiều nhân tình người Hy Lạp, tất cả họ đều bị nàng dụ dỗ vì lợi ích của Ba Tư, và bởi họ đều là những người quyền cao chức trọng, nên bằng cách này, hạt giống cảm tình với người Ba Tư đã được gieo khắp các thành phố Hy Lạp. Tương tự, theo một số tác giả, Pericles cũng đã bị Aspasia hấp dẫn chủ yếu vì sự thông thái chính trị hiếm thấy của nàng. Socrates đã nhiều lần cùng các môn đồ viếng thăm nàng và một vài bạn bè thân thiết của ông này đã

đưa vợ đến nghe nàng đàm luận, cho dù nàng sống bằng cái nghề chẳng lấy gì làm danh giá hay kể cả đứng đắn, ấy là tổ chức nhà chứa cho gái điếm hạng sang. Aeschines nói rằng Lysicles,⁽⁴⁴⁹⁾ một kẻ buôn cừu có xuất thân và nhân phẩm thấp kém, đã biến thành nhân vật hàng đầu ở Athens vì cuộc hôn nhân của ông ta với Aspasia sau khi Pericles qua đời. Và trong tác phẩm đối thoại của Plato, *Menexenus* - mặc dù đoạn đầu được viết phần nào như để nhại các nhà tu từ học - hiển nhiên có yếu tố của sự thật, đó là người phụ nữ này nổi tiếng có quan hệ rộng rãi với nhiều người Athens kế tiếp nhau, họ tìm đến với nàng để học thuật hùng biện. Tuy nhiên, sự gắn bó của Pericles với Aspasia dường như mang nhiều sắc thái tình cảm hơn. Vợ ông là người có họ hàng gần với ông: đầu tiên bà kết hôn với Hipponicus sinh ra Callias, người được mệnh danh là “kẻ giàu có,” còn con của bà với Pericles là Xanthippus và Paralus. Sau đó, khi họ cảm thấy không hợp nhau, về pháp lý Pericles đã trao bà cho người đàn ông khác với sự ưng thuận của bà còn bản thân thì sống với Aspasia mà ông yêu tha thiết. Chuyện kể rằng mỗi ngày, sau khi ông đến nơi hội họp và trở về, ông chào đón nàng bằng một nụ hôn.

Aspasia được nhắc đến trong các vở hài kịch thời ấy như *Omphale* mới, hoặc *Deianeira*, hoặc thậm chí *Hera*. Cratinus thẳng thừng gọi nàng là ả điếm trong những dòng sau:

Để tìm cho Zeus của chúng ta một Hera, nữ thần của trụy lạc
Đẻ ra ả dâm phụ trợ trên Aspasia.

Pericles được tin là đã có một con trai ngoài giá thú với nàng, người được đề cập trong vở *The Demes* của Eupolis, trong đó Pericles được mô tả là đang hỏi

Con trai ta còn sống chăng?
và Myronides trả lời
Còn, anh ta hẳn đã là một công dân từ lâu
Nhưng vì nổi xấu hổ về mẹ mình, một ả điếm.

Họ nói, Aspasia trở nên nổi tiếng đến mức ngay cả Cyrus, vị hoàng tử đã chiến đấu với nhà vua anh trai mình để tranh đoạt quyền thống trị Đế chế Ba Tư, đã đặt tên Aspasia cho ái thiếp của mình trước đó được gọi là Milto. Nàng gốc Phocaea, con gái một người đàn ông tên là Hermotimus, và khi Cyrus bị chết trong chiến trận, nàng đã bị bắt đem dâng cho nhà vua⁽⁴⁵⁰⁾ và về sau đã giành được sức ảnh hưởng to lớn với nhà vua ở triều đình. Những chi tiết này về Aspasia nảy ra trong đầu khi tôi viết, và hẳn sẽ trái với lẽ tự nhiên nếu bỏ qua chúng.

25. Tuy nhiên, hãy quay lại cuộc chiến với Samos. Pericles bị cáo buộc đưa ra sắc lệnh chống lại dân đảo này theo lời thỉnh cầu của Aspasia vì lợi ích của người Miletus. Hai thành bang này đã tranh đoạt quyền sở hữu Priene, và người Samos đang chiếm ưu thế thì bỗng đâu người Athens lệnh cho họ đình chiến và đưa những mối bất hòa giữa họ ra phân xử tại Athens. Người Samos từ chối, và Pericles liền đưa hải quân vào, giải tán chế độ quả đầu ở đó, bắt 50 nhân vật đứng đầu và chùng đó trẻ em làm con tin, đưa họ đến Lemnos. Quả thực, nghe nói là mỗi con tin này đã sẵn sàng hối lộ riêng cho Pericles 1 talent, và rằng ông còn được đề nghị nhiều hơn thế từ những kẻ muốn ngăn cản một nền dân chủ được thiết lập ở thành phố này. Ngoài mấy chuyện đó, Pissuthnes tình trưởng Ba Tư, người đặc biệt có thiện ý với dân Samos, đã gửi cho Pericles 10.000 stater⁽⁴⁵¹⁾ vàng và khẩn thiết cầu xin cho thành phố này. Tuy nhiên, Pericles không chấp nhận bất kể đề nghị nào trong đó, mà

hành xử với người Samos đúng như ông đã quyết định từ trước, thiết lập nền dân chủ ở đó rồi dong thuyền trở lại Athens. Thế là người Samos lập tức nổi dậy, sau khi Pissuthnes xoay sở đánh tháo được đám con tin từ Lemnos và trang bị cho họ phương tiện tiến hành chiến tranh theo các cách khác nhau, rồi Pericles một lần nữa lại đưa thủy đội đi tiêu trừ họ. Ông thấy họ không chút bị động hay bối rối khi ông đến, mà quyết tâm tranh đoạt quyền kiểm soát biển với quân Athens một cách đầy thách thức. Có một trận thủy chiến ác liệt diễn ra gần hòn đảo gọi là Tragia, tại đó Pericles đã giành một thắng lợi quyết định, với 44 thuyền đánh tan một thủy đội 70 chiếc, trong đó có 20 chiếc dùng để vận chuyển bộ binh.

26. Sau chiến thắng khiến kẻ địch tháo chạy, ông chẳng tốn mấy thời gian để đoạt lấy hải cảng và sau đó vây hãm thành phố Samos. Người Samos, mặc dù thất bại, vẫn mạo hiểm bằng cách này hay khác xông ra phá vây và chiến đấu dưới tường thành. Nhưng chẳng bao lâu sau, một thủy đội thứ hai lớn hơn đã đến từ Athens và rồi cư dân đảo liền bị phong tỏa hoàn toàn. Lúc này Pericles bèn chọn 60 chiến thuyền và ra khơi: hầu hết các tác giả đều đồng ý rằng mục tiêu của ông là chặn đứng một thủy đội của người Phoenicia trên đường đến giúp người Samos, và giao chiến với họ ở nơi càng xa đảo càng tốt. Tuy nhiên, theo Stesimbrotus, ý định của ông là tấn công Cyprus, nhưng điều này xem ra cực kỳ khó xảy ra.

Dù kế hoạch của ông là gì đi nữa, thì có vẻ ông đã phạm sai lầm. Ngay khi ông điều quân đi, Melissus⁽⁴⁵²⁾ con trai của Ithagene, một triết gia hồi đó đang chỉ huy lực lượng Samos, kết luận rằng không có gì phải sợ quân Athens nữa, hoặc vì quy mô thủy đội ít ỏi họ để lại, hoặc có lẽ vì sự thiếu kinh nghiệm của những chỉ huy Athens, nên đã thuyết phục đồng bào mình tấn công họ. Trong cuộc chiến diễn ra sau đó, quân Samos giành chiến thắng, bắt giữ số lượng lớn tù binh Athens và tiêu diệt nhiều

thuyền chiến, vậy là giờ đây họ đã giành quyền chỉ huy trên biển và có thể tích trữ mọi thứ cho chiến tranh, điều mà họ chưa từng có được trước đây: quả thực, đến Aristotle cũng nói rằng chính Pericles đã bị Melissus đánh bại trong một trận thủy chiến trước đó.

Để trả thù, người Samos đã thích lên trán các tù nhân Athens một con cú, như người Athens từng thích hình *samaena*. lên họ. *Samaena* là một loại chiến thuyền với mũi hếch lên như mõm lợn lòi, nhưng nó rộng hơn chiến thuyền thông thường có thân như cái bụng căng tròn, và điều này khiến nó có thể vừa chạy nhanh vừa chống chọi được sóng to gió lớn. Sở dĩ có tên ấy vì chiếc thuyền đầu tiên thuộc loại này đã xuất hiện tại Samos, ở đây nó được đóng theo lệnh của bạo chúa Polycrates.⁽⁴⁵³⁾ Tình tiết thích dấu này nghe đâu là đã được nhắc bóng gió trong câu thơ của Aristophanes khi ông này viết:

Người Samos là một dân tộc được thích chữ rất sâu.

27. Dù sao đi nữa, ngay khi Pericles hay biết về tai họa đã giáng xuống thủy đội của mình, ông hộc tốc quay về giải cứu. Ông đánh bại Melissus khi người này xông ra nghênh chiến, đánh tan kẻ thù và lập tức xây một bức tường quanh thành phố, vì ông thích giành lấy ưu thế và khống chế nó nhờ thời gian và tiền bạc hơn là máu xương và sinh mạng của đồng bào mình. Nhưng khi thời gian trôi qua, người Athens trở nên mất kiên nhẫn bởi sự trì hoãn, ngày càng nóng lòng muốn chiến đấu và khó nén được nhuệ khí của mình. Pericles bèn chia binh lực thành tám cánh và yêu cầu tất cả họ bắt thăm. Ông cho phép cánh quân bắt được hạt đậu trắng ăn no ngủ kỹ, trong khi những cánh quân còn lại chiến đấu. Theo như chuyện kể, đây là lý do vì sao người dân có một ngày nghỉ lễ gọi là bạch nhật, xuất xứ từ hạt đậu trắng này.

Ephorus kể với chúng ta rằng Pericles cũng từng dùng máy móc hãm thành, vì tính mới lạ của chúng đặc biệt hấp dẫn ông, và rằng kỹ sư Artemon đã có mặt trong những chiến dịch này. Anh ta có biệt danh là Periphoretus do bị què và phải ngồi cáng để tới bất cứ công trình nào cần anh ta giám sát trực tiếp. Tuy nhiên, Heracleides xứ Pontus đã bác bỏ câu chuyện này với bằng chứng là những bài thơ của Anacreon, chúng cho rằng Artemon Periphoretus sống cách cuộc chiến Samos và những biến cố này nhiều thế hệ. Ông này kể rằng Artemon là một kẻ có thói quen xa hoa, tâm tính nhu nhược và hay bán loạn, suốt ngày chủ yếu ngồi ở nhà với hai nô lệ giữ một tấm khiên đồng che trên đầu anh ta vì lo sợ vật gì đó có thể rơi trúng. Nếu khi nào buộc phải ra ngoài, phải đưa anh ta đi trong chiếc võng nhỏ treo lủng lẳng thật thấp gần chạm đất và đây là lý do anh ta có biệt danh Periphoretus.

28. Người Samos đã đầu hàng vào tháng thứ chín của cuộc vây hãm. Pericles phá bỏ tường thành, tịch thu thủy đội của họ, áp đặt một khoản phạt nặng mà một phần được họ thanh toán ngay và số còn lại thì đồng ý trả vào những khoảng thời gian ấn định, họ cũng phải giao con tin làm bảo đảm. Duris người Samos⁽⁴⁵⁴⁾ đã thổi phồng các sự kiện này thành một thảm kịch và kết tội Pericles cùng người Athens như những kẻ cực kỳ ác độc, mặc dù cả Thucydides, Ephorus, lẫn Aristotle đều không nói gì về việc này. Hẳn nhiên ông ta có vẻ không thành thật khi nói rằng Pericles đã bêu các thuyền trưởng và lính thủy Samos trên mỗi con thuyền ra giữa chợ ở Miletus và đóng đinh câu rút họ tại đó, và rằng khi họ đã chịu cực hình này đủ 10 ngày ông mới ra lệnh đập đầu họ bằng gậy và vứt xác xuống đất không chôn cất. Dù sao đi nữa, Duris có xu hướng đi quá giới hạn sự thật, ngay cả khi chẳng có lợi ích cá nhân cụ thể nào để mà liều cả, bởi vậy dường như càng có nhiều khả năng là trong chuyện này ông ta

đang vẽ ra một bức tranh kinh hoàng về những nỗi thống khổ của xứ mình chỉ để bôi nhọ thanh danh Athens mà thôi.

Khi Pericles trở về nhà sau cuộc chinh phạt Samos, ông đã tổ chức tang lễ trọng thể cho tất cả người Athens ngã xuống trong chiến dịch, và ông giành được sự ngưỡng mộ đặc biệt vì bài văn tế⁽⁴⁵⁵⁾ ông đọc trước mộ họ theo tập quán. Khi ông bước xuống từ bục diễn thuyết, nhiều phụ nữ Athens nắm chặt tay ông và đeo vòng hoa với những dải băng lên người ông như một quán quân thể thao. Tuy nhiên, Elpinice đã bước lại gần ông và nói: “Đây là một chiến công cao quý, Pericles, và ông xứng đáng với mọi vòng hoa này dành cho nó. Ông đã rút đi mạng sống của những công dân dũng cảm này của chúng ta, không phải trong cuộc chiến với người Ba Tư hay Phoenicia như Cimon em trai tôi từng chiến đấu, mà là trong cuộc hủy diệt một thành phố Hy Lạp vốn là một đồng minh của chúng ta.” Theo những gì được kể lại, Pericles thản nhiên nghe từng lời của nàng, và chỉ mỉm cười rồi trích dẫn với nàng câu thơ của Archilochus:

Sao lại lãng phí nước hoa lên mái đầu ngà bạc?

Ion nói rằng chiến thắng trước người Samos khiến Pericles có cái nhìn tự phụ lạ kỳ về bản thân. Ông nghĩ rằng Agamemnon⁽⁴⁵⁶⁾ mất đến 10 năm để chiếm được một thành phố rợ, trong khi chỉ trong vòng chín tháng ông đã làm chủ được thành phố quan trọng và mạnh nhất ở Ionia. Trên thực tế, khẳng định ấy không phải là quá phi lý, bởi lẽ đây là cuộc chiến với kết quả thật sự khó lường và vô vàn nguy nan, khi biết rằng sự thật thì người Samos đã tiến rất gần đến chỗ giành lấy quyền kiểm soát biển từ tay Athens, như Thucydides kể với chúng ta.⁽⁴⁵⁷⁾

29. Một vài năm sau, khi bóng mây của cuộc chiến tranh Peloponnese vây bủa, Pericles đã thuyết phục người Athens gửi quân giúp Corcyra trong cuộc chiến với Corinth⁽⁴⁵⁸⁾ và đưa về phe mình một hòn đảo với hải quân mạnh vào lúc người Peloponnese gần như đã tuyên chiến với họ. Ấy vậy mà khi mọi người tán đồng biện pháp này, Pericles lại phái đi một đội gần 10 chiếc thuyền dưới quyền Lacedaemonius, con trai Cimon, như thể mục tiêu của ông là hạ nhục anh ta bởi nhà Cimon đặc biệt hữu hảo với người Sparta. Ý đồ của Pericles là làm sao cho Lacedaemonius nếu không đạt được thành công đặc biệt gì trên cương vị chỉ huy, thì chắc chắn sẽ bi nghi ngờ có cảm tình với người Sparta, và bởi thế ông chỉ cấp cho vài chiếc thuyền và phái anh ta lên đường dù anh ta không muốn. Nói chung, ông đã hạ quyết tâm ngăn trở tất cả các con trai của Cimon, với cơ rằng họ không phải người Athens thật sự, mà có điều gì đó xa lạ về họ ngay trong tên gọi, vì một người tên là Lacedaemonius, người kia là Thessalus, và người thứ ba là Eleius, còn mẹ họ thì được tin là một phụ nữ xứ Arcadia.

Kết quả, Pericles bị chỉ trích gay gắt vì quy mô không đáng kể của lực lượng mà ông đã phái đi. Người ta cảm thấy nó quá nhỏ nhoi để giúp ích cho người Corcyra trong giờ phút cần kíp, nhưng đồng thời nó đem lại cho kẻ thù của Athens vốn đang cáo buộc sự can thiệp của nó một cái cơ vô giá, và thế là ông đã phải tăng cường cho nó bằng một thủy đội lớn hơn đến nơi sau trận đánh.⁽⁴⁵⁹⁾

Hành động này khiêu người Corinth *nổi giận* và họ lên án người Athens tại Sparta. Người Megara cũng vào hùa ta thán rằng mình bị cấm cửa và bị đuổi khỏi mọi khu chợ và hải cảng mà người Athens kiểm soát, trái với các quyền lợi chung của người Hy Lạp và những điều khoản của hòa ước như đã được thể ước. Người Aegina cũng cảm thấy mình bị áp bức và lãn nhục nên đã âm thầm bày tỏ sự bất bình với người Sparta, vì

họ không dám công khai kết tội người Athens. Đến lúc này, thành phố Potidaea, mặc dù là một thuộc địa của Corinth nhưng đã quy phục Athens, cũng nổi dậy, và cuộc vây hãm mà người Athens tiến hành sau đó đã đẩy nhanh sự bùng nổ của chiến tranh.

Bất chấp tất cả điều này, các sứ giả liên tiếp được phái đến Athens, và Vua Sparta là Archidamus đã cố xoa dịu các đồng minh và mang lại sự dàn xếp êm thấm hầu hết những mối bất bình giữa họ. Lẽ ra, người Athens đã có thể tránh được chiến tranh vì các lý do khác, giả như họ được thuyết phục bãi bỏ lệnh cấm vận chống lại người Megara và đi đến thỏa thuận với họ. Và vì chính Pericles là người phản đối giải pháp này mạnh mẽ hơn bất cứ ai và kêu gọi dân chúng nhất mực giữ sự thù địch với người Megara, nên ông là người chịu trách nhiệm duy nhất cho cuộc chiến này.

30. Nghe nói rằng một phái đoàn Sparta đã đến Athens để thảo luận về vấn đề này, và rằng Pericles đã né tránh với cái cớ là có luật cấm cho tháo xuống tám bảng ghi sắc lệnh trừng phạt người Megara. “Rất tốt, thế thì,” một trong những phái viên tên là Polyalces gợi ý, “chẳng cần tháo nó xuống. Chỉ cần quay mặt nó vào tường! Chắc chắn không có luật cấm điều đó!” Câu này thật ngắn gọn, nhưng không có tác dụng với Pericles, người hình như đã áp ủ mối hiềm thù nào đó với người Megara. Tuy nhiên, tội danh mà ông công khai gán cho họ là họ đã chiếm đoạt lãnh thổ Eleusis để sử dụng cho mục đích thế tục, trong khi đó là thánh địa của Demeter và Persephone, và ông đề xuất việc trước tiên nên cử một sứ giả đến đó và rồi đến Sparta để than phiền về hành vi của họ. Pericles tất nhiên chịu trách nhiệm cho sắc lệnh này, vốn hữu lý. Nhưng rồi sứ giả được phái đi là Anthemocritus đã chết trong tay người Megara, người ta tin thế, và bởi vậy Charinus đã đề ra một sắc lệnh chống lại họ. Nó xác nhận việc từ nay trở đi Athens là kẻ thù không thể hòa giải và nhân

nhượng của Megara, rằng bất kỳ người Megara nào đặt chân vào Attica đều sẽ bị tử hình, rằng các tướng lĩnh mỗi khi tuyên thệ nhậm chức theo truyền thống phải hứa thêm là họ sẽ xâm lược Megarid hai lần một năm, và rằng Anthemocritus sẽ được mai táng trọng thể gần cổng Thriasia mà bây giờ được gọi là Dipylon.⁽⁴⁶⁰⁾

Về phía mình, người Megara phủ nhận việc họ đã giết Anthemocritus, đổ trách nhiệm cho Pericles và Aspasia về hành động của người Athens, trích dẫn những câu thơ nổi tiếng và nhàm chán từ vở *Acharnians* của Aristophanes:

Vài thanh niên Athens đùa giỡn trong cơn say
Bắt cóc Simaetha, gái làng chơi quý phái, từ Megara.
Người Megara giận dữ, nuốt tỏi đầy bụng
Như những chú gà chọi, rồi đến và ăn trộm
Hai cô gái của Asparis mang về.⁽⁴⁶¹⁾

31. Những lý do thật sự khiến sắc lệnh được thông qua rất khó đoán biết, nhưng mọi tác giả đều đồng tình quy trách nhiệm cho Pericles về việc không hủy bỏ nó. Tuy nhiên, một số trong họ nói rằng lập trường cứng rắn của ông về việc này dựa trên những động cơ cao quý nhất kết hợp với sự am hiểu sắc sảo về lợi ích lớn nhất của Athens nằm ở đâu, vì ông tin rằng yêu cầu ấy đã được đưa ra để thử thách sự chống trả của ông, và việc tuân theo nó đơn giản sẽ bị coi là thú nhận sự yếu đuối. Nhưng có những người khác cho rằng ông thách đố người Sparta vì lòng tự phụ hung hăng và muốn chứng tỏ sức mạnh của mình.

Tuy nhiên, lời cáo buộc tai hại hơn hết,⁽⁴⁶²⁾ và lại được ủng hộ nhiều nhất, phần nào diên tiến như sau. Như tôi từng đề cập, nhà điêu khắc

Pheidias đã nhận được hợp đồng tạc bức tượng lớn về nữ thần Athena. Tình bạn của ông ta với Pericles, người mà ông ta chịu nhiều ảnh hưởng, đã đem lại cho ông ta một số kẻ thù chỉ vì lòng đố kỵ, trong khi những kẻ khác lợi dụng ông ta để thăm dò ý tứ dân chúng và xem thử thái độ họ ra sao trong một trường hợp dính dáng đến Pericles. Vì vậy họ đã thuyết phục được Menon, một trong những họa sĩ làm việc dưới trướng Pheidias, ngồi giữa chợ như một kẻ cầu xin sự bảo hộ của thành bang, đổi lại sẽ đưa ra thông tin chống lại Pheidias. Dân chúng chuẩn y lời cầu xin của người này và một kiến nghị truy tố Pheidias được đưa ra trước Hội đồng quốc dân. Không chứng minh được tội danh biển thủ, vì ngay từ đầu, theo lời khuyên của Pericles, số vàng dùng cho bức tượng đã được dát lên và bọc quanh nó sao cho tất cả có thể bóc ra và cân lại được,⁽⁴⁶³⁾ và đây là điều mà Pericles bấy giờ đã lệnh cho các vị biện lý thực hiện.

Tuy nhiên, danh tiếng các tác phẩm của Pheidias vẫn cứ khơi dậy sự đố kỵ với ông ta, nhất là vì khi cổ vũ trận đánh của các nữ tướng Amazon, được thể hiện trên tám khiên của nữ thần, ông ta đã tạc hình ảnh mình như một ông già đầu hói đang giơ cao một tảng đá bằng cả hai tay, và còn vì ông ta đã thể hiện một bức tượng rất giống Pericles đang đánh nhau với một người Amazon. Vị trí của bàn tay, đang giữ một ngọn giáo trước mặt Pericles, dường như đã được sắp đặt tài tình để che đậy sự tương đồng, nhưng vẫn có thể nhận ra điều đó khá rõ từ bất kỳ góc nào.

Thế là Pheidias bị ném vào tù và ngã bệnh rồi chết trong đó. Theo một số lời kể thì ông ta đã bị kẻ thù hạ độc trong nỗ lực bôi nhọ hơn nữa tên tuổi của Pericles. Về kẻ chỉ điểm Menon, một kiến nghị đã được thông qua, theo đề nghị của Glycon, để miễn cho hắn mọi thứ thuế và nghĩa vụ cộng đồng, còn các tướng lĩnh thì được lệnh bảo vệ cho sự an toàn của hắn.

32. Vào khoảng thời gian này, Aspasia bị xét xử vì tội báng bổ thần linh. Nhà thơ hài kịch Hermippus đã truy tố nàng, và còn cáo buộc nàng tội dẫn dắt những phụ nữ Athens tự do cho Pericles và nuôi họ trong nhà chứa. Thầy bói Diopertes cũng đề xuất một sắc lệnh quy định rằng bất kỳ ai không tin vào thần linh hoặc rao giảng những học thuyết về các hiện tượng thiên nhiên đều có thể bị truy tố, mục đích của nó là hướng sự nghi ngờ vào Pericles thông qua Anaxagoras. Dân chúng dễ dàng tin vào mấy lời vu khống này, và khi họ đang trong tâm trạng đó thì một dự luật đã được thông qua theo sáng kiến của Dracontides, chỉ thị rằng sổ sách ghi chép việc chi tiêu công quỹ của Pericles phải được ký thác cho các quan tòa,⁽⁴⁶⁴⁾ và rằng bồi thẩm đoàn này sẽ đưa ra phán quyết về vụ việc của ông bằng những lá phiếu kín để trên bàn thờ nữ thần ở Acropolis. Tuy nhiên, điều khoản này của sắc lệnh đã được Hagnon sửa đổi, ông ta kiến nghị rằng nên xét xử vụ việc theo lối thường lệ, nhưng là trước một bồi thẩm đoàn 1.500 người, cho dù có khởi tố về tội tham ô hay biển thủ hay ăn hối lộ.

Pericles ra sức cầu xin cho Aspasia thiết tha đến mức nước mắt tuôn ròng trong suốt phiên tòa xử nàng, như Aeschines kể với chúng ta, và đưa ra lời kêu gọi cá nhân với bồi thẩm đoàn, nhưng ông quá lo lắng cho sự an toàn của Anaxagoras đến nỗi đã lén đưa ông này- ra khỏi thành phố. Pericles đã đụng chạm với mọi người trong vụ xử Pheidias và ông lo sợ trước phán quyết của bồi thẩm đoàn về vụ của mình, giữa lúc nguy cơ chiến tranh đang âm ỉ đe dọa, chúng ta được kể rằng ông đã cố tình thổi bùng nó lên. Ông hy vọng bằng cách này sẽ xua tan những lời cáo buộc nhắm vào mình và khiến dần chúng quên đi nỗi đố kỵ của họ, vì ông biết rằng ngay khi đứng trước viễn cảnh một tai ương hay hiểm họa to lớn sắp ập xuống, thành phố này sẽ chỉ phó thác vào mỗi tay ông vì thanh thế và uy quyền lớn của ông. Đây được cho là động cơ khiến ông từ chối

cho phép mọi người nhân nhượng với các đòi hỏi của Sparta, nhưng lịch sử thật sự của những biến cố này đã bị giấu kín với chúng ta.

33. Về phần mình, người Sparta nhận ra rằng nếu Pericles bị tước mất quyền lực, họ sẽ dễ bề đối phó với người Athens hơn, và thế là họ yêu cầu Athens nên rửa sạch món nợ máu với Cylon⁽⁴⁶⁵⁾ mà bên ngoài của Pericles từng bị dính dáng, như Thucydides giải thích. Nhưng thủ đoạn này chính xác đã tạo ra hiệu ứng ngược với những gì được chờ đợi; thay vì bị vu cáo và nghi ngờ, Pericles giờ đây bỗng thấy mình được người Athens tin cậy và tôn trọng hơn bao giờ hết, vì họ thấy rằng kẻ thù e sợ và căm ghét ông hơn bất kỳ ai. Vì lý do này, trước khi Vua Archidamus đưa quân Peloponnese vào Attica, Pericles tuyên bố với công chúng Athens rằng nếu vị vua ấy tàn phá những điền trang khác mà tha cho đất đai của ông vì tình bạn giữa cá nhân họ hoặc để cho kẻ thù có cơ vu cáo ông, ông sẽ hiến tặng tất cả đất đai và nhà cửa trên đó cho thành bang.

Người Sparta và các đồng minh của họ bấy giờ đã bắt đầu xâm lược Attica với một đạo quân đông đúc do Archidamus chỉ huy. Họ tiến vào, tàn phá mỗi vùng đất mà họ đi qua, đến tận Acharnae rất gần với Athens và dựng doanh trại ở đó, vì họ hình dung rằng người Athens sẽ không đòi nào dung thứ cho chuyện này, mà sẽ tiến ra nghênh chiến với họ chỉ vì lòng kiêu hãnh và nổi tức giận. Tuy nhiên, Pericles xét thấy rằng sẽ vô cùng mạo hiểm khi đương đầu với 60.000 quân Peloponnese cùng trọng binh Boeotia (đây là lần đầu tiên đội quân xâm lăng này trở nên mạnh mẽ) và phó mặc sự tồn vong của Athens cho trận chiến ấy, nên ông bèn cố làm nguội những cái đầu đang mong mỗi giao chiến và đứng ngồi không yên vì thiệt hại mà kẻ thù gây ra. Ông chỉ ra rằng cây cối, dù có bị chặt cành hay đốn hạ vẫn có thể nhanh chóng mọc lại, nhưng các anh không thể dễ dàng thay thế những người ngã xuống trong chiến trận. Ông sẽ không triệu tập Hội đồng quốc dân vì e là có thể bị bức bách hành

động ngược lại với suy xét sáng suốt của mình. Thay vì thế, ông hành xử như người lái thuyền, khi gặp một cơn bão ập đến giữa biển khơi, sẽ buộc chặt mọi thứ, cuộn buồm lại và dựa vào kỹ năng của mình mà không để ý đến những tiếng than khóc và lời khẩn nài của đám hành khách đang say sóng và hãi hùng. Tương tự, Pericles cho đóng cổng thành Athens lại, bố trí lính canh tại mọi điểm trọng yếu về an ninh và tin vào suy xét của bản thân, bịt tai trước những lời kêu ca và la ó của kẻ bất mãn. Cùng lúc đó, nhiều người bạn đã liên tục hối thúc ông tấn công, trong khi kẻ thù đe dọa và lên án chính sách của ông, còn đám nhà thơ hài kịch trong các điệp khúc của họ đã chằm chọc ông với những bài ca châm biếm và lăng mạ sự lãnh đạo của ông là nhát gan và bỏ lại mọi thứ cho kẻ thù. Cleon⁽⁴⁶⁶⁾ cũng đã công kích ông, và lợi dụng sự oán giận chung đối với Pericles để gia tăng triển vọng của bản thân với tư cách một nhà lãnh đạo được lòng người, như ta thấy trong bài thơ theo thể anapet⁽⁴⁶⁷⁾ của Hermippus:

Thôi nào, hỡi vua của đám mình dê, hãy ngừng
Đấu võ mồm, và thử đánh một trận hãn hoi!
Dẫu tôi chẳng tin, với miệng lưỡi dẻo quẹo đó
Ông thậm chí có lá gan của một Teles.
Vi nếu ai đó lấy ra viên đá mài và thử
Chuốt nhọn dù chỉ là con dao nhỏ,
Ông sẽ nghiền răng và nổi cơn thịnh nộ
Như thể bị Cleon đốt chích đến nơi vậy.

34. Tuy nhiên, Pericles vẫn yên lặng và bình thản chịu đựng mọi sự lăng nhục và căm ghét trút lên đầu mình mà không một lời đáp trả. Ông

cử một thủy đội 100 thuyền đến Peloponnese, nhưng bản thân không đi cùng. Thay vì thế, ông ở lại phía sau để trông coi chính sự quê nhà và giữ quyền kiểm soát thành phố cho đến khi người Peloponnese rút lui. Sau đó, ông bắt đầu xoa dịu dân chúng, vốn thống khổ cùng cực bởi chiến tranh kể cả sau khi người Peloponnese đã ra đi, và thu phục lại được phần nào nhân tâm bằng việc ban bố nhiều sự trợ cấp và đề nghị ban cấp những phần lãnh thổ chiếm được: chẳng hạn, ông trục xuất toàn bộ dân cư Aegina và chia hòn đảo cho người Athens bằng bắt thăm. Mọi người cũng cảm thấy được an ủi phần nào bởi sự thiệt hại đang giáng xuống kẻ thù. Khi đi quanh Peloponnese, thủy đội đã phá hủy một vùng rộng lớn và cướp phá một số làng mạc và thị trấn nhỏ, trong khi bản thân Pericles dẫn một đội viễn chinh vào Megarid và tàn phá toàn bộ lãnh thổ này. Điều đó cho thấy rõ là mặc dù kẻ thù đã gây ra nhiều thiệt hại cho người Athens trên đất liền, nhưng chính chúng cũng phải chịu tổn thất nặng nề trên biển. Trên thực tế, lẽ ra họ đã chẳng bao giờ duy trì cuộc chiến lâu đến vậy, mà sẽ sớm dừng lại sự thù địch nếu không có một hành động can thiệp từ trời cao làm đảo lộn những toan tính của con người.

Bấy giờ dịch bệnh đã bùng phát ở Athens⁽⁴⁶⁸⁾ và hủy hoại nghị lực và sức mạnh tinh hoa của họ. Nó mang đến cho họ sự thống khổ không chỉ về thể xác mà về cả tinh thần, đến mức họ nguyên rủa Pericles và cố hủy hoại ông, như một kẻ đang con mê sáng sẽ tấn công thầy thuốc hoặc cha mình. Họ còn bị đám tư thù với ông xúi bẩy, chúng thuyết phục họ rằng dịch bệnh là do đám đông thôn quê lũ lượt kéo vào thành phố. Nơi đây, trong mấy tháng mùa hè, nhiều người sống trong những lều lán ngột ngạt, và buộc phải chui rúc tù túng, thay vì ở giữa bầu không khí thoáng đãng trong lành của miền quê mà họ đã quen hưởng. Họ nói, người chịu trách nhiệm cho tất cả chuyện này là Pericles: vì cuộc chiến này mà ông đã bức bách người thôn quê tràn vào trong những bức tường thành, và

ông không cho họ công việc, mà phó mặc họ chen chúc như bầy gia súc rồi lây nhiễm lẫn nhau mà không có bất kỳ biện pháp cứu tế hay thay đổi nơi ở.

35. Với hy vọng cứu vãn sự rối ren này đồng thời gây thiệt hại nào đó cho kẻ thù, Pericles đã cho trang bị 150 chiến thuyền, đưa lên một số lượng lớn trọng binh và kỵ binh thiện chiến nhất, tất cả sẵn sàng ra khơi. Người Athens đầy hy vọng về những gì mà một cuộc viễn chinh hùng hậu như thế có thể đạt được và kẻ thù cũng bị khiếp sợ không kém. Nhưng vào đúng giây phút những con thuyền đã đầy người và Pericles bước lên chiến thuyền của mình, nhật thực bỗng xảy ra, bóng tối bao phủ và mọi người chìm trong sợ hãi, vì họ coi đây là một điềm khủng khiếp. Khi Pericles thấy người lái thuyền hoảng loạn và luống cuống không biết làm gì, ông bèn giơ cao tấm áo choàng của mình trước mắt anh ta và hỏi liệu anh ta có cảm thấy sợ hay nghĩ nó là điềm ghê gớm gì chẳng. Khi anh ta trả lời không, Pericles hỏi, “Vậy thì có gì khác nhau giữa cái này và bóng tối, trừ việc bóng tối do một cái gì đó to lớn hơn tấm áo choàng của ta gây ra?” Dù sao thì đây cũng là câu chuyện được nói đến trong các trường phái triết học.

Sau sự kiện đó, Pericles vẫn ra khơi, nhưng ông dường như không đạt được điều gì xứng tầm với một cuộc viễn chinh quan trọng như vậy. Ông vây hãm thành thiêng Epidaurus và tràn trề hy vọng chiếm được nó, nhưng ông bị ngã lòng bởi dịch bệnh đã tấn công và hủy diệt không chỉ người của ông mà còn tất cả những ai đến tiếp xúc với họ. Ông cố an ủi và khích lệ người Athens, bấy giờ đã quay ra chống ông vì sự đảo ngược này. Nhưng ông không kịp xoa dịu sự giận dữ hoặc lôi kéo họ trước khi họ tranh thủ bỏ phiếu kín để định đoạt số phận của ông, họ bắt đầu truất quyền chỉ huy của ông và phạt vạ ông. Số tiền phạt này là 15 talent theo ghi chép thấp nhất, trong khi con số cao nhất là 50. Idomeneus nói rằng

viên biện lý được đề cập trong biên bản vụ việc này là Cleon, mặc dù theo Theophrastus thì đó là Simmias,⁽⁴⁶⁹⁾ và Heracleides xứ Pontus lại cho là Lacratides.

36. Sau biến cố này, những rắc rối trong đời sống chính trị của Pericles sớm đi đến chỗ chấm dứt ngay khi bị mọi người châm chích, và có thể nói, ông đã bỏ lại sau lưng sự giận dữ sau cú châm đó. Nhưng giờ đây, những chuyện riêng tư lại gây ra cho ông nỗi thống khổ to lớn. Ông đã mất vài người bạn thân trong dịch bệnh và tâm can ông một thời gian đã bị giằng xé bởi mối thù hận gia đình. Xanthippus, con trai trưởng hợp pháp của ông, với bản tính phung phí, đã lấy một người vợ trẻ hoang đàng là con gái của Tisander, vốn là con trai của Epilycus. Xanthippus oán giận tính tàn tiện của cha và khoản chu cấp ít ỏi mà anh ta nhận được, đã vậy còn bị xé lẻ làm nhiều khoản nhỏ. Vì lẽ ấy, anh ta đã tìm đến một người bạn của Pericles và mượn tiền ông này, nói dối là do Pericles sai đến. Sau này khi người bạn đòi trả lại tiền, Pericles chẳng những không trả nợ mà còn cự lại ông ta. Xanthippus trẻ tuổi điên tiết và bắt đầu công khai lăng mạ cha mình, kể ra những câu chuyện gây đàm tiếu về cung cách ông quản lý việc gia đình và các cuộc cao đàm khoát luận của ông với mấy nhà ngụ biện. Chẳng hạn, có một vận động viên chẳng may ném lao trúng Epitimus người Pharsalos⁽⁴⁷⁰⁾ và giết chết anh này, thế là Pericles phí cả ngày trời, theo lời kể của Xanthippus, tranh biện với Protagoras “theo nghĩa chặt chẽ nhất” về việc liệu ngọn lao, hay người ném, hay trọng tài của trận đấu, nên là phía chịu trách nhiệm cho tai nạn này. Theo Stesimbrotus, cũng chính Xanthippus là người đã đồn thổi câu chuyện tai tiếng liên quan đến mối quan hệ giữa vợ anh ta với Pericles, và ông này nói rằng cho đến lúc cuối đời Xanthippus, bất hòa giữa hai cha con anh ta vẫn chẳng bao giờ được hàn gắn, vì chàng thanh niên đã ngã bệnh và qua đời trong nạn dịch. Cùng lúc ấy, Pericles còn

mất đi chị gái và hầu hết người thân cùng bạn bè mình, cũng như những trợ thủ đáng tin cậy nhất trong thời gian ông cầm quyền. Vậy mà ngay cả những thảm nạn này cũng không thể làm ông tuyệt vọng, không thể làm suy yếu nghị lực và mục tiêu cao cả của ông; người ta không hề thấy ông khóc kể cả tại lễ tang hay bên nắm mồ của bất kỳ người họ hàng nào dù thân thiết nhất, cho đến khi cuối cùng ông mất Paralus, người con trai hợp pháp duy nhất còn lại của mình. Cho dù đau đớn cùng cực bởi cú giáng này, ông vẫn một mực kiên định phong thái thường ngày và giữ vững tâm hồn cao thượng; nhưng khi ông đặt vòng hoa lên thi hài con, cảnh tượng khiến ông choáng váng và òa khóc thê thảm, điều mà ông chưa một lần làm thế trong đời mình.

37. Dân chúng lần lượt thử đưa các tướng lĩnh và chính khách khác lên tiếp tục cuộc chiến, nhưng họ nhận thấy không ai trong số này đủ tầm cỡ hay uy thế để đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo. Bởi vậy thành phố trở nên mong ngóng Pericles và triệu tập ông trở lại Hội đồng quốc dân và Bộ Chiến tranh.⁽⁴⁷¹⁾ Vì đau buồn ông nằm lì ở nhà trong tâm trạng chán chường, nhưng Alcibiades và các bạn hữu khác đã thuyết phục được ông để một lần nữa xuất hiện trước công chúng. Sau khi người dân đã bù đắp cho lối cư xử bạc bẽo của họ với ông, một lần nữa ông lại nắm giữ chính sự và được bầu làm tướng, ông đã khẩn khoản rằng điều luật liên quan đến con ngoài giá thú, từng được chính ông đề đạt, hãy vì ông mà đình chỉ ngay lập tức. Ông đề nghị điều này để tên tuổi và dòng dõi gia tộc ông sẽ không biến mất do thiếu người thừa tự.

Bối cảnh của điều luật này như sau. Nhiều năm trước,⁽⁴⁷²⁾ khi Pericles đang trên đỉnh cao quyền lực, và như tôi đã đề cập, có con nối dõi hợp pháp, ông đề ra điều luật rằng chỉ những ai có cả cha lẫn mẹ là người Athens mới được kể là công dân Athens. Thế là khi Vua Ai Cập tặng cho Athens 40.000 đơn vị ngũ cốc và món quà này phải được chia cho các

công dân, hàng loạt vụ kiện cáo bắt đầu nổ ra nhằm vào những người không có gốc gác hợp pháp chiếu theo luật của Pericles, những người mà cho đến lúc ấy không bị ai sấm soi hay hỏi tới, và nhiều người trong họ đã bị khổ sở bởi đám chỉ điểm. Kết quả là gần 5.000 người bị kết án và bán làm nô lệ, trong khi những người giữ được quyền công dân và được thừa nhận là người Athens thật sự sau cuộc khảo sát nghiêm ngặt này là 14.040 người. Chính vì thế mà việc đình chỉ điều luật hà khắc gây oán thán cho bao người như thế vì lợi ích của chính kẻ đưa ra nó là vấn đề rất hệ trọng. Tuy nhiên, người Athens cảm thấy những nỗi bất hạnh xảy đến cho Pericles và gia đình ông đã là một thứ hình phạt mà ông phải gánh chịu vì sự kiêu căng khinh bạc trong quá khứ, và trái tim của họ đã bị lay động. Dường như với họ thì sự trừng phạt đã đổ lên đầu ông, và lời cầu xin của ông lẫn sự chấp thuận của họ chỉ càng hợp tình người, nên họ cho phép ông nhận người con trai ngoài giá thú vào danh sách bào tộc và cho anh ta được mang họ mình. Đây là người con trai mà nhiều năm về sau đã đánh bại người Peloponnese trong trận thủy chiến ở quần đảo Arginusae,⁽⁴⁷³⁾ và đã bị sắc lệnh quốc dân kết án tử hình cùng với những tướng lĩnh đồng sự khác của mình.

38. Chẳng bao lâu sau sự kiện này có vẻ như chính Pericles đã bị nhiễm dịch bệnh. Trường hợp của ông không kịch liệt hay cấp tính như những người khác, mà là một kiểu sốt dai dẳng, âm ỉ với nhiều triệu chứng khác nhau và dần dà hủy hoại sức khỏe thể chất và gặm mòn tinh thần tao nhã của ông. Dù sao đi nữa, Theophrastus trong tác phẩm *Ethics* (Đạo đức) của mình đã bàn về vấn đề liệu nhân cách con người có thay đổi theo hoàn cảnh và liệu họ có thể bị nổi thống khổ thể xác làm cho loạn trí tới mức đánh mất những phẩm hạnh vốn có của mình hay không. Để ví dụ, ông ta dẫn ra câu chuyện về Pericles, khi nằm trên giường bệnh đã khoe với một trong các bạn hữu đến thăm chiếc vòng cổ

mà đám phụ nữ đeo vào cổ ông, và có thể nói rằng ông đã đi quá xa khi cho phép mình làm một hành động điên rồ như vậy

Bấy giờ khi đang hấp hối trên giường,⁽⁴⁷⁴⁾ một số lãnh đạo Athens và những người còn sống trong số bạn bè ngồi xung quanh ông, ngợi ca đức hạnh và quyền uy của ông, kể lại những kỳ công vang dội và số chiến tích ông đã làm nên, vì ông đã giành không dưới chín chiến thắng lẫy lừng trên cương vị tổng tư lệnh Athens. Họ cứ trò chuyện với nhau như thế trước sự hiện diện của ông, ngỡ rằng ông đã mất tri giác và không thể hiểu họ được nữa. Nhưng Pericles đã dõi theo mọi lời họ nói và bất chợt lên tiếng. Ông lấy làm kinh ngạc, ông nói với họ, khi họ ca ngợi và nhớ đến ông vì những kỳ công có được do may mắn nhiều hơn nỗ lực, và nhiều tướng lĩnh khác cũng đã làm được chẳng kém gì ông, trong khi không đả động gì đến danh tiếng vĩ đại và đáng ngợi ca nhất của ông. “Ý tôi ở đây là,” ông tiếp lời, “không người Athens nào để tang vì tôi.”

39. Vậy nên, Pericles xứng đáng với sự ngợi ca của chúng ta, không chỉ vì ý thức công bình và khí chất bình thản mà ông giữ được qua bao phen khủng hoảng và những tư thù nghiệt ngã bủa vây, mà còn vì sự vĩ đại của tâm hồn ông. Ông cho rằng mình đáng được khen ngợi hơn hết, rằng cho dù có nắm giữ quyền lực to lớn, nhưng ông không bao giờ nhượng bộ những tình cảm đố kỵ hay hiểm thù và không đối xử với ai cay nghiệt như một kẻ thù đến mức anh ta không thể trở thành bạn mình. Dường như với tôi, thực tế này tự nó xóa đi mọi ác cảm đến từ biệt danh có phần tự phụ và ngây ngô của ông, và quả thực, đã đem lại cho nó sự phù hợp nhất định: chẳng có gì quá đáng khi gọi một nhân cách khoan dung và một cuộc đời trong sạch liêm khiết khi nắm giữ quyền lực tối cao là thần Olympia, mà theo quan niệm của chúng ta thì đó là những thần linh thống trị vũ trụ với tư cách tác giả của mọi điều tốt đẹp và là những thực thể tự bản tính không thể xấu xa. Về điểm này, chúng ta bất đồng quan

điểm với các nhà thơ, vốn làm chúng ta bối rối với mớ hoang tưởng dốt nát và tự mâu thuẫn trong các câu chuyện hư cấu của chính mình. Họ kể với chúng ta rằng nơi ở của các thần linh là một chốn thanh bình, không âu lo, không biết đến gió mây, nhưng luôn tỏa sáng một vầng hào quang êm dịu và ánh sáng rực rỡ, và họ cho đây là dạng tồn tại phù hợp với bản tính thần thánh và bất tử; nhưng đồng thời họ lại mô tả thần linh như những kẻ đầy bất mãn, hiểm độc, giận dữ, và các cảm xúc khác, mà sẽ làm hổ thẹn ngay cả người trần nào có chúng. Nhưng những suy ngẫm này thuộc về vấn đề khác.

Sau khi ông chết, diễn biến của các sự kiện đã khiến người Athens sớm nhận ra giá trị của Pericles và nhận thức sâu sắc sự mất mát khi ông ra đi. Những người khi ông còn sống cảm thấy bất mãn và bị lu mờ trước uy quyền của ông nên khi ông vừa mất đã quay sang các nhà hùng biện và lãnh đạo được ái mộ khác, chỉ để rồi buộc phải thú nhận rằng chẳng có ai có được tất cả vẻ uy nghiêm mà hòa nhã nơi ông, hoặc khi lòng khoan dung đòi hỏi biết giữ được cốt cách như ông. Từ nay trở đi đời sống chính trị Athens sẽ bị đầu độc bởi sự hủ bại và phạm pháp tràn lan, cảnh tượng mà Pericles đã luôn kiểm chế và che đậy nó, nhờ đó ngăn nó biến thành một thứ quyền lực không thể kiểm soát. Bấy giờ quyền lực của ông, thứ đã khơi lên bao nỗi đố kỵ và bị lên án như một nền quân chủ chuyên chế, đã bộc lộ đặc tính chân thực của nó như bức thành tri cứu nguy của thành bang.

NICIAS

[Khoảng 470 - 415 TCN]

TÔI TIN có mối tương đồng thật sự giữa cuộc đời của Nicias và Crassus,⁽⁴⁷⁵⁾ và giữa những tai ách của các cuộc viễn chinh Sicilia và Parthia. Tuy nhiên, cái đầu là đề tài mà Thucydides đã xử lý một cách vô song, vượt qua ngay cả các tiêu chuẩn cao nhất của riêng ông, chẳng những về tính thống thiết mà còn về cả lối kể chuyện xuất sắc và đa dạng. Vì vậy tôi phải xin độc giả đừng cho là tôi tự phụ như Timaeus,⁽⁴⁷⁶⁾ người tự hào có thể vượt qua Thucydides về tài hoa và nói về Philistus như một tác giả hoàn toàn tầm thường và nghiệp dư. Dưới sự ảo tưởng này, ông ta đã tự tin lao vào việc mô tả những trận chiến trên bộ và trên biển và góp nhặt các diễn ngôn mà ở đó cả hai sử gia này đã tỏ lộ thiên tài của mình. Trên thực tế, Timaeus thậm chí còn không với tới gần trình độ của họ như

Một anh lính bộ binh

Lẽo đẽo bên cạnh cỗ xe ngựa Lydia,

nói theo lối diễn đạt của Pindar; thay vì vậy ông ta cho thấy mình là hiện thân của kiểu tác giả non nớt song ra vẻ mô phạm:

Đầu óc thô vụng, nhét đầy mỡ lợn Sicilia.

như Diphilus đã viết. Ông ta thường ngó ngán như Xenarchus, chẳng hạn khi đưa ra quan điểm rằng quả là một điềm dở cho người Athens khi Nicias, người mà tên tuổi bắt nguồn từ chiến thắng, lúc đầu đã từ chối chỉ huy cuộc viễn chinh; hay sự khuyết tật của Hermae⁽⁴⁷⁷⁾ là lời cảnh báo từ trời cao rằng người Athens sẽ hứng chịu những thất bại lớn nhất trong chiến tranh bởi tay Hermocrates⁽⁴⁷⁸⁾ con trai của Hermon; hay lại nữa, rằng cũng phải lẽ nếu Heracles đứng về phía người Syracuse vì nữ thần Kore của họ đã giao Cerberus cho mình, và tức giận người Athens vì họ đã giúp người Segestan, một dân tộc có nguồn gốc từ người Troy mà thành phố của họ đã bị Heracles hủy diệt để trả thù cho những điều bất công do Laomedon gây ra với mình.

Trong trường hợp của Timaeus, chúng ta có thể quy biểu hiện của ông ta về cảm giác phù hợp tương tự khiến ông ta sửa lời của Philistus cũng như bói móc Plato và Aristotle. Quan điểm của tôi là lối ganh đua đầy xoi mói với các tác giả khác về vấn đề diễn đạt là biểu hiện của một đầu óc nhỏ nhen và thông thái rơm, và khi áp nó vào một kiệt tác không thể bắt chước, điều vô lý như thế không còn gì để nói. Tất nhiên không thể có chuyện bỏ qua những hành động của Nicias mà Thucydiedes và Philistus đã ghi lại, nhất là vì họ soi xét quá nhiều vào tính cách và thiên hướng của ông, vốn thường bị che mờ bởi những nỗi bất hạnh to lớn của ông, nhưng ở đây tôi chỉ khẽ chạm tới các điều cốt yếu nhằm tránh lối cầu thả. Tuy nhiên, với những sự kiện nhất định mà đã lảng tránh hầu hết các tác giả, hoặc chỉ được những người khác đề cập một cách mờ lung, hay chỉ được ghi chép trong các sắc lệnh hay lời tạ ơn xa xưa, tôi đã cố gắng thu thập với sự cẩn trọng. Mục tiêu của tôi khi làm việc này không phải là để góp nhặt những tiểu tiết vô ích, mà là để truyền lại bất

cứ cái gì có thể có lợi cho việc hiểu rõ hơn khí chất và bản sắc của nhân vật mà tôi khảo cứu.

2. Tôi có thể bắt đầu bằng việc trích dẫn những gì Aristotle viết về ông, ⁽⁴⁷⁹⁾ rằng có ba người nổi bật như những công dân tốt nhất của Athens, sống theo truyền thống cổ xưa của sự thiện lương và thân thiện với mọi người, đó là Nicias con trai của Niceratus, Thucydides con trai của Melesias, và Theramenes con trai của Hagnon, mặc dù những lời đẹp đẽ này không đúng mấy với người cuối trong số họ. Theramenes không bao giờ khiến người ta quên được gốc gác ngoại lai của một thổ dân Ceos, lần tiếng tăm của ông ta như một kẻ đọit thời, mà suốt sự nghiệp chính trị của mình đã luôn thay đổi chính kiến, vì vậy ông ta mới có biệt danh “Giày kịch sĩ.”⁽⁴⁸⁰⁾

Thucydides lớn tuổi hơn hai người kia, và trên cương vị lãnh đạo phe quý tộc, ông ta thường xuyên chống đối những nỗ lực của Pericles nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng. Nicias, mặc dù trẻ hơn khá nhiều, đã nổi bật ngay trong thời Pericles đến mức được bổ nhiệm làm tướng đồng sự với ông này, và thậm chí có vài dịp còn nắm quyền chỉ huy độc lập. Khi Pericles qua đời, Nicias nhanh chóng leo lên vị trí lãnh đạo.⁽⁴⁸¹⁾ Sự thăng tiến mau lẹ của ông chủ yếu nhờ vào sự hậu thuẫn của những người Athens giàu có và lỗi lạc nhất, vốn hy vọng đưa ông lên để bù lại sự xác xược thô lỗ của Cleon, mặc dù nhờ vậy dân chúng lại càng có thiện cảm với Nicias và sẵn lòng ủng hộ những tham vọng của ông.

Cleon có được một lực lượng ủng hộ đồng đảo vì ông ta thường “nuông chiều dân chúng và tìm việc cho tất cả,” nhưng ngay cả những người ông ta cố lôi kéo về phía mình, khi nhận ra lòng tham và sự vô sỉ của ông ta, đã quay sang coi Nicias là lãnh đạo của họ. Trái lại, Nicias có phong thái cương nghị không chút thô lỗ hoặc ngang chướng, mà trộn lẫn với vẻ nghiêm túc và thận trọng, và điều này khiến ông giành được

niềm tin của mọi người vì gây cho họ ấn tượng rằng ông hết sức e dè họ. Mặc dù bản tính ông rụt rè và có khuynh hướng chủ bại, nhưng vận may đã giúp ông che đậy sự thiếu quyết tâm của mình, ít ra trong sự nghiệp chính trị, vì ông đã luôn thành công trên cương vị một tướng quân. Mặt khác, trong đời sống chính trị, vẻ bồn chồn và thái độ hòa hoãn mà với nó ông có thể bị những kẻ cáo giác công khai làm cho luống cuống lại được coi là những phẩm chất dân chủ đáng ngưỡng mộ. Những đặc điểm này mang lại cho ông thước đo lớn của thứ quyền lực xuất phát từ niềm quý mến của công chúng. Khuynh hướng của họ là e sợ những kẻ không thêm cầu cạnh thiện ý của họ và đề bạt những ai mà họ cảm thấy có phần nể sợ họ, vì quả thực niềm vinh dự cao nhất mà đám đông dân chúng có thể nhận được từ kẻ bề trên là không bị họ khinh thường.

3. Pericles đã cai trị Athens trên hết bởi thiên tư ưu việt của mình và sức mạnh hùng biện và vì vậy không cần đến mấy trò giả tạo hay hứa hẹn dãi bôi khi giao tiếp với dân chúng. Trong khi đó, Nicias thiếu những phẩm chất này nhưng lại vô cùng giàu có và đã sử dụng tiền của để tranh thủ sự ủng hộ của họ. Ông không thể có thứ chủ nghĩa cơ hội hay tài nuông chiều thị hiếu tầm thường mà Cleon dùng để liên tục vỗ về người Athens, và vì ông chẳng mấy tin tưởng vào việc có thể đả bại Cleon bằng dĩ độc trị độc, nên cố lấy lòng mọi người bằng việc tài trợ những cuộc trình diễn kịch nghệ và thể thao cùng các hình thức hào phóng khác trước công chúng với mức độ đắt đỏ và xa xỉ hơn bất cứ những gì từng thấy ở Athens trước đó. Hai trong số những lễ vật dâng tiến thần linh của ông vẫn còn đó trong thời tôi - bức tượng Pallas Athene ở Acropolis đã bị mất lớp mạ vàng, và hòm thánh tích đặt dưới những cái giá ba chân⁽⁴⁸²⁾ trong khu của Dionysus. Nicias đã nhiều lần đoạt giải với dàn hợp xướng mà ông trình diễn, và quả thực ông chưa bao giờ bị đánh bại. Có câu chuyện kể rằng, vào một dịp thế này một nô lệ của ông bước ra sân khấu

với y phục trong vai Dionysus. Gã diễn viên này đặc biệt cao lớn và khôi ngô và chỉ vừa bước qua thời niên thiếu, má còn lông tơ, và người Athens bị quyến rũ bởi diễn xuất của gã đến nỗi đã vỗ tay tưởng như không ngớt. Lúc kết thúc, Nicias đứng dậy và tuyên bố rằng sẽ là một hành động bất kính nếu ông giữ làm nô lệ một thanh niên đã được dâng hiến cho thần linh qua sự hoan hô của công chúng, bèn trả tự do cho gã ngay tại chỗ.

Những nghi lễ mà Nicias cử hành tại Delos⁽⁴⁸³⁾ đã đi vào lịch sử vừa như hành động sùng bái thần linh vừa như sự thể hiện lòng hào hiệp với công chúng. Trong mấy năm trước đó, những dàn hợp ca mà các thành phố khác gửi đến để thờ cúng Apollo đã quen với việc cập bờ đảo theo một cung cách rất bừa bãi: đám đông người thờ cúng chạy ùa xuống thuyền và yêu cầu họ hát, không phải trong một lễ nghi đàng hoàng, mà đang khi họ chen nhau xuống thuyền thành một đám đông lộn xộn hối hả khoác vội áo xống và vòng hoa lên người. Khi Nicias tiếp quản đoàn thánh ca, việc đầu tiên là ông đưa dàn hợp ca cập bờ hòn đảo nhỏ Rheneia lân cận, cùng với những nạn nhân tế thần và mọi thứ cần thiết khác cho nghi lễ. Trước khi rời Athens, ông cho làm một chiếc cầu phao theo kích thước yêu cầu, tô điểm hoa lệ, sơn phết và treo vòng hoa rồi trải thảm. Trong đêm, nó được đặt ở vị trí vắt ngang lòng eo khá hẹp giữa đảo Rheneia và Delos, và vào tảng sáng ông dẫn đầu một đám rước tôn vinh vị thần, y phục lộng lẫy và vừa diễu hành vừa hát thánh ca. Sau khi những cuộc tế lễ và thi thánh ca và đại tiệc hoàn tất, ông dâng tiến thần Apollo cây cọ đồng nổi tiếng và một diềm sản nhỏ mà ông từng mua với giá 10.000 drachma. Lợi tức từ nó sẽ trang trải cho việc cử hành các nghi lễ và một bữa tiệc của cư dân đảo mà tại đó họ cầu khẩn thần linh ban phúc cho Nicias. Những chỉ thị này được khắc lên một cây cột mà ông dựng ở Delos, như để gác cho vật cúng dường của ông. Cây cọ đồng sau đó

bị một cơn bão lật nhào, ngã đè vào bức tượng thần khổng lồ được dân Naxos cung tiến, và hất nó xuống đất.

4. Trong tất cả chuyện này có những biểu hiện nhất định về sự thô tục và phô trương nhằm gia tăng thanh thế của Nicias và thỏa mãn tham vọng của ông. Nhưng xét đến các phẩm chất khác và tính cách chung của ông, có vẻ như tính ưa thể hiện của ông là kết quả của lòng sùng tín tôn giáo; và rằng việc giành được sự mến mộ và sức ảnh hưởng đối với quần chúng hoàn toàn là mục tiêu thứ yếu. Ông là một trong những người rất kính sợ lực lượng siêu nhiên và đặc biệt chịu ảnh hưởng bởi bói toán, như Thucydides⁽⁴⁸⁴⁾ kể với chúng ta. Một trong những đối thoại của Pasiphon nhắc đến chuyện ông cúng tế thần linh mỗi ngày và luôn có một thầy bói trong nhà mình. Nicias cho biết ông thường tìm sự chỉ dẫn về các vấn đề chính sự trong các điềm báo, nhưng trên thực tế, hầu hết những câu hỏi của ông liên quan tới chuyện cá nhân, nhất là về các mỏ bạc của ông.⁽⁴⁸⁵⁾ Ông sở hữu nhượng quyền khai thác đáng kể từ thành bang trong khu mỏ ở Laurium, là nơi việc khai mỏ cực kỳ sinh lợi nhưng cũng rất nguy hiểm khi tiến hành. Ông duy trì một lực lượng lớn nhân công là nô lệ ở đó và hầu hết của cải của ông là lượng bạc họ khai thác được. Vì lý do này ông luôn bị bủa vây bởi đám theo đóm ăn tàn, chúng chẳng những gây sức ép về tiền bạc mà còn bòn rút nó từ ông. Ông có thói quen tặng tiền không chỉ cho những ai có công, mà còn cho cả những kẻ ông tin có thể làm hại ông, đến mức nỗi sợ của ông là nguồn thu nhập khá khảm khá cho đám vô lại nhiều như sự rộng lượng của ông với người lương thiện.

Chúng ta có thể tìm được bằng chứng của điều này ở các nhà soạn hài kịch. Chẳng hạn, Telecleides đã viết mấy vần thơ sau về một trong những kẻ cáo giác:

Charicles cho hấn 1 mina để hấn dừng kể

Việc chàng là con đầu của mẹ mình, sinh ra trong nhung lụa.

Nhưng Nicias, con trai của Niceratus, cho hấn đến 4.

Tôi biết lý do, nhưng tôi không nói;

Vì Nicias là người bạn tôi tin tưởng.

Và nhân vật chính trong vở hài kịch *Maricas*⁽⁴⁸⁶⁾ của Eupolis đã đưa ra

trước khán giả một gã nghèo vô hại nào đó và nói:

Maricas: Anh gặp Nicias bao lâu rồi?

Pauper: Đến giờ mới gặp, ở chợ.

Maricas: Bạn thấy đấy, anh ta thú nhận đã gặp Nicias!

Nhưng anh ta làm cái việc rồ dại vô ích ấy làm gì kia chứ?

Điệp khúc: Nghe thấy chưa, các bạn của tôi, Nicias đã bị bắt quả tang!

Pauper: Khờ khạo thay, bộ các người cho rằng một người như Nicias

Lại bị bắt quả tang làm chuyện xấu xa?

Trong *The Knights*⁽⁴⁸⁷⁾ của Aristophanes, Cleon thốt lời đe dọa:

Ta sẽ gào át mọi nhà hùng biện và làm cho Nicias khiếp sợ!

và Phrynichus bóng gió với chúng ta về sự thiếu can đảm của ông và việc ông dễ bị dọa dẫm thế nào trong những câu này.

Theo như tôi biết, ông là một công dân ngay thẳng,

Không bẽn lẽn và rón rén như Nicias.

5. Nicias rất dè chừng những kẻ cáo giác đến mức ông không bao giờ ăn tối bên ngoài với một người Athens khác hay tham gia một cuộc tranh

biện hay bất kỳ sự kiện xã hội thông thường nào, quả thực ông thậm chí không cho phép bản thân dành thời gian cho thú tiêu khiển này. Khi ông phục vụ trong Hội đồng tướng lĩnh, ông hình thành thói quen ở lại Bộ Chiến tranh tới tận sẩm tối, và với tư cách một thành viên Hội đồng, ông là người đầu tiên bước vào và là người cuối cùng rời khỏi phòng Hội đồng. Kể cả khi không bận xử lý công vụ, ông vẫn tự biến mình thành kẻ khó gần khi ở lì trong nhà và khóa chặt cửa. Bấy giờ các bạn ông sẽ tiến về phía người đang đứng chờ bên ngoài và xin họ miễn thứ cho ông, giải thích rằng ngay cả vào giờ này Nicias vẫn đang bận bịu với công việc của thành bang mà không hề rảnh rỗi.

Người giúp ông nhiều nhất để sắm vai trò này và tạo cho ông một dáng vẻ trang nghiêm quan trọng là Hiero, một người được học hành đến nơi đến chốn về âm nhạc và văn chương trong gia đình Nicias. Ông ta tự nhận mình là con trai của Dionysius, có họ là Chalcus, một nhà thơ với tác phẩm hãy còn được lưu truyền và là người đã lãnh đạo đoàn thám hiểm lừng danh của thực dân Hy Lạp đến Ý và lập nên Thurii.

“Ông ấy hiếm khi có nổi một phút giây thư thái khi ăn hoặc kể cả trong lúc tắm,” Hiero kể với mọi người, “mà sự riêng tư không bị một vấn đề chính sự cấp bách nào đó chen ngang. Ông ấy quan tâm tới lợi ích của người dân và ít lo cho mình đến mức ông ấy hầu như chỉ đi ngủ khi hầu hết mọi người đã dậy. Hậu quả là sức khỏe của ông ấy trở nên tồi tệ và ông ấy thậm chí không thể tỏ vẻ vui tươi hay thoải mái với bạn bè mình. Ông ấy đánh mất bạn bè cũng như tiền của qua việc tân hiến cho Athens, trong khi người khác lợi dụng những hoạt động xã hội để kết giao bằng hữu và kiếm tiền, nhờ đó họ có thể sống xa hoa và làm chính trị như một trò tiêu khiển.”

Và trên thực tế đúng là Nicias đã sống một cuộc đời như vậy, đến mức có lẽ ông đã lặp lại những lời của Agamemnon trong vở *Iphigeneia at*

Aulis (Iphigeneia ở Aulis) của Euripides:

Đòi ta được vây bủa trong sự phù hoa và vẻ uy nghiêm
Nhưng bản thân ta là nô lệ của đám đông ta cai trị.

6. Ông để ý rằng trong khi dân chúng sẵn lòng lợi dụng những người nổi trội về tài hùng biện hoặc trí năng, họ vẫn cứ nhìn những người ấy với con mắt nghi ngờ và luôn cố gắng triệt hạ lòng kiêu hãnh hay hạ thấp danh tiếng của họ. Có các ví dụ không thể lầm lẫn về điều này trong án phạt vạ Pericles, sự phát vãng Damon,⁽⁴⁸⁸⁾ sự ngờ vực Antiphon xứ Rhamnus⁽⁴⁸⁹⁾ khiến ông này suy sụp, và có lẽ hiển nhiên hơn cả là trường hợp của Paches. Người này, sau khi chiếm được Lesbos, buộc phải giải trình về chiến lược của mình và cuối cùng đã rút gươm tự sát trong phiên tòa công khai, vì lẽ đó Nicias đã hết sức lảng tránh mọi nhiệm vụ khó khăn hay dài ngày; mỗi khi giữ cương vị tướng quân ông đều quan tâm đến sự an toàn, và nếu thành công, như lẽ tất nhiên thường thấy trong những điều kiện ấy, ông không bao giờ quy nó cho khả năng nhìn xa, nghị lực hay lòng can đảm của mình, mà cảm tạ hạnh vận vì mọi điều đạt được và dành vinh quang ấy cho thần linh, sẵn lòng hy sinh danh tiếng của mình để tránh sự đổ kỵ.

Những biến cố xảy ra đã chứng tỏ sự khôn ngoan của ông. Mặc dù trong những năm tháng ấy thành phố đã trải qua nhiều tai ách, nhưng Nicias không có can hệ gì với chúng. Ở Thrace, nơi người Athens bị người Chalcidian đánh bại, Xenopho⁽⁴⁹⁰⁾ và Callias nắm quyền chỉ huy. Ở Aetolia, tướng bại trận là Demosthenes. Tại Delium, họ bị mất 1.000 quân dưới trướng Hippocrates. Nạn dịch phần lớn do lỗi của Pericles, vì chiến lược của ông ta đã giam hãm đám đông người tị nạn từ thôn quê bên trong những bức tường thành, và họ được tin là đã truyền bệnh dịch

hạch do sự thay đổi môi trường và lối sống thường ngày của họ. Song Nicias không phải chịu trách nhiệm về những nỗi bất hạnh này. Trái lại, dưới sự lãnh đạo của ông, người Athens đã đoạt được Cythera,⁽⁴⁹¹⁾ một hòn đảo từng bị cư dân Sparta chiếm cứ và ở vị trí thuận lợi để khống chế lục địa Sparta. Ông đã giành lại nhiều nơi ở Thrace và khôi phục lòng trung thành của họ với Athens. Ông cũng thành công với việc khóa chặt người Megara trong thành phố của họ và cướp lấy đảo Minoa, và từ nơi đó sau này ông tiến tới chiếm lấy hải cảng Nisaea. Ông đổ bộ vào lãnh thổ Corinth và thắng một trận trong đó tướng địch Lycophron bị giết và người Corinth chịu tổn thất nặng nề.

Trong trận này, tình cờ khi người Athens gom nhặt thi thể, hai trong số đó bị bỏ lại không ai hay. Ngay khi biết chuyện, Nicias đã cho dừng thủy đội và cử một sứ giả đến với đề nghị đình chiến để tìm lại hai thi thể; ông đã làm điều này mặc dù theo quy luật và phong tục bất thành văn bên nào yêu cầu đình chiến để tìm xác thì mặc nhiên được coi như đã từ bỏ mọi yêu sách của kẻ chiến thắng, và nếu thỉnh cầu này được chấp thuận, họ không còn quyền dựng đài chiến thắng. Bằng chứng của sự chiến thắng là ở quyền làm chủ chiến trường sau cùng, và bên yêu cầu đình chiến hiển nhiên không có được điều này, nếu không họ sẽ chiếm lấy bất luận cái gì nó muốn. Nicias thà rằng từ bỏ chiến thắng và vinh quang cá nhân hơn là để cho thi thể hai đồng bào mình nằm đó không được chôn cất. Ông cũng đã tàn phá vùng duyên hải Sparta, đánh tan lực lượng Sparta được phái đến đối đầu với ông, chiếm Thyrea,⁽⁴⁹²⁾ nơi người Aeginetan đã định cư vài năm trước đó, và ông đã đưa những kẻ bị bắt về Athens làm tù binh.

7. Trong năm trước, Demosthenes đã củng cố Pylos,⁽⁴⁹³⁾ và người Peloponnese đã đưa cả lực lượng bộ binh và hải quân tới bán đảo. Một trận đánh diễn ra và cuối cùng khoảng 400 lính Sparta bị cô lập trên đảo

Sphacteria. Người Athens cho rằng việc bắt được những người này là một chiến lợi phẩm vô giá, mà đúng là như vậy. Nhưng chiến dịch tỏ ra gian nan, vì khu vực này khô hạn và việc mang đồ tiếp tế đi vòng qua Peloponnese bằng đường biển rất chậm chạp và tốn kém, ngay cả trong mùa hè, và nguy hiểm hoặc hoàn toàn bất khả thi vào mùa đông. Ở Athens, dân chúng bắt đầu mất kiên nhẫn và hối tiếc rằng họ đã xua đuổi phái đoàn Sparta đã từng đến thăm họ để đề nghị đình chiến và đàm phán những điều kiện hòa bình. Đây là trách nhiệm của Cleon, vì ông ta đã phản đối hòa ước chỉ ít phần nào là do Nicias ủng hộ nó. Ông ta coi Nicias là kẻ thù trời sinh của mình và chính vì thấy Nicias quá đổi hăm hở cộng tác với người Sparta mà ông ta đã thuyết phục người Athens cự tuyệt đề nghị của họ.

Do đó, khi cuộc phong tỏa kéo dài lê thê và tin tức truyền về rằng bản thân đội quân vây hãm gần như đang chết đói, dân chúng bắt đầu quay sang chống đối Cleon. Ông ta đã cố sức đổ lỗi cho Nicias, cáo buộc ông để cho những người trên đảo tuột khỏi tầm tay vì sự nhu nhược và nhút nhát của mình khi chỉ huy, và phét lác rằng nếu ông ta là tướng quân thì họ sẽ không đời nào dây dưa lâu đến vậy. Lúc này, người Athens chột vắn lại: “Thì ngay bây giờ cũng đâu đã quá muộn. Vậy sao ông không tự mình ra đó mà đưa quân về?” Nicias nhân đó đứng dậy giữa Hội đồng quốc dân và nhường quyền chỉ huy đội viễn chinh Pylos cho Cleon. Ông bảo Cleon cứ lấy bao nhiêu quân tùy thích và thôi nấp sau những lời lẽ hung hăng vốn chẳng nhọc sức gì. Đây là cơ hội của ông ta để lên đường và làm điều gì đó thật sự có ích cho quê hương. Thoạt đầu Cleon hoàn toàn chưng hửng bởi động thái bất ngờ này và tìm cách rút lui. Nhưng khi mọi người hối thúc và Nicias tiếp tục chế nhạo, ông ta liền mất bình tĩnh. Cuối cùng, tham vọng của ông ta trở dậy kịch liệt đến mức ông ta chẳng những tiếp nhận quyền chỉ huy mà còn hứa rằng nội trong 20 ngày ông

ta sẽ hoặc quét sạch quân Sparta trên đảo hoặc bắt sống chúng đưa về Athens. Người Athens những muốn cười vào lời hứa hẹn của ông ta hơn là tin vào nó, vì từ lâu họ đã chẳng lạ gì bộ tịch ra vẻ hiên ngang điên rồ của Cleon và coi nó như một trò cười chẳng chết ai. Chẳng hạn, có câu chuyện rằng có lần khi ông ta để cho cả Hội đồng quốc dân ngồi khá lâu trên Pnyx chờ ông ta đến nói chuyện với họ, gần đến tối thì ông ta xuất hiện, đeo vòng hoa dự tiệc tối, và yêu cầu họ dời buổi họp sang hôm sau. “Hôm nay,” ông ta kêu lên, “tôi không rảnh để dành thời gian cho quý vị. Tôi phải tiếp khách và tôi vừa mới làm lễ tế thần linh xong.” Những người Athens lập tức phá lên cười, đứng dậy và giải tán Hội đồng.

8. Tuy nhiên, lần này may mắn đã đứng về phía Cleon. Cùng với Demosthenes ông ta đã xử lý các chiến dịch một cách hiệu quả đến nỗi trong thời hạn đã hứa, ông ta bắt làm tù binh tất cả những người Sparta⁽⁴⁹⁴⁾ sống sót trong chiến trận và tịch thu vũ khí của họ. Diễn biến này rất bất lợi cho Nicias. Việc ông từ bỏ quyền chỉ huy vì hèn nhát, và bằng quyết định tự loại mình khỏi chức vụ để trao cho đối thủ cơ hội giành được chiến thắng lấy lòng như vậy bị coi là nhục nhã thậm chí hơn cả việc vứt bỏ tấm khiên che của mình. Aristophanes nhạo báng ông vì điều này trong vở *The Birds* (Những con chim).⁽⁴⁹⁵⁾

Trời ạ, đây không phải lúc để chúng ta gà gật
Hoặc run lẩy bẩy, như ông bạn Nicias của chúng ta!
và trong vở *The Two Farmers* (Hai nông dân) của ông ta.⁽⁴⁹⁶⁾

- Tôi thà chăm lo mảnh vườn của mình còn hơn.
- Ai đang ngăn cản anh?
- Các anh, đồng hương của tôi ạ. Tôi đã trả 1.000 drachma

Một cách vui vẻ, để bỏ việc và rời khỏi thị trấn.

- Tuyệt! Như vậy là thành 2.000, nếu anh tính luôn 1.000 mà Nicias đã trả để buông tha ông ta.

Ngoài chuyện này, Nicias đã báo hại Athens thê thảm bằng việc để cho đối thủ giành được quá nhiều quyền lực và danh vọng như vậy.

Cleon bấy giờ mang dáng vẻ ngạo mạn rất khó chịu và sự càn rỡ mà không ai có thể ngăn được, điều này đã mang đến nhiều tai ương cho thành phố mà rốt cuộc bản thân Nicias đã chịu khốn đốn chẳng kém ai. Ngoài những điều khác thì chính tấm gương của Cleon là thứ đã làm sụp đổ tập quán hành xử đứng đắn trong Hội đồng quốc dân. Chính ông ta là người đầu tiên đưa sự hò hét và lảng mạ vào các bài diễn văn của mình, cũng như thói quen vỗ đùi, mở tung y phục và bước lên bước xuống bục phát biểu khi nói, các thói quen ấy đã tạo ra một thái độ vô trách nhiệm và bất chấp khuôn phép ở những chính khách mà không bao lâu đã đưa chính sự Athens vào cảnh hỗn loạn.

9. Cũng vào thời điểm này, Alcibiades đang bắt đầu trở thành một thế lực ở Athens. Ông ta không phải một kẻ mị dân triệt để như Cleon. Nhưng giống như mảnh đất Ai Cập mà sự trù phú của nó được cho là đã sản sinh ra

Nhiều cây thuốc lành mọc bên cạnh cây độc tính,⁽⁴⁹⁷⁾

bản tính của ông ta cũng thuộc vào hàng hiếm có, chứa đựng trong nó các tiềm năng to lớn cả tốt lẫn xấu, và đã tạo ra những đổi thay sâu rộng nhất trong chính sự Athens. Kết quả là ngay cả khi Nicias đã tống khứ được Cleon, ông cũng chẳng còn thời gian để ổn định nền chính trị Athens hoặc xoa dịu những bất đồng trong thành phố. Ngay sau khi ông

đưa chính sự quốc gia vào lộ trình an toàn thì sức mạnh tham vọng của Alcibiades đã như một dòng thác ồ ạt trút vào ông, và tất cả lại bị cuốn vào mớ hỗn độn của chiến tranh.

Điều đó xảy ra như sau. Hai người Hy Lạp với tính cách tỏ ra là sự ngăn trở lớn nhất cho hòa bình là Cleon và Brasidas. Chiến tranh đã che đậy đáng kể sự đồi bại của người này và tôn vinh sự dũng cảm của người kia; nó là thời cơ tuyệt vời cho nhiều hành động bất công của Cleon và hàng loạt chiến thắng trên chiến trường của Brasidas. Khi cả hai người cùng ngã xuống trong trận đánh bên ngoài Amphipolis,⁽⁴⁹⁸⁾ Nicias đã nhanh chóng nắm được sự kiện rằng lâu nay người Sparta đã nóng lòng muốn hòa bình, trong khi người Athens không còn bụng dạ nào với chiến tranh nữa, tóm lại cả hai bên đều kiệt sức và sẵn lòng hạ vũ khí. Nicias vì vậy đã tận sức hòa giải họ và giải phóng các thành bang Hy Lạp khác khỏi họa binh đao: ông hy vọng nhờ vậy mà có được chút thời gian xả hơi và gây dựng danh tiếng bản thân như một chính khách luôn thành công. Ông nhận ra ngay lập tức rằng những người cao niên và phát đạt hơn, nhất là những kẻ có nhiều quyền lợi trong xứ, đã hoàn toàn ủng hộ hòa bình. Với số còn lại, ông nói chuyện riêng từng người, giải thích quan điểm của mình và chẳng bao lâu đã thành công trong việc làm nguội lạnh sự hiếu chiến sục sôi trong họ. Tiếp đến, ông khích lệ người Sparta và mời họ đàm phán hòa bình. Họ đã sẵn sàng tin tưởng ông vì danh tiếng ngay thẳng nói chung của ông, và nhất là vì sự đứng đắn và lòng nhân đạo ông đã thể hiện trong việc nương tay với nhiều người Sparta từng bị bắt tại Pylos và cầm tù ở Athens. Cả hai bên đã đồng ý đình chiến một năm, và trong suốt những tháng ấy họ đã có thể gặp gỡ và nếm trải vị ngọt của sự thanh bình, nhàn nhã, và tình hữu hảo giữa người ngoại quốc với bạn bè cũ. Dần dà, họ đâm ra mong mỏi trở về với một cuộc sống không bị quấy quả bởi nỗi thống khổ của chiến tranh; họ

vui sướng nghe những bài hát như đoạn điệp khúc trong vở *Erechtheus* của Euripides

Hãy để thanh gươm ta ngủ yên đến khi nhện
Chăng tơ quanh nó...

và họ nhớ đến với niềm biết ơn câu cách ngôn rằng trong thời bình đàn ông bị đánh thức bởi tiếng gà gáy chứ không phải tiếng tù và.

Họ tới tập rửa sả những kẻ nói rằng chiến tranh là định mệnh trong ba lần chín năm qua,⁽⁴⁹⁹⁾ và sau cùng, khi đã thảo luận xong xuôi mọi vấn đề trong tinh thần này, họ ký kết hòa ước.⁽⁵⁰⁰⁾

Hầu hết mọi người tin rằng giải pháp này thật sự đã giải thoát họ khỏi các rắc rối, và cái tên Nicias luôn ở trên môi mọi người. Ông được ca ngợi như một người mà thần linh đặc biệt ưu ái, và là người nhờ lòng mộ đạo đã được chọn để tên tuổi gắn liền với mọi ân phúc lớn lao và tốt lành nhất của cõi nhân sinh. Thật ra người ta sẵn sàng tin rằng Nicias là người có công mang lại hòa bình, trong khi Pericles là kẻ gây ra chiến tranh. Họ cảm thấy Pericles đã đẩy người Hy Lạp vào tai ương khủng khiếp vì các lý do quá đỗi hời hợt, trong khi Nicias thì thuyết phục họ quên đi những vết thương đau đớn nhất và trở thành bạn. Vậy nên ngày nay cuộc đình chiến này được mệnh danh là Hòa ước Nicias.

10. Hiệp ước này quy định rằng mỗi bên sẽ lấy lại những pháo đài, thành phố, và tù binh bị bắt giữ, và lá thăm sẽ quyết định bên nào sẽ là bên trả lại chiến lợi phẩm trước. Theo Theophrastus, Nicias đã âm thầm dàn xếp vấn đề bằng cách hối lộ để lá thăm sẽ rơi vào người Sparta. Nhưng khi người Corinth và người Boeotia,⁽⁵⁰¹⁾ vốn không hài lòng với chiều hướng của các cuộc thương lượng, với những cáo buộc và than

phiên của mình tựa hồ muốn quay lại tình trạng chiến tranh, Nicias đã thuyết phục người Athens và người Sparta bảo vệ nền hòa bình bằng việc liên hiệp lại trong mối quan hệ đồng minh của nhau. Ông hy vọng điều này sẽ khiến cho mối quan hệ giữa họ trở nên bền vững hơn và đồng thời ra sức kiểm chế quyết liệt những thành bang nào rút khỏi thỏa thuận.⁽⁵⁰²⁾

Trong suốt những cuộc trao đổi này Alcibiades đã tận lực ngăn chặn việc ký kết hòa ước. Với bản tính thất thường, ông ta không ưa sự thụ động, và ông ta cũng khó chịu với người Sparta vì sự gấn bó hiển nhiên giữa họ với Nicias cùng thái độ bất chấp và khinh thị họ dành cho mình một cách rõ ràng không kém. Thoạt đầu ông ta chẳng tiến được bao xa, nhưng không lâu sau ông ta để ý thấy người Athens không còn thiện ý lắm với người Sparta nữa. Họ bực bội với mối liên minh riêng rẽ mà người Sparta đã lập với người Boeotia, và thực tế là, theo các điều khoản của hòa ước, họ đã không trao trả Panactum⁽⁵⁰³⁾ với những công sự còn nguyên vẹn hoặc Amphipolis.⁽⁵⁰⁴⁾ Alcibiades vin vào những mối bất bình này để khơi dậy sự căm phẫn, và sau cùng mời người Argos cử một phái bộ kinh địch đến Athens và bắt đầu đàm phán lập liên minh với họ.

Khi những đại sứ từ Sparta đến, họ có đầy đủ quyền hạn, và tại cuộc tiếp kiến đầu tiên với Hội đồng, các kiến nghị của họ đã tạo nên một ấn tượng đầy hứa hẹn. Alcibiades bấy giờ lo lắng là họ sẽ lôi kéo được mọi người với các lý lẽ tương tự, và ông bèn bày mưu đánh lừa họ. Ông ta hứa hoàn toàn ủng hộ họ tại Hội đồng quốc dân, miễn họ đừng công bố hoặc thậm chí thừa nhận việc họ đến với tư cách những đại diện toàn quyền, vì đây là sách lược khôn ngoan nhất, ông ta bảo họ, để đảm bảo những điều khoản họ muốn. Họ cho phép mình chấp nhận đề nghị này, bác bỏ vai trò cố vấn của Nicias đối với họ, và chọn Alcibiades thay thế.

Khi Alcibiades giới thiệu họ với Hội đồng quốc dân, câu hỏi đầu tiên ông ta đặt ra là họ có đến với đầy đủ quyền hạn hay không, các đại sứ lắc

đầu phủ nhận, như đã thống nhất từ trước. Vì thế, Alcibiades liền trở mặt, yêu cầu các thành viên Hội đồng đang hiện diện chứng thực những điều người Sparta nói trước mặt họ. Tiếp đến, ông ta kêu gọi mọi người đừng để ý, nói gì đến chuyện tin vào lời đấm vô lại như vậy, những kẻ có thể đáp “Có” hôm nay rồi mai lại “Không” cho cùng một câu hỏi. Cố nhiên, người Sparta hoàn toàn bối rối, còn Nicias quá sức kinh ngạc và xấu hổ đến nỗi không thể thốt nên lời. Trong khi đó, nỗi thôi thúc tức thì của mọi người là cho mời các đại sứ Argos đến ký kết minh ước với họ. May thay vào lúc này cuộc họp bị một cơn địa chấn nhỏ làm gián đoạn, và Hội đồng buộc phải hoãn lại. Hôm sau họ họp trở lại, và Nicias, sau một hồi biện thuyết dài, đã khó khăn lắm mới thuyết phục được người Athens không lập tức liên minh với Argos, mà hãy phái ông đến Sparta, cam đoan với họ rằng mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.

Nhưng khi ông đến, mặc dù người Sparta nói chung đối đãi trọng vọng với ông như một người đáng kính và đầy lòng thiện chí với họ, nhưng ông chẳng thể đạt được gì, vì phái thân Boeotia bấy giờ quá mạnh đối với ông. Ông phải trở về tay không, chẳng những bị mất thể diện và chỉ trích nặng nề, mà còn thật sự e ngại người Athens. Những đồng hương của ông bấy giờ cực kỳ kích động và phẫn nộ, vì theo lời khuyên của Nicias họ đã phóng thích rất nhiều tù binh chiến tranh có giá trị nhất; vì những tù binh được đưa đến Athens từ Pylos trong nhiều trường hợp thuộc về những gia tộc hàng đầu ở Sparta, hoặc có bạn bè hay thân hữu thuộc hàng tôn quý nhất ở đó. Tuy nhiên, mọi người không có hành động nghiệt ngã nào với Nicias. Họ chỉ đơn giản bầu Alcibiades làm tướng quân và tiếp nhận người Mantinea⁽⁵⁰⁵⁾ và Elea - vốn đã tuyệt giao với Sparta - gia nhập minh ước giữa họ với người Argos. Cuối cùng, họ đưa một toán lực lâm thảo khấu đến Pylos để cướp phá Sparta, và thế là một lần nữa họ lại bị cuốn vào chiến tranh.

11. Rốt cuộc mối hiềm khích giữa Nicias và Alcibiades trở nên gay gắt đến nỗi án phát vãng đã được quyết định viện đến.⁽⁵⁰⁶⁾ Dân chúng có thói quen thỉnh thoảng dùng đến cách này để trục xuất với thời hạn 10 năm đối với kẻ nào đã trở thành đối tượng bị ngờ vực vì danh vọng to lớn của mình, hoặc bị đổ ky quay quắt vì giàu có. Cả hai người bấy giờ thấy mình đang trong tình cảnh rắc rối và nguy hiểm, vì xem ra án lưu đầy tất nhiên sẽ rơi xuống đầu người này hoặc người kia. Người Athens ghét lối sống của Alcibiades và họ còn ngán ngại bản tính coi thường pháp luật nơi ông ta, như được giải thích đầy đủ hơn trong tiểu sử ông ta. Mặt khác, họ ghen ghét Nicias vì ông giàu có, và hơn thế nữa là vì những thói quen của ông, vốn tuyệt nhiên không hề thân ái hay hòa đồng mà cách biệt và quý tộc, và có vẻ hoàn toàn xa lạ trong mắt họ. Bên cạnh đó, ông thường chống lại các xu hướng của họ và buộc họ làm những điều trái ý mặc dù thật sự hữu ích cho họ, và điều này cũng đã khiến ông bị thất sủng. Tóm lại, cuộc tranh cãi là giữa thế hệ trẻ chủ chiến và thế hệ già chủ hòa: đám trước muốn Nicias, đám sau lại muốn Alcibiades bị phát vãng. Nhưng một khi cuộc nội chiến mở màn, ngay đến đám vô lại cũng có thể đục nước béo cò,⁽⁵⁰⁷⁾ và như vậy trong trường hợp này sự chia rẽ của thành phố thành hai phe đã trao cơ hội cho những tính cách khinh suất và càn rỡ nhất. Một trong số đó là Hyperbolus ở tiểu khu Perithoidae, một kẻ mà sự táo tợn không đến từ uy thế vững chãi có được, mà trái lại, vị thế của ông ta đơn giản đã được gây dựng bằng sự càn rỡ; thật ra, ngay sự hậu thuẫn ông ta nhận được đã là nổi hổ thẹn với thành phố. Vào thời điểm này Hyperboilus có thể tự tin cảm thấy rằng ông ta ở ngoài tầm với của án lưu đầy, vì ông ta thật sự chỉ cùng lắm đáng bêu riếu. Ông ta tính rằng nếu một trong hai đối thủ của mình bị phát vãng, thì bản thân ông ta có thể trở thành đối thủ với người còn lại, và ông ta hoan hỉ ra mặt với sự đối địch của họ và cố kích động sự giận dữ của công chúng với cả hai. Kết

quả là Nicias và Alcibiades nhìn thấu âm mưu bản thủ của ông ta: họ ngầm đi đến thỏa thuận hợp lực với nhau, và qua việc vận động lực lượng hậu thuẫn của mình, họ đã kết hợp với nhau đánh bật án lưu đày khỏi mình và thế là nó rơi vào Hyperbolus.⁽⁵⁰⁸⁾

Thoạt đầu mọi người thích thú và coi kết quả này như một trò đùa thú vị. Nhưng về sau họ tức giận với ý nghĩ rằng cơ chế phát vãng đã bị suy đồi đến mức áp dụng cả cho một kẻ hoàn toàn đốn mạt như thế. Có một cảm giác chung rằng ngay cả sự trừng phạt cũng mang trong nó một phẩm giá nào đó, hoặc đúng ra án lưu đày là hình phạt với những người như Thucydides hoặc Aristides, trong khi với Hyperbolus đó là một vinh dự cho phép ông ta khoe mẽ rằng phẩm hạnh đời bại của mình hiện đem đến cho ông ta một chỗ đứng bên cạnh các nhà ái quốc vĩ đại. Như nhà thơ hài kịch Plato đã viết,

Đáng đời thay số phận kẻ chối từ:

Phải, nhưng hẳn không xứng với số phận ấy.

Chẳng phải cho người như hẳn cùng những vết nhơ tôi đòi.

Người Athens trao mảnh gốm vào tay chúng ta.

Rốt cuộc người Athens đã chẳng bao giờ viện đến án phạt lưu đày lần nào nữa. Hyperbolus là kẻ cuối cùng phải lĩnh nhận nó, cũng như Hipparchus xứ Cholargus, một người họ hàng của bạo chúa Pisistratus, là người đầu tiên vậy.⁽⁵⁰⁹⁾

Các vòng quay của số phận diễn ra thật phức tạp còn lý trí con người thật khó dò. Nếu Nicias mạo hiểm đấu một trận sòng phẳng với Alcibiades, ông hẳn đã thắng và sống an bình trong khi đối thủ bị đuổi khỏi thành phố, hoặc nếu thua, ông ắt đã rời khỏi Athens trước khi tai

họa ập xuống đầu và vẫn bảo toàn danh tiếng của một vị tướng cực kỳ thành công. Tôi biết rằng theo Theophrastus thì Alcibiades và Phaeax, chứ không phải Nicias, là những người bị dính líu vào vụ phát vãng dẫn đến việc trục xuất Hyperbolus, nhưng hầu hết các tác giả đều đồng ý với câu chuyện tôi vừa nêu.

12. Dù sao đi nữa, khi sứ giả từ Leontini và Segesta⁽⁵¹⁰⁾ đến⁽⁵¹¹⁾ kêu gọi người Athens tiến hành cuộc chinh phạt Sicily, chính Nicias là người phản đối họ, nhưng ông đã bị đánh gục một cách vô vọng trước những kế hoạch tham vọng của Alcibiades. Trước khi Hội đồng quốc dân diễn ra, Alcibiades đã làm lóa mắt dân chúng và làm lệch lạc óc phán đoán của họ bằng những triển vọng lấp lánh được ông ta tạo ra, đến nỗi đám người trẻ trong các trường đấu vật và người già trong các cửa hàng hay nơi hội họp bắt đầu tùm tùm dõn theo bản đồ Sicily hoặc những hải đồ và hải cảng và bờ biển quay mặt về Phi châu. Vì người Athens đã đi đến chỗ coi Sicily không phải một chiến lợi phẩm sẽ khép lại cuộc chiến này, mà như một bàn đạp, một cứ điểm tiên tiêu để từ đó họ có thể mở ra cuộc chiến với Carthage và biến mình thành chủ nhân của Libya và toàn vùng Địa Trung Hải tới tận Những cột đá của Heracles.

Vì đại đa số đã hoàn toàn bị lung lạc bởi những kế hoạch này, nên Nicias không tìm được mấy người ủng hộ có đủ ảnh hưởng để giúp ông chống lại chúng. Người giàu thì e bị kết tội, nên lảng tránh đóng góp vào chi phí cuộc viễn chinh cùng những nhu yếu của thủy đội, và để cho óc suy xét sáng suốt của mình nín lặng. Tuy nhiên, Nicias không đầu hàng, ngay cả khi Hội đồng quốc dân đã biểu quyết chủ chiến và bổ nhiệm Alcibiades, Lamachus và chính ông nắm quyền chỉ huy. Khi Hội đồng quốc dân nhóm họp lần thứ hai, ông đứng dậy cực lực phản đối kế hoạch, và sau cùng ông công kích Alcibiades, kẻ mà ông nói là đang sửa soạn nhấn chìm thành phố vào một cuộc chiến khó khăn và nguy hiểm bên

kia đại dương chỉ để thỏa mãn tính háo danh và tham vọng cá nhân. Nhưng mọi nỗ lực của ông đã tỏ ra vô hiệu. Dân chúng xét thấy kinh nghiệm của Nicias chỉ càng khiến ông trở thành nhân tố thiết yếu hơn trong nhiệm vụ này, và rằng tính thận trọng của ông sẽ là chiếc van an toàn hữu hiệu nhất chống lại sự liều lĩnh của Alcibiades và sự quả quyết của Lamachus, nếu những phẩm chất của ông kết hợp với của họ, và trên thực tế, tất cả những gì ông nói chỉ càng củng cố cho phán quyết trước đó. Bấy giờ Demostratus,⁽⁵¹²⁾ người tích cực nhất trong số các thủ lĩnh được ái mộ, kêu gọi dân Athens tiến hành cuộc viễn chinh, tuyên bố ông ta sẽ đập tắt những lý do của Nicias và kiến nghị nên trao quyền hạn tuyệt đối cho các chỉ huy trong việc hoạch định và điều hành chiến dịch ở cả quê nhà lẫn hải ngoại. Kiến nghị này đã được Hội đồng quốc dân thông qua.⁽⁵¹³⁾

13. Mặt khác, các thầy tế được cho là đã phản đối kịch liệt cuộc chinh phạt này. Nhưng có thể Alcibiades đã đưa ra những nhà tiên tri nói ngược lại, và từ vài lời tiên tri cổ xưa nào đó ông ta đã trích dẫn một câu trong đó tiên đoán một chiến thắng vĩ đại đang chờ đợi người Athens ở Sicily. Những sứ giả khác, từng được sai đến đền thờ Zeus Ammon,⁽⁵¹⁴⁾ trở về với lời tiên tri tuyên bố rằng “người Athens chắc chắn sẽ bắt được tất cả người Syracuse”; đồng thời họ ngăn lại những lời tiên tri gợi ý bất kỳ điều gì trái ngược vì sợ thốt ra những lời nói gở. Nhưng bất luận thế nào, ngay cả mấy cảnh báo rõ ràng và đáng tin cậy nhất, như sự què quặt của Hermae⁽⁵¹⁵⁾ cũng không thể khiến mọi người quay lưng lại với mục đích của mình. Tất cả những bức tượng này đều bị biến dạng trong một đêm, trừ một bức tượng mệnh danh là Hermes của Andocides, vốn được bộ lạc Aegeid hiến tặng và đặt trước ngôi nhà của Andocides. Một điềm khác là sự ô uế bàn thờ 12 vị thần, khi một người đàn ông bỗng nhiên nhảy phốc lên đó, đứng dạng hai chân và tự hoạn mình bằng một hòn đá.

Cũng tại Delphi, có bức tượng Pallas Athene bằng vàng ngự trên cây cọ bằng đồng được người Athens hiến tặng để tưởng niệm những chiến tích dũng cảm mà họ đã đạt được trong các cuộc chiến tranh Ba Tư. Đàn quạ vây quanh và mổ bức tượng vài ngày, lại còn làm những trái cọ vàng bị đứt văng tung tóe xuống đất. Người Athens, trên thực tế đã tuyên bố rằng đây chẳng qua là chuyện bịa đặt của các thầy tế ở Delphi do người Syracuse xúi giục mà thôi. Nhưng khi họ được một lời tiên tri khác khuyên tìm đem về nữ tư tế đền Pallas ở Clazomenae, khi nàng về đến nơi thì tên nàng hóa ra là Hesychia,⁽⁵¹⁶⁾ và bởi sự trùng hợp này mà lời tiên tri dường như hiển nhiên thành bang chớ nên manh động.

Ngoài ra có trường hợp của nhà chiêm tinh Meton, người đã được bổ nhiệm làm một chỉ huy của cuộc viễn chinh. Không biết có phải do ấn tượng trước những dấu hiệu này, hay là xuất phát từ những tính toán riêng ông tin vào sự thất bại không thể tránh khỏi của nó, ông ta bèn giả điên và phóng hỏa đốt nhà mình. Tuy nhiên, có một phiên bản khác của câu chuyện, theo đó Meton không hề giả điên, nhưng đã tự đốt nhà mình vào ban đêm và sau đó trình diện trước Hội đồng quốc dân trong dáng vẻ cực kỳ khổ sở, và vì nỗi bất hạnh to lớn này mà đã xin cho con trai, lúc bấy giờ đang chỉ huy một chiến thuyền tới Sicily, được miễn cuộc chinh phạt. Triết gia Socrates cũng được một tiếng nói bên trong mách bảo, qua những dấu hiệu thông thường của nó, rằng cuộc viễn chinh này sẽ mang tai ương đến cho Athens. Ông ta đã kể điều này với một số bạn bè thân thiết và câu chuyện lan đi khắp nơi.

Những người khác cũng lấy làm âu lo trước việc quyết định thời điểm để thủy đội ra đi. Đó là vào lúc phụ nữ Athens đang cử hành Lễ hội Adonis, và ở nhiều nơi trong thành phố những tấm hình nhỏ của người chết trẻ được rước đi trong các đám diễu hành tang tóc, hòa cùng tiếng khóc ai oán của phụ nữ, khiến cho tất cả những ai chú ý tới các điềm báo

như vậy đều cảm thấy lo lắng cho số phận những kẻ ra đi. Một nỗi kinh sợ bất chợt xâm chiếm họ rằng cuộc phiêu lưu hoành tráng và tốn kém này ngay từ đầu có thể đã bị nguyên rủa và khó tránh khỏi kết cục thất bại.

14. Để phản đối quyết định của Hội đồng quốc dân, và để không bị cuốn theo những hy vọng hảo huyền một lần nữa, hoặc khuất phục trước tầm quan trọng của mệnh lệnh đòi ông phải thay đổi quan điểm, Nicias đã tỏ ra là người có nguyên tắc và cái nhìn sáng suốt. Nhưng sau mọi nỗ lực thuyết phục mọi người từ bỏ chiến dịch hoặc bãi miễn chức vụ của ông không thành, và thấy mình buộc phải nắm quyền chỉ huy cuộc phiêu lưu vĩ đại mà có thể nói là một nghĩa vụ quân dịch không thể thoái thác, bấy giờ ông mới nhận ra đã là quá trễ cho tính cách thận trọng và do dự quá mức của mình. Ông không nên, giống như một đứa trẻ, dỗi cái nhìn mông lung về quê nhà từ trên thuyền mình, hoặc tiếp tục hậm hực chuyện mọi người không nghe theo lời khuyên của mình. Kết quả duy nhất của việc cứ day dứt mãi về những việc này chỉ là càng làm cùn nhụt nhuệ khí của đồng đội và để lỡ vô số cơ hội hành động mà thôi. Con đường đúng đắn là lập tức giáp mặt với kẻ thù và đặt cược số phận mình vào trận chiến này. Có thể nói là Lamachus ủng hộ việc dong buồm trực chỉ Syracuse và mở trận hãm thành, trong khi Alcibiades đề nghị họ trước hết nên tìm cách chia rẽ mối quan hệ của các đồng minh lân bang với Syracuse rồi sau đó mới tấn công thành phố. Tuy nhiên, Nicias đã phản đối cả hai kế hoạch và không nghĩ ra cái gì hiệu quả hơn là đi tuần quanh bờ biển Sicily, biểu dương sức mạnh và rồi trở về Athens, sau khi để lại một đội quân nhỏ ở Segesta. Bằng cách này, chẳng mấy chốc ông đã làm sa sút quyết tâm và nhuệ khí ở người của mình.

Chẳng bao lâu sau sự việc này,⁽⁵¹⁷⁾ người Athens đã triệu hồi Alcibiades về Athens để xét xử, còn Nicias thì ở lại trên danh nghĩa cùng chịu trách

nhệm với Lamachus, nhưng nắm quyền chỉ huy tối cao trên thực tế. Vì chiến lược của mình mà ông chẳng thể làm gì khác hơn là ngồi nhàn rỗi tại căn cứ, đi tuần quanh đảo, hoặc phác thảo các kế hoạch, cho đến khi những hy vọng tươi sáng mà đoàn viễn chinh ấp ủ khi bắt đầu lên đường nhạt nhòa dần, còn cảm giác sợ hãi và nhụt chí mà thủy đội thoát đầu gây cho kẻ thù cứ dần tan biến.

Trong khi Alcibiades còn hành quân cùng thủy đội, họ đã dong buồm tới Syracuse với lực lượng 60 chiến thuyền. Trong đó 50 chiếc dàn hàng ngoài cảng, 10 chiếc còn lại luân phiên trinh sát và phát đi một tuyên cáo long trọng rằng người Leontine nên trở về nhà. Họ cũng đã tóm được một thuyền địch mang theo bản danh sách tên tuổi tất cả công dân Syracuse, sắp xếp theo bộ lạc. Những danh sách này được lưu giữ ở ngoài thành phố trong đền thờ Zeus trên đỉnh Olympia, và đã được mang về để sửa soạn gọi nhập ngũ các công dân ở tuổi quân dịch. Tướng lĩnh Athens nghiên cứu chúng và vỡ lẽ ra nhân lực Syracuse hùng mạnh đến dường nào, trong khi các thầy bói hoang mang bởi nỗi nghi ngại rằng lời tiên tri về chuyện “quân Athens sẽ tóm được tất cả người Syracuse” có thể ngụ ý không gì khác hơn thế. Tuy nhiên, người ta kể rằng lời tiên tri này đã được ứng nghiệm với người Athens nhân một dịp khác, khi Callipus người Athens giết chết Dion và chiếm lấy Syracuse?

15. Không lâu sau đó, Alcibiades lên thuyền rời khỏi Sicily⁽⁵¹⁸⁾ và tất cả thực quyền được trao vào tay Nicias. Đồng sự của ông, Lamachus, là một chiến binh can đảm và trung thực, người đương đầu với chiến trận không biết sợ sệt, nhưng có cảnh ngộ khó khăn đến nỗi mỗi khi làm bản báo cáo về một chiến dịch, ông ta có thói quen kê khai cả những chi phí cho y phục và giày dép của mình. Trái lại, Nicias tạo ra một ấn tượng oai phong hơn nhiều do sự giàu có và danh tiếng lẫy lừng của ông trong chính trường. Người ta kể rằng có lần tại hội đồng tướng lĩnh, khi đang thảo

luận vấn đề gì đó với đồng sự, Nicias quay sang đề nghị Sophocles, với tư cách một nhân sĩ cao niên trong hội đồng, nêu ý kiến trước, Sophocles nghe vậy bèn đáp: “Tôi có thể là người già nhất ở đây, nhưng anh là cấp trên.”

Tương tự, mặc dù là một tướng lĩnh tài ba hơn, nhưng giờ đây Lamachus ở dưới quyền Nicias, và kết quả không là gì khác ngoài những sách lược quá thận trọng và do dự. Đầu tiên, Nicias tổ chức đi tuần quanh đảo theo lộ trình cách xa kẻ thù nhất có thể, điều đó chỉ càng củng cố thêm lòng tự tin của chúng mà thôi. Sau đó, khi ông đánh bại vây hãm thị trấn Hybla nhỏ bé, ông đã rút lui trước khi đoạt được nó, do vậy chuốc lấy sự khinh bỉ cực độ của người Syracuse. Cuối cùng, ông trở lại Catana mà không làm được điều gì hơn là đánh phá Hyccara,⁽⁵¹⁹⁾ một thành trì của quân rợ. Nghe nói là Lais một gái làng chơi nổi tiếng, bấy giờ hãy còn là cô gái trẻ, thuộc số tù nhân bị bắt giữ ở đó, và rằng cô ta đã bị bán và đưa đến Peloponnese.

16. Vào cuối mùa hè, người Sicily được cho là đã trở nên tự tin đến nỗi họ định chuyển sang thế công và chủ động tiến đánh Nicias. Đội kỵ binh của họ đã bắt đầu kéo đến rìa doanh trại Athens và nhức mắng các binh sĩ, hỏi là liệu có phải họ thật sự đến để giành lại lãnh thổ Leontine hay phải chăng chính họ đã bán xối khỏi Catana rồi, đến nỗi mặc dù rất miễn cưỡng, nhưng rốt cuộc Nicias đã giương buồm đến Syracuse. Vì ông nóng lòng muốn đưa quân đội cập bờ an toàn mà không gặp phải kháng cự, nên đã bí mật cử một mật vụ từ Catana đến gặp người Syracuse với tin tình báo rằng nếu họ đưa toàn bộ quân đến đó vào một ngày nhất định, họ có thể tấn công doanh trại Athens đang khi nó không phòng bị và chiếm nó cùng mọi thứ trang thiết bị. Mật vụ này còn nói với họ rằng phe thân Syracuse trong thành phố, nơi người Athens đã dành hầu hết thời gian, đã lên kế hoạch chiếm cổng thành và thiêu rụi thủy đội Athens

ngay khi lực lượng tấn công ra hiệu là đã có mặt; ông ta nhấn mạnh rằng phía Syracuse có nhiều người ủng hộ đang hăm hở chờ họ đến.

Đây là tài thao lược lợi hại nhất của Nicias trong toàn bộ chiến dịch Sicily. Ông đã thành công trong việc hút toàn bộ sức mạnh của kẻ thù ra khỏi Syracuse, đến nỗi thành phố này gần như bị bỏ mặc không phòng bị. Sau đó ông đưa quân từ Catana đến, làm chủ hai hải cảng Syracuse, và giành được một vị trí kiên cố cho doanh trại: nó ở địa thế hiểm yếu đến mức ông sẽ không bị thất thế dù chỉ với sự bảo vệ của quân chủng yếu nhất là kỵ binh, trong khi nó cho ông sự tự do để thi triển binh lực mạnh nhất, trọng binh.⁽⁵²⁰⁾

Khi người Syracuse hối hả quay lại từ Catana và dàn quân trước thành phố sửa soạn nghênh chiến, Nicias lập tức tấn công và đánh bại họ. Thiệt hại của họ không nặng, vì kỵ binh của họ đã có thể ngăn cản cuộc truy sát của người Athens. Tuy nhiên, Nicias đã tiêu hủy mấy chiếc cầu bắc qua sông Anapus và điều này trao cho Hermocrates cơ hội để khích lệ người Syracuse khi nói rằng chiến lược của Nicias thật lộ bịch, vì mục tiêu chính của ông hình như là tránh giao chiến, như thể ông đến Sicily chẳng phải để đánh nhau. Song Nicias đã khiến người Syracuse sợ sệt và ngã lòng đến nỗi để thay cho 15 tướng đang phục vụ, họ bổ nhiệm ba chỉ huy khác,⁽⁵²¹⁾ và dân chúng lập thế đặc biệt là sẽ trao cho các vị này quyền hạn tuyệt đối.

Đền thờ Zeus trên đỉnh Olympia tọa lạc không xa doanh trại. Quân Athens đã tấn công vào để chiếm nó, vì nó chứa vô số lễ vật bằng vàng và bạc, nhưng Nicias cố tình ngăn lại và để cho một đơn vị đồn trú của Syracuse tiến vào. Ông cảm thấy rằng sẽ không có lợi cho sự nghiệp của Athens nếu quân của ông cướp bóc những châu báu trong đó và rằng bản thân ông sẽ là người gánh trách nhiệm về tội báng bổ. Trong khi đó, tin tức về chiến thắng của ông lan truyền khắp đảo, nhưng Nicias không

làm bất cứ điều gì để khai thác nó. Thay vì vậy, sau khi chờ đợi trong vài ngày, ông lui binh về thị trấn Naxos và trải qua mùa đông ở đó. Ông chi tiêu những khoản tiền khổng lồ để chu cấp cho quân đội, nhưng chẳng đạt được mấy kết quả trong các cuộc thương lượng với một số ít người Sicel đã chạy sang phía ông. Thế là một lần nữa người Syracuse lấy lại can đảm và tiến hành đột kích Catania, tàn phá vùng thôn quê và thiêu rụi những gì từng là doanh trại Athens. Mọi người đổ tội cho Nicias vì chuyện này và ta thán rằng bởi sự liên tục do dự và bản tính quá thận trọng mà ông đã vứt bỏ mọi cơ hội hành động. Thế nhưng khi ông lấy hết can đảm để ra tay, thì thành tích của ông là không thể chê trách, vì càng mạnh mẽ và hữu hiệu bao nhiêu trong việc thi hành những kế sách thì ông lại càng chậm chạp và e dè trong việc hình thành chúng bấy nhiêu.

17. Dù sao đi nữa, sau cùng khi ông đưa lực lượng trở lại Syracuse,⁽⁵²²⁾ ông chuyển quân với tốc độ mau lẹ và khéo léo đến nỗi ông tới bán đảo Thapsus⁽⁵²³⁾ cùng với thủy đội, đổ quân lên bờ và chiếm các đỉnh cao của Epipolae trước khi kẻ thù biết ông đang trở tới. Sau đó ông đẩy lùi một cuộc tấn công của đội quân tinh nhuệ để giành lại cứ điểm, bắt được khoảng 300 lính, và thậm chí đánh tan kỵ binh mà lúc bấy giờ vẫn được coi là bất khả chiến bại.

Nhưng thành tích làm kinh hãi người Sicily nhất và dường như không thể tin được với người Hy Lạp là trong vòng vài tuần ông đã bao vây Syracuse với một tường thành, mặc dù đó là một thành phố lớn không kém Athens và khó bao vây hơn nhiều vì địa hình trắc trở, và thực tế là nó tiếp giáp cả biển và đầm lầy. Ông suýt nữa đã hoàn thành nhiệm vụ bất chấp thực tế rằng sức khỏe của ông tuyệt nhiên không thích hợp với những trọng trách nặng nề, vì vào lúc này ông bị trọng thương do một viên đá ném trúng, và có vẻ hợp lý khi quy kết sự đau ốm này là nguyên nhân khiến một vài việc bị bỏ dang dở. Và quả thực, đây là lúc để tỏ lòng

kính trọng sự kiên gan bền chí của Nicias và sự quả cảm của binh sĩ với những gì họ đã đạt được. Sau khi đội quân viễn chinh thất trận và bị tiêu diệt, Euripides đã viết văn bia cho họ:

Tám lần họ thắng người Syracuse trên chiến trường
Cho đến khi thần linh bắt tử xoay chuyên cán cân số phận.

và trên thực tế, người Athens đã thắng người Syracuse nhiều hơn tám lần, trước khi thần linh, như cách nhà thơ mô tả, hay số mệnh quay lưng với họ, vào thời điểm họ dường như đã đạt tới sức mạnh cực hạn của mình.

18. Mặc cho sức khỏe yếu, Nicias buộc mình phải có mặt trong hầu hết các trận đánh. Nhưng một lần, khi bệnh tình trở nên nguy ngập, ông phải nằm liệt giường trong doanh trại và chỉ được vài người hầu cận trông nom. Lamachus tiếp quản binh quyền và đang giao phong với quân Syracuse cố vượt thành xông ra để chia cắt bức tường vây hãm của quân Athens và ngăn nó phong tỏa họ hoàn toàn. Quân Athens đã đẩy lui kẻ thù trong trận cận chiến, nhưng bị vỡ đội hình trong cuộc truy kích, vì vậy Lamachus bỗng thấy mình bị cô lập và phải đương đầu với một đội kỵ binh Syracuse đang ồ ạt lao vào mình. Một trong những sĩ quan đáng gờm và táo tợn nhất của quân Syracuse, tên là Callicrates, đã thách Lamachus đấu tay đôi. Vị tướng Athens nhận lời thách đấu, xông ra và bị đâm trước, nhưng ông ta đã kịp áp sát đối thủ và giáng trả một đòn, thế là cả ông ta và Callicrates cùng ngã xuống. Quân Syracuse nhặt thi thể cùng bộ áo giáp của Callicrates mang đi, sau đó tấn công dữ dội chiến lũy của doanh trại Athens, nơi Nicias nằm chờ vợ không ai bảo vệ. Nicias gắng gượng ngồi dậy xem xét tình hình và lập tức nhận ra nguy hiểm: ông ra lệnh cho đám hầu cận thu thập tất cả những súc gỗ dùng cho các

chiến dịch vây hãm đang nằm rải rác trước chiến lũy và thiêu rụi chúng cùng với những khi cụt hãm thành. Hành động này đã tạm thời ngăn cản cuộc tấn công, cứu thoát Nicias và hàng rào phòng thủ cùng tất cả những trang thiết bị của Athens, ngay khi quân Syracuse nhìn thấy cột lửa lớn bốc lên giữa họ và chiến lũy, bèn rút lui.

Vì thế Nicias một mình nắm quyền chỉ huy, nhưng đến lúc này⁽⁵²⁴⁾ trong ông bỗng dâng lên những niềm cao vọng. Giờ đây ông đã ở thế thượng phong, có cả một làn sóng người Sicily nói chung đang ngả sang phe ông. Lòng trung thành của một vài thành phố đã bắt đầu lung lay và những thuyền ngũ cốc xuất hiện trong doanh trại ông từ mọi hướng. Bên cạnh đó, người Syracuse vốn đã tuyệt vọng với việc bảo vệ thành phố cũng đã bắt đầu đưa ra những đề nghị hòa bình. Cũng vào thời điểm này, Gylippus, người đang trên đường từ Sparta tới tiếp viện quân Syracuse, hay tin họ đã bị vây hãm và đang nguy nan vô cùng. Ông ta quyết định tiếp tục cuộc hành trình tiếp cứu các thành phố Hy Lạp ở Ý nếu còn có thể, nhưng coi Sicily là đã thất thủ. Có một quan điểm dần dà mạnh lên rằng quân Athens giờ đây chiến thắng quá dễ dàng và được lãnh đạo bởi một vị tướng mà vận may và óc suy xét khiến ông ta trở nên bất khả chiến bại.

Ngay cả chính Nicias, trái với bản tính thường ngày, chợt cảm thấy tự hào bởi sức mạnh và vận may hiện tại của mình, nhất là vì ông được các mật vụ âm thầm đưa tin về từ Syracuse, rằng thành phố này sắp sửa đầu hàng có điều kiện. Vì lý do này ông không chú ý đến việc Gylippus đang đến và thậm chí không cất cử người canh phòng để ngăn chặn ông ta. Thế là, nhận thấy người Athens không thêm để mắt tới mình, Gylippus bèn lợi dụng sự bất cẩn này để lén vào qua eo Messina. Ông ta cập bến Himera trên bờ biển phía bắc cách Syracuse một quãng xa, và đã chiêu mộ được một lực lượng lớn trước khi người Syracuse hay tin ông ta đến,

hoặc thậm chí biết khi nào để chờ đón ông ta. Quả thật, thực tế là một cuộc họp hội đồng đã được triệu tập để thảo luận về những cuộc đàm phán công khai với Nicias và một số người Syracuse bắt đầu bàn bạc, cảm thấy rằng họ phải đi đến thỏa thuận trước khi thành phố bị phong tỏa hoàn toàn, vì ngay lúc này mới chỉ có một đoạn tường ngăn của người Athens được hoàn thành và vật liệu nằm vương vãi dọc theo chiều dài của nó.

19. Nhưng đúng vào lúc ấy, Gongylus đã đến từ Corinth trong một chiến thuyền.⁽⁵²⁵⁾ Có thể hình dung là cả thành phố đã đổ ra bến cảng để đón ông ta, và ông ta nói với họ rằng Gylippus đã đến gần và những chiến thuyền khác đang trên đường tiếp cứu họ. Thoạt đầu họ không tin điều này, nhưng xuất hiện một sứ giả do chính Gylippus cử tới, lệnh cho họ ra nghênh tiếp mình. Lúc này tinh thần của họ lập tức phấn chấn trở lại và họ chuẩn bị chiến đấu. Chẳng bao lâu, quân của Gylippus đến, và ông ta lập tức bài binh bố trận để đánh lại người Athens. Cùng lúc đó, Nicias đã lập xong chiến tuyến của mình, và Gylippus bèn dựng vũ khí chụm lại với nhau trước mặt quân Athens rồi cử một sứ giả đến với đề nghị cấp cho họ giấy thông hành nếu họ chịu rút khỏi Sicily. Nicias không thèm đáp lại đề nghị này. Nhưng một số binh sĩ Athens thì cười nhạo Gylippus và hỏi sứ giả rằng liệu sự xuất hiện của một tên thất phu Sparta cùng đồng bọn đã làm thay đổi cục diện phe Syracuse đến mức họ có thể dám khinh nhờn quân Athens chẳng. Nên nhớ, họ nói, rằng chúng tôi vừa mới phóng thích 300 tù binh Sparta trong trận Sphacteria đấy thôi, và tất cả bọn họ đều to lớn và tóc dài hơn Gylippus.

Theo Timaeus thì người Sicily không có ấn tượng tốt đẹp với Gylippus. Thoạt đầu họ chế giễu tấm áo choàng và mái tóc dài của ông ta, và về sau họ lên án ông ta bủn xỉn và hám lợi. Nhưng ông này cũng kể rằng từ khoảnh khắc đầu tiên khi Gylippus xuất hiện, người Syracuse đã xúm xít

quanh ông ta như đàn chim quanh một con cú, háo hức phục vụ dưới trướng, và lời khẳng định thứ hai này rõ ràng là đúng hơn. Trên quyền trượng và áo choàng của ông ta, họ nhận ra những biểu tượng của phẩm cách Sparta, và đó là điều lôi kéo họ đến với ông ta. Theo Thucydides, chính Gylippus là người đã làm thay đổi toàn bộ cán cân chiến dịch, và đây cũng là quan điểm của Philistus, vốn là một công dân Syracuse và là một nhân chứng của những biến cố này.

Quân Athens đã thắng trận đầu tiên và họ giết một số quân Syracuse, kể cả Gongylus xứ Corinth. Nhưng ngay hôm sau, Gylippus đã cho họ thấy những gì mà một chỉ huy dày dạn trận mạc có thể làm được trên chiến trường ấy cũng với số vũ khí và ngựa ấy, đơn giản chỉ bằng cách thay đổi chiến thuật, ông ta đã giáng một thất bại nặng nề cho người Athens. Khi họ rút lui về doanh trại ông ta liền ngăn quân Syracuse truy kích và bắt đầu tận dụng số đá và vật liệu xây dựng khác mà kẻ thù đã mang tới. Ông ta mở rộng nơi tường thành giao nhau cho đến khi nó cắt đứt tường thành phong tỏa của Athens theo cách sao cho kể cả khi người Athens có giành được ưu thế trên chiến trường, họ vẫn không thể khai thác được chiến thắng của mình.

Người Syracuse được khích lệ bởi thành công này bèn chiêu mộ nhân lực cho các thuyền, đồng thời tổ chức tuần tiễu vùng nông thôn với đội kỵ binh của mình và của các đồng minh, đem về nhiều tù nhân. Gylippus cũng bắt đầu đích thân thị sát các thành phố lân cận và thành công trong việc thức tỉnh và đoàn kết họ cùng kề vai sát cánh dưới sự lãnh đạo của mình. Kết quả là, khi nhận thấy tình hình trở nên tồi tệ xiết bao, Nicias lại rơi vào tâm trạng bi quan trước đó. Lúc này, ông cử một phái viên trở về Athens kêu gọi mọi người hoặc gửi đến một đội quân mới hoặc triệu hồi lực lượng của ông, và thỉnh cầu họ dù thế nào đi nữa hãy cách chức chỉ huy của ông vì lý do sức khỏe.

20. Người Athens từng cân nhắc gửi một đội quân viễn chinh mới trước đó ít lâu.⁽⁵²⁶⁾ Những thành công ban đầu của Nicias đã khơi nên sự đổ kỵ và vì vậy dẫn đến nhiều phen bị trì hoãn, nhưng lần này, đâu có chuyện gì, họ cũng sẵn lòng muốn tăng viện cho ông. Họ quyết định rằng Demosthenes sẽ ra đi với một đội viễn chinh lớn vào mùa xuân, trong khi Eurymedon bắt đầu lên đường trước vào giữa mùa đông, mang theo tiền cho quân đội cùng tin tức về việc Euthydemus và Menander đã được chọn trong số các sĩ quan để cùng chỉ huy cuộc chinh phạt với Nicias.

Tuy nhiên, trước khi Demosthenes kịp đến, người Syracuse đã bắt thần tấn công cả trên bộ và trên biển. Thoạt đầu, thủy đội của Nicias bị ép dữ dội, nhưng ông đã xoay sở lật ngược tình thế và cuối cùng đánh chìm số lượng lớn thuyền của người Syracuse. Nhưng ông không đủ nhanh để kịp giải cứu quân đội trên bờ vào thời điểm then chốt. Gylippus tổ chức đột kích vào các pháo đài tại Plemmyrium⁽⁵²⁷⁾ và bắt được họ. Một phần lớn trang bị hải quân của Athens cũng như rất nhiều tiền của được tích trữ ở đó, tất cả đã rơi vào tay ông ta, trong khi hầu hết binh lính đồn trú bị giết hoặc bị bắt làm tù binh. Tuy nhiên, hậu quả nghiêm trọng nhất là sự gián đoạn nguồn tiếp tế của Nicias. Chừng nào người Athens còn chiếm giữ Plemmyrium, chừng đó việc này còn được tiến hành khá an toàn và chóng vánh, nhưng giờ đây khi họ đã bị mất nó thì tuyến đường tiếp tế chỉ có thể diễn ra trên một lộ trình trống trải với rất nhiều nguy nan, vì nó thường xuyên hứng chịu nguy cơ bị tấn công bởi chiến thuyền địch, có thể bỏ neo ngay dưới pháo đài.

Về phần mình, người Syracuse tin rằng họ bị thua trận thủy chiến không phải vì sức mạnh vượt trội của Athens mà do những sai lầm của chính mình, đặc biệt là vì họ đã từ bỏ đội hình trong cuộc truy kích, và thế là họ bèn gấp gáp trang bị lại thủy đội cho một nỗ lực thứ hai. Tuy nhiên, Nicias hoàn toàn không có xu hướng muốn chiến đấu vào lúc này.

Ông lập luận, sẽ thật là điên rồ nếu mạo hiểm giao tranh lần nữa khi lực lượng mình đã bị suy yếu và thiếu thốn trăm bề, trong lúc một thủy đội lớn và trang bị đầy đủ dưới quyền Demosthenes đang hối hả tới tiếp cứu.

Mặt khác, hai người mới được bổ nhiệm là Euthydemus và Menander lại nóng lòng muốn liều đánh một trận, phần vì tham vọng cá nhân và phần vì nổi đố kỵ với hai vị tướng còn lại; họ hy vọng sẽ tỏa sáng hơn Nicias trên chiến trường và trở nên nổi bật trước khi Demosthenes kịp đến. Vì lẽ ấy, họ đã thổi phồng quá trớn tầm quan trọng của thanh thế Athens mà họ nhất quyết cho rằng sẽ thiệt hại không thể vãn hồi nếu họ từ chối giao chiến với thủy đội Syracuse, và với cơ này họ đã thắng Nicias và ép thông qua quyết định đánh nhau trên biển. Trong trận đánh diễn ra sau đó, họ đã bị Ariston người Corinth khuấy phục (với trò bịp về bữa trưa⁽⁵²⁸⁾ đã được Thucydides⁽⁵²⁹⁾ mô tả), và thảm bại với tổn thất nặng nề. Nicias chìm vào nỗi tuyệt vọng khốn cùng, khi nghĩ rằng sau những tai họa đã nhận lãnh khi chỉ huy một mình, giờ đây ông còn phải chịu đựng những sai lầm ngớ ngẩn của đồng sự nữa.

21. Nhưng vào thời điểm này,⁽⁵³⁰⁾ quân tăng viện được trang bị rợp trời do Demosthenes chỉ huy chợt xuất hiện ngoài hải cảng, khiến quân Syracuse kinh hoàng. Ông ta có 73 chiến thuyền, mang theo 5.000 trọng binh và một lực lượng 3.000 cung thủ, lính phóng lao và bắn đá. Khôi giáp sáng loáng, cờ xí rục rờ đầy thuyền, tiếng hò reo hùng dũng của thủy thủ, cánh thổi sáo giữ nhịp chèo, tất cả cùng nhau tạo ra một ấn tượng về sức mạnh và sự huy hoàng đã được tính toán để làm nhụt nhuệ khí kẻ thù. Sau một thời gian, đến lượt người Syracuse đã hoàn toàn ngã lòng: những gian khổ của họ dường như không có hồi kết, và họ chỉ có thể thấy mình đang vùng vẫy chiến đấu và hy sinh mạng sống chẳng vì cái gì.

Tuy nhiên, Nicias thực sự không vui vẻ gì khi được bổ sung lực lượng này, vì ngay trong cuộc trao đổi đầu tiên, Demosthenes đã hối thúc tấn

công kẻ thù ngay lập tức. Dưới cái nhìn của ông ta thì họ nên đánh cược mọi thứ vào một chiến dịch chớp nhoáng và quyết định, để hoặc đoạt lấy Syracuse hoặc trở về. Nicias kinh hoàng trước sự táo bạo và ngông cuồng này của ông ta, bèn phản đối mọi nỗ lực khinh suất hay liều lĩnh. Quan điểm của ông là thời gian đang đứng về phía người Athens, vì kẻ thù đã hết tiền và sẽ sớm bị mất sự hậu thuẫn từ các đồng minh. Một khi họ thấy mình đang khốn khó tứ bề, ông chỉ việc chờ đợi họ mở những cuộc đàm phán công khai với mình như họ đã làm trước đó. Trên thực tế, ông vẫn bí mật thư từ với một phe nhóm đáng kể bên trong thành phố, họ khuyên ông hãy nhẫn nại, vì dân chúng giờ đây đã mệt mỏi với chiến tranh và chán ngán Gylippus, chỉ cần thêm một chút áp lực nữa để khiến họ từ bỏ hoàn toàn.

Tuy nhiên, vì Nicias chỉ bóng gió về những toan tính áy của mình mà không nói ra, nên các đồng sự kết luận rằng ông giữ thái độ này chỉ do hèn nhát mà thôi. Họ tin chắc sẽ lại diễn ra câu chuyện cũ rích về những lần ngập ngừng và trì hoãn và vô vàn lý sự cùn về các tiểu tiết, nhân đó ông sẽ vứt bỏ thời cơ vàng khi không lập tức tấn công, hạ thấp nhuệ khí quân đội và chuốc lấy sự khinh nhờn của kẻ thù. Vì thế, tình cảm chung của mọi người đã ngã về phía Demosthenes, và Nicias bất đắc dĩ phải nhượng bộ.

Theo đó, Demosthenes đã dùng bộ binh tiến hành một cuộc đột kích ban đêm vào Epipolae. Một số lính gác bị bất ngờ và bỏ mạng ngay trong cuộc tấn công đầu tiên còn những kẻ kháng cự thì bị đánh tan tác. Tuy nhiên, ông ta không dừng ở đó, mà đưa quân tới vị trí người Boeotia đang trú đóng. Đây là kẻ địch đầu tiên xông ra với đội hình quy củ và trong tiếng hò reo xung trận, họ tấn công và đẩy lui quân Athens bằng giáo dài, gây ra thiệt hại nặng nề. Lúc này sự hoang mang và hỗn loạn bao trùm đoàn quân. Một số lính hã còn tiến tới nhân đà chiến thắng đã bị cuốn

phăng bởi số khác từ tiền tuyến thoái lui về. Số lính đang hành quân ra từ Epipolae để tấn công thì bị đẩy lùi và lâm vào cảnh hỗn loạn bởi làn sóng người trốn chạy táo tác về phía hậu quân; họ tưởng đâu những đồng đội đang triệt thoái kia là kẻ đang truy kích họ và mỗi bên đều tưởng lầm bên kia là địch. Quân Athens dồn đống vào nhau tan vỡ hoàn toàn, nỗi kinh hoàng và rối ren của cuộc chiến cùng với việc không thể phân biệt được mọi thứ rõ ràng, thoạt đầu khiến họ ngỡ ngác và cuối cùng đã làm thế trận sụp đổ. Đêm không tối đen cũng không nhìn rõ cho lắm. Mặt trăng nằm thấp nơi đường chân trời và ánh sáng yếu ớt của nó phần nào đã bị che mờ bởi đường nét của vô số binh lính chạy tới chạy lui, tạo nên mọi hình dáng mờ lung mơ hồ và khiến ai nấy đều nghi ngờ đồng đội mình là kẻ thù. Một điều tình cờ nữa là quân Athens chiến đấu với ánh trăng sau lưng mình, vì vậy mà bóng của họ đã che mờ quân số và ánh lấp lóa từ vũ khí của họ, trong khi quân thù với những tấm khiên phản chiếu ánh trăng, càng có vẻ được vũ trang tốt hơn và đông hơn thực lực chúng có. Rốt cuộc sức kháng cự của quân Athens đổ vỡ, kẻ thù tấn công họ từ mọi phía, và cuộc rút lui biến thành thua chạy. Nhiều người bị quân Syracuse giết, và không ít là do đồng đội của mình; một số trượt chân ngã xuống vực, và số khác lang thang tản mát khắp chiến địa, để rồi ngay khi trời sáng bị lực lượng kỵ binh truy cùng giết tận. Số người chết lên đến 2.000 và trong số sống sót chỉ một nhóm người trở về với vũ khí trên tay.

22. Nicias kinh hãi trước thảm họa này dù ông đã gần như chờ đợi nó, và ông khiển trách Demosthenes đã liều lĩnh. Ông ta lên tiếng biện hộ về điều này, nhưng giờ thì cực lực hối thúc lui quân ngay lập tức. Ông ta lập luận rằng không thể đánh bại kẻ thù với sức mạnh hiện thời của chúng và họ tất nhiên chẳng thể chờ đợi có thêm viện quân nào nữa. Ngay cho dù có thắng một trận đi nữa, họ vẫn phải thay đổi căn cứ và từ bỏ vị trí

hiện thời mà thường được coi là có hại cho sức khỏe binh lính và giờ đây đã trở nên đặc biệt nguy hiểm, như họ có thể thấy, vì lý do khí hậu. Mùa thu đang bắt đầu, nhiều binh sĩ đã ngã bệnh, và tất cả đã nản lòng.

Nhưng lần này chính Nicias là người từ chối lui binh. Đây không phải vì ông đánh giá thấp người Syracuse, mà do ông còn e ngại dân chúng Athens cùng những lời buộc tội và xét xử sau đó ở quê nhà. Câu trả lời của ông là ông không thấy nguy hiểm nào trước mắt, và rằng nếu có đi nữa thì ông thà chết trong tay kẻ thù hơn là đồng bào mình. Ông không đồng quan điểm với Leon⁽⁵³¹⁾ xứ Byzantium, người mà sau này nói với các đồng hương, “Tôi thà chết trong tay các anh còn hơn là ở cùng các anh.” Nicias thêm rằng vấn đề nên dời doanh trại đi đâu có thể để thủng thẳng quyết định. Demosthenes, vì kế hoạch đã sớm thảm bại vừa qua, đã không còn khẳng khẳng theo ý mình, còn những người khác cho rằng nếu Nicias phản đối việc di tản quyết liệt như vậy, ông hẳn rất tin vào nguồn tin tình báo của mình trong thành phố, nên đã ngả theo ý kiến của ông. Nhưng trước diễn biến là người Syracuse nhận thêm viện quân, trong khi tình trạng đau ốm trong doanh trại Athens trở nên tồi tệ, Nicias rốt cuộc đã nhận ra rằng họ phải ra đi, bèn hạ lệnh chuẩn bị lên thuyền.

23. Nhưng ngay vào thời điểm mà tất cả việc chuẩn bị đã xong xuôi, và kẻ thù không nghi ngờ bất kỳ động thái nào kiểu này nên buông lơ cảnh giác, thì xảy ra nguyệt thực vào ban đêm. Biến cố này làm Nicias kinh hãi và người của ông thì lại ngu dốt và mê tín nên đã bị hoang mang trước cảnh tượng ấy. Nhật thực diễn ra vào cuối tháng ở thời điểm này đã được ngay cả những người thất học hiểu là do bị Mặt trăng che khuất bằng cách này hay cách khác. Nhưng trong trường hợp Mặt trăng, họ không tài nào lý giải nổi cái gì có thể cản ngang đường đi và khiến ánh sáng đang độ tròn đầy của nó bị lu mờ và tán xạ muôn vàn màu sắc. Họ tin đó hẳn là

một dấu hiệu siêu nhiên và lời cảnh báo của thần linh rằng những tai ương chết chóc đang đến gần.

Người đầu tiên cố gắng lý giải bằng văn bản sự chiếu sáng và che khuất của Mặt trăng là Anaxagoras, và cách diễn giải của ông ta rõ nét và minh bạch hơn hết. Nhưng lý thuyết này tồn tại chưa lâu, cũng chưa nổi tiếng mấy: thật ra, nó hầu như còn được coi như một bí mật mà chỉ một nhóm nhỏ có thể lĩnh hội và truyền đạt một cách rất dè dặt thay vì tự tin. Công luận bấy giờ có bản năng thù địch đối với các nhà triết học tự nhiên và những người nhìn xa trông rộng, như cách họ được gọi, vì người ta nói chung tin rằng họ xem thường sức mạnh của thần linh bằng cách lý giải nó chẳng là gì khác ngoài sự vận hành của các nguyên nhân phi lý trí và những lực lượng mù quáng hoạt động theo quy luật tất yếu. Vì lý do này mà thậm chí Protagoras đã bị lưu đày⁽⁵³²⁾ và Anaxagoras bị tống giam,⁽⁵³³⁾ cho đến khi Pericles xoay sở cứu được ông ta ra với vô vàn khó khăn, trong khi Socrates, mặc dù không can hệ gì tới loại tư biện này, vẫn cứ bị tử hình vì mối liên hệ của mình với triết học.⁽⁵³⁴⁾ Mãi đến khi tiếng tăm của Plato vang lừng bốn bể, và cho biết, không chỉ qua tấm gương đời ông ta, mà còn qua lời dạy của ông ta rằng các lực lượng tự nhiên phục tùng một nguyên lý cao cả hơn, đã xua tan sự dè dặt gắn liền với những học thuyết như vậy, do đó chúng mới có điều kiện để tự do lưu truyền. Dù sao đi nữa, bạn của Plato là Dion vẫn thân nhiên, mặc dù nguyệt thực đã xảy ra đúng vào thời điểm ông ta lên thuyền tại Zacynthus với mưu toan chống lại Dionysius⁽⁵³⁵⁾ tiếp tục hải trình đến Syracuse, đổ bộ ở đó, và truất phế kẻ bạo chúa.

Tuy nhiên, tình cờ vào thời điểm đó, Nicias không có dù chỉ là một nhà tiên tri có kinh nghiệm ở bên mình. Stilbides, người phò tá thân cận trước đây, từng làm mọi cách giảm bớt những nỗi sợ mang tính mê tín của ông, lại vừa mới qua đời. Và quả thực, như Philochorus đã chỉ ra, theo

quan điểm của những người tham gia di tản, nguyệt thực tuyệt nhiên không phải điểm gỡ, mà là lợi thế tích cực, vì một chiến dịch thuộc loại này, được tiến hành với nỗi lo bị phát hiện, cần được che giấu hơn bao giờ hết, trong khi ánh sáng là điều tai hại với nó. Lẽ thường trong mọi trường hợp, như Autoclides nhận định, là trì hoãn hành động trong vòng không quá ba ngày sau nhật thực hay nguyệt thực. Tuy nhiên, Nicias đã thuyết phục quân Athens đợi sang tuần trăng sau, như thế ông thấy hành tinh này hãy còn chưa gột sạch bóng tối và lấy lại ánh sáng bình thường vào thời khắc nó băng qua vùng đang chìm trong u tối mịt mờ do Trái đất.

24. Nicias bấy giờ ngày càng sao lãng những nhiệm vụ khác mà chìm đắm vào việc cúng bái và bói toán. Kẻ thù đã nắm hoàn toàn thế chủ động và đang nhắm nhe áp sát, bao vây doanh trại và hàng rào phòng thủ của ông với lực lượng bộ binh và phong tỏa bến cảng với chiến thuyền của chúng. Quả nhiên, không chỉ các chiến thuyền Syracuse, mà ngay cả đám trai tráng trên thuyền cá cũng chèo tới thách thức và buông lời lăng mạ quân Athens. Một trong số đó tên là Heraclides, con trai của một gia đình quý tộc Syracuse, đã cả gan lại gần đến mức một thuyền Athens bắt đầu truy đuổi và sắp bắt được hắn. Chú hắn là Pollichus nhận thấy nguy hiểm bèn xông ra giải cứu với 10 chiến thuyền dưới quyền mình, và những chiến thuyền Syracuse khác đã kéo đến trợ giúp Pollichus. Một trận chiến chớp nhoáng diễn ra, trong đó người Syracuse sau cùng thắng thế và Eurymedon cùng nhiều thủy thủ bị giết.

Tình hình này khiến quân Athens mất hết kiên nhẫn và họ hò hét đòi các tướng lĩnh lập tức cho lui binh theo đường bộ, vì hành động đầu tiên của quân Syracuse sau chiến thắng là phong tỏa cửa cảng. Tuy nhiên, Nicias vẫn ngần ngừ chưa quyết, vì ông không cam tâm vứt bỏ toàn bộ thủy đội vận tải và gần 200 chiến thuyền. Vì vậy ông đã chọn lực lượng bộ binh cùng cung thủ và lính phóng lao tinh nhuệ nhất để đưa càng

nhiều càng tốt lên các chiến thuyền mà ông có thể bố trí tay chèo, cả thảy là 110, vì không đủ chỗ chèo cho số còn lại. Đoạn ông rời bỏ doanh trại chính và những bức tường nối liền đền thờ Heracles và dàn số quân còn lại dọc theo bờ biển. Do vậy người Syracuse, vốn đã phải từ bỏ tập quán cúng tế Heracles trong nhiều tháng trời, giờ đây kéo đến cùng các thầy tế và tướng lĩnh để hành lễ trong khi thuyền của họ đang sắp xếp nhân sự.

25. Lúc đó các thầy bói tuyên bố rằng những nghi lễ hứa hẹn một chiến thắng vẻ vang, miễn là người Syracuse không chủ động đánh trước mà giữ thế thủ, vì đây là cách Heracles đã đánh bại kẻ thù của mình, chỉ tự vệ khi bị tấn công. Với niềm khích lệ này, họ bắt đầu xuất phát từ bờ biển.

Sau đó là trận đánh cuối cùng trong hải cảng, cuộc giao chiến vĩ đại và kịch liệt nhất trong toàn bộ chiến dịch, gây ra nhiều nỗi bi thiết và cảm xúc mãnh liệt nơi khán giả cũng như người thật sự tham chiến, vì trận đánh trải dài trên toàn bộ quang cảnh bờ biển và trải qua nhiều phen thăng trầm bất ngờ của số phận. Người Athens bị kẻ thù gây ra thiệt hại nặng về trang bị và đội hình tham chiến bao nhiêu thì cũng khốn đốn bấy nhiêu bởi những thứ đó của chính mình. Họ đánh nhau với những khinh thuyền xông vào họ từ nhiều hướng cùng lúc, trong khi chiến thuyền của họ thì nặng nề và tùm tùm vào nhau. Quân Athens bị tấn công bằng gạch đá, gây thiệt hại như nhau bất luận ném trúng từ góc độ nào, trong khi họ chỉ có thể đáp trả bằng lao và mũi tên mà đường bay của chúng bị những chiếc thuyền tròn tránh làm cho lệch đi, khiến chẳng có mấy cái đánh trúng mục tiêu. Quân Syracuse đã học được chiến thuật này từ Ariston, hoa tiêu người Corinth, người đã tỏ ra rất dũng cảm trong trận đánh này và bị giết đúng vào giờ phút chiến thắng.

Quân Athens đã hoàn toàn thảm bại. Họ thiệt hại nặng về người, và cơ hội cuối cùng thoát đi bằng đường biển giờ đã bị cắt đứt. Họ cũng thấy rằng tuyến rút lui trên bộ là cực kỳ nguy hiểm, và họ thậm chí còn không cố ngăn kẻ thù lai dắt những chiến thuyền họ bỏ lại, cũng không yêu cầu đình chiến để gom thi thể nữa. Họ đau đớn với viễn cảnh từ bỏ các đồng đội bị ốm và bị thương mà họ thấy nằm la liệt quanh mình hơn là để mặc cho những thi thể không được chôn cất, và quả thực, những kẻ sống sót hầy còn tại ngũ bấy giờ cảm thấy tình hình của họ là bi thảm nhất, vì có vẻ họ còn phải chịu đựng nhiều gian khổ hơn nữa và sau cùng vẫn không thoát khỏi số phận tương tự.

26. Ngay đêm ấy họ chuẩn bị hành quân. Trong khi đó, Gylippus quan sát người Syracuse mê mải thâu đêm với những lễ tế và chè chén linh đình ăn mừng chiến thắng và tưởng niệm vị anh hùng dân tộc của họ, Heracles. Ông ta biết mình không thể nào thúc ép hay thuyết phục họ rút ngắn cảnh hội hè đình đám và tấn công quân Athens đang rút lui. Nhưng đúng lúc này, Hermocrates bằng sáng kiến của mình đã nghĩ ra một mưu kế đánh lừa Nicias. Ông ta cử vài người bạn thân tín, giả vờ rằng họ thuộc một phe nhóm trong nội bộ Syracuse mà Nicias đã âm thầm trao đổi thư từ bấy lâu, và tới để cảnh báo ông chớ có lên đường đêm đó, vì người Syracuse đã chiếm cứ những lối đi và bố trí nhiều trận địa phục kích. Nicias trúng kế. Ông trì hoãn khởi hành và rơi vào chính cạm bẫy mà ông đã muốn tránh. Sáng hôm sau, kẻ thù hành quân trước ông, chiếm giữ các hẻm núi, chặn mấy chỗ nước cạn trên sông, phá hủy các cây cầu, và phái một đội kỵ binh tuần tra khu vực trống trải, để chặn đứng mọi bước đường rút lui của quân Athens.

Vì thế họ đã nằm im và nghỉ ngơi suốt ngày và đêm hôm sau. Khi cuối cùng bắt đầu lên đường họ đã khóc và than van tựa hồ một đám dân đang lìa bỏ thành phố của mình hơn là một đạo quân đang rời khỏi xứ

địch, vì họ đau buồn quá đôi khi buộc phải bỏ mặc bạn bè và đồng đội ở lại cùng sự thiếu thốn cùng cực những nhu yếu phẩm tối thiểu nhất. Vậy mà các gian truân hiện tại dường như không đáng sợ bằng viễn cảnh mà họ phải đối mặt. Trong mọi bộ dạng thiếu nảo của đoàn quân, không gì đáng thương bằng hình ảnh vị chỉ huy của họ, hốc hác vì bệnh tật và gầy mòn dù không đáng bị như vậy, với một chế độ ăn uống khổ sở vào lúc mà cơ thể tàn tạ của ông cần sự chăm sóc đặc biệt. Bất chấp những điều đó, ông vẫn chu toàn nhiệm vụ và chịu đựng kiên gan hơn cả những người mạnh mẽ nhất, và ai cũng thấy rõ là ông kiên trì với trách nhiệm không vì tư lợi, cũng không vì tham sống sợ chết, mà vì lợi ích của những người dưới quyền khiến ông không từ bỏ hy vọng. Những người khác trong nỗi sầu khổ hay khiếp đảm như vậy có thể không tìm được nước mắt và lời ta thán, nhưng Nicias, nếu có than vãn thì cũng chỉ là khi nghĩ đến nỗi nhục nhã và thất bại sau cùng của cuộc chinh phạt so với những thành công vĩ đại và huy hoàng mà ông từng hy vọng đạt được. Điều có lẽ làm thuộc hạ cảm động nhất không phải là hình ảnh đau khổ của ông, mà là ký ức về các diễn ngôn và lời cảnh tỉnh, qua đó ông đã làm tắt cả trong khả năng của mình để can ngăn người Athens dấn thân vào cuộc phiêu lưu này, và khi nhớ lại chúng, họ cảm thấy ông không đáng phải chịu những bất hạnh ấy hơn hết. Và khi họ nghĩ đến ngay cả một người ngoan đạo như Nicias có lòng tuân thủ và tận tụy trước trời cao không để đâu cho hết, mà còn phải đón nhận một số phận không hơn gì đám ô trọc và hèn mọn nhất trong đoàn quân, thì họ không khỏi buông xuôi hy vọng được thần linh phù trợ.

27. Dù sao đi nữa không ai cố gắng nhiều hơn Nicias qua lời nói, biểu hiện để vượt lên những nỗi bất hạnh của mình. Trong suốt cuộc hành quân, mặc dù trong tám ngày⁽⁵³⁶⁾ quân của ông không ngừng bị truy kích và bị thương, nhưng ông vẫn giữ được lực lượng nguyên vẹn và không bại

trận, cho đến khi đoàn quân do Demosthenes chỉ huy bị bắt. Đạo hậu quân này bị rút lại đằng sau khi giao tranh dọc đường, và bị vây khốn gần đền trang thôn quê của Polyzelus. Demosthenes rút kiếm toan đâm mình, nhưng kẻ thù nhanh chóng bao vây và bắt sống ông ta trước khi ông ta kịp tự vẫn. Quân Syracuse phi ngựa lên trước và cho Nicias hay chuyện đã xảy ra, và ông sai một kỵ binh đi chứng thực thông tin rằng lực lượng của Demosthenes đã đầu hàng. Nicias bèn yêu cầu Gylippus đình chiến với điều khoản cho phép quân Athens rời khỏi Sicily: đổi lại ông sẽ giao các con tin làm vật bảo đảm cho việc người Syracuse sẽ được bồi hoàn mọi chi phí chiến tranh.

Kẻ thù lờ đi lời đề nghị của ông. Chúng đáp lại bằng những lời đe dọa và lăng mạ và ném đá như mưa vào ông và quân của ông, lúc bấy giờ không có ngay cả những phương tiện bảo vệ tối thiểu. Nicias kiên trì chịu trận suốt đêm đó, và hôm sau, mặc dù bị tấn công từ mọi phía, ông đã mở đường máu tới sông Asinarus. Kẻ thù dồn quân của ông đến sát bờ và ép một số nhảy xuống nước, trong khi số khác đến nơi trước cuộc truy kích và bị con khát giày vò đã tự mình lao xuống. Một cảnh tàn sát kinh hoàng diễn ra sau đó trên mặt sông, khi quân Athens bị chém giết trong lúc uống nước, cho đến lúc cuối cùng Nicias quăng mình xuống chân Gylippus mà thét lên: “Gylippus, đã thắng rồi thì hãy thương xót chúng tôi. Tôi không cầu xin điều này cho mình: tôi đã ném đủ vinh quang và danh vọng để chịu được bước ngoặt này của số phận, nhưng tôi cầu xin ông nương tay với binh lính của tôi. Hãy nhớ rằng quân Athens đã nhân đạo với đồng bào của ông khi chúng tôi thắng, và rằng ai cũng phải quy hàng theo vận hệ của chiến tranh.” Gylippus không khỏi cảm động bởi những lời lẽ này của Nicias cũng như diện mạo của ông. Ông ta biết rõ, nhờ Nicias mà người Sparta đã được đối xử tử tế khi đàm phán hòa ước, và hơn nữa ông ta coi việc đưa các tướng lĩnh Athens về làm tù binh là

chiến thắng của riêng mình. Vì thế ông ta nâng Nicias dậy, động viên ông, và ra lệnh cho quân lính tha chết cho quân Athens. Tuy nhiên, mệnh lệnh được truyền xuống quá chậm, và trong lúc đó rất nhiều người nữa đã bị giết thay vì bắt sống, mặc dù có một số binh sĩ lén giấu các tù binh mà thượng cấp không hay biết.

Sau cùng, người Syracuse thu thập tất cả những tù binh mà họ có thể tìm thấy và trang trí cho những cái cây cao lớn và đẹp đẽ nhất ở ven sông bằng vũ khí của quân Athens. Rồi họ tự đeo vòng hoa cho mình và tô điểm những chiến mã lộng lẫy, trong lúc hót bôm và đuôi ngựa của kẻ thù rồi sau đó diễu quân vào thành phố. Họ đã thắng một trận lẫy lừng chưa từng có trong lịch sử Hy Lạp, và bằng việc thể hiện lòng can đảm và táo bạo phi thường, họ đã đạt được một trong những chiến thắng hủy diệt nhất.

28. Sau đó người Syracuse đã triệu tập một đại hội toàn thể công dân với sự hiện diện của các đồng minh. Tại đây, Eurycles, vị lãnh đạo được ái mộ, đề nghị trước hết nên lấy ngày bắt được Nicias làm một ngày hội tôn giáo trong tương lai và gọi là Asinaria, theo tên con sông nơi diễn ra cuộc đầu hàng cuối cùng. Đó là vào ngày 26 tháng Carneius⁽⁵³⁷⁾ mà người Athens gọi là Metageitnion. Về phần các tù binh, ông ta kiến nghị nên bán những nô bộc của quân Athens và các đồng minh Hy Lạp của họ làm nô lệ, trong khi người Athens tự do và người Hy Lạp ở Sicily từng chiến đấu bên họ thì bị giam giữ ở những mỏ đá, riêng các tướng thì phải hành quyết. Người Syracuse sắp sửa thông qua sắc lệnh thì chợt Hermocrates đứng dậy mà rằng cách hành xử sau chiến thắng còn quan trọng hơn chiến thắng, lời này đã gây nên một cơn bão phản đối trong hội đồng. Và khi Gylippus yêu cầu áp giải các vị tướng đã đầu hàng mình đến Sparta, những người Syracuse, vốn đã trở nên xác láo và hống hách bởi thành công, bèn chống lại ông ta kịch liệt. Ngay trong chiến dịch, họ đã bắt mẫn

với sự nghiệt ngã và khe khắt kiểu Sparta trong cách lãnh đạo của ông ta, và theo Timaeus, họ còn lên án ông ta là kẻ bần tiện và hám lợi. Những khuyết điểm này nghe nói ông ta đã thừa hưởng từ cha mình, kẻ từng bị lưu đày vì nhận hối lộ. Bản thân Gylippus về sau đã biển thủ 30 triệu trong số hàng ngàn talent mà Lysander gửi đến Sparta thông qua ông ta và giấu chúng dưới sàn nhà, nhưng vụ trộm cắp này bị một kẻ chỉ điểm cáo giác, và ông ta buộc phải bỏ xứ ra đi trong ô nhục. Tuy nhiên, những biến cố này được tường thuật chi tiết hơn trong tiểu sử của Lysander⁽⁵³⁸⁾.

Timaeus không đồng ý với Thucydides và Philistus, theo họ thì Nicias và Demosthenes đã bị tử hình theo lệnh của người Syracuse. Phiên bản của ông này cho rằng Hermocrates đã gửi một thông điệp cảnh báo về hình phạt mà họ phải chịu khi hội đồng vẫn còn họp, và rằng cả hai vị tướng đã tự sát với sự đồng lõa của một trong số các tên lính canh. Thi thể họ bị ném ra ngoài cổng thành và bị bêu trước công chúng. Tôi nghe kể rằng đến nay tám khiên được cho là của Nicias vẫn còn thấy trong một đền thờ ở Syracuse. Họa tiết mặt ngoài của nó có màu vàng và tía, được làm đan xen vào nhau một cách tinh xảo.

29. Hầu hết các tù binh Athens đã bỏ mạng trong các mỏ đá vì bệnh tật và ăn uống kham khổ, do họ chỉ được cấp cho 1 pint⁽⁵³⁹⁾ bột và 0,5 pint nước mỗi ngày. Một số bị bắt trộm và bị bán làm nô lệ, hoặc được sắp xếp trở thành những đầy tớ và đám người này khi bị bán đều được thịch lên trán hình một con ngựa. Quả thực, có vài trường hợp người Athens tự do thật sự phải chịu đựng nỗi nhục này ngoài tình cảnh tôi đòi. Tuy nhiên, họ sớm nhận ra tính nhún nhường và tự chủ đâm ra có ích cho mình: một số người nhanh chóng được trả tự do, trong khi số khác ở lại được chủ nhân đối xử tôn trọng.

Một số ít được cứu nhờ biết về Euripides, vì có vẻ như dân Sicily say mê thơ của ông ta hơn bất kỳ người Hy Lạp nào đang ly hương. Ngay cả

mấy đoạn thơ ngắn nhất cũng được những người lạ biết tới khi họ đặt chân lên đảo, và họ thích thú trao đổi các trích đoạn này với nhau. Dù sao đi nữa, đã thành truyền thống, nhiều binh sĩ được an toàn trở về nhà viếng thăm Euripides để nói lời cảm ơn vì nhờ thơ của ông ta mà họ được cứu thoát. Một số cho hay họ đã được trả tự do để đổi lấy việc dạy cho chủ nhân tất cả những gì có thể nhớ được về các tác phẩm của Euripides, trong khi số khác, khi rút chạy sau trận đánh cuối cùng, đã được cấp lương thực và nước uống để đọc lại vài bài thơ của ông ta. Vậy nên chúng ta không cần kinh ngạc với câu chuyện về chiếc thuyền đến từ Caunus, bị hải tặc truy đuổi và chạy dạt vào hải cảng Syracuse. Thoạt đầu người Syracuse từ chối để nó cập bờ; lúc sau họ hỏi các thủy thủ rằng họ có biết chút nào về thơ Euripides chẳng, và khi nghe rằng họ có biết, đã cho phép họ cập thuyền vào.

30. Thoạt tiên, khi câu chuyện khủng khiếp truyền đến Athens, nghe nói dân chúng không thể tin vào tai mình, nhất là do người đầu tiên báo tin có vẻ nửa vờ. Hình như có một người lạ đã cập bến ở Piraeus, bước vào tiệm hớt tóc và bắt đầu nói về chủ đề này như thể ai nấy đều đã biết chuyện. Người thợ cạo nghe anh ta nói, và rồi trước khi lữ khách kịp nói thêm với ai khác, đã ba chân bốn cẳng chạy vào thành phố và xộc đến chỗ các quan chấp chính, rồi phao tin giữa chợ đông người. Lẽ tất nhiên, tin tức này gây ra nỗi thất vọng tột độ, tiếp đến là một sự náo loạn, và các quan tòa bèn lập tức triệu tập hội đồng và điệu người thợ cạo ra trước họ. Khi ông ta được hỏi về việc đã nghe tin thế nào, ông ta không thể giải trình thỏa đáng và vì thế nhanh chóng bị kết tội phao tin đồn nhảm và kích động công chúng. Ông ta bị trói vào xa hình và tra tấn, cho tới khi những sứ giả khác đến thuật lại thảm họa này với đầy đủ chi tiết. Như vậy là những lời cảnh báo của Nicias rốt cuộc đã được mọi người tin,

nhưng chỉ sau khi bản thân ông phải chịu số phận mà ông đã nhiều lần tiên đoán cho đồng bào mình.

ALCIBIADES

[Khoảng 450 - 404 TCN]

NGƯỜI TA đồn rằng gia tộc của Alcibiades do Eurysaces⁽⁵⁴⁰⁾, con trai của Ajax, sáng lập. Mẹ ông là Deinomache, con gái của Megacles, và ông thuộc dòng dõi của nhà Alcmaeon về phía ngoại. Cha ông là Cieinias đã tự bỏ tiền trang bị một chiến thuyền và chiến đấu anh dũng trong trận hải chiến tại Artemisium⁽⁵⁴¹⁾. Ông này về sau đã bỏ mình ở Coronea trong chiến dịch tai hại của Tolmides⁽⁵⁴²⁾ chống lại người Boeotia, và Alcibiades được nuôi nấng dưới sự bảo trợ của hai con trai của Xanthippus, Pericles và Aripbron, vốn là những họ hàng gần với ông.

Người ta còn bình luận rằng tiếng tăm của Alcibiades có được phần nhiều do sự ân cần và tình bạn mà Socrates dành cho ông. Ví như Nicias, Demosthenes, Lamachus, Phormio, Thrasybulus, và Theramenes hết thảy đều là những người nổi tiếng trong thời Alcibiades, vậy mà chúng ta chẳng biết gì nhiều về người mẹ của bất kỳ ai trong số đó, nhưng trong trường hợp Alcibiades chúng ta còn biết rằng nhũ mẫu của ông là Amycla một phụ nữ Sparta và Zopyrus là gia sư của ông. Chi tiết đầu tiên do Antisthenes ghi lại và chi tiết thứ hai là do Plato⁽⁵⁴³⁾.

Về vẻ đẹp cơ thể của Alcibiades, chúng ta chỉ cần nói rằng nó bùng nổ lần lượt vào mỗi thời kỳ phát triển, và mang đến cho ông vẻ tuấn nhã và

hấp dẫn lạ thường ngay khi còn niên thiếu, thanh niên, và đàn ông. Châm ngôn của Euripides rằng cái đẹp ngay vào lúc xế chiều vẫn chưa đựng trong nó nét đáng yêu không phải đúng hết với mọi người. Nhưng nếu áp dụng được cho số ít, nó tất nhiên sẽ đúng với Alcibiades vì tài năng thiên phú cũng như vóc dáng hoàn mỹ của ông. Ngay cả tật nói lấp cũng được cho là phù hợp với chất giọng và làm cho lối nói năng của ông thêm phần thuyết phục và đầy quyến rũ. Aristophanes đã đề cập điều đó trong đoạn văn mà ông này châm chọc Theorus,⁽⁵⁴⁴⁾ kẻ có cái tên đã gắn liền với sự hèn nhát:⁽⁵⁴⁵⁾

Sosias: Bấy giờ Alcibiades ngọng nghịu nói với tôi

“Hãy nhìn Theowus mà xem, hấn mới thật nhút nhát làm sao.

Xanthias: Chàng chưa bao giờ nói ngọng lời nào thật hơn.”

Và Archippus, khi chế giễu con trai của Alcibiades, nói, “Anh ta đi đứng òng ẹo, kéo lê áo choàng dài sau lưng, cố gắng để trông giống cha mình,” và nữa, “Anh ta nghiêng đầu sang bên và bắt chước quá đà lối nói ngọng nghịu của ông ấy.”

2. Trong cuộc sống sau này, tính cách của Alcibiades đã bộc lộ nhiều sự thay đổi và bất nhất, như có thể chờ đợi ở một sự nghiệp kiêu của ông, kinh qua vô vàn công cuộc lớn lao và những thăng trầm của số phận. Ông là một người có nhiều đam mê mãnh liệt, nhưng không gì mạnh mẽ cho bằng khao khát thách thức người khác và khuất phục đối thủ của mình. Điều này được minh họa khá rõ qua những câu chuyện được kể về thời niên thiếu của ông.

Có lần, khi đang bị dồn ép căng thẳng trong trận đấu vật, thay vì cam chịu bị vật ngã, ông đã cắn vào tay đối thủ đang giữ chặt mình mạnh đến

mức tường chừng xuyên qua chúng. Gã kia bèn buông tay ra và thét lên, “Alcibiades, người cần như đàn bà vậy!” “Không, như sư tử,” là câu trả lời của ông.

Một lần khác, khi còn là một cậu bé, cậu đang chơi trò chơi đốt xương⁽⁵⁴⁶⁾ trong con phố hẹp, và ngay khi đến lượt cậu ném thì một cỗ xe ngựa nặng nề bỗng trời tới. Thoạt tiên, cậu quát bảo gã đánh xe dừng lại, khi con súc sắc của mình lăn ngang đường đi của cỗ xe, nhưng gã đánh xe không thèm để ý đến và giục ngựa đi tiếp. Mấy cậu bé khác bấy giờ đã chạy tản ra, nhưng Alcibiades bỗng nằm sấp xuống ngay trước cỗ xe, dang rộng tay hết cỡ và bảo gã cứ việc đánh xe qua nếu muốn. Gã đánh xe khiếp đảm gò cương ngựa, và những người nhìn thấy cũng kinh hãi thét lên, chạy đến giúp cậu.

Khi đi học, cậu vâng lời hầu hết các thầy, nhưng không chịu học thối sáo, mà cậu cho là một ngón nghề thấp hèn và toàn toàn không hợp với một công dân tự do. Cậu lập luận rằng việc sử dụng miếng gảy và chơi đàn lia không làm xấu đi vẻ mặt và hình thức của một quý ông, nhưng khi một người bắt đầu thối sáo, bạn bè anh ta còn chẳng thể nhìn ra nét mặt của anh ta nữa là. Hơn nữa, đàn lia đệm theo và hòa điệu cùng lời ca tiếng hát của người diễn tấu, nhưng cây sáo thì phong kín miệng và khiến anh ta không còn hát hò hay nói năng gì được. “Hãy để dành sáo cho những đứa con của Thebes,” cậu kết luận, “vì họ chẳng biết gì về những chuyện ca đàm khoát luận. Người Athens chúng ta, như cha ông đã dạy, có Athena nữ thần khai quốc và Apollo thần bảo trợ, thì một vị đã khinh bỉ ném bỏ sáo, trong khi vị kia lột da kẻ chơi nó!⁽⁵⁴⁷⁾” Vậy là, nửa bỡn cợt nửa nghiêm túc, cậu chẳng những đã tránh việc học nhạc cụ này, mà còn xui mấy đứa trẻ khác làm thế. Chẳng bao lâu sau, ai nấy đều biết chuyện Alcibiades ghét thối sáo và chế nhạo những ai học nó, với lý do

cũng không kém phần hợp lý. Kết quả là cây sáo đã biến mất khỏi cái gọi là tài vật của các công dân tự do và đâm ra bị khinh miệt cùng cực.

3. Khi Alcibiades còn thanh niên, theo một trong các mẩu chuyện ác độc mà Antiphon rêu rao, ông đã bỏ nhà đến với Democrates⁽⁵⁴⁸⁾, một trong số những người say mê mình, sau đó người giám hộ ông là Ariphton đã toan giục gã mõ thông báo về việc ông mất tích. Nhưng Pericles phản đối. “Nếu thằng bé đã chết,” ông này nói, “chúng ta sẽ chỉ biết tin sớm hơn một ngày mà thôi, nhưng nếu còn sống thì đó sẽ là một vết nhơ suốt phần đời còn lại của nó.” Antiphon còn gán cho Alcibiades là đã giết chết một người hầu cận của mình bằng gậy trong trường đấu vật của Sibymus⁽⁵⁴⁹⁾. Tuy nhiên, chúng ta không cần tin vào mấy chuyện này, xuất phát từ miệng một người công nhiên thú nhận rằng mình đã sỉ nhục Alcibiades vì hiềm khích cá nhân.

4. Chẳng bao lâu sau, nhiều người hâm mộ có địa vị cao đã vây quanh và theo đuổi Alcibiades. Hầu hết bọn họ đơn giản bị quyến rũ bởi vẻ đẹp trẻ trung ngời ngời của ông và vẻ văn ông vì lý do này. Nhưng chính tình yêu mà Socrates dành cho ông là bằng chứng mạnh mẽ nhất về phẩm hạnh tự nhiên và bản tâm thiện lương của ông. Ông ta nhận thấy những phẩm chất đó ở Alcibiades là bẩm sinh, như đã hiện ra lộng lẫy qua vẻ ngoài của mình. Ông ta đồng thời lo ngại về những ảnh hưởng đối với Alcibiades, không chỉ từ những kẻ cao sang quyền quý, mà còn từ đám đông người Athens, người nước ngoài, và người đến từ các thành phố đồng minh, họ tranh nhau giành được niềm cảm mến của ông với những lời tâng bốc và thiên vị, và vì thế ông ta đã tự nhận lĩnh việc bảo vệ Alcibiades và đảm bảo sao cho hoa trái của một thứ cây tốt lành như vậy sẽ không hư thối và phí hoài khi nó hãy còn là nụ. Trừ Alcibiades ra, không một ai khác được số phận bao bọc với cái gọi là những điều tốt đẹp của cuộc sống đến mức hoàn toàn hờ hững với lĩnh vực triết học, hoặc

không hề day dứt trước những chất vấn gay gắt và thẳng thắn của nó. Cho dù ngay từ ban đầu ông đã luôn được bạn bè o bế lấy lòng, chỉ chăm chăm nói những điều lấy lòng ông và bịt tai ông trước bất kỳ lời khuyên giải hay phép tắc, song nhờ đạo hạnh bẩm sinh, ông đã nhận ra giá trị của Socrates, gắn bó với ông ta, và cự tuyệt những người tình giàu có và nổi tiếng. Ông sớm trở nên thân quen với Socrates và một mực nghe lời người tình vốn chẳng màng theo đuổi những lạc thú thấp hèn hay đòi hỏi mấy nụ hôn và ôm ấp, nhưng không ngừng chỉ ra các khiếm khuyết và hạ bệ thói tự phụ trống rỗng và xuẩn ngốc của ông:

Chàng gà trống cúi mình như kẻ tôi đòi
Với bộ lông rũ xuống thê lương.

Và ông đi đến kết luận rằng vai trò mà Socrates sắm quả thực là một phần sự an bài của trời cao để trông nom và cứu vớt mình. Thế là bằng thái độ tự hạ mình, khâm phục ông ta, yêu quý sự tử tế của ông ta dành cho mình và tôn sùng những đức hạnh của ông ta, ông đã vô thức hình thành thứ mà Plato gọi là⁽⁵⁵⁰⁾ “một hình ảnh của tình yêu đáp trả tình yêu.” Ai nấy đều kinh ngạc thấy ông ăn uống tập luyện với Socrates và ở cùng lều với ông ta,⁽⁵⁵¹⁾ trong khi vẫn một mực nghiêm ngặt và khó tính với những tình nhân khác. Trên thực tế, một số trong đó bị ông đối xử xác xược vô cùng, như trong trường hợp Anytus, con trai của Anthemion.

Người này là một trong những kẻ si mê Alcibiades, đãi tiệc tối cho một vài vị khách và đã mời Alcibiades đến dự. Alcibiades từ chối lời mời, nhưng đêm đó ông uống say túy lúy cùng vài người bạn ở nhà rồi dẫn đầu một đám đông láo nháo đến nhà Anytus. Ông đứng trước cửa phòng có khách khứa đang vui vẻ trong đó, và nhìn thấy rất nhiều cốc chén bằng vàng và bạc trên bàn. Ông bèn sai gia nhân lấy một nửa trong số đó

đem về nhà cho mình; đoạn trở gót về nhà mà thậm chí không thềm hạ cổ bước vào phòng. Các vị khách vô cùng giận dữ mà rằng ông đã xúc phạm Anytus quá lắm. “Trái lại, tôi nghĩ cậu ấy đã cư xử khá biết điều, thậm chí có thể nói là hào hiệp nữa, các bạn à” Anytus bình luận. “Cậu ấy đã có thể lấy đi mọi thứ; nhưng chỉ ít cậu ấy đã để lại cho chúng ta một nửa.”

5. Đây là cách ông đối đãi với những người tình khác. Nhưng ngoại lệ duy nhất là trường hợp của một cư dân ngoại kiều. Người này chẳng giàu có gì, nhưng anh ta đã bán mọi thứ mình có, mang 100 stater mà mình có đến cho Alcibiades và nài nỉ ông nhận. Alcibiades vui vẻ với điều đó, cười phá lên, và mời anh ta ăn tối. Sau khi thết đãi anh ta và thể hiện mọi sự hiếu khách của mình, ông trả lại số tiền cho anh ta và dặn anh ta hôm sau phải đến chợ, nơi người ta đem đấu giá quyền thu nhập từ thuế quốc gia, và trả giá cao hơn những kẻ đầu cơ. Người này từ chối, vì việc đấu giá ấy cần một số tiền vô cùng lớn, nhưng Alcibiades dọa đánh anh ta nếu không nghe, vì ông rõ ràng có mối ác cảm với những kẻ thâu thuế. Vậy là sáng hôm sau, gã kiều dân đi đến phiên chợ đấu giá và trả cao hơn con số bình thường 1 talent cho quyền thu thuế. Thấy vậy, đám thâu thuế giận dữ xúm lại quanh anh ta và gặng hỏi ai là người bảo lãnh của anh ta, ngỡ rằng anh ta sẽ chẳng thể tìm được ai cả. Người này đâm luống cuống và toan lẩn đi thì từ xa Alcibiades đã gọi to với các quan tòa, “Các ông có thể ghi tên tôi vào, anh ta là bạn tôi: tôi bảo lãnh cho anh ta.” Nghe thấy thế, đám đấu thầu ngỡ ngàng nhìn nhau chẳng biết làm gì, vì lệ thường của họ là dùng lợi tức của năm trước để thanh toán chi phí đấu thầu cho năm nay. Họ chẳng thể nhìn thấy lối thoát nào, bèn thúc ép người nọ rút lui, đổi lại họ sẽ cho tiền anh ta, nhưng Alcibiades không cho phép anh ta chấp nhận con số dưới 1 talent. Ngay khi họ đề xuất số tiền, ông liền

bảo anh ta hãy nhận lấy và rút lui. Đây là ơn huệ mà Alcibiades đã làm cho anh ta.

6. Tình yêu của Socrates dành cho ông vấp phải nhiều đối thủ mạnh, thế nhưng vì các phẩm chất tốt đẹp bẩm sinh của Alcibiades mà bằng cách nào đó nó đã áp đảo mọi sự quyến luyến khác, đến mức những lời của người thầy khiến ông day dứt, giằng xé tâm can, và cảm động rơi nước mắt. Nhưng có những lần khi ông bị chi phối bởi đám xu nịnh hứa hẹn với mình đủ điều hoan lạc, ông đã lẩn trốn Socrates và rồi để mình thật sự bị săn lùng như một tên nô lệ đào tẩu. Duy có Socrates là người mà ông sợ hãi và kính trọng; tất cả những tình nhân còn lại ông đều khinh miệt.

Triết gia Cleanthes⁽⁵⁵²⁾ từng nhận định rằng bất kỳ ai mà ông yêu ắt phải bị “quật ngã,” như lối nói của một đồ vật, chỉ bằng lời lẽ, mặc dù các tình địch có thể dựa vào những điểm tựa khác, thứ mà bản thân ông sẽ chẳng màng dùng tới, ý ông ta muốn nói đến những thềm muốn xác thật. Tất nhiên Alcibiades là người vô tư lự và dễ bị dẫn dụ vào vòng khoái lạc; lối sống buông thả bữa bãi hằng ngày của ông mà Thucydides đề cập⁽⁵⁵³⁾ khiến người ta có lý do để hoài nghi điều này. Nhưng các khiếm khuyết trong tâm tính đã tác động đến ông mạnh mẽ, nhất là việc thích chơi trội và tính háo danh của ông, theo đó chúng ép ông lao vào những dự án đầy tham vọng trước khi ông kịp sẵn sàng; chúng đảm bảo sao cho một khi ông bước chân vào đời sống xã hội thì chẳng những sẽ làm lu mờ các tướng lĩnh và chính khách khác, mà thậm chí còn vượt hơn họ về quyền thế và danh vọng như Pericles đã từng có trong mắt người Hy Lạp. Nhưng cũng như thanh sắt phải được nung mềm trong lửa và tôi cứng trở lại bằng nước lạnh để những phần tử của nó ép chặt lại với nhau, nên mỗi khi Socrates thấy người học trò cứng bị hệt hơi với sự phù phiếm và đời sống khoái lạc, ông liền ghì cương và bắt anh ta phải khiêm tốn và

phục tùng, còn Alcibiades buộc phải hiểu rằng mình còn nhiều khiếm khuyết và còn cách biệt biết chừng nào với sự hoàn hảo.

7. Có lần, khi đã qua thời niên thiếu, ông tìm đến một thầy giáo và hỏi mượn sách của Homer. Khi thầy giáo đáp rằng mình không có tác phẩm của Homer, Alcibiades đấm ông thầy một cái rồi bỏ đi. Một thầy giáo khác nói là mình có một bản của Homer đã được chính mình hiệu đính. Alcibiades kêu lên, “Ông còn dạy bọn trẻ đọc làm gì khi ông biết cách chỉnh lý Homer? Sao ông không đi dạy đám thanh niên?”

Một lần khác khi cần nói chuyện với Pericles ông bèn đến nhà ông ta, nhưng được cho hay là chủ nhân không thể tiếp ông, vì ông ấy đang không biết phải giải thích làm sao với dân chúng. “Chẳng phải sẽ hay hơn nếu ông ấy thoái thác được để chẳng phải thanh minh thanh nga gì cả?” Alcibiades thốt lên trước khi bỏ đi.

Đang khi hãy còn niên thiếu ông đã phục vụ trong chiến dịch Potidaea⁽⁵⁵⁴⁾, tại đó ông đã ở chung lều với Socrates và giữ một vị trí cạnh ông ta trong quân ngũ. Có một trận đánh kịch liệt mà cả hai đều chiến đấu với lòng quả cảm vĩ đại, nhưng khi Alcibiades bị thương và ngã xuống, chính Socrates là người đứng bên để bảo vệ ông với sự dũng cảm dễ thấy nhất và đã cứu mạng ông và vũ khí của ông khỏi rơi vào tay kẻ thù. Phần thưởng cho lòng can đảm tất nhiên hoàn toàn xứng đáng thuộc về Socrates, nhưng vì tên tuổi nổi bật của Alcibiades, các tướng lĩnh rõ ràng nóng lòng muốn trao nó cho ông. Vì lẽ ấy, Socrates, vốn muốn khích lệ những tham vọng danh giá của người bạn mình, đã đứng lên chứng thực sự can đảm của Alcibiades và hối thúc việc trao vòng hoa và giáp phục danh dự cho ông.

Một lần khác, khi trận Delium bị thảm bại⁽⁵⁵⁵⁾ và quân Athens tan tác, Alcibiades bấy giờ đang cưỡi ngựa chợt thấy Socrates cùng một vài binh sĩ đang chạy bộ thoát thân. Ông không phi ngựa chạy tiếp, mà ở lại hộ

tổng ông ta, mặc dù kẻ thù đang dồn ép dữ dội và giết chết nhiều người Athens. Những sự kiện này tất nhiên xảy ra vào thời điểm rất lâu sau đó.

8. Hipponicus cha của Callias là một người rất có danh vọng ở Athens, nhờ vào cả gia thế lẫn của cải, và Alcibiades đã từng thui ông ta một đám, chẳng phải do tranh chấp hay thậm chí thù hằn gì với ông ta, mà đơn giản vì ông đã đồng ý với vài người bạn là sẽ làm điều đó như một trò đùa. Không lâu sau, toàn thể Athens đã nghe nói về vụ xúc phạm này và cố nhiên nó đã gây nên nhiều căm phẫn. Sớm hôm sau, Alcibiades đến nhà Hipponicus và gõ cửa. Khi được mời vào, ông bèn cởi áo choàng và giơ mình ra cho Hipponicus mặc sức đánh đám và trừng phạt. Nhưng Hipponicus gạt nổi giận sang bên và tha thứ cho ông, và về sau đã gả con gái Hipparete cho Alcibiades.

Có câu chuyện khác kể rằng không phải Hipponicus, mà con trai ông Callias mới là người đã hứa gả Hipparete cho Alcibiades và đã cho nàng số tiền hồi môn 10 talent, và rằng sau đó, khi nàng sinh con, Alcibiades đã moi thêm 10 talent nữa từ ông ta, nói rằng đây là điều đã được thỏa thuận nếu hai vợ chồng họ có con với nhau. Sau vụ này, Callias lo sợ Alcibiades sẽ rắp tâm hãm hại mình để chiếm đoạt của cải, đến mức ông ta đã loan báo công khai rằng trong trường hợp mình chết không có người thừa tự, nhà cửa và điền sản của mình sẽ được quyên tặng cho nhà nước.

Hipparete là một người vợ tiết hạnh và chung tình, nhưng nàng bị tổn thương bởi việc chồng mình không ngừng dan díu với những ả điếm Athens và ngoại quốc, rồi sau cùng đã bỏ nhà để về ở với anh mình. Alcibiades chẳng đếm xỉa gì đến chuyện này và tiếp tục truy lạc, đến nỗi nàng phải đệ đơn ly dị ra tòa, không qua ủy quyền mà đích thân đi làm. Khi nàng xuất hiện trước công chúng vì mục đích này, như luật pháp quy định, Alcibiades đã xông đến, tóm lấy nàng và đưa về nhà đi qua giữa chợ

mà không một ai dám phản đối hay toan giằng lại nàng. Trên thực tế, nàng đã tiếp tục sống với ông mãi đến lúc qua đời, vì nàng sống không bao lâu sau biến cố này, trong khi Alcibiades đang trên đường viễn du đến Ephesus. Tôi cần giải thích rằng hành động thô bạo này không được coi là vô nhân đạo hay trái luật. Quả thực, có vẻ như điều luật quy định rằng vợ muốn chia tay chồng phải đích thân hiện diện trước tòa, thật ra đã có ý cho người chồng cơ hội để gặp và có lại nàng.

9. Alcibiades sở hữu một con chó to lớn và đẹp lạ thường mà ông đã mua với giá 70 mina, nó có cái đuôi rất đẹp đã bị ông cắt mất. Bạn bè trách ông và nói rằng ai nấy đều cảm thấy bất bình thay cho con vật. Alcibiades chỉ cười đáp, “Đó chính xác là điều tôi muốn. Tôi bằng lòng để cả thành Athens bàn tán về việc này; nó sẽ ngăn họ nói bất kỳ điều gì khác tệ hại hơn về tôi.”

10. Nghe nói lần đầu tiên ra mắt đời sống xã hội của ông không nằm trong kế hoạch của ông, nhưng khá tình cờ nó lại quan hệ tới một cuộc lạc quyền tự nguyện cho thành bang. Alcibiades đang đi ngang qua Hội đồng quốc dân thì bỗng đâu một tràng vỗ tay inh ỏi nổ ra, ông bèn hỏi nguyên cớ của nổi phẫn khích này. Khi ông nghe về một cuộc quyền góp công khai đang diễn ra, ông đi thẳng lên bục diễn thuyết và xung phong đóng góp phần của mình. Đám đông sung sướng vỗ tay hoan hô vang dội, đến nỗi Alcibiades quên mất con chim cú mà ông đã tình cờ mang theo dưới áo choàng của mình, và con chim hoảng sợ bay đi. Lúc này mọi người càng hò hét âm ỉ hơn và nhiều người lao phất dậy đuổi theo con chim. Người sau cùng bắt được nó và trao lại cho ông là Antiochus⁽⁵⁵⁶⁾, viên hoa tiêu mà sau biến cố này đã trở thành bạn thân của Alcibiades.

Dựa vào gia thế, sự giàu có, và lòng can đảm trong chiến trận của Alcibiades, mọi cánh cửa vào sự nghiệp chính trường đã mở toang với ông. Nhưng dù có thu hút được nhiều bạn bè và người ủng hộ, trên hết

ông vẫn phải dựa vào sức hấp dẫn của một diễn giả để gây ảnh hưởng đến mọi người. Và trên thực tế, không chỉ các nhà thơ hài kịch xác nhận ông là diễn giả có sức ảnh hưởng nhất, mà ngay cả nhà hùng biện vĩ đại nhất mà Athens từng biết đến là Demosthenes cũng nhắc đến Alcibiades trong diễn văn *Against Meidias* (Chống Meidias) của mình, như một người có sức mạnh lạ thường trong lời nói, bên cạnh những thiên tư khác. Nếu chúng ta có thể tin Theophrastus, người dày công nghiên cứu và am tường nhất về những vấn đề lịch sử của tất cả các triết gia, thì Alcibiades có một trình độ cao hơn những người cùng thời với mình về khả năng nhận thức và thấu hiểu điều gì là cần thiết trong một hoàn cảnh nhất định. Tuy nhiên, khi ông cố gắng để không chỉ nói điều đúng đắn, mà còn cân nhắc từng câu chữ và cách diễn đạt thích hợp để truyền tải tư tưởng của mình, và khi không có một vốn từ đủ rộng, ông thường ngập ngừng trong lúc phát biểu, và thậm chí dừng lại một lúc khi một câu cần nói đang lảng tránh mình, và rồi ông bắt đầu lại rất cẩn thận.

11. Những con ngựa mà ông nuôi đã nổi tiếng khắp nơi, và số xe ngựa đua của ông cũng vậy. Không có ai ngoài Alcibiades, kể cả vua chúa lẫn thứ dân, từng tham gia đại hội thể thao Olympic đến bảy lần. Và đã chiến thắng trong các lần một, hai, và bốn, theo lời Thucydides, và lần ba, theo Euripides, cũng là một chiến tích huy hoàng đến mức nó hầu như đã thỏa mãn mọi tham vọng của ông trong lĩnh vực này. Euripides đã tán dương thành công của ông trong bài thơ sau:

Con trai của Cleinias, mà tên của chàng tôi đang ngợi ca.

Mọi chiến thắng chiếu tỏa như ánh sao, nhưng chiến thắng của chàng làm lu mờ tất cả:

Có bậc trượng phu hay anh hùng nào trên toàn cõi Hy Lạp

Đã từng thắng lần một, lần hai, và lần ba trong môn đua ngựa,
Rồi bước ra khỏi đường đua không mệt mỏi với cảnh ô liu của thần
Zeus,
Và nghe tên mình được ba lần xướng lên trong tiếng hò reo của sứ
giả?

12. Thành công của ông tại Olympic lại càng trở nên sáng chói qua cái cách mà nhiều thành bang tranh nhau tỏ lòng tôn kính ông. Người Ephesus đã dựng lều được trang trí hoa lệ cho ông, người Chios cung cấp cỏ khô cho đàn ngựa của ông và một số lượng lớn súc vật để hiến tế, trong khi người Lesbos tặng ông rượu vang và những thực phẩm khác để ông tha hồ đãi đằng thoải mái. Và giữa tất cả khung cảnh ganh đua náo nhiệt này, một tình tiết khác đã diễn ra: chúng ta không biết liệu Alcibiades có bị kết tội oan về điều đã xảy ra hay thật sự đã có thủ đoạn bất lương, nhưng dù sao đi nữa vụ ấy cũng góp phần khiến ông trở nên nổi bật hơn trong con mắt công chúng.

Chuyện là tại Athens có một Diomedes nào đó, một người đáng kính và là bạn của Alcibiades, có tham vọng mãnh liệt giành chiến thắng tại Olympic. Ông ta phát hiện ra có một cỗ xe đua rất tốt ở Argos vốn là tài sản của thành phố này, và khi ông ta biết Alcibiades có nhiều bạn bè và cực kỳ có uy tín ở đó, bèn thuyết phục ông mua nó. Alcibiades thực hiện giao dịch giúp bạn, nhưng sau đó đã cưỡi lên xe và bảo Diomedes muốn làm gì về chuyện này thì tùy. Diomedes nổi giận và kêu gọi cả thần linh lẫn mọi người làm chứng cho việc ông ta đã bị lừa gạt thế nào. Có vẻ việc này còn dẫn tới một vụ kiện cáo và Isocrates viết bài diễn văn *On the team of horses* (Về cỗ xe ngựa) dành cho con trai của Alcibiades. Tuy

nhiên, nguyên đơn được nhắc đến trong diễn văn này không phải Diomedes mà là Tisias.

13. Khi Alcibiades bước vào đời sống xã hội, ông chỉ vừa bước qua thời niên thiếu, nhưng đã sớm bộc lộ sự ưu tú so với những nhân vật hàng đầu trong cả hai phe, với ngoại lệ là Phaeax con trai của Erasistratus, và Nicias con trai của Niceratus, vốn đã trở thành các đối thủ chính của ông. Nicias đã trưởng thành rồi và có danh vọng rất cao trên cương vị tướng lĩnh. Trong khi đó, giống như Alcibiades, Phaeax chỉ mới bắt đầu sự nghiệp, và mặc dù cũng xuất thân từ một danh gia, nhưng ông ta kém tài hơn Alcibiades trên nhiều phương diện, đặc biệt với tư cách một diễn giả trước công chúng. Ông ta được coi là một người hòa nhã, giỏi làm cho người ta cảm nhận ý tứ của mình trong cuộc nhân đàm hơn là bảo vệ được lập trường trong một cuộc tranh luận. Trên thực tế, như cách diễn đạt của Eupolis, ông ta là:

Người nói năng hay nhất và diễn thuyết kém nhất.

Một diễn văn do Phaeax viết chống lại Alcibiades còn truyền lại với chúng ta, trong đó nó cho rằng, giữa những thứ khác, Alcibiades thường xuyên dùng nhiều bình lễ bằng vàng và bạc của thành phố trên bàn tiệc của mình như thể chúng là của riêng ông vậy.

Tại Athens có một người tên là Hyperbolus thuộc về tiểu khu Perithoidae, kẻ được Thucydides⁽⁵⁵⁷⁾ nhắc đến như một kẻ có nhân cách không ra gì và là kẻ cung cấp cho mọi nhà thơ hài kịch vô số nguyên liệu cho những chuyện nực cười trong kịch của họ. Tuy nhiên, sự lẳng mạn chẳng có ý nghĩa gì với hắn: hắn hoàn toàn vô cảm với nó vì bản tính hắn xem thường dư luận. Một số người gọi đây là tính kiên định hay can đảm, mặc dù thật ra nó chẳng hơn gì sự vô sỉ và dửng dưng với đạo đức. Không

ai thích hẳn, nhưng người ta thường lợi dụng hẳn mỗi khi họ muốn vu khống hay hạ nhục những người có địa vị cao. Vào thời điểm tôi đang nói đến, với sự xúi bẩy của Hyperbolus, người Athens sắp biểu quyết về án phát vãng. Họ nhiều lần sử dụng biện pháp này để chặn đứng và lưu đày bất kỳ ai mà uy quyền và danh vọng trong thành phố đã lên đến đỉnh cao quá mức, và khi làm vậy thì quả thực họ đã bị chi phối bởi nỗi sợ hãi hơn là sợ hãi. Khi sự tình đã rõ là án lưu đày sẽ rơi vào một trong ba người, Phaeax, Alcibiades, hoặc Nicias, thì Alcibiades đã hợp với Nicias, hợp lực hai phe, và hướng án quyết lưu đày sang phía Hyperbolus.

Tuy nhiên, theo một số tác giả, Alcibiades không đi đến thỏa hiệp với Nicias mà với Phaeax để đảm bảo có được sự ủng hộ của phe ông này và trục xuất Hyperbolus, kẻ không bao giờ có thể lường được sự thể diễn ra như thế. Cho đến lúc đó, án phát vãng chưa bao giờ áp lên một cá nhân hèn mọn hay tầm thường nào, như nhà hài kịch Plato nói khi ám chỉ Hyperbolus,

Đáng đời thay số phận kẻ chối từ:

Phải, nhưng hẳn không xứng với số phận ấy.

Chẳng phải cho người như hẳn cùng những vết như tôi đòi.

Người Athens trao mảnh gốm vào tay chúng ta.

Tuy nhiên, tôi đã trình bày chi tiết hơn về các sự kiện soi sáng vấn đề này ở chỗ khác⁽⁵⁵⁸⁾.

14. Alcibiades rất hậm hực khi thấy Nicias được kẻ thù của Athens ngưỡng mộ chẳng kém những lời ngợi ca mà đồng bào dành cho mình. Bất chấp thực tế rằng Alcibiades là cố vấn chiến lược cho Sparta tại Athens và đã chiếu cố đến lợi ích của người của họ bị bắt tại Pylos, người

Sparta cảm thấy rằng chủ yếu nhờ Nicias mà họ đã ký được một hòa ước thuận lợi và đưa được tù binh trở về, và vì vậy họ đã tỏ ra căm ghét ông. Hơn nữa, trên khắp Hy Lạp ai ai cũng đều nói rằng kẻ châm ngòi cuộc chiến là Pericles, nhưng chính Nicias là người đã khép lại nó, và thỏa thuận ấy đã được mọi người biết đến như là hòa ước Nicias. Alcibiades vô cùng bực tức với thành công của đối thủ, và vì lòng ghen tỵ đơn thuần mà bắt đầu manh tâm tìm cách phá rối hiệp ước. Trước tiên, ông thấy rằng người Argos căm ghét và sợ hãi người Sparta, muốn đoạn tuyệt, ông bèn ngấm ngầm khuyến khích họ nuôi hy vọng về một mối liên minh với Athens, và trong nhiều cuộc nói chuyện với các lãnh đạo của phe nhân dân ở Argos ông đã thuyết phục họ chớ có sợ cũng như nhượng bộ người Sparta: họ nên trông cậy vào Athens và chờ đợi nó hành động, vì người Athens bấy giờ đã đi đến chỗ hoàn toàn hối tiếc việc mình đã ký kết hòa ước và sẽ sớm phá vỡ nó.

Một lần nữa khi người Sparta lập liên minh riêng rẽ với Thebes và chuyển giao Panactum cho người Athens, không còn nguyên vẹn như quy định trong hiệp ước mà với những tường thành đổ nát, Alcibiades lợi dụng cơn giận dữ của người Athens để đổ thêm dầu vào lửa. Ông khiến cho cả Hội đồng quốc dân chống lại Nicias và buông nhiều lời phỉ báng ông này, trong đó chứa đựng đủ sự thật để khiến chúng có vẻ hợp lý. Ông nói rằng Nicias khi ở cương vị chỉ huy đã do dự không chịu bắt giữ những đạo quân kẻ thù bị vây khốn trên đảo Sphacteria; và rồi sau khi các tướng khác đã bắt được họ, ông ta lại trả tự do và cho họ về nhà chỉ để cầu cạnh ơn huệ của người Sparta. Nhưng, mặc dù là người bạn trung thành đến thế của người Sparta, ông ta đã không can ngăn họ lập liên minh riêng rẽ với người Boeotia hay người Corinth. Mặt khác, mỗi khi thành bang Hy Lạp nào muốn kết bạn hoặc kết minh với Athens, ông ta đều cố ngăn cản, nếu như động thái ấy tình cờ khiến Sparta không hài lòng.

Lập luận này đã đặt Nicias vào tình thế rất khó khăn. Nhưng đúng lúc đó, do sự tình cờ may mắn, một đoàn đại biểu từ Sparta đã được phái đến. Họ mang theo các kiến nghị hợp lý về việc mở những cuộc thương thuyết và tuyên bố họ đến với đầy đủ thẩm quyền để chấp nhận mọi điều khoản bổ sung cho một thỏa thuận công bằng. Hội đồng chào đón họ, và hôm sau người ta họp Hội đồng quốc dân để tiếp họ. Alcibiades lo sợ cho triển vọng thành công của họ bèn xoay sở để gặp riêng trò chuyện. Khi gặp nhau, ông nói với họ, “Các ông bị sao thế, người Sparta? Các ông chắc biết rằng Hội đồng luôn cư xử hợp lý và nhã nhặn với bất cứ ai mà nó tiếp, nhưng Hội đồng quốc dân sẽ giữ phẩm cách và chờ đợi những nhân nhượng quan trọng. Nếu các ông nói với họ rằng mình đến đây với thẩm quyền không giới hạn, họ sẽ chẳng ngại ngần gây áp lực lên các ông và cố áp đặt các điều kiện. Bởi vậy, các ông không được ngờ nghếch như vậy. Nếu các ông muốn những điều khoản ôn hòa từ người Athens và không buộc phải đi xa hơn mức mình dự liệu, các ông nên thảo luận với họ về những gì sẽ là một thỏa thuận công bằng theo nguyên tắc, nhưng không được để họ biết các ông có đầy đủ thẩm quyền chấp nhận nó. Các ông có thể trông cậy vào sự ủng hộ toàn tâm toàn ý ở tôi như một người bạn của Sparta.” Sau bài diễn văn này, ông trịnh trọng hứa với họ và theo đó đã hoàn toàn tách họ khỏi ảnh hưởng của Nicias. Về phần mình, họ hết mực tin tưởng ông và không khỏi thán phục sự khéo léo và thông minh lạ thường của ông.

Vào hôm sau, Hội đồng quốc dân nhóm họp và các đại sứ được tiếp kiến. Alcibiades lịch sự hỏi rằng họ được phái đến với tư cách gì, họ đáp mình đến với quyền hạn không đầy đủ. Bấy giờ ông lập tức đổi giọng và công kích họ dữ dội, như thể ông là bên bị hại chứ không phải họ, và tiếp tục lên án họ là những kẻ dối trá cơ hội hoàn toàn không có sứ mệnh gì ở Athens cả. Hội đồng phẫn nộ, Hội đồng quốc dân ùng ùng nổi giận, và

Nicias, vốn chẳng biết gì về quỷ kế bày ra để hãm hại mình, bẽ bàng đến chết lặng vì sự trở mặt của đoàn đại sứ.

15. Sau khi người Sparta đã bị xua đuổi bằng cách này, Alcibiades được bổ nhiệm làm tướng và nhanh chóng kết giao với Argos, Mantinea, và Elis như những đồng minh của Athens⁽⁵⁵⁹⁾. Không ai thích cái cách ông đã làm, nhưng dẫu sao nó vẫn là thủ đoạn chính trị quan trọng nhất. Nó làm rung chuyển gần như tất cả các thành bang của Peloponnese và khiến chúng chống đối lẫn nhau. Nó thiết lập trong một ngày rất nhiều tấm lá chắn chống lại người Sparta tại Mantinea⁽⁵⁶⁰⁾, và nó dịch chuyển chiến trường, với mọi hiểm nguy gắn liền, ra xa khỏi Athens đến nỗi ngay cả khi người Sparta giành chiến thắng thì điều đó cũng không mang lại cho họ lợi thế quyết định, ngược lại, sự thất bại trong trường hợp này sẽ đe dọa đến sự tồn vong của chính Sparta.

Sau trận chiến này tại Mantinea, phe quý tộc ở Argos, mệnh danh là “Phe Một ngàn”, lập tức hạ quyết tâm lật đổ phe dân chủ và chiếm quyền làm chủ thành phố, và với sự trợ giúp của người Sparta, chế độ dân chủ đã bị thủ tiêu. Tuy nhiên, người dân một lần nữa cầm vũ khí chiến đấu và thắng thế,⁽⁵⁶¹⁾ sau đó Alcibiades đã đến và giúp họ củng cố chiến thắng. Ông thuyết phục người Argos xây dựng những trường thành nối liền thành phố với biển, khiến nó phụ thuộc vào sức mạnh hải quân Athens. Ông thậm chí đã đi xa đến mức đưa thợ mộc và thợ xây đá từ Athens đến, và ông đã chứng tỏ được nhiệt tình, giành được nhiều thiện cảm cho mình cũng như thành phố mình. Bằng cách tương tự, ông đã thuyết phục người dân Patras nối liền thành phố của họ với biển bằng những bức trường thành⁽⁵⁶²⁾. Khi có người cảnh báo họ rằng quân Athens sẽ nuốt chửng họ mất, Alcibiades vặn lại, “Có lẽ thế, nhưng ít ra nó sẽ bị gặm dần từ chân lên. Sparta sẽ ngoạm đầu các anh trước hết chỉ bằng một cú đớp!”

Đồng thời ông khuyên người Athens chớ có làm ngơ những lợi ích trên bộ của mình, mà hãy thực hiện lời thề của các chiến binh trẻ tại điện thờ Agraulus. Ở đó họ đã thề rằng sẽ xem lúa mạch, lúa mì, nho, và ô liu như những đường biên giới tự nhiên của Attica, và bằng cách này họ được dạy cho lối nghĩ rằng toàn bộ mấy vùng đất ở được và trù phú là của mình.

16. Giữa những phen phô diễn nghệ thuật quản lý nhà nước, tài hùng biện, sự thông minh, và hoài bão cao xa, Alcibiades đã sống một cuộc đời tột cùng xa hoa, say sưa, trụy lạc, và ngang chướng. Ông ăn mặc diêm dúa như đàn bà và đi qua nơi họp chợ với áo choàng màu tía kéo dài sau lưng, và ông tiêu xài hoang phí. Ông cho cắt phăng các boong chiến thuyền của mình để ngủ thoải mái hơn, và đồ ngủ của ông treo lủng lẳng trên những dây thừng, thay vì trải ra trên ván sàn cứng. Ông có một tấm khiên bằng vàng được chế tác cho riêng mình, không trang trí một biểu tượng cổ truyền nào, mà bằng hình ảnh thần ái tình Eros với lưỡi tầm sét⁽⁵⁶³⁾. Các lãnh đạo Athens nhìn tất cả điều này với nỗi chán ghét và phẫn nộ, họ hết sức bất mãn với lối hành xử khinh thị và bất chấp luật pháp của ông mà với họ xem chừng dị hợm và gọi ra những thói quen của một bạo chúa. Tình cảm của dân chúng đối với ông đã được Aristophanes diễn đạt rất đắt trong câu:

Họ mong mỗi ông, họ căm ghét ông, họ không thể làm gì mà không có ông, và một lần nữa, mạnh mẽ hơn, dưới lớp vỏ ẩn dụ:

Tốt nhất đừng nuôi sư tử trong thành phố của bạn,
Nhưng nếu phải làm vậy, hãy nuôi chiều mọi ý thích của nó.⁽⁵⁶⁴⁾

Thực tế là những khoản lạc quyền tự nguyện của ông, những cuộc trình diễn công cộng được ông tài trợ, sự hào phóng có một không hai của ông với thành bang, danh vọng của tổ tiên ông, tài hùng biện cùng sức mạnh thể chất và vẻ đẹp của ông, cùng với kinh nghiệm và lòng dũng cảm trong chiến trận của ông, tất cả kết hợp lại khiến cho người Athens tha thứ mọi điều khác ở ông, và họ không ngừng tìm kiếm các uyển ngữ cho những lầm lỗi của ông và quy chúng cho nhiệt tình sôi sục và khát vọng vinh danh của tuổi trẻ. Chẳng hạn, có lần ông cho nhốt họa sĩ Agatharchus trong nhà mình cho đến khi người nghệ sĩ trang hoàng xong xuôi những bức vẽ hợp ý ông, rồi để người đó ra về với một món quà hậu hĩ, và ông từng bạt tai Taureas người thể hiện một khúc hợp xướng tranh tài với mình, chỉ vì ông nóng lòng muốn thắng giải. Lần khác, ông chọn một phụ nữ trong số các tù nhân bị bắt tại Melos⁽⁵⁶⁵⁾ làm nhân tình và đã nuôi nấng đứa con nàng sinh ra cho mình. Mọi người gọi đây là ví dụ về bản tính tử tế của ông, nhưng thực tế Alcibiades phải chịu một phần trách nhiệm nặng nề cho việc hành quyết tất cả đàn ông trưởng thành trên đảo, vì ông đã ủng hộ phán quyết này trước Hội đồng quốc dân.

Khi Aristophon vẽ một bức phúng họa thể hiện cảnh Nemea⁽⁵⁶⁶⁾ đang ôm chặt Alcibiades, mọi người lấy làm thích thú và lũ lượt kéo đến xem. Nhưng thế hệ già hơn cũng cảm thấy bị xúc phạm; họ cho đó là một cảnh tượng chỉ phù hợp với triều đình của một bạo chúa và là sự lăng mạ luật pháp Athens, và Archestratus hiển nhiên có ẩn ý rất sâu xa khi ông ta nói rằng Hy Lạp không thể đủ chỗ cho nhiều hơn một Alcibiades.

Kẻ ghét đời Timon từng gặp Alcibiades người vừa có một bài diễn thuyết thành công trước Hội đồng quốc dân và đang được hộ tống về nhà, song lần này ông ta không né sang bên hay tránh gặp ông như vẫn quen làm với những người khác, mà tiến lại gần, nắm tay ông mà rằng,

“Anh làm tốt lắm, chàng trai ạ! Hãy cứ như thế và anh sẽ sớm trở nên vĩ đại đủ để đê bẹp bọn chúng.” Một số người cười nhạo nhận định này, trong khi số khác lảng mạ ông ta, nhưng lại có số khác nữa bị ấn tượng sâu sắc trước câu nói ấy. Tất cả những điều này cho thấy công luận gặp khó khăn đến thế nào trong việc phán xét Alcibiades, vì con người đầy mâu thuẫn của ông.

17. Kể cả ở thời Pericles, người Athens đã dỗi cặp mắt thèm thuồng về Sicily, và sau khi ông qua đời họ đã tiến xa hơn và thử đặt tay lên nó. Họ đã nhiều lần cử các lực lượng cứu viện hay hỗ trợ trên quy mô nhỏ, với cơ giải cứu các đồng minh đang bị người Syracuse áp bức, và họ coi các chiến dịch này như những bước đệm cho một cuộc chinh phạt lớn. Nhưng chính Alcibiades là người mà sau cùng đã thổi bùng khát vọng của họ và thuyết phục họ từ bỏ những nỗ lực từng chút một này, trục chỉ Sicily và cố khuất phục hoàn toàn hòn đảo ấy bằng một cuộc xâm lược quy mô lớn. Những hy vọng mà ông khơi dậy nơi người Hy Lạp là không nhỏ, nhưng riêng ông thậm chí còn tham vọng hơn, vì trong khi những người khác coi Sicily là mục tiêu cuối cùng của cuộc viễn chinh, thì với ông nó không hơn gì một bàn đạp cho những cuộc chinh phạt xa hơn. Vì vậy, trong khi Nicias đang cố can ngăn mọi người trong nỗ lực chiếm Syracuse vì nhiệm vụ này quá khó khăn với họ, Alcibiades lại đang mơ tưởng đến Carthage và Libya, sau đó đến việc phong tỏa Ý và Peloponnese; quả thực, ông coi Sicily gần như không hơn gì một căn cứ tiếp tế cho chiến trận ở nơi khác. Ông lập tức thành công trong việc thu hút trí tưởng tượng của thanh niên về các triển vọng này, đồng thời cũng có thể nghe thấy giới cao niên đang sôi nổi luận bàn về những kỳ tích của cuộc chinh phạt, và mọi người ngồi tùm tùm trong các trường đấu vật và ở chỗ công cộng, vẽ trên cát địa thế của Sicily và vị trí địa lý của Libya và Carthage.

Tuy nhiên, chúng ta được kể rằng triết gia Socrates và nhà chiêm tinh Meton không tin cuộc phiêu lưu này sẽ mang đến cho thành phố điều gì tốt đẹp. Socrates có lẽ đã có một dự cảm về tương lai từ bản tính thận trọng quen thuộc của ông ta. Meton, cho dù nổi nghi ngại của ông ta có xuất phát từ sự cân nhắc thận trọng hay từ một quá trình bói toán nào đó, cũng đã giả điên, vớ lấy một thanh củi cháy dở, và làm như sắp phóng hỏa đốt nhà mình đến nơi. Tuy nhiên, một số người nói rằng trong trường hợp của Meton không có việc giả điên nào cả, nhưng ông ta thật sự đã thiêu rụi nhà mình vào đêm ấy và sáng hôm sau trình diện trước quốc dân với lời cầu xin cho con trai được miễn tham gia cuộc viễn chinh vì sự cố đau đớn này. Dù sao đi nữa, ông ta đã qua mặt được đồng bào mình và đạt được điều mình muốn.

18. Nicias được bầu làm tướng dù không hề muốn; nhưng điều khiến ông ta nóng lòng hơn vì muốn rũ bỏ trách nhiệm này là việc Alcibiades được chọn làm đồng chỉ huy với mình, vì người Athens cho rằng chiến tranh sẽ được chỉ đạo tốt hơn nếu họ không cho phép Alcibiades hoàn toàn tự do mà kiềm chế tính can rở của ông bằng sự thận trọng của Nicias. Vả chăng, vị tướng thứ ba, Lamachus, mặc dù tuổi đã cao, được coi là ưa bạo động trong các vấn đề quân sự và thích phiêu lưu mạo hiểm nơi chiến trận chẳng kém gì Alcibiades. Khi quy mô và tính chất của lực lượng vũ trang cho cuộc viễn chinh được bàn thảo, Nicias một lần nữa cố phản đối toàn bộ công cuộc này và kêu gọi dừng chiến dịch. Nhưng Alcibiades đã phản bác những lý lẽ của ông ta dễ dàng, và sau đó nhà hùng biện Demostratus chính thức kiến nghị nên trao quyền hạn tuyệt đối cho các tướng lĩnh trong việc trang bị cho đoàn quân viễn chinh và chỉ đạo chiến tranh.

Sau khi quốc dân thông qua kiến nghị này và mọi thứ đã được sửa soạn cho thủy đội lên đường, một số điềm gở đã xảy ra, nhất là liên quan

tới lễ hội đang được tổ chức vào thời điểm ấy. Đây là lễ hội Adonis, và ở nhiều nơi trong thành phố phụ nữ rước những hình nhân nhỏ trông giống thi thể người đang được đem đi mai táng, và đồng thời họ bắt chước như trong các lễ tang, đấm ngực than khóc và hát khúc truy điệu. Bên cạnh đó sự què quặt của Hermae chỉ trong một đêm, hầu như tất cả chúng đều bị biến dạng thảm thương, đã gây bất an vô cùng cho nhiều người, kể cả những ai thường ngày ít chú ý tới mấy chuyện như vậy. Có tin đồn đây là tác phẩm của người Corinth - Syracuse là một thuộc địa của họ - với hy vọng người Athens có thể bị tác động bởi những điềm xấu này mà trì hoãn cuộc chinh phạt hay thậm chí đình chỉ nó. Nhưng dân chúng không chú ý mấy đến tin đồn này hoặc đến những người từ chối nhìn nhận bất kỳ điềm báo gì trong chuyện này, mà quy nó cho tác dụng thông thường của rượu mạnh lên đám thanh niên phóng dăng, vốn thoát tiên chỉ hành động như một trò bốn cột phóng túng và rồi dễ dàng bị đưa đến chỗ phạm tội lãng nhục. Thay vì thế, phản ứng của đại đa số là giận dữ và lo sợ và tin rằng đó là một phần trong âm mưu tảo tợn nhằm vào các mục tiêu sâu xa hơn. Mọi trường hợp tình nghi đều bị điều tra kỹ lưỡng và cả Hội đồng Nguyên lão lẫn Hội đồng quốc dân đều tổ chức nhiều phiên họp với mục đích này trong vài ngày.

19. Trong suốt giai đoạn này, Androcles, lãnh đạo phe dân chủ, đã tìm được một số nô lệ và kiều dân đứng ra cáo buộc Alcibiades và bạn bè ông đã làm biến dạng những thánh tượng khác và giễu nhại Nghi lễ bí truyền Eleusis trong một cuộc say sưa trác táng. Họ nói rằng một Theodorus nào đó sắm vai Sứ giả, Pulytion vai Người Chăm Đuốc còn Alcibiades vai Thượng tế, và rằng số bạn bè còn lại của ông tham dự như những môn đồ khai tâm và được gọi là các Mystae. Đây là những tội danh trong bản cáo trạng mà Thessalus, con trai của Cimon, trình bày trước Hội đồng quốc dân, trong đó ông ta kết tội Alcibiades báng bổ các nữ thần xứ Eleusis.

Dân chúng bấy giờ đang sục sôi oán hận và chia sự bức tức vào Alcibiades, trong khi Androcles, kẻ tử thù của ông, lại đổ thêm dầu vào lửa. Thoạt nhiên Alcibiades thật sự hoảng sợ. Nhưng ông sớm nhận ra rằng mọi binh lính và thủy thủ sắp lên thuyền sang Sicily đều đứng về phía mình, và rằng lực lượng 1.000 bộ binh Argos và Mantinea đã công khai tuyên bố rằng chỉ vì Alcibiades mà họ đã vượt trùng khơi để chiến đấu ở một vùng đất xa xôi, và rằng nếu ông bị đối xử bất công họ sẽ lập tức rút lui khỏi cuộc chinh phạt. Vậy là ông vững tâm trở lại và một mực đòi hỏi quyền tự biện hộ trước toàn thể quốc dân. Bấy giờ kẻ thù của ông đâm thoái chí, vì họ sợ dân chúng có thể xét xử quá khoan dung với ông chỉ vì họ rất cần ông.

Vì lẽ ấy họ đã xoay sở mời bằng được vài nhà hùng biện vô danh có ác cảm với ông - mà thật ra họ căm ghét ông chẳng kém những kẻ thù công khai - đứng dậy giữa Hội đồng quốc dân và nói rằng thật là một thủ tục ngớ ngẩn khi bổ nhiệm một vị tướng với quyền hạn tuyệt đối chỉ huy một lực lượng lớn đến vậy, và ngay khi đoàn quân viễn chinh của ông và các đồng minh tập hợp, đã tước mất của ông cơ hội trải qua những thử thách rút thăm chọn bồi thẩm đoàn và định ngày xem xét vụ này. “Ông ta phải ra khơi ngay,” họ nói, “và mong ông ta gặp nhiều may mắn. Khi chiến dịch hoàn thành, ông ta hãy trở về và tự biện hộ cho mình. Luật lệ lúc ấy sẽ giống bây giờ.”

Alcibiades thấy rõ sự hiểm ác đằng sau màn trì hoãn xét xử này. Ông phản đối trước Hội đồng quốc dân rằng thật kỳ cục khi ông được phái đi chỉ huy một lực lượng lớn đến vậy trong khi vụ việc của ông cứ bị treo lại, và buộc phải chịu những lời kết tội và phỉ báng lơ lửng trên đầu. Ông lập luận rằng nếu ông không thể rũ sạch cho mình những tội danh ấy, thì ông phải bị xử tử, còn nếu ông chứng tỏ được mình vô tội, thì ông sẽ được

yên tâm lên đường ra trận mà không phải sợ sự hãm hại của cánh chỉ điểm ở quê nhà.

20. Tuy nhiên, ông đã không thuyết phục nổi người Athens, nhưng được trao mệnh lệnh giương buồm vượt biển cùng với các đồng sự⁽⁵⁶⁷⁾. Họ có dưới trướng một thủy đội gần 140 chiến thuyền, 5.100 bộ binh, khoảng 1.300 cung thủ, lính ném đá, khinh binh, và những phương tiện vận tải tương ứng. Họ đến Ý và chiếm được Rhegium, ngay sau đó Alcibiades đề xuất một kế hoạch cho toàn bộ chiến dịch. Nicias phản đối, nhưng Lamachus ủng hộ ông và thế là Alcibiades bèn trực chỉ Sicily. Ông đã thu phục thành công Catana, nhưng không đạt được gì xa hơn thế, vì ngay sau đó ông đã bị triệu về Athens để chịu xét xử.

Thoạt đầu, như tôi đã nói, không có gì ngoài những nghi ngờ và phỉ báng vu vơ nhắm vào Alcibiades từ một số nô lệ và kiều dân. Sau đó, ngay khi ông vừa đi xa, kẻ thù càng công kích ông dữ dội hơn. Họ rắp tâm liên hệ tội danh xúc phạm Hermae với vụ Nghi lễ bí truyền, nhấn mạnh rằng cả hai đều thuộc về một âm mưu chung nhằm lật đổ chính quyền, đến nỗi bất cứ ai bị cáo buộc có liên hệ với một trong hai vụ đều bị tống giam không cần xét xử. Dân chúng bấy giờ tự giận mình đã không thử tra xét và kết án Alcibiades những tội trạng nghiêm trọng như thế vào thời điểm phạm tội, rồi mọi họ hàng thân hữu của ông vốn có xích mích với họ đang khi cơn thịnh nộ của họ chưa nguôi đã bị đối xử cực kỳ nghiệt ngã. Thucydides đã quên cho chúng ta biết danh tính những kẻ chỉ điểm, nhưng các tác giả khác cho hay họ là Diocleides và Teucer. Chẳng hạn nhà thơ hài kịch Phrynichus đã nói đến họ trong những dòng sau:

Cẩn thận, Hermes yêu dấu của ta, đừng té ngã

Vỡ chiếc mũi cắm thạch của chàng, đó là điều tệ hơn hết,

Nếu chàng bị tổn thương, có thể lại là dịp
Để một Diocleides khác tiếp tục nói dối!
và Hermes trả lời:
Ta sẽ; ta tất nhiên không có ý
Ban thưởng Teucer vì đã cáo giác,
Cái gã kiêu dân toàn thân vấy máu ấy.

Thế nhưng bằng chứng được những kẻ chỉ điểm đưa ra không chứa đựng những sự kiện khả tín hay có căn cứ. Quả thực, khi một trong số họ được hỏi làm thế nào hẳn nhận ra mặt những kẻ cắt xẻo Hermae, đã trả lời, “Nhờ ánh trăng,” một chi tiết nói lên sự dối trá trong toàn bộ câu chuyện của hẳn, vì đêm ấy là đêm cuối cùng của tháng âm lịch, lúc đó hoàn toàn không có ánh trăng. Điều này gây mối nghi ngờ giữa những người có khả năng tư duy độc lập, nhưng nó vẫn không làm lay chuyển niềm tin của dân chúng vào những câu chuyện này, và họ tiếp tục điều đã bắt đầu, bắt giữ và tống giam bất cứ ai ngẫu nhiên bị cáo giác.

21. Trong số những người bấy giờ bị cầm tù và đang chờ xét xử là nhà hùng biện Andocides, người được sử gia Hellanicus liệt vào số các hậu duệ của Odysseus. Ai nấy đều tin rằng ông ta là đối thủ của nền dân chủ và có cảm tình với thể chế quả đầu. Nhưng điều khiến ông ta đặc biệt bị nghi ngờ là dính vào vụ cắt xẻo là sự kiện bức tượng Hermes to lớn, vốn được bộ lạc Aegeid hiến tặng và tọa lạc gần nhà ông ta, gần như là bức duy nhất còn nguyên vẹn trong vài cái nằm ở vị trí nổi bật không kém. Vì vậy mà đến nay nó vẫn còn được mệnh danh là Hermes của Andocides. Mọi người đều gọi nó như vậy bất chấp lời đề tặng đã khắc ghi rõ ràng như vậy.

Bấy giờ thật tình cờ là Andocides đã trở nên đặc biệt thân thiết với một trong những bạn tù đang chờ xét xử với cùng tội trạng, một người tên là Timaeus, ít nổi tiếng hơn ông ta, nhưng cực kỳ thông minh và can đảm. Anh ta lúc này thuyết phục Andocides tự cáo giác mình và vài người khác. Nếu ông thú nhận, Timaeus lưu ý, ông chắc chắn sẽ được tha chết, thể theo những điều khoản trong sắc lệnh của quốc dân. Trái lại, không ai có thể lường trước vụ xét xử sẽ diễn biến thế nào, và có các lý do đặc biệt để những người ở địa vị cao như ông lo sợ về kết quả. Việc bịa đặt lời thú nhận cho một tội danh để cứu sống một sinh mạng hiển nhiên tốt hơn so với chết một cái chết ô nhục vì bị kết án oan cho cùng tội danh đó. Và chẳng, từ quan điểm lợi ích chung thì hy sinh một vài người có nhân cách đáng ngờ lẽ ra là điều bội phần đáng làm, nếu bằng cách này có thể giải cứu nhiều người tốt khỏi cơn thịnh nộ của dân chúng. Với những lập luận này của Timaeus, Andocides rốt cuộc đã bị thuyết phục ra làm chứng chống lại chính mình và một số người khác. Ông ta được tha chết, chiếu theo sắc lệnh, nhưng tất cả những người ông ta nêu tên, ngoại trừ những ai đã trốn khỏi đất nước, đều bị xử tử. Andocides còn liệt kê một số người hầu của mình để lời chứng thêm phần thuyết phục.

Kể cả có như vậy thì cơn thịnh nộ của dân chúng vẫn chưa hoàn toàn nguôi ngoai: họ không thiết gì tới những kẻ cắt xẻo Hermae, nhưng có lẽ giờ đây họ đã có chỗ tốt hơn để trút giận, cơn giận như thác lũ trút xuống Alcibiades và cuối cùng chiếc quốc thuyền *Salamina* đã được phái đi để triệu ông về⁽⁵⁶⁸⁾. Họ chủ ý lệnh cho các sĩ quan của nó không được dùng bạo lực hoặc động tay chân với ông, mà bằng lời lẽ ôn hòa truyền đạt chỉ thị rằng ông phải theo họ về để chịu xét xử và tự thanh minh cho mình trước quốc dân. Họ e rằng sự triệu hồi có thể gây ra làn sóng phản nộ hoặc thậm chí là binh biến trong quân đội khi hã còn trong lãnh thổ kẻ thù, và quả thực nếu muốn Alcibiades đã có thể dễ dàng gây ra chuyện

này. Binh lính chán nản trước sự ra đi của ông và thấy trước rằng dưới sự chỉ huy của Nicias thì chiến dịch sẽ kéo dài vô tận với những giai đoạn dài trì hoãn và bất động, khi giờ đây nguồn thôi thúc hành động là Alcibiades đã bị đưa đi mất. Lamachus đúng là một vị tướng hiểu chiến và hết sức can đảm, nhưng ông ta thiếu quyền hạn và uy thế vì nghèo.

22. Gần như ngay sau khi lên thuyền ra đi, Alcibiades đã tước luôn cơ hội chiếm lấy Messana⁽⁵⁶⁹⁾ của người Athens. Có một phe trong thành phố đã sẵn sàng dâng nộp nó, Alcibiades biết họ là ai, và bằng việc đưa tin chính xác đến bè bạn của người Syracuse ở đó, ông đã thành công trong việc hủy hoại toàn bộ kế hoạch. Khi đến Thurii, ông lên bờ và trốn khỏi những người đang truy lùng ông. Khi ai đó nhận ra ông và hỏi, “Chẳng lẽ ông không tin tưởng xứ sở mình sao, Alcibiades?” ông đáp, “Vâng, trong những chuyện khác, nếu anh muốn. Nhưng khi tính mạng đang lâm nguy, tôi còn chẳng dám tin mẹ tôi sẽ không lầm lẫn giữa hòn cuội đen với hòn cuội trắng khi bà ấy bỏ phiếu nữa kia.” Và lúc ông hay tin sau đó rằng thành phố đã kết án tử hình mình, ông bình luận, “Tôi sẽ cho họ thấy là mình vẫn còn sống.”

Bản luận tội ông hãy còn được ghi chép đầy đủ như sau:

Thessalus, con trai của Cimon, ở tiểu khu Lacia, buộc tội Alcibiades, con trai của Cleinias, tiểu khu Scambonidae, phạm tội báng bổ các nữ thần xứ Eleusis, Demeter, và Kore, qua việc ông ta giễu nhại Nghi lễ bí truyền; việc ông ta đóng giả họ ở nhà riêng, mặc áo choàng như kiểu lễ phục Thượng tế, khi ông ta cử hành những nghi lễ khai tâm; việc ông ta tự xưng Thượng tế, Pulytion xưng Người Chăm Đuốc, và Theodorus, tiểu khu Phegaea, xưng Sứ giả; việc ông ta gọi các bạn còn lại là Những người được khai tâm và Những tân tòng, trái với

các điều luật và nghi lễ được thiết lập bởi gia tộc Eumolpidae, các Sứ giả, và các Tư tế của Eleusis.

Alcibiades bị kết án văng mặt, điền sản của ông bị tịch thu, và một sắc lệnh quy định thêm rằng tên ông sẽ bị tất cả tư tế và nữ tư tế nguyên rửa trước bàn dân thiên hạ. Nghe nói rằng Theano, con gái của Menon ở tiểu khu Agraule, là người duy nhất từ chối thi hành sắc lệnh này; nàng tuyên bố rằng chức nữ tư tế của nàng là để cầu nguyện, không phải để nguyên rửa.

23. Khi phán quyết và bản án kinh khủng này giáng xuống Alcibiades, ông đang sống ở Argos, vì ông đã vượt biển đến Peloponnese ngay sau khi trốn khỏi Thuri. Nhưng ngay cả ở đó ông vẫn lo sợ kẻ thù của mình, và bấy giờ ông quyết định từ bỏ đất nước hoàn toàn. Vì thế ông đã viết thư cho người Sparta xin được tị nạn và hứa sẽ mang đến cho họ sự phục vụ lớn hơn mọi thiệt hại mà ông đã gây ra khi còn là kẻ thù của họ. Người Sparta chấp thuận lời thỉnh cầu và tiếp nhận ông. Ngay khi đến nơi ông không chậm trễ mà tiến hành ngay một chiêu cực kỳ quan trọng. Người Sparta hãy còn đang do dự chuyện gửi quân ứng cứu người Syracuse và thoái thác bất kỳ hành động dứt khoát nào, nhưng Alcibiades đã ra sức thúc giục và động viên đến mức họ đã phái Gylippus đến Sicily để nắm quyền chỉ huy và tiêu diệt quân đội Athens. Chiêu khác của ông là thuyết phục họ mở lại những chiến dịch chống Athens ở Attica, và chiêu thứ ba, quan trọng hơn hết, là củng cố Decelea⁽⁵⁷⁰⁾. Chính chiêu này, hơn mọi hành động nào khác, đã bào mòn các nguồn lực của Athens và sau cùng đã hủy hoại nó.

Tại Sparta, danh tiếng của ông vốn đã rất cao trong mắt công chúng, nhưng giờ đây ông còn được ngưỡng mộ không kém bởi cách hành xử của mình, và bởi việc tiếp nhận những phong tục Sparta trong đời sống

hằng ngày, nên ông đã quyến rũ họ như một thứ bùa mê. Khi họ nhìn ông để tóc tự nhiên, tắm nước lạnh, ăn bánh mì thô, và uống nước súp đen, họ gần như không thể tin vào mắt mình, và bắt đầu tự hỏi liệu con người mà họ thấy trước mắt lẽ nào đã từng nuôi đầu bếp trong nhà, từng xúc đầy nước hoa, hay từng khoác lên người thứ len Milesia? Chúng ta được kể, Alcibiades có một thiên tư đặc biệt, vượt trên mọi thiên tư khác và góp phần khiến ông được mọi người quyến luyến, đó là ông có thể hòa hợp và thích ứng với những yêu cầu và lối sống của người khác và trải qua các lần lột xác ngoạn mục hơn cả một con tắc kè hoa. Thậm chí tắc kè hoa còn không thể khoác màu trắng lên mình, nhưng Alcibiades thì có thể kết giao với cả người tốt lẫn kẻ xấu, và không bao giờ có một đặc tính nào mà ông không thể bắt chước hoặc tập luyện được. Bởi vậy ở Sparta tất cả những gì ông theo đuổi là rèn luyện thân thể, cuộc sống đơn giản, và một vẻ ngoài khắc khổ đến kinh hoàng; ở Ionia là xa hoa, khoái lạc, và biếng nhác; ở Thrace ông có thể cạnh sức với những người tốt nhất; ở Thessaly ông không bao giờ rời yên cương, và khi bầu bạn cùng tỉnh trưởng Tissaphernes, ông vượt trên cả vẻ cao sang của người Ba Tư này bằng sự phù hoa và hoang phí của mình. Nói vậy không có nghĩa là ông có thể dễ dàng thay đổi cách hành xử, cũng không phải tính cách của ông sẽ biến đổi trong mọi trường hợp; nhưng khi ông nhận ra việc cứ đi theo những thị hiếu riêng sẽ xúc phạm các mối quan hệ, ông lập tức khoác lấy bất kỳ tác phong hay vẻ ngoài nào phù hợp hoàn cảnh. Dù sao đi nữa ở Sparta, cứ xét theo vẻ ngoài, người ta có thể nói về ông, “Đây không phải con trai của Achilles, mà chính là Achilles” - chỉ người như thế mới đáng để Lycurgus nhận nuôi. Nhưng nếu xét đến những gì ông thật sự cảm nhận và hành động, người ta có thể cảm thán, như Euripides cảm thán về Helen, “Phụ nữ muôn đời như vậy.”

Trong khi Vua Agis viễn chinh xa nhà, Alcibiades đã quyến rũ Timaea vợ ông ta, đến nỗi nàng mang thai với ông và không hề cố phủ nhận sự thật. Khi nàng sinh con trai, nó được gọi là Leotychides ở chốn công cộng, nhưng cái tên mà người mẹ thì thầm với bạn bè và gia nhân của mình lại là Alcibiades, đủ thấy nàng đã hoàn toàn si mê ông. Bản thân ông bằng giọng điệu nhạo báng đã nói rằng mình không làm điều đó chỉ để lãng mạn hoặc đơn giản là thỏa mãn dục vọng, mà để đảm bảo rằng hậu duệ của mình một ngày nào đó sẽ cai trị người Sparta.

Có nhiều người mách lại chuyện này với Agis, nhưng thời điểm mà ông ta tin vào sự thật mới là vấn đề đáng nói. Một con địa chấn làm rung chuyển Sparta và nhà vua nhảy tránh xa khỏi vợ và chạy ra ngoài phòng trong nỗi bàng hoàng, và sau đó đã không nhìn đến nàng trong 10 tháng trời. Khi Leotychides ra đời vào cuối giai đoạn này, Agis từ chối nhận cậu bé làm con trai mình, và vì lý do đó cậu đã không được chọn làm người kế vị sau này⁽⁵⁷¹⁾.

24. Sau sự thảm bại của đoàn quân viễn chinh Athens ở Sicily,⁽⁵⁷²⁾ người ở các xứ Chios, Lesbos, và Cyzicus đồng loạt cử phái đoàn đến Sparta để thảo luận về triển vọng nổi dậy chống Athens. Người Boeotia ủng hộ lời kêu gọi của Lesbos và Pharnabazus⁽⁵⁷³⁾ ủng hộ Cyzicus, nhưng người Sparta, theo lời khuyên của Alcibiades, chọn giúp Chios trước hết. Bản thân Alcibiades đã dong thuyền ra đi và xúi giục được hầu hết các thành phố Ionia nổi dậy, và khi cộng tác chặt chẽ với các tướng lĩnh Sparta ông đã gây thiệt hại lớn cho người Athens. Tuy nhiên, Agis bấy giờ trở thành kẻ thù riêng của Alcibiades vì sự lãng nhục mà ông đã gây ra cho mình với tư cách người chồng, và ông ta cũng rất hậm hực bởi danh tiếng mà Alcibiades giành được cho bản thân, vì người ta thường nói rằng hầu hết thành công của Sparta là nhờ các nỗ lực của ông. Những người Sparta quyền thế và tham vọng nhất bấy giờ vừa ganh tỵ vừa chán

ghét ông, và họ có đủ ảnh hưởng để thuyết phục các pháp quan ở quê nhà gửi những chỉ thị đến Ionia nhằm dồn Alcibiades vào chỗ chết.

Alcibiades đã nhận được mật báo về việc này. Tin tức khiến ông kinh hãi, và thế là khi nhập vai với người Sparta trong tất cả những việc của họ, ông cẩn trọng không để mình rơi vào tay họ. Thay vì thế ông cầu cạnh tỉnh trưởng Tissaphernes của Vua Ba Tư vì lo cho sự an nguy của mình, và chẳng mấy chốc đã chiếm được lòng quý mến hết mực của ông ta. Người rợ này, vốn có bản tính độc địa và thích giao du với đám vô lại, tuyệt nhiên không phải người thật thà trung hậu, cực kỳ khâm phục tài biến hóa đa đoan và sự mẫn tiệp lạ thường của Alcibiades. Và quả thực lối sống thường ngày và lời ăn tiếng nói của ông tỏa ra sức quyến rũ đến mức không một khuynh hướng hay cá tính nào có thể cưỡng lại được và không bị lay động. Kể cả những người e sợ và đố kỵ với ông cũng không khỏi lấy làm vui thích được bầu bạn với ông, và trong khi tận hưởng điều đó thì nổi oán giận trong họ dần tiêu tan. Bản thân Tissaphernes, mặc dù là một kẻ thù ác nghiệt không kém bất kỳ người Ba Tư nào mà người Hy Lạp từng gặp, cũng chịu thua hoàn toàn trước những lời nịnh nọt của Alcibiades đến nỗi còn đáp trả lại nhiều hơn hẳn. Ông ta chỉ thị rằng công viên đẹp nhất mà mình sở hữu, nổi tiếng bởi những dòng suối mát và đồng cỏ xanh, những mái lều và vườn dạo được trang trí theo phong cách vương giả và xa hoa, sẽ được đặt theo tên Alcibiades, và mọi người đều gọi nó bằng tên ấy.

25. Vì vậy mà giờ đây Alcibiades đã từ bỏ sự nghiệp Sparta, bởi ông không tin tưởng họ và e sợ Agis, nên bắt đầu ra sức gièm pha và mô tả họ với Tissaphernes bằng những hình ảnh tồi tệ nhất. Ông khuyên vị tỉnh trưởng chớ có toàn tâm toàn ý trợ giúp người Sparta hay vội kết liễu người Athens; thay vào đó, bằng việc cung cấp sự giúp đỡ nhỏ giọt, ông ta có thể gây khó khăn cho cả đôi bên và dần dà khiến họ kiệt quệ và nhân

đó nhà vua trở thành ngư ông đắc lợi, khi mà cả hai đã tiêu phí hết sức lực đối đầu với nhau. Tissaphernes dễ dàng bị thuyết phục bởi lập luận này và công khai biểu lộ sự nể trọng và thán phục Alcibiades. Kết quả là, người Hy Lạp ở cả hai phía đều ngưỡng vọng ông, và người Athens, giờ đây đang bị khốn đốn về tay ông, đâm ra hối hận về án phạt mà họ đã giáng xuống đầu ông. Trong khi đó, bản thân Alcibiades bắt đầu lo lắng bất an trước việc nếu Athens bị hủy diệt hoàn toàn, ông có thể rơi vào tay kẻ thù của mình là người Sparta.

Vào lúc này⁽⁵⁷⁴⁾, hầu như toàn bộ sức mạnh binh lực Athens được tập trung tại Samos. Dừng hòn đảo này như một căn cứ hải quân cho các chiến dịch, họ đang cố chinh phục lại những đồng minh đã ly khai và duy trì ảnh hưởng với những đồng minh còn lại. Họ vẫn xoay sở bằng mọi cách để mạnh ngang với kẻ thù trên biển, nhưng nỗi lo sợ lớn nhất của họ là Tissaphernes và thủy đội 150 chiến thuyền của người Phoenicia được báo cáo là đang ở ngoài khơi, vì một khi thủy đội này kéo tới, mọi hy vọng của Athens sẽ tan thành mây khói. Alcibiades biết rõ sự thật này bèn bí mật gửi thư đến các vị thủ lĩnh Athens trên đảo Samos, củng cố hy vọng rằng ông có thể thuyết phục Tissaphernes về phe với họ. Ông giải thích rằng mình không làm vậy để cầu cạnh sự ủng hộ của quần chúng vốn không được ông tin tưởng, mà là vì những quý tộc, chỉ cần họ lấy hết can đảm thể hiện mình là đàn ông, kiềm chế sự xác xược của dân chúng, nắm chặt chính quyền trong tay, cứu vãn sự nghiệp và đất nước bằng nỗ lực của chính mình.

Tất cả quý tộc đều sốt sắng lắng nghe Alcibiades. Duy có một vị tướng, Phrynichus ở tiểu khu Deirades, tỏ ý ngờ vực - khá chính đáng - rằng Alcibiades không quan tâm tới thể chế quả đầu hơn nền dân chủ, nhưng sẵn sàng theo đuổi bất cứ hành động nào để hủy bỏ án lưu đày của mình, vì vậy đã nói xấu dân chúng như là cách tốt nhất để tranh thủ giới quý

tộc trước và khéo luôn lọt lấy lòng họ mà thôi. Vì thế ông ta đã phản đối kế hoạch của Alcibiades. Nhưng ý kiến của ông ta đã bị bác bỏ, và vì bấy giờ ông ta công nhiên ra mặt thù địch với Alcibiades, nên liền bí mật gửi thư cho Astyochus, chỉ huy hải quân Peloponnese, bảo ông này dè chừng Alcibiades và bắt giữ ngay khi ông chơi trò hai mặt. Tuy nhiên, ông ta không biết là mình đã gặp phải đối thủ xứng tầm về độ phản trắc, vì Astyochus rất đỗi kính sợ Tissaphernes, và khi thấy Alcibiades có ảnh hưởng lớn với ông ta như vậy, bèn tố cáo thông điệp của Phrynichus với cả hai, và rồi Alcibiades lập tức phái sứ giả đến Samos để vạch mặt Phrynichus. Tất cả người Athens ở đó đều căm phẫn và bắt đầu hợp lực chống lại Phrynichus, kể lúc bấy giờ khó bề thoát khỏi tình trạng gay go, bèn gắng vót vát sai lầm này bằng một sai lầm khác nặng hơn nhiều. Ông ta lại gửi thư cho Astyochus, trách ông này đã tiết lộ thông điệp đầu tiên của mình, và lần này đề nghị giao nộp doanh trại và thủy đội Athens vào tay Astyochus.

Tuy nhiên, người Athens không hề bị thiệt hại gì từ sự phản bội của Phrynichus, vì Astyochus đã lập lại trò hai mang của mình và một lần nữa chuyển thông điệp của Phrynichus cho Alcibiades. Nhưng Phrynichus đã lường trước điều này. Ông ta đã tiên liệu sự tố giác lần thứ hai của Alcibiades và ra tay trước bằng cách tự mình cảnh báo với người Athens rằng kẻ thù sắp sửa tấn công họ, khuyên họ sửa soạn thủy đội và củng cố doanh trại của mình. Quân Athens đã bắt đầu làm việc này thì Alcibiades lại gửi lá thư thứ hai, dặn họ cảnh giác với Phrynichus, vì ông ta đang rắp tâm giao nộp căn cứ hải quân của họ cho kẻ thù. Lúc bấy giờ họ không chịu tin vào bức thư này, vì họ cho rằng Alcibiades ắt biết tường tận sức mạnh cũng như ý đồ của kẻ thù và đang dùng việc biết này để buộc tội oan cho Phrynichus. Nhưng ít lâu sau,⁽⁵⁷⁵⁾ khi Hermon, một anh lính thuộc một trong các đội tuần tra biên giới ở Attica, đâm chết

Phrynichus giữa chợ bằng dao găm, người Athens đã tra xét vụ này của Phrynichus và phát hiện ra tội mưu phản của ông ta, và vì vậy họ đã ban thưởng cho Hermon⁽⁵⁷⁶⁾ và đồng đội của anh ta.

26. Nhưng hãy trở lại với Samos. Bạn bè của Alcibiades hiện đang kiểm soát tình hình và đã phái Pisander đến Athens để cố gắng thay đổi hình thức chính quyền: ông ta cổ vũ giới lãnh đạo quý tộc lật đổ nền dân chủ và tiếp quản chính sự, với lý do rằng chỉ trong điều kiện này Alcibiades mới có thể mang đến cho họ tình hữu nghị và tình đồng minh của Tissaphernes. Đây là cái cớ được những người đã thiết lập chính thể quả đầu ở Athens đưa ra. Nhưng ngay khi⁽⁵⁷⁷⁾ cái gọi là Hội đồng Năm nghìn - thật ra chỉ có Bốn trăm - lên nắm quyền và tiếp quản chính sự, họ lập tức làm ngơ Alcibiades và đáng chú ý là đã chùn lại việc theo đuổi chiến tranh. Điều này phần nào vì họ không tin vào nhân dân, vốn không thích sự thay đổi chế độ, và phần nào vì họ tin rằng người Sparta, vốn luôn thích chính thể quả đầu, sẽ đề nghị với họ những điều khoản hợp lý hơn.

Trong khi đó, phe bình dân ở Athens đã bị khủng bố đến mức phải khuất phục, vì nhiều người trong họ vì công khai phản đối Hội đồng Bốn trăm mà đã bị ám sát. Nhưng quân đội tại Samos nổi giận khi nghe tin này và sự thôi thúc hàng đầu của họ là giương buồm về Athens ngay lập tức. Họ cho mời Alcibiades⁽⁵⁷⁸⁾, bầu ông làm tư lệnh và yêu cầu ông lãnh đạo họ lật đổ những tên bạo chúa.

Một người bình thường khi thấy mình bỗng nhiên được đưa lên đỉnh cao quyền lực bởi ý chí của số đông, sẽ nuông chiều và làm vừa lòng họ, cảm thấy phải tán thành mọi ước muốn của họ và không phản đối họ bất kỳ điều gì, vì chuyện họ đã nâng đỡ mình từ một kẻ lưu đày vất vưởng lên làm chỉ huy của một quân đội và thủy đội hùng hậu nhường ấy. Thay vì thế, khi trở thành lãnh đạo tối cao, Alcibiades cảm thấy trước hết phải

chống lại cơn điên giận mù quáng đã choán lấy họ, và ngăn họ phạm vào sai lầm chết người. Ít ra trong lần này, không có gì nghi ngờ rằng ông đã cứu vãn đế chế Athens. Nếu thủy đội rút về, kẻ thù có lẽ đã chiếm lấy toàn bộ Ionia, Hellespont và các đảo mà không tốn chút hơi sức, trong khi người Athens hẳn đã đánh nhau với người Athens và đưa chiến tranh vào bên trong những tường thành của mình. Thực tế chẳng có gì như vậy xảy ra, nhờ công của Alcibiades hơn bất kỳ ai. Ông không những thuyết phục dân chúng và chỉ cho họ thấy hiểm họa của mình bằng các bài diễn văn công khai, mà còn khẩn khoản với từng người trong họ, nài nỉ một số người này và ép buộc một số người kia. Trong việc này ông có sự giúp đỡ của Thrasybulus⁽⁵⁷⁹⁾ xứ Stiris, người luôn bên ông và đã sử dụng các lá phổi của mình hết sức hữu hiệu: anh ta được cho là có giọng khỏe nhất Athens thời ấy.

Sự phục vụ vô giá khác mà Alcibiades mang lại là ông cam kết đưa thủy đội của người Phoenicia, do Vua Ba Tư phái đi và người Sparta đang chờ đợi, về với phe Athens, hoặc chí ít sẽ ngăn cản nó gia nhập lực lượng kẻ thù. Ông đã hối hả ra khơi để thực hiện bằng được điều này, và mặc dù đúng là người ta đã thấy những chiếc thuyền rời khỏi Aspendus, nhưng Tissaphemes đã không đưa chúng đi xa hơn, và bằng cách này đã lừa được người Sparta. Cả hai bên đều tin rằng chính nỗ lực của Alcibiades đã làm lệch hướng thủy đội, nhưng riêng người Sparta càng tin rằng ông đã khuyên người Ba Tư cứ để mặc cho quân Hy Lạp tàn sát lẫn nhau, vì rõ ràng là bên nào nhận được viện quân hùng hậu như vậy ắt sẽ giành trọn ưu thế trên biển so với bên kia.

27. Không lâu sau đó, Hội đồng Bốn trăm bị lật đổ⁽⁵⁸⁰⁾, và nhân dịp này bạn bè của Alcibiades nồng nhiệt ủng hộ sự nghiệp dân chủ. Dân chúng giờ đây chẳng những mong muốn mà còn lệnh cho Alcibiades trở về. Tuy nhiên, ông nghĩ tốt nhất đừng tay không đến gặp họ với không chút

thành tựu tầm vóc nào nào đúng tên ông và lại còn được hồi hương nhờ vào sự thương hại và lòng tốt của dân chúng, mà thay vào đó sẽ đến bằng thứ hào quang rực rỡ. Vì vậy, để bắt đầu, ông cùng một thủy đội nhỏ giương buồm từ Samos và tuần tra ngoài khơi các đảo Cnidus và Cos. Ở đó ông biết rằng đô đốc người Sparta là Mindarus⁽⁵⁸¹⁾ đã đưa toàn bộ thủy đội của mình đến Hellespont, và rằng quân Athens đang đuổi theo ông ta, do đó ông mở hết tốc lực đến tiếp ứng các chỉ huy Athens. Với 18 chiến thuyền của mình, ông tình cờ đến vào thời khắc quyết định của cuộc chiến. Cả hai bên đã xua tất cả thuyền chiến xung trận ngoài khơi Abydos, họ đã đánh nhau đến tối và kẹt cứng trong một trận đánh khủng khiếp bất phân thắng bại. Sự xuất hiện của đoàn thuyền Alcibiades đã có tác dụng đánh lừa với cả hai bên: quân Athens suy sụp nhuệ khí, trong khi kẻ thù lấy lại can đảm. Nhưng Alcibiades nhanh chóng dựng cờ hiệu Athens trên thuyền chỉ huy của mình và đánh tan bộ phận thủy đội Peloponnese đang chiếm ưu thế và truy đuổi quân Athens. Ông đánh địch chạy táo tác vào bờ và đuổi sát phía sau, đâm thủng và làm vỡ tan nhiều thuyền địch. Binh lính trên thuyền bơi vào bờ, và tại đây Pharnabazus kịp đến giải cứu họ với bộ binh của mình và chiến đấu dọc theo mép nước để bảo vệ thủy đội. Nhưng sau cùng quân Athens đã chiếm được 30 chiến thuyền Peloponnese, giành lại địa bàn của mình và dựng lên một đài chiến tích.

Alcibiades bị lòng kiêu hãnh thôi thúc tận dụng thành công chối lợi này để phô trương thắng lợi của mình với Tissaphernes. Ông sắm sửa nhiều tặng phẩm ngoại giao, dẫn đầu một đoàn tùy tùng sang trọng và sửa soạn đi thăm tỉnh trưởng. Nhưng ông không được đón tiếp như đã chờ đợi. Vì một lúc nào đó trong quá khứ người Sparta đã bôi nhọ danh tiếng của Tissaphernes trước mặt nhà vua, và vì lo sợ bị thất sủng bởi việc đó, nên ông ta cảm thấy Alcibiades đã đến vào thời điểm không thể

thuận tiện hơn. Thế là ông ta bèn bắt giữ và giam cầm ông ở Sardis, hy vọng hành động bất công này sẽ giúp chặn đứng những câu chuyện mà người Sparta đang rêu rao về mình.

28. Sau 30 ngày, Alcibiades đã qua mặt đám lính gác, bằng cách nào đó kiếm được một con ngựa, và chạy đến Clazomenae xin tị nạn. Để làm nhục tỉnh trưởng, ông phao tin rằng Tissaphernes đã chủ động phóng thích ông và sau đó đi thuyền đến doanh trại Athens,⁽⁵⁸²⁾ ở đây ông được biết là Mindarus đang ở Cyzicus cùng với Pharnabazus. Nhân đó ông đã khơi dậy nhiệt tình của các binh sĩ bằng cách nói với họ là giờ đây họ có thể chờ đợi cuộc chiến trên bộ và trên biển cũng như chiến tranh vây hãm, vì chỉ có chiến thắng mọi thế trận thì họ mới không phải trả giá cho chúng. Tiếp đến, ông tổ chức thủy đội rồi khởi hành đến Proconnesus,⁽⁵⁸³⁾ ra lệnh bắt giữ tất cả các thương thuyền nhỏ mà họ gặp và canh giữ chặt chẽ, như vậy kẻ thù sẽ không biết ông đến từ hướng nào.

Thật tình cờ là trời mưa như trút, bóng tối chợt bao phủ dày đặc cùng những tràng sấm rền vang, tất cả hợp lực để giữ bí mật kế hoạch của ông. Trên thực tế, không chỉ kẻ thù chẳng để ý đến ông, mà ngay bản thân người Athens cũng buông bỏ mọi ý niệm chiến đấu, khi ông bất ngờ lệnh cho họ lên thuyền ra khơi. Một lúc sau, bóng tối tan dần và thấy thuyền Peloponnese đang rời cảng Cyzicus. Alcibiades lo rằng nếu họ nhìn thấy toàn bộ lực lượng thủy đội của ông thì có lẽ họ tháo chạy vào bờ mất, vì vậy ông ra lệnh cho các chỉ huy khác giảm tốc độ và khóa đuôi, trong khi bản thân ông chỉ với 40 thuyền đi vào tầm nhìn của kẻ địch và thách chúng giao chiến. Quân Peloponnese hoàn toàn bị đánh lừa và ngỡ đấy là một thảm quân bé nhỏ, bèn xông tới áp sát và móc neo sát vào họ. Ngay sau đó, khi cuộc giao tranh diễn ra, những chiến thuyền Athens còn lại ồ ạt xông vào chúng, và rồi quân Peloponnese hoảng loạn quay đầu tháo chạy.

Bấy giờ Alcibiades với 20 chiếc thuyền tốc lực cao nhất đã chọc thủng phòng tuyến địch và tấp vào bờ. Ông cho lính xuống thuyền, xông vào kẻ địch, và tàn sát khá nhiều khi chúng trốn khỏi thuyền của mình. Mindarus và Pharnabazus bấy giờ đến giải cứu, nhưng đã bị áp đảo. Mindarus bỏ mình khi đang chiến đấu dũng cảm, còn Pharnabazus tháo chạy thoát thân. Trước mặt quân Athens bây giờ là rất nhiều xác chết cùng khí giới của địch, và họ đã chiếm được tất cả số thuyền của chúng. Họ tiếp tục đột kích Cyzicus mà Pharnabazus đã bỏ mặc nó cho số phận, và quét sạch đạo quân Peloponnese đồn trú ở đó. Thế là quân Athens chẳng những đã giành quyền kiểm soát vững chắc Hellespont, mà còn đuổi sạch quân Sparta ra khỏi vùng biển lân cận nữa. Họ cũng chặn được một bức thư thông báo thảm họa này gửi cho các quan ngự sử được viết theo phong cách “súc tích” đặc thù. Nó viết: “Thuyền mất: Mindarus chết: lính đói: không biết làm gì.”

29. Những binh lính phục vụ dưới trướng Alcibiades bấy giờ trở nên phẫn khích và tự mãn đến nỗi không muốn hòa nhập với đại quân nữa; họ lấy làm hãnh diện rằng những người khác đã thua hết lần này đến lần khác, riêng họ bất khả chiến bại. Trước đó chưa lâu lắm, Thrasyllus từng bại trận tại Ephesus và người Ephesus đã dựng một đài chiến tích bằng đồng để ghi lại mối nhục của quân Athens. Thất bại này khiến cho binh lính của Alcibiades nhiech móc người của Thrasyllus thậm tệ, đồng thời họ cũng khoe khoang về bản thân và tướng quân của mình đến mức thậm chí từ chối huấn luyện chung với người khác hoặc ở chung doanh trại với họ. Tuy nhiên, khi Pharnabazus với một lực lượng bộ binh và kỵ binh hùng hậu tấn công quân Thrasyllus, vốn đang tiến hành một trận đột kích trên lãnh thổ Abydos, Alcibiades đã đưa quân đến tiếp ứng, đánh tan quân Pharnabazus, và hội quân cùng Thrasyllus, tiếp tục truy kích chúng đến gần tới. Bằng cách này hai đội quân đã hòa thuận trở lại,

kết thân với nhau và phấn chấn tinh thần trở về doanh trại. Hôm sau, Alcibiades lập đài chiến tích và cho quân cướp phá lãnh thổ của Pharnabazus mà không gặp phải bất kỳ sự kháng cự nào. Ông thậm chí đã bắt được vài tư tế và nữ tư tế, nhưng sau đã thả họ đi mà không hề đòi tiền chuộc.

Thành phố Chalcedon đã trở mặt với Athens và tiếp nhận một vị thống đốc Sparta cùng đơn vị đồn trú của người đó. Khi Alcibiades đưa quân tấn công nó, ông mới hay rằng cư dân đã thu gom mọi thứ ở xứ mình mà có thể bị cướp phá và ký thác cho người Bithynia, vốn là bạn của họ. Ông bèn hành quân đến biên giới Bithynia và phái một sứ giả đi trước để xem xét trách nhiệm của dân chúng về việc này. Người Bithynia kinh hãi khi ông đến, liền giao nộp lại tài sản, và lập giao ước hữu hảo với ông.

30. Trong khi ông tiến hành chia cắt⁽⁵⁸⁴⁾ Chalcedon bằng một bức tường nối liền hai biển, Pharnabazus đã đến với một đạo quân để phá vây, và đồng thời thống đốc Sparta là Hippocrates đưa lực lượng ra khỏi thành phố và tấn công quân Athens. Alcibiades bấy giờ dàn quân đương đầu với hai kẻ thù cùng lúc; ông buộc Pharnabazus phải lui binh đầy nhục nhã, đánh bại và giết chết Hippocrates cùng nhiều quân của ông ta.

Đoạn ông dong buồm vào Hellespont để quyên tiền từ các thành phố ven biển và cũng để chiếm lấy Seiymbria⁽⁵⁸⁵⁾ nơi ông mạo hiểm tính mạng mình hết sức không cần thiết khi làm thế. Có một nhóm người trong thành phố sẵn sàng giao nộp nó, và họ đã đồng ý ra hiệu cho ông bằng cách vẫy một ngọn đuốc sáng vào giữa đêm. Tuy nhiên, họ buộc phải làm việc này trước giờ đã định, vì sợ ai đó trong họ chột trở mặt, cho nên ngọn đuốc liền được vẫy trước khi quân Athens kịp chuẩn bị. Thấy vậy, Alcibiades đã điếm 30 quân theo mình xông vào thành, lệnh cho lực lượng còn lại theo sau tiếp ứng càng nhanh càng tốt. Cổng thành mở

toang để ông cùng 30 bộ binh lao vào trong thành phố, được 20 nghìn binh khác yểm trợ, nhưng ông tức khắc nhận thấy một toán quân Selymbria với đầy đủ khí giới đang dàn hàng dưới đường phố để chặn ông. Đứng lại chiến đấu là điều vô vọng, nhưng với một người có bản tính như ông và chưa bao giờ bị thất bại một chiến dịch nào cho đến lúc ấy, rút lui cũng là chuyên không thể tưởng tượng. Vì vậy ông cho thổi hồi kèn kêu gọi yên lặng, và lệnh cho một trong những người có mặt ở đó chính thức tuyên bố rằng Selymbria từ nay không được cầm vũ khí chống lại Athens. Tuyên bố này đã làm nguội nhuệ khí của một số người Selymbria, khi họ hình dung kẻ thù hiện đang bao vây thành phố từ khắp các hướng, trong khi một số khác được khích lệ với niềm hy vọng về việc đi tới một thỏa thuận hòa bình, và giữa lúc hai bên đứng đối diện nhau thương lượng, quân đội của Alcibiades đã kéo tới. Ông xét thấy, hóa ra là đúng, rằng người Selymbria đang muốn hòa bình, nhưng ông e cánh quân Thrace có thể cướp phá thành phố. Có nhiều người đang phục vụ dưới trướng ông là lính tự nguyện bởi thiện ý và sự gắn bó cá nhân với Alcibiades. Vì thế ông lệnh cho tất cả binh lính đứng ở ngoài thành và đồng ý với lời thỉnh cầu của người Selymbria không tàn phá thành phố họ; ông không làm gì khác ngoài việc buộc họ nộp một số tiền, rồi cắt cử một đơn vị đồn trú và rời đi.

31. Trong khi ấy, các tướng Athens đang bao vây Chalcedon đã xác lập một thỏa thuận với Pharnabazus theo những điều kiện sau. Họ được trả một số tiền; Chalcedon sẽ một lần nữa thần phục Athens; lãnh thổ của Pharnabazus sẽ không bị tàn phá, và bản thân Pharnabazus sẽ hộ tống an toàn cho một phái đoàn Athens tiếp kiến Vua Ba Tư. Cho nên khi Alcibiades trở lại từ Selymbria, Pharnabazus yêu cầu ông cũng phải thể tuân thủ những điều kiện này, nhưng Alcibiades từ chối thể trừ phi chính Pharnabazus làm như vậy.

Khi thỏa thuận đã được xác nhận bằng lời thề, Alcibiades tiến quân đến Byzantium đang nổi dậy chống lại Athens, và bao vây tường thành phố này.⁽⁵⁸⁶⁾ Bấy giờ Anaxilaus, Lycurgus, và nhiều người khác đề nghị trao thành phố cho ông với thỏa thuận sơ bộ là nó sẽ không bị cướp phá. Alcibiades để cho tin đồn lan truyền rằng ông bị triệu đi do nhiều diễn biến đáng ngại ở Ionia và đã lên đường cùng toàn bộ thủy đội vào ban ngày. Rồi trong đêm đó ông bí mật trở lại, đưa bộ binh cập bờ, và lặng lẽ tiến vào thành phố. Cùng lúc đó thủy đội Athens đã đến gần hải cảng và mở lối xông vào với rất nhiều tiếng hò hét và náo động âm ỉ. Sững sốt trước cuộc đột kích bất ngờ, người Byzantine bàng hoàng, và do đó mở ra cơ hội để phe thân Athens đưa Alcibiades vào dễ dàng, giữa lúc ai nấy đều hối hả chạy xuống cảng và lên thuyền. Tuy nhiên, họ đã không chiếm được thành phố mà không phải giao chiến. Quân Peloponnese, Boeotia, và Megara đóng ở Byzantium đã đánh tan tác đội quân đổ bộ và xua họ trở lại thuyền, và khi phát hiện thấy quân Athens đã ở trong thành phố, chúng bèn bài binh bố trận và tiến đánh họ. Cuộc giao chiến ác liệt diễn ra, nhưng Alcibiades bên cánh phải và Theramenes ở cánh trái rốt cuộc đã giành phần thắng và họ bắt sống khoảng 300 kẻ địch.

Sau trận đánh, không một công dân Byzantine nào bị tử hình hoặc lưu đày. Đây là những điều kiện chung mà quân trong thành yêu cầu và được chấp thuận khi đầu hàng, và họ không đòi hỏi bất kỳ biệt đãi nào cho mình. Vì lý do này, khi sau này Anaxilaus bị xét xử tại Sparta vì tội phản bội, ông ta có thể chứng tỏ rõ ràng rằng mình không làm gì đáng hổ thẹn cả. Ông ta biện hộ rằng mình không phải người Sparta mà là người Byzantine, và rằng không phải Sparta mà là Byzantine mới bị đe dọa: ông ta thấy thành phố đã hoàn toàn bị vây khốn, đến nỗi không thể đưa gì vào trong, và rằng quân Peloponnese và Boeotia đang ăn sạch nguồn lương dự trữ còn lại, trong khi người Byzantine cùng vợ con họ đang chết

đói. Những gì ông ta đã làm không phải là giao nộp thành phố cho kẻ thù, mà là cứu nó khỏi nạn binh đao cùng tất cả nỗi kinh hoàng gắn liền, và theo đó ông ta đã noi gương những người Sparta cao quý nhất, mà với họ thì lợi ích đất nước là tiêu chuẩn tuyệt đối của danh dự và công lý. Khi nghe mấy lời này, người Sparta đã không khỏi khâm phục và miễn mọi tội danh.

32. Giờ thì rốt cuộc Alcibiades đã lại không tìm được nổi nhớ quê hương bản quán, và hơn thế là muốn để cho đồng hương chúng kiến các vinh dự ông có được từ các chiến thắng vẻ vang trước kẻ thù của mình. Và thế là ông căng buồm trở về,⁽⁵⁸⁷⁾ với một hàng dài những thuyền Athens được trang trí từ mũi tới đuôi bằng các tấm khiên và chiến lợi phẩm. Chúng dạt theo sau nhiều thuyền bè chiếm được, và mang một số lượng lớn hơn nữa những hình đầu người ở mũi các chiến thuyền đã bị Alcibiades tiêu diệt và đánh đắm. Có không dưới 200 cái cả thảy.

Duris xứ Samos,⁽⁵⁸⁸⁾ người tự nhận là một hậu duệ của Alcibiades, cho chúng ta hay một vài chi tiết thú vị hơn. Ông ta nói rằng những tay chèo của Alcibiades chèo theo một bản nhạc được diễn tấu bởi Chrysogonus, nhà vô địch thổi sáo tại đại hội thể thao Pythian. Người giữ nhịp là diễn viên bi kịch Callipides, cả hai đều diễn tấu trong y phục áo chên bông chùng và áo choàng pháp phối khá chuyên nghiệp, và ông ta kể, thuyền của Alcibiades dẫn đầu, tiến vào cảng với một cánh buồm đỏ tía giương cao, như thể ông đang dẫn đầu một đám đông nhiệt náo sau một tiệc rượu nào đó. Tuy nhiên, các tác giả Theopompus, Ephorus, lẫn Xenophon đều không đề cập các chi tiết này, và dường như khó có khả năng Alcibiades đã làm bộ tịch vậy với người Athens, xét đến việc ông đang trở về sau thời kỳ lưu đày và đã trải qua bao nỗi bất hạnh. Trái lại, khi cập thuyền vào cảng Munychia, ông bị xâm chiếm bởi những nỗi lo lắng bất an, và lúc đến nơi, ông đứng đợi trên thuyền chứ không bước xuống cho

đến khi ông bắt gặp người anh họ Eurypolemus cùng nhiều bạn bè và họ hàng trên bờ, khi họ đứng đợi để chào đón và tung hô ông.

Lúc ông lên bờ, mọi người hầu như không để mắt đến những vị tướng khác, mà chạy ồa đến xúm quanh Alcibiades, hò reo và ôm chặt ông. Khi họ hộ tống ông trên đường, một số người chen tới gần đeo vòng hoa cho ông và số còn lại dán mắt vào ông từ đằng xa, người già chỉ tỏ ông với người trẻ. Những giọt nước mắt hòa lẫn niềm hân hoan khi mọi người nhớ về các nỗi bất hạnh đã qua và so sánh với niềm hạnh phúc hiện tại, vì họ nghĩ rằng mình ắt hẳn không bao giờ phải gánh chịu tai họa Sicily hoặc những nỗi thất vọng tột cùng khác nếu như họ để cho Alcibiades chỉ huy cuộc chinh phạt ấy và để ông lãnh đạo chính sự. Có thể nói, ông đã thấy Athens gần như bị hất chân ra khỏi đại dương, trong khi trên đất liền là sự chia bè rẽ phái ác liệt diễn ra bên trong bốn tường thành; từ những mảnh vụn khốn khổ và thảm thương này của vinh quang quá khứ ông đã vực dậy nó trở lại, và không chỉ khôi phục uy thế thống trị trên biển, mà còn giúp nó đánh thắng mọi kẻ thù trên đất liền.

33. Sắc lệnh cho ông hồi hương đã được thông qua⁽⁵⁸⁹⁾ theo sáng kiến của Critias, con trai của Callaeschrus, và ông ta có nhắc lại điều mình đã làm cho Alcibiades trong những vần thơ bi thiết:

Sắc lệnh triệu hồi ông là do tôi; đầu tiên tôi đề đạt nó với dân chúng, soạn thảo, viết ra, và ban hành thành luật.

Dấu triện được in lên lời tôi, và tiếp theo là chuẩn y.

Chẳng bao lâu sau khi ông trở về, người Athens đã họp hội đồng ở Pnyx, tại đây Alcibiades nói chuyện với họ. Ông kể lại trong nước mắt những bất hạnh của mình, nhưng tuyệt nhiên không trách cứ mọi người

trừ những chuyện nhỏ nhặt và ông dùng lời lẽ nhã nhặn với họ. Mọi rắc rối gặp phải ông đều quy cho số phận không may và một ác thần cứ bám riết lấy mình. Tiếp đến ông nói dài hơn về những hy vọng hảo huyền mà kẻ thù của Athens ấp ủ, và sau cùng, ông cho họ các lý do để vững dạ và vực dậy tinh thần. Họ đáp lại bằng việc đội vương miện bằng vàng lên đầu ông và bầu ông làm tướng với quyền thống lĩnh tuyệt đối trên bộ và biển. Họ cũng ra lệnh hoàn lại tài sản của ông, các Sứ giả và nhà Eumolpidae rút lại những lời nguyên rủa đã trút lên ông theo yêu cầu của mọi người. Trong khi mọi người khác thu hồi những lời nguyên rủa, thượng tế Theodoras tuyên bố, “Nếu ông ấy không gây hại cho thành bang thì tôi không đòi nào nguyên rủa ông ấy.”

34. Nhưng ngay cả khi ngôi sao chiếu mệnh của Alcibiades tỏa sáng rực rỡ đến thế, một số người vẫn lấy làm bất an bởi thời điểm ông chọn để trở về. Ông cập cảng vào đúng ngày lễ hội Plynteria của Athena đang được cử hành, đó là nghi lễ thanh tẩy tượng nữ thần ở Acropolis. Các tư tế chủ sự, nhà Praxiergidae, tiến hành nghi lễ này ở nơi cực kỳ ẩn mật vào ngày 25 tháng Thargelion, khi họ thay các lớp áo choàng của nữ thần và đập bức tượng lại. Vì lý do này, người Athens coi đây là ngày kém may mắn nhất trong cả năm để làm bất cứ chuyện gì, và hơn nữa nữ thần không hề ân cần chào đón Alcibiades và tỏ ra thiện ý, mà hình như đã giấu mặt và không chấp thuận ông. Bất kể điều này, mọi việc tiếp tục diễn ra như Alcibiades mong muốn và 100 chiến thuyền được bố trí nhân lực để ông một lần nữa ra khơi. Tuy nhiên, vào lúc này một khát vọng tao nhã đã xâm chiếm ông và giữ chân ông ở nhà cho tới khi Nghi lễ bí truyền Eleusis diễn ra.

Từ khi Decelea được củng cố, kẻ thù đã có mặt ở đó để kiểm soát các lối vào Eleusis, và người Athens đành phải đưa đám rước lễ đi đường biển, làm mất đi mọi vẻ tráng lệ thường ngày, đến nỗi những màn hiến

tế, vũ điệu, và nhiều nghi lễ thiêng liêng thường diễn ra trên đường phố khi Iacchus hộ tống Eleusis đã nhất định bị lược bỏ. Alcibiades cảm thấy sẽ là một cử chỉ rất hay, mà sẽ lập tức thể hiện lòng sùng tín thần linh và nâng cao tên tuổi mình trong mắt dân chúng, nếu ông có thể trả lại cho lễ hội này thể thức truyền thống của nó bằng cách cho bộ binh hộ tống đám rước đi đường bộ ngay trước mắt kẻ thù. Bằng cách này ông hoặc sẽ làm bẽ mặt Agis nếu nhà vua không hành động, hoặc nếu ông ta tấn công, Alcibiades sẽ mở cuộc thánh chiến vì đại nghĩa được các thần linh hậu thuẫn nhằm bảo vệ những lợi ích cao cả và thiêng liêng nhất, trước mọi con mắt quan sát của quê nhà và tất cả đồng bào sẽ là nhân chứng cho lòng quả cảm của ông.

Khi đã quyết định việc này và thổ lộ kế hoạch của mình với gia tộc Eumolpidae và các Sứ giả, ông bố trí lính canh trên các cao điểm, cử một đội hộ tống vào lúc rạng đông, và rồi sắp xếp các tư tế, tân tòng, và người khai tâm vào giữa hàng người, ông dẫn đầu họ đi theo đường phố đến Eleusis trong trật tự trang nghiêm và thỉnh lặng hoàn toàn. Quang cảnh tôn nghiêm và mộ đạo đến mức những người không bị nổi gan ghét làm cho mù quáng đã nói rằng ông chẳng những là vị tướng tài ba mà còn là một thượng tế và người khai tâm của Nghi lễ bí truyền. Kẻ thù đã không dám tấn công, và ông đưa đoàn người an toàn trở về Athens. Vụ này đã khích lệ tinh thần ông rất nhiều, và nó khiến binh lính ông vững tin rằng dưới sự chỉ huy của ông họ sẽ trở nên vô địch và bất khả chiến bại. Ảnh hưởng của ông với những tầng lớp thấp kém và nghèo khổ hơn trở nên mạnh mẽ đến nỗi họ tràn đầy niềm mong đợi lạ thường là được ông trị vì như một nhà tổng tài: một số đã đề đạt nguyện vọng ấy và thực tế đã đến gặp ông để hối thúc ý tưởng này. Họ muốn đặt ông vào một vị thế mà sự đổ kỵ không thể với tới. Bấy giờ ông có thể quét sạch những sắc lệnh và điều luật mà ông thấy không phù hợp và tống khứ đám ba hoa to mồm

đang chuốc độc cho thành phố, và ông sẽ được tự do hành xử mà không phải dè chừng đám chỉ điểm.

35. Chúng ta không biết bản thân Alcibiades nghĩ gì về chế độ tổng tài. Nhưng tất nhiên những công dân lỗi lạc nhất lúc bấy giờ rất ghê sợ nó và tỏ ra cực kỳ nóng lòng mong ông ra khơi sớm nhất như có thể. Họ bỏ phiếu tán thành mọi việc ông muốn làm, kể cả việc ông chọn ai làm đồng sự. Thế là ông giương buồm ra đi⁽⁵⁹⁰⁾ với 100 thuyền và tấn công Andros. Ông đánh tan cư dân và quân đội Sparta đóng ở đó, nhưng ông không chiếm thành phố, và đây trở thành tội danh đầu tiên trong số những cáo buộc mới mà kẻ thù áp đặt lên ông.

Quả vậy, nếu từng có người bị hủy hoại bởi danh tiếng của chính mình thì đó là Alcibiades. Sự thành công lặp đi lặp lại đã biến ông thành một tấm gương sáng ngời về dũng khí và mưu lược đến mức bất kỳ thất bại nào đều bị quy cho thiếu ý chí cầu thắng, và người ta không đời nào tin vào việc ông có thể thiếu khả năng, vì họ tin rằng không điều gì mà ông thật sự muốn mà lại nằm ngoài tầm tay ông. Họ tự tin chờ đợi tin tức chiếm được Chios và toàn bộ vùng duyên hải Ionia, và họ bực bội khi nghe rằng Alcibiades đã không lập tức đạt được mọi mục tiêu của mình chỉ để đáp ứng lòng mong mỏi ở họ. Đặc biệt, họ không bao giờ ngừng lại để nghĩ về cảnh thiếu tiền của ông. Ông đang đánh nhau với những kẻ được Vua Ba Tư trả lương, và chính thực tế này đã nhiều lần buộc ông phải rời đại bản doanh đi kiếm tiền và khẩu phần cho người của mình. Tình cảnh thiếu thốn này đã là nguyên nhân trực tiếp cho tội danh sau cùng và có tính quyết định áp vào ông. Lysander đã được người Sparta cử làm chỉ huy thủy đội của họ, và ông ta đã thành công trong việc thuyết phục Cyrus tăng mức trợ cấp cho quân lính từ 3 lên 4 obol một ngày, trong khi Alcibiades, vốn dĩ đã khó duy trì được thậm chí là mức 3 obol, đã buộc phải đi thuyền đến Caria để quyên tiền. Antiochus được ông để

lại nắm quyền chỉ huy, là một hoa tiêu giỏi nhưng có gia thế thấp kém và hoàn toàn thiếu năng lực suy xét. Ông ta đã nhận nghiêm lệnh của Alcibiades là không mạo hiểm giao tranh nói chung, cho dù kẻ thù có khiêu chiến đi nữa, nhưng ông ta xác xược làm ngơ những chỉ thị của ông đến mức đã bố trí binh lực cho chiến thuyền của mình cùng một chiến thuyền khác và tiến thẳng đến Ephesus. Ông ta cho thuyền vượt qua trước mũi thuyền địch, hò hét chửi rửa thô bỉ và làm các chỉ lãng mạ. Ban đầu Lysander chỉ cử một vài thuyền đuổi theo ông ta, nhưng khi quân Athens kéo đến cứu viện Antiochus ông này bèn tung toàn bộ thủy đội vào trận và giành thắng lợi hoàn toàn. Lysander giết Antiochus, đoạt được rất nhiều thuyền và dựng một đài chiến tích. Ngay sau khi Alcibiades nghe tin này liền quay lại Samos, đưa toàn bộ lực lượng ra khơi nghênh chiến với Lysander. Nhưng người Sparta đã hài lòng với chiến thắng vừa đạt được và không còn lòng dạ nào muốn đối đầu với ông nữa.

36. Trong số các kẻ thù của Alcibiades ở quân đội có Thrasybulus, con trai của Thraso, một đối thủ đặc biệt đáng gờm, bấy giờ đã lên thuyền đến Athens để hạch tội ông. Ông ta khơi dậy nỗi tức giận của dân chúng với lời tuyên bố rằng chính Alcibiades là người đã hủy hoại sự nghiệp và vứt bỏ thủy đội của họ bằng việc lạm dụng quyền hành của mình. Thrasybulus nói tiếp, Alcibiades đã giao quyền chỉ huy cho những kẻ giành được sự tin cậy của ông chỉ nhờ tài nhậ nhệ và kể lại mấy câu chuyện thêu dệt của cánh thủy thủ, vì ông muốn rảnh tay đi lòng vòng kiếm tiền để thỏa sức vung vít vào các cuộc chơi bởi trác táng với mấy ả điểm ở Abydos và Ionia, và tất cả những trò này đã diễn ra sát nách thủy đội địch. Kẻ thù cũng tìm ra lỗi của Alcibiades liên quan đến pháo đài ông đã xây gần Bisanthe ở Thrace mà theo lời họ là ông định dùng làm nơi ẩn náu trong trường hợp không thể hoặc sẽ không sống ở Athens

nữa. Những cáo buộc này đã có tác động đến người Athens, họ chứng tỏ sự bất bình và oán giận bằng cách bổ nhiệm những tướng lĩnh khác thay ông. Khi biết điều này, Alcibiades hoảng sợ và rời bỏ doanh trại vĩnh viễn. Ông tuyển mộ một lực lượng lính đánh thuê và tự mình mở chiến dịch chống lại những bộ lạc Thracia, vốn không thừa nhận bất kỳ vị vua nào. Ông thu được nhiều tiền từ các tù binh bị ông bắt giữ, và đồng thời giải cứu người Hy Lạp sống ở vùng biên cương khỏi những cuộc đột nhập của quân rợ.

Hai năm sau chiến trường chính đã chuyển đến Aegospotami,⁽⁵⁹¹⁾ nơi những tư lệnh kế vị như Tydeus, Menander, và Adeimantus trú đóng với toàn bộ thủy đội mà Athens có thể huy động lúc bấy giờ. Họ đã hình thành thói quen mỗi ngày lúc bình minh vừa ló dạng là xua quân đi đánh Lysander lúc bấy giờ có thủy đội đang neo đậu tại Lampsacus, và thách ông ta giao chiến. Rồi họ dong thuyền trở về nghỉ ngơi suốt ngày trong bờ, làm ngơ mọi nguyên tắc và không màng bố trí ngay cả một trạm gác, như thể họ khinh miệt đối thủ vậy. Alcibiades bấy giờ sống trong pháo đài gần đó,⁽⁵⁹²⁾ chẳng thể giương mắt nhìn mà không để ý tới thái độ khinh địch của họ, bèn phi ngựa tới cố gắng cảnh báo các vị tướng. Ông bảo rằng họ đã chọn chỗ đóng quân rất bất lợi; không hề có hải cảng hay thành phố nào gần đó, quân nhu của họ phải được áp tải cả quãng đường từ Sestos, và binh lính mỗi khi cập bờ thì được mặc sức đi lang thang khắp miền nông thôn: trái lại thủy đội địch neo đậu đối diện họ thì được huấn luyện để lắng lạng phục tùng mệnh lệnh của một người duy nhất.

37. Các tướng lĩnh bỏ ngoài tai lời khuyên dòi thủy đội đến Sestos và mọi cảnh báo khác của Alcibiades, và Tydeus thậm chí còn thẳng thừng nhục mạ ông và bảo ông biến đi, vì bây giờ đã có những người khác chỉ huy. Alcibiades đành cáo từ họ, ngờ rằng đã có sự phản bội đang diễn ra.

Ông bình luận với mấy người bạn đang hộ tống ông rời doanh trại rằng, nếu ông không bị các tướng lĩnh lãng mạ nặng nề như vậy, hẳn ông đã buộc quân Sparta nội trong vài ngày hoặc mất thuyền hoặc phải đánh một trận trên biển dù muốn hay không. Một số người nghĩ đây chỉ là điều bộ ra về anh hùng mà thôi, nhưng số khác tin ông có thể làm được điều mình nói, nếu ông đưa tới đây lực lượng khinh binh và kỵ binh hùng hậu của mình, họ có thể tấn công doanh trại Sparta từ phía đất liền khiến nó bị rối loạn.

Dù sao đi nữa, kết quả đã sớm chứng tỏ rằng dự đoán của ông về những sai lầm nghiêm trọng của quân Athens là quá rõ ràng. Lysander đã bất ngờ tấn công bằng đường biển, và chỉ tám trong số chiến thuyền Athens chạy thoát dưới sự chỉ huy của Conon. Số còn lại, gần 200 chiếc, bị chiếm và lai dắt đi. 3.000 lính thủy bị Lysander bắt sống và hành quyết, và trong vòng một năm⁽⁵⁹³⁾ ông ta đã chiếm được Athens, thiêu rụi thủy đội, và san phẳng Trường thành của nó.

Alcibiades bấy giờ hết sức kính sợ người Sparta, vốn đã là bá chủ khắp nơi từ đất liền đến biển cả, bèn dời doanh trại đến Bithynia. Ông đưa rất nhiều châu báu đi trước và mang theo bên mình số lượng lớn, nhưng để lại còn nhiều hơn trong pháo đài nơi ông từng sống, ở Bithynia ông lại mất nhiều tài sản vào tay người Thracia, và ông đã quyết định tìm đến triều đình Artaxerxes. Ông tính rằng ít nhất ông cũng có thể tỏ ra hữu dụng không kém Themistocles nếu nhà vua thử để ông phục vụ, và ông tin là mình có lý do chính đáng hơn để làm điều đó, vì ông sẽ trợ giúp nhà vua và đề nghị ông ấy cung cấp binh lực không phải để chống lại đồng bào của mình, như trong trường hợp của Themistocles, mà để đối phó với kẻ thù chung của họ. Ông nhận định rằng Pharnabazus sẽ là người ở vị trí thích hợp nhất để sắp xếp cuộc diện kiến an toàn giữa ông

và Vua Ba Tư, vì vậy ông đến Phrygia và ở lại với viên tỉnh trưởng, tranh thủ tình cảm của ông ta và nhận lại từ ông ta nhiều thành ý.

38. Sự đánh mất ưu thế là một đòn nặng nề giáng vào tinh thần của người Athens. Nhưng khi Lysander lần tới tước đoạt tự do của họ cũng như chuyển giao thành phố này cho Ba mươi Bạo chúa, mất họ bắt đầu mở to - giờ đây sự nghiệp của họ đã bị hủy hoại không thể bù đắp - trước nhiều hành động mà họ đã không chịu làm để tự cứu mình khi quyền lực vẫn còn nắm trong tay. Trong cơn tuyệt vọng, họ nhớ lại những lầm lỗi và đại đột đã qua, và họ ngộ ra điều tồi tệ hơn hết thảy là cơn thịnh nộ thứ hai mà họ trút lên Alcibiades. Họ đã tưởng ông qua một bên mặc dù ông không có lỗi, mà chỉ vì họ tức giận một thuộc hạ của ông đã làm chuyện ô nhục và làm mất vài chiếc thuyền, vậy mà chính họ đã cư xử đáng hổ thẹn hơn nhiều khi tước mất của thành phố vị tướng quân tài ba và lão luyện nhất họ có. Song giữa tất cả những rắc rối ấy, một tia hy vọng hãy còn le lói, rằng cơ nghiệp của Athens không bao giờ có thể hoàn toàn sụp đổ miễn là Alcibiades còn sống. Trong quá khứ, ông đã không bằng lòng sống cuộc đời an nhàn hay thụ động trong cảnh lưu đày, và bây giờ cũng vậy, nếu điều kiện cho phép, họ tin rằng ông sẽ không cam chịu giương mắt nhìn về đặc thắng của người Sparta hay sự bạo ngược của Ba mươi Bạo chúa.

Cũng không có gì đáng ngạc nhiên với việc dân chúng áp ủ những giấc mơ thế này, khi mà ngay cả Ba mươi Bạo chúa cũng chú ý đến Alcibiades và rất dụng công tìm hiểu mọi kế hoạch và hành động của ông. Sau cùng, Critias đã nhấn mạnh với Lysander rằng sự kiểm soát của Sparta đối với Hy Lạp sẽ chẳng bao giờ được bảo đảm chừng nào Athens vẫn còn là một nền dân chủ, và rằng dù Athens có nhã ý với chính thể quả đầu đến đâu đi nữa, Alcibiades cũng sẽ không bao giờ cho phép nó bằng lòng với tình trạng hiện tại chừng nào ông còn sống. Lysander vẫn đứng vững với

những lý lẽ này, cho đến khi một phái viên do chính quyền Sparta sai đến lệnh cho ông ta trừ khử Alcibiades: chúng ta không biết do họ cũng e ngại năng lực và tính táo bạo của ông, hay vì họ đang muốn lấy lòng Vua Agis.

39. Lysander bèn gửi thư yêu cầu Pharnabazus thực hiện mệnh lệnh, và Pharnabazus đã giao việc thi hành cho em trai là Megaeus và chú của mình là Susamithras. Lúc này Alcibiades đang lưu trú trong một ngôi làng ở Phrygia, nơi đây ông sống cùng nàng nhân tình Timandra. Một đêm nọ, ông mơ thấy mình đang mặc y phục của người tình, trong khi tay nàng đang giữ đầu ông và vẽ mặt ông bằng các phẩm màu và chì trắng như mặt một phụ nữ. Những tác giả khác kể rằng trong giấc mơ ông thấy cả người mình chìm trong lửa và quân của Magaeus cắt phăng đầu ông. Dù thế nào đi nữa, tất cả đều đồng ý rằng giấc mơ đã xuất hiện trước khi ông chết không lâu.

Những kẻ được phái đến giết ông đã không dám xông vào nhà, mà bao vây và phóng hỏa thiêu rụi nó. Khi Alcibiades phát hiện ra, ông thu thập hầu hết quần áo và chần chiếu trong nhà ném cả vào lửa. Đoạn ông quần áo choàng quanh cánh tay trái, và với thanh gươm trong tay phải xông qua đám lửa không hề hấn gì trước khi y phục ông bắt lửa, và đuổi quân rợ chạy tán loạn. Không một kẻ nào đứng yên hoặc cố áp sát ông mà không phải thoái lui và phóng lao bắn tên vào ông. Thế rồi Alcibiades ngã xuống, và khi quân rợ đã rút lui, Timandra tìm được thi thể ông, khâm liệm bằng y phục của mình và tổ chức một đám tang xa xỉ và danh giá nhất mà nàng có thể kham được.

Người ta kể, Timandra này là mẹ của cô điếm nổi tiếng Lais, vốn được biết là người Corinth, mặc dù trên thực tế nàng đã được đưa về như một tù binh chiến tranh từ Hyccara,⁽⁵⁹⁴⁾ một thị trấn nhỏ ở Sicily. Tuy nhiên, một số tác giả mặc dù đồng ý về những chi tiết khác liên quan đến cái

chết của Alcibiades như tôi vừa kể, nhất quyết cho rằng không phải do Pharnabazus hay Lysander hay người Sparta gây ra, mà do chính Alcibiades. Họ kể rằng ông đã quyến rũ một cô gái thuộc về một danh gia ở Phrygia và đã chung sống với nàng. Các anh trai nàng nổi trận lôi đình bởi nỗi ô nhục này, nên đang đêm phóng lửa đốt ngôi nhà Alcibiades sinh sống, và hạ gục ông, như được mô tả, khi ông xông qua đám cháy.

LYSANDER

[Mất năm 395 TCN]

TRONG KHO TÀNG của người Acanthus tại Delphi, người ta thấy có khắc câu sau: “Những chiến lợi phẩm mà Brasidas và người Acanthus mang về từ Athens.” Vì lý do này mà nhiều người cho rằng bức tượng cẩm thạch đứng ngay cạnh cửa là tạc Brasidas. Nhưng thật ra, đó là bức tượng Lysander, để tóc và râu dài theo lối cổ đại. Trái với tuyên bố của một số tác giả, sự thật thì khi người Argos cạo đầu để tang cuộc đại bại,⁽⁵⁹⁵⁾ người Sparta trái lại đã nuôi tóc dài ăn mừng chiến thắng. Cũng không phải việc gia tộc Bacchiad⁽⁵⁹⁶⁾ trông có vẻ xoàng xĩnh và khó coi sau khi họ cạo đầu (lúc tháo chạy khỏi Corinth và tị nạn ở Sparta), đã khiến người Sparta muốn nuôi tóc dài. Thật ra đây là một tập tục khác bắt nguồn từ Lycurgus. Ông ta được cho là đã nói rằng mái tóc dài tôn thêm vẻ đẹp ở người khôi ngô và khiến kẻ xấu xí trở nên đáng gờm hơn.

2. Cha của Lysander, Aristocleitus, được cho là hậu duệ của các con trai của Heracles, mặc dù không thuộc về hoàng tộc Sparta. Bản thân Lysander đã lớn lên trong nghèo khó và tỏ ra tuân thủ những phong tục của quê nhà như bất kỳ người Sparta nào. Ông cũng chứng tỏ mình có một khí khái nam tử và thờ ơ với mọi loại khoái lạc, ngoại trừ thứ niềm vui mà những người vẻ vang và thành công giành được nhờ các chiến tích của bản thân - và quả thực đó là thứ niềm vui duy nhất không làm

hồ thẹn giới trẻ Sparta khi sinh ra. Người Sparta chờ đợi các chàng trai trước hết phải hết sức quan tâm tới công luận, ghi sâu mọi lời phê bình cũng như hoan hỉ với lời khen ngợi, và bất cứ ai thờ ơ hay trơ ì với những tình cảm này đều bị khinh miệt như là kẻ thô lậu kém khí phách, hoàn toàn thiếu vắng mọi khát vọng vươn cao. Thứ tham vọng và tinh thần đua tranh này đã khắc sâu vào tâm khảm Lysander bởi nền giáo dục Sparta mà ông thụ hưởng, và sẽ là không công bằng khi quy phương diện này phần lớn do khuynh hướng tự nhiên của ông. Mặt khác, ông hình như có tính xun xoe các bậc đại nhân, điều mà ta khó lòng nhìn thấy ở một người Sparta, và sẵn lòng chịu đựng sự ngạo mạn của những kẻ quyền thế ngỗ hầu đạt mục đích bản thân, một phẩm chất mà một số người coi là góp phần đáng kể xây dựng nên năng lực chính trị ở ông. Aristotle,⁽⁵⁹⁷⁾ khi quan sát thấy những tính cách vĩ đại như Socrates, Plato, và Heracles đặc biệt có xu hướng u sầu, nhận xét rằng Lysander cũng đã trở thành nạn nhân của vẻ u sầu ấy, không phải từ ban đầu, mà là trong những năm về sau.

Tuy nhiên, sự đặc sắc nhất trong tính cách ông là mặc dù bản thân ông đã chịu đựng nghèo khổ trong danh dự, và không bao giờ bị nô dịch hoặc mua chuộc bởi tiền bạc dù chỉ trong thoáng chốc, dẫu sao ông đã mang lại cho đất nước chẳng những sự giàu có mà cả lòng khao khát về sự giàu có, và ông đã tước bỏ đi ở Sparta cái thái độ thờ ơ với tiền bạc mà bấy lâu nó hằng lấy làm hãnh diện. Điều này xảy ra vì ông đã đưa vào Sparta rất nhiều vàng bạc sau cuộc chiến với Athens, dù ông không giữ ngay cả chỉ một xu cho mình. Lần khác, khi Dionysius, bạo chúa xứ Syracuse, gửi cho các con gái của Lysander vài bộ áo dài lộng lẫy kiểu Sicily, ông đã từ chối, nói rằng e chúng sẽ khiến các con mình trông xấu xí hơn. Tuy nhiên, ít lâu sau khi ông được cử đến đây làm sứ giả, chính nhà vua này đã đưa cho ông hai bộ váy áo và bảo ông chọn bộ nào ưng ý

đem về cho con gái mình. Lần này ông trả lời hãy để cho con gái ông tự chọn lấy thì hơn, nên bèn mang về cả hai.

3. Chiến tranh Peloponnese bấy giờ đã kéo dài nhiều năm, và sau thảm họa mà người Athens đã phải hứng chịu ở Sicily thì việc họ sẽ cùng lúc đánh mất uy thế trên biển dường như khó tránh khỏi, và chuyện hoàn toàn bỏ cuộc đối với họ chỉ còn là vấn đề thời gian. Nhưng sự trở về của Alcibiades từ nơi lưu đày và việc ông nắm lại quyền lực đã làm biến chuyển tình thế hoàn toàn và một lần nữa giúp thủy đội Athens có thể đối địch ngang sức với kẻ thù. Giờ thì đến lượt người Sparta hoảng sợ và phải huy động nguồn nhuệ khí mới cho trận đánh. Họ quyết định rằng chiến cuộc đòi hỏi một vị tổng tư lệnh tài trí bên cạnh lực lượng hùng hậu, nên bèn bổ nhiệm Lysander chỉ huy thủy đội Peloponnese.⁽⁵⁹⁸⁾ Khi đến Ephesus, ông thấy thành phố này rất có thiện ý với cá nhân ông và nhiệt thành với sự nghiệp của Sparta, nhưng đang trong cảnh nghèo đói cùng cực, đứng trước nguy cơ đánh mất bản sắc Hy Lạp và bị rợ hóa bởi những lễ thói Ba Tư mà nó tiếp thu. Lý do là Ephesus bị vây quanh bởi lãnh thổ Lydia, và các tướng Ba Tư có thói quen sử dụng thành phố này làm đại bản doanh. Lysander quyết định biến nó thành căn cứ địa của mình, lệnh cho thương thuyền từ khắp bốn phương chất hàng lên đó, và tổ chức việc đóng chiến thuyền trong cảng. Bằng cách này, ông khiến cho những hải cảng Ephesus một lần nữa tấp- nập, hồi sinh hoạt động giao thương, mang lợi nhuận đến từng ngôi nhà và cửa hàng, đến nỗi từ lúc ấy, nhờ các nỗ lực của ông, thành phố bắt đầu áp ủ những hy vọng đạt được mức độ tôn nghiêm và vĩ đại mà bấy giờ nó đang tận hưởng.

4. Khi Lysander hay tin Hoàng tử Cyrus đã đến Sardis, ông liền tới đó để hội ý và than phiền về Tissaphernes. Viên tỉnh trưởng này đã được lệnh giúp người Sparta đuổi quân Athens ra khỏi vùng biển Ba Tư, nhưng có cảm giác là do ảnh hưởng của Alcibiades mà sự hỗ trợ của ông

ta tỏ ra rất hời hợt, và rằng ông ta đang bào mòn sức chiến đấu của thủy đội bởi số quân lương thâm hại mà ông ta chu cấp. Vì Tissaphernes là một kẻ bất lương và có quan hệ chẳng mấy tốt đẹp với mình, Cyrus tuyệt nhiên không thấy khó chịu khi nghe ông ta bị khiển trách và lăng mạ. Do vậy, Lysander có thể tranh thủ cảm tình của Cyrus về điểm này cũng như nhờ hành vi của ông trong các cuộc gặp gỡ hằng ngày, nhưng trên hết nhờ thái độ tôn trọng và chiều theo mà ông thể hiện trong những lần trò chuyện với Cyrus, sau cùng ông đã thu phục được vị hoàng tử trẻ này và thúc giục anh xúc tiến cuộc chiến quyết liệt hơn nữa. Khi vị chỉ huy Sparta sắp rời đi, Cyrus mở tiệc thết đãi ông và nhất mực bắt Lysander nhận một món quà kỷ niệm tình bạn của mình: ông có thể yêu cầu bất kỳ điều gì tùy thích và Cyrus sẽ không từ chối. Lysander đáp: “Hỡi Cyrus, thể theo thịnh tình nồng hậu ngài dành cho tôi, tôi xin ngài tăng lương cho binh sĩ của tôi lên 1 obol, và cấp cho họ 4 obol mỗi ngày thay vì 3.”

Cyrus rất hoan hỉ bởi tinh thần chí công vô tư của ông bèn tặng ông 10.000 daric, nhờ vậy Lysander đã tăng trợ cấp cho các lính thủy của mình thêm 1 obol mỗi người. Chẳng mấy chốc hành động này đã khiến uy tín ông lớn mạnh đến nỗi ông gần như khiến cho những chiếc thuyền Athens trở nên trống rỗng. Hầu hết lính tráng kéo đến với vị chủ nhân hào phóng hơn, còn những người ở lại thì trở nên ngã lòng và nổi loạn, không ngừng gây rắc rối với các sĩ quan của mình. Nhưng dù đã làm kẻ thù bị nhụt nhuệ khí và suy yếu qua cách này, Lysander vẫn lưỡng lự không muốn mạo hiểm với một trận thủy chiến: ông biết rằng Alcibiades là một chỉ huy hùng mạnh, vượt trội ông về quân số và cho đến lúc ấy đang sở hữu một kỷ lục các chiến thắng vô tiền khoáng hậu cả trên bộ và trên biển.

5. Không lâu sau việc này,⁽⁵⁹⁹⁾ Alcibiades đã từ Samos đi thuyền đến Phocaea, để lại viên hoa tiêu Antiochus chỉ huy thủy đội. Antiochus hiển

nhiên đã quyết làm một cử chỉ thể hiện sự can đảm của bản thân đồng thời lăng mạ Lysander. Ông ta cập cảng Ephesus với hai thuyền chiến và chèo một cách phô trương ngang qua thủy đội Peloponnese đang neo trong bờ, gây náo động âm ỉ và thốt ra những tràng cười nhạo báng. Lysander tức giận và đầu tiên thì sai vài chiến thuyền rượt theo, thế rồi khi ông thấy quân Athens kéo đến cứu viện, bèn tung thêm nhiều thuyền nữa xung trận, cuối cùng một cuộc chạm trán ác liệt đã diễn ra. Lysander đánh bại quân Athens, thu giữ 15 chiến thuyền, và dựng đài chiến tích, ngay sau đó ở Athens đã nổi lên một làn sóng thịnh nộ trút vào Alcibiades và dân chúng đã bãi chức chỉ huy của ông ta. Ông ta thấy mình bị lăng mạ và xỉ vả bởi binh lính tại Samos, và vì thế đã rời bỏ doanh trại và đi thuyền đến Chersonese. Bấy giờ trận đánh này, mặc dù tự nó không có tầm quan trọng lớn, đã trở nên nổi tiếng vì tác động của nó đến số phận của Alcibiades.

Lysander bấy giờ đã mời đến Ephesus tất cả người Hy Lạp từ các thành phố Ionia mà ông thấy có sự nổi bật về lòng can đảm và táo bạo, ông gieo vào tâm trí họ ý tưởng về các hội đồng quý tộc 10 thành viên và những cơ quan phản cách mạng mà ông lập nên sau này. Ông khuyến khích họ thành lập những câu lạc bộ chính trị trong các thành phố khác nhau và dấn thân vào chính sự, nhấn mạnh rằng ngay khi người Athens bị khuất phục họ có thể vứt bỏ các hình thức chính quyền dân chủ và trở thành những nhà cai trị chuyên chế trong xứ mình, và ông tiếp tục củng cố niềm tin của họ bằng nhiều hành động cụ thể. Tất cả những ai có quan hệ bạn bè và thân thiện với mình đều được ông đề bạt vào các công việc, chức nghiệp, hay vị trí quan trọng, và ông biến mình thành đồng lõa trong những hành động bất công và áp bức nhằm thỏa mãn lòng tham của họ. Kết quả là mọi người đều kính ngưỡng ông, cầu cạnh ông và đặt nhiều hy vọng vào ông, tin rằng chừng nào ông còn nắm quyền thì chừng

đó mọi tham vọng dù quá quắt nhất của họ sẽ đều thành hiện thực. Vì lý do này mà họ không có cảm tình với Callicratidas, khi ông ta lần đầu tiên xuất hiện trên cương vị đô đốc thủy đội⁽⁶⁰⁰⁾ kế tục Lysander; và kể cả sau khi ông ta đã tỏ ra là người hết sức gan dạ và chính trực chẳng kém gì ai, họ vẫn không ưa phong cách lãnh đạo của ông ta, vốn có nét gì đó giản dị và bộc trực rất Doric. Họ khâm phục đức hạnh của ông ta, giống như ngưỡng mộ vẻ đẹp của bức tượng của một bậc anh hùng, nhưng họ nhớ sợ trợ giúp toàn tâm toàn ý của Lysander và hoài công trông đợi sự thiên vị của ông đối với lợi ích của bạn bè mình, đến mức khi ông lên thuyền ra đi, họ thất vọng đến không cầm được nước mắt.

6. Bản thân Lysander đã làm tất cả những gì có thể để khiến những người này càng thêm bất mãn với Callicratidas. Ông cũng đã trả lại Sardis số tiền thừa mà Cyrus trao cho ông để chu cấp cho thủy đội, bảo với Callicratidas rằng ông ta phải tự mình yêu cầu điều đó nếu muốn và phải tự lập ra những thỏa thuận riêng để trả lương cho lính của mình. Cuối cùng, khi sắp sửa lên thuyền, ông gọi Callicratidas đến làm chứng rằng thủy đội mà ông chuyển giao đã là bá chủ biển khơi. Callicratidas những muốn chứng minh đây chỉ là lời khoác lác trống rỗng và láo xược, bèn vặn lại: “Nếu quả là vậy, ông có thể dong buồm đến Miletus, bảo vệ Samos ở phần phía trái ông, và chuyển giao thủy đội cho tôi ở đó. Nếu chúng ta là bá chủ biển khơi, việc gì chúng ta phải sợ đi ngang qua mặt kẻ thù tại Samos.” Lysander đáp rằng giờ đây không phải ông mà Callicratidas mới là người chỉ huy, đoạn đi thuyền đến Peloponnese, bỏ mặc Callicratidas trong thế lưỡng nan nguy cấp. Ông ta không mang tiền từ nhà theo, và cũng không thể cho phép mình bòn rút tiền bạc của những thành phố Hy Lạp ở vùng duyên hải giữa lúc họ đã trầm bệ gian khổ. Phương án duy nhất còn lại cho ông ta là đi loanh quanh gõ cửa các tướng lĩnh của vua rợ để xin tiền, như Lysander đã làm. Thật khó mà tìm

ra ai kém phù hợp với công việc này bằng Callicratidas: ông ta là người có nhiều hoài bão cao cả và coi mọi loại thất bại, miễn là ở trong tay người Hy Lạp, còn vẻ vang hơn việc phải bỏ dỡ và cầu cạnh những kẻ rợ, vốn chẳng có gì để nói ngoại trừ vàng của họ.

Tuy nhiên, tình cảnh khó khăn tột cùng đã buộc ông ta đến Lydia, ở đó ông ta lập tức gõ cửa nhà Cyrus và gửi lời nhắn rằng Đô đốc Callicratidas đã đến và mong được nói chuyện với Hoàng tử. Một lính gác cửa nói với ông ta: “Này kẻ lạ mặt, Cyrus ngay lúc này đang bận, ngài đang uống rượu,” nghe vậy Callicratidas thản nhiên đáp, “Rất tốt, tôi sẽ đứng đợi ở đây đến khi ngài uống xong.” Lần này, sau khi bị người Ba Tư đối xử như một tên ngốc và bị cười nhạo, ông ta chỉ lẳng lặng bỏ đi. Nhưng khi ông ta đến gõ cửa lần thứ hai và một lần nữa bị từ chối tiếp kiến, ông ta giận dữ quay lại Ephesus, nguyên rủa thậm tệ những kẻ đã mời gọi trước hết sự lẳng nhục của quân rợ và dạy chúng cách tỏ ra xác láo vì sự giàu có của mình. Ông ta thề với mọi người có mặt rằng ngay khi về Sparta ông ta sẽ làm mọi thứ trong quyền hạn của mình để hòa giải các thành bang Hy Lạp, sao cho họ sẽ biến thành nỗi kinh sợ với người Ba Tư và dừng việc rước quân rợ về chống lại nhau.

7. Tuy nhiên, Callicratidas, với những lý tưởng tiêu biểu cho Sparta, và đã tỏ ra xứng đáng sánh với những tâm hồn cao nhã nhất Hy Lạp về tính chính trực, lòng hào hiệp và sự can đảm, đã thua trận không lâu sau đó trong cuộc thủy chiến Arginusae⁽⁶⁰⁾ và bỏ mạng. Đây là một bước lùi tai hại, và các đồng minh vì lẽ ấy đã cử sứ giả đến Sparta yêu cầu bổ nhiệm Lysander làm đô đốc: họ tuyên bố sẽ tiếp tục theo đuổi cuộc chiến quyết liệt hơn nếu ông làm chỉ huy của họ, và Cyrus cũng gửi một thông điệp với nội dung tương tự. Bấy giờ người Sparta có luật cấm một người làm đô đốc hai lần, nhưng đồng thời họ lại nóng lòng muốn đáp ứng nguyện vọng của các đồng minh. Họ bèn phong chức đô đốc cho một người tên là

Aracus và cử Lysander⁽⁶⁰²⁾ làm phó đô đốc dưới trướng trên danh nghĩa, nhưng nắm thực quyền chỉ huy. Hầu hết những người có quyền thế và ảnh hưởng trong các thành phố Hy Lạp từ lâu đã nôn nao chờ đợi ngày ông trở lại, vì họ trông mong vào sự hậu thuẫn của ông để củng cố địa vị của mình hơn nữa ngay khi các chính thể dân chủ bị lật đổ. Mặt khác, với những người quý trọng sự trung thực và hào hiệp nơi người lãnh đạo, Lysander so với Callicratidas dường như là một nhân cách lập lờ và vô luân thường, một người luôn che đậy những nước cờ chiến trận của mình với nhiều thủ đoạn gian dối. Chẳng hạn, ông sẽ hết mực phô trương sự công chính nếu điều đó hợp với mục đích của mình, bằng không sẽ chẳng ngại ngần cho thấy rằng cứ cái có lợi nhất là cái tốt nhất: ông không tin bản thân sự thật có chút gì hay ho hơn đối trá, nhưng sẽ đánh giá chúng theo sự cần kíp của tình thế. Ông cười nhạo những kẻ một mực cho rằng hậu duệ của Heracles không nên hạ mình dùng thủ đoạn trong chiến tranh và bình luận, “Ở đâu không tìm được da sư tử, ta đành tạm vá víu bằng da cáo.”

8. Điều này được xác nhận bởi những gì ông được cho là đã làm tại Miletus. Trong thành phố ấy, bạn bè và đồng minh của ông, từng được ông hứa giúp đỡ bằng việc lật đổ nền dân chủ và hất cẳng đối thủ của họ, đã thay đổi ý định và đi đến chỗ thỏa hiệp với kẻ thù. Lysander trước mắt mọi người giả vờ hoan hỉ với sự hòa giải này và rằng ông đang xúc tiến một sự hiểu biết giữa đôi bên, nhưng trong chốn riêng tư lại bày tỏ sự phẫn nộ với những người thuộc phe mình và xúi giục họ tấn công phe bình dân một lần nữa. Thế rồi ngay khi ông nghe thấy cuộc nổi loạn bắt đầu, ông lập tức lộ diện và đưa quân vào thành, lên án những kẻ chủ mưu đầu tiên mà ông gặp, và đối xử thô bạo với họ như thể ông sắp sửa trừng phạt họ đến nơi; đồng thời ông nói với phe bình dân rằng họ chớ nên lo lắng bất kỳ điều gì, vì giờ đây ông đã có mặt. Tất cả các trò vờ vĩnh

này của ông chỉ cốt đảm bảo rằng những nhân vật hàng đầu của phe bình dân sẽ không bỏ trốn mà ở lại trong thành phố để rồi bị giết, và sự thể đã xảy ra đúng như vậy, vì tất cả những người làm theo lời Lysander đều đã bị tàn sát.

Androcleides thuật lại một câu châm ngôn của Lysander cho thấy thái độ hết mực thờ ơ của ông đối với giá trị của một lời thề. Theo lời Androcleides, nguyên tắc của ông là, với bọn con trai, đánh lừa chúng với trò súc sắc, còn cánh đàn ông thì với lời thề. Tức là ông đang bắt chước Polycrates xứ Samos, mặc dù chúng ta có thể cho rằng thật tội tệ khi một vị tướng noi gương một bạo chúa, hay một người Sparta đối xử tệ bạc với thần linh chẳng khác gì kẻ thù. Quả thực, trong hai chuyện này thì xúc phạm trời cao là tệ hại hơn cả, vì một người đánh lừa địch thủ bằng cách phá vỡ lời thề của mình cho thấy anh ta sợ kẻ thù, nhưng coi khinh vị thần mà mình đã viện ra.

9. Dù sao đi nữa, Cyrus đã cho mời Lysander đến Sardis, trao cho ông một số tiền, và hứa hẹn nhiều hơn nữa. Quả thực, để tỏ ra quan tâm, với nhiệt tình nồng bột của tuổi trẻ, Cyrus đã cam kết dốc tận cơ nghiệp cho ông nếu cha mình từ chối cấp tiền cho người Sparta, và tuyên bố rằng nếu mọi phương án đều thất bại nguyện sẽ đập nát ngai vàng mà mình vẫn ngồi khi tiếp quần thần. Sau cùng, khi sửa soạn đi gặp vua cha ở Media, Cyrus giao lại những cống phẩm từ các thành phố cho Lysander và trao quyền binh của mình vào tay người Sparta.

Cyrus ôm lấy Lysander, van nài ông đừng giao chiến với quân Athens trên biển cho đến khi mình trở về, và hứa sẽ mang về theo một lực lượng hải quân hùng mạnh từ Phoenicia và Cilicia: đoạn lên đường đi yết kiến nhà vua.

Về phần mình, Lysander không đủ mạnh để đấu một trận thủy chiến sòng phẳng với Athens, nhưng mặt khác ông không thể không làm gì với

một thủy đội quá ư hùng hậu dưới trướng mình. Ông bèn ra khơi chinh phạt vài hòn đảo và sau đó đưa quân đổ bộ Aegina và Slamis rồi giày xéo hai nơi này.⁽⁶⁰³⁾ Ông cũng đã cập bờ Attica và nghênh đón Agis từ Decelea đích thân đến gặp ông, và biểu thị cho lực quân thấy sức mạnh thủy đội của ông, với khí thế của một người có thể rong ruổi đến bất kỳ đâu tùy thích và hoàn toàn nắm quyền kiểm soát biển khơi. Mặc dù thế, khi ông phát hiện ra quân Athens đang truy đuổi, ông đã rút lui theo lộ trình khác qua các hòn đảo và trở về Tiểu Á.

Ông nhận thấy Hellespont không được phòng thủ nghiêm ngặt, bèn mở một chiến dịch phối hợp từ Lampsacus, bản thân ông tấn công từ biển với thủy đội, trong khi Thorax đột kích tường thành bằng lực quân. Thành phố bị đánh chiếm và Lysander để cho binh lính dưới quyền mặc sức cướp phá. Trong khi đó, thủy đội 180 chiến thuyền của Athens vừa mới đến Elaeus ở Chersonese, và ngay khi hay tin Lampsacus thất thủ, họ lập tức tấp vào Sestos. Ở đó họ tích trữ lương thực và tiếp tục đi dọc bờ biển đến Aegospotami, vốn nằm đối diện với quân địch vẫn đang trú đóng tại Lampsacus. Chỉ huy quân Athens là một số tướng lĩnh, trong đó có Philocles, người gần đây đã thuyết phục quốc dân thông qua sắc lệnh chặt ngón cái tay phải của tất cả tù binh chiến tranh để ngăn họ cầm giáo, mặc dù họ vẫn có thể chèo thuyền được.

10. Cả hai bên án binh bất động trong chốc lát, chờ đợi một trận thủy chiến ác liệt vào hôm sau. Lysander thật ra đã có những kế hoạch khác, nhưng ông vẫn hạ lệnh cho các thủy thủ và hoa tiêu đưa quân lên thuyền vào sớm tinh mơ, như thể họ sắp sửa giao tranh vào buổi sáng: họ vào vị trí một cách trật tự và tuyệt đối thình lặn, chờ đợi hiệu lệnh, tương tự các lực lượng lục quân cũng đã bài binh bố trận và đứng yên lặng dọc bờ biển. Mặt trời ló dạng, và quân Athens xuất hiện với toàn bộ thủy đội dàn thành phòng tuyến để nghênh chiến. Nhưng mặc dù thủy

đội Peloponnese đã chuẩn bị sẵn sàng từ lúc còn mờ tối và đã bài binh bố trận nghênh chiến, Lysander vẫn không xua quân ra: thay vì vậy ông cử những chiếc xuồng chèo đến các chiến thuyền ở vị trí tiền tiêu, với mệnh lệnh rằng họ hãy án binh bất động và giữ vững hàng ngũ chớ có xông vào kẻ địch. Và với cùng nguyên tắc ấy, khi quân Athens rút về vào khoảng giữa trưa, ông bắt quân lính phải yên vị trên thuyền đến khi hai hoặc ba chiến thuyền, được ông cử đi trinh sát, trở về báo cáo rằng quân địch đã lên bờ. Hôm sau, những thủ đoạn tương tự được lặp lại và ngày thứ ba rồi thứ tư cũng thế, cho đến khi quân Athens bắt đầu trở nên quá tự phụ và khinh địch, tin rằng chẳng có gì ngoài sự hèn nhát thuần túy đã giữ cho kẻ địch tùm tùm vào nhau ở nơi chật chội như vậy.

Đến lúc này, Alcibiades, đang sống trong một lâu đài riêng ở Chersonese, cưỡi ngựa đến chỗ quân Athens. Đầu tiên ông ta chỉ trích các tướng lĩnh vì đã đóng doanh trại trên bờ biển trống trải, nơi không có lấy một chỗ neo đậu, ở một địa thế chẳng những bất tiện mà còn thật sự nguy hiểm; và thứ hai, vì sai lầm của họ trong việc chuyên chở quân nhu suốt cả quãng đường từ Sestos đến. Họ phải men theo một con đường nhỏ dọc bờ biển đến cảng và thành phố Sestos, và ở đó họ càng cách xa kẻ địch hơn, chúng đang chờ thời cơ đến gần, và ở dưới quyền một vị tướng duy nhất, kính sợ ông ta đến nỗi mọi mệnh lệnh ban ra đều được thi hành răm rắp. Đây là lời khuyên chân thành của Alcibiades, nhưng các tướng lĩnh Athens đều bỏ ngoài tai, thậm chí một người trong đó là Tydeus đã xác xược vặn lại, “Chúng tôi mới là người chỉ huy ở đây, không phải ông.”

11. Alcibiades ngờ rằng thậm chí đã có sự phản bội nào đó đang diễn ra trong doanh trại Athens nên ông ta bèn lảng đi. Sau cùng, vào ngày thứ năm, quân Athens một lần nữa tiến ra nghênh địch rồi lại trở về với cung cách khinh mạn và bất cẩn như lễ thói bấy lâu của họ. Nhưng lần

này, Lysander ra lệnh cho các thuyền do thám rằng ngay khi họ thấy quân Athens ra khỏi thuyền, họ phải quay đầu chèo về hết tốc lực: rồi khi đến giữa eo biển, họ phải giương cao một tấm khiên đồng ở mũi thuyền làm hiệu lệnh tấn công. Bản thân Lysander đi quanh thủy đội khích lệ các hoa tiêu và thuyền trưởng, ông nhấn mạnh rằng họ phải giữ cho tất cả thủy thủ cũng như binh lính dưới trướng ở tư thế sẵn sàng, và vào giây phút hiệu lệnh được ban ra, hãy tận lực chèo về phía quân địch. Thế là khi tấm khiên được giương cao trên các thuyền cảnh giới và tiếng kèn hiệu trên thuyền đô đốc dẫn đầu vang lên, các chiến thuyền lao tới, trong khi đó các lực lượng trên bộ phi nhanh dọc theo bờ để chiếm giữ mũi đất. Vào lúc này ở Hellespont, hai lực địa cách nhau không đầy hai dặm, và các tay chèo đang chèo đi với một khí thế đến nỗi đã nhanh chóng nuốt trọn khoảng cách này. Conon, vị tướng Athens, là người đầu tiên nhận ra thủy đội của Lysander đang xông tới họ. Ông ta lập tức hét to ra lệnh lên thuyền, và trong cơn hoảng loạn cuống cuồng trước tai họa sắp giáng xuống, đã hạ lệnh, cầu khẩn, lẫn hối thúc mọi người lên thuyền. Nhưng binh lính đã tản mát khắp nơi và những nỗ lực tuyệt vọng của ông ta đã thành vô ích. Họ không bao giờ ngờ đến một cuộc tấn công, và ngay khi xuống thuyền, một số đã ra chợ, số khác đi dạo nơi thôn quê, hoặc nằm ngủ trong lều, hoặc bắt đầu chuẩn bị bữa tối, và tất cả họ chỉ vì sự thiếu kinh nghiệm của các chỉ huy mà hoàn toàn không hay biết những gì sắp xảy ra. Tiếng gào hét và mái chèo khua nước của thủy đội đang tràn tới đã vẳng bên tai họ khi Conon lẩn đi với tám chiếc thuyền, trốn khỏi tầm mắt kẻ thù và về được với Vua Evagoras ở Cyprus. Quân Peloponnese vô lấy các chiến thuyền còn lại, bắt giữ một số thuyền hoàn toàn không có người và đắm chìm một số khác trong khi các thủy thủ vẫn đang hối hả lên boong. Các binh sĩ tay không chạy tới trong hỗn loạn đã chết hết trong nỗ lực vô vọng để cứu thuyền, hoặc nếu rút lui vào nội địa thì bị kẻ

thù rời thuyền và đốn ngã khi họ tháo chạy. Lysander bắt giữ 3.000 tù binh, bao gồm các tướng lĩnh, tịch thu toàn bộ thủy đội trừ quốc thuyền *Paralus* và mấy chiếc đã trốn thoát cùng Conon. Sau khi phá tan doanh trại Athens và lai dắt thuyền của họ đi, ông kéo quân về lại Lampsacus trong tiếng kèn trống tung bừng và khúc ca khải hoàn. Ông đã thực hiện một kỳ công vang dội với nỗ lực tối thiểu. Trong khoảng thời gian chỉ một giờ ông đã đặt dấu chấm hết cho cuộc chiến, mà do tính chất dai dẳng và nhiều diễn biến bất ngờ cùng sự khó lường của cục diện đôi bên, đã làm lu mờ mọi cuộc chiến trước đó. Những cuộc xung đột và mối đe dọa đã khoác lấy vô số hình hài khác nhau và chứng kiến nhiều sự thay đổi của tình thế, và cuộc chiến đã lấy mất của Hy Lạp nhiều tướng lĩnh hơn tất cả các cuộc giao tranh trước đó cộng lại, vậy mà giờ đây nó được khép lại bởi tầm nhìn xa trông rộng và tài khéo léo của một con người. Vì lý do này một số người tin rằng thần linh ắt hẳn đã nhúng tay vào kết quả đó.

12. Có những tường thuật cho rằng hai anh em Castor và Pollux đã xuất hiện dưới hình dáng chòm sao song tử ở một trong hai bên mạn thuyền của Lysander và tỏa sáng ở đằng đuôi lái khi ông bắt đầu rời cảng truy kích kẻ địch. Số khác nói rằng tai họa này đã được báo trước khi một thiên thạch khổng lồ rơi xuống, vì có niềm tin phổ biến cho rằng một khối đá đồ sộ đã rơi từ trên trời xuống Aegospotami,⁽⁶⁰⁴⁾ và dân chúng tại Chersonese đã tỏ lòng sùng kính và đến nay còn chỉ ra được nơi rơi của nó. Anaxagoras được cho là đã tiên đoán rằng nếu những thiên thể vốn được giữ cố định trên bầu trời chợt trở nên lỏng lẻo bởi một sơ sẩy hay biến động nào đó của toàn bộ hệ thống, một trong số chúng có thể đã bị tách ra và rơi xuống Trái đất. Ông ta cũng quả quyết rằng không một ngôi sao nào hiện giờ đang ở vị trí ban đầu của nó. Theo thuyết này của ông ta, chúng là những thiên thể cấu tạo từ đá, có ánh sáng sinh ra do sự ma sát của tầng mây xoay quanh chúng, và chúng bị đẩy đi theo những quỹ đạo

cố định bởi lực hồi chuyển là thứ thoát tiên khiến chúng chuyên động; đây là lực giữ chúng khỏi rơi xuống Trái đất ở thời kỳ khi mà những thiên thể lạnh và nặng tách khỏi vật chất vũ trụ.

Tuy nhiên, có một lý thuyết giàu thuyết phục hơn thế. Những người tin vào nó bác bỏ lối giải thích rằng các sao băng được tạo ra do sự khuấy động hay khuếch tán đột ngột của tầng mây đang cháy, vốn ngay khi bắt lửa đã bị lớp không khí dưới thấp hơn dập tắt ngay, hoặc do sự cháy bởi lớp không khí này thoát lên tầng cao hơn gây ra. Họ khẳng định rằng sao băng là những thiên thể, mà vì sự dừng lại nhất thời nào đó của lực hướng tâm vốn hằng chi phối chúng đã khiến chúng trượt ra khỏi quỹ đạo và rơi xuống, không phải ở những vùng có cư dân của Trái đất, mà trong hầu hết trường hợp là ở những vùng hoang vu hoặc đại dương, và vì thế mà tác động của chúng chẳng được mấy ai chú ý.

Mặt khác, Daïmachus trong chuyên luận *On Piety* (Về lòng sùng đạo) của mình đã ủng hộ thuyết của Anaxagoras. Daïmachus xác nhận rằng một thiên thể rực lửa với kích thước khổng lồ đã được quan sát thấy trên bầu trời trong 75 ngày liên tục trước khi rơi xuống. Nó trông giống một đám mây lửa và không ở yên một chỗ, mà bị thúc đẩy theo những chuyển động phức tạp và khó đoán, khiến cho các mảnh vụn rực cháy, vỡ tan ra trong lộ trình lang thang xuống mặt đất, bắn như mưa theo mọi hướng và lóe sáng rực rỡ trên bầu trời chẳng khác gì những ngôi sao băng. Nhưng khi nó đã rơi xuống vị trí đó và các cư dân đã hoàn hồn sau nỗi bàng hoàng kinh ngạc và tụ tập xung quanh, họ hoàn toàn không thể lần ra manh mối những tác động của ngọn lửa: chẳng có gì ngoài một tảng đá, tất nhiên với kích thước đồ sộ, nhưng không có gì giống với khối lửa mà họ đã nhìn thấy trên trời.

Tất nhiên, rõ ràng là lối giải thích của Daïmachus đòi hỏi độc giả của ông cần có nhiều trí tưởng tượng. Nhưng nếu những gì ông nói là đúng,

thì nó sẽ hoàn toàn bác bỏ giả thuyết cho rằng một hòn đá nào đó, bị gió bão nhỏ bật khỏi một đỉnh núi, quăng lên không trung và cuốn đi như một con quay, và rằng nó lao xuống đất tại nơi mà chuyển động quay tít của nó thoát đầu chậm dần rồi dừng lại. Có một khả năng khác là, trong hiện tượng đã được chứng kiến rất nhiều ngày trên trời thật sự có lửa cháy, và rằng khi ngọn lửa này lụi tắt, một biến động trong bầu khí quyển đã gây ra những nhiễu loạn và gió dữ dội, và đến lượt mình chúng đã lôi tảng đá ra khỏi vị trí của nó. Tuy nhiên, sự điều tra đầy đủ về những vấn đề như vậy thuộc về một bài viết khác.

13. Sau khi 3.000 người Athens bị Lysander bắt làm tù binh bị một hội đồng liên minh đặc biệt kết án tử hình, ông đã cho mời Philocles, vị tướng của họ, và hỏi rằng ông ta nghĩ mình đáng nhận hình phạt gì về tội xúi giục đồng bào đối xử với những người Hy Lạp khác tàn bạo như vậy. ⁽⁶⁰⁵⁾ Philocles, với khí khái chẳng mảy may suy sụp bởi nỗi bất hạnh, bảo ông đừng chơi trò biện lý ở nơi chẳng hề có tòa án, mà với tư cách kẻ chiến thắng hãy cứ đưa ra đúng hình phạt mà mình ắt phải chịu vì đã bị đánh bại. Đoạn ông ta tắm rửa, khoác lên mình áo choàng trắng lệt, và dẫn đầu những người đồng hương bước tới đoạn đầu đài, tự nguyện là người chịu hành quyết đầu tiên, như Theophrastus kể với chúng ta.

Sau chuyện này, Lysander đi thuyền đến nhiều thành phố khác nhau trong vùng lân cận và lệnh cho tất cả những người Athens mà ông bắt gặp trở về Athens, và tuyên bố rằng bất kỳ kẻ nào bị phát hiện còn ở ngoài thành phố sẽ bị xử tử không từ một ai. Nước cờ này, vốn xua tất cả người Athens vào kinh đô ngay tức khắc, đã được cố tình triển khai để gây ra nạn đói kém và cảnh thiếu thốn khốc liệt ở Athens càng sớm càng tốt, và để chặn trước trường hợp phải tiến hành vây hãm một khi người Athens có thể đã được tiếp tế rất đầy đủ.

Ông cũng đàn áp cả nền dân chủ lẫn những hình thức chính quyền khác ở các thành phố Hy Lạp tại Tiểu Á và đặt một nhà cai trị người Sparta ở mỗi nơi, dưới quyền người này là 10 quan tòa được chọn từ những hội chính trị mà ông đã thiết lập khắp nơi. Ông triệt để tuân theo thể thức này trong những thành phố đã trở thành đồng minh cũng như các nơi từng chống đối ông, và với việc đi đó đây lúc nhàn rỗi, theo một nghĩa nào đó có thể nói ông đã đặt nền tảng cho uy quyền cá nhân tối cao trên toàn cõi Hy Lạp. Khi bổ nhiệm các quan tòa này, ông không chịu ảnh hưởng bởi những cân nhắc về xuất thân hay gia thế, mà đơn giản là trao quyền điều hành chính sự cho bạn bè và phe cánh của mình, trao cho họ quyền hạn tuyệt đối để phán xử việc thưởng phạt. Ông tăng thêm khí thế cho nhiều cuộc thám sát bằng sự hiện diện của mình, và góp sức hất cẳng những địch thủ của bằng hữu ông, bằng cách này đã mang đến cho người Hy Lạp một biểu hiện rất không hay về chế độ Sparta. Trên thực tế, nhà thơ hài kịch Theopompus đã chọn một hình ảnh minh họa đặc biệt lạc lõng khi ông ta so sánh người Sparta với những bà chủ quán rượu, vì họ cho người Hy Lạp nhấp thử một ngụm tự do khoái khẩu và rồi trợn giấm vào đó. Sự thật là mùi vị của nó đã đắng ngắt ngay từ đầu, vì Lysander chẳng những không cho phép người ta tự quyết lấy công việc của mình, mà sự thật còn giao các thành bang vào tay đám thành viên hung hãn và cuồng tín nhất của bè lũ đầu sỏ chính trị.

14. Sau khi đã dành chút thời gian sắp xếp những sự vụ này và gửi thư đến Sparta nói rằng mình đang ra khơi với 200 thuyền, ông bèn hội quân ở Attica với hai nhà vua Sparta là Agis và Pausanias, tự tin cho rằng sẽ sớm chiếm được Athens. Nhưng khi người Athens tiếp tục kháng cự, ông đã một lần nữa đưa thủy đội trở về châu Á. Ở đây ông thủ tiêu hiến pháp của tất cả các thành phố còn lại như đã làm ở nhiều nơi khác, và dựng lên những hội đồng 10 thành viên, xử tử nhiều công dân ở mỗi nơi và cho

lưu đầy một lượng còn nhiều hơn thế. Không lâu sau đó, ông đuổi hết cư dân Samos và giao các thị trấn trên đảo cho những kẻ từng bị trục xuất. Ông cũng lấy Sestos khỏi tay người Athens và cấm cư dân địa phương sinh sống ở đó: thay vào đó, ông chia thành phố và khu vực phụ cận cho những người đã phục vụ như các hoa tiêu và thủy thủ trưởng trong thủy đội của mình. Đây hóa ra là hành động đầu tiên của ông bị người Sparta chống đối, họ đã bắt đầu trao trả đất đai cho các cư dân của nó. Song vẫn có những biện pháp khác của Lysander giành được sự tán đồng của toàn thể Hy Lạp, chẳng hạn như khi người Aegina được trao trả thành phố của mình sau nhiều năm,⁽⁶⁰⁶⁾ và theo cách tương tự các dân tộc Melos và Scione đã được ông cho hồi hương sau khi người Athens giao lại các thành phố này và bị trục xuất.

Đến lúc này, ông biết rằng người Athens đang vô cùng khốn đốn bởi nạn đói, bèn đưa thuyền vào Piraeus và bức bách thành phố này phải chấp nhận những điều kiện ông đặt ra.⁽⁶⁰⁷⁾ Đôi khi nghe thấy dân Sparta kể rằng Lysander đã sai một phái viên đến gặp các quan ngự sử với lời nhắn “Athens đã bị chiếm,” và họ nhắn lại, “Bị chiếm hẳn là đủ.” Tuy nhiên, câu chuyện này đã được bịa ra đơn giản vì tính súc tích của nó. Sắc lệnh của các quan ngự sử thực tế đã được viết như sau: “Người Sparta đã đi đến Các quyết định sau. Hãy phá hủy Piraeus và Trường thành; rút khỏi mọi thành phố khác và lui về lãnh địa của các anh; nếu các anh tuân thủ những điều kiện này và triệu hồi người ly hương về, các anh sẽ có hòa bình nếu muốn. Về số thuyền của các anh, bất luận điều gì đã được quyết định bởi những người ở hiện trường, cứ thế mà làm.”

Người Athens chấp nhận các điều kiện này theo lời khuyên của Theramenes, con trai của Hagnon. Nghe nói dịp này ông ta được Cleomenes, một nhà hùng biện trẻ, hỏi rằng liệu ông ta có dám bằng lời nói hay hành động hủy hoại những gì Themistocles đã làm, bằng việc

dâng cho người Sparta những tường thành mà chính vị chính khách ấy đã xây lên để kháng cự trước họ. Câu trả lời của Theramenes là: “Anh bạn trẻ, tôi chẳng làm gì trái với chính sách của Themistocles cả: những bức tường nọ ông ấy đã dựng lên vì sự an toàn của Athens, chúng ta hạ xuống cũng vì sự an toàn của nó. Nếu các tường thành từng làm cho các thành phố thịnh vượng, thì Sparta hẳn phải là nơi nghèo khó hơn ai hết, vì nó không có cái nào.”

15. Vậy là Lysander đã tiếp nhận sự đầu hàng của toàn bộ thủy đội, trừ 12 chiếc thuyền, cùng những tường thành Athens. Rồi vào ngày 16 tháng Munychion,⁽⁶⁰⁸⁾ cũng là ngày kỷ niệm mừng chiến thắng trước quân rợ tại Salamis, ông bắt tay vào việc thay đổi hình thức chính quyền. Khi dân Athens thể hiện sự bất bình gay gắt và phản đối những biện pháp của ông, ông thông báo với họ rằng ông đã bắt gặp thành phố này vi phạm các điều khoản của thỏa thuận đầu hàng, vì các bức tường vẫn sừng sững ở đó, dù đã quá thời hạn mà chúng phải bị phá sập. Ông tuyên bố vì họ đã phá vỡ các điều khoản của hòa ước, nên ông sẽ giao vụ này cho các đồng minh cân nhắc lại hoàn toàn. Quả thực, một số người kể rằng một kiến nghị đã thật sự được đưa ra tại đại hội đồng minh để bán toàn bộ dân Athens làm nô lệ, và rằng vào dịp này Erianthus người Thebes đã đi xa tới mức đề nghị san bằng cả Athens và biển vùng thôn dã xung quanh nó thành đồng cỏ chăn cừu. Nhưng về sau, theo như diễn biến câu chuyện, khi các đại biểu chủ chốt họp mặt để tiệc tùng, một người đến từ Phocis đã hát lên đoạn điệp khúc mở đầu vở kịch *Electra* của Euripides, bắt đầu bằng những câu:

Hỡi Electra con gái của Agamemnon

Ta đã đến thăm cung điện đơn sơ của nàng.⁽⁶⁰⁹⁾

Đến đây toàn thể quan khách đều cúi lòng và cảm thấy thật quá quắt khi hủy diệt một thành phố huy hoàng đến mức từng sản sinh ra những con người vĩ đại như thế.

Sau khi người Athens rút cuộc đã nhượng bộ trước tất cả những đòi hỏi của Lysander, ông bèn cử đến một đội rất đông các thanh nữ thối sáo từ thành phố và tập hợp tất cả những người từng ở trong doanh trại mình. Rồi trong tiếng nhạc, ông phá sập các tường thành và thiêu rụi những chiến thuyền, trong khi các đồng minh đội vòng hoa, hò reo chúc tụng nhau, và chọn ngày này làm ngày khởi đầu của nền tự do Hy Lạp. Tiếp đến, không một chút trì hoãn, Lysander bắt tay vào việc thay đổi hiến pháp, thiết lập một hội đồng 30 thành viên ở Athens và 10 thành viên ở Piraeus. Ông còn cất cử một đơn vị đồn trú ở Acropolis và chỉ định Callibius, một người Sparta, làm thống đốc quân sự. Chính Callibius là người từng vung trượng đánh nhà đô vật Autolycus, người mà Xenophon lấy làm nhân vật chính trong tác phẩm *Symposium* của mình. Khi Autolycus chụp lấy chân anh ta và vật ngã xuống đất, Lysander không hề tỏ ra thông cảm với cơn giận dữ của Callibius, mà trên thực tế đã quở trách rằng anh ta không biết cách kiềm chế những người tự do. Tuy nhiên, nhóm Ba mươi không lâu sau đó đã xử tử Autolycus để chiều lòng Callibius.

16. Sau khi thu xếp những việc này, Lysander đi thuyền đến Thrace, nhưng ông đã gửi về quê nhà Sparta số công quỹ Athens còn lại cùng tất cả tặng phẩm và vòng hoa đã nhận. Ông giao lại tất cả những của nả này cho Gylippus, từng là chỉ huy quân Sparta ở Sicily. Đây là số tài sản khổng lồ, vì nhiều người theo lẽ tự nhiên đã tặng quà cho một người nắm giữ quyền lực to lớn như vậy, mà theo ý nghĩa nào đó là bá chủ bờ cõi Hy Lạp. Gylippus được kể là đã cất đậy các bao tải, lấy trộm một số bạc lớn ở mỗi bao rồi khâu lại, không biết rằng mỗi bao đều đã thống kê giá trị

những thứ bên trong. Khi đến Sparta, Gylippus giấu số tiền ăn trộm được dưới mái ngói nhà mình, trao số bao tải cho các quan ngục sử và chỉ rõ những dấu niêm phong trên chúng. Tuy nhiên, khi các quan ngục sử mở bao và đếm tiền, số tiền không khớp với bản kê, và họ cứ lấy làm bối rối mãi đến khi một trong những gia nhân của Gylippus tiết lộ sự thật với họ bằng lời nhận xét khó hiểu rằng có rất nhiều cú đang đậu trên mái ngói nhà chủ nhân của mình, vì rõ ràng là hầu hết những đồng tiền thời đó đều được khắc hình một con cú tượng trưng cho uy thế tối cao của Athens.

17. Bị ô danh bởi hành động thấp hèn và đê mạt này, Gylippus rời Sparta trong nhục nhã. Trái lại, những người Sparta nhìn xa trông rộng nhất, coi trường hợp này như một bằng chứng đáng lo ngại về sức mạnh hủy hóa của đồng tiền, vì lý do là chính những công dân lỗi lạc chứ không phải thường dân mới có nguy cơ bị nó hủy hoại. Họ khiển trách Lysander và kêu gọi các quan ngục sử làm thanh sạch đất nước bằng việc từ bỏ tất cả vàng và bạc mà theo họ là nguồn cơn của sự bại vong không thể tránh khỏi. Các quan ngục sử bấy giờ đã cân nhắc vấn đề này. Chính Sciraphidas, theo Theopompus, hoặc Phlogidas, theo Ephorus, là người đã quả quyết là họ không được đưa tiền đúc bằng vàng và bạc vào thành phố, mà hãy tiếp tục sử dụng loại tiền của tổ tiên mình. Bấy giờ thứ tiền truyền thống được làm bằng sắt nhúng dấm khi nung đỏ: làm thế để ngăn nó khỏi bị chế tác, vì việc nhúng dấm khiến nó trở nên giòn và khó uốn. Ngoài ra, nó còn cực kỳ nặng nề và khó vận chuyển, thậm chí một số lượng và khối lượng khổng lồ của nó cũng có giá trị rất ít. Nhiều khả năng là tất cả tiền bạc ngay từ đầu đều thuộc loại này, và thay vì tiền xu, người ta sử dụng những cái xiên làm bằng sắt hay đồng. Vì lý do này mà nhiều tiền xu mệnh giá nhỏ ngày nay được mệnh danh là *obol* (xiên), và 6

obol được gọi là 1 drachma, vì đây là số lượng lớn nhất có thể nắm được trong bàn tay.

Tuy nhiên, bạn bè của Lysander phản đối lời khuyên này và nhất quyết cho rằng nên giữ tiền lại ở Sparta. Sau cùng, người ta quyết định rằng tiền có thể được dùng cho mục tiêu công ích, nhưng bất kỳ ai bị phát hiện sở hữu nó sẽ bị xử tử. Điều đó như muốn nói rằng Lycurgus e ngại bản thân đồng tiền, chứ không phải lòng tham mà nó gây ra; và quả thực, như sự thể diễn ra, chẳng những không dập tắt thói xấu này bằng cách ngăn cấm cá nhân sở hữu tiền, mà luật pháp còn thổi bùng nó lên bằng việc cho phép hình thức sở hữu nhà nước như thế, đến nỗi việc sử dụng nó đã tỏ ra một thứ phẩm cách và vẻ vang nhất định. Một người khó lòng khinh thị đồng tiền khi thấy nó được quý trọng trong tay nhà nước, cũng như khó có thể coi rẻ thứ vốn được cả cộng đồng trân quý và nâng niu vậy như là đồ vô giá trị, vô ích với cá nhân mình. Mặt khác, tập quán cộng đồng thường in dấu lên đời sống thường nhật của cá nhân chóng vánh hơn nhiều so với những gì những khiếm khuyết hay lầm lạc cá nhân tác động lại lên cộng đồng. Khi cái toàn thể bị hư hỏng, việc những bộ phận hợp thành suy đồi theo là lẽ tất nhiên, nhưng sự hủ bại đi từ bộ phận đến cái toàn thể gặp vô vàn ngăn trở và đề kháng trong các bộ phận lành mạnh còn lại. Vì thế người Sparta đã dùng sự răn đe và luật lệ để trông chừng từng nhà dân và ngăn tiền bạc chạy vào đó, nhưng họ không có cách gì để giữ cho tinh thần mình vững vàng hay vượt lên quyền lực của nó: trái lại họ đã khắc sâu vào tâm khảm dân chúng một khao khát cháy bỏng về sự giàu có bằng việc giương nó lên như một mục tiêu cao quý và đáng phục. Tuy nhiên, tôi đã phê phán lối hành xử của người Sparta về phương diện này trong một tiểu luận khác.⁽⁶¹⁰⁾

18. Từ cửa nả cướp đoạt được, Lysander cho dựng những bức tượng đồng về mình và hai đô đốc dưới trướng mỗi người mỗi bức tại Delphi, và

ông cũng cho đúc hai ngôi sao vàng⁽⁶¹¹⁾ tượng trưng cho Castor và Pollux, bị mất tích trước trận Leuctra. Ngoài ra, trong kho tàng do Brasidas và người Acanthus mang về có một chiến thuyền bằng vàng và ngà voi dài gần 1 m, được Cyrus gửi cho Lysander như một món quà mừng ông thắng trận. Anaxandrides xứ Delphi còn kể rằng Lysander đã gửi ở đó 1 talent bạc, 52 minae, và 11 stater, một bản kê khó mà hòa hợp với những mô tả về sự nghèo khổ của ông mà chúng ta nghe từ các tác giả khác. Dù sao đi nữa, Lysander vào thời điểm này nắm nhiều quyền lực hơn bất kỳ người Hy Lạp nào trước đó, và ông gây ấn tượng rằng tham vọng và ý thức về sự ưu trội của bản thân thậm chí còn vượt cả quyền lực của ông. Như Duris kể với chúng ta, ông là người Hy Lạp đầu tiên được các thành phố Hy Lạp tôn vinh bằng cách dựng đền thờ và cử hành nghi lễ cúng tế như một vị thần, hay tán dương bằng những khúc ca khải hoàn. Một trong số đó đã được truyền lại và bắt đầu như sau:

Nào ta hãy ca lời chúc tụng
Vị chỉ huy Hy Lạp tôn kính
Đến từ bình nguyên Sparta bao la
O, Io, Paeon!

Ngoài ra, người dân Samos còn quyết định rằng lễ hội tôn vinh Hera của họ nên được gọi là *Lysandreia*. Lysander luôn giữ nhà thơ Choerilus bên mình để tán tụng những thành tích của ông bằng thơ ca, và ông hoan hỉ với Antilochus, người đã viết vài dòng trang trọng ca ngợi ông, đến nỗi đã tặng nhà thơ này một mũ đầy bạc. Khi Antimachus xứ Colophon⁽⁶¹²⁾ và một Niceratus nào đó ở Heracleia tranh tài tại lễ hội *Lysandreia* với những bài thơ viết về ông, ông đã trao giải cho Niceratus,

khiến Antimachus phật ý đến nỗi ông này đã giấu nhem bài thơ của mình. Plato, bấy giờ mới chỉ là thanh niên và hâm mộ nồng nhiệt thơ Antimachus, đã cố xoa dịu nỗi bực dọc của thi nhân thua cuộc khi nói rằng kẻ mông muội phải chịu thiệt vì sự dốt nát của mình, cũng như người mù khốn khổ vì mất đi thị lực. Tuy nhiên, khi nghệ sĩ đàn hạc Aristonous, từng sáu lần vô địch tại các kỳ đại hội thể thao Pythian, nói với Lysander bằng giọng nịnh hót tinh tế rằng nếu ông ta một lần nữa thắng cuộc, ông ta sẽ muốn sứ giả loan báo chiến thắng này dưới cái tên Lysander, nghe thế ông bèn hỏi, “Lẽ nào hãn muốn làm nô lệ của ta chăng?”

19. Với những người quyền thế và ngang hàng, tâm tính cao ngạo này của Lysander chỉ có gây phật ý mà thôi. Nhưng ngoài tham vọng ra, một thái độ ngạo mạn và nghiệt ngã cực độ đã bắt đầu manh nha trong tính cách ông, lại càng bị kích thích hơn nữa bởi sự tâng bốc không ngừng bủa vây quanh ông. Trong sự thưởng phạt ông ban ra chẳng hề có chút cố gắng nào của sự tiết chế thường có thể được nhìn thấy nơi một lãnh tụ dân chủ. Những phần thưởng ông ban phát cho bằng hữu và đồng minh mang hình thái của một uy quyền không thể bàn cãi và một chế độ hoàn toàn chuyên quyền trên các thành phố, trong khi không có gì ngoài cái chết của kẻ thù mới có thể làm ông hả giận; ngay cả án lưu đày cũng không. Một ví dụ về chuyện này đã xảy ra sau đó ở Miletus. Lysander e rằng những lãnh đạo của phe dân chủ vẫn còn hoạt động tích cực ở đó có thể thoát khỏi án lưu đày, và những kẻ khác đang trốn mà ông muốn lôi ra, bèn lập trọng thệ sẽ không làm hại đến họ. Khi người đầu tiên tin lời ông và người thứ hai lộ diện, ông liền giao tất cả họ cho phe quý tộc hành hình, với con số không dưới 800 người. Trong các thành phố khác cũng vậy, vô số thành viên dân chủ đã bị tàn sát, vì Lysander đưa họ đến chỗ chết không chỉ để trả mối tư thù mà còn để làm thỏa lòng tham và nỗi

căm thù của bạn bè mình trong mỗi thành phố, và ông đã tự biến mình thành kẻ đồng lõa với họ trong những tội ác này. Vì lý do đó, Eteocles người Sparta đã cảm thấy không thể không lên tiếng vì mọi người khi ông ta tuyên bố rằng Hy Lạp không thể có đủ chỗ cho hai Lysander. Đây cũng chính là những lời Archestratus nói về Alcibiades, như Theophrastus kể với chúng ta. Ở đây điều khiến ông này bị méch lòng là sự kết hợp giữa thái độ xác xược, lối sống xa hoa, và tính cách ương ngạnh: trong trường hợp Lysander thì đó là tâm tính cay nghiệt khiến cho quyền lực của ông bị người đời khiếp sợ và căm ghét.

Thoạt đầu người Sparta ít để ý đến những người cáo buộc ông: nhưng khi Pharnabazus trở nên phần nộ trước các trận cướp phá triền miên mà Lysander gây ra trong lãnh địa của mình, nên đã sai người đến Sparta tố cáo ông, thì các quan ngự sử cuối cùng cũng thức tỉnh. Họ bắt quả tang Thorax, một người bạn và tướng lĩnh đồng cấp với Lysander, lén sở hữu tiền và xử tử hình hắn, rồi họ gửi một bức thư giấy da đến Lysander để triệu hồi ông.

Những bức thư giấy da này được làm theo lối sau. Khi các quan ngự sử phái đi một tướng lĩnh hay đô đốc, họ chuẩn bị hai thanh gỗ hình trụ có cùng độ dài và kích cỡ, phù hợp với nhau về mọi mặt. Họ giữ lấy một thanh, thanh còn lại trao cho vị sĩ quan được phái đi, và những thanh gỗ này còn được gọi là *scytalae* (gậy mật mã). Sau đó mỗi khi họ muốn bí mật gửi đi thông điệp quan trọng nào đó, họ làm một mảnh giấy da dài và hẹp, trông như sợi dai da, và quấn nó quanh thanh gỗ hình trụ, sao cho không có khoảng trống nào giữa các vòng cuốn và toàn bộ bề mặt của *scytalae* được che phủ. Xong xuôi, họ viết thông điệp lên mặt giấy da mà bấy giờ đã được quấn quanh hình trụ, rồi họ tháo mảnh giấy da ra và gửi nó cho viên tướng ngoài mặt trận. Khi nhận nó ông ta không cách gì đọc được, vì các chữ viết không có sự kết nối mạch lạc và hiện ra một cách

hoàn toàn rời rạc, bây giờ ông ta phải quấn mảnh giấy da ấy quanh hình trụ của mình. Đường xoắn ốc lúc đó mới được sắp xếp lại thành chuỗi chính xác, các ký tự nằm đúng thứ tự ban đầu, và ông ta có thể đọc quanh thanh gỗ để hiểu thông điệp như một tổng thể liên lạc. Mảnh giấy da, cũng như hình trụ, được gọi là *scytalae*, cũng như vật được đo thường có cùng tên gọi với dụng cụ đo.

20. Khi bức thư giấy da đến tay Lysander tại Hellespont, ông thật sự hoảng sợ. Vì e ngại những lời buộc tội của Pharnabazus hơn ai hết, ông vội vàng sắp xếp một cuộc gặp với ông ta, hy vọng có thể dàn xếp những mối bất hòa giữa đôi bên. Khi gặp nhau, ông cầu xin Pharnabazus viết một thư khác về ông cho các quan ngự sử, giải thích rằng ông chưa hề bị bất kỳ tổn thất nào và cũng không có lý do gì để phàn nàn. Tuy nhiên, Lysander không hiểu rằng đây là một ca theo châm ngôn dĩ độc trị độc, hay dùng kim cương cắt kim cương. Pharnabazus hứa làm mọi điều Lysander đề nghị và công khai viết một lá thư theo như ông yêu cầu, nhưng giữ bên mình một bức thư khác mà ông ta đã âm thầm viết. Sau đó, khi đến lúc đóng dấu niêm phong, ông ta trao hai lá thư vốn trông chẳng khác gì nhau, và trao cho Lysander bức mà ông ta đã bí mật viết. Lysander cứ thế đến Sparta, đi thẳng đến Viện Nguyên lão theo đúng phong tục, và trao cho các quan ngự sử lá thư của Pharnabazus. Ông chắc chắn rằng tội danh nghiêm trọng nhất chống lại mình đã được hủy bỏ vì Pharnabazus rất được lòng người Sparta, do ông ta đã tích cực đứng về phía họ trong cuộc chiến hơn bất kỳ tướng lĩnh Ba Tư nào. Nhưng khi các quan ngự sử đọc thư và chìa nó cho ông, Lysander đã hiểu rằng:

Đâu chỉ mình Odysseus mới có quỷ kế,

và ngay lúc ấy ông phải từ nhiệm trong sự bẽ mặt tột cùng. Vài ngày sau ông gặp các quan ngự sử và bảo họ rằng ông nợ thần linh một chuyến viếng thăm và dâng lễ hiến tế tại đền thờ Zeus Ammon như đã thề trước khi ra trận. Một số người kể rằng khi ông đang vây thành Aphytae ở Thrace, vị thần đã hiện ra và đứng về phía ông trong giấc mộng, vì vây ông càng vây chặt, bởi đó là ý muốn của thần linh, và lệnh cho dân thành Aphytae cúng tế Zeus Ammon; và họ kết luận, đây là lý do khiến ông nóng lòng muốn đến Libya và làm lành với vị thần. Tuy nhiên, ý kiến chung cho rằng Lysander đang dùng thần linh như một cái cớ, vì ông thật sự e ngại các quan ngự sử và không thể chịu được kỷ luật khắc nghiệt của cuộc sống ở quê nhà, hay uy quyền của người khác. Theo họ, ông thích lang thang phiêu bạt ở những xứ miền xa lạ, như một con ngựa khát khao tự do khi đã thỏa sức nhả nha trên đồng cỏ bao la và rồi bị đưa về chuồng cho nhiệm vụ thường nhật của mình. Trên thực tế, Ephorus đưa ra một cách giải thích khác về cuộc ly hương mà tôi sẽ kể dưới đây.

21. Sau khi được sự cho phép của các quan ngự sử với rất nhiều trắc trở, ông lên thuyền ra đi. Tuy nhiên, khi ông vừa rời đi, hai vị vua mới vỡ lẽ rằng ông đã hoàn toàn nắm quyền kiểm soát các thành phố và gần như là bá chủ của Hy Lạp thông qua những hội chính trị mà ông lập ra, và vì vậy họ đã tiến hành những bước đi nhằm hạ bệ bạn bè của ông ở khắp nơi và giành lại quyền điều hành chính sự cho phe dân chủ. Nhưng các động thái này đã kéo theo nhiều sự hỗn loạn mới phát sinh. Đầu tiên người Athens⁽⁶¹³⁾ đưa quân từ pháo đài Phyle tấn công Ba mươi Bạo chúa và chế ngự họ. Lysander vì vậy đã vội vã trở về nhà và thuyết phục người Sparta đứng về phía chính thể quả đầu và trừng phạt phe dân chủ. Họ quyết định giúp Ba mươi Bạo chúa trước hết, bèn gửi đến cho họ 100 talent chiến phí và chỉ định Lysander làm tướng quân. Tuy nhiên, hai vị

vua Sparta đổ kỵ với ông và lo rằng ông có thể chiếm được Athens lần thứ hai, và do đó, họ quyết định một người trong họ sẽ đi cùng chiến dịch chinh phạt. Vậy là Pausanias ra đi, danh nghĩa là giúp Ba mươi Bạo chúa chống lại nhân dân, nhưng thật ra là để đặt dấu chấm hết cho chiến tranh và ngăn Lysander một lần nữa trở thành bá chủ Athens với sự giúp đỡ của bạn bè ông. Ông ta đã đạt được điều này một cách khá dễ dàng, và bằng việc giải hòa với người Athens và khép lại cuộc nội chiến ông ta đã dập tắt những tham vọng của Lysander. Nhưng không lâu sau đó khi người Athens đứng lên khởi nghĩa, đến phiên Pausanias bị đổ tội đã làm lợi lòng kỷ cương của chế độ quả đầu với người dân và một lần nữa để mặc cho họ trở nên ngạo mạn xác xược. Trái lại, Lysander càng trở nên nổi danh như một người sử dụng uy quyền một cách quyết liệt, không chiều theo dân chúng hay muốn giành được sự tán thưởng, mà một lòng vì lợi ích vững bền của Sparta.

22. Lysander cũng tỏ ra thô bạo và hung hăng trong cách nói năng và thường đe dọa bất cứ ai chống đối mình. Chẳng hạn, người Argos đã có cuộc tranh chấp biên giới với người Sparta và nghĩ rằng họ đã đưa ra một lý lẽ tốt hơn đối thủ. Lysander bấy giờ đặt tay lên đốc kiếm của mình mà rằng, “Kẻ làm chủ cái này có lý lẽ tốt nhất về chuyện biên giới.” Lần khác tại một hội đồng, khi một người Megara nào đó nói chuyện với ông bằng thái độ khinh nhờn, Lysander trả miếng: “Những lời này, hỡi kẻ xa lạ, cần có sự hậu thuẫn của cả thành phố đấy.” Khi thấy người Boeotia đang muốn chơi trò nước đôi với mình, ông hỏi họ rằng liệu ông nên hành quân qua lãnh thổ họ với những ngọn giáo dựng đứng hay đâm ngang tới. Một lần nữa, vào thời điểm khi người Corinth nổi dậy và Lysander đưa quân đến tường thành của họ, ông thấy người Sparta đang lưỡng lự không muốn bắt đầu công kích. Đúng lúc này thấy một con thỏ rừng nhảy vọt qua hào, tức thì Lysander hỏi, “Các anh không thấy xấu hổ khi

sợ sệt những kẻ địch lười nhác đến nỗi thỏ rừng có thể ngủ trên tường thành của họ?”

Khi Vua Agis chết⁽⁶¹⁴⁾ và để lại một em trai là Agesilaus cùng Leotychides, một thiếu niên được cho là con trai nhà vua, Lysander, vốn từng là người tình của Agesilaus, đã thuyết phục anh ta giành lấy ngai vàng với lý do anh ta đích thực là một hậu duệ của Heracles. Tôi nên giải thích, Leotychides đã bị cáo buộc là con trai của Alcibiades, người đã từng vụng trộm dâm dúi với Timaea, vợ của Vua Agis, khi đang sống lưu vong ở Sparta. Người ta kể, Agis đã tính toán ngày tháng và đi đến kết luận rằng vợ mình không thể mang thai con mình được, và vì vậy ông ta đã làm ngơ với Leotychides và sau cùng công khai từ bỏ cậu. Nhưng khi ông ta được đưa đến Heraea trong cơn bạo bệnh sau cùng và lâm chung, ông ta đã bị những lời khấn nài của chàng trai trẻ và các bạn mình thuyết phục ông ta tuyên bố trước sự hiện diện của nhiều nhân chứng rằng Leotychides là con trai chính thức của mình, và ông ta qua đời sau khi yêu cầu họ chứng thực sự kiện này trước người Sparta. Lời chứng này là một ân huệ thích đáng dành cho Leotychides. Về phần Agesilaus, mặc dù được sự ủng hộ mạnh mẽ của Lysander và có danh vọng lớn về những phương diện khác, nhưng quyền kế vị của anh ta bị lung lay dữ dội bởi Dioppeithes. Người đàn ông này nổi tiếng với tài giải nghĩa các lời tiên tri, và ông ta đã trích dẫn lời tiên tri sau để ám chỉ tình trạng què quặt của Agesilaus:

Mặc dù *người* lạnh lạnh chân tay, hỡi Sparta kiêu hãnh, hãy trông chừng kẻ trị vì *người*, Đứng để từ dòng dõi *người* xuất hiện một hoàng thân tàn tật kế vị ngai vàng: Vì bấy giờ những thử thách không ngờ tới và vô vàn gian truân sẽ đè nặng lên *người*, Và giông tố cuồng nộ của cuộc chiến sát nhân sẽ ồ ạt trút lên *người*.

Nhiều người bị dao động bởi lời tiên tri này và trông chờ Leotychides làm người kế vị chân chính, nhưng Lysander tuyên bố rằng lời giải nghĩa lời tiên tri của Diopieithes là hoàn toàn sai lạc. Ông đoán chắc ý nghĩa của nó không phải là thần linh sẽ phật lòng nếu một người khập khiễng thống trị người Sparta, mà rằng vương quốc này sẽ là một xứ sở què quặt nếu những đứa con hoang và mấy kẻ xuất thân từ đám tiện dân sẽ chia ngai vàng với các hậu duệ chân chính của Heracles. Phần vì lý lẽ này và phần vì ảnh hưởng cá nhân của ông rất mạnh mẽ, nên ông được toại ý và Agesilaus trở thành vua.

23. Ngay khi anh ta làm vua Lysander đã ra sức xúi giục anh ta mở cuộc chinh phạt vào Á châu, và nêu cao hy vọng rằng anh ta sẽ chinh phục được Ba Tư và trở thành kẻ vĩ đại nhất giữa loài người. Ông còn viết thư cho các bạn bè ở Tiểu Á nhờ họ yêu cầu người Sparta tiến cử Agesilaus làm tổng chỉ huy cuộc chiến chống quân rợ của họ. Họ bằng lòng và cử một sứ giả đến Sparta với thỉnh cầu này, vốn quả thực là một vinh dự lớn lao cho Agesilaus khi bấy giờ đang ngồi trên ngai vàng, và anh ta đã mắc nợ điều đó với không ai khác ngoài Lysander đầy nỗ lực. Thế nhưng những tâm hồn nhiều tham vọng, vốn đáng ra rất hợp để nắm quyền thống lĩnh, thường chẳng mấy khi đạt được các kỳ công chói lọi chỉ vì đổ kỵ với những người nổi danh ngang mình, bởi họ đã biến chính những người lẽ ra giúp ích cho họ thành các kinh địch về phẩm hạnh. Lần này quả nhiên Agesilaus đã đưa Lysander vào đội ngũ 30 cố vấn đồng hành với mình, định dành cho ông sự đãi ngộ đặc biệt của một người bạn thân thiết nhất. Nhưng khi họ đến Tiểu Á thì người Hy Lạp ở đó không mấy may ngó ngang đến ý kiến của Agesilaus, vì họ không biết gì về anh ta. Lysander, trái lại, vì mối giao hữu khăng khít trước đó với họ, luôn bị mọi người vây quanh trước cửa nhà hoặc đi theo ông như hình

với bóng, bởi lẽ bạn bè thì muốn cầu cạnh ông, còn những kẻ bị ngờ vực thì vì nỗi sợ sệt mà tìm đến. Và cũng như trong một vở bi kịch lắm lúc vai sứ giả hay người hầu lại là vai chính và trở thành trung tâm của sự chú ý, trong khi người đội mũ miện và mang vương trượng thì lời nói thậm chí chẳng được ai nghe, vậy là trong trường hợp này toàn bộ thanh thế của cương vị chỉ huy đã tập trung vào vị cố vấn này, trong khi nhà vua chẳng còn lại gì ngoài cái uy quyền hư danh. Không có gì phải nghi ngờ là những tham vọng quá quắt này đã bị ngăn trở và Lysander buộc lòng phải đứng thứ hai, thế nhưng điều đáng chê trách nơi Agesilaus là đã vứt bỏ và hạ nhục người bằng hữu tương trợ cho mình rất nhiều, chỉ vì muốn vớt vát thể diện.

Trước hết, nhà vua không cho Lysander nhiều cơ hội để thể hiện mình và thậm chí đã không bổ nhiệm ông làm chỉ huy. Thứ đến, mỗi khi nhận thấy Lysander đặc biệt sốt sắng vì ai đó, anh ta sẽ luôn từ chối lời thỉnh cầu và đuổi ông về với kết quả còn tệ hơn những gì mà một người thỉnh cầu bình thường có thể có được, và bằng cách này anh ta đã âm thầm làm xói mòn và suy yếu ảnh hưởng của Lysander. Cuối cùng, khi Lysander chẳng thể đạt được bất kỳ mục tiêu nào, ông đã hiểu rằng mọi nỗ lực mình bỏ ra vì bạn bè chỉ càng gây thêm trở ngại cho lợi ích của họ. Vì vậy ông chẳng những thôi không lên tiếng giùm họ, mà còn xin họ chớ có mong đợi hoặc cầu cạnh sự giúp đỡ của ông thêm nữa, và hãy dành điều đó cho nhà vua và những người hiện đang ở cương vị tốt hơn ông để ban thưởng cho người tôn kính mình. Hầu hết người Hy Lạp khi nghe điều này đã thôi làm phiền ông với những chuyện của mình, nhưng họ vẫn tiếp tục tỏ ra cực kỳ tôn trọng ông, và trên thực tế với việc chờ đợi ông trên những lối đi công cộng và những chỗ tập thể dục, họ càng khiến Agesilaus, vốn đã đầy lòng đố kỵ Lysander trước sự tôn kính này, càng thêm bực bội hơn bao giờ hết. Kết quả là trong khi nhà vua cho hầu hết

các chỉ huy Sparta ra chiến trận và cho làm thống đốc các thành phố, anh ta đã chỉ định Lysander làm người xắt thịt tại bàn ăn của mình, và bằng cách đó miệt thị người Ionia hơn nữa khi giờ đây họ có thể đến tỏ lòng kính trọng với người xắt thịt của anh ta. Đến lúc này Lysander đã quyết định nói chuyện với nhà vua, và một cuộc trao đổi ngắn gọn và thành thật đã diễn ra. Lysander nhận xét: “Agesilaus, ngài thật biết cách làm bẽ mặt bạn mình.” Nhà vua trả lời: “Tất nhiên, nếu họ muốn vĩ đại hơn ta. Nhưng những kẻ lợi dụng quyền lực của ta có chịu thiệt chút đỉnh về chuyện đó thì cũng là công bằng thôi.” “Agesilaus,” Lysander đáp lại, “có lẽ ngài nói năng khôn khéo hơn là cách tôi xử sự. Tuy nhiên, nếu chỉ vì những người ngoại quốc đang dõi mắt theo dõi chúng ta, dám xin ngài chỉ định tôi ở một vị trí nào đó mà ngài cho rằng tôi có thể hữu ích hơn và ít khiến ngài khó chịu hơn hiện tại.”

24. Sau cuộc nói chuyện này ông được phái đến Hellespont với một sứ mệnh đặc biệt. Ở đây, mặc dù mối hiềm khích giữa ông và Agesilaus vẫn còn giày vò, nhưng ông không hề bê trễ nhiệm vụ. Ông đã thuyết phục Spithridates, một người Ba Tư thuộc dòng dõi quý tộc đang thống lĩnh một đạo quân, dấy binh chống lại Pharnabazus mà anh ta đã tuyệt giao, và đưa anh ta về dưới trướng Agesilaus. Sau sứ mệnh này không một khả năng nào của Lysander được trọng dụng trong cuộc chiến nữa, và khi nhiệm kỳ công cán đã mãn, ông trở về Sparta trong nỗi hổ thẹn. Ông không chỉ chọc giận Agesilaus, mà còn khiến cho toàn bộ hệ thống cầm quyền Sparta phẫn nộ hơn bao giờ hết, và ông đã quyết định không chút chậm trễ thực hiện những kế hoạch mang lại sự thay đổi cách mạng về hiến pháp, điều mà hiển nhiên ông đã nghiền ngẫm một thời gian trước đó.

Đây là kế hoạch của ông. Những hậu duệ của Heracles, vốn từ ban đầu đã kết thân với người Doria và định cư ở Peloponnese, tiếp tục phát triển

mạnh ở Sparta thành một bộ lạc lớn với các truyền thống vẻ vang; nhưng không phải mọi gia tộc thuộc về nó đều có thể đủ tư cách kế thừa ngôi vị, thực tế thì các quốc vương được tuyển chọn từ không quá hai gia tộc là nhà Eurypontidae và nhà Agiadae. Các gia tộc khác không có những lợi thế đặc biệt trong đời sống xã hội nhờ gốc gác quý tộc, vì các danh vọng đạt được bằng công trạng luôn dành sẵn cho tất cả những ai nhất thiết có khả năng. Lysander thuộc về một trong những gia tộc hậu duệ Heracles nằm ngoài hai gia tộc nói trên, và khi ông đã có được uy danh hiển hách với những thành tích chói lọi, kết giao nhiều bạn bè và có sức ảnh hưởng to lớn với những nỗ lực của chính mình, lẽ dĩ nhiên ông phần nộ với việc thành phố vẫn tiếp tục bị cai trị bởi đám người mà gia thế không hề hơn ông. Vì thế, kế hoạch của ông là bãi bỏ đặc quyền kế vị ngai vàng của riêng hai gia tộc này và mở toang nó cho toàn thể bộ lạc hậu duệ Heracles, hoặc theo một số tác giả thì không chỉ cho họ mà thôi, mà cho tất cả người Sparta nói chung. Bằng cách này, đặc quyền kế vị sẽ không chỉ giới hạn với hậu duệ của Heracles, mà là những người như ông, nổi bật bởi lòng can đảm và năng lực, vì chính đó là điều đã đưa ông lên tột đỉnh danh vọng. Lysander hy vọng rằng nếu ngai vàng được quyết định theo nguyên tắc này, không người Sparta nào sẽ được chọn trước ông.

25. Bấy giờ ông trước hết cố tranh thủ sự ủng hộ của những đồng hương bằng khả năng thuyết phục tài tình, và ông nghiên cứu tỉ mỉ một diễn văn về chủ đề này do Cleon thành Halicarnassus viết. Tuy nhiên, ông sớm nhận ra rằng mọi kế hoạch cải cách có ảnh hưởng sâu rộng và bất ngờ như thế đòi hỏi những biện pháp táo bạo hơn mới mong xong việc. Và thế là, cũng như trong một vở bi kịch, khi nguồn lực con người là không đủ, ông viện đến lực lượng siêu nhiên để tác động đến đồng bào mình, bằng việc thu thập và sắp xếp những lời tiên tri và các câu trả lời

bí hiểm của Apollo. Ông cảm thấy tài hùng biện của Cleon sẽ chẳng mấy hữu ích, trừ phi trước hết ông có thể đe dọa và áp chế tâm trí người Sparta với niềm thành kính tôn giáo và nỗi kinh sợ đầy mê tín trước khi cố dẫn dắt họ bằng những lý lẽ của mình.

Theo Ephorus, lúc bấy giờ trước hết ông đã thử mua chuộc nữ tư tế Pythia tại Đền Delphi; sau đó ông đã có một cố gắng hoài công nhằm thông qua Pherecles lôi kéo các nữ tư tế đền Dodona, tiếp đến ông viếng thăm đền Ammon, gặp gỡ các thầy tế ở đó và đề nghị hối lộ họ một số tiền lớn. Họ phần nộ từ chối và sai sứ giả đến Sparta tố giác ông. Lysander được miễn khỏi những tội trạng này, mà ngay sau đó, như Ephorus kể với chúng ta, người Libya đã bình luận khi rời đi, “Ồ, chí ít chúng tôi sẽ vận dụng óc suy xét tốt hơn các ông, những người Sparta, khi các ông đến sống giữa chúng tôi ở Libya,” vì họ biết rằng có một lời tiên tri cổ đã chỉ thị người Sparta định cư ở Libya. Toàn bộ những toan tính và cơ xảo trong âm mưu của Lysander, tôi nên giải thích, tuyệt không phải là chuyên vật vãn, nó cũng không hề được tiến hành mà không qua rất nhiều bước chuẩn bị; nó dựa trên một số giả định quan trọng, giống như một định đề toán học, và nó đi đến kết luận qua hàng loạt bước rất phức tạp và khó mà nói chắc được, mà để mô tả nó tôi muốn dựa theo lời kể của một tác giả⁽⁶¹⁵⁾ vốn là sử gia kiêm triết gia.

26. Có một phụ nữ ở Pontus tự nhận mình mang thai con của Apollo. Theo lẽ tự nhiên hầu hết mọi người không tin nàng, nhưng câu chuyện cũng đã được chấp nhận khá rộng rãi, bởi vậy khi nàng hạ sinh một bé trai, nhiều người đã lấy làm quan tâm đến vụ việc và nhận nuôi cậu bé, vì lý do nào đó được đặt tên là Silenus. Lysander đã thu thập những sự kiện này làm cơ sở và thêu dệt phần còn lại của câu chuyện bằng trí tưởng tượng của mình. Ông lợi dụng một số người nổi tiếng góp thêm vào giai thoại về sự ra đời của cậu bé mà không mấy may khêu gợi sự ngờ vực. Họ

cũng đem về một lời đồn đại từ Delphi và tìm cách loan truyền nó ở Sparta, với nội dung là một số lời tiên tri nào đó từ thời thượng cổ đã được khắc trên những tấm bảng bí mật và được các tư tế Đền Delphi canh giữ. Đây là những thứ bất khả xâm phạm, ngay một cái liếc nhìn cũng không được phép, trừ phi vào thời điểm đã định xuất hiện một người hạ sinh bởi Apollo, trình cho mấy người giữ đền bằng chứng xác thực về gốc gác của mình, và mang đi những tấm bảng khắc lời tiên tri. Với đường đi nước bước đã được sửa soạn như thế, Silenus rồi sẽ đứng ra giới thiệu mình là con trai Apollo và yêu cầu được cho xem các lời tiên tri, trong khi các tư tế vốn đã thông đồng từ trước sẽ chất vấn về dòng dõi của anh ta và kiểm tra cặn kẽ những câu trả lời của anh ta, và sau cùng họ sẽ tỏ ra tin rằng đây là con trai của Apollo và cho anh ta xem các bản văn. Ngay lúc ấy Silenus, trước sự hiện diện của đông đảo nhân chứng, sẽ đọc to lời tiên tri và đặc biệt là câu quan hệ đến sự kế vị ngai vàng Sparta, thực hiện mục đích mà toàn bộ kế hoạch này đã vạch ra, và tuyên bố rằng Sparta sẽ được hưởng lợi lớn nhất nếu vua của nó được chọn trong số các công dân xuất chúng nhất.

Rốt cuộc đã đến lúc Silenus thành niên và gần như đã sẵn sàng để sắm vai trò này. Nhưng bấy giờ vở kịch của Lysander đã bị đổ vỡ bởi sự hèn nhát của một trong những diễn viên hay tòng phạm với ông, đột nhiên mất can đảm và rút lui khi thời điểm diễn xuất đã đến. Tuy nhiên, mọi diễn biến ấy không bị phơi bày ra ánh sáng cho đến sau khi Lysander qua đời.

27. Ông qua đời trước khi Agesilaus trở về từ Á châu, sau khi đã tự đẩy mình, hay đúng ra đẩy phần lớn Hy Lạp, vào hiểm họa chiến tranh với Thebes.⁽⁶¹⁶⁾ Có nhiều góc nhìn khác nhau về chuyện này, một số quy trách nhiệm cho Lysander, số khác cho người Thebes và số khác nữa cho cả hai bên. Cáo buộc chống lại người Thebes cho rằng khi Agesilaus đang dâng

lễ tế thần tại Aulis⁽⁶¹⁷⁾ noi gương Agamemnon trước khi anh ta lên đường sang Á châu, người Thebes đã can thiệp và phá tan thành buổi lễ; hơn thế nữa Androcleides và Amphitheus xứ Thebes đã nhận hối lộ của người Ba Tư để kích động một cuộc chiến ở Hy Lạp chống lại Sparta và rồi người Thebes ngay sau đó đã tấn công Phocis và tàn phá lãnh thổ của nó. Mặt khác, câu chuyện kể rằng Lysander bị chọc giận trước hết vì Thebes là thành bang duy nhất đòi một phần mười chiến lợi phẩm đoạt được của quân Athens tại Decelea, trong khi các đồng minh còn lại không đòi hỏi gì, và thứ nữa vì người Thebes đã phản đối hành động gom góp tiền bạc từ Athens và đưa về Sparta của Lysander. Nhưng điều khiến ông tức giận nhất là sự kiện Thebes là thành bang đầu tiên cho người Athens cơ hội tự giải phóng mình khỏi Ba mươi Bạo chúa mà ông đã dựng lên. Mặt khác, người Sparta ủng hộ chế độ cai trị khủng bố của Ba mươi Bạo chúa bằng sắc lệnh quy định rằng tất cả những người Athens tị nạn sẽ bị trả về Attica từ bất cứ xứ sở nào họ bị phát hiện thấy, và rằng mọi thành bang chứa chấp họ sẽ bị tuyên bố là kẻ thù của Sparta. Đáp lại điều này người Thebes đã thông qua các biện pháp đối phó đáng được so sánh với những hành động vĩ đại của Heracles và Dionysus, ân nhân của loài người. Các sắc lệnh này quy định rằng mọi ngôi nhà và thành phố ở Boeotia sẽ được mở rộng với những người Athens cần nơi trú ẩn; rằng ai từ chối giúp đỡ một người Athens tị nạn chạy trốn những kẻ truy bức mình bằng vũ lực sẽ bị phạt 1 talent, và rằng nếu những người lính vũ trang hành quân qua Boeotia để chống lại Ba mươi Bạo chúa tại Athens, thì không một người Thebes nào sẽ thấy hay nghe về chuyện đó. Họ đã không dừng lại ở việc biểu quyết những sắc lệnh thật sự Hy Lạp và nhân văn đến thế, mà họ còn hành động theo tinh thần của chúng. Do vậy, khi Thrasybulus và những người ủng hộ ông này chiếm được pháo đài Phyle, họ đã hành quân từ Thebes và người Thebes đã cung cấp cho họ chẳng những vũ khí

tiền bạc và một căn cứ thích hợp cho các chiến dịch, mà còn giữ bí mật các hoạt động của họ. Đây là những cáo buộc mà Lysander trút vào người Thebes.

28. Giờ đây tâm tính ông trở nên nghiệt ngã vô đối, vì nỗi sâu muộn u uất cứ lớn dần theo năm tháng trôi đi, và vì vậy ông đã giục giã các quan ngự sử tuyên chiến, tự nắm lấy binh quyền, và lên đường ra chinh chiến. Sau đó các quan ngự sử còn phái Vua Pausanias ra đi với một đạo quân. Kế hoạch là Pausanias sẽ đưa quân đi theo đường vòng và vào Boeotia qua dãy Cithaeron, trong khi Lysander với một lực lượng lớn sẽ tiến qua Phocis để hội quân. Ông đã chiếm được thành phố Orchomenus, vốn có ý ngả về phía ông, và công phá nốt Lebadeia. Sau đó ông cử một phái viên đến gặp Pausanias nhắc ông ta đưa quân từ Plataea và hội quân với mình tại Haliartus, và hứa hẹn rằng mình sẽ đến trước tường thành Haliartus vào lúc rạng đông. Sứ giả mang thư đi đã bị vài quân thám báo bắt được và bức thư được đưa về Thebes. Người Thebes do vậy đã giao phó việc phòng vệ kinh đô của mình cho một lực lượng Athens vừa đến tiếp ứng họ. Bản thân họ đã sớm khởi hành từ chiều tà và đến được Haliartus trước Lysander một chút và đưa một phần lực lượng vào thành phố. Lysander quyết định trước hết đóng quân trên một ngọn đồi lân cận và chờ Pausanias. Tuy nhiên, khi ngày trôi qua, ông không thể án binh bất động thêm nữa, nên đã cho binh sĩ sửa soạn vũ khí, úy lạo quân đồng minh và dẫn họ theo đội hình hàng dọc men theo đường chinh tiến về tường thành. Trong khi đó, bộ phận còn lại của lực lượng Thebes, vốn còn ở ngoài thành, đã xông tới tấn công hậu quân Sparta gần con suối gọi là Cissusa, để thành phố lại cho cánh quân trái. Đây là nơi mà theo huyền thoại, hài nhi Dionysus sau khi chào đời đã được các bảo mẫu tắm rửa; dù sao đi nữa thì nước ở đây cũng có đôi chút sắc màu và vẻ lấp lánh của rượu vang, khi uống có cảm giác rất trong mát và ngọt ngào. Cây bồ đề xứ

Crete mọc tươi tốt nơi vùng lân cận này và người dân ở Haliartus coi đây như một bằng chứng về việc Rhadamanthus từng sống ở đó, và họ đã chỉ cho xem ngôi mộ của ông ấy mà họ gọi là Alea. Bên cạnh còn có ngôi mộ của Alcmene, chuyện kể rằng nàng được chôn ở đó, vì đã kết hôn với Rhadamanthus sau cái chết của người chồng đầu, Amphitryon.

Quân Thebes bên trong thành phố đã dàn trận chỉnh tề cùng với quân Haliartus và bất động một thời gian, nhưng ngay khi họ thấy Lysander dẫn đầu quân tiên phong đang tới gần tường thành, họ bất thành linh mở toang cổng và xông ra tấn công. Họ giết Lysander và thầy bói cùng một vài người đi cùng ông, nhưng phần lớn quân tiên phong đã nhanh chóng rút lui về phía đại quân. Người Thebes không chần chừ một giây đã lập tức ép tới, khiến sau cùng toàn bộ lực lượng Sparta đã tháo chạy và lẫn trốn trên những triền đồi, mất 1.000 quân. 300 người Thebes cũng bỏ mình trong cuộc xung phong, vì họ đã truy kích địch trên địa hình gồ ghề và nguy hiểm. Đây là những người từng bị cáo buộc ủng hộ người Sparta và vì háo hức muốn gột sạch tội danh này trong mắt đồng bào mình, nên họ đã bất chấp hiểm nguy tận lực truy kích và hy sinh.

29. Pausanias hay tin về thảm họa khi đang hành quân từ Plataea đến Thespieae. Ông ta lập tức dàn trận và trực chỉ Haliartus, trong khi Thrasybulus cũng dẫn đầu quân Athens tiến lên từ Thebes. Ý định của Pausanias bấy giờ là yêu cầu đình chiến để thu nhật thi thể, nhưng lời đề nghị này đã gây nên một sự huyên náo giữa những lão binh Sparta. Họ cho rằng điều đó là không thể chấp nhận và đến gặp nhà vua để phản đối rằng họ không có lý do gì phải viện đến đình chiến để lấy lại thi thể Lysander. Vũ lực là phương tiện duy nhất để làm điều đó, và nếu thành công họ có thể an táng trọng thể cho ông như an táng một người chiến thắng: nếu không, ngã xuống cùng một chỗ với vị tướng sẽ là niềm vinh dự với họ. Đây là thái độ của những lão binh, nhưng Pausanias thấy rõ

rằng việc đánh bại người Thebes giữa lúc họ đang đầy khí thế đắc thắng chẳng những rất khó khăn, mà chuyện thi thể Lysander nằm gần tường thành khiến cho nhiệm vụ nhặt nó về mà không buộc phải đình chiến, kể cả khi người Sparta thắng trận, càng gian nan. Vì thế ông ta đã sai một sứ giả qua phía địch với đề nghị đình chiến, và cho lui binh. Ngay sau khi mang thi thể Lysander qua biên giới Boeotia, họ liền an táng ông trong lãnh thổ của đồng minh Panope thân thiện, và đài tưởng niệm ông tại đây vẫn còn cho đến nay, bên cạnh con đường dẫn từ Delphi đến Chaeronea.

Toàn quân hạ trại ở đây, và chuyện kể rằng một người Phocis đã mô tả trận đánh cho một người khác không có mặt, nói rằng quân Thebes đã tấn công họ ngay sau khi Lysander vượt sông Hoplites. Bấy giờ một người Sparta vốn là bạn của Lysander cảm thấy khó hiểu với từ này, bèn hỏi Hoplites nghĩa là gì, vì anh ta không biết địa danh này. “Đó là nơi kẻ địch đã tiêu diệt các chỉ huy cao cấp của chúng tôi,” người Phocis đáp; “họ gọi dòng suối chảy qua thành phố là Hoplites.” Người Sparta nghe đến đây liền òa khóc và cảm thán rằng chẳng ai thoát được định mệnh của mình, vì Lysander hình như đã được nói đến trong một lời tiên tri như sau:

Ta cảnh báo người, trên hết hãy dè chừng thanh âm của dòng
Hoplites cuộn cuộn,
Và của một con địa long, sẽ quỷ quyết tấn công người từ phía sau.

Tuy nhiên, một số người xác nhận rằng Hoplites không phải con suối chảy trước thành Haliartus, mà là tên của một dòng thác lũ mùa đông gần Coronea đổ vào Philarus và sau đó chảy ngang qua thành phố ấy. Trước đó nó được gọi là Hoplias, nhưng bây giờ là Isomantus. Người giết Lysander là một công dân Haliartus tên là Neochorus, mang tám khiên

khắc hình con rồng, và người ta cho rằng đây là nghĩa của lời tiên tri. Còn nghe nói rằng trong thời gian diễn ra chiến tranh Peloponnese, người Thebes đã được ban cho một lời tiên tri từ đền thờ Apollo ở Ismenus, dự đoán chẳng những về trận Delium,⁽⁶¹⁸⁾ mà về cả trận Haliartus 29 năm sau. Nguyên văn của nó như sau:

Khi người đi săn sói bằng ngọn giáo, hãy để mắt tới vùng biên cương.
Và ngọn đồi Orchalides, nơi không bao giờ vắng bóng lũ cáo.

Với từ “vùng biên cương” lời tiên tri ám chỉ miền thôn dã gần Delium, nơi giáp ranh giữa Boeotia và Attica, trong khi ngọn đồi Orchalides, giờ đây được gọi là Alopecus, hay “đồi cáo,” nằm trong lãnh thổ Haliartus về phía gần núi Helicon nhất.

30. Cái chết của Lysander trong hoàn cảnh này đã gây ra một sự phẫn nộ đến nỗi người Sparta tính đưa vua của họ ra xét xử, nhưng Pausanias không dám đợi đến ngày hầu tòa nên đã trốn đến Tegea, sống phần đời còn lại của mình ở đó như một kẻ cầu xin trong đền thờ Athena. Một lý do cho điều này là cảnh nghèo khổ của Lysander, mà sau khi ông chết thì mới hay biết, góp phần làm cho những phẩm chất ưu tú của ông thêm nổi bật. Mặc dù nắm giữ vô số của cải và quyền lực trong tay, mặc dù các thành phố Hy Lạp và kể cả Vua Ba Tư đều háo hức muốn lấy lòng, nhưng ông vẫn không tìm cách vơ vét của cải gì cho gia đình mình, dù chỉ là một chút tư hào. Đây là điều mà Theopompus kể với chúng ta, và lời khen ngợi của ông ta nói chung đáng tin hơn lời chê trách, vì ông ta lấy làm vui khi bắt lỗi một người thay vì nói tốt về người ấy.

Tuy nhiên, ít lâu sau, theo Ephorus, một cuộc tranh chấp đã nổ ra giữa các đồng minh tại Sparta, dẫn tới việc nhất thiết phải xem qua những số

sách mà Lysander từng giữ, và Agesilaus đã đến nhà ông vì mục đích này. Ở đó ông ta phát hiện thấy cuộn giấy da chứa diễn văn về hiến pháp, lập luận rằng chế độ quân chủ nên được tước khỏi tay hai gia tộc Eurypontid và Agiad để giao lại cho tất cả người Sparta, và rằng nên chọn từ những công dân xuất chúng nhất. Agesilaus nóng lòng muốn công bố diễn văn này ra trước công chúng và làm cho mọi người Sparta thấy rõ Lysander thật sự là kiểu công dân thế nào. Tuy nhiên, Lacratidas, một người trầm tĩnh, bấy giờ là quan ngự sử cấp cao trong triều, can ngăn ông ta với lập luận rằng tốt nhất là đừng phá vỡ sự yên nghỉ của Lysander dưới mồ, mà hãy đảm bảo rằng một bài luận thuyết phục và nguy hại như vậy sẽ bị chôn theo cùng ông.

Dù sao đi nữa thì người Sparta đã rất tôn kính ông sau khi ông chết. Đặc biệt họ đã phạt vạ những người từng hứa hôn với các con gái của Lysander để rồi ngay khi ngay sau khi ông chết, vỡ lẽ ra ông là người nghèo, họ đã từ chối cưới các cô. Lý do cho án phạt là họ đã cầu hôn vì nghĩ rằng Lysander giàu có, nhưng rồi lại rời bỏ ông ngay khi cảnh bần hàn chứng tỏ ông là người công chính và giàu tự trọng. Hình như đã có những án phạt ở Sparta không chỉ dành cho mấy kẻ không cưới, hoặc cưới muộn, mà còn cho một cuộc hôn nhân tồi, và người ta lấy làm quan trọng việc trừng phạt kẻ cưới muộn vốn rắp tâm tìm kiếm vợ giàu thay vì vợ tốt, thuộc về cùng đẳng cấp xã hội với họ. Đây là những gì mà chúng tôi tìm được để kể về Lysander.

(1)

Một khu vực đất đai màu mỡ đông dân cư ở miền trung Hy Lạp.

Lưu ý. Chú thích ghi (ND) là của người dịch. Bản tiếng Việt được dịch từ bản tiếng Anh của Ian Scott-Kilvert và toàn bộ các chú thích ghi (I.S.-K) là của ông. Các chú thích còn lại đều của người biên tập. Tên các tác phẩm trong cuốn sách đều giữ nguyên tên tiếng Anh, kèm theo tên tạm dịch để trong ngoặc.

(2) Một thị trấn ở miền trung Hy Lạp, có đền thờ Apollo, và là nơi đặt hòn đá được coi là trung tâm của vũ trụ.

(3) Một tuyển tập gồm 78 bài luận và bài nói chuyện được ghi lại.

⁽⁴⁾ (Khoảng 427-347 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

(5) Trường phái khắc kỷ, do triết gia Hy Lạp cổ đại Zeno (334-262 TCN) sáng lập vào thế kỷ 3 TCN.

⁽⁶⁾ (341-270 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại, sáng lập trường phái khoái lạc.

(7) Từ đây gọi tắt là *Lives hay Parallel Lives*, tạm dịch là *Những cuộc đời song hành*.

(8) Còn gọi là Perikles (khoảng 495-429 TCN), nhà chính trị, nhà hùng biện, vị tướng tài ba của Athens, sẽ được Plutarch viết riêng ở Chương 6.

⁽⁹⁾ (460-395 TCN), sử gia Hy Lạp.

(10) Một trong những thành phố quan trọng nhất của Ai Cập cổ đại, từng là kinh đô.

⁽¹¹⁾ Thân chiến tranh trong thân thoại Hy Lạp.

(12) Thành phố Hy Lạp cổ đại, cũng là tên gọi của nghệ thuật kiến trúc cột dương thời.

⁽¹³⁾ (530-468 TCN), chính khách Athens cổ đại, sẽ được Plutarch viết riêng ở Ch. 4.

(14) *Fall of the Roman Republic*, Penguin Books, 1958. (I.S.-K)

⁽¹⁵⁾ Còn gọi là Peloponnesus, một bán đảo thuộc miền Nam Hy Lạp.

⁽¹⁶⁾ (Khoảng 595-546 TCN), còn gọi là Kroisos, Vua của Lydia.

⁽¹⁷⁾ Một trong những người bạn La Mã có ảnh hưởng nhất của Plutarch, bốn lần giữ chức chấp chính quan thời kỳ năm 98-107, là học giả và thông tin viên của Pliny. Plutarch cũng nhắc đến ông trong phần mở đầu về Cuộc đời của *Demosthenes* và *Dion*. (I.S.-K)

⁽¹⁸⁾ (Khoảng 525/524-456 TCN), nhà thơ, kịch tác gia Hy Lạp cổ đại, được coi là cha đẻ của bi kịch.

⁽¹⁹⁾ *Seven Against Thebes*, 435. (I.S.-K)

⁽²⁰⁾ *Iliad*, vii, 281, nhắc đến Telamonian Ajax và Hector. (I.S.-K)

⁽²¹⁾ (1397-1347 TCN), theo huyền thoại, đây là tổ tiên của người Athens.

(22) Một thị trấn nhỏ, cổ xưa trên bờ vịnh Saronic đối diện Athens. (I.S.-K)

⁽²³⁾ (Khoảng 750-650 TCN), nhà thơ Hy Lạp cổ đại.

(24) *Works and Days*, câu 370. (I.S.-K)

⁽²⁵⁾ (384-322 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

⁽²⁶⁾ (Khoảng 480-406 TCN), một trong ba kịch tác gia vĩ đại của Athens.

⁽²⁷⁾ (Khoảng 170-235), nhà thần học Ki-tô giáo ở Rome.

(28) *Hippolytus*, câu 11. (I.S.-K)

(29) Người đóng vai trò trung gian cho lời tiên tri của Apollo tại Delphi.

⁽³⁰⁾ Sự tương đồng giữa từ này và từ “đặt” ở trên trong tiếng Hy Lạp không dịch được sang tiếng Anh. (I.S.-K)

⁽³¹⁾ *Iliad*, ii, 542. (I.S.-K)

⁽³²⁾ Một trong những nhà thơ xuất sắc nhất thời Hy Lạp cổ đại, tác giả của *Illiad* và *Odyssey*, sống ở thế kỷ 8 TCN.

⁽³³⁾ (Khoảng 680-645 TCN), nhà thơ trữ tình Hy Lạp cổ đại.

⁽³⁴⁾ Bergk. *Poetae Lyrici Graeci*, ii, 383. (I.S.-K)

(35) Đảo lớn thứ hai của Hy Lạp, sau Crete.

⁽³⁶⁾ Còn gọi là Macedonia.

⁽³⁷⁾ Thần biến trong thần thoại Hy Lạp.

⁽³⁸⁾ Trong tiếng Việt đọc là Héc-quyn; người anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, nổi tiếng với 12 kỳ công của mình.

⁽³⁹⁾ Còn gọi là Iphitos, cũng là tên của năm nhân vật trong thần thoại Hy Lạp.

⁽⁴⁰⁾ Hoàng hậu của vương quốc Lydia thuộc Tiểu Á trong thần thoại Hy Lạp.

⁽⁴¹⁾ Xem *Themistocles*, Ch. 3. (I.S.-K)

⁽⁴²⁾ (550-489 TCN), vị tướng tài ba có công lớn trong trận Marathon (tháng 9 năm 490 TCN) của Hy Lạp. Một chiến binh đã chạy bộ 42 km từ Marathon về Athens để báo tin thắng trận.

⁽⁴³⁾ Nay thuộc vùng Attiki, Hy Lạp.

⁽⁴⁴⁾ (Khoảng 556-468 TCN), nhà thơ xứ Ceos, người đã đề xuất phương pháp cải thiện trí nhớ.

(45) Hòn đảo lớn nhất trong vịnh Saronic của Hy Lạp.

(46) Hai nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, Peleus là cha của dũng tướng Achilles, Telamon là cha của anh hùng Ajax.

⁽⁴⁷⁾ Vùng đồng bằng gần Athens, nay là Di tích khảo cổ, một trong các điểm tham quan của du khách khi tới Hy Lạp.

⁽⁴⁸⁾ Kẻ tiếm ngôi vua xứ Eleusis và chuyên bắt du khách phải đấu vật với mình rồi bẻ gãy lưng họ.

(49) Con sông chảy dọc theo Athens.

⁽⁵⁰⁾ Tháng trong cổ lịch Hy Lạp (thời cổ đại, mỗi thành bang Hy Lạp có một hệ lịch riêng).

(5) Trong thần thoại Hy Lạp, Medea là công chúa con Vua Aeetes xứ Colchis dòng dõi thần mặt trời Helios, sở hữu Bộ lông cừu vàng, thường được mô tả như một người chuyên làm bùa phép.

(52) Một trong 12 vị thần trên đỉnh Olympus.

⁽⁵³⁾ Nguyên gốc: deme; thời Hy Lạp cổ tương đương với một huyện hoặc làng vùng ven đô thị; Trong sách này tạm dịch là “tiểu khu”.

(54) Một bà già đã giúp đỡ Theseus trong việc chinh phục con bò đực xứ Marathon.

(55) Sử gia Hy Lạp sống vào thế kỷ 3 TCN.

(56) Con trai của Vua Minos, chết trong cuộc chiến tranh giữa Crete và Athens.

⁽⁵⁷⁾ Vua xứ Crete, con của Zeus và Europa.

(58) Một khu vực thuộc vương quốc Macedon thời cổ đại.

⁽⁵⁹⁾ Một vị vua khôn ngoan trong thần thoại Hy Lạp, còn được coi là một quan tòa của người chết.

⁽⁶⁰⁾ Còn gọi là Hellanikos, sử gia Hy Lạp cổ đại, sống trong khoảng nửa cuối thế kỷ 5 TCN.

⁽⁶¹⁾ Tòa nhà lưu giữ ngọn lửa thiêng, là trung tâm của sự đoàn kết và sức mạnh cộng đồng thời Hy Lạp cổ đại.

(62) Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

(63) Nữ thần của tình yêu và sắc đẹp, thần hộ mệnh của thủy thủ.

(64) Con gái của Minos, được vua cha giao phũ trách Mê cung.

⁽⁶⁵⁾ Sử gia, người chép truyện thần thoại xứ Leros, sống vào khoảng thế kỷ 5 TCN.

⁽⁶⁶⁾ Tác giả Hy Lạp, sống vào khoảng thế kỷ 5 hoặc 4 TCN.

⁽⁶⁷⁾ Nghệ nhân trong thần thoại Hy Lạp, người xây dựng Mê cung, sáng chế buồm cho hải quân ở Crete, tạo ra đôi cánh bằng lông gắn sáp để mình và con trai là Icarus bay lên, nhưng sức nóng Mặt trời đã làm chảy sáp khiến người con rơi xuống biển.

⁽⁶⁸⁾ (hay Knossos), cung điện đầu tiên của châu Âu trên đảo Crete, trung tâm nghi lễ tôn giáo, chính trị, hành chính của đảo này, người ta cho rằng Mê cung được đặt ở đây, và nay là một di chỉ khảo cổ thu hút du khách.

⁽⁶⁹⁾ Một đảo của Hy Lạp.

(70) Vị thần rượu nho, con trai của thần Zeus với một công chúa dưới trần tên là Semele.

⁽⁷¹⁾ Sử gia Hy Lạp sống vào khoảng thế kỷ 4 TCN.

⁽⁷²⁾ (?-528/527 TCN), còn gọi là Peisistrator trong tiếng Hy Lạp, con trai của Hippocrates, là một người cai trị Athens trong khoảng thời gian 561-527 TCN.

⁽⁷³⁾ Vua của người Lathip ở Thessaly, bạn thân của Theseus.

⁽⁷⁴⁾ *Odyssey*, xi, 631. (I.S.-K)

⁽⁷⁵⁾ (Khoảng 490/480-420 TCN), nhà văn, nhà thơ Hy Lạp.

⁽⁷⁶⁾ Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

⁽⁷⁷⁾ (Khoảng 350-285 TCN), còn gọi là Dicaearchus xứ Messana, một tác giả Hy Lạp chuyên viết về lịch sử và địa lý Hy Lạp.

⁽⁷⁸⁾ Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

⁽⁷⁹⁾ Quan nhiếp chính của Athens thay mặt Vua Cassander xứ Macedon từ năm 317 đến 307 TCN. (I.S.-K)

(80) Một lễ hội Hy Lạp cổ đại được tổ chức tại Athens vào mùa thu.

(81) Xem Ch.12. (I.S.-K)

(82) Thành cổ nằm nơi mỏm đá phía trên Athens.

(83) Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

(84) Từ mà người Hy Lạp cổ đại dùng để chỉ những phụ nữ có khả năng tiên tri.

(85) Cổ ngữ Hy Lạp, chỉ dải đất hẹp, hay eo đất, nối hai vùng đất lớn.

(86) Sử gia Hy Lạp cổ đại.

(87) Các nữ chiến binh thiện chiến.

(88) Một nữ chiến binh Amazon.

(89) Sử gia Hy Lạp cổ đại, sống vào khoảng thế kỷ 4-5 TCN.

⁽⁹⁰⁾ Có nhiều Bion thời Hy Lạp cổ đại: một nhà điêu khắc, một nhà thơ, hai triết gia; không rõ ở đây Plutarch định nói đến Bion nào.

⁽⁹¹⁾ Có nhiều Menecrates, ở đây có khả năng Plutarch nhắc đến Menecrates xứ Ephesus (330-270 TCN), nhà thơ Hy Lạp cổ đại.

(92) Một ngọn đồi ở trung tâm Athens.

⁽⁹³⁾ Vương quốc cổ đại, nằm ở phía đông Crimea và bán đảo Taman.

⁽⁹⁴⁾ Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

⁽⁹⁵⁾ Lễ hội Hy Lạp cổ đại nhằm cảm ơn thần Apollo đã giúp đỡ người Athens trong các cuộc chiến tranh.

⁽⁹⁶⁾ Miếu thờ người Amazon. (ND)

⁽⁹⁷⁾ Piraeus nay là thành phố lớn thứ ba Hy Lạp, thuộc Athens.

(98) Nữ thần chuyên trừng trị kẻ ác trong thần thoại Hy Lạp.

(99) Biểu trưng cho sự tồn vong của Athens.

(100) Một ngọn đồi thiêng ở Athens.

⁽¹⁰¹⁾ Đền thờ thần Apollo (dưới dạng chó sói), được Aristotle dùng làm nơi giảng dạy và tranh luận triết học vào khoảng năm 335-334 TCN.

(102) Nữ hoàng chiến binh Amazon, có cha là thần chiến tranh Ares trong thần thoại Hy Lạp.

(103) Một nữ chiến binh Amazon.

⁽¹⁰⁴⁾ Nằm trên đảo Euboea, nay là thành phố lớn thứ 10 của Hy Lạp.

⁽¹⁰⁵⁾ Còn gọi là Hephaestus (Hephesteum trong cổ ngữ Hy Lạp), hay Theseion (Theseum trong cổ ngữ Hy Lạp), là một ngôi đền ở phía tây bắc Athens, được xây dựng năm 449 TCN và hoàn thành năm 415 TCN, hiện còn được bảo tồn tương đối tốt.

⁽¹⁰⁶⁾ Nơi diễn ra hai trận đánh nổi tiếng giữa Macedon và Liên minh các thành bang Hy Lạp cổ đại do Athens và Thebes đứng đầu (338 TCN), giữa La Mã và Pontos (86 TCN).

(107) *Demosthenes*, Ch. 19. (I.S.-K)

(108) Các thị trấn cổ ở vùng Thessaly của Hy Lạp.

(109) Con gái của Minos và Pasiphae.

⁽¹¹⁰⁾ (Khoảng 522-443 TCN), nhà thơ trữ tình Hy Lạp cổ đại.

⁽¹¹⁾ Còn được gọi là Ajax the Great, Greater Ajax, Telamonian Ajax, một anh hùng trong thần thoại Hy Lạp.

⁽¹¹²⁾ Helen thành Troy, hay Helen xứ Sparta, được cho là người phụ nữ đẹp nhất và từ đó dẫn đến cuộc chiến thành Troy.

⁽¹¹³⁾ Một bộ lạc huyền thoại trong thần thoại Hy Lạp, sống ở Thessaly.

(114) Nhân vật thân thoại đầu người mình ngựa.

⁽¹¹⁵⁾ Có ít nhất sáu Adrastus thời Hy Lạp cổ đại, không rõ Plutarch nói đến Adrastus nào.

(116) Suppliants, 653 ff. (I.S.-K)

⁽¹¹⁷⁾ Thành phố nằm về phía bắc vùng Attica, vẫn còn lưu giữ những pháo đài cổ Hy Lạp.

(118) *Suppliants*, 1213 ff. (I.S.-K)

(119) Hiện không còn. (I.S.-K)

(120) Con gái của Vua Lycomedes xứ Scyros.

⁽¹²¹⁾ Nguyên văn: “Eleusinian Mysteries”, chỉ một nghi lễ tôn giáo bí mật rất nổi tiếng ở thời Hy Lạp cổ đại, có trụ sở tại Eleusis.

(122) Nằm ở thành Sparta, thờ Artemis Orthia, nữ thần của sự cứu rỗi và sinh sản.

(123) Một thành bang Hy Lạp cổ đại nằm ở phía đông nam Arcadia thuộc Peloponnese.

(124) Một thị trấn ở vùng Attica, cách Athens khoảng 20 dặm về phía đông bắc. (I.S.-K)

(125) Một thành bang Hy Lạp cổ đại nằm ở phía tây vùng Balkan.

(126) Một bộ lạc Hy Lạp cổ xưa.

(127) Con chó săn ba đầu của Hades, canh giữ cổng địa ngục trong thần thoại Hy Lạp.

(128) Còn gọi là Akademos, người anh hùng trong thần thoại Hy Lạp.

(129) Hay Afidnes, một thị trấn cổ đại phía đông vùng Attica, nay thuộc thành phố Oropos.

(130) Một khu rừng nhỏ gần sông Cephissus cách Athens chừng 1 dặm về phía tây bắc, nơi Plato và các môn đồ từng dạy học. (I.S.-K)

(131) Chỉ hai anh em sinh đôi Castor và Pollux, các anh của Helen.

(132) Những linh hồn tổ tiên được thờ cúng ở vùng Attica và Argos.

(133) Còn gọi là Troi, Troia, nổi tiếng trong thần thoại Hy Lạp với cuộc chiến thành Troy.

(134) *Iliad*, iii, 144. (I.S.-K)

(135) Con trai của nữ thần biển Thetis và Vua Peleus, là dũng tướng và nhân vật trung tâm trong cuộc chiến thành Troy.

⁽¹³⁶⁾ Con trai của Menoetius và Philomela, chiến đấu bên cạnh Achilles trong cuộc chiến thành Troy.

(137) Con trai của Priam (Vua thành Troy), một trong các chiến binh vĩ đại nhất trong cuộc chiến thành Troy.

(138) Vua xứ Abantes thuộc Euboea.

(139) Hòn đảo Hy Lạp, nằm ở cực nam của Sporades.

(140) Một tộc người Âu-Ấn sống ở Media cổ xưa.

⁽¹⁴¹⁾ Nguyên văn: the barbarians; thời Hy Lạp cổ đại chỉ những người không phải người Hy Lạp hoặc không nói tiếng Hy Lạp. Còn được gọi là người man di.

(142) 476-475 TCN. (I.S.-K)

(143) *Cimon*, Ch. 8. (I.S.-K)

⁽¹⁴⁴⁾ Sân vận động do Ptolemy Philadelphus xây dựng và được mô tả trong Pausanias, i, 17. (I.S.-
K)

(145) Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

(146) Tháng trong cổ lịch Hy Lạp.

⁽¹⁴⁷⁾ (Thế kỷ 1 TCN), sử gia Hy Lạp cổ đại.

⁽¹⁴⁸⁾ (Khoảng 63 TCN-10) còn gọi là Didymus Chalcenterus.

(149) Có nhiều Asclepiades ở Hy Lạp, không rõ Plutarch nói đến ai.

(150) Nhà thơ bi kịch Hy Lạp thế kỷ 5 TCN.

⁽¹⁵¹⁾ (Khoảng 1089-1068 TCN), vị vua cuối cùng của Athens.

⁽¹⁵²⁾ (Khoảng 390-310 TCN), còn gọi là Heraclides xứ Pontus, triết gia Hy Lạp cổ đại, người cho rằng Trái đất quay quanh trục của nó cứ mỗi 24 tiếng.

(153) Euripides, *Bacchae*, 8. (I.S.-K)

(154) Nhà thơ Athens sống vào thế kỷ 5 TCN.

(155) Đoạn 18. (I.S.-K)

(156) Đoạn 24. (I.S.-K)

(157) Đoạn 13. (I.S.-K)

(158), câu 311. (I.S.-K)

(159) Thành phố cảng lớn nhất của Pháp bên bờ Địa Trung Hải.

⁽¹⁶⁰⁾ (Khoảng 624-546 TCN), triết gia, nhà toán học Hy Lạp cổ đại.

⁽¹⁶¹⁾ (Khoảng 460-370 TCN), thầy thuốc Hy Lạp cổ đại, được coi là cha đẻ của y học.

(162) Đoạn 15. (I.S.-K)

(163) Những thi phẩm còn lại của Solon được tập hợp trong *Poetae Lyrici Graeci* của Bergk. Những tham chiếu thuộc các đoạn của ấn bản đỏ. (I.S.-K)

(164) Đoạn 13. (I.S.-K)

(165) Các đoạn 9 và 12. (I.S.-K)

⁽¹⁶⁶⁾ Bảy nhà hiền triết Hy Lạp được chấp nhận rộng rãi là Bias xứ Priene, Chilon xứ Sparta, Cleobulus xứ Lindos, Periander xứ Corinth, Pittacus xứ Mitylene, Solon xứ Athens, và Thales xứ Miletus. (I.S.-K)

⁽¹⁶⁷⁾ (Khoảng 635-585 TCN), nhà hiền triết và nhà cai trị xứ Corinth.

(168) Nhà hiền triết Hy Lạp, sống vào thế kỷ 6 TCN.

⁽¹⁶⁹⁾ (Khoảng 371-287 TCN), còn gọi là Theophrastos, triết gia Hy Lạp cổ đại, kế tục Aristotle đứng đầu trường phái tiêu dao.

⁽¹⁷⁰⁾ Một chiến binh tham gia cuộc chiến thành Troy trong thần thoại Hy Lạp.

⁽¹⁷¹⁾ Triết gia người Scythia, đến Athens vào khoảng năm 589 TCN.

(172) Nhà văn Hy Lạp.

⁽¹⁷³⁾ (Khoảng 620-564 TCN), nhà văn Hy Lạp.

(174) Đoạn 1. Chỉ có tám dòng của bài thơ này còn được lưu giữ,(I.S.-K)

⁽¹⁷⁵⁾ Nữ thần nông nghiệp và mùa màng, chị của thần Zeus và mẹ của nữ thần Persephone trong thần thoại Hy Lạp.

⁽¹⁷⁶⁾ *Illiad II, 557-8 (I.S.-K)*

⁽¹⁷⁷⁾ Một trong bốn bộ lạc lớn ở Hy Lạp cổ đại.

⁽¹⁷⁸⁾ Còn gọi là Kirra, một làng ở Phocis thuộc miền trung Hy Lạp.

⁽¹⁷⁹⁾ Hội đồng này đại diện cho 12 dân tộc có chung những nơi linh thiêng là đền thờ Apollo tại Delphi và đền Anthela gần Thermopylae. (I.S.-K)

(180) Đại hội thể thao Hy Lạp cổ đại nhằm vinh danh thần Apollo, được tổ chức bốn năm một lần (sau Olympic hai năm) tại Delphi.

⁽¹⁸¹⁾ Sử gia Hy Lạp cổ đại, chỉ được mỗi Plutarch đề cập.

⁽¹⁸²⁾ (389-314 TCN), chính khách Hy Lạp cổ đại.

(183) Một nhà quý tộc Athens, từng đảo chính thất bại vào năm 632 TCN, là sự kiện xác thực đầu tiên trong lịch sử Athens.

(184) Có nhiều Megacles thời Hy Lạp cổ đại, ở đây chỉ Megacles thứ hai, hay quan chấp chính cùng tên, bị cho là đã giết những người ủng hộ Cylon.

(185) Vào khoảng 636 TCN. Xem Herodotus, v, 71, Thucydides, i, 126. (I.S.-K)

(186) Nguyên văn: Acropolis, thành bảo vệ của Athens.

⁽¹⁸⁷⁾ Nguyên văn: prosecutor; ngày nay tương đương với chức danh công tố viên. Trong đây tạm gọi là biện lý.

⁽¹⁸⁸⁾ Xem chú thích trang 46 (gốc). (I.S.-K)

(189) Tòa thành này được coi là một pháo đài có tầm quan trọng chiến lược rất lớn và về sau đã bị nhiều đạo quân xâm lược Athens đồn trú. (I.S.-K)

(190) Hai đảng cấp xã Hội tháp ở thời Hy Lạp cổ đại.

⁽¹⁹¹⁾ Còn gọi là Phaniias (hay Phaenias) xứ Eresus (hay Eresos), triết gia Hy Lạp cổ đại, đến Athens vào khoảng năm 332 TCN.

(192) 594 TCN. (I.S.-K)

(193) Bạo chúa thời cổ đại.

(194) Một vị tướng đã chiến thắng trong cuộc chiến chống lại Athens, một trong bảy hiền triết Hy Lạp cổ đại.

(195) Có ít nhất ba Phocus trong thần thoại Hy Lạp, không rõ Plutarch nói đến Phocus nào.

(196) Đoạn 32. (I.S.-K)

(197) Đoạn 33. (I.S.-K)

⁽¹⁹⁸⁾ (Khoảng 405-346 TCN), nhà hùng biện, chính khách Hy Lạp cổ đại.

⁽¹⁹⁹⁾ Xem thêm Aristotle, *Constitution of Athens*, x, i. (I.S.-K)

(200) Đồng tiền Hy Lạp cổ đại.

(201) Đoạn 36. (I.S.-K)

(202) Đoạn 36. (I.S.-K)

(203) Đơn vị khối lượng thời Hy Lạp cổ đại, thường dùng cho kim loại quý; 1 talent = 26 kg.

⁽²⁰⁴⁾ (Sinh khoảng năm 820 TCN), nhà lập pháp bán huyền thoại xứ Sparta.

(205) *Lycurgus*, Ch. 11. (I.S.-K)

(206) Đoạn 34. (I.S.-K)

⁽²⁰⁷⁾ (Khoảng 380-318 TCN), nhà hùng biện, nhà dân chủ của Athens.

(208) Đơn vị thể tích thời Hy Lạp cổ đại, thường được dùng để đo lường ngũ cốc, khác nhau theo khu vực: ở Attica, nó xấp xỉ bằng 51,84 lít. (ND)

(209) Đoạn 5. (I.S.-K)

(210) Hội đồng quý tộc đầu tiên của Athens cổ đại, cái tên Areopagus bắt nguồn từ một ngọn đồi thấp phía tây bắc Acropolis, Athens.

(211) Túc Hội đồng Areopagus. (ND)

⁽²¹²⁾ Tòa án của Athens cổ đại, gồm 51 thẩm phán được bầu ra từ các gia tộc Athens cao quý nhất.

(213) Một dạng tòa thị chính thời Hy Lạp cổ đại.

⁽²¹⁴⁾ (Khoảng 432-367 TCN), còn gọi là Dionysius I hoặc Dionysius Già, bạo chúa xứ Syracuse, nay là Sicily của Ý.

(215) Trong một vở kịch không rõ tác giả, không phải bi kịch của Sophocles.

(216) Một anh hùng trong cuộc chiến thành Troy. (I.S.-K)

(217) Đồng tiền cổ Hy Lạp.

(218) Âm chỉ việc khóc thuê.

(219) Nhóm cư dân cổ đại dưới sự kiểm soát của Athens, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp như những nô lệ hoặc nửa nô lệ.

(220) Một trong những đại hội thể thao của Hy Lạp cổ đại, được tổ chức vào năm thứ ba theo chu kỳ Olympic.

⁽²²¹⁾ Khoảng 350-280 TCN), còn gọi là Demetrius xứ Phalerum hay Demetrius Phalereus.

(222) Từ này có lẽ liên quan đến từ tiếng Anh *parasite* (kẻ ăn bám) vốn có gốc từ tiếng Hy Lạp cổ: παράσιτος (*parásitos*, “kẻ mon men đến bàn ăn của người khác”). (ND)

(223) (519-422 TCN), nhà thơ hài kịch người Athens.

(224) *Odyssey*, xiv, 162 và xix, 307, trong đó Odysseu ngụy trang tiên tri trước hết với Eumaeus và sau đó với Penelope rằng vị vua mất tích sẽ trở về vào ngày đó. (I.S.-K)

(225) Như vậy, ngày mà chúng ta gọi là 21 trở thành ngày 10, ngày 22 thành ngày 9, v.v..., của “tháng trăng khuyết.” Ngày 29 là ngày 2 của tháng trăng khuyết và ngày 30 là “tháng cũ khép lại và tháng mới bắt đầu.” (I.S.-K)

(226) Đoạn 7. (I.S.-K)

(227) Đoạn 28. (I.S.-K)

(228) *Timaeus*, 22a. (I.S.-K)

(229) Cypris là một biệt danh của nữ thần Aphrodite, và vương miện tím ám chỉ thành Athens theo một câu thơ Pindar viết về thành này. (ND)

(230) Bán đảo Attic. (ND)

(231) Đoạn 19. (I.S.-K)

(232) Thành phố cổ, kinh đô của vương quốc Lydia, nay thuộc miền Tây Thổ Nhĩ Kỳ.

[\(233\)](#) Xem thêm Herodotus i, 30-3. (I.S.-K)

(234) (Khoảng thế kỷ 6 TCN), được coi là diễn viên đầu tiên trên sân khấu kịch Hy Lạp cổ đại.

[\(235\)](#) Xem thêm Herodotus, i, 59. (I.S.-K)

(236) Ariston xứ Ceos, triết gia Hy Lạp cổ đại

(237) Cháu ngoại của Megacles dính líu tới vụ thảm sát Cylon và đồng bọn của ông ta (xem Ch. 12). Ông ta đã được cho phép trở về từ nơi lưu đày. (I.S.-K)

(238) Đoạn 11. (I.S.-K)

(239) Chẳng có lấy một dòng nào còn lại với chúng ta ngày nay và ý tưởng rằng ông từng bắt tay viết một tác phẩm như vậy có lẽ không là gì khác ngoài ý nghĩ viễn vông của Plato. (I.S.-K)

(240) Đoạn 26. (I.S.-K)

(241) Đoạn thần thoại về Atlantis nằm trong *Critias* của Plato. (I.S.-K)

(242) 561-560 TCN. (I.S.-K)

(243) Có lẽ câu mở đầu của Tiểu sử này đã bị mất. (I.S.-K)

(244) Thành phố Hy Lạp cổ đại, nay là Bodrum của Thổ Nhĩ Kỳ.

(245) Gymnasium; quần thể bao gồm một bên là những cơ sở đào tạo trí tuệ, với những nhà học và đặc biệt là các hành lang, nơi mà thầy trò vừa đi dạo vừa thảo luận và khu vực sân vận động, bể bơi để đào tạo về thể xác và kỹ năng chiến đấu, nằm bên bờ nam sông Ilissos.

⁽²⁴⁶⁾ (Khoảng 470-420 TCN), còn gọi là Stesimbrotos xứ Thasos, nhà văn viết về lịch sử.

⁽²⁴⁷⁾ (Khoảng 500-428 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

(248) 440 TCN. (I.S.-K)

(249) Được coi là cố vấn và là bạn của Themistocles.

(250) Trong Tiểu sử này, việc sắp xếp niên đại của Plutarch có nhiều mâu thuẫn. Thuyết ít mâu thuẫn nhất cho rằng Themistocles sinh vào khoảng năm 525 TCN. Sau thời điểm đó ông sẽ là quá trẻ để được bổ nhiệm quan chấp chính vào năm 493 TCN. (I.S.-K)

(251) 490 TCN. (I.S.-K)

(252) Chúng được những tá điền cha truyền con nối khai thác, họ nộp lại một phần lợi tức cố định cho nhà nước. Vào các năm 484-483 TCN, lợi tức lớn bất thường và lên đến 100 talent. (I.S.-K)

(253) 484-483 TCN. (I.S.-K)

(254) 480 TCN. (I.S.-K)

(255) Ở miền trung Hy Lạp.

(256) *Laws*, iv, 706. (I.S.-K)

⁽²⁵⁷⁾ Một vị tướng hàng đầu người Ba Tư trong cuộc chiến tranh với Hy Lạp vào đầu thế kỷ 5 TCN.

⁽²⁵⁸⁾ (Khoảng thế kỷ 6-5 TCN), một trong các tác giả đầu tiên của thể loại bi kịch ở Hy-Lạp cổ đại.

(259) Vụ lưu đày Aristides vào thời gian 483-482 TCN là giọt nước tràn ly trong một thời kỳ chiến tranh bè phái khốc liệt. Megacles thì bị phát vãng hồi năm 486 TCN và Xanthippus năm 484 TCN. (I.S.-K)

(260) Mũi đất phía bắc Euboea, Hy Lạp.

⁽²⁶¹⁾ Vị chỉ huy người Sparta phụ trách hải quân Hy Lạp chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai của Ba Tư (480-479 TCN).

⁽²⁶²⁾ (Khoảng 484-425 TCN), sử gia Hy Lạp cổ đại.

(263) Phiên bản của Herodotus (viii, 5) kể rằng Themistocles nhận 30 talent, trong đó ông đưa cho Eurybiades 5 và Adeimantus người Corinth 3, và giữ số còn lại. (I.S.-K)

(264) Xem Herodotus, vii, 141. (I.S.-K)

(265) Tương đương tiến công cho khoảng 24 ngày.

(266) Nữ quái vật có tóc là các con rắn độc còn sống, nhìn vào ai sẽ khiến người đó hóa đá.

(267) Theo Aristotle, *Constitution of Athens* xxii, 8, Aristides được triệu hồi trong thời quan chấp chính 481-480 TCN, tức trước tháng 6 năm 480 TCN là muộn nhất. Dù sao thì sự trở lại của ông không hề bị trì hoãn ít tuần đúng vào thời điểm chia cắt giữa Thermopylae và Salamis, và ông có lẽ đã được bổ nhiệm làm chỉ huy trước khi chiến dịch mở màn. (I.S.-K)

(268) Herodotus (viii, 62) dẫn lời Themistocles khi dọa rằng người Athens có thể sẽ rời nơi này để đến Siris ở Ý. (I.S.-K)

(269) Thuật bói chiêm của người La Mã vốn quay mặt về phía nam, của người Hy Lạp quay về phía bắc. Vì vậy chiêm lành (vốn đến từ phía đông) nằm bên tay phải. (I.S.-K)

(270) (Khoảng thế kỷ 4 TCN), con trai của Diyllussử gia Attica chuyên viết về lịch sử Athens và cha của sử gia Diyllus; là chính khách, sử gia Hy Lạp cổ đại.

(271) Dionysus có biệt danh này vì có thông lệ xé và ăn tươi nuốt sống thịt sống trong những cuộc truy hoan tôn vinh thần Bacchus, như được chép trong *Bacchae* của Euripides. (I.S.-K)

(272) *Persians*, 341-3. (I.S.-K)

(273) Nằm ở phía tây Attica.

(274) Một vị thần nhỏ của người Hy Lạp.

(275) Đảo thuộc quần đảo Saronic của Hy Lạp.

(276) Xem Herodotus, viii, 64. (I.S.-K)

(277) Tên cũ của eo biển hẹp giữa biển Aegea và biển Marmara, nay được gọi là Dardanelles.

(278) xs viii, 93. (I.S.-K)

(279) Đây là phương thức bỏ phiếu trang nghiêm nhất. Dụng ý của nó là làm cho phán quyết thêm phần công bằng, như thể những lá phiếu đang được biểu quyết trước sự hiện diện của thần linh. (I.S.-K)

(280) Một hòn đảo trốn biển Aegea.

⁽²⁸¹⁾ (Khoảng 380-315 TCN), sử gia, nhà hùng biện Hy Lạp.

(282) Nó có những bến cảng làm nơi ẩn náu tự nhiên. Trước đó hải quân Athens đã cập thuyền bên bờ biển trống trơn của vịnh Phalerum. (I.S.-K)

(283) (446-386 TCN), nhà thơ, nhà biên kịch Hy Lạp cổ đại.

(284) *Knights* (Hiệp sĩ), 815. (I.S.-K)

(285) Nguyên văn: oligarchy; tập đoàn cai trị.

(286) Thành phố ven biển ở phía đông miền trung Hy Lạp, hưng thịnh vào thế kỷ 5 và 4 TCN.

(287) Herodotus, viii, III. (I.S.-K)

(288) Vào khoảng 472 TCN. (I.S.-K)

(289) Tổng tư lệnh Hy Lạp, bất mãn với thái độ ngạo mạn được mô tả trong *Aristides*, Ch. 23, bị người Sparta phát hiện thông đồng với quân Ba Tư. Ông ta trốn đến nương nấu tại Brazen House ở Sparta và bị chết đói ở đó (xem Thucydides, I, 128-34). (I.S.-K)

(290) Thành phố Hy Lạp cổ đại trên đảo Corfu.

(291) i, 137. (I.S.-K)

(292) Khoảng 469 TCN. (I.S.-K)

(293) Một thành phố Hy Lạp cổ đại.

(294) Đại bàng là biểu tượng của Vua Ba Tư, quyền trượng sứ giả tượng trưng cho hòa bình và an ninh, còn sự biến hóa của con rắn thành đại bàng ám chỉ một thay đổi có tính quyết định về vận mệnh của Themistocles. (I.S.-K)

(295) i, 137. (I.S.-K)

⁽²⁹⁶⁾ (Khoảng 400-330 TCN), còn gọi là Ephorus xứ Cyme, sử gia Hy Lạp cổ đại.

⁽²⁹⁷⁾ (Khoảng 360-340 TCN), còn gọi là Deinon, sử gia Hy Lạp cổ đại.

⁽²⁹⁸⁾ (Khoảng giữa thế kỷ 4 TCN), còn gọi là Cleitarchus, sử gia, và là con trai của sử gia Dinon.

(299) Một chính khách Ba Tư.

(300) (276-194 TCN), nhà toán học, địa lý và thiên văn người Hy Lạp.

(301) Một đến thờ ở Epirus phía tây bắc Hy Lạp.

[\(302\)](#) Thucydides, i, 138. (I.S.-K)

(303) Nữ thần Hy Lạp cổ đại.

(304) Cybele mẹ của các vị thần. (ND)

(305) Ở đây trình tự niên đại của Plutarch một lần nữa thật khó theo dõi, và theo thói quen ông đã lồng các sự kiện vào nhau để làm tăng ấn tượng biểu đạt. Thời điểm quyết định đối với Themistocles có lẽ đến vào khoảng 460-459 TCN, nhưng điều này không thể có quan hệ tới các chiến dịch của Cimon (xem *Cimon*, chú giải ở Ch. 18). Trong việc lựa chọn chuyện Themistocles tự sát, Plutarch đã cố tình bất đồng với Thucydides, người cho rằng ông chết cái chết tự nhiên (i, 138). (I.S.-K)

(306) Thucydides, i, 138. (I.S.-K)

(307) *Meno*, 93.

⁽³⁰⁸⁾ (Khoảng 440-390 TCN), sử gia, nhà hùng biện Hy Lạp cổ đại.

(309) (Khoảng thế kỷ 3 TCN), sử gia Hy Lạp cổ đại.

⁽³¹⁰⁾ (Thế kỷ 1 TCN), còn gọi là Ammonius xứ Athens.

⁽³¹¹⁾ (Khoảng 469-399 TCN) triết gia Hy Lạp cổ đại.

⁽³¹²⁾ Nhà bảo trợ, người đài thọ phí tổn cho việc tổ chức và huấn luyện một dàn hợp xướng cho đại hội thường niên ở Athens, tất nhiên là một người giàu. (I.S.-K)

(313) 403-402 TCN. (I.S.-K)

(314) Một vị tướng trong cuộc chiến thành Troy.

⁽³¹⁵⁾ Từ năm 508 đến 487 TCN, các quan chấp chính được bầu ra bằng bỏ phiếu. Sau năm 487 họ được chỉ định bằng cách rút thăm từ 500 ứng viên do các huyện lựa chọn. Sự thay đổi này hàm nghĩa tầm quan trọng của chức vụ này đã giảm đi trong thời gian đó. (I.S.-K)

(316) Đơn vị đo khối lượng thời cổ đại.

(317) Một người bạn giàu có của Socrates.

(318) 510-509 TCN. (I.S.-K)

(319) Cái hồ sâu để vớt thi thể tội phạm xuống sau khi hành hình. (I.S.-K)

(320) *Seven Against Thebes*, 592 ff. (I.S.-K)

(321) Một đô đốc phục vụ dưới thời Darius của Đế chế Ba Tư.

⁽³²²⁾ Mỗi trong 10 bộ lạc chọn một vị tướng để chỉ huy binh lính của mình, ngoài ra còn có một tổng tư lệnh (polemarch), lần này là Callimachus, người mà Plutarch không nói đến. Miltiades chỉ là một trong 10 vị tướng, cho dù rõ ràng là một nhân vật nổi trội. Plutarch ở đây có lẽ đang nói tới thủ tục thịnh hành về sau, khi chức polemarch được thay thế bởi một hội đồng 10 vị tướng, và như một cách bố trí hành chính thời bình, mỗi vị luân phiên chỉ huy một ngày. Nhưng khi tại ngũ, Hội đồng có thể bổ nhiệm chức tư lệnh cho một vị tướng duy nhất, như khi Themistocles được chỉ định làm tư lệnh tối cao vào năm 480 TCN. (I.S.-K)

(323) Đây là tước vị của một trong những chức vụ cao cấp trong Nghi lễ bí truyền Heusinia. (I.S.-
K)

(324) 479-478 TCN. (I.S.-K)

(325) 483-482 TCN. (I.S.-K)

(326) Khoảng 417 TCN. Xem *Nicias*, Ch. 11, *Alcibiades*, Ch. 13. (I.S.-K)

(327) 480 TCN. (I.S.-K)

(329) Ở đây Plutarch đang theo số liệu của Herodotus, như ông thường làm. Những ước tính hiện đại cho rằng binh lực của Mardonius có lẽ gồm khoảng 60.000 quân dưới quyền, 40.000 quân nữa dưới trướng Artabazus và 20.000 quân Hy Lạp phản bội. (I.S.-K)

(330) Tháng 6 năm 479 TCN. (I.S.-K)

⁽³³¹⁾ (Khoảng thế kỷ 5 TCN), một vị tướng tài thời La Mã cổ đại.

⁽³³²⁾ Plutarch, cũng như Herodotus, mô tả trận Plataea theo cách nêu bật hầu hết sự đóng góp của Athens và nói rất ít về vai trò của những thành bang Hy Lạp khác. (I.S.-K)

(333) Nguyên văn: hoplite, dùng để chỉ bộ binh mang vũ khí hạng nặng.

(334) Được Herodotus gọi là Aeimetus.

(335) 331-330 TCN. (LS.-K)

(336) ix, 46. (I.S.-K)

⁽³³⁷⁾ (Khoảng 389-328 TCN), một vị tướng Ba Tư và là tình trường.

(338) Vào khoảng 1 tháng 8 năm 479 TCN. (I.S.-K)

⁽³³⁹⁾ Mô tả về những cải cách dân chủ này của Aristides hoàn toàn trái ngược với phiên bản của Aristotle (*Constitution of Athens*, xxiii-xxv), và người sau hẳn được coi là nguồn đáng tin cậy hơn. (I.S.-K)

(340) 478 TCN. (I.S.-K)

(341) 478-477 TCN. (I.S.-K)

⁽³⁴²⁾ Đây là những số liệu của Thucydides, nhưng có khả năng là ước tính đó quá cao đối với thời kỳ của Aristides. (I.S.-K)

(343) Thucydides, ii, 13. (I.S.-K)

⁽³⁴⁴⁾ Biểu trưng cho một liên minh sẽ tồn tại cho đến khi nào kim loại nổi lên trên mặt biển.
(I.S.-K)

⁽³⁴⁶⁾ Gorgias, 518, 526. (I.S.-K)

⁽³⁴⁷⁾ Ngày chết của ông chưa xác định. Có thể là vào năm 468 và có lẽ không muộn hơn năm 464 TCN. (I.S.-K)

⁽³⁴⁸⁾ (360-328 TCN), còn gọi là Callisthenes xứ Olynthus, sử gia Hy Lạp cổ đại.

(349) Năm 74 TCN. (I.S.-K)

(350) Vua xứ Thrace.

⁽³⁵¹⁾ (Khoảng thế kỷ 5 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

(352) (Khoảng thế kỷ 4 TCN), nhà thơ, họa sĩ Hy Lạp cổ đại.

(353) Xem Thucydides, iv, 105. (LS.-K)

(354) Vào năm 489 TCN, khi Cimon có lẽ mới 18 tuổi. (LS.-K)

(355) (Khoảng 470-420 TCN), nhà văn, nhà biên kịch Hy Lạp cổ đại.

(356) Cimon có thể đã nhận được nền học vấn truyền thống của một quý tộc Athens trong thời kỳ này. Điều mà ông rõ ràng còn thiếu là kiểu học vấn mà Pericles đã thể hiện, trong đó bao gồm mối quan tâm đến khoa học và triết học tư biện. (I.S.-K)

(357) Tên người chị của Cimon.

(358) (Khoảng thế kỷ 5 TCN).

(359) 478-477 TCN. (I.S.-K)

(360) 476-475 TCN. (I.S.-K)

⁽³⁶¹⁾ (Khoảng 497-407 TCN), một trong các nhà bi kịch nổi tiếng nhất thời Hy Lạp cổ đại.

(362) Vua thành Troy.

⁽³⁶³⁾ (Khoảng 483-376 TCN), nhà hùng biện Hy Lạp cổ đại.

⁽³⁶⁴⁾ (Khoảng thế kỷ 5 TCN), chính khách và nhà lãnh đạo đầu tiên của phong trào dân chủ ở Athens cổ đại.

(365) Khoảng năm 467 TCN.

(366) Thuyền chiến có mũi nhọn. (I.S.-K.)

⁽³⁶⁷⁾ Các học giả tranh cãi nhiều về hòa ước này, nhưng ý kiến hiện nay thường cho rằng một hòa ước đại loại như vậy đã đạt được vào khoảng giữa những năm. 460 TCN. (I.S.-K)

(368) Năm 466 TCN. (I.S.-K)

(369) Năm 465 TCN. (I.S.-K)

(370) Năm 463 TCN. (I.S.-K)

⁽³⁷¹⁾ Từ những nguồn khác chúng ta biết rằng ông đã bị phạt 50 talent và phe chọn tha ông nhiều hơn phe đòi tử hình chỉ ba phiếu. (I.S.-K)

(372) Năm 462 TCN. (I.S.-K)

(373) (Khoảng 446-411 TCN), nhà thơ người Athens.

(374) Năm 464 TCN. (I.S.-K)

⁽³⁷⁵⁾ Helot (nô lệ) có lẽ là hậu duệ của thổ dân Laconia, vốn bị người Achaea giáng xuống thân phận nông nô trước cuộc xâm lăng của người Doria. Trong thành bang Sparta họ không chỉ là người canh tác đất đai, mà còn bị sung vào các đội quân trang bị vũ khí nhẹ và làm tay chèo cho thủy đội. Perioeci là giai cấp trung gian giữa Helot và công dân Sparta. Họ hưởng một mức độ tự do tương đối trong cộng đồng, nhưng không thể kết hôn với người Sparta, bị cấm giữ chức vụ nhà nước cũng như là thành viên của hội đồng công dân. (I.S.-K).

(376) *Lysistrata*, 1137 ff. (I.S.-K)

(377) Năm 461 TCN. (I.S.-K)

(378) Việc khẳng định là ông được triệu hồi trong năm diễn ra trận đánh Tanagra 457 TCN gây ra nhiều khó khăn. Sau thời điểm này không có ghi nhận nào về những hoạt động của Cimon cho đến cuộc chinh phạt Ba Tư vào năm 450 TCN, và được mô tả ở Ch. 18. Trừ phi ông bị lưu đày nếu không thật khó mà giải thích được sự vắng mặt của ông trong “danh sách tại ngũ” của các tướng lĩnh Athens suốt những năm này. Ấn lưu đày 10 năm áp đặt cho ông sẽ kết thúc vào năm 451 TCN. (I.S.-K)

(379) Thucydides, i, 112. (I.S.-K)

(380) 396-394 TCN. (LS.-K)

(†) Chương 1 và 2 là lời giới thiệu cho quyển 10 của *Lives*, cũng là quyển đầu tiên trong loạt tiểu sử thứ hai. Loạt này bao gồm những tiểu sử được lựa chọn như là hình mẫu về các đức tính của chính khách. (I.S.-K)

⁽³⁸¹⁾ Một danh hiệu La Mã cổ đại bao gồm cả tên và danh hiệu của Gaius Julius Caesar Augustus (thường gọi là Augustus), hoàng đế đầu tiên của Đế chế La Mã. Sau khi Augustus mất, nó trở thành một danh hiệu chính thức của người kế vị ông, và được các hoàng đế La Mã sử dụng sau này.

(382) Cả hai tác phẩm đều là những bức tượng khổng lồ bằng ngà và vàng. (I.S.-K)

(383) Một trong những bộ lạc của Athens cổ đại.

(384) Năm 479 TCN, theo điển tích thì vào cùng ngày nổ ra trận Plataea. (I.S.-K)

(385) Cratinus và những nhà thơ hài kịch khác được đề cập ở đây thường bảo thủ trong thị hiếu. Cimon là lý tưởng của họ, còn những tín ngưỡng và ảnh hưởng ngoại lai, các nhà ngụ biện, và triết học đỉnh cao là những mục tiêu chế nhạo ưa thích của họ. Giống như Zeus, Pericles là đứa con của sự chia rẽ (phe phái); “Người gom đất” nhại theo tính ngữ “Người gom mây” mà Homer gán cho Zeus, và “thần bảo hộ đám ngoại quốc” có thể ám chỉ đạo luật của Pericles về những đứa con pha trộn huyết thống, mà ông đã thay đổi vì chính mình (Ch. 37). (I.S.-K)

(386) (Khoảng thế kỷ 5 TCN), nhà thơ hài kịch Athens.

(387) Một vở kịch trong đó những nhà lãnh đạo vĩ đại của quá khứ, Miltiades, Themistocles, Aristides, và Pericles, được đưa trở lại dương gian để chứng kiến những kẻ nổi nghiệp dân chủ của họ đã trở nên suy đồi ra sao. (I.S.-K)

(388) Dùmng để gọi địa ngục, và cũng là tên của vị thần cai quản nơi này.

(389) Từ được dùng ở đây mang hàm nghĩa rộng hơn trong tiếng Hy Lạp, bao gồm cả thơ ca và những lĩnh vực khác. (I.S.-K)

⁽³⁹⁰⁾ Thật ra là Plato, *Alcibiades*, 1,118c. (I.S.-K)

(391) Một nhạc sĩ Hy Lạp cổ đại nổi tiếng đương thời.

(392) Âm chỉ Chiron Nhân Mã, thầy dạy của Achilles. (I.S.-K)

(393) Zeno xứ Elea, một môn đồ của Parmenides, người phát minh ra biện chứng pháp và là tác giả của nhiều nghịch lý nổi tiếng, như nghịch lý Achilles và con rùa. (I.S.-K)

(394) (320-230 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

⁽³⁹⁵⁾ Ion (484-424 TCN.) là một trong năm nhà thơ bi kịch Athens được công nhận, viết về các đề tài lịch sử và triết học. Được sinh ra ở Chios, ông ta ngưỡng mộ Cimon và vì thế ít thiện cảm hơn với Pericles. (I.S.-K)

(396) Một nhà tiên tri và là người giải đoán lời tiên tri nổi tiếng. Pericles đã bổ nhiệm ông này làm nhà sáng lập thuộc địa Thurth ở Ý. Ông này cũng là một điển hình về đạo đức giả, chính thống, và tham lam. (I.S.-K)

(397) Sau nghi lễ này, rượu cho yến tiệc được mang vào và cuộc nhậu buổi tối mới bắt đầu. (I.S.-
K)

(398) (Khoảng 200-118 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

(399) *Republic*, viii, 562c. (I.S.-K)

(400) *Phaedrus*, 270a. (I.S.-K)

⁽⁴⁰¹⁾ Lãnh tụ của phe quý tộc (để phân biệt với sử gia) đã bị nạn ở Sparta sau khi bị trục xuất vào năm 442 TCN (Ch. 14). Archidamus n, Vua của Sparta (469-427 TCN), chỉ huy hai cuộc xâm lược Attica đầu tiên của Peloponnese sau khi chiến tranh bùng nổ. (I.S.-K)

(402) Năm 440 TCN. (I.S.-K)

(403) Sử gia, trong bài tán dương về Pericles, ii, 65. (I.S.-K)

(404) Chế độ cấp đất cho thân dân là công dân Athens này, vốn vẫn còn là công dân Athens và không phải cống nạp, khác với thông lệ của những thành bang Hy Lạp khác và làm các đồng minh cực kỳ bất mãn. (LS.-K)

(405) Trợ cấp 2 obol cho công dân Athens mua vé vào rạp hát. (I.S.-K)

(406) Trả cho thành viên bồi thẩm đoàn, ban đầu là 2 obol một ngày, do Pericles đề xuất, và mức phí này được Cleon tăng lên 5 obol vào khoảng năm 425 TCN. (I.S.-K)

⁽⁴⁰⁷⁾ Xem Ch. 15 về sự chuyên biến sang cách tiếp cận tiêu biểu của một chính khách lão luyện với các vấn đề chính trị khi ông đã lên nắm quyền. (I.S.-K)

(408) *Constitution of Athens*, xxvii, 4. (I.S.-K)

(409) Năm 461 TCN. (I.S.-K)

(410) Năm 457 TCN. (I.S.-K)

⁽⁴¹¹⁾ Xem *Cimon*, Ch. 17-18 và chú giải những khó khăn về mặt niên đại. (I.S.-K)

(412) Năm 461 TCN. (I.S.-K)

⁽⁴¹³⁾ *Constitution of Athens*, XXV, 4. (I.S.-K)

(414) Năm 449 TCN. (I.S.-K)

⁽⁴¹⁵⁾ Bán đảo này, vốn quen thuộc với thế kỷ của chúng ta bởi chiến dịch Gallipoli, bị Cimon xâm chiếm năm 475 TCN và thuộc địa hóa năm 448-447 TCN. Naxos nổi dậy chống Athens và mất nền độc lập vào năm 467 TCN; nó bị những người định cư Athens chiếm đóng năm 448 TCN. Andros có lẽ được người Athens định cư vài năm trước đó. Thurii thành lập năm 443 TCN trên lãnh thổ Sybaris: thành phố này đã bị Croton đánh bại vào năm 510 TCN và bị san bằng hoàn toàn. Thuộc địa mới được di dân từ nhiều thành bang Hy Lạp xây dựng và người Athens đã không cố chế ngự nó. (I.S.-K)

(416) Lý lẽ của người Athens là sự bảo vệ của họ đã giúp đẩy lùi quân Ba Tư và xóa sạch cướp biển. Điều làm các đồng minh bất mãn không chỉ là chi phí cống nạp quá cao cho những việc này, mà còn là sự kiểm soát chính trị đến từ Athens. Chỉ mấy đảo lớn hơn, Chios, Mitylene, và Samos là có chính thể quả đầu của riêng mình. Các đồng minh vẫn phải chịu xét xử bởi những tòa án Athens. (I.S.-K)

⁽⁴¹⁷⁾ (Khoảng thế kỷ 5 TCN), một họa sĩ tiêu biểu lúc đó.

⁽⁴¹⁸⁾ (Khoảng thế kỷ 5 TCN), một họa sĩ tự học đương thời.

(419) Ngôi đền thờ thần Athena, được xây dựng vào thế kỷ 5 TCN.

(420) Hai trường thành đầu tiên đã được xây cách nhau tương đối xa. Nếu kẻ thù tấn công chọc thủng bất kỳ thành nào, sự liên lạc với Piraeus đều sẽ bị cắt đứt, vì vậy Pericles đã xây một cái thứ ba, chạy song song với thành phía tây và cách nó khoảng 200 thước Anh (182,8 m) về phía trong. (I.S.-K)

(421) Plato, *Gorgias*, 455e. (I.S.-K)

(422) Tên của một số tòa nhà Hy Lạp và La Mã cổ đại được xây dựng dành cho trình diễn âm nhạc và thơ. Odeon được Plutarch mô tả ở đây chính là nguyên mẫu.

(423) Được tổ chức bốn năm một lần tại Athens từ năm 566 TCN đến thế kỷ 3, kết hợp giữa lễ hội tôn giáo với thi đấu thể thao và sự kiện văn hóa.

(424) Còn gọi là Cecropla hoặc Cecrops, thành phòng thủ ở Athens cổ đại, di sản văn hóa nổi tiếng thế giới.

(425) (Khoảng thế kỷ 5 TCN), kiến trúc sư Athens cổ đại.

(426) Năm 444 TCN. (I.S.-K)

(427) *Phaedrus*, 271c. (I.S.-K)

(428) ii, 65. (I.S.-K)

(429) Plutarch cho là sự nghiệp của Pericles kéo dài từ năm 469 đến 429 TCN, nhưng không có gì phải nghi ngờ việc Ephialtes là lãnh tụ của phe họ cho tới khi bị ám sát vào năm 461 TCN. (I.S.-K)

(430) (Khoảng thế kỷ 5 TCN), vị tướng tài của Athens cổ đại.

⁽⁴³¹⁾ Đại hội này có lẽ đã được triệu tập vào năm 448-447 TCN, ngay sau khi Cimon qua đời. Nếu vậy nó là một chiêu ngoại giao tài tình trong thời kỳ “chiến tranh lạnh”; vì nếu Sparta tham dự một đại hội do người Athens triệu tập tại Athens như vậy chẳng khác nào ngầm chấp nhận quyền bá chủ của Athens trên toàn Hy Lạp. (I.S.-K)

(432) Nguyên văn: Hellas.

(433) Năm 447 TCN. (I.S.-K)

(434) Năm 447 TCN. (I.S.-K)

(435) Năm 453 TCN. (I.S.-K)

(436) Một hải cảng trên vịnh Corinth. Cuộc viễn chinh trên thực tế giới hạn ở vùng phía bắc Peloponnese và vịnh. (LS.-K)

(437) Một thành thị đặc biệt kiên cố ở Acarnania có tình cảm thân Sparta. (I.S.-K)

(438) Khoảng năm 436 TCN. Đây là lần đầu tiên xuất hiện một vị tướng Athens với lực lượng hùng hậu vượt qua Bosphorus. Việc kiểm soát tuyến đường ngũ cốc dọc Biển Đen và quan hệ giao thương của Athens với vùng này nằm trong số những lợi ích quan trọng hàng đầu của nó, và sự biểu dương sức mạnh ở đây là một động thái ngoại giao có tầm nhìn xa. (I.S.-K)

(439) Khoảng 448 TCN. (I.S.-K)

(440) Năm 446 TCN. (I.S.-K)

(441) Trị vì 458-409 TCN.

(442) Cuộc nổi loạn này được phối hợp giữa người Euboea và các thành bang Peloponnese, trùng với thời điểm kết thúc thỏa ước đình chiến năm năm giữa Athens và Sparta vào mùa hè năm 446 TCN. (LS.-K)

(443) Một vị tướng Sparta vào thế kỷ 5 TCN.

(444) (Khoảng thế kỷ 5 TCN), một vị tướng Sparta.

(445) *Lysander*, Ch. 16. (I.S.-K)

(446) Đến năm 435 TCN, dự án các công trình công cộng đã được thanh toán và số dư từ cống nạp bắt đầu được tích lũy; chúng lên tới 6.000 talent khi Chiến tranh Peloponnese nổ ra vào năm 431 TCN. Số tiền này đã được “hoàn trả” cho nhiều vị thần khác nhau bởi lễ châu báu của họ đã dùng để tài trợ cho dự án kiến thiết này, nhưng thành bang có thể lại cần viện đến trong trường hợp cực kỳ cần thiết. (I.S.-K)

(447) Năm 440 TCN. (I.S.-K)

⁽⁴⁴⁸⁾ (Khoảng 470-400 TCN), một phụ nữ nhập cư vào Athens cổ đại.

(449) Ông ta cưới Aspasia sáu tháng sau khi Pericles qua đời. Ông ta được bầu làm tướng cùng với Nidas năm 428 TCN, là kẻ mị dân đầu tiên giữ chức này, và bị giết ở Caria trong cùng năm. (I.S.-K)

(450) Xem Xenophon, *Anabasis*, i, 10. (I.S.-K)

(451) Đồng tiền Hy Lạp cổ đại.

⁽⁴⁵²⁾ (Khoảng giữa thế kỷ 5 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại, thành viên cuối cùng của trường phái Elea.

(453) (Khoảng 538-522 TCN), bạo chúa xứ Samos.

(454) (Khoảng 350-281 TCN), sử gia Hy Lạp cổ đại xứ Samos.

⁽⁴⁵⁵⁾ Lễ này có lẽ diễn ra vào khoảng năm 463 TCN. Nó được tổ chức ở Cerameicus, bên ngoài cổng phía tây của Athens. (I.S.-K)

(456) Theo thần thoại Hy Lạp, Agamemnon là thủ lĩnh của người Achaea trong cuộc chiến thành Troy.

(457) viii, 76. (I.S.-K)

(458) Năm 433 TCN. (I.S.-K)

(459) Xem Thucydides, i.50. (I.S.-K)

(460) Cổng chính của tường thành Athens cổ đại, được xây dựng vào năm 478 TCN, nay vẫn còn dấu tích.

(461) *Achamians*, 524ff. (I.S.-K)

(462) Plutarch không đưa ra ý kiến, nhưng các sự kiện lại không ủng hộ cáo buộc này. Những ghi chép khác cho rằng Pheidias có thể đã bị truy tố ngay sau khi bức tượng được khánh thành vào năm 438-437 TCN, và rằng ông này có thể đã bị trục xuất ngay sau đó và qua đời ở Elis khoảng năm 432 TCN. Anaxagoras bấy giờ được cho là đã về hưu trước Lampsacus gần 20 năm, còn kiến nghị của Dracontides không được thông qua cho đến năm 430 TCN, và vì thế không liên quan gì tới sự bùng nổ của cuộc chiến. Thucydides không hề có ý cho rằng uy thế của Pericles đang bị thách thức trong thời kỳ ngay trước cuộc chiến, mà đúng hơn là cuộc khủng hoảng đã củng cố nó. (I.S.-K)

(463) Xem Thucydides, ii, 13. (I.S.-K)

⁽⁴⁶⁴⁾ Nguyên văn: pryxanes, bao gồm các quan tòa được bầu ra từ mọi bộ lạc trong nền dân chủ Athens cổ đại.

(465) Pericles thuộc về gia tộc Alcmaeon (xem *Solon*, Ch. 12). (LS.-K)

⁽⁴⁶⁶⁾ (?-422 TCN), một vị tướng Athens trong Chiến tranh Peloponnese.

(467) Một thể thơ có hai âm ngắn theo sau một âm dài, ở đây bản dịch thơ không thể hiện được.

(468) Năm 430 TCN. (I.S.-K)

⁽⁴⁶⁹⁾ (Khoảng thế kỷ 5 hoặc 4 TCN), còn gọi là Simmias xứ Thebes, triết gia Hy Lạp cổ đại, môn đệ của Socrates.

(470) Còn gọi là Farsala, một thành phố phía nam Thessaly, Hy Lạp.

(471) Nám 429 TCN. (I.S.-K)

(472) Năm 451-450 TCN. (I.S.-K)

(473) Nám 406 TCN. (I.S.-K)

(474) Ông chết vào mùa thu năm 429 TCN. (LS.-K)

(475) Trong thảm họa tại Carrhae trên sa mạc Parthia, Crassus bị giết cùng với 20.000 quân của mình và 10.000 người khác bị bắt làm tù binh (năm 53 TCN). (I.S.-K)

(476) Một người bản xứ Tauromenium (Taormina) sinh năm 359 TCN, người đã viết một pho lịch sử gồm 40 quyển về Sicily. Philistus sinh năm 436 TCN hoặc sớm hơn thế và là một nhân chứng của chiến dịch Sicily. Ông cũng viết về lịch sử Sicily, phần đầu trải dài từ những thời kỳ xa xưa nhất đến năm 406 TCN. Sau Thucydides, hai tác giả này là nguồn quan trọng nhất của Plutarch cho tiểu sử này. (I.S.-K)

(477) Bức tượng bán thân của Hermes (Messenger of the Gods - Sứ giả của Thần linh).

(478) Một nhân vật nổi bật trong lịch sử Syracuse, đóng một vai trò quan trọng trong thất bại của cuộc viễn chinh của Athens, nhất là trong việc giữ nhuệ khí của người Syracuse trước khi Gylippus đến. Thucydides mô tả là ông này (iv, 58) đã nhìn thấy các tham vọng của Athens trước đó 10 năm tại Đại hội Gela. (I.S.-K).

(479) *Constitution of Athens*, xxviii, 5. (I.S.-K)

(480) Giày ống rộng của những diễn viên bi kịch, có thể vừa với bất kỳ bàn chân nào. (I.S.-K)

(481) Ông rõ ràng là người mà về tính khí lẫn học vấn xứng đáng để kế tục chiến lược phòng vệ của Pericles. Pericles qua đời vào mùa thu năm 429 TCN, và bệnh dịch đã khiến Athens suy yếu đến nỗi nó không thể tiến hành bất kỳ chiến dịch đại quy mô nào trong ba năm tiếp theo. Lực lượng ủng hộ Nicias không chỉ là những người giàu mà có cả các điền chủ nhỏ và người tị nạn từ Attica, mà với họ hòa bình nghĩa là được trả lại ruộng vườn. (I.S.-K)

(482) Người thắng những cuộc thi điệp khúc này được thưởng một cái giá ba chân bằng đồng.
(I.S.-K)

⁽⁴⁸³⁾ Việc Nicias tổ chức lại những nghi lễ này diễn ra vào năm 426 TCN. Một nghi lễ công phu dường như đã được cử hành để thanh tẩy hòn đảo, có lẽ là một lời cầu khẩn Apollo ngăn chặn dịch bệnh mà đã nổ ra một lần nữa ở Athens năm 427 TCN. (I.S.-K)

(484) vii, 50. (I.S.-K)

(485) Nicias sở hữu quyền khai thác một hợp đồng thuê vĩnh viễn từ thành bang, và cho thuê lại các mỏ cũng như nô lệ của ông. Nghe đâu ông sở hữu 1.000 nhân lực, được đem cho thuê và mang lại cho ông lợi tức 1 obol mỗi người một ngày. (I.S.-K)

⁽⁴⁸⁶⁾ Maricas, nhân vật chính trong vở kịch này mô phỏng bức chân dung biếm họa của kẻ mị dân Hyperbolus. (I.S.-K)

(487) *Knights*, 358. (I.S.-K) Hiero xử lý mọi điều bí mật mà Nicias giao phó cho các thầy bói và thường nói với người Athens những câu chuyện về cuộc sống khó nhọc và phiền hà mà Nicias phải chịu đựng vì lợi ích của quê hương mình.

(488) Nhà ngụy biện Damon là thầy dạy Pericles (xem *Pericles*, Ch. 4.) Antiphon, sinh khoảng năm 480 TCN, là một nhà hùng biện lừng danh và nổi tiếng là người đầu tiên làm nghề viết diễn văn thuê. Ông đóng vai trò hàng đầu trong việc thiết lập chế độ phản dân chủ của Hội đồng Bốn trăm vào năm 411 TCN và bị hành hình sau khi nó thất bại. Paches bị luận tội sau những chiến dịch thành công của ông tại Lesbos năm 427 TCN nhưng chẳng ai biết đó là tội gì. (I.S.-K)

(489) (480-411 TCN), một chính khách Athens cổ đại.

⁽⁴⁹⁰⁾ (Khoảng 430-354 TCN), một chiến binh, triết gia, và sử gia Hy Lạp cổ đại.

(491) Ở đây Plutarch đang nêu ra các ví dụ một cách ngẫu nhiên, bất chấp trình tự về niên đại, như ông thường làm vậy. Cythera bị chiếm năm 424 TCN, Minoa năm 427 TCN, cuộc đột kích thành Corinth diễn ra năm 425 TCN, và chiếm Thyrea năm 424 TCN. Hippocrates và Demosthenes, chứ không phải Nicias, đã chiếm Nisaea năm 424 TCN. (I.S.-K)

(492) Năm 424 TCN. (I.S.-K)

(493) Thucydides kể câu chuyện này rất chi tiết (iv, 3-41). (I.S.-K)

(494) Đơn vị đồn trú ban đầu có 420 người. 292, trong đó có 120 người Sparta, đã bị bắt. (I.S.-K)

(495) *Birds*, 638-9. (I.S.-K)

(496) Hiện không còn. (I.S.-K)

(497) *Odysey*, iv, 230. (I.S.-K)

(498) Mùa thu năm 422 TCN. (I.S.-K)

(499) Lời tiên tri này được đưa ra vào lúc bắt đầu cuộc chiến và Thucydides nhận định rằng nó là một trong số ít lời tiên tri được ứng nghiệm. (I.S.-K)

(500) Vào mùa xuân năm 421 TCN. (I.S.-K)

(501) Hai đồng minh này cảm chấy, không phải không có lý do, rằng Sparta đang muốn đạt được hòa bình mà không đếm xỉa tới lợi ích chính đáng của họ. (I.S.-K)

(502) Xem Thucydides, V, 18. (I.S.-K)

(503) Một pháo đài của Athens trên biên giới Boeotia. (I.S.-K)

(504) Một thành phố quan trọng ở Thrace, từng nổi dậy chống Athens, và đưa quân đội Sparta vào thành. (LS.-K)

(505) Một thành phố từng diễn ra hai trận chiến quan trọng trong lịch sử Hy Lạp cổ đại.

(506) Tháng 2 năm 417 TCN. (I.S.-K)

(507) Một cách ngôn ở thể sáu âm tiết được cho là của Callimachus. (I.S.-K)

(508) Có lẽ vào năm 417 TCN. (I.S.-K)

(509) Nám 488-487 TCN. (I.S.-K)

(510) Một thành phố nhỏ cách khoảng 30 dặm về phía tây Palermo ngày nay. Leontini cách khoảng 25 dặm về phía tây bắc Syracuse. Người Leontini đã sớm cử một sứ giả đến vào năm 427 TCN và Athens đáp ứng bằng việc gửi 20 thuyền đến bảo vệ thành phố. Lời kêu gọi giúp đỡ đến từ phe dân chủ lúc ấy đang bị lưu đày. (I.S.-K)

⁽⁵¹⁾ Vào mùa đông năm 416 TCN. (I.S.-K)

(512) Nhà hùng biện và dân chủ Athens cổ đại.

(513) Tháng 3 năm 415 TCN. (I.S.-K)

(514) Trong sa mạc Libya.

⁽⁵¹⁵⁾ Tháng 5 năm 415 TCN. (I.S.-K)

(516) Nghĩa là sự im lặng của con tim. (ND)

⁽⁵¹⁷⁾ Tháng 8 năm 415 TCN. (I.S.-K)

(518) Nám 353 TCN. (I.S.-K)

(519) Trên bờ biển phía bắc, cách Palermo khoảng 15 dặm về phía tây. Thucydides kể rằng số tiền thu được từ cho chuộc hoặc bán tù binh lên đến 120 talent. Catana, cách khoảng 40 dặm về phía bắc Syracuse, được người Athens dùng làm sở chỉ huy trong năm đầu cuộc viễn chinh và sau đó như một căn cứ tiếp tế chủ yếu. (I.S.-K)

(520) Tháng 11 năm 415 TCN. (I.S.-K)

(521) Một trong số họ là Hermocrates. (I.S.-K)

(522) Vào tháng 3 năm 414 TCN, sau khi ký binh tăng viện và tiền tiếp tế đã đến từ Athens. (I.S.-
K)

(523) Một bán đảo toàn đá làm thành nhánh phía bắc của vịnh đối diện với phía bắc Syracuse. Epipolae là cao nguyên hình tam giác, vây quanh là những dốc đá dựng đứng, chạy sâu vào trong từ mặt tây của thành phố. (I.S.-K)

(524) Khoảng tháng 6 năm 414 TCN. (I.S.-K)

(525) Khoảng cuối tháng 6 năm 414 TCN. (I.S.-K)

(526) Tháng 9 năm 414 TCN, xem Thucydides, vii, 11-15. (I.S.-K)

(527) Một doi đất nhô ra ở phía đối diện thành phố Syracuse và làm thành nhánh phía nam của hải cảng lớn. (I.S.-K)

(528) Sau những cuộc chạm trán nhỏ dằng dai, quân Syracuse bỗng rút khỏi vòng chiến và cập bờ. Rồi họ ăn trưa ở gần đó, nhanh chóng lên thuyền trở lại, và tấn công. Người Athens ngỡ sẽ chẳng có đánh đấm gì nữa trong ngày đó và bị bắt gọn vì bất ngờ. (I.S.-K)

(529) vii, 36-41. (I.S.-K)

(530) Tháng 7 năm 413 TCN. (I.S.-K)

(531) Có lẽ là vào năm 340 TCN khi Philip xứ Macedon đang vây hãm Byzantium. Leon là một nhà tu từ học và một sử gia. (I.S.-K)

(532) Năm 411 TCN. (I.S.-K)

(533) Năm 432 TCN. (I.S.-K)

(534) Năm 399 TCN. (I.S.-K)

(535) Năm 357 TCN. (I.S.-K)

(536) Xem Thucydides, vii, 78-45. (I.S.-K)

(537) Vào khoảng ngày 20 tháng 9 năm 413 TCN. (I.S.-K)

(538) *Lysander*, Chi. 16-17. (I.S.-K)

(539) 1 pint = 0,568 lít (Anh), 0,473 lít (Mỹ).

(540) Plato, *Alcibiades* 1,121-2. (I.S.-K)

(541) Năm 480 TCN. (I.S.-K)

⁽⁵⁴²⁾ Xem *Pericles*, Ch. 18. Trận Coronea diễn ra năm 447 TCN. (I.S.-K)

(543) iv. Alcibiades I, 121. (I.S.-K)

(544) Wasps, 44 fif. (I.S.-K)

(545) Chơi chữ với các từ Hy Lạp *korax* (con quạ) và *kolax* (hèn nhất). (I.S.-K)

(546) Một trò chơi thời cổ đại, dùng xương cừ ném lên và bắt.

(547) Athena được kể đã vớt cây sáo khi thấy những đường nét chẳng mấy trang nhã lúc thổi sáo của nàng phản chiếu dưới dòng suối. Apollo đánh bại Marsyas trong cuộc thi âm nhạc và lột sống da hắn. (I.S.-K)

(548) Triết gia Hy Lạp cổ đại ít được biết đến.

⁽⁵⁴⁹⁾ (Khoảng thế kỷ 4 TCN), một sĩ quan Hy Lạp cổ đại.

(550) *Phaedrus*, 255. (I.S.-K)

(551) Xem Plato, *Symposium*, 219e. (I.S.-K)

⁽⁵⁵²⁾ (330-230 TCN), triết gia Hy Lạp cổ đại.

(553) vi, 15. (I.S.-K)

(554) Năm 432-431 TCN. (I.S.-K)

(555) Năm 424 TCN. (I.S.-K)

(556) Xem Ch. 35. (I.S.-K)

(557) viii, 73. (I.S.-K)

(558) Nicias, Ch., n. (I.S.-K)

(559) Năm 420 TCN. (I.S.-K)

(560) Năm 418 TCN. (I.S.-K)

(561) Nám 417 TCN. (I.S.-K)

(562) Năm 419 TCN. (I.S.-K)

(563) Cả các thành bang lẫn các cá nhân đôi khi dùng huy hiệu riêng, những hình phổ biến nhất là Athena, con cú, và nhánh ô liu. Chỉ những người có địa vị mới được phép trưng huy hiệu và chỉ làm thế sau khi họ đã thực hiện kỳ tích phi thường nào đó. (I.S.-K)

(564) *The Frogs*, 1425,1431-2. (I.S.-K)

(565) Hòn đảo nhỏ này đã nổi dậy năm 416 TCN và người Athens quyết định xử nó làm gương. Tất cả đàn ông trưởng thành đều bị hành quyết và số dân còn lại bị bán làm nô lệ. Thucydides (v, 116) mô tả quyết định này như một trong những hành động khiến cho Athens chuốc lấy sự báo thù. (I.S.-K)

(566) Biểu tượng nhân cách hóa của một khu vực ở Peloponnese, nơi có một đại hội thể thao nổi tiếng mà Alcibiades từng giành chiến thắng. (I.S.-K)

(567) Tháng 7 năm 415 TCN. (LS.-K)

(568) Tháng 8 năm 415 TCN. (I.S.-K)

(569) Tháng 9 năm 415 TCN. (I.S.-K)

(570) Một pháo đài cách Athens chừng 15 dặm về phía bắc, bao quát các tuyến đường tới Euboea và Boeotia. Việc người Peloponnese chiếm giữ nó có tác dụng quấy nhiễu việc canh tác và liên lạc xa hơn của Attica, pháo đài này còn đóng vai trò như một điểm tập hợp nhờ vậy hàng ngàn nô lệ đã trốn thoát. (I.S.-K)

(571) *Xem Lysander, Ch. 22. (I.S.-K)*

(572) Tình tiết này giờ đã nhảy từ 415 lên 413 TCN. (I.S.-K)

(573) Cái tên Ba Tư đã được Hy Lạp hóa, có ít nhất năm Pharnabazus, không rõ ở đây Plutarch nói đến ai.

(574) Mùa đông năm 412-411 TCN. (I.S.-K)

(575) Vào mùa hè năm 411 TCN. Xem Thucydides, viii, 92. (I.S.-K)

(576) Plutarch có phần nhầm lẫn về mô tả của Thucydides (viii, 92). Tên người lính không phải là Hermon, còn người kia là chỉ huy lính biên phòng tại Munychia. (I.S.-K)

(577) Tháng 5 năm 411 TCN. (I.S.-K)

(578) Tháng 6-7 năm 411 TCN. (I.S.-K)

(579) Con trai của Lycus và là một chiến binh thành công, để phân biệt với con trai của Thraso (Ch. 36). (LS.-K)

(580) Họ đã cướp chính quyền vào tháng 6 năm 411 TCN và bị lật đổ vào tháng 9. (I.S.-K)

⁽⁵⁸¹⁾ Chỉ huy thủy đội Peloponnese thời kỳ 411-410 TCN. (I.S.-K)

(582) Vào mùa xuân năm 410 TCN. Bối cảnh chiến dịch bấy giờ đã chuyển đến biển Marmora. Cyzicus là một hải cảng quan trọng ở đó và doanh trại Athens đóng ở Cardia trên bờ biển phía bắc Chersonese. (I.S.-K)

(583) Một hòn đảo ở biển Marmora.

(584) Mùa xuân năm 409 TCN.

(585) (Nay là Silivri, Thổ Nhĩ Kỳ), một thành phố ở Thrace trên bờ bắc của biển Marmara.

(586) Vào mùa đông năm 409-408 TCN. (I.S.-K)

(587) Ông khởi hành từ Samos vào mùa xuân năm 408 TCN. (I.S.-K)

(588) (Khoảng 350-281 TCN), sử gia Hy Lạp cổ đại.

(589) Trước năm 411 TCN ba năm. (I.S.-K)

(590) Tháng 10 năm 408 TCN

(591) Tháng 9 năm 405 TCN. (I.S.-K)

(592) Gân Pactye. (I.S.-K)

(593) Vào tháng 4 năm 404 TCN. (I.S.-K)

(594) *Xem Nicias, Ch. 15. (I.S.-K)*

(595) Trong trận Sepeia, năm 494 TCN. (I.S.-K)

⁽⁵⁹⁶⁾ Một gia tộc đầu sỏ chính trị, từng cai trị ở Corinth và bị Cypselus truất phế vào khoảng năm 650 TCN. (I.S.-K)

(597) *Problems*, xxx; 1. (I.S.-K)

(598) Vào mùa thu năm 408 TCN. Chiến dịch Syracuse đã kết thúc vào năm 413 TCN và Alcibiades đã phục hồi lại tình hình bằng chiến thắng của mình tại Cyzicus (năm 410 TCN) và Byzantium (năm 409 TCN). (I.S.-K)

(599) Tháng 3 năm 406 TCN. (I.S.-K)

(600) Nám 407 TCN. (I.S.-K)

⁽⁶⁰¹⁾ Tháng 8 năm 406 TCN. (I.S.-K)

(602) Mùa xuân năm 405 TCN. (I.S.-K)

⁽⁶⁰³⁾ Có lẽ mãi đến năm 405 TCN, ngay trước khi ông vây hãm Athens. (I.S.-K)

⁽⁶⁰⁴⁾ Năm 468-467 TCN theo những lời ghi trên khối đá cẩm thạch Parian. (I.S.-K)

(605) Tất cả lính tráng trên hai chiến thuyền bị bắt giữ của Philocles, người tán thành sắc lệnh đề cập ở tr. 294, đã bị xử tử bằng cách ném xuống vách núi. (I.S.-K)

⁽⁶⁰⁶⁾ Người Athens đã trục xuất họ vào năm 431 TCN. (I.S.-K)

(607) Tháng 4 năm 404 TCN. (I.S.-K)

(608) Tháng 9 năm 404 TCN. (I.S.-K)

(609) *Electra*, 167-8. (I.S.-K)

(610) *Inst. Lacon., Ch. 42. (I.S.-K)*

⁽⁶¹¹⁾ Sự biến mất của chúng bị coi như một điềm dữ, báo trước sự thất bại của Sparta trước người Thebes tại Leuctra năm 371 TCN. (I.S.-K).

⁽⁶¹²⁾ (Khoảng thế kỷ 5 TCN), nhà thơ, nhà ngữ pháp Hy Lạp cổ đại. (I.S.-K)

(613) Năm 403 TCN. (I.S.-K)

(614) Năm 398 TCN. (I.S.-K)

(615) Cólẽ là Ephorus. (I.S.-K)

⁽⁶¹⁶⁾ Chiến tranh Boeotia. Vào năm 395 TCN một số hành động gây hấn của Sparta đã dẫn đến sự thành lập minh ước giữa Thebes và Athens chống lại nó. Năm 394 TCN Corinth và Argos tham gia minh ước và cuộc chiến kéo dài đến năm 387 TCN. (I.S.-K)

⁽⁶¹⁷⁾ Nám 396 TCN. (I.S.-K)

(618) Năm 424 TCN. (I.S.-K)